

**CHÀO MỪNG ĐẠI HỘI THẾ GIỚI 2014**  
**HỘI ÁI HỮU CỰU HỌC SINH NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU -**  
**LÊ NGỌC HÂN VÀ ĐÔNG HƯƠNG MỸ THO**  
**VÀO HAI NGÀY 27 VÀ 28 THÁNG 9 NĂM 2014**  
**TẠI LITTLE SAIGON, NAM CALIFORNIA**

Hội Ái Hữu CHS Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân  
và Đông Hương Mỹ Tho



**ĐẶC SAN 2014**  
**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU & LÊ NGỌC HÂN**  
**và ĐỒNG HƯƠNG MỸ THO**



**HỘI ÁI HỮU CHS NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU & LÊ NGỌC HÂN**  
**VÀ ĐỒNG HƯƠNG MỸ THO**

**Đặc San 2014**

**Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân  
và Đồng Hương Mỹ Tho**

**Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Đình Chiểu &  
Lê Ngọc Hân và Đồng Hương Mỹ Tho**

Xuất Bản

Thư từ xin gửi về:

4617 W. Walkins Way, Santa Ana, CA 92704

Email: [email@ndclnh-mytho-usa.org](mailto:email@ndclnh-mytho-usa.org)



## M Ụ C L Ụ C

1. <i>Dẫn Nhập: Mục Lục - BCH</i>	5	NĐC-LNH&ĐHMT
2. <i>Dẫn Nhập: Lá Thư Hội Trường</i>	8	Huỳnh Hường
3. <i>Những Nhà Giáo Dục Xuất Thân</i>	11	Nguyễn Thanh Liêm
4. <i>Lịch Sử Trường Lê Ngọc Hân</i>	26	Mặc Nhân TVC
5. <i>Hoài Niệm Trường Trung Học</i>	37	Lê Quế Lâm
6. <i>Thơ: Mai Về Phố Cũ</i>	53	Dương Hồng Anh
7. <i>Tưởng Nhớ Nguyễn Đình Chiểu</i>	54	Trọng Lễ Âu Dương
8. <i>Những Biến Đổi Trong Văn Hoá</i>	60	Nguyễn Thanh Liêm
9. <i>Nghi Thức Tế Lễ Cổ Truyền</i>	68	Võ Thiện Hiếu
10. <i>Quốc Hông Trới Buộc</i>	77	Hồ Duy Hạ
11. <i>Hồ Biểu Chánh: Nhà Văn Lớn</i>	78	Lâm Văn Bé
12. <i>Đỗ Thanh Vân: Một Nữ Sĩ</i>	98	Võ Thành Dũng
13. <i>Vang Bóng</i>	105	Đỗ Thanh Vân
14. <i>Thơ: Em Ngàn Năm Tôi</i>	107	Quốc Nam
15. <i>Mấy Nhịp Cầu Quay</i>	109	Vinh Lan (Đỗ Thanh Vân)
16. <i>Một Chuyến Âu Du</i>	113	Xuân Hồ
17. <i>Tản Mạn...Truyện Kiều</i>	125	Thư Long
18. <i>Những Vần Thơ Tình Nghĩa</i>	136	Điểm Lê
19. <i>Lang Thang Kỷ Niệm</i>	153	Lâm Đức Phương
20. <i>Thơ Diệp Đỗ An</i>	163	Diệp Đỗ An
21. <i>Thầy Tấn Văn Công</i>	164	Phùng Nhân
22. <i>Thầy Tôi</i>	176	Lê Văn
23. <i>Mỹ Tho Nỗi Nhớ</i>	181	Nguyễn Kim
24. <i>Tình Yêu Mong Manh</i>	185	Nguyễn Trần
25. <i>Thơ: Đợi Chờ</i>	192	Dương Hồng Anh
26. <i>Mỹ Tho: Vùng Trời Thương Nhớ</i>	193	Dư Thị Điểm Buồn
27. <i>Một Thuở Yêu Thương</i>	208	Truyện Thị Lý
28. <i>Mùa Hạ Còn Đó Sắc Vàng</i>	211	Phi Phi
29. <i>Thị Xã Đêm Chờ Nghe Pháo</i>	225	Đoàn Xuân Thu
30. <i>Thơ: Tạ Ôn Người Tình Quê</i>	228	Quốc Nam
31. <i>Bông Cỏ May</i>	230	Võ Kim Ngân
32. <i>Vàm Kỳ Hôn - Kinh Chợ Gạo</i>	242	Minh Khai - Nguyễn Văn Nở

33. <i>Phải Chi Còn Má</i>	249	Đoàn Xuân Thu
34. <i>Quê Hương Niềm Hành Điện</i>	254	Trần Kim Điệp
35. <i>Nhớ Mỹ Tho</i>	269	Dư Thị Diễm Buồn
36. <i>Dòng Sông Nơi Có Quận</i>	271	Bạch Vân
37. <i>Nỗ</i>	279	Mười Trí
38. <i>Tàn Mạn Chuyện Đánh Cờ</i>	288	Thư Long
39. <i>Chị Lùn</i>	296	Mặc Nhân TVC
40. <i>Thơ: Hương Hạ Bình Yên</i>	305	Hồ Duy Hạ
41. <i>Nàng Dâu Tuổi Dần</i>	306	Mười Trí
42. <i>Anh Và Tôi</i>	318	Trần Thị Thịnh
43. <i>Biệt Đội Thiên Nga</i>	320	Nguyễn Thanh Thủy
44. <i>Hòm Dưỡng Sinh</i>	328	Phùng Nhân
45. <i>Chim Di Trú</i>	341	Trang Chấn
46. <i>Thơ: Khi Anh Về Em Có Hỏi</i>	353	Phùng Nhân
47. <i>Mừng Xuân Giáp Ngọ</i>	355	NĐC-LNH&ĐHMT
48. <i>Bảo Trợ Án Phi</i>	361	NĐC-LNH&ĐHMT
49. <i>Hình ảnh Một Thời Để Nhớ</i>	362	NĐC-LNH&ĐHMT
50. <i>Hình Ảnh Sinh Hoạt</i>	373	NĐC-LNH&ĐHMT



*Trường Nguyễn Đình Chiểu Xưa*

HỘI AH CHS NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU - LÊ NGỌC HÂN  
VÀ ĐỒNG HƯƠNG MỸ THO

**BAN CHẤP HÀNH**  
(nhiệm kỳ 2012-2014)

<i>Hội Trưởng</i> <b>Huỳnh Hường</b>	<i>Ủy Viên</i> <b>Chung Nhật Cường</b>
<i>Hội Phó NĐC</i> <b>Nguyễn Văn Nở</b>	<i>Ủy Viên</i> <b>Nguyễn Ngọc Liêm</b>
<i>Hội Phó LNH</i> <b>Tiến sĩ Nguyễn Thy Dung</b>	<i>Ủy Viên</i> <b>Dương Kim Liên</b>
<i>Hội Phó ĐH Mỹ Tho</i> <b>Albert Trần</b>	<i>Ủy Viên</i> <b>Lê Văn Rắc</b>
<i>Thư Ký</i> <b>Võ Thiện Hiếu</b>	<i>Ủy Viên</i> <b>Võ Quang Thâm</b>
<i>Thủ Quỹ</i> <b>Vuru Bé</b>	<i>Ủy Viên</i> <b>Đặng Kim Thu</b>
	<i>Ủy Viên</i> <b>Nguyễn Thị Tuý Vân</b>

**BAN CỐ VẤN**

<b>Giáo Sư Nguyễn Thanh Liêm</b>	<b>Dược Sĩ Trần Đắc Thọ</b>
<b>Giáo Sư Mai Thanh Tuyết</b>	<b>Bác Sĩ Huỳnh Văn Chính</b>
<b>Giáo Sư Dương Minh Kính</b>	<b>Cô Trương Thị Mai</b>
<b>Giáo Sư Tô Văn Lai</b>	<b>Anh Nguyễn Quang Băng</b>
<b>Giáo Sư Huỳnh Chiếu Đăng</b>	<b>Xuân Hồ</b>
<b>Luật Sư Đỗ Hiếu Liêm</b>	<b>Ngô Ngọc Vĩnh</b>
<b>Nha Sĩ Dương Đức Tài</b>	

# L ẮT THƯ HỘI TRƯỞNG

**Huỳnh Hương**

**K**ính thưa Quý Thầy Cô và Quý Bạn,

Từ ngày được đề cử vai trò Hội Trưởng đến nay đã được 2 năm và nhiệm kỳ của tôi cũng sẽ chấm dứt trong tháng 9, 2014 này.

Ban Chấp Hành rất hạnh phúc và tự hào là nguyên vọng tổ chức Đại Hội Thế Giới Lần Thứ Nhứt của Cựu Học Sinh Nguyễn đình Chiêu - Lê Ngọc Hân và Đồng Hương Mỹ Tho đã thành tựu sau gần 20 năm sinh hoạt.

Các Hội cựu học sinh tại Úc, Pháp, Canada, Bắc California từng ao ước có được một buổi họp mặt trên tầm vóc quốc tế, nhưng muốn thực hiện một sự việc mà mọi người mong đợi như thế sự khó khăn sau cùng vẫn là vấn đề nhân lực. Hội Nam Cali không ngoại lệ, nhưng sự quyết tâm của anh chị trong BCH cùng hội viên và nhất là được sự khuyến khích của Thầy Cô - vì vậy chúng ta có được ngày họp mặt đông đảo và vui vẻ hôm nay.

Từ ngày xa rời quê hương, sau bao năm miệt mài với cuộc sống quay nhanh, có lẽ ai trong chúng ta đều cảm nhận bên cạnh nhu cầu vật chất còn có đời sống tinh thần rất quan trọng, đó là sự họp mặt tay bắt mặt mừng những bạn hữu, thân hữu, đồng hương xa gần từ lâu không gặp để cùng nhau chia vui sẻ buồn, nói cho nhau nghe những kinh nghiệm sống cho dù trên vạn nẻo đường đầy gian nan sỏi đá, hay tươi mát của hoa đồng cỏ nội. Phải chăng từ nhu cầu này mà các Hội đoàn ái hữu hải ngoại ra đời, trong đó có mặt Hội NĐC-LNH và Đồng Hương Mỹ Tho chúng ta.

Trong gần 20 năm qua, Hội Ái Hữu CHS Nguyễn Đình Chiêu - Lê Ngọc Hân và Đồng Hương Mỹ Tho đã có những sinh hoạt trong tinh thần đoàn kết, hoà nhã trong thân tình với nhau. Mỹ Tho đã có niềm tự hào về ưu điểm này!

Nhờ sự khích lệ của quý Thầy Cô và quý đồng môn, đồng nghiệp; đồng hương khắp nơi trên thế giới mà hôm nay chúng ta, có dịp tay bắt mặt mừng, chuyện trò từ thuở ẵm, quay lại từng đoạn



phim của thời "con nít" lội rạch tắm sông, phá phách v.v.. Tường ngày tháng xa xôi đã hoàn toàn chìm sâu mất hút nhưng tất cả hình ảnh trong ký ức đều đã hiện ra. Tiềm thức của cuộc đời thơ ấu, của tuổi giấy trắng học trò cắp sách đến trường dưới hàng cây bóng rợp, ôi biết bao thơ với mộng, đã được tiếng gọi Mỹ Tho đánh thức.

Phút giây hội ngộ của bạn bè khi nghe tiếng nói của nhau trong điện thoại ở đầu dây bên kia, từ Úc sang Âu, từ Gia Nã Đại sang Việt Nam và từ các tiểu bang trên khắp nước Mỹ. Sự họp mặt mừng vui với bạn bè bằng hữu xa cách nhiều năm phải chăng là phút giây chúng ta được sống lại con người thật của năm xưa. Dù tuổi đời chồng chất, có khi đã lên hàng tôn ty nội, ngoại hay cố trong gia đình, nhưng hai tiếng "mày tao" vẫn nghe dòn dã theo đời thường một cách bình dân của miền sông nước Cửu Long không bị thời gian mai một! Điều này chứng tỏ tất cả chúng ta hôm nay - trí não và trái tim vẫn trẻ trung như thuở nào...

Hai năm nay, từ ngày BCH chúng tôi hoạt động, ngoài công việc thường lệ là nối kết lại các cựu học sinh, phát hành đặc san hàng năm, Hội đã giúp trên 70 Thầy Cô trong hoàn cảnh khó khăn ở quê nhà Mỹ Tho trong dịp Tết Nguyên đán 2013 và 2014. Công tác này do thầy Tấn Văn Công và các Thầy và Cô Nguyễn Đình Chiêu bên Mỹ Tho cố vấn. Ngân quỹ không dồi dào, vì chúng tôi không nối kết được đầy đủ để các cựu học sinh đóng niên liễm, ước mong sau ngày Đại Hội này, quý vị có mặt xin giúp ngân quỹ cho Hội tiếp tục công tác tương trợ và còn có thể tặng học bổng cho các con cháu của cựu học sinh.

Được có ngày Hội ngộ với tầm vóc quốc tế hôm nay thì phải kể công lớn nhất là do Thầy Huỳnh Chiêu Đăng vì nếu Thầy nói không thì đó ai dám làm! Thầy là webmaster của trang nhà <http://ndclnh-mytho-usa.org> lo việc phổ biến tin tức đồng thời sắp xếp các chuyến du ngoạn xa gần cho các tham dự viên. Kế đến, anh Võ Thiện Hiếu, Tổng Thư Ký Hội, tuy mỗi tuần phải giúp điều hành Thiền Viện Chân Nguyên, lo in flyers, đặt áo thun, ban nhạc và sân khấu. Anh Nờ, Phó Hội Trưởng, tuy bận rộn với các lớp Việt ngữ chùa Dược Sư cuối tuần, phụ trách trang hoàng, tiếp tân, và điều khiển lễ khai mạc và chúng tôi nợ chị Nờ tức Vuu Bé, thủ quỹ Hội các bữa ăn ngon miệng độc đáo không thể mua được ở quán ăn mỗi khi chúng tôi họp tại nhà Anh Chị. Chị Túy Vân là người Chị cả luôn luôn nhảy vào gánh khó khăn khi các em cần. Người không thể không kể ra là anh Trường Ban tổ chức: Nha sĩ Dương Đức Tài. Nhiệm vụ lèo lái rất phức tạp nhưng anh đã thực hiện một cách trôi chảy nhờ sự hỗ trợ của chị Tài, người phụ trách show trình diễn áo dài tuyệt vời

trong buổi hội ngộ Thế Giới đầu tiên này, bên Hội Mỹ Tho Los Angeles có Albert Trần và Bác sĩ Bửu Wong luôn hỗ trợ.

Đặc biệt năm nay để chào mừng sự thành công của Đại Hội, chúng tôi đã hoàn thành Đặc San 2014 dày ngót 400 trang. Công sức này từ chị Xuân Hồ cũng là nhà văn Hồ Triều Lam, ngày đêm trên máy điện toán làm việc với anh Vương Huệ, một thân hữu từ Hội Lê Văn Duyệt Foundation. Một Ban Chấp Hành mà thiếu sự cố vấn của các vị nhiều kinh nghiệm thì sẽ không thành công trong bất cứ công tác gì. Chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến Ban Cố Vấn, các anh Rắc, anh Thu, anh Thẩm, Ls. Đỗ Hiếu Liêm, Ds. Trần Đắc Thọ, Bs. Huỳnh Trung Chính, Gs. Nguyễn Thanh Liêm, Gs. Tô Văn Lai, Gs. Dương Minh Kính, Cô Trương Thị Mai, anh Nguyễn Quang Bằng... Gần đây trong lúc BTC chúng tôi đang cần nhân lực thì được các chị Ngân, Trần Lệ Hoa, Khánh Huyền, và anh Lê Văn Cư vui lòng tiếp tay.

Chúng tôi không quên chân thành cảm ơn các Bác sĩ Nguyễn Thành Hiệp, Võ Duy Thương; các Nha sĩ Huỳnh Thiên Tài, Dương Đức Tài, Dương Đức Trí; Dược sĩ Thọ Pharmacy, anh Châu Văn Đê, các chị Xuân Hồ, Chị Diane Trần, Thu Vân Hills, Kim Loan Restaurant, Phở Ca Dao, Ngọc Mai Nails 2000 đã vui lòng hỗ trợ ấn phí cho Đặc San.

Cuối cùng, nhìn lại 20 năm, Hội Ái Hữu CHS Nguyễn Đình Chiểu - Lê Ngọc Hân và Đồng Hương Mỹ Tho, đã sinh hoạt trong tinh thần đoàn kết, hoà nhã, thân tình như anh em một nhà. Có được ưu điểm này là do sự hướng dẫn của các vị Hội trưởng tiền nhiệm, nhất là Gs. Trần Quang Minh, người sáng lập và Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm. Gs. Liêm đã để lại cho BCH 2012-2014 một ngân quỹ thật đầy đủ để sinh hoạt trong hai năm qua.

Ước mong BCH 2014-2016 sẽ nối tiếp hướng đi của Hội: đoàn kết thương yêu giúp đỡ bạn bè khắp nơi, nếu có thể và đóng góp vào ngân quỹ để giúp học bổng cho các học sinh con cháu của quí đồng hương và cựu học sinh NĐC-LNH trong hoàn cảnh khó khăn.

Thân kính,

*Huỳnh Hương*

Hội Trưởng  
Hội Ái Hữu CHS Nguyễn Đình Chiểu - Lê Ngọc Hân  
và Đồng Hương Mỹ Tho

# X NHỮNG NHÀ GIÁO DỤC UẤT THÂN TỪ ĐỊNH TƯỜNG

Nguyễn Thanh Liêm

NHỮNG ĐÓNG GÓP QUAN TRỌNG VÀO VIỆC  
PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC Ở MIỀN NAM CỦA  
NHỮNG NHÀ GIÁO DỤC XUẤT THÂN TỪ  
ĐỊNH TƯỜNG HAY TỪ TRƯỜNG TRUNG HỌC  
COLLÈGE LE MYRE DE VILERS MỸ THO

**T**rước khi bị Pháp đô hộ, nền giáo dục ở Việt Nam là nền giáo dục cũ của Nho gia, gọi nôm na là “cái học của nhà Nho” như nhiều người thường nói. Nền giáo dục cũ này được thay thế bằng nền giáo dục mới của người Pháp vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ thứ XIX ở Miền Nam sau khi người Pháp đặt xong nền đô hộ trên phần đất này. Ở Miền Bắc và Miền Trung tuy nền học cũ của Nho gia vẫn còn kéo dài sang những thập niên đầu của thế kỷ XX nhưng cái học cũ của Nho gia cũng đã đến lúc suy tàn như Trần Tế Xương than thở:

“Cái học nhà Nho đã hỏng rồi  
Mười người đi học, chín người thôi.”

Người Pháp thiết lập nền giáo dục mới với hai mục tiêu:

1/ *Mục tiêu thực tiễn là đào tạo một số người biết chữ Quốc Ngữ và tiếng Pháp với chút hiểu biết về văn minh Tây phương để làm công chức ở những ngạch trật thấp phục vụ cho chính quyền thuộc địa,*

2/ *Mục tiêu lý thuyết của một số lãnh đạo trí thức Pháp là đồng hóa văn hóa (assimilation culturelle) người bản xứ tức là biến người bản xứ thành người Pháp về phương diện văn hóa. Họ tự cho họ có sứ mạng đối với nhân loại là “sứ mạng văn minh hóa” (mission civilisatrice) các nước kém mở mang, kém văn minh, hiểu theo nghĩa văn minh khoa học kỹ thuật Tây phương.*

Người sốt sáng thực hiện mục tiêu văn minh hóa người Việt Nam là Le Myre de Vilers. Ông là người Pháp dân sự đầu tiên được cử làm Thống Đốc Nam Kỳ. Các thống đốc trước ông đều thuộc phe quân sự, nhất là trong hải quân Pháp. Le Myre de Vilers làm Thống Đốc Nam Kỳ từ năm 1879 đến năm 1892. Để thực hiện sứ mạng văn minh hóa người Việt ông cho mở rất nhiều trường học, từ trường sơ cấp ở làng đến trường tiểu học ở quận và tỉnh, và đặc biệt nhất là một trường trung học (collège) ở Nam Kỳ. Đây là trường trung học đầu tiên và vào cuối thế kỷ XIX đây là trường trung học duy nhất cho cả Miền Nam. Trường chỉ có hai năm học và mang tên là Collège de Mỹ Tho. Nhà văn Hồ Biểu Chánh (1885-1958) đã từng học ở trường này.

Sang thế kỷ XX trường có đủ bốn năm học và được đổi tên là Collège Le Myre de Vilers, do một số giáo sư của trường đề nghị để ghi nhớ ông Thống Đốc dân sự đầu tiên đã mở ra trường này và cũng để ghi nhớ công lao của ông đối với việc phát triển nền giáo dục mới ở Nam Kỳ. Đến giữa thập niên 1950 trường được phát triển thêm, có các lớp đệ nhị cấp đủ để trở thành trường trung học đệ nhị cấp. Trường được đổi thành Lycée và mang tên một danh nhân Miền Nam Việt Nam: cụ Đồ Chiểu. Danh xưng Lycée Nguyễn Đình Chiểu rồi Trung Học Nguyễn Đình Chiểu ra đời từ đó và còn mãi đến bây giờ.

Vào cuối thế kỷ XIX Nam Kỳ có khoảng một triệu rưỡi dân số, nhưng chỉ có khoảng 5 ngàn học sinh cho tất cả từ sơ cấp đến tiểu học. Tỷ lệ người đi học tuy thấp so với sĩ số mà ta có sau này dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa, nhưng so với thời đại các nhà Nho thì đây là con số khổng lồ. Số đông này là số được hấp thụ giáo dục mới. Họ sẽ là lớp người dùng chữ Quốc Ngữ thay chữ Nôm và chữ Hán, họ cũng là những người biết chút ít tiếng Pháp và một số kiến thức khoa học phổ thông có thể xem như là giới trí thức tân học ở thời kỳ chuyển tiếp này. Đó là tình trạng giáo dục ở Miền Nam. Ở Miền Trung và Miền Bắc thì khác. Sang đầu thế kỷ XX giáo dục mới mới bắt đầu thiết lập ở Miền Bắc và Miền Trung, khoảng hơn hai thập niên trễ hơn Miền Nam. Và đến năm 1917 chính quyền thuộc địa mới có một hệ thống giáo dục thống nhất cho cả ba miền Nam, Trung, Bắc. Hệ thống giáo dục mới này – gọi là Giáo Dục thời Pháp thuộc – gồm có ba bậc:



Tiểu học, Trung học, và Đại học. Bậc Tiểu học được chia làm hai cấp: (1) cấp Sơ học gồm các lớp Đồng Ấu (Cours Enfantin) hay lớp Năm hoặc lớp Chót, lớp Dự Bị (Cours Préparatoire) hay lớp Tư, và lớp Sơ Đẳng (Cours Élémentaire) hay lớp Ba, (2) cấp Tiểu học gồm có lớp Nhì Một Năm (Cours Moyen Première Année), lớp Nhì Hai Năm (Cours Moyen Deuxième Année) và Lớp Nhất (Cours Supérieur). Mỗi làng có một trường sơ cấp. Ở tổng lớn hay ở quận (đông dân) có thể có trường tiểu học nếu có đông học sinh. Tại mỗi tỉnh lỵ có một trường tiểu học lớn (có nhiều lớp cho mỗi cấp lớp), như trường Nam Tiểu học Mỹ Tho chẳng hạn có được 5 lớp Nhất, 1 lớp Tiếp Liên (Cours des Certifiés) hồi thập niên 1940. Học xong lớp Ba, tức là hết Sơ cấp, học sinh phải thi tuyển vào lớp Nhì Một Năm để học tiếp bậc Tiểu học, và khi xong lớp Nhất (hết bậc Tiểu học) học sinh lại phải thi lấy bằng Sơ Tiểu tiếng Pháp viết tắt là bằng CEPCI (tức là Certificat d'Études Primaire Complémentaire Indochinoise). Đậu xong bằng này học sinh mới được dự kỳ thi tuyển vào năm Thứ Nhất trường Trung học.

Bậc Trung học cũng chia làm hai cấp. Cấp thứ nhất gọi là Cao Đẳng Tiểu Học (Enseignement Primaire Supérieur, cũng như trung học đệ nhất cấp sau này) gồm có bốn lớp: Năm Thứ Nhất (Première Année), Năm Thứ Nhì (Deuxième Année), Năm Thứ Ba (Troisième Année) và Năm Thứ Tư (Quatrième Année). Học xong Năm Thứ Tư học sinh thi lấy bằng Thành Chung hay DEPSI (Diplôme d'Études Primaire Supérieur Indochinois). Nhưng ai muốn thi lấy bằng cấp Pháp thì có thể thi bằng Brevet Premier Cycle hay Brevet Élémentaire.

Cấp thứ hai là ban Tú Tài gồm các lớp Second (như Đệ Tam hay lớp 10 sau này), Première (như Đệ Nhị hay lớp 11) và lớp Terminale (như Đệ Nhất hay lớp 12). Xong lớp Première (Đệ Nhị hay lớp 11) học sinh phải thi Tú Tài I (Baccalauréat Première Partie), đậu được Tú Tài I mới được vào học lớp Đệ Nhất hay lớp 12. Học hết lớp 12 học sinh phải thi lấy bằng Tú Tài II (Baccalauréat Deuxième Partie). Khi lên lớp Terminale (lớp 12) học sinh phải chọn một trong ba ban chính sau đây: (1) ban Triết (Philosophie), (2) ban Khoa Học Thực Nghiệm (Sciences Expérimentales), và (3) ban Toán (Mathématiques)

Élémentaires). Học hết lớp 12 học sinh phải thi lấy bằng Tú Tài II (Baccalauréat Deuxième Partie) về một trong các ban nói trên. Bằng Tú Tài II thường được gọi tắt là Bac. Philo. (Tú Tài II ban Triết), Bac. Math. (Tú Tài II ban Toán) v.v..

Xong Tú Tài học sinh mới được vào Đại học, và dưới thời Pháp thuộc chỉ có một đại học duy nhất ở Hà Nội cho toàn cõi Đông Dương. Một số không nhỏ học sinh Việt Nam, nhất là ở Miền Nam, sau khi xong Tú Tài thường qua Pháp học tiếp bậc đại học thay vì ra Hà Nội học.

Chương trình học trên đây chịu ảnh hưởng nặng nề của chương trình Pháp, dùng tiếng Pháp làm chuyên ngữ. Tiếng Việt chỉ được xem như một sinh ngữ phụ. Đứng ra đây chỉ là chương trình Pháp thật sự nhưng có chút sửa đổi nhỏ áp dụng cho các trường Việt Nam. Chương trình này kéo dài đến hết Thế Giới Đại Chiến Thứ Hai trên toàn cõi Việt Nam. Sau năm 1945, sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập, chương trình Việt được ban hành. Chương trình này – chương trình Hoàng Xuân Hãn – được đem ra áp dụng trước ở Bắc Việt và Trung Việt, nhưng riêng ở Miền Nam thì vì có sự trở lại của người Pháp nên chương trình Pháp vẫn còn tiếp tục. Dưới thời Pháp đô hộ giáo dục phát triển rất chậm chạp. Quyền quyết định về giáo dục cũng như chính sách giáo dục hoàn toàn nằm trong tay người Pháp.

Phải đến giữa thập niên 1950, dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, chương trình Việt mới bắt đầu được áp dụng ở trong Nam để thay thế chương trình Pháp. Cũng từ khoảng thời gian đó, thời Đệ Nhất Cộng Hòa, các nhà lãnh đạo giáo dục Việt Nam mới có cơ hội đóng vai trò lãnh đạo quan trọng của họ. Những đóng góp của họ thật lớn lao đưa đến sự bành trướng và phát triển vô cùng mạnh mẽ của nền giáo dục quốc gia dưới thời Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa.

Trong số những người có công nhiều đối với nền giáo dục ở Miền Nam Tự Do người trước tiên tôi muốn nói đến là giáo sư **Tiến sĩ Trần Hữu Thế**. Ông sinh năm 1922 tại làng Long Trung quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho. Ông đã từng theo học ở các trường Nguyễn Đình Chiểu (hồi còn là Collège de Mỹ Tho), và Petrus

Ký trước khi sang Pháp lấy bằng Tiến sĩ Khoa Học (Docteur ès Sciences). Tiến sĩ Trần Hữu Thế là giáo sư trường đại học Khoa Học Sài Gòn. Giáo sư được mời làm Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục thời Đệ Nhất Cộng Hòa trong khoảng thời gian từ 1957 đến 1960. Ông mất hồi tháng 11 năm 1995 tại Pháp. Dưới sự lãnh đạo của ông Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục Trần Hữu Thế, những phát triển quan trọng sau đây đáng được ghi nhận.

Các trường Trung và Tiểu học phát triển thật mạnh mẽ ở thời ông, nhất là các trường Trung học. Trước kia cả Miền Nam vào các thập niên 1930 và 1940 chỉ có 4 trường trung học dành cho học sinh Việt Nam, đó là trường Petrus Ký, trường Gia Long, trường Collège Le Myre de Vilers (sau này là Nguyễn Đình Chiểu), và trường Collège de Cần Thơ (sau này là Phan Thanh Giản). Trong 4 trường này chỉ có trường Petrus Ký là có đủ các lớp Đệ Nhị Cấp để học sinh học đến Tú Tài II. Hệ thống giáo dục ngắt đoạn (segmented) và gạn lọc bởi quá nhiều kỳ thi khó khăn của Pháp tự nó đã hạn chế học sinh lên học các lớp cao rất nhiều.

Ngoài lý do đó còn có chính sách giới hạn việc giáo dục của chính quyền thuộc địa đối với người dân bản xứ, nhất là ở cấp cao từ Tú Tài trở lên. Mặc dù họ tự cho họ cái sứ mạng văn minh hóa (mission civilisatrice) xứ kém mở mang nhưng trên thực tế sự mờ rộng về giáo dục của họ rất là hạn chế. Vào cuối thập niên 1930 trên toàn cõi Đông Dương chỉ có 406,669 học sinh Tiểu và Sơ học trong số này có khoảng 20% là học sinh Lào và Miên. Sĩ số học sinh ở trung học Đệ Nhất Cấp lúc này có khoảng trên dưới 6,000, tính ra chỉ vào khoảng 2% số người học xong Tiểu học được chọn vào Năm Thứ Nhất trung học mà thôi. Đại Học Hà Nội là đại học duy nhất cho toàn cõi Đông Dương. Số người học đại học còn rất ít mặc dù lúc này trường đã có đủ các phân khoa Y, Dược, Sư Phạm, Mỹ Thuật, Luật, Canh Nông...

Đến thời giáo sư Trần Hữu Thế sĩ số gia tăng rất nhiều trong ngành giáo dục phổ thông. Trường Tiểu học mọc lên ở khắp nơi, qua khỏi xã, xuống tới ấp. Mỗi tỉnh có một trường trung học Đệ Nhị Cấp, và mỗi quận có một trường trung học Đệ Nhất Cấp. Các trường trung học Trịnh Hoài Đức (Bình Dương), Châu Văn

Tiếp (Phước Tuy), Ngô Quyền (Biên Hòa), Thủ Khoa Nghĩa (Châu Đốc), Thoại Ngọc Hầu (An Giang), Nguyễn Trung Trực (Kiên Giang), Hoàng Diệu (Ba Xuyên)... ra đời cùng lúc với các trường công lập ở các quận như Cai Lậy, Cái Bè, Chợ Gạo, v.v.. Các trường trung học lớn bắt đầu tách đôi thành hai trường nam và nữ như Nguyễn Đình Chiểu và Lê Ngọc Hân ở Mỹ Tho, Phan Thanh Giản và Đoàn Thị Điểm ở Cần Thơ. Vào đầu thập niên 1960 tổng số trường Tiểu học công lập trên toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa là 4,625 trường với 1,214,621 học sinh và 22,041 giáo chức. Ở bậc Trung học, ở thời này Việt Nam Cộng Hòa có 140 trường công lập với 112,129 học sinh. Sĩ số gia tăng 200 phần trăm so với sĩ số hồi niên khóa 1954-55. Đại Học Sư Phạm được thành lập để thay thế Cao Đẳng Sư Phạm di chuyển từ Hà Nội vào từ năm 1954. Đại Học Huế cũng đã hoạt động. Một số thay đổi trong tổ chức thi cử cũng đã được áp dụng. Phần vấn đáp ở các kỳ thi Tú Tài I và Tú Tài II được bãi bỏ.

Cũng dưới thời này lần đầu tiên kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp được tập trung tất cả về Sài Gòn dưới sự điều khiển của ông giám đốc Nha Trung Học còn rất trẻ, rất nghiêm khắc, nhưng làm việc rất khoa học và quy củ. Ông giám đốc Trung Học trẻ đó là giáo sư Trần Văn Tấn, sau này là Khoa Trưởng trường Đại Học Sư Phạm Sài Gòn. Giáo sư Trần Văn Tấn sinh năm 1930 tại quận Bình Đại, tỉnh Mỹ Tho (sau này là tỉnh Kiến Hòa). Giáo sư Tấn học ở Collège Le Myre de Vilers (tức Nguyễn Đình Chiểu sau này) rồi sau đó sang Pháp lấy bằng Tiến sĩ Toán Học ở Pháp.

Cũng dưới thời Bộ Trưởng Trần Hữu Thế, Đại Hội Giáo Dục lần I được tổ chức tại Sài Gòn, quy tụ nhiều phụ huynh học sinh, thân hào nhân sĩ, học giả, quân dân chính, các ngành văn hóa giáo dục các cấp từ Tiểu học đến Đại học, từ Phổ Thông đến Kỹ Thuật... *Ba phương châm Nhân Bản, Dân Tộc, và Khai Phóng của nền giáo dục quốc gia Việt Nam được chính thức hóa trong hội nghị này:*

*Tinh thần nhân bản* đề cao và tôn trọng giá trị của con người, xem con người như một cứu cánh chứ không như một phương tiện hay một công cụ phục vụ cho một mục tiêu nào khác của bất cứ cá nhân, đảng phái hay tổ chức nào. *Tinh thần*

**dân tộc** đòi hỏi nội dung chương trình phải chứa đựng được những sự kiện văn hóa và lịch sử gây nơi học sinh ý thức về quốc gia dân tộc Việt Nam, gây sự tự hào và lòng yêu nước ở thế hệ trẻ để họ đóng góp vào việc bảo vệ và xây dựng xứ sở sau này. **Tinh thần khai phóng** đòi hỏi chương trình giáo dục phải có tính cách mở rộng cửa để đón nhận những tư tưởng, những kiến thức khoa học tiến bộ ở mọi nơi để tạo số vốn hiểu biết phong phú, tân tiến và hiện đại chứ không đóng kín chặt hẹp trong một hệ thống thuyết lý hay tư tưởng nào.

Ba phương châm này được dùng làm nền tảng căn bản cho triết lý giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa. Như đã nói trên, sự đóng góp vào việc phát triển nền giáo dục quốc gia ở Miền Nam của giáo sư Trần Hữu Thế rất đáng được người sau ca ngợi. Đây không phải là sự phát triển bình thường theo đà phát triển chung của quốc gia mà là một sự phát triển vượt bậc về cả hai phương diện lượng lẫn phẩm. Giáo sư tiến sĩ Trần Hữu Thế là người xuất thân từ tỉnh Mỹ Tho, từ trường Tiểu học Cai Lậy và trường Collège Le Myre de Vilers, tức trung học Nguyễn Đình Chiểu sau này.

Sang phần đầu của Đệ Nhị Cộng Hòa người tôi muốn đề cập đến nhiều nhất là **giáo sư Nguyễn Văn Trường**. Ông sinh năm 1930 tại Vĩnh Long, đã từng theo học các trường trung học Phan Thanh Giản, Cần Thơ, và Collège Le Myre de Vilers, Mỹ Tho, trước khi sang Pháp học tiếp ở Toulouse. Ở Pháp về giáo sư Trường dạy ở Đại Học Huế. Năm 1963, sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, giáo sư Nguyễn Văn Trường được bổ nhiệm làm Tổng Giám Đốc Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục thay thế ông Trần Bá Chúc được lên làm Đồng Lý Văn Phòng cho Bộ Trưởng Bộ Giáo Dục lúc bấy giờ là giáo sư Phạm Hoàng Hộ. Giáo sư Nguyễn Văn Trường là ông Tổng Giám Đốc Trung Tiểu Học và BDGD trẻ nhất từ trước đến giờ. Ông là một trong những người thuộc lớp trẻ đi vào hàng ngũ lãnh đạo giáo dục. Từ lúc này trở đi sự lãnh đạo trong lãnh vực giáo dục ở Nam Việt Nam đã được chuyển sang tay của nhiều người trong giới trẻ. Ít lâu sau khi cụ Trần Văn Hương làm Thủ Tướng lần đầu, giáo sư Trường được mời làm Tổng Trưởng bộ Giáo Dục. Năm 1966 thời của Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, giáo sư Trường lại được mời ra làm

Tổng Trưởng Giáo Dục lần thứ hai. Thuộc nhóm người trẻ, có đầu óc cởi mở, tiên bộ, giáo sư Nguyễn Văn Trường rất thiết tha, rất tích cực với nền giáo dục nước nhà. Rất tiếc là ông phải nắm giữ vai trò lãnh đạo giáo dục ở thời hỗn loạn, lại chỉ ở địa vị Tổng Trưởng một thời gian ngắn thành ra những ý tưởng cải cách cũng như những dự án phát triển lớn lao của ông chưa có cơ hội thực hiện được. Dù vậy những biện pháp của ông đưa ra để đối phó với tình thế rối ren, chấn chỉnh học đường, đem lại trật tự kỷ cương cho ngành giáo dục trong thời hỗn loạn này cũng rất đáng được nói đến.

Chúng ta còn nhớ là sau khi ông Diệm bị đảo chánh các trường trung học ở Sài Gòn và một số các tỉnh lỵ lớn khác phải trải qua một thời kỳ hết sức tối tăm. Một số học sinh do sự xúi dục của những nhóm đầu cơ chính trị đã nổi lên đả đảo hiệu trưởng và ban giám đốc các trường đưa đến tình trạng hỗn loạn, vô kỷ luật, vô trật tự, khiến cho việc dạy dỗ của giáo sư và việc học hành của học sinh bị trở ngại rất nhiều. Trước tình trạng hỗn loạn đó ông Tổng Giám Đốc Nguyễn Văn Trường cương quyết dùng biện pháp mạnh đem lại kỷ luật và trật tự cho học đường với bất cứ giá nào. Theo lệnh mới của ông Tổng Giám Đốc thì khi học sinh bất tuân kỷ luật thì hiệu trưởng báo cáo thẳng về ông Tổng Giám Đốc để ông ký giấy đuổi học. Ông muốn chính ông lãnh trách nhiệm đuổi học sinh như vậy để tránh áp lực địa phương, tránh sự trả thù hay làm khó dễ ban giám đốc nhà trường. Nhờ biện pháp cứng rắn đó mà kỷ luật, trật tự ở học đường được hồi phục nhanh chóng. Nhưng ông cũng đã rất đau lòng khi phải ký giấy đuổi một học sinh con của một cô giáo cũ của ông ở Vĩnh Long. Pháp bất vị thân, ông đã làm hết bổn phận của mình đối với chính sách giáo dục do chính mình đề xướng.

Khi cụ Trần Văn Hương ra làm Thủ Tướng Chính Phủ lần thứ nhất cụ đã mời giáo sư Nguyễn Văn Trường làm Tổng Trưởng Giáo Dục. Thời này cũng là thời hỗn loạn ở ngoài xã hội cũng như trong học đường. Một số đảng phái đầu cơ chính trị xúi giục học sinh biểu tình, chống đối chính phủ, tạo cảnh bất ổn trong một số các trường trung học lớn ở Đô Thành như Petrus Ký, Gia Long, v.v. khiến cho an ninh trật tự bị xáo trộn, chẳng còn dạy dỗ học hành gì được cả. Một lần nữa giáo sư Nguyễn

Văn Trường phải dùng biện pháp cứng rắn đối phó với tình thế. Thông Cáo Số Một ra đời. Đây là lần đầu tiên Bộ Giáo Dục có thông cáo đặc biệt như vậy. Thông cáo này đặt chính trị ra ngoài học đường, nghĩa là không có chính trị ở trong hay chen vào học đường. Các đảng phái chính trị phải trả kỷ luật và trật tự lại cho trường học để cho việc học hỏi dạy dỗ được thực hiện tốt đẹp. Chính sách đặt chính trị ra ngoài học đường là một chính sách đúng về phương diện giáo dục, đúng với tinh thần nhân bản là một trong ba phương châm giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa đã được đề xướng trước đây trong hội nghị giáo dục toàn quốc và được Quốc Hội chấp thuận ban hành. Theo đúng tinh thần này không ai có quyền, dù với bất cứ danh nghĩa tôn giáo hay đảng phái nào, xúi giục học sinh trung học chưa đủ tuổi trưởng thành, lợi dụng sự hăng say bông bột của tuổi trẻ, đẩy họ vào những công cuộc chống đối, đấu tranh cốt để phục vụ cho quyền lợi riêng tư của phe nhóm mình. Dùng tuổi trẻ vị thành niên, dùng học đường (trường trung học) làm phương tiện phục vụ cho chính trị là một hành động trái với tinh thần nhân bản, tinh thần tôn trọng giá trị của con người, xem con người là một cứu cánh chứ không phải là một phương tiện.

*Công lớn nhất của giáo sư Trường là đem lại cho dân Hậu Giang trường đại học Cần Thơ.* Công lớn này thật khó quên đối với người dân Miền Tây Nam Phần. Tuy nhiên giáo sư Trường là người rất khiêm nhường, ông không muốn nhận công lao đó là của ông, ông thường nói là ông chẳng có công gì cả, kết quả tốt đẹp đó có được là nhờ sự tranh đấu mạnh mẽ của nhiều em trẻ như Lê Thanh Liêm, Lâm Phi Điều, Nguyễn Trung Quân, Trần Ngọc Thái, Phan Công Minh, Đào Khánh Thọ, v.v. và nhất là **kỹ sư Võ Long Triều**. Kỹ sư Võ Long Triều là người Bình Đại, Kiến Hòa. Ông có học Le Myre de Vilers một thời gian ngắn trước khi sang Pháp lấy bằng kỹ sư canh nông. Trong chánh phủ Nguyễn Cao Kỳ ông Triều giữ chức vụ Ủy Viên Thanh Niên. Ông đã dùng uy tín và tình cảm cá nhân để áp lực ông Kỳ cho **Viện Đại Học Cần Thơ ra đời**.

Giáo sư Trường có những suy tư rất sâu sắc về giáo dục. Tiếc là thời gian ông làm ở Bộ Giáo Dục quá ngắn, lại nhằm lúc hỗn loạn luôn, thành ra ông không có cơ hội để thực hiện những

ý tưởng sâu sắc của ông. Những ý tưởng đó ông đã ghi lại trong bài viết “Trường Phan Thanh Giản Cần Thơ Tự Truyện” đăng trong giai phẩm Phan Thanh Giản & Đoàn Thị Điểm kỷ niệm 80 năm thành lập.

Trong những năm cuối của nền Đệ Nhị Cộng Hòa, lần đầu tiên Bộ Giáo Dục có những người đầu não làm việc cho Bộ một thời gian lâu nhất từ xưa đến 30 tháng 4, 1975. Từ trước tới đây chưa có người nào ở chức vụ Tổng Trưởng Giáo Dục lâu bằng **ông Ngô Khắc Tĩnh**. Ông ở chức vụ này từ đầu tháng 6 năm 1971 đến hết tháng 3 năm 1975. Người thay cho ông sau đó là **Tiến sĩ Nguyễn Duy Xuân**, viện trưởng Viện Đại Học Cần Thơ, nhưng giáo sư Nguyễn Duy Xuân chỉ làm Tổng Trưởng được không đầy một tháng thì mất nước. Cộng sự viên của ông Ngô Khắc Tĩnh có hai người xuất thân từ Mỹ Tho, giữ vai trò then chốt trong hai lãnh vực vô cùng quan trọng của giáo dục là Đại Học và Trung Tiểu Học.

Người thứ nhất là giáo sư **Đỗ Bá Khê**. Giáo sư **Đỗ Bá Khê** sinh ở quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho cùng quê với Tiến sĩ Trần Hữu Thế. **Tiến sĩ Đỗ Bá Khê** cũng sinh năm 1922 như Trần Hữu Thế. Giáo sư Khê không có học ở Le Myre de Vilers mà học ở Petrus Ký khi bắt đầu vào trung học. Đậu xong Tú Tài II giáo sư Khê tiếp tục học lên đại học ở Hà Nội. Sau này ông lấy bằng Tiến Sĩ ở Mỹ. Ông chuyên về đại học cộng đồng và đã đem ý niệm này áp dụng vào giáo dục đại học ở Việt Nam khi ông làm Thứ Trưởng Giáo Dục. Giáo sư Tiến sĩ **Đỗ Bá Khê** chỉ làm Thứ Trưởng một thời gian rồi sang làm Viện trưởng Viện Đại Học Bách Khoa Thủ Đức vào những năm cuối cùng của nền Đệ Nhị Cộng Hòa.

Người thứ hai là giáo sư **Tiến sĩ Nguyễn Thanh Liêm**. Giáo sư Liêm sinh năm 1934 tại làng Tân Mỹ Chánh, quận Chợ Gạo, tỉnh Mỹ Tho, nhưng lớn lên ở bên ngoài, tại làng Phú Túc, quận Bình Đại tỉnh Mỹ Tho (sau này thuộc quận Hàm Long tỉnh Kiến Hòa). Giáo sư Liêm học ở trung học Le Myre de Vilers rồi lên Petrus Ký. Giáo sư Liêm tốt nghiệp Cao Đẳng Sư Phạm, có bằng Cử Nhân Giáo Khoa Việt Hán, và sau này lấy bằng Tiến sĩ ở Mỹ (Ph.D. về Research and Evaluation in Education). Ông đã từng



làm hiệu trưởng trường trung học Trinh Hoài Đức, Bình Dương, và trường Petrus Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn, rồi làm Chánh Thanh Tra Trưởng Ban Soạn đề Thi, trước khi về Bộ Giáo Dục giữ chức vụ Phụ Tá Đặc Biệt ngang hàng Thứ Trưởng đặc trách Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục từ tháng 6 năm 1971. Ông cũng là Chủ Tịch Hội Đồng Cải Tổ Chương Trình, và Chủ Tịch Hội Đồng Cải Tổ Thi Cử. Trong những ngày cuối của chế độ ông là Thứ Trưởng Bộ Giáo Dục bên cạnh giáo sư Tổng Trưởng Nguyễn Duy Xuân.

Sau đây là những phát triển và đổi mới trong nền giáo dục ở Miền Nam Tự Do trong khoảng thời gian từ 1971 đến 1975:

**Sĩ số và trường sở.** Trong niên khóa 1973-74 sĩ số học sinh Tiểu học là 3,101,560 gia tăng gần ba lần sĩ số hồi mười năm về trước. Ở bậc Trung học tổng số học sinh là 1,091,779 tăng gấp bốn lần sĩ số hồi niên khóa 1963-64. Tỷ lệ học sinh xong Tiểu học được vào Trung học là 62% trong khi tỷ số đó chưa được 50% vào những năm cuối thời Đệ Nhất Cộng Hòa. Năm 1974 có khoảng 2,500 xã dưới sự kiểm soát của Việt Nam Cộng Hòa. Khoảng một phần tư số xã này có một trường Trung Học Đệ Nhất Cấp gọi là trường Trung Học Tỉnh Hạt. Trung Học Tỉnh Hạt là công thức mới nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục của con em ở bậc trung học. Theo công thức này thì phụ huynh học sinh địa phương đóng góp xây cất trường sở, phòng học. Khi xây xong thì Bộ Giáo Dục (phần Trung Tiểu Học) sẽ bổ nhiệm giáo chức đến điều hành, giảng dạy. Khoảng 600 trường Trung Học Tỉnh Hạt được thành lập theo công thức này trong vòng ba năm từ 1972 đến 1975. Tính trung bình cứ 4 xã là có 1 trường Trung Học Tỉnh Hạt. Các trường trung học ở các quận lỵ hầu hết đều trở thành Trung Học Đệ Nhị Cấp. Tổng số giáo chức Trung Tiểu học đã vượt con số 100,000. Chương trình Tổng Hợp được ban hành. Một số trường trung học phổ thông được biến cải thành trường tổng hợp như trường Thoại Ngọc Hầu (An Giang), trường Nguyễn Trung Trực (Kiên Giang), Phan Thanh Giản (Cần Thơ), trường trung học Kiên Phong, bên cạnh những trường được thiết lập là trường tổng hợp ngay từ đầu như trường Chuông Bình Lễ, trường Nguyễn An Ninh, trường Sương Nguyệt Anh, v.v.. Cùng với sự lớn mạnh rất nhanh của nền giáo dục phổ thông ở bậc

Trung Tiểu học, các trường đại học theo công thức mới cũng được thiết lập để kịp thời đáp ứng với nhu cầu. Công thức mới nhằm phát triển nhanh chóng ở bậc đại học là Đại Học Cộng Đồng. Một số đại học mới ra đời theo công thức này là Đại Học Cộng Đồng Tiền Giang ở Mỹ Tho, Đại Học Cộng Đồng Duyên Hải ở Nha Trang, Sắp thiết lập xong là Đại Học Cộng Đồng Quảng Đà. Dự án Đại Học Cộng Đồng Long Hồ ở Vĩnh Long cũng đã được nói đến trước ngày Việt Nam Cộng Hòa mất về tay Cộng Sản.

### **Cải tổ hành chánh giáo dục ở địa phương và trung ương.**

Ở trung ương Tổng Nha Trung Tiểu Học và Bình Dân Giáo Dục bị bãi bỏ. Nha Tiểu Học, Nha Trung Học và Nha Tư Thục gom về làm thành Nha Học Chánh ở tại Bộ. Sở Khảo Thí trước kia thuộc Tổng Nha bây giờ biến thành Nha Khảo Thí của Bộ. Tại trung ương bây giờ có 14 nha và 1 trung tâm (Trung Tâm Học Liệu). Ở địa phương, mỗi tỉnh trước kia có một Ty Tiểu Học và một số trường trung học. Các trường Tiểu học trong tỉnh thì thuộc Ty Tiểu Học cai quản, và các ty tiểu học được đặt dưới quyền điều khiển của giám đốc Nha Tiểu Học. Các trường trung học thì phải về thẳng ông giám đốc Nha Trung Học nhận lệnh. Khi số trường trung học tăng lên quá nhiều Nha Trung Học không trực tiếp điều hành các trường được nữa. Do đó từ 1973 Sở Học Chánh ra đời. Sở Học Chánh là cơ quan giáo dục địa phương coi cả trung tiểu học phổ thông và chuyên nghiệp trong toàn tỉnh. Theo hệ thống hàng dọc, Sở Học Chánh thuộc Nha Học Chánh Bộ Giáo Dục. Trên toàn quốc, Việt Nam Cộng Hòa có tất cả 50 sở học chánh đặt tại 48 tỉnh và 2 thị xã (Đà Nẵng và Vũng Tàu).

**Cải tổ thi cử.** Vì số thí sinh càng ngày càng đông cho nên việc tổ chức thi cử càng ngày càng khó khăn nặng nề. Trước 1960 số thí sinh còn ít và Bộ Giáo Dục còn tổ chức được rất nhiều kỳ thi như thời Pháp thuộc : thi Tiểu Học, thi vào Đệ Thất, thi Trung Học Đệ Nhất Cấp với cả hai phần thi viết vấn đáp, thi Tú Tài I (viết và vấn đáp), thi Tú Tài II (viết và vấn đáp). Tú Tài I và II lại có hai kỳ, kỳ I và II cho mỗi năm. Sang thập niên kỳ thi Tiểu Học được bãi bỏ, Trung Học Đệ Nhất Cấp chỉ có thi viết thôi, không còn vấn đáp, và sau đó cũng bỏ luôn Trung Học Đệ

Nhất Cấp nhưng lại tổ chức kỳ thi Trung Học Đệ Nhất Cấp Tráng Niên cho một ít người lớn tuổi. Đến năm 1973 kỳ thi Tú Tài I cũng được bãi bỏ luôn chỉ còn giữ kỳ thi Tú Tài II xem như kỳ thi tốt nghiệp bậc Trung Học. Cách thức làm đề thi thì thay đổi từ cách đánh máy một ít đề thi rồi giao cho giám thị phòng chép tay trên bảng. Sang đầu thập niên 1960 đề thi mới được in ronéo phát cho mỗi thí sinh. Đề thi làm theo lối câu hỏi và thí sinh phải viết câu trả lời dài dòng (essay). Lỗi ra đề thi này rất chủ quan, giới hạn các câu hỏi trong một số rất ít chủ đề, đòi hỏi học sinh phải học thuộc lòng rất nhiều để có thể viết lại kịp thời những gì đã học trong sách vở. Với lối ra đề thi như vậy người ta không thể nào khảo sát được một cách khách quan và tổng thể sự thu nhận và hiểu biết của học sinh về những môn quan trọng trong chương trình học. Đề thi và cách chấm thi theo lối này dễ đưa tới việc học sinh học tủ, đánh bùa, chép bài, và giám khảo chấm bừa (thủ vĩ ngâm), tìm bài và nâng điểm. Hồ sơ thi cứ như ghi danh, làm phiếu báo danh, sổ điểm, ghi điểm, cộng điểm, v.v. tất cả đều làm bằng tay và khi thí sinh quá đông thì không tránh được những sơ sót. Các kỳ thi kéo dài hết cả mùa hè và các giáo sư dạy lớp thi phải đi gác thi, chấm thi luôn, không còn thì giờ nghỉ ngơi hay làm việc gì khác. Cái hại nhất của các kỳ thi là giới hạn rất nhiều số người thi đậu, gạn lọc quá nhiều học sinh không để cho có nhiều học sinh tiến lên các cấp cao ở trên. Một trăm học sinh khi xong Tiểu học chỉ còn không đầy 50 em được vào Trung học công lập, một số khác phải vào tư thục nếu gia đình có tiền. Trong số 50 em này sau khi xong Trung Học Đệ Nhất Cấp chỉ còn khoảng 20 em vào Đệ Tam rồi Đệ Nhị và dự thi Tú Tài I. Xong Tú Tài I còn không đầy 10 người lên học thi Tú Tài II. Thường thì hầu hết những người đậu xong Tú Tài I đều sẽ đậu Tú Tài II sau đó. Thành ra tính trung bình không hơn 10% học sinh vào trung học được tốt nghiệp trung học. Thật là phi lý khi rất nhiều học sinh phải mất thì giờ học bao nhiêu năm, chính phủ phải tốn bao nhiêu tiền bạc để lo cho họ đi học rồi rốt lại chỉ một hai ngày thi cử họ đã phải vứt bỏ hết bao nhiêu công lao, tiền bạc của công cũng như của tư. Cần phải có sự cải tổ về thi cử để cải tiến hệ thống lượng giá và đo lường trình độ học vấn của học sinh và để đương đầu với áp lực của sĩ số mỗi ngày một gia tăng nhanh chóng.

Hội Đồng Cải Tổ Thi cử ra đời và làm việc ráo riết để đi đến những biện pháp sửa đổi quan trọng từ 1973. Hồ sơ thí vụ, phiếu báo danh, chấm điểm, ghi điểm, cộng điểm, tính điểm/định hạng, v.v. tất cả đều được điện toán hóa. Bài thi trắc nghiệm khách quan (objective tests) với câu trắc nghiệm có nhiều lựa chọn (multiple choice) được dùng để thay thế bài thi theo lối luận đề (essay). Bảng trả lời (answer sheets) được đặt mua ở Mỹ để có thể chấm bằng máy và chuyển kết quả qua máy điện toán để cộng điểm, tính điểm tiêu chuẩn (standard score), định hạng và làm danh sách trúng tuyển và phát hành các chứng chỉ. Cách thức soạn thảo các câu hỏi trắc nghiệm cũng như cách thức phân tích các câu hỏi (item analysis) sau khi thử nghiệm đều được thực hiện đúng phương pháp khoa học. Phần đoán mò của thí sinh (guessing) cũng được dự trừ trong cách tính điểm. Tín Độ (Reliability) và Hiệu Độ (Validity) của các bài trắc nghiệm được nghiên cứu xác định kỹ. Nhóm Mẫu (Sample) và Nhóm Định Chuẩn (Norm Group) với trên 10,000 học sinh trên toàn quốc được ngẫu nhiên chọn lựa (randomly selected) để từ đó tính điểm Trung Bình (Mean) và Độ Lệch Tiêu Chuẩn (Standard Deviation) và biến Điểm Thô (Raw Score) ra Điểm Tiêu Chuẩn (Standard Score). Các vị thanh tra trong ban soạn đề thi cùng một số các chuyên viên của Nha Khảo Thí và nhiều người có trách nhiệm trong ngành giáo dục trung tiểu học đã hăng say làm việc trong hai năm trời để tiến tới việc cải tổ vô cùng quan trọng này.

**Thay đổi quan niệm giáo dục.** Giáo dục mới có tính cách phổ thông, mở rộng cửa cho tất cả mọi người chứ không chỉ dành riêng cho một thiểu số nào. Mọi người đều có quyền được hưởng giáo dục, có quyền có cơ hội đồng đều để hưởng sự giáo dục của quốc gia. Giáo dục không dùng những biện pháp gạn lọc hạn chế số người đi học bằng những kỳ thi khó khăn gắt gao ở bậc trung học để giới hạn số người đi học. Càng có nhiều người được đi học thì dân trí càng cao. Càng có nhiều người học lên cao thì nước nhà càng tiến bộ càng được hiện đại hóa.

*Từ 1955 đến 1975, trong hai mươi năm này nền giáo dục của Việt Nam Cộng Hòa đã phát triển vô cùng nhanh chóng mặc dù quốc gia phải đương đầu với những khó khăn của cuộc chiến khi nóng khi lạnh chống lại chủ nghĩa Cộng Sản và những bất ổn*

*chính trị xảy ra rất thường ở Miền Nam. Phần thì ngân sách eo hẹp (chỉ vào khoảng từ 7% đến 7.5% ngân sách quốc gia; quốc phòng trên 40%, nội vụ khoảng 13%) vì phải dành phần lớn cho an ninh quốc phòng, phần thì bị Cộng Sản tích cực phá hoại, phần thì bị những bất ổn chính trị nội bộ, nhưng tất cả những khó khăn đó đều được vượt qua để đạt những kết quả hết sức khả quan so với nền giáo dục của Cộng Sản ở Bắc Việt cùng trong thời gian này. Kết quả tốt đẹp đó sở dĩ có được là nhờ ở thành tâm thiện chí với những nỗ lực không ngừng của rất nhiều người làm giáo dục cùng sự yểm trợ hết sức tích cực của mọi giới dân, quân, cán, chính Việt Nam Cộng Hòa. Trong số những người lãnh đạo giáo dục có đóng góp nhiều công lao trong việc phát triển giáo dục ở Miền Nam có những vị từng sinh trưởng ở Mỹ Tho hay đã từng xuất thân từ trường Le Myre de Vilers hay Nguyễn Đình Chiểu như đã thấy trên.*

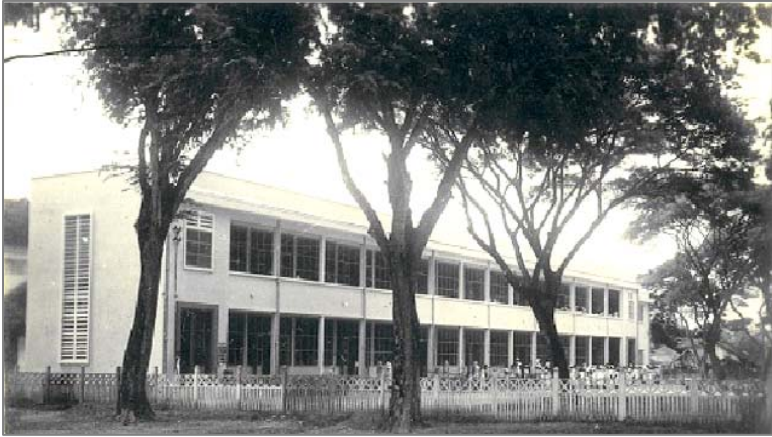


*Gs. Nguyễn Thanh Liêm, Phụ Tá Tổng Trưởng Giáo Dục VNCH Đạc Trách Trung Tiểu Học Và Bình Dân Giáo Dục đến thăm Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu mà Hiệu trưởng là Gs. Lâm Văn Bé ở Mỹ Tho vào năm 1973. Vị sĩ quan hiện diện là Đại Tá Chung Văn Bông, Tỉnh Trưởng kiêm Tiểu Khu Trưởng Định Tường. Định Tường là đơn vị hành chánh cấp tỉnh ở Miền Tây Nam Phần Việt Nam mà tỉnh lỵ là Thị xã Mỹ Tho.*

# Lịch sử Trường Lê Ngọc Hân

Một thoáng nhìn lại

Mặc Nhân



*Trường Trung Học Lê Ngọc Hân*

## BỐI CẢNH LỊCH SỬ.

Quan niệm “*Trọng nam khinh nữ*” còn tồn tại khá lâu đây đó trên thế giới, cho nên số phụ nữ được đi học rất hạn chế. Cách nay không đầy một thế kỷ, ở Việt Nam chưa có trường dành riêng cho nữ sinh, ngay cả ở cấp tiểu học.

Giờ trang lịch sử giáo dục Việt Nam, nói riêng ở Nam kỳ, sau ngày người Pháp chiếm đóng, ta thấy các ngôi trường đầu tiên họ thành lập đều dành cho nam sinh.

1. Trường Trung học D’Adran (Collège D’Adran) thành lập vào năm 1874 dành cho con em người Pháp và gia đình người công giáo.

2. Trường Collège Indigène hay Trường Trung học bản xứ xây cất cũng vào năm 1874 sau đổi thành Trung học Chasseloup Laubat. Năm 1954 đổi thành trường Trung học Jean Jacques Rousseau. Năm 1967 lại đổi tên Trung học Lê Quý Đôn và bây giờ vẫn là Trường Trung Học Phổ Thông Lê Quý Đôn.

3. Trường Collège de Mỹ Tho hay là Trung học Mỹ Tho thành lập năm 1879 tại Mỹ Tho, sau đổi lại Collège Le Myre de Villers, phát triển thành Lycée Nguyễn Đình Chiểu, sau đó là Trung học Nguyễn Đình Chiểu, hiện nay là trường Trung Học Phổ Thông Nguyễn Đình Chiểu.

4. Trường Collège de Cần Thơ hay là Trung học Cần Thơ thành lập năm 1917 tại Cần Thơ, sau đổi lại là Trung học Phan Thanh Giản nay là trường Trung Học Phổ Thông Châu Văn Liêm.

5. Trường Lycée Pétrus Ký được thành lập vào năm 1927 tại Sài Gòn và hiện nay là Trường Trung Học Phổ Thông Lê Hồng Phong.

Những trường này chỉ thu nhận học sinh nam nếu có nữ thì chỉ là những con số không đáng kể. Vậy khi nào ở Nam kỳ, hay Miền Nam hay Nam bộ mới có trường trung học dành riêng cho nữ sinh?

## **BÓN TRƯỜNG TRUNG HỌC NỮ ĐẦU TIÊN Ở MIỀN NAM**

1. Tính theo thời gian, trường Trung học đầu tiên dành riêng cho nữ sinh ở Nam Kỳ là Trường Nữ Sinh Áo Tím (École des jeunes filles) tại Sài Gòn xây cất từ năm 1913 và khai giảng vào năm 1915. Vào năm 1953 trường này được đổi tên là trường Nữ Trung học Gia Long giờ là Trường Trung Học Phổ Thông "Nguyễn Thị Minh Khai."

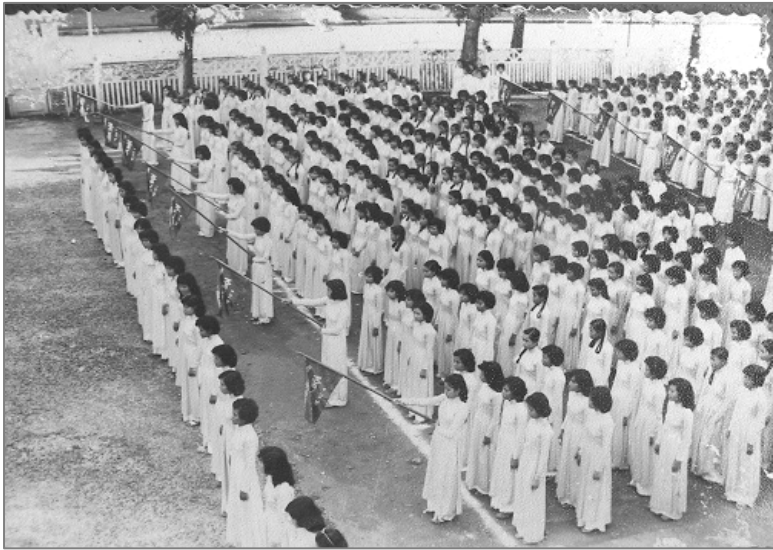
2. Ngôi trường thứ hai là trường Nữ Trung học Marie Curie, xây dựng năm 1915 cũng tại Sài Gòn và khai giảng năm 1918 thu nhận nữ sinh người Pháp, hay có quốc tịch Pháp. Thoạt đầu trường mang tên Ecole Primaire Supérieure des Jeunes Filles tức

là Trường Nữ Cao đẳng Tiểu học. Bây giờ là trường Trung Học Phổ Thông Marie Curie..

3. Ngôi trường trung học nữ thứ ba là trường Trung học Trung Vương vẫn ở Sài Gòn ra đời vào năm 1955 tiếp nhận học sinh từ Bắc vào Nam. Bây giờ vẫn là Trường Trung Học Phổ Thông Trung Vương.

4. Ngôi trường trung học nữ thứ tư là trường Trung học Lê Ngọc Hân xây dựng vào năm 1957 tại Mỹ Tho. Lúc đầu trường mang tên Trường Nữ Trung học Mỹ Tho sau đó đổi lại là Trường Trung Học Lê Ngọc Hân giờ là Trường Trung học Cơ sở Lê Ngọc Hân.

Sau đó những trường Nữ Trung học được ra đời xin miễn nêu ra đây.



## TRƯỜNG TRUNG HỌC LÊ NGỌC HÂN.

### 1. Tầm vóc

Trường Trung học Lê Ngọc Hân trước đó mang tên trường Nữ Trung học Mỹ Tho rồi sau đó là trường Nữ Trung học Lê



Ngọc Hân (xin nói về tên trường ở đoạn sau) được thành lập với một vai trò quan trọng là thu nhận học sinh nữ của các tỉnh như Định Tường, Gò Công, Bến Tre, Tân An...nổi gót đàn anh là trường Nguyễn Đình Chiểu trước kia cũng nhận học sinh một số tỉnh miền Tây.

Trường Nữ Trung học Lê Ngọc Hân còn có một giá trị khá dày trong lịch sử giáo dục ở Miền Nam, như nói ở trên, là một ngôi trường nữ trung học hàng thứ tư được thành lập, trước hơn trường Nữ Trung học Đoàn Thị Điểm ở Cần Thơ, trước hơn trường Nữ Trung học Lê Văn Duyệt ở Gia Định...

Còn nếu tính theo tầm vóc hệ giáo dục thì trường Lê Ngọc Hân ngay từ ngày thành lập đã là ngôi trường Trung học có chương trình giáo dục hệ Tú Tài (Enseignement secondaire) tức là hệ trung học phổ thông cấp III bây giờ chớ không phải là trung học cơ sở, cấp II như ngày nay.

Có một sự khác biệt về danh gọi trong tiếng Pháp đối với trường Trung học Đệ nhất cấp (ĐIC) - cấp II bây giờ và Trung học Đệ nhị cấp (ĐIIC) - cấp III bây giờ. Thí dụ:

a) Trường Trung học Đệ nhất cấp (ĐIC) ngày trước là Trung học Cơ sở hay Trung học cấp II ngày nay tương đương với tiếng Pháp gọi là Collège,

b) Trường Trung học Đệ Nhị cấp (ĐIIC) ngày trước là Trung học Phổ thông hay Trung học cấp III ngày nay tương đương với tiếng Pháp gọi là Lycée.

Vậy Collège chỉ Trung học Đệ Nhất cấp (ĐIC) hệ Cao đẳng Tiểu học là Trung học cấp II hay là Trung học Cơ sở ngày nay.. Còn Lycée tức là Trung học Đệ nhị cấp (ĐIIC) thuộc hệ Tú Tài là Trung học cấp III hay Trung học Phổ thông ngày nay.

Dẫn chứng: Trường Nguyễn Đình Chiểu thoát đầu là Collège (ĐIC) chỉ có đến lớp 4ème hay Đệ tứ, học sinh chỉ thi bằng Diplôme d'Études Primaires Supérieures Indochinoises (DEPSI, gọi tắt là Diplôme) tức là Bằng Tốt nghiệp Cao đẳng Tiểu học hay Cao Tiểu về sau đơn giản gọi là Bằng Trung học. Sau đó Trường phát triển thành Lycée (ĐIIC) tức là có đến lớp 12 và học sinh cuối cấp thi bằng Tú Tài, sau 1975 gọi là Chứng chỉ Tốt

nghiệp Trung học Phổ thông gần đây cũng có gọi là Bằng Tú Tài.

Trở lại tầm vóc Trường Trung học Lê Ngọc Hân khi mới thành lập đã là một Lycée (ĐIIC) một trường Trung học hệ Tú tài, một trường Trung học phổ thông cấp III, chứ không phải như bây giờ đã đánh mất vai trò Lycée của mình để chỉ còn là một trường Collège, một Trường Trung học Đệ nhất cấp (ĐIC), một trường Trung học cơ sở cấp II như bây giờ. Đáng tiếc!

## 2. Vị trí xây cất của trường



Ngày xưa khi quy hoạch chương trình thiết kế đô thị thành phố Mỹ Tho, người Pháp đã ưu tiên dành cho lĩnh vực giáo dục 2 thửa đất rộng lớn tại đại lộ Hùng Vương, ngay giữa trung tâm thành phố. Đó là khu tứ giác Hùng Vương-Lê Đại Hành-Nam kỳ Khởi nghĩa -Ngô Quyền-Hùng Vương dành cho giáo dục Tiểu học. Khu tứ giác đối diện Hùng Vương-Ngô Quyền-Lê Lợi- Lê Đại Hành dành cho giáo dục Trung học.

Mãi đến năm 1957, khi có nhu cầu thành lập một trường trung học dành cho nữ sinh, thì nơi khu đất dành cho trung học là mặt bằng xây cất trường Nguyễn Đình Chiểu không còn chỗ

trống. Do đó có một sự dàn xếp và chuyên nhượng của chính quyền giữa hai bên chủ quản Trung học và Tiểu học để cho ngôi trường trung học nữ được xây dựng bên phần đất của Tiểu học.

Vì vậy, ngôi Trường Lê Ngọc Hân được xây cất nơi phần đất hiện hữu là thuộc về Tiểu học và vị trí nằm sát cạnh Ty Tiểu học xưa, sau đó là Sở Học chánh cũ bây giờ là Sở Giáo dục và Đào tạo, ngay ngã tư hướng tây đường Hùng Vương-Ngô Quyền.

### **3. Công cuộc xây cất**

Cơ chế hành chánh lúc đó đặt các trường học theo hệ thống ngang đối với cấp Tỉnh (Định Tường) về hành chánh, còn hệ thống dọc đối với cấp Bộ (Giáo dục) về ngân sách, về tổ chức về quản lý nhân viên và nhất là về chuyên môn. Do vậy, trường Lê Ngọc Hân được xây cất là do chương trình của Bộ Giáo Dục.

Ngân sách xây cất một phần do ngân sách nhà nước, một phần do quỹ viện trợ Mỹ. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm xây cất, lâm thời là do Ban Giám đốc Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu đứng đầu là thầy Phạm Văn Lược, Hiệu trưởng.

Khởi công năm 1957 không có tài liệu để có ngày chính xác.

Hoàn tất công tác và nhận học sinh vào ngày đầu khai giảng năm học 1957- 1958 tức là 26.8.1957 ngày mà ngày nay Trường lấy làm ngày kỷ niệm.

Qui mô ban đầu: Ngay đợt đầu xây cất đã có 2 dãy lầu, một trệt một lầu. Dãy tiền diện gồm 14 phòng dạy ra đường Ngô Quyền. Dãy thứ hai gồm 10 phòng nằm hơi chệch về phía sau của dãy trước sát bên Sở Học Chánh trước 1975, Sở Giáo Dục & Đào Tạo bây giờ. Dãy lầu trước dùng làm văn phòng và phòng học cho các lớp đệ tứ đến đệ nhị. Những phòng của dãy sau dành hết cho phòng học các lớp còn lại.

### **4. Ngày nhận học sinh đầu tiên**

Do nhu cầu có một trường trung học nữ riêng biệt nên ngày đầu năm học 1957-1958, trường mở cửa chỉ để đón nhận học sinh nữ từ bên Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu vốn là trường hỗn hợp (Ecole mixte) đưa sang. Hôm ấy tất cả số nữ sinh của trường Nguyễn Đình Chiểu đều được đưa qua hết bên trường

Lê Ngọc Hân chỉ trừ số nữ sinh học lớp đệ nhị C, ban văn chương, vẫn phải ở lại Nguyễn Đình Chiểu, vì sĩ số ban này không đủ để thành lập một lớp bên trường mới.



## BAN GIÁM ĐỐC

Thoạt đầu trường Lê Ngọc Hân được xem như là chi nhánh của trường Nguyễn Đình Chiểu nên từ công việc hành chánh, nhân viên, kế toán đến, học vụ, giảng huấn, giám thị kể cả thư viện và phòng thí nghiệm đều do trường Nguyễn Đình Chiểu hoặc chi viện hoặc cho mượn để chờ Bộ Giáo dục trực tiếp điều hành. Từ bên trường Nguyễn Đình Chiểu, chính thầy Phạm Văn Lược, Hiệu trưởng, thầy Lê Văn Chí, Tổng giám thị, thầy Võ Văn Định Giám học kể cả thầy Dương Văn Thông phụ trách kế toán cũng như thầy Đặng Văn Nữ phụ trách học vụ, thầy Trần Văn Kế phụ trách phòng thí nghiệm....ngày ngày cũng phải qua yểm trợ cho công việc được trôi chảy.

Mãi đến năm học 1960-1961, Bộ Giáo dục mới cử bà Nguyễn Như Hằng, một giáo sư đệ nhị cấp (giáo viên cấp III) về đảm nhiệm chức vụ Hiệu trưởng cùng với nhân viên cho các bộ phận khác của trường.

## TÊN TRƯỜNG

Khi Bà Nguyễn Như Hằng về làm Hiệu trưởng, trường chưa có tên nên có một cuộc họp giữa ban Giám hiệu, giáo viên và hội Phụ huynh học sinh để chọn tên. Vì là trường nữ nên có nêu ba danh nhân lịch sử nữ là: Trưng Vương, Bà Triệu, Âu Cơ. Trưng Vương thì lúc bấy giờ đã là tên của trường Nữ Tiểu học rồi. Bà Triệu thì cũng có đầu đó rồi. Âu Cơ được chọn nhưng trong một thời gian ngắn vì nghe giống trường mẫu giáo quá nên huỷ bỏ. Cuối cùng tên trường là Trường Nữ Trung Học Mỹ Tho.

Mãi đến năm 1966 việc đặt tên lại cho trường dưới thời kỳ bà Nguyễn Diệu Thông làm Hiệu trưởng được khởi xướng trở lại. Và trường chính thức mang tên Trường Nữ Trung học Lê Ngọc Hân tồn tại đến ngày 1.5.1975.

Trường bắt đầu hoạt động và nhanh chóng góp mặt cùng trường Nam Nguyễn Đình Chiểu giảng dạy chương trình tú tài (Enseignement secondaire) đúng phong cách của một Lycée nữ (Trung học Cấp III) trong tỉnh nhà.

Lúc đầu các lớp Ban C (văn chương), còn gọi bên trường Nguyễn Đình Chiểu, nay thì trường đủ điều kiện để đảm nhận lại. Trường vẫn chia ra hai cấp: đệ nhất cấp (ĐI C) cho các lớp thất, lục, ngũ, tứ (6, 7, 8, 9 trung học cơ sở bấy giờ) và đệ nhị cấp (ĐII C) cho các lớp tam, nhị nhất (10, 11, 12 trung học phổ thông bấy giờ).

Sau một thời gian ngắn, trường đã có đầy đủ các lớp cho các môn Toán, Khoa học Tự nhiên, Văn chương (A, B, C) để học sinh có đủ điều kiện và trình độ ra thi tú tài ngang ngửa với tất cả nam sinh trong toàn quốc.

Trường nguyên thủy là một trường nữ sinh, với tên Lê Ngọc Hân, nguyên là Bắc cung Hoàng hậu của vua Quang Trung Nguyễn Huệ, thật sự đã gây một ấn tượng sâu đậm trong lòng người nhất là trong giới nữ sinh, đã từng một thời là một trường Trung học Nữ nổi tiếng.

## KỶ NIỆM VỀ TRƯỜNG TRONG MỘT GIAI ĐOẠN

Từ ngày thành lập đến ngày 1.5.1975 tính ra Trường Trung học Lê Ngọc Hân tròn 18 lần sinh nhật với 18 niên khoá vẹn toàn đầy ấp tình thương và kỷ niệm. Thời gian tuy ngắn ngủi, tuổi đời không đủ lâu để nói lên tính lịch sử của một ngôi trường. Tuy nhiên đối với ngôi trường này, hàng trăm thầy cô, hàng vạn nữ sinh trong ngần ấy thời gian cũng đã lưu lại và còn lưu lại mãi mãi trong trong tâm khảm của từng Thầy trò hình ảnh của một Cửa Không Sân Trình muôn thưở.



### SAU NGÀY 1.5.1975

Ngày 1 tháng 5 năm 1975, ngày lịch sử sang trang, ngôi trường Lê Ngọc Hân cũng vậy. Trường mở cửa và thu nhận học sinh trở lại. Số học sinh đi học đông đủ, chỉ trong một thời gian ngắn, trường đi vào ổn định với một chương trình giáo dục hoàn toàn mới.

Sau ngày 1.5.1975, Trường vẫn giữ tên Trường Trung học Lê Ngọc Hân và giữ hệ Tú tài tức là **Đệ Nhị Cấp** nhưng giờ đây gọi là hệ 12 năm, hay cấp III. Không lâu sau đó Trường đổi lại thành trường cấp II hay là trường Trung học cấp cơ sở Phường 7, vì nhu cầu phân bổ theo vùng theo cơ chế mới, nên dù trường nằm trong địa phận Phường 1, lại được đặt trong phạm vi quản

lý hành chánh của Phường 7 vì Phường I đã có một trường Trung học Cơ sở rồi, đó là Trường Trung Học Cơ Sở Xuân Diệu.

Những tưởng tên Lê Ngọc Hân không còn trên bảng trường nữa, nhưng một số người trong số những học sinh cũ của trường yêu cầu cho trường được mang lại tên của một người công chúa Việt Nam tài đức vẹn toàn. Đó là Bắc cung Hoàng hậu của Quang Trung Hoàng đế. Đó là công chúa Lê Ngọc Hân. Và nhờ vậy ngày nay ngôi Trường Trung học Cơ sở tọa lạc tại góc ngã tư Hùng Vương-Ngô Quyền vẫn mang tên Lê Ngọc Hân.

Về cơ sở vật chất, sau ngày 1.5.1975 đến nay, cơ sở trường có được nhiều đợt tu bổ và mở rộng. Tuy nhiên dây lầu mặt tiền nguyên thủy vẫn được giữ như cũ day ra đường Ngô Quyền cùng với công trường vẫn giữ nguyên.

Tính đến nay Trường Trung học Lê Ngọc Hân đã tròn 56 tuổi.



## DANH SÁCH HIỆU TRƯỞNG

Danh sách Hiệu trưởng từ 1957 đến nay:

Từ 1957-1958 Hiệu trưởng tạm quyền ông Phạm Văn Lược

Từ 1958 - 1960 Hiệu trưởng bà Nguyễn Như Hằng

Từ 1962 - 1963 Hiệu trưởng bà Dương Thị Lớn

Từ 1964 - 1975 Hiệu trưởng bà Nguyễn Diệu Thông

## Sau 1/5/1975

Từ 1975 - 1977 Hiệu trưởng bà Nguyễn Xuân Ánh.

Từ 1977 - 1983 Hiệu trưởng bà Lý Thị Thảo.

Từ 1983 - 1992 Hiệu trưởng ông Phạm Văn Bôn

Từ 1992 - 2008 Hiệu trưởng ông Nguyễn Văn Liêm

Từ 2008 - 2014 Hiệu trưởng cô Nguyễn Thị Ngọc Giêng

Từ 2014 - ..... Hiệu trưởng ông Trần Văn Hào.



MỹThoCityRiverFront-1969-Imc129

*Người dân Mỹ Tho dù có nghèo do chiến tranh nhưng không vì thế mà quên bổn phận. Tấm biển NOI GIƯƠNG TRẦN HƯNG ĐẠO mà tinh thần đến nay vẫn được ngưỡng mộ mặc dù đã trải qua gót nửa thế kỷ theo mệnh nước nổi trôi...*



# N Hoài Niệm Về Trường Trung Học GUYỄN ĐÌNH CHIỂU Mỹ Tho

## Lê Quế Lâm

Đây là trường trung học công lập đầu tiên, kỳ cựu nhất của nước ta, được Pháp xây dựng từ năm 1879, sau khi chiếm Nam Kỳ làm thuộc địa.

**L**úc đầu, trường mang tên Collège de Mytho, nhưng đến cuối năm 1942, đổi tên Collège Le Myre de Vilers, để tưởng nhớ người đã ký nghị định thành lập trường ngày 17/3/1879. Đó là Thống đốc Nam Kỳ - Le Myre de Vilers. Trước đó, trường chỉ có các lớp Cao đẳng Tiểu học: Từ Première année (năm thứ nhất) đến Quadrième année (năm thứ tư) - dự thi bằng Diplôme (Thành chung) hoặc Brevet élémentaire. Từ 1943, theo chương trình mới Enseignement moderne, trường mở thêm lớp Seconde và Première. Từ đó, nhiều người gọi là trường Lycée Mỹ Tho, tương tự như Lycée Petrus Ký, vì lycée là trường trung học đệ nhị cấp, còn collège chỉ là trường trung học đệ nhất cấp. Tên gọi này cũng không đúng, vì lycée phải có đủ 3 lớp (classe) Seconde, Première và Terminale, nhưng trường Mỹ Tho chỉ có hai lớp Seconde và Première mà thôi. Lớp Première sẽ thi bằng “Bac un locale” tức Tú tài 1 bản xứ để phân biệt với Tú tài 1 Pháp. Sau khi đậu “Bac un” học sinh Collège Mỹ Tho phải lên Sài Gòn học tiếp lớp Terminale để thi “Bac deux”. Bac là tiếng nói tắt chữ Baccalaureat tức Tú tài Pháp. Vào thập niên 1930, ở Nam Kỳ chỉ có trường Chasseloup Laubat và Lycée Petrus Ký mới có lớp Terminale.

Trường Chasseloup thành lập từ năm 1874, chỉ dành cho học sinh người Pháp, nhưng đến đầu thế kỷ 20, trường mở rộng để nhận học sinh Việt có quốc tịch Pháp. Từ đó, trường chia thành hai quartier (khu): Quartier Européen và Quartier Indigène (bản xứ) Ngày 28/11/1927 Toàn quyền Đông Dương G. Gal ra một nghị định thiết lập tại Chợ Quán một phân hiệu tạm thời của Collège Chasseloup Laubat dành cho học sinh người bản xứ lấy

tên là Collège de Cochinchine. Và từ đầu niên khóa 1928-1929, trường này trở thành trường Trung học Đệ nhị cấp bản xứ (lycée) về sau có tên là Lycée Petrus Trương Vĩnh Ký, hay trường Petrus Ký.

Vào đầu thập niên 1860, vì thế yếu, vua Tự Đức đã chấp nhận ký hòa ước với thực dân, nhượng Nam Kỳ cho Pháp làm thuộc địa. Sau đó chúng xâm chiếm Trung và Bắc Kỳ, đặt dưới sự bảo hộ của Pháp. Tám mươi năm sau, vị vua cuối cùng triều Nguyễn là cựu hoàng đế Bảo Đại đã tranh đấu giành được độc lập và thống nhất quốc gia từ tay Pháp với Hiệp ước Elysée được ký ngày 8/3/1949 giữa Cựu hoàng với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol. Quốc gia Việt Nam ra đời dưới sự lãnh đạo của Quốc trưởng Bảo Đại. Chương trình giáo dục thuần túy Việt được áp dụng chuyển tiếp từ niên học 1951-52 với các lớp đệ thất, thay thế các lớp 1ère année. Lớp học sinh này sẽ thi bằng Trung học Đệ nhất cấp năm 1955 và Tú tài 1 năm 1957.

Ngày 22/2/1953, Giáo sư Nguyễn Thành Giung - Tổng Trưởng Giáo dục dưới thời Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm đã ký Nghị định 179-ND/GD, đổi tên Collège Le Myre de Vilers thành trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Đây là di sản của thời thực dân để lại, nay mang tên một sĩ phu yêu nước, đã tham gia chống Pháp ngay từ khi chúng vừa đánh chiếm thành Kỳ Hòa (Sài Gòn) năm 1859. Cụ đồ Nguyễn Đình Chiểu đã rời Gia Định, di chuyển về quê vợ ở Cần Giuộc. Nơi đây cụ đã thảo bản “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*” thật cảm động, nói lên tinh thần dũng cảm hy sinh của những nghĩa binh, vốn là những nông dân chất phác đã tấn công đồn lính Pháp ở Cần Giuộc hồi cuối năm Tân Dậu 1861.

Bà đồ Chiểu, vốn là em gái thứ năm của một người học trò của cụ đồ, người làng Thanh Ba, huyện Cần Giuộc (thời Pháp thuộc tỉnh Chợ Lớn, nay thuộc tỉnh Long An). Anh của bà, vì cảm phục thầy - một người con chí hiếu, được tin mẹ mất, bỏ khóa thi Hương ở kinh đô (Huế), trở về quê thọ tang mẹ, khóc thương đến mù mắt. Tuy lâm cảnh đui mù, nhưng ông học được nghề thuốc trong thời gian chữa bệnh. Sau 3 năm cư tang mẹ, cụ Đồ mở trường dạy học và làm thầy thuốc. Mến thương thầy, người học trò đã xin gia đình tác hợp Nguyễn Đình Chiểu với em

gái tên Lê Thị Điền vào năm 1854. Khi ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ lọt vào tay Pháp, ông bà đồ Chiểu lại tản cư về Ba Tri (Bến Tre) Trong số những người con của ông bà có nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, tên thật là Nguyễn Thị Khuê (1864-1921) Bà là nhà thơ và là chủ bút nữ đầu tiên của Việt Nam. Tờ báo *Nữ giới chung* (Tiếng chuông của nữ giới) do bà phụ trách là tờ báo đầu tiên của phụ nữ được xuất bản ở Sài Gòn năm 1918.

Cần Giuộc là quê hương của tác giả bài viết này. Người viết lại được vinh hạnh là lớp học trò đệ thất đầu tiên (niên học 1953-54) của ngôi trường cổ kính, nổi tiếng nay mang tên Nguyễn Đình Chiểu. Từ đó đến nay, đất nước đã trải qua các bước thăng trầm, từ Quốc gia, sang Cộng hòa rồi Cộng sản, nhưng ngôi trường vẫn luôn mang tên cụ đồ Nho yêu nước, đào tạo những con dân mà tiêu chuẩn đầu tiên là học lễ nghĩa Thánh hiền: “*Trai thời trung hiếu làm đầu. Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình*”. (Lục Vân Tiên)

Tháng 3/2012 nhân kỷ niệm năm/2012 cũng là ngày mà 133 năm trước Thống đốc Nam Kỳ Le Myre de Vilers ký nghị định thành lập trường, các anh Trần Minh Trí, Nguyễn Văn Nghĩa, Đặng Hà... cùng một số cựu học sinh Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho cho ra mắt Tập san “**Hoài niệm về một thời đã qua**” về ngôi trường đã tồn tại qua ba thế kỷ từ 19, 20 và 21. Tôi có viết bài Hoài niệm trường xưa để đóng góp với anh em, ghi lại một vài kỷ niệm về ngôi trường thân yêu, để thân tặng các bạn đồng môn, anh niên trưởng Nguyễn Văn Tới, thuộc lớp học sinh chương trình Việt đầu tiên (1951-52) cùng các anh chị đồng lớp Đệ thất niên học 1953-54: chị Lê Khanh và các anh Hồ Văn Các, Nguyễn Văn Phấn, Nguyễn Văn Chấn và Nguyễn Văn Hà....Trước biển cổ 30/4/1975, anh Chấn và Hà còn trở lại trường xưa giảng dạy lớp thế hệ hậu tấn.

Cuối tháng 9 năm nay 2014, sẽ có Đại hội cựu học sinh Nguyễn Đình Chiểu/Lê Ngọc Hân và Đồng hương Mỹ Tho toàn thế giới, nhóm họp tại California. Một số đồng môn ở Melbourne (Australia) yêu cầu tôi đóng góp một bài viết cho **Đặc san kỷ niệm 135 năm Trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu Mỹ Tho (1879-2014)**. Trước khi đề cập đến những kỷ niệm về trường NĐC, tôi xin tưởng niệm các đàn anh thuộc các thế hệ đi trước

đã từng theo học tại Collège de Mytho và Collège Le Myre De Vilers.

Nói đến các thế hệ Collège de Mytho, tôi xin nhắc đến một số cựu học sinh tiêu biểu như cụ Hồ Văn Trung (nhà văn Hồ Biểu Chánh), cụ Chính trí Mai Thọ Truyền (Cư sĩ sáng lập Hội Phật Học Nam Việt và chùa Xá Lợi, ứng cử viên Phó Tổng Thống, liên danh Trần Văn Hương)... Ông Hiệu Trưởng (Proviseur) Nguyễn Thành Giung (1942-1944) - Tiến sĩ Đại học khoa học Marseille, cựu giáo sư trường Chasseloup, giữ chức vụ Tổng Trưởng dưới ba trào thủ tướng: Nguyễn Văn Thinh, Trần Văn Hữu và Nguyễn Văn Tâm. Ông Trần Văn Hương - giáo sư, hai lần làm Đô Trưởng Sài Gòn, hai lần làm Thủ Tướng, Phó Tổng Thống và Tổng Thống VNCH.

Về thế hệ Collège Le Myre de Vilers, xin tưởng niệm ông Bùi Quang Triết tức nhà văn hồi chánh Xuân Vũ (tác giả quyển Đường Đi Không Đến, Xương Tráng Trường Sơn và nhiều tác phẩm khác), Trung Tướng Du Quốc Đống, Trung Tướng Ngô Quang Trưởng, cô Lý Hoa (em vợ giáo sư Bùi Quang Trứ) tốt nghiệp trường Quốc gia Hành Chánh là phụ nữ đầu tiên giữ chức vụ cao cấp nhất trong chính quyền VNCH: Tổng Giám đốc Ngân khố. Bà tử nạn trên đường vượt biển sau biển cố 1975. Kỹ sư Dương Kích Nhưỡng (con giáo sư Dương Văn Cáp) Tổng Trưởng Bộ Công chánh và Phó Thủ Tướng đặc trách kế hoạch VNCH. Ông Nhưỡng vừa qua đời tại HK ngày 9/5/2014.

Collège de Mytho và Le Myre de Vilers còn đào tạo hai học trò sau này đứng đầu ngành Giáo dục quốc gia. Đó là Giáo sư Trần Hữu Thế - Tiến sĩ khoa học Pháp (1952), làm Bộ Trưởng Quốc gia Giáo dục thời Đệ nhất Cộng hòa và Tiến sĩ Nguyễn Văn Trường hai lần làm Tổng Trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục trong giai đoạn chuyển tiếp sau 1963 và thời Đệ nhị VNCH.

Lớp học trò đầu tiên của trường NĐC thuộc niên khóa 1953-54, khoảng 400 học sinh với 10 lớp Đệ thất, gồm 7 lớp nam và 3 lớp nữ. Lúc bấy giờ gọi là Tân Đệ thất niên, vì ông Tổng Trưởng Bộ Giáo dục Nguyễn Thành Giung vừa ký nghị định ngày 14/10/1953 ban hành chương trình giáo dục mới trên toàn cõi VN. Số học sinh cũ gồm 4 lớp Đệ lục, 4 lớp Đệ ngũ thuộc chương trình Việt (chuyển tiếp) và 8 lớp thuộc hệ thống

Enseignement moderne. Đó là các lớp Quadrième année, Seconde và Première. Lớp 4ème sẽ dự thi bằng Diplôme năm 1954 hoặc thi bằng Brevet chương trình Pháp. Năm 1955 là khóa thi Diplôme cuối cùng, đây là cơ may cuối cùng dành cho các thí sinh thi rớt các năm trước. Các lớp Seconde bao gồm học sinh đã đậu Diplôme ở các trường tư như trường Phật Ân ở Mỹ Tho và Collège de Vĩnh Long. Lúc bấy giờ, các trường này chỉ dạy đến 4ème année, học sinh muốn học cao hơn phải chuyển trường: Nguyễn Đình Chiểu, Pétrus Ký hoặc Gia Long.

Suốt thời gian theo học ở bậc trung học, tôi sống trong khuôn viên trường NĐC, vì bác tôi (ông Lê Văn Hữu) đang giảng dạy và trú ngụ ở đây. Có thể nói, đây là thế giới mới của một học trò nhà quê sống ở thành thị, đi học còn mặc quần xà lỏn, áo sơ mi ngắn tay, chân mang guốc. Dù 60 năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn còn nhớ rõ từng chi tiết những kiến trúc, phòng ốc, cảnh trí của ngôi trường mà tôi đã la cà, rong chơi không sót một chỗ nào trong một thời gian dài của thời niên thiếu. Trường rộng 25 ngàn mét vuông, được bao quanh bằng bốn bức tường thành cao hơn hai mét, riêng mặt tiền ở hướng Đông trên đường Lê Lợi (lúc đó là Avenue d'Ariès) có các chấn song sắt xen kẽ. Đối diện cổng chánh là bến xe, kế bên là nhà việc làng Điều Hòa, phía sau là chợ Mỹ Tho. Bên ngoài bức tường về hướng Bắc, là dãy phố trệt và một số biệt thự nhìn ra Rue Maréchal Foch (đường Ngô Quyền). Hướng Nam là Rue des Landes (đường Lê Đại Hành). Mặt hậu của trường là khu đất rộng, cách bức tường khoảng 10 mét là nhà của một số giáo chức sở tại, ngoài cùng là Ty Tiểu học và ba biệt thự lầu số 8, 10 và 12 nhìn ra Boulevard Bourdais (đại lộ Hùng Vương).

Đây là hình ảnh trường NĐC vào thời điểm tôi nhập học tháng 9/1953. Hai bên cổng chánh là hai ngôi nhà, nóc bánh ít hình vuông, diện tích khoảng 25 mét. Bên mặt là nhà tiền vãng, thờ các vị tiền sư quá cố. Bên trái, cạnh cổng sắt phụ là nhà concierge. Góc trái là biệt thự lầu dành cho Hiệu trưởng, lúc đó gọi là Proviseur - thầy Dương Văn Dôi. Censeur tức Giám học là thầy Đinh Căng Nguyên. Góc bên phải là một biệt thự trệt dành cho Tổng Giám thị (Surveillance générale) lúc đó là thầy Trần Văn Vạng, mà học trò chúng tôi thường gọi một cách thân thương: Bác Ba Vạng. Trong giai đoạn chuyển tiếp, từ chương

trình Pháp sang chương trình Việt, thầy trò thường có thói quen, nói tiếng Việt kèm tiếng Pháp, như không thuộc bài bị zero encadré (bị đóng khung) tức bị phạt consigne (cấm túc) phải vào trường học lại bài ngày chủ nhật.

Bên trong công chánh là một khoảng đất rộng có nhiều cây me và dái ngựa cao lớn, sâu khoảng 50 mét, tiếp giáp với một dãy nhà gạch nằm ngang, ở giữa có khoảng trống dẫn vào trung tâm của trường. Bên mặt dãy nhà ngang có 4 phòng: Hai căn đầu là văn phòng proviseur và censeur. Kế tiếp là thư viện do bà Dương Văn Cấp phụ trách. Ông Cấp là giáo sư của trường, bị Việt Minh thủ tiêu hồi năm 1945-46 vì bất đồng chính kiến với họ. Phòng ngoài cùng là văn phòng hành chánh. Căn đầu của dãy nhà ngang phía trái là phòng Tổng Giám thị, ba căn còn lại là lớp học.

Qua khỏi dãy nhà ngang, là con đường trải đá dài khoảng 50 mét, nối liền với dãy lầu sắt nằm song song dãy nhà ngang, hai bên trồng hoa rất đẹp, giữa con đường là cột cờ. Hai bên đường là bãi cỏ xanh vuông vắn. Bên mặt tiếp giáp với khu nhà tắm Douche, nằm sâu dưới mặt đất khoảng nửa mét, có tam cấp bước xuống, trong đó có 2 dãy, mỗi dãy 5 phòng tắm. Bên trái là nhà Préau, hình vuông, diện tích khoảng 100 mét, thoáng trống không có vách, dùng để triển lãm, đánh bóng bàn hoặc học vẽ, ngoài cùng là sân tennis.

Tầng trệt dãy lầu sắt có 8 phòng học, chính giữa là khoảng trống rộng hơn 4 mét, dẫn vào sân thể dục của trường. Hai bên các phòng học đều có balcon với hành lang rộng. Căn sát cầu thang cánh trái là phòng giáo sư. Các phòng học trên lầu cánh trái cũng có hành lang rộng, nhưng chỉ có một bên về hướng cột cờ. Đây là 4 lớp từ Đệ thất 7 đến Đệ thất 10 niên học 1953-54. Tôi học lớp Đệ thất 8. Phần trên lầu cánh mặt, bỏ trống. Trước năm 1949, nơi đây là khu dortoirs tức phòng ngủ của học sinh interne (nội trú), nay không còn an toàn để sử dụng. Tuy nhiên, ở góc trái, trước đây là phòng ở của giám thị học trò nội trú, vẫn còn sử dụng được, sau 1955 dùng làm nơi trú ngụ của các giáo sư độc thân, trong số có thầy Thế Viên, thầy Phạm Mạnh Cường...

Cánh trái và cánh mặt của dãy lầu sắt có hành lang nối liền với hai dãy lầu đúc, tạo thành hình chữ U, kiến trúc theo kiểu Roman, có hành lang rộng khoảng 3 mét với balcon vòm hình bán nguyệt, trông rất hùng vĩ. Phía sau cầu thang lầu đúc cánh Nam có hành lang nối dài đến vách tường thành, quẹo mặt vào khu vệ sinh có 5 cầu tiêu. Quẹo trái, là dãy lavabo dài khoảng 10 mét, nằm dọc theo bờ thành đường Lê Đại Hành, tiếp giáp với sân tennis. Trước mặt lavabo là sân bóng chuyền. Phía sau cầu thang dãy lầu đúc cánh Bắc có hành lang đến bức tường phía đường Ngô Quyền, quẹo mặt vào khu vệ sinh, quẹo trái là nhà kho, lúc bây giờ là chỗ ở của gia đình chú năm Cường, là cặp rặng trường NĐC. Chú chỉ huy khoảng 10 lao công phụ trách quét lớp học và sân trường.

Căn phòng đầu, tầng trệt của dãy lầu đúc cánh mặt (đường Ngô Quyền) là nơi trú ngụ của một nữ giáo sư người Pháp duy nhất của trường niên khóa 1953-54. Đó là Madame Poli. Thầy Huỳnh Đình Trảng là bạn thân của cô Poli, họ thường đi dạo quanh sân trường vào những buổi chiều cuối tuần. Căn đầu tầng trệt của dãy lầu đúc đối diện (đường Lê Đại Hành) là phòng thí nghiệm. Kế bên là amphithéâtre, có nhiều bậc tam cấp, phía trước thấp, phía sau cao dần, học sinh di chuyển đến phòng này để học các giờ Lý Hóa. Kế tiếp là ba phòng học được ngăn bằng vách ván, để dễ dàng tháo gỡ, dùng làm hội trường trong các dịp phát thưởng cuối năm. Trước đây, là phòng ăn của học trò nội trú, nên phía sau có hành lang dẫn xuống một nhà bếp lớn. Bên mặt nhà bếp là khu vệ sinh, có khoảng 20 cầu tiêu, bên cạnh là trại mộc. Bên trái bếp là nhà kho, là chỗ ở của gia đình bác Mười concierge. Phía trước, hướng tay mặt là bồn nước cao hơn dãy lầu đúc bên cạnh. Trên lầu, có một phòng nhỏ, thầy Trần Ngọc Tế và ba con Tuyền, Sơn và Bích đã trú ngụ nhiều năm ở đây.

Hai bên cổng hậu của trường là hai dãy nhà thiếc. Bên mặt là 3 lớp Đệ thất 4, 5 và 6 niên khóa 1953-54. Bên trái là 5 căn nhà của giáo sư. Ngoài cùng sát cổng là nhà của bác tôi - thầy Lê Văn Hữu. Căn kế của thầy Nguyễn Văn Thâu, dạy vẽ, năm 1955 thầy thuyên chuyển về trường Mỹ thuật Gia Định, người trú ngụ kế tiếp là thầy Ngô Văn Cáo và thầy Cao Xuân Cát. Căn giữa của chị ba Liên (Trương Thị Liên) Giám thị. Chị có đứa con nhỏ tên Dũng, người em thứ tám tên Phong và em kế tên Chín cùng

vào Đệ thất một lượt với tôi. Chị ba Liên là cháu gọi ông Hồ Văn Trục là cậu, ông Hiệu trưởng Collège Le Myre de Vilers từ 1948 đến 1952. Ba của cháu Dũng là học sinh lớp Première niên khóa 1948-1949, cùng lớp với chị Liên, nghe nói đã theo Việt Minh kháng chiến từ 1950. Căn thứ tư của thầy Bùi Hữu Kiển, năm sau thầy vào trường Quốc gia Hành chánh, thầy Phạm Nguyễn Chu cùng gia đình đã cư ngụ tại nhà này từ năm 1956. Căn cuối cùng của thầy Đào Văn Lân dạy Việt Văn, có con là Đào Văn Xuân học cùng lớp với anh Nguyễn Văn Tới và chị Đào Thị Kiều Oanh học trên tôi một lớp. Thầy Phan Chùng Thanh và gia đình đã cư ngụ trong nhà này từ năm 1955. Nhờ đó, tôi có dịp biết thân sinh thầy là cụ Phan Thế Roanh, lúc đó là Thanh Tra trung học, sau là Phó Tổng Giám đốc Trung Tiểu Học. Bác tôi thường đàm đạo với người đồng nghiệp gốc miền Bắc khi cụ xuống Mỹ Tho thăm con cháu. Ai cũng thích thú có dịp tìm hiểu về nền Nho học ở đất Bắc, vì cụ là dòng dõi khoa bảng. Thân sinh là cụ Phan Mạnh Danh, bạn đồng khóa với cụ Tam nguyên Yên Đổ.

Từ 1957, trường còn phụ trách hai lớp Sư phạm cấp tốc, 10 lớp học mới được xây cất thêm, nối tiếp với dãy lầu đúc cánh Nam. Các phòng học mới thoáng mát hơn, nhưng không bề thế bằng dãy lầu cũ. Công hậu của trường được dời về đường Hùng Vương và trở thành công chánh. Ngõ biệt thự kế cận - số 10 đường Hùng Vương, trước đó, gia đình thầy Trần Văn Ất đã ở nơi đây, nay chuyển sang cho thầy Trần Văn Dinh. Niên khóa 1959-60, bác tôi đã chuyển về quê nhà ở Cần Giuộc, nên chú ba Dinh cho tôi ở trọ trong nhà này. Sau đó, là nơi cư trú của bà Nguyễn Như Hằng, hiệu trưởng đầu tiên của trường nữ Trung học Lê Ngọc Hân.

Hình ảnh các thầy cô trường NĐC niên khóa 1953-54 đã in sâu vào tâm khảm tôi: Dư Văn An, Trần Văn Ất, Nguyễn Anh Bôn, Nguyễn Văn Châu, Hồ Thị Chi, Lê Văn Chí, Đinh Văn Cửa, Nguyễn Văn Đậu, Trần Văn Dinh, Võ Văn Đây, Võ Quang Định, Dương Thành Hoàng, Lê Văn Hữu, Bùi Hữu Kiển, Nguyễn Văn Kiệt, Võ Văn Liễu, Phạm Văn Lược, Bùi Văn Mạnh, Phạm Văn Mân, Phan Ngọc My, Poly Pierrette, Lê Quan Nghĩa, Lê Thị Nhân, Nguyễn An Ninh, Madame Poli, Nguyễn Ngọc Quang, Huỳnh Văn Sanh, Trương Công Sâm, Phùng Văn



Tài, Trần Ngọc Tế, Nguyễn Văn Thâu, Huỳnh Thuận, Chung Tốt, Huỳnh Đình Trảng, Bùi Quang Trứ... Tổng Giám thị lúc đầu là thầy Trần Văn Vạng, sau là thầy Lê Văn Chí. Các giám thị gồm có các thầy Nguyễn Văn Đạt, Ngô Văn Hùng, Phạm Văn Khánh, Ngô Văn Hoàn, cô Trương Thị Liên, cô Lê Thị Hoa con thầy Lê Văn Hải, thầy Bùi Văn Mùi, thầy Nguyễn Văn Phái và cô Nguyễn Thị Tốt. Ngoài ra, còn có thầy Quan Cầu (y tá), thầy Trần Văn Thăng (kế toán), bà Dương Văn Cấp (thư viện) của trường.

Ban giảng huấn lúc bấy giờ chỉ có một người miền Bắc duy nhất là thầy Phùng Văn Tài. Đa số giáo sư, xuất thân từ các gia đình điền chủ, du học ở Pháp từ giữa thập niên 1920. Phần lớn theo học các trường ở miền Nam nước Pháp như Marseille, Toulouse, Montpellier... Nhiều vị, như thầy Nguyễn Anh Bôn đã từng tham dự biểu tình, tưởng niệm các anh hùng Yên Bái (1930). Đến năm 1932, kinh tế khủng hoảng trầm trọng, một gia lúa giá 1 đồng, nay sụt xuống chỉ còn 20 xu. Nhiều gia đình, không còn khả năng trợ cấp, để con cháu tiếp tục học thêm. Bác tôi về nước trong năm này cùng chuyến tàu với ông Nguyễn Văn Kiệt. Ông thuộc gia đình điền chủ giàu có ở Đức Hòa tỉnh Chợ Lớn. Trên tàu về nước ông mua vé hạng bình dân, nhưng hách dịch, đòi bồi tàu phải mang thức ăn đến cho ông, như lúc ông sang Pháp với vé hạng nhất. Vì thế bị tên Tây bồi tàu hành hung, song nhờ bác tôi, “đô con” hơn can thiệp. Năm 1953 ông cư ngụ tại biệt thự số 8 đường Hùng Vương, đi dạy ông ăn mặc rất sang trọng, trời mưa, ông vào trường bằng xe xích lô, dù khoảng cách chỉ hơn 150 mét. Với phong cách như vậy, sau Tết Mậu Thân 1968, ông lại vào khu giải phóng, giữ chức vụ Phó Thủ Tướng kiêm Bộ Trưởng Giáo dục, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam.

Trong niên học 1953-54, tôi được xem một đoàn hát từ Pháp sang trình diễn vở tuồng Le Cid của Corneille ở rạp hát Trung Quốc, cạnh nhà thuốc tây của thầy Dư Văn An. Đây là câu chuyện tình cảm thật cảm động, nói lên sự cân phân giữa chữ tình, chữ hiếu và danh dự gia đình của đôi “traoi tài gái sắc” Rodrigue và Chimène. Tuồng tích này đã được giảng dạy trong môn văn học sử Pháp. Đến tháng 4/1954, chỉ còn hơn hai tháng là bãi trường, các anh lớp Première, Seconde, Quadrième année

tổ chức bãi khóa, hô hào cả trường đi biểu tình chống bắt lính tăng cường Điện Biên Phủ. Đoàn biểu tình bị xe vòi rồng ngăn chặn tại góc đường gần bên bắc Rạch Miễu. Sau đó, có tin đồn, ai tham gia biểu tình sẽ bị Công an và Phòng nhì bỏ tù. Ngay hôm sau, tôi rời Mỹ Tho, trở về Cần Giuộc, vì sợ bị bắt.

Ngày 20/7/1954, theo truyền thống, trường Mỹ Tho sẽ tổ chức lễ phát phần thưởng thật long trọng, nhưng năm nay không tổ chức vì trường đã bãi khóa từ tháng 4/1954, tiếp theo là đất nước bị chia đôi. Đoàn quân viễn chinh Pháp đã tập kết tại trường để trở về nước. Trong khi đó, nhiều cựu học sinh Collège Mỹ Tho đã tham gia kháng chiến hoặc tham dự biểu tình chống bắt lính mấy tháng trước, sợ bị bắt nguội, đã trốn ra bung theo Việt Minh, một số, nay tập kết ở Đồng Tháp Mười để đi ra Bắc. Trong đó, chắc có anh Chín, em chị ba Liên, vì niên học sau không thấy anh trở lại trường.

\*\*\*

Tôi đã sống trong ngôi trường NĐC yên tĩnh, giữa thành phố Mỹ Tho thanh bình khi đất nước vừa hết chiến tranh. Tôi đã ghi lại những hoài niệm về thế giới nhỏ của tôi. Giờ tôi bước ra thế giới lớn bên ngoài: Thành phố Mỹ Tho với những hoài niệm, nhận thức của một học trò 15, 16 tuổi. Cuối tuần hoặc các ngày lễ, học sinh chúng tôi thường rủ nhau, hai đứa một xe đạp chở nhau đến chùa Vĩnh Tràng cổ kính, cảnh trí quanh chùa rất đẹp, vườn tược xanh tươi, chưa kể ở đây có loại vú sữa nổi tiếng Gò Cát. Chúng tôi còn kéo nhau đến các vườn mận hồng đào ở Đạo Ngạn. Đôi khi, qua bắc Rạch Miễu, đạp xe hơn 10 cây số để xem sở thú Bến Tre. Tôi là học sinh ở tỉnh Chợ Lớn xuống Mỹ Tho học, nên có nhiều dịp đi xe lửa Mỹ (Tho). Năm 1957, tuyến đường xe lửa Sài Gòn - Mỹ Tho không còn nữa. Ngoài ra, trong những năm trước 1955, còn có xe chở khách của hãng Cosara, sang trọng, tiện nghi rộng rãi gần như xe bus ngày nay. Bến xe ở Mỹ Tho nằm trước Ty Thông tin cạnh Cầu Quay, ở Sài Gòn, nằm trước rạp Vĩnh Lợi, góc chợ Bến Thành.

Năm 1956, ông **Nguyễn Trân** về nhậm chức tỉnh trưởng Định Tường, ông đã biến nơi đây thành biểu tượng sống động cho cả nước. Ông mướn nhà thầu canh tân chợ Mỹ Tho giống như chợ Bến Thành. Các căn phố quanh chợ, được Ty Ngân khố

cho vay tiền để xây mặt tiền đồng bộ với nhau. Khu chợ được tân trang có thêm cả trăm sạp mới, bốn bên là những dãy kiosque xinh xắn, được giới tiểu thương mua, lấy tiền đủ trả cho nhà thầu. Ông còn mua cả trăm xe xích lô, hữu sản hóa giới lao động này. Mỗi ngày họ chỉ trả góp 14 đồng bằng số tiền mượn xe, cho đến khi hết nợ. Để đền bù thiệt hại cho chủ xe, ngoài việc mua xe đúng thời giá, ông cấp cho họ một vài gian hàng trong chợ để kinh doanh. Còn khách đi xích lô, không còn kỳ kèo trả giá, chỉ bước lên xe, đến nơi trả một số tiền từ 3 đến 5 đồng, tùy đoạn đường di chuyển. Một nét văn hóa mới thanh lịch của thành phố Mỹ Tho.

Đoạn đường ven rạch Bảo Định trên đường Trưng Trắc, vốn rất dơ bẩn, nay được cần đá, đổ xi măng thành mặt bằng, trên đó là một dãy dài các kiosque bán sinh tố, nước giải khát... nối tiếp nhau từ Cầu Quay đến ga xe lửa cũ. Ban đêm đèn neon chiếu sáng xuống dòng sông, tăng thêm vẻ đẹp của dãy phố thương mại chính của thành phố. Ga xe lửa cũ, nay là công viên Lạc Hồng xinh đẹp bên bờ sông Tiền. Trên đường Hùng Vương, bên cạnh sân vận động, là vườn hoa Dân Chủ, có đặt thùng thơ dân ý và sân khấu trình diễn văn nghệ và chiếu phim mỗi tối thứ bảy. Dân chúng lũ lượt đến đây như ngày hội lớn, vừa thưởng thức văn nghệ, xem phim, vừa nghe ông tỉnh trưởng đích thân giải đáp mọi thắc mắc và thỉnh nguyện của đồng bào. Nếu ai không đồng ý điều gì, thì tự do bày tỏ ý kiến, bỏ vào thùng thư dân ý, để tuần tới ông sẽ trả lời. Ông cho xây cổng chánh trường NĐC trên đại lộ Hùng Vương, trái nhựa sân trường và sân quần vợt của trường. Ông còn dành một khu đất lớn, cạnh trường Tiểu học tỉnh lỵ trên đường Ngô Quyền, đổi diện trường NĐC để xây dựng trường Nữ Trung học Lê Ngọc Hân.

Ngoài việc tranh thủ lòng dân, kiến thiết thành phố, ông còn **phá vỡ các cơ sở nằm vùng, bắt giữ hàng ngàn cán bộ hoạt động cho cộng sản, không những ở Mỹ Tho, mà cả ở Sài Gòn và các tỉnh lân cận.** Ông không chủ trương tiêu diệt người cộng sản mà tranh luận với họ, thuyết phục họ quay về chính nghĩa quốc gia. Ông đã đấu lý với 13 cán bộ trí vận cộng sản tại rạp Viễn Trường ở Chợ cũ Mỹ Tho ngày 14/6/1958. Đó là những ký giả kỳ cựu như *Triệu Công Minh, Tô Văn Mạnh*... các trí thức như *Lê Hữu Phước* - Luật sư Tòa Thượng thẩm Sài Gòn,

*Nguyễn Văn Diệp* - Cử nhân Luật, Giám đốc Việt Nam Ngân hàng, *Mã Thị Chu* - Dược sĩ, vợ kỹ sư *Nguyễn Văn Hiếu* là Trưởng ban **trí thức vận** của Cộng sản ở Sài Gòn.

Anh em Tổng Thống Ngô Đình Diệm lên án ông lập “Định Tường Quốc” với ý định tranh quyền với họ. Ông bị ngưng chức. Ngày rời nhiệm sở, ông đi bộ để từ giả đồng bào, công chức, giáo chức, học sinh... đứng chật hai bên đại lộ Hùng Vương đến Cầu Đúc - cửa ngõ vào thành phố, dài hơn 2 cây số. Đi sau ông là hàng trăm chiếc xích lô, xe đạp, xe gắn máy, xe hơi, tiền đưa. Sau đó ông lên xe jeep chạy từ từ để chào giả từ các Hội đồng xã và dân chúng đứng dọc theo Quốc lộ 4, dài 13 cây số đến địa đầu tỉnh Long An. Đó là tình cảm chân thành của người dân Mỹ Tho đối với người công bộc biết quan tâm đến phúc lợi của đồng bào.

\*\*\*

Ghi lại hoài niệm trường xưa, tôi bồi hồi nhớ đến công ơn của những thầy cũ - những **ân sư** mà tôi luôn kính trọng như đáng sinh thành. Vì bài viết có hạn, tôi chỉ nhắc đến những thầy lớn tuổi hơn ba má tôi. Đầu tiên là thầy Phùng Văn Tài, dạy Lý Hóa. Có lần, không thuộc bài bị điểm zero, tuần sau, vừa vào lớp, thầy gọi tôi lên kiểm tra bài cũ. Lần này khá hơn chút đỉnh, nhưng được phê điểm 15, rõ ràng là điểm khích lệ. Từ đó, tôi luôn cố gắng học thuộc bài của thầy, nhưng ít khi được thầy gọi kiểm tra. Vì lẽ, thầy sành tâm lý học trò, nhìn một vòng, quan sát vẻ mặt từng đứa, thầy biết ngay đứa nào thuộc bài, đứa nào không. Về thầy Trần Văn Vượng, có một hôm, tôi diện quần vải xanh tergal, may tại tiệm may Văn Minh nổi tiếng ở đường Trưng Trắc, để “lấy le” với các bạn cùng lớp. Hôm đó, bác Ba Vượng như thường lệ kiểm tra đồng phục học sinh (quần kaki xanh, áo sơ mi trắng). Bác không nỡ đuổi tôi về nhà, nên làm ngơ để tôi vào lớp. Không may hôm đó, thầy hiệu trưởng Phạm Văn Lược đi phát bảng danh dự cho học sinh. Đây là dịp hiếm hoi tôi mới ngoi lên đứng hạng chót trong 10 bạn học đứng đầu lớp trong tháng nên được bảng danh dự. Tôi vừa bước tới nhận giấy khen, thầy Hiệu Trưởng nghiêm khắc nhìn tôi rồi xếp bảng danh dự của tôi vào cặp và rời khỏi lớp. Tôi mắc cỡ sượng sùng trở về chỗ ngồi vừa lo sợ vừa xấu hổ. Thầy Hiệu Trưởng đã dạy tôi bài học về kỹ luật.

Về thầy Trần Ngọc Tế, năm tôi thi vấn đáp môn Anh Văn ở trường Gia Long, khi tôi vừa ngồi xuống trước mặt giám khảo, tình cờ thấy thầy bước tới. Tôi đứng lên chào, thầy nói đùa với người bạn đồng nghiệp: *Thằng con tôi*. Tôi biết thầy thương mình, muốn giúp mình được điểm tốt. Sự thật là thế, nhưng tôi cảm thấy vui hơn, yêu đời với niềm vui vẫn vợ, vì lẽ thầy có đứa con gái rất dễ thương. Về thầy Nguyễn Anh Bồn, không những thầy dạy chữ nghĩa mà còn nhắc nhở học trò về đạo đức, tác phong. Vào nhà người lạ, phải chọn chỗ ngồi hướng mặt về phía trước, người lịch sự không bao giờ nhìn vào phía trong, nhất là nhà có con gái. Trai thấy gái thấp thoáng bên trong, thường liếc nhìn, theo dõi, như vậy là thiếu tư cách. Vì thuộc lòng bài học này, tôi không có cơ duyên trở thành con rể của thầy.

Đầu niên học 1965-66, tôi đang làm Hiệu Trưởng trung học Hồng Ngự, tình cờ gặp lại Kim Liêng con thầy. Liêng và người bạn Trần thị Âu Mai (con trưởng ty Thuế vụ Nha Trang) đến trường trao cho tôi lá thư của ông Trưởng ty Tiểu học Phan Văn Tài, nhờ giúp đỡ hai cô Giáo học bổ túc Sư phạm Sài Gòn, được bổ nhiệm về hai trường xã thuộc quận Hồng Ngự. Dù không có thư của thượng cấp, tôi cũng có bổn phận phải giúp con của thầy và bạn của Liêng. Tôi đến thăm hai nhân sĩ Hòa Hảo có uy tín lớn trong vùng để xin cho hai cô ở trọ. Họ là những người lớn tuổi, quý trọng những người dạy dỗ con cháu họ, nhưng họ e dè trước hai cô giáo trẻ đẹp, văn minh - dân Sài Gòn. Tôi trấn an: Bà con ở đây ai cũng kính Đạo trọng Thầy, chúng cháu là giáo chức lại càng phải giữ gìn đạo lý gia phong, không giao tiếp bừa bãi để nêu gương cho học trò và cũng để giữ uy tín của bác.

Một chủ nhật nọ, tôi đến xã Long Thuận, thăm bác chủ nhà nơi cô Âu Mai ở trọ, xin phép hướng dẫn cô đi thăm thánh địa và các thắng cảnh ở Long Xuyên, Châu Đốc. Bước ra khỏi xã Long Thuận, cô Âu Mai xếp chiếc áo choàng bên ngoài vào giỏ. Cô không còn là cô giáo nghiêm trang, mà là hiện thân của một nữ sinh Sài thành đài các, xinh đẹp với chiếc áo Montagu thời trang lúc bấy giờ và quần jean đúng mốt. Tôi đã xin ông Thanh Tra tiểu học Nguyễn Văn Huệ cho cô Âu Mai về trường Hồng Ngự. Ông trả lời: Mấy thương nó phải không, nói thiệt đi, tao giúp. Tôi biết trả lời sao, thương thì thương thiệt, nhưng ngặt nỗi còn có Liêng, nên trả lời: Bác biết hết rồi, nên cháu mới dám xin.

Cuối năm 1965, mượn cơ công vụ, tôi mượn ho bo của quận đến trường Long Khánh C. Tôi nói với anh Hoàng Hiệu trưởng, muốn gặp cô Liêng. Nghe xong, anh đánh trống tan trường. Không những tôi mà các đồng nghiệp đều ngạc nhiên, trong khi học trò vui mừng được nghỉ học sớm. Hơn 200 giáo chức trong quận đều biết tôi vì hàng năm họ tụ tập về quận tham dự hội giảng giáo khoa, do tôi và hai thanh tra tiêu học thuyết trình. Biết mục đích của tôi đến trường để gặp Liêng, họ đến chào và rút lui sớm. Trong khung cảnh nên thơ buổi chiều của một ngôi trường nằm bên bờ sông lớn, tôi ngỏ lời cưới Liêng. Liêng trả lời, tùy má quyết định! Tại sao, em không muốn phải không? Liêng đáp: Vì má chưa biết anh. Ngày 23 tháng Chạp nhân dịp bãi trường Tết, tôi cùng Liêng về Mỹ Tho. Gặp lại thầy cũ, tôi không dám đường đột xin cưới Liêng, tôi dự tính sau Tết sẽ nói với bác tôi nhờ thầy Trần Ngọc Quang hoặc Bác Ba Vạng ngỏ ý với thầy. Trong khi ngồi hầu chuyện với thầy, tôi nghe tiếng động phía sau, chắc chắn là do má Liêng cố ý tạo ra, để tôi quay lại chào bà. Nhưng tôi đã không làm, vì mình đang ngồi hướng ra phía trước đúng như thầy đã dạy. Trước khi ra về, tôi xin phép được chào bác gái, thầy trả lời: Được rồi, để bác nói lại.

Ngoài sơ suất trên, tôi còn thất hứa với Liêng. Tôi đã hứa trưa mừng 5 Tết sẽ đón Liêng ở ngã ba Trung Lương để cả hai trở lại Hồng Ngự. Ngày Tết ham vui, nên không giữ lời hứa. Mấy ngày sau, vừa đến Kiến Phong, thì được lệnh phải trình diện gấp để theo học khóa 22 Thủ Đức. Tôi cũng không đến từ giả Liêng trước khi nhập ngũ. Đây là nỗi ray rứt dày vò cả đời tôi. Tôi tự an ủi, gia nhập quân đội, tôi đã mất người yêu. *Không được trọn tình với người mình yêu thì từ nay xin được trọn nghĩa với nước. Tôi không xin biệt phái, quyết gắn bó với quân đội, cuối cùng quân đội thân yêu của tôi cũng mất.*

Sau khi Tổng Thống Thiệu từ chức, cụ Hương mời Đại Tướng Dương Văn Minh đứng ra thành lập chánh phủ để nói chuyện hòa giải với chánh phủ Cách phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam. Cả hai thủ tướng hai bên miền Nam VN đều là học trò cụ Hương, nay là Tổng Thống VNCH. Nếu CS Bắc Việt thi hành HĐ Paris 1973, thì thầy trò Collège Mytho đã làm nên lịch sử. Ngày 30/4/1975, Tổng Thống cuối cùng VNCH -Đại Tướng Dương Văn Minh, mời đại diện Mặt trận Giải phóng

Miền Nam vào Dinh Độc lập để ông bàn giao chánh quyền. Chủ tịch MTGPMN, nay là Chủ tịch Hội đồng Cố vấn Chánh phủ cách mạng lâm thời - Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, sanh quán Mỹ Tho, cựu học sinh Collège Mytho. Tổng thư ký MTGP nay là Thủ tướng Chánh phủ cách mạng lâm thời - kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát cũng là cựu học sinh Mỹ Tho. Phó thủ tướng kiêm bộ trưởng Giáo dục Nguyễn Văn Kiệt nguyên là giáo sư Collège Mytho. Điều đau buồn, là không một ai trong số đó, nhận lãnh chánh quyền mới.

Người ta chỉ thấy tên chính ủy trung đoàn chiến xa miền Bắc vào Dinh Độc lập kè súng buộc ông Dương Văn Minh đọc lệnh QLVNCH đầu hàng Quân giải phóng miền Nam do họ thảo ra. Đó là *quân xâm lược miền Nam nên các tướng Lê Nguyên Vỹ - Tư lệnh Sư đoàn 5 Bộ binh, tướng Trần Văn Hai - Tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ binh, tướng Lê Văn Hưng - Tư lệnh Phó và tướng Nguyễn Khoa Nam - Tư lệnh Quân Đoàn IV không đầu hàng. Họ đã tự sát vì Danh Dự và Trách Nhiệm của QLVNCH, vì Tổ Quốc VN.*

Nhiều đồng môn và bạn bè của tôi đã đứng này hay bên kia trong cuộc chiến, cuối cùng đều vỡ mộng. Cá nhân tôi may mắn được quân đội phân công làm công tác nghiên cứu cuộc chiến VN. Nhờ đó tôi có dịp theo dõi cuộc chiến đau thương của dân tộc, để viết quyển Việt Nam Thắng và Bại. Quyển sách được Giáo sư Vũ Quốc Thúc viết lời Tựa. Giáo sư là một chứng nhân lịch sử đã chứng kiến những biến cố lớn của đất nước được tôi trình bày trong sách. Năm 2010, nhân kỷ niệm thượng thọ 90 tuổi, Giáo sư cho xuất bản quyển hồi ký Thời Đại Của Tôi. Đọc xong cuốn I, tôi có viết đôi dòng "*Cảm nghĩ khi đọc Thời Đại Của Tôi*". Tôi lại được vinh dự lớn, bài viết được Giáo sư dùng để mở đầu Cuốn II: *Đời Tôi Trải Qua Các Thời Biến*.

Tôi là học sinh thuộc thế hệ đầu tiên của ngôi trường vừa đổi tên từ Collège Le Myre de Vilers sang Nguyễn Đình Chiểu. Đó là buổi giao thời của đất nước chuyển đổi từ một quốc gia thuộc Liên Hiệp Pháp thành một quốc gia độc lập hoàn toàn. Gs Vũ Quốc Thúc làm Bộ trưởng Giáo dục Quốc gia VN trong giai đoạn này, mà người tiền nhiệm là Gs Nguyễn Thành Giung, người đã ký nghị định đổi tên trường. Gs Thúc là nhân chứng

lịch sử, quyền sách của ông -Thời Đại Của Tôi cũng là Thời đại của Dân tộc. Qua đó tôi hiểu rõ hơn lịch sử về việc ra đời của Quốc Gia Việt Nam.

Và để kết thúc bài viết, tôi đề cập đến hai nhân vật điển hình của ngôi trường trung học lâu đời nhất của đất nước: một vị thầy Trần Văn Hương -cựu Tổng Thống VNCH và một học trò Huỳnh Tấn Phát -cựu Thủ Tướng "Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa MNVN". Trong những *giờ phút cuối cùng của MN tự do, cụ Hương tuyên bố “Nếu CS đưa ra điều kiện của người thắng trận cho người bại trận, thì chúng ta không còn cách gì khác hơn là nếu được, chúng ta cứ việc chiến đấu đến cùng. Chừng đó dấu Sài Gòn này có biến thành một biển máu, tôi nghĩ rằng người VN vì thể diện của mình không thể nào mà từ chối được...Chúng ta sẽ cùng nhau với nước VN này mà chết, chớ không thể chấp nhận đầu hàng”*. Trong những ngày cuối tháng 4/1975, dù người Mỹ cung cấp phương tiện đề xuất ngoại, nhưng ông cương quyết ở lại với quê hương.

Bài viết này để góp phần trong Đặc san 2014 của Hội Ái hữu Cựu học sinh NĐC/LNH và đồng hương Mỹ Tho, tôi xin dành những dòng cuối để tưởng niệm một người Mỹ Tho (Cai Lậy), cựu học sinh Collège Mytho, cựu giáo sư Collège Le Myre de Vilers và Trung học NĐC. Đó là Giáo sư TRẦN VĂN DINH (1926-2014) đã dạy tôi môn Pháp Văn lớp Đệ thất 1953-54 và môn Sử Địa những năm sau đó. Tôi có may mắn được sống trong nhà thầy ở biệt thự số 10 đường Hùng Vương, bên trái cổng chánh trường NĐC trong năm 1958-59. Trong trường, thầy hết sức nghiêm khắc, nhưng nhờ có dịp gần gũi, tôi mới thấy Thầy là người đầy tình cảm với nụ cười luôn nở trên môi. Từ đó tôi không gọi ông là thầy nữa mà là Chú Ba thân thương. Năm 1964, chú Ba được Bs Nguyễn Tôn Hoàn mời làm Công cán Ủy viên ở Phủ Phó Thủ tướng đặc trách Bình Định phát triển.

Chú Ba qua đời ngày 16/3/2014. Kính xin chia buồn với thím Ba, các em Tùng, Trúc, Trân, Thảo và gia đình.

Lê Quế Lâm  
(Sydney/Australia 22/6/2014)



# MAI VỀ PHỐ CŨ

Dương Hồng Anh

**M**ai về thăm lại trường xưa  
Bước chân từ đấy bơ vơ mấy mùa  
Vị đời chưa biết cay chua  
Nghiêng tà áo tím bên hồ lá bay  
Lá bay gọi gió heo may  
Mùa thu hoa cúc mê say tuổi hồng  
Trái tim ấp ủ chờ mong  
Mộng mơ chấp cánh bên dòng thời gian  
Lá bay lơ lửng mơ màng  
Hai tay ôm chiếc lá vàng dễ thương  
Dịu dàng gió hát chiều sương  
Muôn ngàn kỷ niệm vẫn vương bời bời  
Mai về phố cũ nhớ người  
Nhớ bao tâm sự nhớ lời thủy chung  
Chiều nay lá đỏ chập chùng  
Thơ buồn khép lại -đôi dòng vào thu.



# Tưởng Nhớ Văn Hào Ái Quốc NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

## Trọng Lễ Âu Dương

**T**ên tuổi của Văn Hào Ái Quốc Nguyễn Đình Chiểu đã để lại rất nhiều thành tựu quý báu cho cả thế hệ con cháu đời sau về những mẫu mực đạo đức, văn hóa chính trị. Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu càng nhìn càng thấy tỏa thêm ánh sáng. Thi văn của Cụ là khúc ca hùng tráng để cổ động phong trào yêu nước, chống ngoại xâm. Ông là mối chỉ xe duyên cho đôi trai tài, gái sắc Lục Vân Tiên-Kiều Nguyệt Nga mà phàm là người Việt Nam, ai đã không một lần nghe hoặc đọc qua truyện Lục Vân Tiên, với sáu câu đầu:

*Trước đèn xem truyện Tây Minh  
Ngẫm cười hai chữ nhân tình éo le  
Ai ơi ! lẳng lẳng mà nghe*

### Giữ rắn việc trước, lánh dè thân sau

*Trai thì « trung hiếu » làm đầu  
Gái thì « tiết hạnh » là câu trau mình*

Ông còn là một người thầy giáo, một người thầy thuốc, một thầy giáo « mù » nhưng có tấm lòng cao cả, trong sáng, ái quốc:

### Thà đui mà giữ « đạo nhà »

*Còn hơn có mắt « ông cha (nước non) không thờ »  
Sự đời thà khuất đôi tròng mắt  
Lòng đạo xin tròn một tấm gương*

Sự nghiệp văn thi của Cụ là những thiên tuyệt tác lưu truyền trong dân gian lâu dài, và mãi mãi có giá trị nối tiếp đến các thế hệ sau. Ngôi bút của Cụ đã thể hiện quan điểm bất di bất dịch: *Tình Yêu Dân Tộc* là sâu sắc nhất:

*Chớ bao nhiêu đạo thuyên không khảm  
Đâm mấy thằng gian bút chẳng mòn*

Suốt đời luôn luôn cố võ cho anh em nghĩa sĩ đứng lên chống giặc ngoại xâm; kẻ thù không lay chuyển được ý chí của Cụ, nên bàn tính với bè lũ Việt Gian, nhiều lần đã dùng trăm phương ngàn kế, toan tính mua chuộc Cụ, nhưng chúng đều thất bại não nề...

Văn Hào ái quốc Nguyễn Đình Chiểu sinh năm 1822 ở thôn Tân Thới, huyện Bình Dương, tỉnh Gia Định (nay thuộc thành phố Sài Gòn) cha là Nguyễn Đình Huy, gốc người Thừa Thiên, nhân dịp được cử vào Nam làm thơ lại ở dinh Tổng Trấn Gia Định, mới kết hôn với một phụ nữ nơi đây mà sinh ra ông. Năm 1833 (Minh Mạng thứ 14) nhân vụ Lê Văn Khôi khởi binh chống triều đình Huế, cha ông cũng trốn về kinh đô Huế, rồi không biết vì lý do nào mà bị cách chức, nhưng ông vẫn tiếp tục ở lại Huế, mãi đến năm 1836 mới vào Nam và dẫn theo cậu con trai là Nguyễn Đình Chiểu ra Kinh để học. Năm 1843 (Thiệu Trị thứ 3) Nguyễn Đình Chiểu về Nam dự kỳ Thi Hương và đậu Tú Tài ở Trường Gia Định. Sau đó, Ông ra Kinh thi Hội. Trên đường đi, chợt nghe tin Mẹ mất (1846) nên quá đau buồn rồi nhuốm bệnh và khóc đến mù đôi mắt. Năm sau về cư tang và hành nghề dạy học (Người đương thời gọi Ông là Đồ Chiểu). Năm 1858 quân xâm lăng Pháp đánh chiếm Gia Định, Ông chạy về quê vợ ở Cần Giuộc; năm 1861 chạy về Ba Tri (Bến Tre). Lúc bấy giờ có nhiều nhà ái quốc như, (Trương Công Định, Thủ Khoa Huân) tập hợp được một số lớn quần chúng đứng dậy chống quân xâm lược Pháp. Nguyễn Đình Chiểu đã góp công sức mình vào sự nghiệp lớn lao ấy bằng phương diện tinh thần suốt thời gian đó. Sau khi phong trào Văn Thân tan rã, Nguyễn Đình Chiểu vẫn tiếp tục sống bằng nghề «Thầy Đồ» của mình; cuộc sống thật đạm bạc. Thực dân Pháp cùng bọn Việt Gian nhiều lần muốn mua chuộc Cụ, với cách giúp đỡ bằng phương tiện vật chất, nhưng Ông một mực từ chối. Đến năm 1888 ông bệnh nặng và qua đời ở tuổi 66, và cũng trong khoảng thời gian này, vua Hàm Nghi vì có «nội phản» nên bị thực dân Pháp kết tội và đày sang Châu Phi.

Văn chương của Nguyễn Đình Chiểu là văn chương yêu nước, bút của Ông dùng để viết lên tâm lòng tha thiết của mình trước vận nước, tình nhà, tạo nên một hiện tượng lớn trong văn

học, văn nghệ Miền Nam. Tất cả những hiện tượng ấy được thu về ở con người Nguyễn Đình Chiểu; từ mọi thể thơ, vẫn giữ mãi mãi cái tinh thần bất di bất dịch là: lòng yêu nước...

Lòng yêu nước này không phải là những tình cảm thông thường, mà nó xuất phát từ lòng thiết tha, từ tình yêu bất tận đối với Quê Hương, Dân Tộc, Nước Tổ, Dòng Giống, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc. Tình cảm sâu đậm này được thoát ra từ thực tại đau thương, trước thảm họa của Nước Nhà. Bằng những tác phẩm dài như: «Lục Vân Tiên, Ngư Tiều Vãn Đáp» đến những bài văn tế lâm ly, thống thiết, nhưng rất hùng dũng. Nguyễn Đình Chiểu đã nói lên đầy đủ bằng tiếng nói của mình. Với các bài văn đó, chúng ta bắt gặp nơi người chiến sĩ mù lòa những tình cảm đặc thù của một người chiến sĩ văn hóa...

Ở đây ai cũng thấy rõ phong cách, nỗi lòng của ông vào buổi tang thương của lịch sử nước nhà. Các bài văn tế, các bài thơ của ông, có một giá trị rất lớn, vì nó xuất phát từ tình tự dân tộc, từ lòng yêu mến giống nòi. Trong đời sống thường nhật của Nguyễn Đình Chiểu, ông đã nhiều lần rơi lệ trước tiền đồ đen tối của dân tộc. Nhưng bên những giọt nước mắt đó, người chiến sĩ văn hóa cũng cảm thấy tâm hồn mình rộn lên một niềm vui lớn. Niềm vui ấy xuất phát từ con tim nóng bỏng, biết mình phải làm gì trong nỗi nhục mất nước.

Tuy không đủ khả năng chiến đấu với quân thù bằng vũ lực. Nguyễn Đình Chiểu phải dùng khí giới cuối cùng của mình: khí giới đó là một tâm hồn nồng cháy, một ngọn bút sắc bén được thể hiện bằng những «văn thơ mới» để khơi dậy lòng căm thù quân xâm lăng, cướp nước trước nạn ngoại xâm tàn bạo, ác ôn.. Chính khí giới ấy đã làm cho quân thù mặc dù binh hùng, tướng mạnh, cũng luôn luôn lo sợ phập phồng và cũng vì đó mà giá trị con người của Nguyễn Đình Chiểu được vang danh.

Bài văn tế «Trận Vong Chiến Sĩ» là những lời thơ rướm máu, thoát ra từ con tim nhiệt quyết, nhưng cũng chứa chan đầy thi vị. Những lời thơ này được nói ra để hướng đến đối tượng rõ rệt : căm thù quân xâm lăng cướp nước, và biết ơn những chiến sĩ vô danh hy sinh vì đại nghĩa, không muốn đất nước mình bị lệ thuộc vào bất cứ bọn xâm lăng nào dù đến từ Âu hay Á.! Họ là ai? Là những người không tên tuổi, quanh năm suốt tháng chẳng

biết gì ngoài những điều thông thường nơi ruộng vườn rẫy bãi, kinh rạch, sông ngòi, nhưng khi quyền sống và danh dự tổ quốc bị chà đạp thì họ trở thành những chiến sĩ kiêu hùng, kiên trung... Hoà mình với ý chí kiên cường của các chiến sĩ vô danh này, Nguyễn Đình Chiểu đã viết bài Văn Tế «Nguyên văn tự của văn hào Nguyễn Đình Chiểu, (văn chương vào thời đại đó)».

« Súng giặc đất rền, lòng dân trời tỏ, Mười năm công võ, ruộng xưa ất còn, danh nổi như pháo, một trận nghĩa sĩ đánh Tây, tuy là thất, nhưng rền tiếng vang. Nhớ linh xưa, cui cút làm ăn, riêng lo nghèo khó. Chưa quen yên ngựa, đưa tới trường nhung, chỉ biết ruộng, trâu, ở theo làng bộ. Việc cuốc, việc cày cấy, tay vốn quen làm; tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạt phật phòng hơn mười tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa, mùi tinh chiêu (hôi hám) vất vả đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ. Chi nhọc quan quản giống trồng kỳ, trồng giục, đập rào lướt tới, coi giặc như không, nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn lớn, xô cửa xông vào, liều mình chẳng sợ. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho bọn Việt Gian, Mani hồn kinh, bọn hè trước, lũ ó sau, trôi kệ tàu sắt, tàu đồng, súng nổ ».

Lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu đôi khi nhẹ nhàng như đám mây lơ lửng giữa bầu trời nắng đẹp. Có đó rồi mất đó, rồi hiện trở lại. Nhưng khi tổ quốc bị quân thù giày xéo, thì tình yêu nước ấy được thể hiện, được thúc một cách mãnh liệt bằng mọi hình thức để chống quân thù cướp nước.

*«Từ thuở Tây qua cướp nước, xưng Tân trào, gây nợ oán cừu, chẳng qua dân mắc nạn trời, hoài cựu chúa, mang lời phản trặc.*

*Các bậc sĩ nông công cổ, liền mang tay súng song lâm, mấy nơi tổng lý, xã thôn, đều mắc hại vì cờ tam sắc. Phạt cho đến người hèn, kẻ khốn, thâu của quay heo, tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật...*

*Kể mười mấy năm trời khốn đốn, bị khảo, bị tù dày, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên, đem ba tấc hơi mòn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước*

*mát. Khả thương thay dân sa nước lửa bấy chầy, giặc ép mỡ dầu hết sức.*

*Đành những kẻ có cha thù ân oán, nhảy vào vòng báo ứng đã cam, cực cho người vợ yếu con cô, gây đoạn thâm sâu không dứt. Sống thì chịu tuyết sương trời một góc, khó đem sừng ngựa quy kỳ. Thác rồi, mưa ngút bể muôn trùng, khôn mượn thơ nhân đưa tin tức...*

*Thấp thoáng hồn ma phách quế, lòng cổ hương gợi lại bóng trắng treo, bơ vơ nước quý non ma, hơi âm sát về theo luồng gió bắc... Nhớ phận áo com đất nước, trợn mây năm ngóng cổ trông quan, so bề mồ mã ông cha, còn hơn đũa dành lòng theo giặc.»*

Trong bài «Tế Nghĩa Sĩ Cần Giuộc» Đau đớn quá! mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều. Nào nùng thay vợ yếu chạy tìm chồng, con xé bóng dật dờ trước ngõ...

Gia Định trời chiều rạng rắng, oan hồn theo con bóng ác dật dờ, đất Biên Hòa đêm vắng trăng lơ, oan quỷ nhóm ngọn đèn trời hiu hắt.

Bài thơ chạy giặc như sau:

*Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây  
 Một bàn cờ thế lúc sa tay  
 Bỏ nhà lũ chó lãng xăng chạy  
 Mất ổ, đàn chim dáo dác bay  
 Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước  
 Đồng Nai tranh ngói nhuốm màu mây  
 Hỡi trang đẹp loạn rày đâu vắng?  
 Nỡ để dân đen mắc nạn này!....*

Một bài điều văn khác nữa của nhà thơ ái quốc Nguyễn Đình Chiểu được xuất phát từ con tim đầy phần nộ, bi thương cho tập thể dân tộc đang chiến đấu trong một hoàn cảnh hiểm nghèo, quá chênh lệch về võ trang, nhưng vẫn tràn đầy ý chí quật cường, chứa chan tình yêu thương đồng loại...

«Man mát trăm chiều tâm sự, sống những lo trả nợ nước non, phơi pha một hình hài..., thác rồi bỏ làm phân cho đất quê hương... Nghĩ nổi anh hùng nạn nước, bãi khô lâu nào mấy kẻ

khóc than, tưởng câu danh lợi tuồng đời, trường quỹ lũy mặc dù ai nào nức...

Ổ Nguyễn Đình Chiểu chúng ta vừa thấy nổi bật nơi ông một con người toàn diện, vừa lý tưởng nhưng cũng rất thực tế. Gần trọn đời ông phải sống tưởng chừng như vô nghĩa ấy, nhà nho Nguyễn Đình Chiểu đã dùng văn chương làm nguồn cảm hứng cho mình, và chính bộ môn đó đã trở thành khí giới quyết định để diệt thù cứu nước. Tư tưởng tình cảm của Nguyễn Đình Chiểu đều thấm nhuần tình tự yêu nước, yêu dân tộc sâu xa, và cũng chính là niềm tin thành khẩn, tha thiết của con người Ông không làm thơ văn như các thi sĩ khác, mà muốn dùng thơ văn như một lợi khí chống xâm lăng. Khí giới ấy là một loại khí giới phi thường được nhà thơ chiến đấu không mỗi một này tận lực xây dựng.

Nguyễn Đình Chiểu đã để lại một bài học, một sự nghiệp văn hóa lớn lao cho dân tộc. Đọc thơ văn của ông, chúng ta bắt gặp ở ông một chiến sĩ văn hóa toàn diện mà vẫn có những nét đặc thù của con người Miền Nam. Trong ý niệm đó, Nguyễn Đình Chiểu đúng là một nhà trí thức lớn của dân tộc Việt Nam, nói chung và của Miền Nam nói riêng.

Tư tưởng Nguyễn Đình Chiểu là ngọn đuốc soi sáng cho cả thế hệ mai sau. Ngót gần hai thế kỷ trôi qua, Nguyễn Đình Chiểu đã sinh ra và đã sống mãi mãi với dân tộc Việt Nam. Dù con người có trở thành cát bụi theo bước đi của thời gian, nhưng tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu là bất diệt...

Trọng Lễ Âu Dương, sưu tầm biên soạn và góp ý.

Dựa theo tài liệu Tiến trình văn nghệ miền Nam của N. Quang Thắng, Khu mộ của thi hào Ái Quốc Nguyễn Đình Chiểu, cách thị trấn Ba Tri (Bến Tre) khoảng 2 km.

Một tinh lý ở Tiền Giang (Mỹ Tho) hân hạnh có một trường Trung Học danh tiếng mang tên Văn Hào Ái Quốc Nguyễn Đình Chiểu.



# V Những Biến Đổi Trong VĂN HOÁ VIỆT NAM

Nguyễn Thanh Liêm

*[...Sự đoàn kết quốc gia cũng như sự thống nhất ý chí để làm một việc lớn lao nào cũng phải tựa trên tinh thần đa nguyên, đa văn hóa. Phải khởi sự bằng sự chấp nhận những khác biệt của người khác cái đã rồi mới có thể đi đến những cuộc đối thoại thông cảm xây dựng và có hiệu quả thật sự. Hơn nữa, muốn dân tộc tiến bộ, muốn hiện đại hóa xã hội, cần phải biết rõ những điều kiện cần và đủ để làm cho văn hóa biến đổi theo chiều hướng tiến bộ chung của nhân loại. Đó là những điều kiện đã đưa xã hội Miền Nam đến chỗ giàu có và dân Miền Nam đến chỗ thịnh vượng, hạnh phúc hơn xã hội Miền Bắc như đã thấy ở phần trên. NTL]*

**M**ột cách tổng quát có thể hiểu văn hóa là lối sống (life style) của một nhóm người ở trong một khu vực địa lý nào đó hay rộng hơn là của cả một dân tộc trong một quốc gia. Có xã hội loài người là có văn hóa vì có những sinh hoạt có ý thức của con người. Ngôn ngữ, tư tưởng, tín ngưỡng, các hoạt động kinh tế, các kỹ thuật, các sinh hoạt nghệ thuật, cách xử sự ở đời, cách ăn mặc, các thú lễ nghi...tất cả mọi hoạt động của con người trên cõi đời này đều thuộc về văn hóa. Khi mở mắt chào đời ta đã được đặt trong một cộng đồng, một xã hội, một nền văn hóa rồi.

Khi nói đến văn hóa Việt Nam chúng ta nghĩ ngay đến nền văn hóa của người dân Việt từ thuở xa xưa nào đến giờ và từ Ai Nam Quan đến Mũi Cà Mau, với một số những đặc tính nào đó gắn liền với con người và xã hội văn hóa Việt, làm cho nó khác biệt với những nền văn hóa của các dân tộc khác trên thế giới. Nó bao gồm tiếng Việt, tư tưởng Việt, tôn giáo tín ngưỡng Việt, lễ nghi Việt, quần áo thức ăn Việt, v.v.. Vì mang những đặc tính rất đặc biệt của dân tộc Việt Nam từ nhiều năm qua nên văn hóa dân tộc thường được đồng hóa với văn hóa cổ truyền hay truyền



thống văn hóa Việt. Đó là nền văn hóa mà hầu hết người Việt Nam chúng ta đều nghĩ rằng nó là của chung của chúng ta do tổ tiên ta dựng nên từ hơn bốn ngàn năm qua.

Những người thiết tha với văn hóa Việt Nam, muốn làm cái gì tốt đẹp cho văn hóa nước nhà thường có thể nghĩ đến một mặt bảo tồn nền văn hóa cổ truyền của dân tộc và mặt khác phát huy hay tân tiến hóa nền văn hóa đó để xây dựng nên một nền văn hóa mới. Và khi nói đến bảo tồn hay phát huy hay tân tiến hóa là phải nói đến sự biến đổi của văn hóa. Không có một nền văn hóa nào đứng yên một chỗ, không có một nền văn hóa nào có thể giữ nguyên trạng thái của nó từ buổi ban đầu cho đến bây giờ dù người ta có cố bảo tồn duy trì nó mãi. Kết quả của những công trình nghiên cứu về văn hóa của các nhà văn hoá nhân loại học (cultural anthropology) cho thấy *không có một nền văn hóa nào hoàn toàn giữ được nguyên vẹn những đặc tính của nó qua thời gian*. Bất cứ nền văn hóa nào, dù ở trong những xã hội đóng kín không có những tiếp xúc với bên ngoài đi nữa, vẫn ít nhiều thay đổi theo thời gian. Nhịp điệu biến đổi có thể từ rất nhanh, đến nhanh, hay chậm và rất chậm, tùy theo hoàn cảnh, tùy theo trường hợp. Phần nhiều các nền văn hóa đều thay đổi rất chậm nếu không có những va chạm/xung đột lớn lao như sự va chạm/xung đột giữa văn hóa Á Đông và văn minh Âu Tây hồi thế kỷ XIX-XX. Nhưng dẫu chậm nó vẫn phải thay đổi mặc dầu trong đà biến đổi tự nhiên của văn hóa bao giờ cũng có khuynh hướng chống lại không nhiều thì ít.

Văn hóa Việt Nam không tránh được những định luật thay đổi tự nhiên đó theo thời gian và không gian. Từ trước thời Bắc Thuộc cho đến cuối thế kỷ XX nền văn hóa Việt Nam đã có nhiều thay đổi theo thời gian. Một số những tập tục xưa được ghi chép trong sách sử bây giờ không còn tồn tại nữa, hoặc chỉ còn sót lại trong các thế hệ trước đây ở một ít vùng quê xa xôi mà thôi như tục xăm mình, ăn trâu, nhuộm răng chằng hạn. Ngược lại có những thói quen mới chỉ xuất hiện gần đây chứ không có trong xã hội xưa như thói quen uống cà phê buổi sáng hay bắt tay khi chào nhau. Tư tưởng, khoa học, kỹ thuật thay đổi nhiều từ khi có công cuộc đô hộ của người Pháp hồi cuối thế kỷ XIX. Trong quá trình bành trướng lãnh thổ từ Miền Bắc vào Miền Nam nền văn hóa Việt Nam cũng có nhiều thay đổi theo không

gian, theo môi trường sinh sống, từ thức ăn, quần áo, đến cách phát âm tiếng Việt, làng mạc, tôn giáo, tín ngưỡng, nghệ thuật, tâm lý, tư tưởng, v.v..

Về thức ăn chẳng hạn. Người Bắc có bún chả trong khi người Nam thì có bún thịt nướng tuy cả hai thứ đều dùng những mẫu thức chung là bún, thịt nướng, rau sống và nước mắm, chỉ khác nhau ở phần sắp xếp trình bày. Người Bắc thì để chung thịt nướng vào trong chén với nước mắm còn bún với rau thì để riêng cho khách tùy nghi, trong khi người Nam để chung tất cả các thứ vào trong cái tô với một chén nước mắm để riêng để khách hàng tùy nghi chan vào. Nếu lấy bún với nước lèo làm mẫu thức chung thì ta có bún thang bún riêu bún ốc của người Bắc, bún bò Huế của người Trung, và bún mắm với bún nước lèo của người Nam. Nước lèo là tiếng Nam trong khi nước dùng là tiếng Bắc, tuy hai tiếng chỉ cùng một thứ nước dùng cho các loại bún nói trên.

Cách ăn mặc cũng có chỗ khác nhau từ chiếc áo tứ thân của người Bắc đến chiếc áo bà ba của người Nam. Đàn ông miền Nam theo Tây sớm hơn trong khi nhiều người đàn ông miền Bắc vẫn còn mặc áo dài theo xưa. Hồi thập niên 1950 ở Đại Học Văn Khoa và Cao Đẳng Sư Phạm Sài Gòn người ta thấy mấy cụ giáo sư Cử/ Tú từ miền Bắc vào (cụ Bình, cụ Nghinh, cụ Quỳnh, cụ Chiêu, trừ cụ Nghè Giác) vẫn mặc áo dài khăn đóng đi dạy học trong khi các giáo sư lớn tuổi miền Nam (thầy Tấn, thầy Lúa, thầy Trụ, cụ Sên...) đều ăn mặc theo Tây.

Về phương diện ngôn ngữ tuy cả ba miền đều sử dụng một thứ ngôn ngữ chung như nhau nhưng trên phần lớn ngữ vựng thông dụng cho cả ba miền còn có những tiếng địa phương đặc biệt chỉ xài cho một vùng hay một địa phương nào đó thôi. Có khi cùng một từ ngữ nhưng ý nghĩa lại khác nhau tùy theo miền. Cái hòm đối với người miền Nam là cái hàng để tân liệm người chết trong khi người Bắc dùng chữ đó với ý nghĩa của cái rương đựng đồ dùng của người miền Nam. Củ sắn của người Bắc là củ khoai mì của người Nam. Những tiếng xưng hô trong gia đình họ hàng cũng có chỗ khác biệt. Tiếng cô, chú, bác giữa người Nam và người Bắc rất khác nhau cũng như những tiếng đi dượng thì chỉ có người miền Nam và một số người miền Trung

dùng đến. Khác biệt rõ ràng nhất là cách phát âm tiếng Việt của mỗi vùng, mỗi địa phương. Người miền Bắc phát âm đủ cả năm dấu, nhất là phân biệt được rõ ràng dấu hỏi và dấu ngã, phân biệt được phụ âm t và c ở cuối chữ (như phát và phác, phứt và phúc...), nhưng lại không phân biệt được hai phụ âm tr và ch (trần châu và chân trâu chẳng hạn). Phần đông người miền Nam đều phân biệt các phụ âm tr và ch nhưng không phân biệt hỏi ngã và các phụ âm t và c ở cuối chữ. Đối với người bình dân miền Nam thì người Huế phát âm các dấu sắc hỏi ngã đều như dấu nặng, và người Quảng Nam/Quảng Ngãi thì phát âm những nguyên âm a như ơ và ơ như ô.

Trên phương diện tôn giáo, tín ngưỡng, mặc dầu hầu hết người Việt Nam đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của tam giáo và đều xem sự thờ cúng tổ tiên như một tôn giáo chính của người Việt Nam nhưng riêng ở miền Nam thì ngoài căn bản tín ngưỡng đó còn có thêm những tôn giáo tín ngưỡng khác hơn chẳng hạn như Cao Đài giáo, Bửu Sơn Kỳ Hương và Phật Giáo Hòa Hảo.

Ở địa hạt nghệ thuật hát cải lương và câu ca vọng cổ là cái gì rất đặc biệt của người miền Nam trong khi hát chèo hát quan họ thì chỉ có người Bắc mới biết.

Tiểu thuyết (như tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh chẳng hạn) hay nói chung văn chương miền Nam có những sắc thái đặc biệt của người miền Nam mà chỉ những người sanh trưởng ở vùng đồng bằng sông Cửu Long mới có thể thưởng thức được cái hay cái thích thú trong đó.

Đặc biệt là tổ chức làng xã ở trong Nam không giống tổ chức xã thôn ở ngoài Bắc. Ở ngoài Bắc các xã thường được bao bọc bởi lũy tre xanh và có một cái cổng vào làng. Làng này cách biệt với làng kia bằng những ranh giới có thể nhận biết dễ dàng. Ở vùng đồng bằng sông Cửu Long làng này tiếp nối với làng khác, không có cổng làng, không có lũy tre làm ranh giới. Nếu không phải là người ở tại địa phương thì khó mà biết được ranh giới giữa làng này với làng khác. Tổ chức hành chánh địa phương cũng khác với miền Bắc. Ở đây mỗi làng, dưới thời Pháp thuộc có *ban hội tế gồm hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương quán... và chánh lục bộ, lo về việc cai trị, hành chánh trong làng*. Ngoài ban hội tế còn có các vị *bồi, bá, kể*

*hiên... là những người lớn tuổi có nhiều uy tín trong làng thường giữ vai trò như cố vấn nhất là trong những việc tế tự lễ nghi. Ở miền Nam thời Pháp thuộc có những chức vụ không thấy có ở miền Bắc như Thầy Cai Tổng hay ông Hội Đồng. Tóm lại từ châu thổ sông Hồng Hà đến châu thổ sông Cửu Long lối sống của người dân Việt cũng như tổ chức xã hội Việt Nam đã có nhiều biến đổi.*

*Tại sao có những biến đổi như vậy? Môi trường sinh sống mới và sự tiếp xúc với những nền văn hóa khác là những điều kiện cần yếu đưa đến những biến đổi đó. Từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa và các chúa Nguyễn nối tiếp, xây dựng nên Đàng Trong thì bắt đầu có một nhánh văn hóa Việt biến dạng dần dần trở thành một chi nhánh văn hóa (subculture) có phần khác biệt với văn hóa cổ truyền ở miền Bắc. Sự cắt đứt liên hệ chính trị giữa Đàng Trong (Chúa Nguyễn) và Đàng Ngoài (Chúa Trịnh), sự phân tranh Nam Bắc và chia đôi lãnh thổ đã là cơ hội để tạo nên một chi nhánh văn hóa mới xa dần văn hóa cổ truyền.*

Đến thế kỷ XVII khi Họ Nguyễn chiếm hết cả miền Trung và rồi một số người miền Trung vào khai phá miền Nam khẩn hoang lập ấp xây dựng nên miền Nam thì một chi nhánh văn hóa khác nữa lại thành hình. Chi nhánh văn hóa mới này lại càng cách biệt với văn hóa gốc ở miền Bắc hơn nữa. Về phương diện địa lý và môi trường sinh sống, khác với những vùng đất đai chật hẹp khô cằn nằm giữa núi non và ven biển, miền Nam là cả một vùng đất hoang mênh mông chằng chịt sông rạch với không biết là bao nhiêu cá tôm rau cỏ cây trái. Đất đai lại rất phì nhiêu do phù sa mang lại. Khẩn hoang lập nghiệp tuy có cực nhọc nặng nề nhưng kết quả thu lượm dễ dàng và khả quan, đời sống tự nhiên ung dung thoải mái. Vùng mới lập này tuy có ít nhiều liên hệ với Chúa Nguyễn nhưng triều đình ở xa, tổ chức cai trị không chặt chẽ tùy thuộc ở triều đình Huế (chế độ tông trản), thêm vào đó còn có những biến cố chính trị làm thay ngôi đổi chủ nhiều lần cho nên tương đối có nhiều tự do địa phương. Nỗ lực chính của những thế hệ đầu tiên vào đây là khai khẩn đất đai, thiết lập đời sống mới nhiều hơn là trau dồi kinh sử để lãnh lấy mũ áo chức tước của triều đình.

Đời sống dễ dãi, tương đối thừa thãi về vật chất và tự do về tinh thần, đã không bắt buộc người dân Việt ở đây phải duy trì hay theo đúng những phong tục tập quán đã được mang vào Đàng Trong từ mấy thế kỷ trước. Sự lỏng lẻo của khuôn phép từ thế hệ này sang thế hệ khác đã tạo nên một nếp sống mới, một tính tình và nhân cách mới, rộng rãi và phóng khoáng, với tâm hồn chân thật, chất phác, mở rộng để đón nhận những cái mới lạ hơn là khép kín để duy trì những cái đã có. Ngoài hoàn cảnh địa lý nói trên, trong quá trình mở rộng đất đai về phương Nam chi nhánh văn hóa Đàng Trong đã phải tiếp xúc va chạm với những nền văn hóa khác tạo nên điều kiện rất cần cho sự biến đổi về văn hóa. Có tiếp xúc với văn hóa khác là có cơ hội để nhìn thấy lối sống, cách hoạt động, sự tín ngưỡng, lễ lới suy tư của một giống người khác. Từ đó có thể có những thích nghi với nhau hay vay mượn lẫn nhau ít nhiều từ tập quán, kỹ thuật, đến tín ngưỡng và nghệ thuật. Từ thế kỷ XVII người Đàng Trong đã có cơ hội gần gũi với văn hóa Chiêm Thành, đã nhìn thấy và hiểu biết lối sống của người dân Chăm. Sau đó sang thế kỷ XVIII người Việt khi bành trướng lãnh thổ về miền Nam lại có dịp sống bên cạnh người Miên và người Trung Hoa (Minh Hương, Triều Châu). Và gần đây hơn từ thế kỷ XIX người Việt ở đây lại có nhiều dịp để biết đến đạo Thiên Chúa cùng văn minh Tây Phương do người Pháp mang đến. Có thể nói miền Nam cũng nán như xứ Mỹ, nó là một xã hội mới thành hình với nhiều chủng tộc sống lẫn lộn trong đó và với một nền văn hóa ít nhiều pha trộn đủ thứ. Nó mang rất ít tính chất cổ truyền của nền văn hóa gốc.

Sự gặp gỡ, tiếp xúc giữa các nền văn hóa thật ra chỉ là điều kiện cần mà thôi chớ chưa phải là điều kiện đủ để cho sự vay mượn, học hỏi xảy ra. Trường hợp của bốn bộ lạc lân cận trên vùng Nilgiri (Ấn Độ) chẳng hạn, cho thấy tuy có tiếp xúc văn hóa với nhau nhưng bốn bộ lạc khác nhau này không hề vay mượn nhau tí nào trong lối sống của họ. Các nhà văn hóa nhân loại học gọi trường hợp trên đây là “kinh tế, xã hội cộng sinh” (economic and social symbiosis) nghĩa là cùng sống với nhau về phương diện xã hội và kinh tế mà thôi nhưng không vay mượn nhau hay thích nghi với nhau về văn hóa (acculturation). *Điều*

*kiện đủ để đưa đến vay mượn và thích nghi văn hóa là sự có mặt của những yếu tố sau đây: (1) tinh thần khai phóng của người vay mượn, (2) sự tự do chấp nhận cái mới lạ của người vay mượn, và (3) sự lợi ích của những gì được vay mượn học hỏi.* Văn hóa không thay đổi nếu các thành phần trong nền văn hóa đó không có tinh thần cởi mở, không chấp nhận những cái mới lạ của nền văn hóa khác. Mặt khác dù các thành phần chấp nhận những cái mới lạ của văn hóa khác nhưng không có tự do để học hỏi, thực hiện thì văn hóa cũng không có cơ hội thay đổi. Có thể vì luật lệ cứng rắn của quốc gia, có thể vì tính khắt khe của phong tục tập quán mà người ta không có đủ tự do để học hỏi và thực hiện điều gì mới lạ trong cuộc sống. Sau hết người ta chỉ học hỏi vay mượn khi nào điều người ta muốn học hỏi vay mượn đó đáp ứng được nhu cầu sinh sống của con người. Đây không phải là những *đòi hỏi căn bản ở hạ tầng sinh lý* (primary drives) như đói, khát, làm tình... mà là những *thôi thúc ở giai tầng cao hơn* (secondary drives) như phẩm chất của đồ ăn thức uống, phẩm chất và sự tiện lợi của loại đồ dùng nào đó, và cao hơn nữa là những *nhu cầu tinh thần* như tôn giáo tín ngưỡng, nghệ thuật, v.v..

Những điều kiện trên đây cần phải có đủ thì văn hóa mới có thể thay đổi được. Người Việt Nam trong quá trình bành trướng lãnh thổ và định cư vào Phương Nam đã có đủ những điều kiện ghi trên. Họ có tinh thần rộng rãi khai phóng, không mù quáng tôn sùng cổ nhân, không khép kín chật hẹp hay bế quan tỏa cảng. Họ có ít nhiều tự do chớ không bị chặt chẽ ràng buộc bởi luật lệ cứng rắn của triều đình hay tập quán khắt khe của xã hội. Khi đã có đủ những điều kiện cần và đủ thì tất nhiên văn hóa phải thay đổi theo lối sống thay đổi của con người ở vùng đất mới mẻ này. Như vậy có thể nói một cách tổng quát là người Việt Nam có một *nền văn hóa chung* (general culture) là văn hóa Việt Nam (Vietnamese Culture), và dưới nền văn hóa chung đó có những *chi nhánh văn hóa* (subculture) như chi nhánh văn hóa sông Hồng, chi nhánh văn hóa miền Trung, chi nhánh văn hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Các chi nhánh văn hóa có cùng một số đặc tính xem như cùng mẫu số chung nhưng trên mẫu số chung đó vẫn có những nét đặc thù khác biệt của mỗi vùng hay mỗi miền. Những khác biệt này là những biến đổi tự nhiên của

văn hóa Việt Nam qua bao nhiêu thế hệ và qua quá trình bành trướng lãnh thổ, tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác. Biến đổi để thích ứng với môi trường và hoàn cảnh mới, đó là điều kiện cần yếu để một nền văn hóa sinh tồn và tiến hóa.

Những người làm chính trị cũng như những nhà làm văn hóa, hay nói rộng ra hơn, tất cả những ai thiết tha với nền văn hóa nước nhà, cần phải nhìn thấy sự khác biệt giữa những chi nhánh văn hóa cũng như những lý do đưa đến sự khác biệt đó. Nhận biết như vậy không phải để cố võ cho sự chia rẽ hay gây tinh thần kỳ thị địa phương mà là để có thể đi đến **tinh thần đa nguyên đa văn hóa (cultural pluralism)**. **Tinh thần này đòi hỏi người ta phải nhìn thấy và chấp nhận sự khác biệt giữa các nền văn hóa hay giữa các chi nhánh văn hóa với nhau. Từ sự chấp nhận khác biệt đó người ta mới có thể hiểu nhau và cộng tác với nhau lâu dài và hữu hiệu được. Ngược lại nếu phủ nhận sự khác biệt để đi đến cái nhìn thiên lệch là chỉ có văn hóa của mình là tốt nhất thì khó có thể tránh được hậu quả tai hại là sẽ bị rơi vào một hình thức nào đó của chủ nghĩa “chủng tộc độc tôn” (ethnocentrism) và tinh thần kỳ thị chủng tộc hoặc một hình thức kỳ thị nào khác. Sự đoàn kết quốc gia cũng như sự thống nhất ý chí để làm một việc lớn lao nào cũng phải tựa trên tinh thần đa nguyên, đa văn hóa. Phải khởi sự bằng sự chấp nhận những khác biệt của người khác cái đã rồi mới có thể đi đến những cuộc đối thoại thông cảm xây dựng và có hiệu quả thật sự. Hơn nữa, muốn dân tộc tiên bộ, muốn hiện đại hóa xã hội, cần phải biết rõ những điều kiện cần và đủ để làm cho văn hóa biến đổi theo chiều hướng tiến bộ chung của nhân loại. Đó là những điều kiện đã đưa xã hội Miền Nam đến chỗ giàu có và dân Miền Nam đến chỗ thịnh vượng, hạnh phúc hơn xã hội Miền Bắc như đã thấy ở phần trên.**



# NGHI THỨC TẾ LỄ CỔ TRUYỀN LỆ KỶ YÊN ĐÌNH ĐIỀU HOÀ

**Võ Thiện Hiếu**

*Phụng soạn để kính tưởng đến bác Hoàng Hoán,  
Hội trưởng Hội Bảo Tồn Văn Hóa Lịch Sử Việt Nam  
tại Hoa Kỳ*

**T**ế lễ cổ truyền là một sắc thái đặc thù của nền Văn Hóa Dân Tộc bằng những nghi thức truyền thống nhằm ghi nhớ và tưởng niệm đến công lao của Tiên nhân đã dày công xây dựng và giữ gìn đất nước, mở mang bờ cõi. Ở mỗi miền có những nghi thức tế lễ cổ truyền khác nhau giữa ba miền Bắc Trung Nam nhưng tựu trung đều có một mẫu số chung đó là Văn Hóa Truyền Thống Dân Tộc.

Riêng tại miền Nam chúng ta thường thấy nghi thức tế lễ ngày nay còn lưu lại và tổ chức tế lễ trong những dịp cúng đình Lệ Kỳ Yên, điển hình là Đình Điều Hòa nằm trên đường Trịnh Hoài Đức thuộc Phường 2, thành phố Mỹ Tho.

Đây là một ngôi đình cổ được liệt vào hàng Di Tích Lịch Sử Văn Hóa Dân Tộc với phong cách kiến trúc nghệ thuật thời nhà Nguyễn được xây dựng trên 200 năm mang đậm nét văn hóa dân tộc thể hiện qua cấu trúc xây dựng và các khuôn trang chạm khắc bên trong. Trước năm 1975 ngôi đình này được tu bổ nhiều lần và được sự bảo trợ danh dự của Đệ Nhất phu nhân Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu, Bà Nguyễn Thị Mai-Anh (Bà là người Mỹ Tho, nhà gần Cầu Bắc sát bên giếng nước đường Ông Bà Nguyễn Trung Long) cho trùng tu lại rất khang trang. Trên mặt dựng của công đình có khắc 3 chữ Hán “Đình Điều Hòa”, mặt sau công có bức tranh “Thất Hiền Quá Hải”, hai bên thân trụ công có câu đối của Ông Cao Xuân Dục quan Đại Thần triều Nguyễn viết tặng khi ông về thăm đình vào năm Duy Tân thứ I:



*“Tứ hải bốn đồng phùng thuận trị.  
Nhất thôn phong hóa hảo Điều Hòa”*



**Cổng Tam Quan Đình Điều Hòa**

Nơi đây tập trung và bảo tồn nhiều di sản văn hóa cổ như những đỉnh lư đồng lớn, bộ binh khí cổ và nhiều cổ vật gốm sứ của Trung Quốc từ thế kỷ XVIII. Qua cổng tam quan là sân kiềng ngay giữa sân là trụ cờ Đại ngũ sắc vuông khoảng 1 mét có viền rìa. Kế bên trụ cờ có một trụ sắt rỗng đường kính khoảng 1 tấc, cao ½ mét để dựng cây Nêu mỗi khi Tết đến và trên cây Nêu có một lá phượng điều đuôi neo có nội dung: “*Thọ Tỷ Nam San Phước Như Đông Hải*”. Bên trái sân có bàn thờ Thần Nông có mặt dựng cao 1 mét ½ có chạm nổi hình con Hồ Phục ở mặt trước, mặt sau là long phụng. Bước lên bậc tam cấp là mặt dựng nhà võ qui hình tháp trên đỉnh “*Lưỡng Long Tranh Châu*” bốn góc mái của tầng là trang trí chạm nổi hình Tứ Linh: Long, Lân, Qui, Phụng. Vào trong chánh điện phía bên trái có 3 gian và phía bên phải là võ ca có sân khấu giống như rạp hát có sức chứa khoảng 300 chỗ ngồi. Trong chánh điện gian giữa với các mảng chạm khắc bằng gỗ quý như gỗ đỏ và cẩm lai đánh

vernì đen bóng bên trên là “Long Phụng Tranh Châu” bên dưới là “Bát Tiên Cởi Thú”; phía trên bao lam là những khuôn trang chạm Tứ Quý, Tứ Linh, Mai Điều Tùng Lộc, Liên Áp Quả. Bàn thờ chánh ở giữa có 2 bàn, bàn ngoài để mâm quả với phía trước bàn thờ có cặp hạc cao quá đầu người và trong gian giữa phía trong là bàn thờ để Sắc Thần (Sắc chiếu của Vua phong làm Thần Hoàng) được trang trọng để trong lồng kiếng có khung chạm thếp vàng, trên cùng là tấm Hoành Phi được sơn son thếp vàng chạm hình Tứ Linh. Hai bên trụ thờ sắc Thần chạm nổi hai lớp có 2 câu đối nội dung:

*“Miếu mạo nguy nga tân cựu tôn ty triêm thánh đức.  
Oai linh hách diệu sỹ nông công mãi mộc thần ân”.*

Bàn thờ gian bên trái thờ các vị quan tiền vãng, bàn thờ gian bên phải là thờ các vị tiền vãng có công thành lập Đình thần như các ông Nguyễn văn Kiên, Nguyễn văn Trước, Trương văn Ân, 3 vị tiền bối này được tôn là Tiền Hiền Cầm Địa Hậu Hiền Khai Khẩn. Những lễ cụ của Đình gồm chiêng đặt gian giữa, trống để gian bên trái với giàn nhạc lễ, mõ thân bằng gỗ mít dài 2 mét đặt gian bên trái.

Trong những công trình trên thuộc di sản văn hóa vật thể, chúng ta cũng không thể không nhắc đến di sản phi vật thể rất đặc biệt còn lưu lại đó là Nghi thức Tế Lễ Cổ Truyền trong 2 dịp cúng Lễ Kỳ Yên hằng năm vào các ngày 16-17-18 tháng Hai và tháng Mười âm lịch.

Trong phần hạn hẹp của bài này tác giả muốn nhắc lại Nghi thức Tế Lễ Cổ Truyền của Đình Điều Hòa do dưỡng phụ là thành viên của Ban Hương chức đình, ông Chánh Bái Trần Thoại Còn, trao truyền lại cho tác giả đó là Nghi Thức Tế Lễ Cổ Truyền, một nét đẹp của truyền thống văn hóa của địa phương.

Nghi thức tế lễ về nhân sự thì có toàn thể thành viên của Ban Hương Chức với áo thụng xanh, đỏ và chít khăn đồng (bây giờ gọi là Ban Hương Hội) gồm Chánh Niệm Hương, Chánh Tế, Chánh Bái, Phó Bái, Bồi tế, Hương Lễ chỉ huy ban gia lễ tức học trò lễ có 8 em thiếu niên trong làng mặc lễ phục hia mào có đai và đi chuyển theo lễ bộ tấn thôi khi tế, Hương Nhạc chỉ huy giàn nhạc lễ.

Trong nghi thức tế lễ này tác giả muốn dùng ngôn ngữ Hán Nho theo đúng văn tự của tế cổ truyền để giữ nguyên sắc thái cổ văn của nghi thức.

Bàn thờ chánh điện có Hương lễ đứng bên phải bàn thờ. Hai bàn thờ hai bên cũng có các Hương chức sẵn sàng cúng tế. Học trò lễ có hai gia lễ đứng hai bên bàn thờ chánh gọi là Đông hiến và Tây hiến.

Hương lễ thường đứng bên Đông hiến có nhiệm vụ nhắc tuồng để hai học trò lễ Đông Tây hiến xướng lớn tiếng. Sáu gia lễ đứng hai bên bàn dẫn số cách xa trước bàn thờ chánh khoảng 9 bước, tức đứng ngoài chiếu tế. Trên bàn dẫn số đặt hai chum đèn, một khay trà, một khay rượu, 6 cây nhang và một đế số sơn son thếp vàng dùng để đặt bài văn tế. Khi nghe xướng “Gia lễ tựu vị” thì hai gia lễ đầu bưng hai chum đèn gọi là dâng dâng, 4 gia lễ còn lại bưng khay trà, khay rượu, 6 cây nhang và bưng đế số đặt sẵn bài Văn tế trên đế số chuẩn bị bước tảo theo lễ bộ 9 bước để vào chiếu tế trước bàn thờ. Ba người Bồi tế phụ trách chiêng trống và mõ gọi là Đông văn. Sau một bài nhạc lễ thường là bài ngắn Ngũ Đối Hạ hoặc tùy theo Hương nhạc thì bắt đầu vào chánh lễ. Các vị Chánh niệm hương, Chánh tế, Chánh bái, Phó bái sẵn sàng đứng ở 3 bàn thờ làm theo lời xướng của Đông Hiến và Tây Hiến. Đương nhiên Chánh Niệm Hương và Chánh tế phụ trách bàn thờ chánh ở giữa. Mỗi câu xướng lên thì hai bàn tay của Đông Tây hiến cúc cung nâng hai bàn tay ngang tầm mắt, xướng xong hạ tay về vị thế khoanh tay.

Sau đây là toàn bài nghi thức tế gồm phần Niệm Hương, phần Tế Lễ gồm Hành Sơ Hiến Lễ dâng rượu tuần thứ nhất và đọc Văn tế, Hành Á Hiến Lễ chỉ dâng rượu tuần thứ nhì và Hành Chung Hiến Lễ dâng rượu lần thứ ba và cuối cùng là Hành Tạ Hiến Lễ để dâng trà và đốt số.

## I. PHẦN NIỆM HƯƠNG:

- “**Chấp sự giả các tư kỳ sự**”- “**Gia lễ tựu vị**” khởi 3 hồi 9 chấp trống bồng của ban nhạc lễ. Tám học trò lễ đến trước bàn thờ đứng 2 hàng dọc , xá 3 xá.

- **“Phục vị”** Tất cả vào vị trí của mình. Hai gia lễ tiến về bàn thờ đứng khoanh tay hai bên làm Đông Hiến và Tây Hiến. Sáu gia lễ còn lại thì quay về bàn Dẫn sơ đứng hai bên khoanh tay chờ nghe xướng.

- **“Khởi chính cỗ”** Ba Bồi tế đánh 3 hồi chiêng 3 chập, trống 3 hồi 3 chập và mõ 3 hồi 3 chập.

- **“Nhả nhạc tấu”** Ban nhạc tế trởi nhạc tế hoặc nhã nhạc cung đình. Đồng thời chiêng trống mõ liên tục đánh chập ba, tức hai tiếng nhật một tiếng khoan.

- **“Chánh niệm hương tựu vị”** Chánh niệm hương bước vào chiếu tế.

- **“Chánh niệm hương nghệ quán tẩy sở - thế căn”**. Chánh niệm hương bước ra chỗ để thau nước sạch và một khăn điều, rửa tay và lau tay bằng khăn điều.

- **“Quy”** Chánh niệm hương quy.

- **“Phản hương”** Bồi tế đưa 3 cây nhang mỗi vị được đốt sẵn cho chánh niệm hương.

- **“Niệm hương”** Chánh Niệm Hương để nhang lên trán và đọc bài niệm hương.

- **“Thượng hương”** Đưa nhang cho bồi tế cắm lên bát nhang.

- **“Bình thân”** , **“Nghinh thần phủ phục cúc cung ngũ bái”** chánh niệm hương đứng dậy rồi lạy 5 lạy theo lời xướng của Đông hiến và Tây hiến.

**“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”.**

- **“Bình thân”** Đứng dậy xá 3 x.

- **“Chánh niệm hương từ thần phối khước”** Chánh niệm hương bước ra khỏi chiếu tể

## I I. PHẦN TẾ LỄ:

- **“Chánh tế tựu vị”** Chánh tế bước ra chiếu tể.

- **“Chấp sự giả nghệ quán tẩy sở - Thế cân”** Chánh tế bước ra chỗ để thau nước sạch và một khăn điều, rửa tay và lau tay bằng khăn điều.

- **“Phục vị”** Nghiêm trang vào lại chiếu tể.

- **“Nghênh Thần phủ phục, Cúc cung ngũ bái”** Chánh tế lạy 5 lạy.

**“Hưng - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hưng - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hưng - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hưng - đứng dậy – Bái - lạy”.**

- **“Hưng bình thân”** Đứng dậy.

- **“Gia lễ tấn tước, nghệ hương án tiền”** 6 học trò lễ bung nhang đèn, khay rượu trà cùng để sở lễ bộ tiến lên ngang chánh tế, đặt khay trước mặt Chánh tế.

- **“Giai quỳ”** Tất cả cùng quỳ.

- **“Phân hương”** Bồi tế lấy 3 cây nhang gia lễ vừa mang vào trao cho chánh tế.

- **“Nguyện hương”** Chánh tế để nhang lên trán khăn 3 lễ.

- **“Thượng hương”** Bồi tế lấy 3 cây nhang từ tay chánh tế cắm lên bát nhang đặt trên bàn thờ.

- **“Hưng bình thân”** Tất cả đứng dậy.

- **“Phủ phục cúc cung nhị bái”** Chánh tế lạy 2 lạy. Gia lễ xá 2 xá **“Hưng - đứng dậy – Bái - lạy”.**

- **“Hung bình thân”** Tất cả đứng dậy.
- **“Hành sơ hiến lễ”** Dâng rượu tuần thứ nhất.
- **“Giai quỳ”** Tất cả quỳ.
- **“Nghệ tửu tương sở hiến trước chúc tửu”** Chánh tế rót rượu.
- **“Nguyện trước”** Chánh tế bung rượu khăn “Kính cẩn dâng tuần rượu này lên Tiên Đế thọ dụng”.
- **“Tiến trước”** Bồi tế lấy chun rượu để lên bàn thờ.
- **“Hung bình thân”** Tất cả đứng dậy.
- **“Phủ phục cúc cung nhị bái”** Chánh tế lạy 2 lạy, Gia lễ xá 2 xá - **“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”**.
- **“Hung bình thân”** Tất cả đứng dậy.
- **“Giai quỳ”** Tất cả cùng quỳ.
- **“Lệ chuyển chúc vị”** Bồi tế lấy bài Văn tế trên đế sơ trao cho Chánh tế.
- **“Nghệ độc chúc sở”** Gia lễ kê 2 đèn châu vào đế sơ, Chánh Tế đọc văn tế.
- **“Tấn chúc”** Đọc xong Bồi tế lấy đế sơ có bài Văn tế để lên bàn thờ.
- **“Hung bình thân”** Tất cả đứng dậy.
- **“Phủ phục cúc cung nhị bái”** Chánh Tế lạy 2 lạy, Gia lễ xá 2 xá . **“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”**.
- **“Hung bình thân”** Tất cả cùng đứng dậy.
- **“Hành á hiến lễ”** Dâng rượu lần nhì, giống như lần nhất.
- **“Giai quỳ”** Tất cả quỳ xuống.
- **“Hiển trước chúc tửu”** Chánh tế rót rượu.

- **“Nguyện trước”** Chánh tế bưng rượu khấn “Kính cẩn dâng tuần rượu này lên Tiên Đế thọ dụng”.

- **“Tiên trước”** Bồi tế lấy chun rượu để lên bàn thờ.

- **“Hung bình thân”** Tất cả đứng dậy.

- **“Phủ phục cúc cung nhị bái”** Chánh tế lạy 2 lạy, Gia lễ xá 2 xá \_ **“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”**.

- **“Hung bình thân”** Tất cả cùng đứng dậy.

- **“Hành chung hiến lễ”** Dâng rượu lần ba.

- **“Giai quỳ”**Tất cả quỳ xuống.

- **“Hiển trước chước tửu”** Chánh tế rót rượu.

- **“Nguyện trước”** Chánh tế khấn “Kính cẩn dâng tuần rượu này lên Tiên Đế thọ dụng”.

- **“Tiên trước”**Bồi tế lấy chun rượu để lên bàn thờ.

- **“Hung bình thân”** Tất cả cùng đứng dậy.

- **“Phủ phục cúc cung nhị bái”** Chánh tế lạy 2 lạy, Gia lễ xá 2 xá. \_ **“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”**.

- **“Hung bình thân, Phần chúc”**Tất cả cùng đứng dậy.Tế chủ và Gia lễ đi đốt sớ.

- **“Lễ tát, hành tạ hiến lễ”**. Dâng trà.

- **“Điểm trà”** Chánh tế rót ba chun trà.

- **“Hung bình thân , Chánh tế phối khước từ Thần phục vị”** Chánh tế 1 xá và rời khỏi chiếu tế.

- **“Gia lễ giai quỳ lễ tạ cúc cung ngũ bái”** Gia lễ lạy 5 lạy theo lễ bộ của gia lễ.

**“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”;**

**“Hung - đứng dậy – Bái - lạy”;**

“**Hưng** - đứng dậy – **Bái** - lạy”;

**Hưng** - đứng dậy – **Bái** - lạy”.

- “**Hưng bình thân, Gia lễ từ thần phục vị**” Gia lễ chỉ bưng 2 đèn đi hai hàng quay về bàn dẫn số đặt đèn lên bàn và chuẩn bị cùng đào kép hát bội làm lễ thỉnh Thần.

- “**Chiêng trống hồi - Lễ tất**” Ba Bồi tể đánh 1 hồi chiêng 3 chập, 1 hồi trống 3 chập, 1 hồi mõ 3 chập rồi dứt.

Buổi Tế Thần chấm dứt. Sáu học trò lễ quay trở lại bàn Dẫn Số để chuẩn bị cùng các đào kép hát bội cũng đứng hai bên bàn dẫn số để làm lễ Thỉnh Thần theo nhạc hát bội, ngân nga múa hát trước Thần xong thì quay về hướng sân khấu để làm lễ “Xây Châu” thường hát tuồng “San Hậu” cho đến khoảng 3,4 giờ sáng.

### **Võ Thiện Hiếu**

*Phụng soạn để kính tưởng đến bác Hoàng Hoán,  
Hội trưởng Hội Bảo Tồn Văn Hóa Lịch Sử Việt Nam  
tại Hoa Kỳ*





# G UỐC HỒNG TRÓI BUỘC

Hồ Duy Hạ

**G**uốc hồng gỡ nhíp sân trường  
Có ai thấp thoáng nhớ thương tim về  
Trong tà áo trắng đê mê  
Gã khờ ngọng nghịu lối về vương chân

Thuở xưa kẹp tóc băng khuôn  
Mộng mơ ấp ủ tuổi hồng ngây ngô  
Bên hiên có một gã khờ  
Lặng yên không nói làm thơ tỏ tình

Ngồi ôn nhớ lại chuyện mình  
Húi cua, kẹp tóc xinh xinh thuở nào  
Bây chừ nhắc lại xôn xao  
Ngã màu tóc điểm vẩy chào mộng mơ

Bài thơ tô điểm nào ngờ  
Guốc hồng trói buộc duyên thơ chuyện tình  
Nhớ xưa câu chuyện đôi mình  
Tim cô giáo núi rung rinh vì người

Duyên tình định mệnh ai ơi!  
Lời nguyện vui thỏa đời đời bên nhau  
Em, anh chung một nhíp cầu  
Giấy tờ mở lối đậm sâu vào đời..

Nhớ chuyện xưa chúng mình!



# HỒ BIỂU CHÁNH NHÀ VĂN LỚN CỦA MIỀN NAM

**Lâm Văn Bé**

Ông Hồ Biểu Chánh là cựu học sinh trường Collège de Mytho, tên gọi đầu tiên của Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Đại Hội quốc tế cựu học sinh Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu - Lê Ngọc Hân được tổ chức năm nay tại California trùng hợp với kỷ niệm 130 năm sinh của ông. Để tưởng nhớ đến một đại văn hào của Miền Nam mà mọi người dân đều mến mộ tài đức và văn phong, chúng tôi xin được trình bày đôi dòng chính yếu về thân thế và văn nghiệp của ông.

## ♥ Thân thế Hồ Biểu Chánh

Ông tên thật là Hồ Văn Trung, tự là Biểu Chánh, bút hiệu là Thứ Tiên (thường ký trong các bài thơ), sinh năm 1884 (nhưng khai sinh ghi ngày 1-10-1885) tại làng Bình Thành, tỉnh Gò Công, trong một gia đình nghèo, đông con (ông là người con thứ năm trong 12 người).



Trong tập ký ức, viết ngày 24/12/1957, tại Phú Nhuận, bản đánh máy, nhan đề «Đời của tôi về văn nghệ», Hồ Biểu Chánh đã viết về thời niên thiếu của ông như sau: *Từ 8 đến 12 tuổi, học nháp nhem chữ Nho với thầy giáo dạy trong làng. Đến 13 tuổi, nhờ cha mẹ dời về ở chợ Giồng Ông Huệ, mới bắt đầu học Quốc ngữ và chữ Pháp tại trường tổng Vĩnh Lợi, rồi*

*xuống trường tỉnh Gò Công học tiếp 3 năm thi đậu học bổng. Được vào trường trung học Mỹ Tho học 2 năm (1902 và 1903) rồi được lên trường trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn học thêm 2 năm nữa. Cuối năm 1905 thi đậu bằng Thành Chung.*

Cuộc đời cơ cực của ông thời niên thiếu đã khiến ông thấu hiểu nỗi thống khổ của người nghèo, do đó trong tiểu thuyết của ông, ông viết nhiều về giới nông dân, thợ thuyền, nói chung những người cùng cố trong xã hội. Hãy nghe ông tự thuật về cảnh nghèo của gia đình ông khi ông chuẩn bị đi qua Mỹtho học:

*Còn hai bữa nữa tới ngày ta phải đi, mẹ ta than hết tiền, cha ta mới đi kiếm người đặng mượn tiền cho ta đi. Ta lo quá, sợ không đi được. Bữa chót, đến tối mà cũng không thấy cha ta về. Ta than nếu có một đồng bạc thì đủ cho ta đi. Mẹ ta khuyên ta đừng lo...Thiệt khuya, mẹ ta gói một cặp áo hàng, đi bộ với ta xuống chợ mà cầm. Chủ tiệm chịu cầm ba đồng. Mẹ ta xếp giấy bỏ vô túi, còn bạc thì đưa hết cho ta. Ta lấy hai đồng mà thôi. Mẹ ta không chịu, ép phải lấy hết, rồi đưa ta xuống tàu. Lúc tàu mở dây mà chạy, ta đứng ngó mẹ ta trên cầu tàu, ta chảy nước mắt. (Lời di chúc, bản đánh máy do ông Hồ Văn Kỳ Trân, trưởng nam sao lại, theo Nguyễn Khuê, tr. 20)*

Nếu chúng ta xúc động khi đọc những lời tự thuật chân tình này thì chắc chắn chúng ta cũng sẽ không ngăn được giọt lệ thương cảm cho những cảnh đời ngang trái trong nhiều tiểu thuyết của ông.

Sau khi thi đậu Thành Chung, ông định xin làm giáo viên, nhưng theo lời khuyên của một ông thầy cũ, ông đi thi Ký Lục (thơ ký hành chánh). Năm 1906, ông đậu Ký Lục và được bổ nhiệm làm việc ở dinh Thượng Thơ Saigon. Cuộc đời hoạn lộ của ông bắt đầu từ đây, nhưng lúc nào ông cũng giữ tư cách thanh cao, chính trực, đời sống khiêm tốn. Trong di chúc, ông viết:

*Tuy là tay sai của quan Pháp, song nếu mình cứ lấy lòng siêng năng ngay thẳng mà làm việc, đừng a dua, đừng bợ đỡ, phải thì ở, không phải thì đi, nói oan dám giận, nói bậy dám cãi, thì phận mình khỏi hổ, mà thiên hạ lại được nhờ nữa.*

(Nguyễn Khuê, t. 22)

Ông Bằng Giang, một bạn văn của Hồ Biểu Chánh đã mô tả ngôi nhà của HBC ở Vĩnh Hội hồi năm 1943, lúc HBC đã là ông Đốc phủ sứ như sau:

*Căn nhà ở góc đường Nguyễn Khoái - Tôn Thất Thuyết (đường Tôn Thất Thuyết chạy dọc theo Kinh Đôi trước năm 1945 là nơi đổ rác của địa phương Saigon-Chợ Lớn) lúc bấy giờ thật hẻo lánh. Ít ai ngờ được rằng đó là một căn nhà nhỏ vách ván, không điện, không nước. Đêm xuống, cả một vùng chìm trong bóng tối như ở giữa thôn quê. Gian nhà phía trước hẹp, có kê một cái bàn, nơi ông làm việc, tiếp khách, không có trang hoàng chi hết... (Hồ Biểu Chánh : người mở đường ...., tr.107)*

Năm 1911, Thống đốc Nam Kỳ nghi ông có liên lạc với nhóm Gilbert Trần Chánh Chiêu chống Pháp nên đổi ông xuống Bạc Liêu. Được 9 tháng, ông tình nguyện đi Cà Mau thay cho một đồng liêu có con còn nhỏ, sợ xuống Cà Mau bị muỗi mòng, nước độc, tuy rằng lúc đó ông cũng vừa có đứa con đầu lòng mới 1 tuổi (là Hồ Văn Kỳ Trân, gởi lại cho nhạc mẫu nuôi). Năm sau ông lại được đổi đi Long Xuyên (1913) và tại đây ông cùng với một số bạn bè trong hội Khuyến Học thành lập tờ **Đại Việt Tạp Chí** (tờ báo chỉ phát hành được 13 số thì đình bản). Năm 1918, ông được đổi về Gia Định.

Năm 1921, ông thi đậu Tri huyện và năm 1927 được thăng Tri phủ. Từ đây, ông được xem như công chức cao cấp, được cử làm Chủ quận Càng Long (1927), Ô Môn (1932). Năm 1934, vì bất đồng ý kiến với viên Chủ tỉnh, ông bị đổi đi Phụng Hiệp. Năm 1936 (lúc ông 51 tuổi), ông được thăng Đốc phủ sứ.

Tháng 6 năm này, ông đã làm việc được 30 năm nên ông xin hồi hưu, nhưng chính phủ Pháp viện lẽ thiếu người nên lưu dụng ông đến tháng 6 năm 1941. Nhưng chỉ hai tháng sau, ngày 4-8-1941, ông được cử làm nghị viên Hội Đồng Liên Bang Đông Dương, rồi nghị viên Hội đồng Thành phố Saigon kiêm Phó Đốc Lý (phó Đô trưởng). Trong thời gian này, ông còn làm giám đốc cho hai tờ báo là *Nam Kỳ Tuần Báo* và *Đại Việt Tạp Chí* (bộ mới). Năm 1946, khi ông Nguyễn Văn Thịnh lập chánh phủ «Nam Kỳ tự trị» ông tham gia làm Đồng lý văn

phòng, nhưng đến cuối năm, khi Nguyễn Văn Thịnh tự tử, ông mới thực sự từ giả chính trường để vừa an hưởng tuổi già, vừa viết văn cho đến lúc tạ thế ngày 4-11-1958 tại tư thất ở Phú Nhuận, hưởng thọ 74 tuổi.



(Ảnh Hồ Biểu Chánh vài giờ sau khi lâm chung, bên cạnh có cụ bà, trưởng nam Hồ Văn Kỳ Trân và cháu đích tôn Hồ Văn Kỳ Thoại)

Hồ Biểu Chánh có 8 người con trong số có vài người tham chính:

- Hồ Văn Kỳ Trân: sinh năm 1911 ở Chợ Lớn, giáo sư, dân biểu thời Đệ nhất Cộng Hòa, mất năm 1981 ở Austin, Texas. Con trai trưởng của ông là Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại.

- Hồ Văn Ngọc Ưởng (bà): sinh năm 1912 ở Cà Mau, mất năm 2004 ở VN.

- Hồ Văn Minh Cảnh: sinh năm 1914 ở Long Xuyên, mất năm 1946 ở VN.

- Hồ Văn Vân Anh (bà): sinh năm 1914 ở Long Xuyên, mất năm 2012 ở VN.

- Hồ Thị Sương: sinh năm 1922 ở Chợ Lớn, mất năm 1955 ở VN.

- Hồ Văn Di Thuận, sinh năm 1928 ở Trà Vinh, mất năm

1994 ở California.

- Hồ Văn Di Hinh, sinh năm 1928 ở Trà vinh, Tổng trưởng Thanh Niên, Thị trưởng Đà Lạt, mất năm 2002 tại Pháp.

- Hồ Văn Ứng Kiệt, sinh năm 1934, phi công tử nạn năm 1964.

Nếu phải kể thêm người con thứ 9 là bà Hồ Văn Madeleine (chị của Hồ Văn Ứng Kiệt), chết lúc mới sinh.

(tài liệu cung cấp bởi Hồ Văn Di-Hấn và Hồ Kim Chung, ảnh bởi Hồ Văn Kỳ Thoại)

## ♥ Văn nghiệp

Một nhà văn hay một nghệ sĩ nói chung, ngoài thiên phú sáng tạo và khả năng tri thức còn phải nhờ vào kinh nghiệm sống để hoàn thành một tác phẩm. Trường hợp của ông Hồ Biểu Chánh là biểu tượng rõ rệt của nhận định này bởi lẽ cuộc đời của ông và những vùng đất mà ông đã đi qua trong thời gian làm việc là những chất liệu quan trọng cấu thành trong văn nghiệp của ông.

Hồ Biểu Chánh bắt đầu viết văn từ năm 1906, cùng lúc với khởi nghiệp công chức, nhưng ông đã sống với nghiệp văn đến hơi thở cuối cùng. Nếu nghề công chức là một phương tiện sinh sống thì viết văn đối với Hồ Biểu Chánh là một đam mê và một sứ mạng «văn dĩ tải đạo». Ông nói: *Viết văn để cho người mình đọc chuyện xảy ra ở nước mình bằng chữ nước mình.*

Những năm cuối cùng ông có bệnh đau tim và ông rất yếu. Ông Hồ Văn Kỳ Trân, người con trưởng của ông kể lại:

*«Bệnh đã càng ngày càng thêm mà ba tôi không chịu nghỉ viết. Thầy thuốc cấm. Ba tôi vẫn viết. Con cháu năn nỉ lắm thì ba tôi chỉ nghỉ vài ngày rồi viết nữa và bảo rằng :« Ba còn viết được thì cứ để cho ba viết. Ba không viết được thì lòng thấy bút rứt, người thấy khó chịu hơn. Có viết được lòng mới thấy yên ổn, người mới thấy thư thả dễ chịu. Viết là một phương thuốc, là một cách trị bệnh cho ba đó» ....Cách đó ít bữa thì ba tôi từ trần. Trên bàn viết còn để lại bản thảo một tác phẩm viết dang dở» (Thụy Khuê. HBC/ RFA 08/11/2008). Tác phẩm viết dang dở là quyển *Hy Sinh*.*

Sau nửa thế kỷ sáng tác, ông để lại cho hậu thế một văn

nghiệp đồ sộ với 131 tác phẩm đủ các thể loại như tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ, tuồng cải lương, hát bội, văn tế, dịch thuật...liệt kê như sau:

- 64 tiểu thuyết
- 8 đoản thiên
- 4 truyện ngắn
- 2 truyện dịch (1 dịch sách Tàu: Tân soạn cổ tích, dịch 20 truyện Tàu và 1 dịch vở kịch Pháp: "Lửa ngưng thành linh")
- 12 tuồng hát (5 hài kịch, 4 hát bội, 3 cải lương)
- 5 tập thơ và truyện thơ
- 8 tập ký
- 28 tập khảo cứu và phê bình.

Những tác phẩm thuộc các thể loại kể trên ít ai biết đến mà người dân cũng ít biết đến tên ông đốc phủ sứ Hồ Văn Trung. Người ta chỉ biết tên nhà văn Hồ Biểu Chánh với một thể loại duy nhất là tiểu thuyết:

*Ai làm được, Ái tình miếu, Bỏ chồng, Bỏ vợ, Bức thư hối hận, Cay đắng mùi đời, Cha con nghĩa nặng, Chị Đào chị Lý, Chúa tàu Kim Quy, Chút phận linh đình, Con nhà giàu, Con nhà nghèo, Cư Kính, Cười gương, Đại nghĩa diệt thân, Dây oan, Đố Nương Nương báo oán, Đóa hoa tàn, Đoạn tình, Đón gió mới nhắc chuyện xưa, Hai chồng, Hai khối tình, Hai vợ, Hạnh phúc lối nào, Kẻ làm người chịu, Khóc thầm, Lá rụng hoa rơi, Lạc đường, Lầy lừng hào khí, Lời thề trước miếu, Mẹ ghê con ghê, Một chữ tình, Một đời tài sắc, Một duyên hai nợ, Nam cực tinh huy, Nặng bầu ân oán, Nặng gánh canh thường, Ngọn cỏ gió đùa, Người thất chí, Nhon tình ấm lạnh, Những điều nghe thấy, Nợ đời, Nợ tình, Nợ trái oan, Ở theo thời, Ông Cả Bình Lạc, Ông Cử, Sống thác với tình, Tại tôi, Tân Phong nữ sĩ, Tắt lửa lòng, Thầy thông ngôn, Thiệt giả-giả thiệt, Tiền bạc - bạc tiền, Tìm đường, Tình mộng, Tơ hồng vương vấn, Trả nợ cho cha, Trọn nghĩa vẹn tình, Trong đám cỏ hoang, Từ hôn, Vì nghĩa vì tình, Vợ già chồng trẻ, Ý và tình.*

Nhiều tiểu thuyết của ông được độc giả yêu mến từ lúc mới xuất bản cho đến nay và đã có 12 tiểu thuyết nổi tiếng được dựng thành phim như:

*Ngọn cỏ gió đùa (1989, 2013), Con nhà nghèo (1998), Chúa tàu Kim Quy (2002), Đại nghĩa diệt thân (2003), Nợ đời (2004), Cay đắng mùi đời (2007), Tân phong nữ sĩ (2009), Tại tôi (2009), Tình Án (dựa vào Truyện Cú Kinh, 2009), Khóc thầm (2010), Lòng dạ đàn bà (2011). Bộ phim mới nhất là Hai khối tình (2014). Hầu hết các bộ phim này do Hồ Ngọc Xum đạo diễn.*

## \* **Vài sắc thái chính yếu của tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh**

### **1. Cảm tác và phóng tác:**

Trong số 64 tiểu thuyết, có 12 quyển ông cảm tác hay phóng tác từ tiểu thuyết của Pháp. Về chuyện phóng tác ông cho biết:

*Đọc tiểu thuyết hay tuồng hát Pháp văn, hễ tôi cảm thì tôi lấy chỗ tôi cảm đó mà làm đề, rồi phóng theo ít nhiều hoặc tách riêng ra mà sáng tác một tác phẩm hoàn toàn VN...Tuy tôi nói phóng theo, song kỳ thiệt tôi lấy đại ý mà thôi, mà có khi tôi lật ngược đại ý, làm cho cốt truyện trái hẳn, tâm lý khác xa với truyện Pháp (Hồ Biểu Chánh. Đời của tôi về văn nghệ).*

Thực ra, nếu ông không nói ra điều này, không ai biết đến tác phẩm mà ông đã cảm tác hay phóng tác. Sự thành thật của ông phải nói là hiếm hoi trong văn giới. Những tiểu thuyết mà ông cảm tác hay phóng tác do chính ông ghi lại có 12 quyển tựa như sau :

- Chúa tàu Kim Quy: cảm tác từ Le Comte de Monte-Cristo của Alexandre Dumas.

- Cay đắng mùi đời: từ Sans famille của Hector Malot

- Chút phận linh đình : từ En famille của Hector Malot

- Ngọn cỏ gió đùa: từ Les misérables của Victor Hugo

- Thầy thông ngôn : từ Les amours d'Estève của André Theuriet

- Kẻ làm người chịu : từ Les deux gosses của Pierre Decourselle

- Cha con nghĩa nặng : từ Le calvaire của Pierre Decourselle

- Vì nghĩa vì tình : từ Fanfan et Claudinet của Pierre Decourselle



- Ở theo thời : từ vở kịch Topaze của Marcel Pagnol
- Đóa hoa tàn : từ Le rosaire của Octave Mirbeau
- Ông Cừ : từ L'aristo, không ghi tên tác giả
- Người thất chí: từ Crimes et châtiment của Fédor Dostoiewski

Nhà biên khảo văn học Thanh Lăng cho là quyển tiểu thuyết đầu tiên *Ai làm được*, viết năm 1912 ở Cà Mau, nhuận sắc năm 1922 ở Saigon, là mô phỏng theo quyển *André Cornélis của Paul Bourget*, và nếu đúng như thế, có tất cả 15 tác phẩm cảm tác hay phóng tác từ các tác phẩm ngoại quốc nêu kê cả hai truyện dịch (*Vậy mới phải* phỏng dịch từ tập thơ *Le Cid* của Pierre Corneille và *Lửa ngùn thành linh* không rõ tựa nguyên tác). Tuy ông cảm tác từ tiểu thuyết của Pháp (trừ quyển *Crimes et châtiment* cảm tác từ Dostoievski, văn hào Nga) nhưng tác phẩm của Hồ Biểu Chánh chẳng có hơi hám gì với tác phẩm gốc.

Lấy thí dụ quyển *Sans Famille* (Vô gia đình) của **Hector Malot** viết năm 1878, được Hồ Biểu Chánh cảm tác thành *Cay đắng mùi đời* năm 1923. Đoạn đầu cốt truyện *Sans famille* như sau :

*Rémi là một cậu bé con nhà giàu, bị người chú lập mưu bắt cóc lúc mới năm sáu tháng, đem đi bỏ ở một nơi công cộng để cho người khác bắt được đem về nuôi, hy vọng người anh bị tuyệt tự thì gia tài của người anh sẽ về hết phần mình. Rémi được Barberin, một người thợ đẽo đá đi qua nhặt được đem về nuôi, thầm nghĩ là cha mẹ đứa bé giàu nầy sẽ đem tiền chuộc lại. Nhưng nhiều năm sau Barberin chẳng thấy ai chuộc và vì tai nạn nghề nghiệp, ông rơi vào cảnh khốn cùng, nên phải bán Rémi cho một người hát dạo, mặc cho sự phản đối của người vợ đã gấn bó yêu thương thẳng nhỏ như con ruột. Từ đó Rémi sống đời giang hồ lưu lạc, nhiều năm sau mới tìm lại được mẹ ruột.*

Hồ Biểu Chánh mượn cốt truyện ấy để viết *Cay đắng mùi đời*, nhưng ông đem tác phẩm vào xã hội Việt Nam, với nhiều tình tiết ly kỳ hơn và với một văn phong hoàn toàn khác với nguyên bản. Đoạn đầu của *Cay đắng mùi đời* như sau:

*Chồng của Lê Thị Thời (Ba Thời) là Trần Văn Hưu đi làm ăn xa và có vợ bé, ở nhà Ba Thời lượm được một đứa nhỏ năm*

sáu tháng bỏ trong bụi cây, bèn đem về nuôi đặt tên là Được. Khi Được lên 9 tuổi thì Hữu trở về, anh ta đem Được bán cho thầy thông ngôn Trần Cao Đàng. Vì bị cấp trên chèn ép, Trần Cao Đàng từ chức lại bị vợ bạc đãi vì không chịu được cảnh sống khổ sở nên Đàng bỏ nhà đi lang thang khắp miền lục tỉnh, dạy cho thằng Được đàn ca để đi hát dạo kiếm tiền.

Chỉ đoạn đầu thôi, phân tích ra, chúng ta thấy những nét khác biệt giữa tác phẩm gốc và tác phẩm phóng tác. Hãy nghe giọng văn tự sự của Rémi nói về người mẹ nuôi của mình là bà Barberin :

*Tôi là một đứa trẻ bỏ rơi. Nhưng cho đến năm lên tám, tôi vẫn tưởng tôi có một người mẹ như những đứa trẻ khác, vì lúc nào tôi khóc thì lại có một bà đến ôm ấp, dỗ dành cho tôi nín. Không bao giờ tôi đi ngủ lại không có bà đến vuốt ve tôi. Về mùa đông, khi gió gieo tuyết vào cửa kính trắng xóa, bà kéo chân tôi ú vào hai bàn tay bà và ru tôi. Đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ giọng hát và câu hát của bà.*

*Khi tôi chẵn bò trên những con đường cỏ xanh hay ở bãi hoang mà chợt gặp mưa to, bà vội vã chạy ra đón, kéo vạt áo che đầu cho tôi và đưa tôi về. Khi tôi cãi nhau với một đứa trẻ khác, bà bảo tôi kể lại cho bà nghe rồi bà tìm lời ngọt dỗ tôi và bao giờ cũng cho tôi là phải. (Vô Gia Đình . Chương 1. Bản dịch của Hà Mai Anh)*

Và sau đây là đoạn văn thật ngắn, Hồ Biểu Chánh vừa mô tả vóc dạng của người mẹ nuôi là Ba Thời, tình cảm của thằng Được với bà mẹ nuôi:

*«Con chó vàng thỉnh linh trong nhà vụt chạy thẳng ra sân, thằng nhỏ ngó theo thì thấy ngoài bờ có một người đàn bà xăm xăm đi vô, nó liền la lớn «má về» rồi buông gáo chạy ra nắm tay mừng rỡ mà dắt vô. Người đàn bà này trạc chừng ba mươi bốn tuổi, áo xắn ngang, ống quần vo tới đầu gối, nước da không đen không trắng, mặt tròn, chơn mày rậm, mình mẩy ướt loi loi, sau lưng có giắt một cây nọc cầy, trên đầu bịt trùm khăn vải trắng, ngoài đội thêm một cái nón lá dứa, đi vô vừa tới sân, mắt liếc ngó chuồng vịt rồi hỏi thằng nhỏ:*

*- Con cho heo ăn rồi hay chưa vậy con ?*

- Chưa má. Tôi mới tắm rồi đuổi nó vô nhà đó.
- Vịt về đủ hay không con ?
- Tôi nhót mà quên đếm. (Cay đắng mùi đời, NXB Văn Nghệ, tr.8)

So sánh lối viết của Hector Malot và của Hồ Biểu Chánh trong cách giới thiệu nhân vật, chúng ta thấy có hai lối viết hoàn toàn khác nhau: Hector Malot kể, Hồ Biểu Chánh tả. Hector Malot viết ở ngôi thứ nhất theo lối lãng mạn, để tình cảm xen vào ngôi bút, và dùng tình cảm của mình để lôi cuốn người đọc. Hồ Biểu Chánh viết ở ngôi thứ ba theo lối tả chân, ông đứng ngoài, mô tả, không lộ một chút cảm tình riêng tư nào của mình, ông để độc giả tự tìm nỗi cảm xúc riêng cho mình khi đọc.

Qua đoạn văn trên, chỉ với đôi dòng, HBC đã giới thiệu người đàn bà với tất cả vóc dáng, y phục, tuổi tác, và lời đối đáp giữa hai mẹ con, nói lên tình mẫu tử giữa thằng Được và Ba Thời. Chỉ với sự diễn đạt súc tích bằng 10 chữ đưa nhỏ la lớn, buông gáo, chạy ra mừng rỡ, HBC để cho người đọc cảm nhận thấm thía tình thương của thằng Được với bà mẹ nuôi.

## 2- Hư cấu

Hồ Biểu Chánh là nhà văn đầu tiên sử dụng hư cấu trong việc dàn dựng câu chuyện với nhiều tình tiết éo le, gay cấn, các nhân vật bị xô đẩy vào những biến cố ly kỳ, những tai họa bất ngờ để rồi ông tìm ra một kết cuộc có lý, thông thường là có hậu, ở hiền gặp lành, gieo gió gặt bão.

Nhà văn Hồ Hữu Tường đã khen ngợi bản sắc hư cấu trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh như sau: «...Một tiểu thuyết hay là một tiểu thuyết tạo cho độc giả một cảnh mộng mà độc giả say mê đi vào cảnh mộng, như vào cảnh thực vậy...Tôi có thể nói rằng vị giáo sư đầu tiên dạy cho tôi văn chương, dạy bản sắc của văn chương, dạy lý thuyết về văn chương, ấy là Hồ Biểu Chánh...Những tiếng của Pháp như là roman, của Anh là novel, Tàu là tiểu thuyết đều không làm sao giúp tôi hiểu định nghĩa rõ rệt của loại mà trong văn chương gọi là tiểu thuyết...» (Nhập mộng và tình mộng/ Hồ Hữu Tường, Văn số 80, 15/4/1967, tr.34).

Cùng ý kiến với Hồ Hữu Tường, nhà phê bình văn học Hoài Anh nhận định Hồ Biểu Chánh là người đầu tiên viết tiểu thuyết.

«Hồ Biểu Chánh là người cuối cùng viết truyện Nôm theo thể lục bát với *U tình lục* (1910) mà **cũng là người đầu tiên viết tiểu thuyết bằng văn xuôi quốc ngữ với *Ai làm được* (1912)**. Tôi nói đầu tiên vì những cuốn truyện ra đời trước tác phẩm Hồ Biểu Chánh còn mang dáng dấp truyện chữ không phải tiểu thuyết.» (Hoài Anh. Hồ Biểu Chánh, cây cầu nối những giá trị cổ truyền, hobieuchanh.com)

Trong những tiểu thuyết của ông có hàng ngàn nhân vật, và ông diễn tả chân dung và tâm lý của mỗi nhân vật điển hình như ngoài đời và đúng với từng hoàn cảnh, từng hạng người. Cái nhận xét tinh tế từ hình dáng đến nội tâm của các nhân vật là biệt tài của ông đã khiến tiểu thuyết của ông sống động, người đọc không chán vì mỗi quyển mỗi khác và toàn bộ tiểu thuyết của ông đã cấu thành một toàn cảnh xã hội VN vào tiền bán thế kỷ XX.

Hãy nghe tâm trạng của anh nông dân chất phát Trần Văn Sữ trong *Cha con nghĩa nặng* khi anh ta nghe thiên hạ đồn là vợ mình ngoại tình với Hương hào Hội, qua ngòi bút của Hồ Biểu Chánh :

*...Anh ta chống cằm trên đầu gối, lấy ngón tay vẽ hình dưới dưới cát mà suy nghĩ việc nhà. Mấy năm nay thiệt Hương hào Hội hay ghé nhà mình, mà mình có ý coi, lần nào Hương hào ghé, thì vợ mình lo trầu nước lãng xăng, coi bộ niềm nở lắm. Tuy vậy mà mình không thấy Hương hào chọc ghẹo hay là giỡn hớt với vợ mình, mình không gặp hai đàng nói chuyện với nhau, vợ mình cũng không có ý muốn bỏ mình. Tánh vợ mình hôn ầu, nó hay mắng nhiếc mình, mà mắng thì mắng chớ vợ chồng cũng ăn ở như thường. Nếu vợ mình nó lấy Hương hào Hội thì chắc nó bỏ mình rồi, chớ có lý nào nó không thương mình nữa mà nó còn ở với mình. Hương tuần Tam nói thiên hạ họ đều biết Hương hào Hội lấy vợ mình. Họ có gặp hay sao mà họ dám chắc ? Hay là họ thấy Hương hào Hội để ruộng cho mình làm, họ ganh ghét nên kiếm chuyện đặt điều mà nói xấu ...*

Và chuyện anh ta bị vợ là Thị Lựu chửi mắng khi anh ta tra hỏi vợ rồi sau đó là sự hoang mang, bán tín bán nghi của anh ta đã được HBC kết thúc một cách ý nhị vào buổi tối như sau:

*Cách một hồi lâu, Thị Lựu ở trong buồng cất tiếng kêu rằng :*

*- Cha thằng Sung à !*

*- Giống gì?*

*- Vô biểu một chút*

*Trần Văn Sửu lom còm ngồi dậy đi gài cửa, bung đèn đem để trên bàn thờ mà tắt, rồi men men đi vô buồng, miêng cười ngón ngoén, vì đã quên hết những điều Hương tuần Tam nói...*

Ông diễn đạt một tư tưởng, một quan niệm của ông, không phải bằng lời nói của ông, mà bằng lời nói của những nhân vật mà ông khéo chọn và sắp xếp theo một bố cục mà ông chuẩn bị nhiều khi lâu hơn khi viết. Thí dụ, bộ tiểu thuyết *Ngọn cỏ gió đùa*, dài hơn 500 trang, ông phải mất 5 năm để làm bố cục, nhưng ông chỉ viết có hai tháng thì xong.

### **3. Hiện thực và bình dị**

Trong bố cục, Hồ Biểu Chánh hư cấu, nhưng trong diễn tả, HBC hiện thực. Trái với những nhà viết văn xuôi trước ông và cùng thời, ở Bắc lẫn trong Nam, vẫn còn sử dụng lối văn biền ngẫu, cầu kỳ, hoa mỹ, hay pha trộn điển tích, Hồ Biểu Chánh hiện thực hóa cảnh và người bằng lời văn bình dị, đơn sơ, trực tiếp. Nếu Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, Nguyễn Trọng Quản đã có công đặt nền tảng cho chữ quốc ngữ, khai sáng lối «viết tiếng Annam ròn» hay «dùng tiếng mọi người thường nói» thì Hồ Biểu Chánh là người phát triển và phong phú hóa tiếng Việt và tiểu thuyết miền Nam.

Trước hết, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh phản ánh **người và đất Nam kỳ** vào những thập niên của đầu thế kỷ XX. Nhiều nhà phê bình cho là tiểu thuyết của Hồ biểu Chánh là một loại tự điển bách khoa về xã hội và phong tục Nam Kỳ.

Qua các tiêu thuyết của ông, người đọc nhìn thấy rõ ràng những con kinh, những con sông với tiếng còi tàu súp lè, những cánh đồng, những rừng tràm với chim kêu vượn hú, những phố chợ và các sinh hoạt ở Nam Kỳ với hàng trăm địa danh quen thuộc với người dân Nam kỳ như: Ô Môn, Bình Thủy, Càng Long, Sóc Trăng, Trà vinh, nhà ga Chợ Gạo, và cả những nơi thị tứ như chợ Xã Tài, Khánh Hội. Ai ở Gò Công mà không thấy nao nao khi đọc đến những địa danh quen thuộc: *Ai đi đường Chợ Lớn xuống Gò Công hễ qua đò Bao Ngược rồi lên xe chạy ra khỏi chợ Mỹ Lợi tới khúc quanh ...* Khi xưa, người viết tiêu thuyết lấy các địa danh bên Trung hoa xa lạ, trái lại HBC xây dựng tiêu thuyết của ông trên những vùng đất quen thuộc của độc giả, đó chính là một trong những yếu tố tại sao tiêu thuyết của HBC gần gũi với độc giả và được độc giả miền Nam ưa thích. (Chi trừ quyển tiêu thuyết lịch sử *Nặng gánh cang thường*, câu chuyện hoàn toàn diễn ra ở miền Bắc lấy khung cảnh lịch sử thời Lê Thánh Tôn). Và để cho hấp dẫn, trong mỗi cuốn tiêu thuyết, ông thường xây dựng câu chuyện cho xảy ra ở nhiều nơi, nếu đoạn đầu xảy ra ở nhà quê thì đoạn cuối xảy ra ở thành phố hay ngược lại.

Tên các nhân vật trong các tiêu thuyết của HBC cũng đặc sệt là cách đặt tên hay cách gọi tên của người Nam Kỳ: thằng Được, thằng Tý, Con Lựu, con Liên, Lê Văn Đố, Lê Văn Đây... hay kêu theo ngôi thứ trong gia đình: Ba Thời, Sáu Lý, hay kêu theo chức phận: Bá hộ Siêu, Còm mi Đánh, Hương hào Hội... Trong cách xưng hô, Hồ Biểu Chánh phản ảnh trung thực cách xưng hô của người dân Nam Kỳ, đặc biệt ở vùng nhà quê, dưới thời Pháp thuộc. Lần đầu tiên trong tiêu thuyết, HBC đã ghi lại cách xưng hô của bạn bè, vợ chồng ở vùng nhà quê, ruộng rẫy gọi nhau là *mây tao, mình, má sắp nhỏ, má nó, cha thằng Sung*, hay cách nói biến chế để gọi người thứ ba vắng mặt: *thấy (thầy ấy), ổng, bà, con (con ấy), thằng (thằng ấy), ở trên (trên ấy)...*

Ngoài những tên đất và tên người, Hồ Biểu Chánh gần gũi với giai cấp trung lưu và bình dân Nam Kỳ vì ông viết theo tiếng nói của giai cấp này trong tiêu thuyết của ông. Ông đã tài tình diễn tả tâm lý và mô tả nhân vật, cảnh vật bằng những tiếng địa phương của miền Saigon Lục Tỉnh. Hồ Biểu Chánh đã

phong phú hóa kho tàng ngôn ngữ Miền Nam với độ 800 phương ngữ Nam Kỳ trong các tiểu thuyết của ông. Chỉ cần đan kê: *nín khe, đi lon ton, mặt mày tem lem, nhai nhóc nhách, đầu cổ chồm bồm, la bài hã, đứng ké né, hỏi đon hỏi ren...*Nhiều chữ viết theo cách nói «trại» của người bình dân, tưởng như viết sai: xao xiển (xao xuyên), chính chiên (chính chuyên), phiến ba đô hội (phồn hoa đô hội), tấn hóa (tiến hóa) hay do kiêng kỵ: bình yên (bình an), bồng hường (hồng), cây đờn (đàn)...Ngôn ngữ của ông chứa nhiều gợi thanh, gợi hình, diễn tả được tâm tư bằng những tiếng láy như *lu âm lu ì, hun tro hun trát, chộn rộn chàng ràng, xí xô xí xào...* hay những thành ngữ như *mẹ góa con cô, trôi sông lạc chợ, nước đổ lá môn, ngậm đắng nước cay, quả báo nhãn tiền...*Có những chữ mà nhiều người dân gốc Nam Kỳ hiện nay có thể đã quên nghĩa vì từ lâu không còn dùng, nhưng rất thông dụng trong xã hội thời Hồ Biểu Chánh như: *ông bác vật (kỹ sư), cô thầy thuốc (vợ bác sĩ), anh bam bù (người mang hành lý), ông mái chính (đại diện hãng buôn), ảnh dụng em (cưới em) ...*

Và vượt lên trên tất cả những nét độc đáo trên, Hồ Biểu Chánh là nhà văn có văn phong mộc mạc, bình dân, tự nhiên, nói sao viết vậy. Về điểm này, nhiều nhà phê bình văn học miền Bắc, kể cả Đông Hồ là nhà văn miền Nam, chê là tiểu thuyết của HBC không phải là văn chương, thiếu trau chuốt. Chính vì quan niệm định giá văn chương như thế nên Dương Quảng Hàm, tác giả quyển *Việt Nam văn học sử yếu* (1944), quyển sách giáo khoa cho chương trình Việt văn cấp Trung học trước 1975 đã không kể HBC như là một nhà văn. Sau 1975, tác phẩm của Hồ Biểu Chánh mới được đem vào chương trình Việt Văn lớp 11 với vài đoạn văn trích từ *Cha con nghĩa nặng* với sự can thiệp của Trần Bạch Đằng !!!

### \* Chủ đích tác phẩm của Hồ Biểu Chánh

Tuy tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh có nhiều thể loại khác nhau, từ ái tình đến phiêu lưu, từ lịch sử đến xã hội, nhưng tất cả các tiểu thuyết trên đều hướng về hai chủ đích chính; phác họa xã hội và quảng bá đạo lý.

## 1- Hồ Biểu Chánh là nhà văn phong tục

Được đi nhiều nơi và có dịp tiếp xúc nhiều với nhiều hạng người, Hồ Biểu Chánh có một kiến thức phong phú về xã hội miền Nam qua tất cả các hạng người, từ giới giàu có đến giới cùng đinh, từ người lưu manh đến kẻ lương thiện, ở nông thôn cũng như ở thành phố, ông xây dựng tiểu thuyết của ông với các hạng người nói trên trong một đất nước Nam Kỳ thuở giao thời giữa hai nền văn hoá cũ và mới. Nói chung, ở nông thôn cũng như ở thành thị, tiểu thuyết của ông là tiểu thuyết của 2 thế giới quyền thế và bị trị, đối tác nhau trong một xã hội Nho học đang bị dao động trong một nền văn hóa Tây phương vừa xâm nhập.

### - Ở nông thôn:

- Giới **quyền thế** ở nông thôn là giới điền chủ độc ác, tham lam, tìm mọi cách để ức hiếp bóc lột dân lành, (*Khóc Thâm, Con Nhà Nghèo*). Tuy nhiên, không phải tất cả điền chủ đều gian ác, xấu xa, vẫn có những điền chủ tốt bụng, giàu lòng nhân ái, sẵn sàng cứu mang giúp đỡ người nghèo (Hội đồng Chánh trong *Khóc Thâm*, bà Hương quán Tồn trong *Cha Con Nghĩa Nặng*).

Bên cạnh giới điền chủ, là các hương chức trong ban hội tề. Độc giả lần lượt nhận thấy chân dung và hành động của 12 chức sắc trong ban hội tề với tất cả bản chất thiện và ác. (Ban Hội tề theo sắc lệnh năm 1927 có 12 chức vụ là: hương cả, hương chủ, hương sư, hương trưởng, hương chánh, hương giáo, hương thân, hương hào, hương bộ, hương quản, xã trưởng, chánh lục bộ)

- Về giới **nghèo khổ** ở nông thôn, HBC đặc biệt chú tâm đến giới tá điền, làm lụng vất vả quanh năm mà luôn bị nợ nần, bị áp bức bởi giới điền chủ, bọn cường hào ác bá.

Trong *Con Nhà Nghèo*, Cai Tuần Bưởi, sau khi dầm mưa dãi nắng suốt năm, gặt lúa được 320 gạ thì phải nộp lúa ruộng cho chủ điền hết 300 gạ «*thế thì cực nhọc trót một năm trường đang nắng cầm cày, dầm mưa nhổ mạ, chỉ còn có 20 gạ mà thôi. Mà trong đó còn phải đóng lúa mướn trâu, còn phải trả tiền công cấy, thì còn dư nổi gì*»



Trong *Ngọn Cỏ Gió Đùa*, Lê Văn Đó vì quá nghèo đói phải liều thân đi ăn trộm nồi cháo heo để cứu đói cho mẹ già và đàn cháu nhỏ để bị bắt và phải nhận hình phạt 5 năm tù. Vượt ngục bị bắt lại, Lê Văn Đó bị kêu án 20 năm chỉ vì nồi cám cho heo ăn.

**- Ở thành thị:**

Đời sống nghèo khổ của giới lao động, làm thuê làm mướn kiếm cơm từng ngày một, cuộc sống không ngày mai, chui rúc trong các ngôi nhà xiêu vẹo, trong các ngõ hẻm tăm tối, thiếu ăn, đã được HBC đề cập đến trong nhiều tác phẩm, đặc biệt trong *Lạc Đường*.

Trong *Lạc Đường*, Hai Cư vác hàng ở bến tàu bị thùng hàng đè, nhưng chỉ được đưa vô nhà thương thí, cặp rặng Mậu vì túng thiếu phải đi ăn cướp để rồi vô tù. Giới gái điếm (gái ăn sương) và bọn trẻ bán báo cũng là hai hạng người được Hồ Biểu Chánh đưa vào tiểu thuyết.

Ngoài ra, ông còn đề cập đến giới thông ngôn ký lục, giới thượng lưu, trường giả những kẻ nịnh bợ Tây, sợ sệt quan trên, bắt nạt dân lành, ăn chơi trác táng, trọng tiền tài danh lợi, xem nhẹ nhân nghĩa (*Nợ đời, Cười gương*)

Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh không chỉ mô tả thực trạng xã hội mà còn đề cập đến những **phong tục** làm nền cho xã hội Việt Nam vào những năm đầu thế kỷ XX. Là một trí thức tân học nhưng thấm nhuần Nho giáo, Hồ Biểu Chánh có tư tưởng dung hoà cũ và mới, trái với lập trường của Tự Lực Văn Đoàn là đoạn tuyệt với cái cũ. Theo ông cái cũ và cái mới đều có hay dở riêng, điều cần thiết là phải biết chọn lọc những cái hay, cái đẹp của cũ và mới để áp dụng trong cuộc sống cho hài hòa,

Trong hôn nhân, ông đã đề cập đến những khía cạnh tiêu cực của những hủ tục như **cưỡng bách hôn nhân** (*Ai làm được, Lời thề trước miếu*), **vụ lợi trong hôn nhân** (Nhân tình ấm lạnh, Tinh mộng, Thầy thông ngôn), **tự do hôn nhân** (*Cười gương*), **tiền dâm hậu thú**, (*Ai làm được, Chút phận linh đình*) **môn đăng hộ đối** (*Sống thác với tình*), **tục nôm vợ** (con nhà giàu lỡ chửa hoang thì thuê một chàng trai cưới để bảo vệ danh

giá như trong *Tình Mộng*), **sinh con trai nối dõi** (*Nợ đời*).

Ngoài ra, tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh còn đề cập đến hiện tượng **tranh giành gia tài** (*Nhân tình ấm lạnh*), mẹ ghê con ghê (*Mẹ ghê con ghê, Ai làm được*) **mê tín dị đoan, cảnh cưỡng hiếp, ngoại tình** (*Chúa tàu Kim quy, Thầy thông ngôn, Cha con nghĩa nặng*). Đặc biệt, **án mạng** thường xuất hiện trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh (*Khóc thảm, Thầy thông ngôn, Cha con nghĩa nặng, Cự Kinh*).

## 2- Hồ Biểu Chánh là nhà văn đạo lý

Tuy đa số tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh là tiểu thuyết xã hội và phong tục, Hồ Biểu Chánh không phải là nhà phong tục học hay xã hội học. Ông viết tiểu thuyết xã hội, phong tục cốt là để quảng bá đạo lý. Quan niệm «văn dĩ tải đạo» đã được ông xác nhận trong tập ký ức *«Đời của tôi về văn nghệ»* như sau:

*Viết tiểu thuyết để cảm hóa đặng lần lần dắt quần chúng trở về đường chánh đạo quang minh hay như trong tiểu thuyết *Bức thơ hồi hận* với cái tựa «Uống trà ngon nhắc chuyện cũ», ông viết : *Phải viết đặng ghi cái hay cái dở của nhơn tình thế thái về khoảng đời trụy lạc mà để lại cho em cháu đời sau được biết chỗ thấp chỗ cao. Phải viết đặng chỉ đường vạch nẻo cho con cháu trong nhà ngó thấy...**

Cùng rao giảng đạo lý như cụ Đồ Chiểu, nhưng ông theo một con đường khác với Nguyễn Đình Chiểu. Cụ Đồ Chiểu rao giảng đạo thánh hiền như một ông thầy dạy học trò, như một người cha dạy con, nói khác đi bằng áp đặt với những lý luận cao siêu, hiền triết. Hồ Biểu Chánh quảng bá đạo lý như một người kể chuyện, dùng những hệ lụy của cuộc đời, để người dân tự tìm cho mình một hướng đi, một thái độ. Tác dụng của cảm hóa thâm trầm, sâu sắc hơn và độc giả nhớ rất lâu câu chuyện qua cái ý hướng đạo lý mà Hồ Biểu Chánh muốn chuyển chở trong tác phẩm.

## Kết luận

Qua thân thể và sự nghiệp của nhà văn Hồ Biểu Chánh, đa số các nhà phê bình văn học cận đại đều xác nhận ông là một nhà văn lớn của miền Nam. Lẽ ra, phải nói đúng hơn là nhà văn lớn của Nam Kỳ, tên gọi vùng địa lý của thời Hồ Biểu Chánh, chứ không phải miền Nam của thời kỳ đất nước qua phân, nhưng bởi lẽ người VN đã sống qua những kỷ niệm lịch sử đau buồn, những danh từ như Nam Kỳ, Trung Kỳ, Bắc Kỳ có thể gọi lên những âm hưởng phân chia lạc điệu.

Và trong cái âm hưởng phân chia này, chúng tôi muốn nhắc lại đây lời tâm sự của **GS Nguyễn Văn Trung**, nguyên Khoa Trường Đại học Văn Khoa Saigon, ông viết :

*«Dạy văn học trên 20 năm ở miền Nam, nhưng mới chỉ đọc Hồ Biểu Chánh gần đây vì trước đây khinh chê, không thèm đọc»*

Sau khi đọc xong, ông nhận thấy tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh thật cảm động, thật hay, thật hấp dẫn. Một người bạn lớn tuổi của ông đã thú nhận với ông: *«chả nhẽ tôi trên 60 tuổi rồi mà còn bị xúc động như muốn rơi nước mắt»*. GS Trung đặt ra câu hỏi: *«Tại sao một cuốn truyện sau hơn nửa thế kỷ, vẫn còn hấp dẫn, gây xúc động với người ở một địa phương khác với địa phương của tác giả?»* (Văn xuôi Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX, nxb Văn nghệ TPHCM, 1999, tr. 677).

**Ông Bùi Xuân Bào**, nguyên Khoa Trường Trường Đại Học Sư Phạm Saigon, trong luận án tiến sĩ (luận án phụ) của ông tựa là *Le roman vietnamien contemporain: tendances et évolution du roman vietnamien contemporain 1925-1945*, trình ở đại học Sorbonne năm 1961, ông cho rằng một kiệt tác (chef-d'oeuvre) là một tác phẩm hoặc được độc giả ưa thích lúc đương thời và mãi mãi về sau, hoặc được ưa thích tại địa phương của tác giả và cả các địa phương khác. Nói khác đi, một kiệt tác là một *tác phẩm vượt thời gian và không gian*.

**Nhà biên khảo Thụy Khuê** thì càng chính xác hơn cho rằng tác phẩm của Hồ Biểu Chánh có tính hiện đại, nghĩa là không bị lỗi thời vì nó gắn bó với hai yếu tố là đồng đại (synchronique) và lịch đại (diachronique), nói cách khác nó có bản chất vượt thời gian. Hãy nghe lời ông Huyệu Hâm Tân nói

với ông Chủ quận trong tác phẩm *Cư Kinh*:

*Hiện nay sự tồi tệ của mình nó tràn lan cùng hết, từ trong gia đình ra tới ngoài xã hội. Trong nhà trường, thì học trò không biết cung kính mang ơn thầy, mà cũng khổ, có nhiều thầy không biết kính trọng cái thiên chức giáo dục, coi môn đệ là kẻ nạp lương cho mình xài mà thôi. Trong gia đình thì vợ không biết kính trọng chồng, mà nhiều ông chồng cũng không biết thương yêu vợ; con không biết ơn sanh thành dưỡng dục, mà nhiều cha mẹ cũng không cần dạy dỗ con; anh không biết thương em, mà em cũng không biết kính trọng anh, còn xã hội thì quá lắm, mọi người đều đuổi theo một chủ nghĩa này: "Kiếm tiền cho nhiều đừng ăn xài cho ngổa nguê sung sướng" kiếm tiền mà không ưa cần lao, dùng phương chước tốt xấu gì cũng được, miễn là được đồng tiền là thôi, không kể nhơn nghĩa, không kể liêm sỉ, không kể danh dự.*

Đọc đoạn văn trên của Hồ Biểu Chánh viết năm 1941 mô tả xã hội VN dưới thời Pháp thuộc vào nửa thế kỷ trước thì chúng ta thấy có khác chi với xã hội VN dưới thời Cộng Sản hôm nay.

***Dựa theo lời tâm sự của GS Trung về hiện tượng bỏ quên (không được biết) và bỏ qua (biết nhưng vì đánh giá thấp nên không được xét đến) cũng như quan điểm của GS Bào và nhà biên khảo Thụy Khê về bản chất vượt thời gian của một tác phẩm, từ các nhận định trên, người viết xin được kết luận: Hồ Biểu Chánh là nhà văn lớn của Miền Nam và của Việt Nam.***

### **Thư mục chính yếu**

- Nguyễn Khuê. Chân dung Hồ Biểu Chánh. – Saigon : NXB Lửa Thiêng, 1974.
- Phan Tấn Tài, Trương Quan Sen. *Hồ Biểu Chánh: người mở đường cho tiểu thuyết Việt Nam hiện đại.* - "TPHCM": NXB Văn Nghệ, 2006.
- Nguyễn Kim Anh (chủ biên). *Tiểu thuyết Nam Bộ cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.* - "TPHCM": NXB Đại học Quốc Gia, 2004.
- Cao Xuân Mỹ. *Văn xuôi Nam Bộ nửa đầu thế kỷ XX.*

"TPHCM": NXB Văn Nghệ, 1999.

- Nguyễn Quyết Thắng. *Văn học VN nơi miền đất mới*. Tập 1. Hà Nội; "TPHCM": NXB Văn Học, 2007.

- Thụy Khuê. *Hồ Biểu Chánh* (RFA).

## Lâm Văn Bé



*Cựu học sinh, giáo sư, hiệu trưởng Trung học Nguyễn Đình Chiểu*

*Cựu Chánh Sự Vụ Sở Học Chánh Định Tường*

*Cựu Tổng Thư Ký Viện Đại Học Tiền Giang*

*(1952- tháng tư 1975)*

*Định cư ở Montréal từ 1975.*

[Nhóm chữ viết tắt "TPHCM" chép từ Thư mục sách dẫn các nơi là tên không muốn đọc hiện nay của thành phố đã 40 năm bị xoá tên nhưng người dân vẫn cứ gọi tên cũ là Sài Gòn, ghi chú của BBT]



# M Ỡ THẠNH VÂN ỘT NỮ SĨ TÀI HOA

## Võ Thành Dũng

Cộng đồng NDC-LNH biết đến chị Thanh Vân từ rất nhiều chuyện ngắn - trọng tâm là những kỷ niệm về Mỹ Tho về trường cũ - được phổ biến rộng rãi trong báo chí của cộng đồng suốt hai thập kỷ vừa qua. Đó chỉ là phần nhỏ, rất nhỏ, trong toàn bộ sáng tác của chị hơn nửa thế kỷ qua.

Chị rất gắn bó với Mỹ Tho. Nơi đây để lại những hình ảnh, những kỷ niệm không phai về đất nước, về con người Mỹ Tho, không những trong trong ký ức mà cả trong tâm tưởng tuy chị sống chỉ vồn vẹn gần hai thập kỷ vào giữa thế kỷ trước trên mảnh đất hiền hòa trong giai đoạn đầu của cuộc đời nhiều sắc màu nghệ thuật.

Họa sĩ chuyên nghiệp sau khi tốt nghiệp Cao đẳng hội họa tại trường Mỹ Thuật Gia Định, chị dạy vẽ tại trường LNH (1965-1967). Về phương diện văn nghệ, chị đã từng hát và múa từ cuối tiểu học và trong suốt thời trung học, tham gia nhiều sự kiện quan trọng khi còn ngồi dưới mái trường NĐC (1951-1957).

Định cư ở Đức trong khoảng thời gian thật dài - từ cuối thập niên 1960 đến khi về cõi vĩnh hằng (2014) - chị đã tích cực tham gia vào cuộc sống cộng đồng, không chỉ trong lĩnh vực văn nghệ mà luôn cả trong nhiều lĩnh vực khác.

**Một nữ sĩ đa tài.**

Sinh ra khi chiến tranh thế giới lần II vừa bắt đầu, chị Thanh Vân trải qua thời niên thiếu trong một làng nhỏ tỉnh Bến Tre. Chiến tranh tràn lan sau đó, gia đình chị lên thành phố Mỹ Tho bắt đầu cuộc sống mới. Tiếp tục tiểu học ở trường Cầu Bắc vào cuối thập niên 1940. Cao đẳng hội họa tại trường Mỹ Thuật Gia Định sau 6 năm dùi mài kinh sử ở trường trung học NĐC Mỹ Tho. Là họa sĩ chị đã cộng tác vài năm với một xưởng vẽ chuyên nghiệp ở Sài Gòn. Phần lớn những họa phẩm chào đời trong giai đoạn ngắn ngủi này. Một số họa ảnh của 1961-1962 rất được ưa chuộng được bán cho những người sành điệu. Hiện còn hai bức tranh được trưng bày tại Đại học hội họa của Hannover (Đức). Tiếc thay những tác phẩm còn lại bị đốt cháy theo toàn xưởng họa của Sài Gòn.

Cũng như âm nhạc, hội họa chỉ là môn phụ ở trung học đệ nhứt cấp (cấp 2 bây giờ), mỗi tuần chỉ một giờ, lại là bộ môn thuần túy nghệ thuật cho nên phần lớn các học sinh xem giờ vẽ và âm nhạc như thời gian thư giãn sau những căng thẳng ở các môn cần nhiều động não: văn chương, sinh ngữ, và nhứt là khoa học. Chị Thanh Vân lại chỉ dạy vồn vẹn 2 năm (1965-1967) ở LNH vì vậy phần lớn các nữ sinh không có nhiều kỷ niệm về cô giáo hội họa này.

Nhân chuyến Âu du mùa xuân 2009, Xuân Hồ dự định thăm viếng một số Thầy-Cô và bè bạn. Hoàn toàn không nhớ, và phải thăm hỏi nhiều bạn bè, Xuân Hồ mới biết chính xác đúng cô Thanh Vân là cô giáo dạy vẽ của mình thời LNH. Khi du học Đức năm 1969 chị mang theo rất nhiều hình ảnh của Mỹ Tho và một số tranh vẽ của học trò mình, trong đó có một tranh của Xuân Hồ lớp Đệ Tứ (1967). Cô học trò ngân ngơ xúc động khi nhìn lại tác phẩm thuở tuổi trắng tròn tại nhà cô giáo 42 năm sau. Thông thường trò nhớ Thầy, ít khi ngược lại. Riêng chị Thanh Vân rất trân quý những kỷ niệm, những tình cảm thời dạy LNH. Khi định cư ở Đức chị vẫn thường xuyên tìm kiếm và liên lạc với các học trò của mình.

Hè 1967 chị vẫn tha thiết muốn tiếp tục dạy tại LNH. Cuộc chiến lan tràn. Thành phố Mỹ Tho êm đềm của thập niên trước nhường chỗ cho những xáo trộn do thời cuộc, rất mãnh liệt trong đám học trò tuổi mới lớn. Những bất bớ, tù đầy thường xuyên xảy ra không những đối với những người trực tiếp “tham gia cuộc chiến”, mà luôn cả bạn bè, thân thuộc và hoàn toàn “đứng ngoài cuộc chiến”. Để tránh vạ lây, chị đành ngậm ngùi từ biệt Mỹ Tho lên Sài Gòn làm việc 2 năm. Hè 1969 rời Sài Gòn đến kinh đô ánh sáng, thủ đô nước Pháp. Tạm thời dừng chân 4 tháng ở Paris, cuối thu 1969 chị qua Đức du học. Nuôi tràn



Hình 1

Đội múa trong sân trường NĐC (15.07.1952)

Từ trái: Văn Kim Anh, Sabouraby, Lê thị Thu Vân, Huỳnh thị Trị, Lâm thị Bạch Tuyết, Đỗ Thanh Vân, Chung thị Thanh Thủy, Bùi thị Mai, Lê Ngọc Tuyết, Bùi thị Hạnh

Kim Anh: cháu của bà Nguyễn thị Tốt, giám thị NĐC

Thanh Thủy: con của thầy Chung Tốt, giáo sư NĐC

Thu Vân: con của thầy Lê văn Vân, giáo viên Tiểu học, về sau là phu nhân của thầy Huỳnh văn Sanh, giáo sư NĐC

Trị, Thanh Vân: về sau là giáo sư LNH

(Tác giả giữ nguyên thuyết minh của chị Thanh Vân)

hy vọng trở về VN sau khi tốt nghiệp; Lịch sử sang trang vào 1975 đã vĩnh viễn giữ chân chị trên mảnh đất tạm dung này.



Tâm hồn nghệ sĩ của chị phát triển rất sớm. Bắt đầu múa và hát cuối tiểu học. Tham gia nhiều sự kiện văn nghệ nổi bật trong suốt thời gian học ở NĐC. Đội múa, gồm 10 nữ sinh của cấp Đệ Thất, trong buổi văn nghệ bãi trường niên khóa 1951-1952 quả thật là *“mỗi người mỗi vẽ mười phân vẹn mười”*, Hình 1.

Chị có nhiều bè bạn, đồng môn trong 6 năm ở NĐC. Dù nhiều thập kỷ trôi qua, chị vẫn thường xuyên liên lạc mật thiết với bạn bè khắp nơi. Những bài viết và hình ảnh về giai đoạn này được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng NDC-LNH khắp bốn phương trời. Dấu ấn thời Mỹ Tho hiện rõ trong tâm tư và tình cảm của chị suốt quãng đời tha hương nơi đất khách.

Viết văn rất sớm khi còn ngồi trung học. Bút hiệu Vinh Lan đã xuất hiện trên văn đàn miền Nam từ 17 tuổi. Viết báo cũng rất sớm nhờ được học giả Nguyễn Hiến Lê “dạy nghề”. Rất nhiều chuyện ngắn, bài báo đăng trên báo chí khi còn ở trong nước. Tiếc thay những tác phẩm này, nhứt là trước 1961, bị thất lạc rất nhiều sau biến cố 1975.

Sau 1969 dù không còn thường xuyên sáng tác như khi còn trong nước, nhưng chị vẫn hăng hái cầm viết khi báo chí của bạn bè mời đóng góp. Tuy định cư ở Đức trong khoảng thời gian thật dài, nhưng trái tim chị luôn hướng về quê cha đất tổ. Nhiều tác phẩm xuất hiện khắp nơi trên báo chí hải ngoại. Là một cư dân Mỹ Tho chị thường xuyên đóng góp cho bốn hội NDC-LNH (Mỹ, Canada, Úc và Âu châu). Những tác phẩm luôn hướng về Mỹ Tho, về trường cũ. Nơi đây chị thường ký tên Thanh Vân, tuy đã thành danh với bút hiệu Vinh Lan từ nhiều thập niên trước, ngay khi mới bắt đầu sáng tác. Chị đã vĩnh viễn gác bút, về cõi vĩnh hằng ngày 25-03-2014. Từ nay trên các văn đàn NDC-LNH vắng bóng một nữ sĩ tài hoa trong sự tiếc thương của mọi người.



Hình 2

Múa nón trong một buổi trình diễn văn nghệ tại Đức (chị Thanh Vân chỉ đạo và dàn dựng)

Tác phẩm rất nhiều nhưng rải rác, mãi đến 2004 chị mới biên tập một số bài tâm đắc. Đã xuất bản 3 Tuyển Tập: Tuyển Tập 1 (2005) gồm 10 chuyện ngắn; Tuyển Tập 2 (2007) gồm 10 chuyện ngắn; Tuyển Tập 3 (2009) gồm 15 chuyện ngắn.

Năm 2007 dưới bút hiệu Vinh Lan, cùng phu quân, tiến sĩ Phan Tấn Tài, và một người bạn thân thành lập hai website về Bình Nguyên Lộc và Hồ Biểu Chánh, hai nhà văn lớn của miền Nam:

[www.binhnguyenloc.de](http://www.binhnguyenloc.de) [www.hobieuchanh.de](http://www.hobieuchanh.de)

Hai website này được độc giả, nhưt là những người quan tâm đến văn học miền Nam thế kỷ XX, tham khảo thường

xuyên và đánh giá cao về những đóng góp vào việc bảo tồn những giá trị văn học của dân tộc.

Cộng đồng VN tại Đức ngày càng lớn mạnh, như là sau biến cố 1975 tại VN và khi bức tường Berlin (Đức) sụp đổ vào mùa thu 1989. Những nhu cầu về gặp gỡ, giữ gìn bản sắc dân tộc cũng như hội nhập vào cuộc sống mới trên đất khách ngày càng cấp thiết. Chị Thanh Vân đã đặc lực góp phần vào việc cải thiện cuộc sống cộng đồng trong suốt thời gian ở Đức. Những lớp dạy tiếng Đức cho người Việt, những buổi trình diễn văn nghệ (gồm nhiều tiết mục đặc trưng: hát quan họ, múa đũa, múa nón, ...) do chị đạo diễn và dàn dựng được cả cộng đồng VN lẫn cộng đồng Đức hoan nghênh nồng nhiệt, Hình 2, năm 2002.

Chẳng những thế chị còn dạy tiếng Việt cho người Đức để đáp ứng nhu cầu cho những gia đình Việt-Đức và những người ngoại quốc cần tiếp xúc với người Việt.

Về phương diện thể dục, ít ai biết chị là một kinh ngư lỗi lạc, từng là huấn luyện viên cao cấp trong suốt gần hai thập kỷ cho các hội bơi của Đức.

Lòng nhân ái bao la ẩn khuất sau khuôn mặt hiền hòa, nụ cười thánh thiện. Đầu thập niên 1970 cuộc chiến VN đi vào giai đoạn khốc liệt, nạn nhân chiến tranh thật nhiều. Chị đã không ngần ngại bán họa ảnh cuối cùng (gồm 20 bức tranh, sáng tác ở Paris (Pháp) và Kohn (Đức) cuối thập niên 1960) lấy tiền góp phần vào việc chữa trị các nạn nhân trẻ bị thương vì chiến cuộc được đưa sang Đức điều trị. Chị cũng không quên nghĩa tình với trường cũ. Trong gần hai thập kỷ, từ 1998 đến nay, chị thường xuyên giúp học bổng cho các sinh viên nghèo xuất thân từ NĐC, gồm khoảng 20 em, mỗi em 5 năm từ khi vào đại học cho đến khi tốt nghiệp. Chương trình này hoàn toàn độc lập với những chương trình của trường NĐC.

Anh Phan Tấn Tài và chị Đỗ Thanh Vân quen nhau (tình bạn) vào cuối thập niên 1950 tại Sài Gòn, gặp lại nhau hè 1969 tại Paris (thời điểm đó anh Tài đang ở Đức). Nơi đây anh-chị xác định yêu thương. Hôn nhân tại Paris vào giữa mùa thu lá vàng, vĩnh viễn định cư ở Đức từ cuối thu 1969. Hạnh phúc ngập tràn khi hai gái một trai lần lượt chào đời, gia đình đầm ấm cho đến cuối đời, Hình 3.



Hình 3 Gia đình hạnh phúc  
Anh Tài, chị Thanh Vân, 3 con và dâu rể trong  
ngày trọng đại của con trai út (14.08.2009)

Võ Thành Dũng  
Hè 2014



# VANG BÓNG

*Thân gửi các niên trưởng*

**Đỗ Thanh Vân**

**C**ũng như chị Nguyệt, tôi vào NĐC năm 1951, là thế hệ bắt đầu cho chương trình Việt ngữ. Đối với đa số cựu học sinh NĐC trong Hội thì chúng tôi là.... đàn chị, những đối với những anh chị của "-ième année" hay của série moderne thì chúng tôi là... đàn em. Khi đọc những dòng "trò



Hình 1

Nữ sinh lớp Đệ Ngũ và Đệ Tứ - 07.12.1955

Từ trái:

Đỗ Thanh Vân, Lâm thị Bạch Tuyết, Đinh thị Loan, Trần thị Nguyệt, Bùi thị Hạnh, Trần thị Nhường, Lê thị Hoa, Nguyễn thị Nhung, Bùi thị Mai, Ngô thị Kim Liêng, Trần thị Liễu, Nguyễn thị Mỹ Dung

chuyện" trên Diễn Đàn tôi chắc rằng các anh chị đôi khi cũng gãi đầu gãi tai, ngơ ngác ngác khi nghe "đám trẻ" có "tuổi mùa thu" đã trên 50 mà vẫn líu lo nũng nịu như chim non mới mọc lông cánh, nên chỉ đành ngồi nghe, đọc, cười, vui theo cho cuộc đời trẻ mãi không già mà không biết phải xen vào như thế

nào cho hợp tình hợp cảnh. Thế hệ thứ hai của chúng tôi hy vọng có thể là thế hệ trung gian để nối liền tuổi hưu và ... sồn sồn, là nhịp cầu kết nối kỷ niệm của thập niên 50 và 60, là ngôn ngữ thông dịch tiếng nói chậm chạp mà chứa đựng nội dung với tiếng nói sáng lòa như sấm chớp mà cũng thoáng đi nhanh như sấm chớp...



Hình 2 Ngày lễ Đức Khổng Tử 26.09.1954  
từ trái

Đứng: Đinh Căng Nguyên (giám học), Đặng Thị Chín, ?,  
cô Trương Ngọc Liên, thầy Huỳnh Đình Trang, cô Trần Ngọc My,  
Poly Pierrette, Dương văn Dối (hiệu trưởng), cô Hồ thị Chi,  
Ngô thị Kim Liêng, Nguyễn thị Kim Phượng, thầy Trần văn Thăng.

Ngồi: Võ thị Xuân Kiều, Nguyễn thị Nhung, Đào Kiều Oanh,  
Phạm thị Hải Đường, Đỗ Thanh Vân

Kim Liêng: con của ông Đốc Ngô Hữu Thế  
Kim Phượng: con của Bác sĩ, GD Bệnh viện Mỹ Tho  
Kiều Oanh: con của thầy Đào Phùng Lân  
Hải Đường: cháu của Tổng giám thị Lê văn Chí

Tôi còn giữ nhiều hình ảnh của trường cũ một phần vì chính tình cảm chân thật thân tình giữa tôi với trường-thầy-bạn, một phần nhờ cái tánh „không chịu ngồi yên“ của tuổi thanh xuân mà chỗ nào cũng có mặt trong quá khứ. Tôi muốn gợi lên Diễn Đàn vài dấu vết để các anh chị có dịp „ôn cố“. Vang bóng chỉ là một tình trạng của tâm tình, một khoảnh khắc quay nhìn về dĩ vãng để nhớ để thương, nhưng bóng sẽ không bao giờ là hình, tuy rằng bóng cũng sẽ không bao giờ rời khỏi hình mà chỉ sẽ quay trở lại khi thuận tiện.

Trong tấm ảnh của đoàn nữ sinh Ngũ-Tứ với cái nhà concierge nằm đằng sau sẽ là một kỷ niệm sâu sắc của những ngày trường còn tên là Collège le Myre de Vilers (Hình 1). Tấm ảnh với dãy lầu dơi, mà ngày nay không thể nào gặp lại nữa, sẽ làm các anh chị sống lại thời gian nội trú, đặc biệt bà đầm Poly Pierrette là nhân chứng của thời chỉ nói ... tiếng Tây (Hình 2). Tôi cũng xin mượn tấm ảnh này để chào mừng Anh Chị Tường-Kim Anh, vì trong đó có một người mà Anh Chị sẽ rất vui khi nhận diện.

Thanh-Vân  
(NĐC 1951-57)



# EM NGÀN NĂM TÔI

Quốc Nam

**B**iết bao đêm, tôi mênh mông ảo vọng,  
 Về cuộc tình trôi vụt 40 năm.  
 Em ở đâu? Tôi vẫn nổi yêu thâm,  
 Trong chinh chiến và trăm miền hải ngoại.  
 Giữa chón nhân gian, vỡ từng ngang trái,  
 Hàng triệu con người, thấp thoáng bóng em.  
 Tôi mơ hồ theo dõi bước chân đêm,  
 Như đã thấy em về từ tiến kiếp.

Tôi yêu em chỉ một lần mê thiếp,  
 Gọi thầm tên "Công Chúa của Tiền Giang".  
 Tôi nhận dạng em trải 40 năm,  
 Tình yêu đó rồi biến thành huyền thoại.  
 Gặp lại em giữa bờ thiên niên kỷ,  
 Ta hôn nhau, đánh dấu mối duyên đầu,  
 Chuyện tình mình dù trắc trở thương đau,  
 Nhưng vẫn đẹp cõi trần gian ngầu đục.  
 Nào ai hiểu 40 năm ray rút,  
 Ta tìm nhau mòn mỏi những tháng ngày.  
 Nghe nhịp đập trái tim trọn kiếp này,  
 Cảm nhận đã thuộc về nhau vĩnh viễn.  
 Tình trải dài 40 năm hiển hiện,  
 Ta yêu nhau qua ngàn năm thứ ba.  
 Mấy trăm ngàn giờ (\*) nhớ nhau thiết tha,  
 Ôi! Mắt môi trông nhau mà hứa hẹn.

Với cuộc tình đã cực kỳ thánh thiện,  
 Ngàn năm sau ai kể chuyện tình yêu.  
 Sẽ thao thức những bí ẩn muôn điều,  
 Bởi mối tình như biến thiên trong mộng.  
 Và em ngàn năm tôi, như triều sóng,  
 40 năm ta dệt một tình đầu.

QUỐC NAM

(trích Thơ tập 7 "Quê Hương Người Tinh")

(\*) Ý nói 40 năm tức 350 ngàn 400 giờ vẫn nhớ nhau.



# MÁY NHIP CẦU QUÂY

Vinh Lan

(Cố GS Hội Hoạ Đỗ Thanh Vân)

Nhà tôi ở phía bên kia Cầu Quây, và tôi luôn luôn nghĩ rằng tôi không phải là dân chợ. Hồi đó, cái hồi bắt đầu từ những năm nào tôi không biết cho đến năm 1954, cầu Quây là ranh giới chia tỉnh Mỹ Tho thành hai tụy nó nối liền đôi bờ sông Bảo Định. Máy chữ “bên kia cầu Quây” đồng nghĩa với máy chữ “bất an ninh”, tụy chiều chiều “nam thanh nữ tú” thường thơ thẩn bên lan-can cầu hóng gió và nhìn ghe thuyền qua lại. Đạo ấy, cho tới đầu những năm 50, người bên này ngại sang bên kia lắm, cũng như vào thời 60,70 nói tới Cầu Vỹ là ai cũng chùn chân.

Gia đình tôi tản cư lên Mỹ Tho năm 1946 và tìm được căn phố ở bên kia Cầu Quây, đường Trịnh Hoài Đức, gần Ngã Tư tức là không xa đầu Cầu Quây bao nhiêu. Chiến tranh đã tàn phá gần hết làng tôi, làm tiêu tan cả tài sản ba má tôi, cho nên dù có là con nhà khuê các thì ai trong hoàn cảnh đó cũng đều trở thành hạt cát. Mỗi ngày tôi phải lội bộ đi học trường Cầu Bắc. Quảng đường dài 2 cây số đó, đối với người lớn chắc đã không gàn, huống hồ là cho một đứa bé 7 tuổi, mà đoạn gàn ngâm vô biên là lên dốc cầu, nhưt là dốc phía bên chợ nó dài và rộng gấp hai lần bên này, và không quên được là những phút đi ngang qua cầu giữa mùa nóng đốt. Ba má tôi cũng không có phương tiện di chuyển nào khác nên phải giải quyết bằng cách cho tôi ở lại trường buổi trưa. Năm lớp tư, má tôi sáng sớm nấu com bỏ vào hộp để tôi mang theo. Tôi và các bạn nhỏ đã thâm ngấn đoạn đường đi bằng cách quăng cái cặp đệm xuống đất, từ đoạn đường d’Ariès (Lê Lợi) trước Tòa Án, đá dài cho cặp đầy đồng lá me bên vệ đường chạy đua tới trước rồi chạy theo cặp và cứ tiếp tục cho đến hết khúc đường có nhiều lá me rơi. Chúng tôi vui thú đến quên đường dài, nhưng tới nơi thì cái hộp bằng giấy của má tôi đã thay hình đổi dạng. Năm lớp ba, tôi được ăn com ở cantine

trường vì nhà xa và gia đình nghèo. Tới năm lớp nhì, tôi được ba má sắm cho một chiếc xe đạp. Thế là con đường không còn dài dằng dặc nữa, nhưng đạp lên cái dốc trước nhà thuốc tây Trần văn Khánh và Ty Điền Địa thì vẫn còn quá nã nề.

Từ khi có xe đạp, tôi thường lấy cớ để chạy xe. Tuy sợ dốc cầu nhưng mỗi chiều, tôi đều đạp xe qua tiệm bán nước đá cây ở con đường sau khám Mỹ Tho (*chú thích BBT: đó là con đường Trần văn Trịn sau đổi thành Huyện Toại*) mua một cục, cột dây lát máng vào guidon về cho cả nhà có nước đá uống trong bữa cơm. Và vui nhất là khoảng năm 1950, có một tiệm làm bánh mì khám phá ra cách làm bánh mì ngọt và bánh mì ngọt có trộn nho khô. Thế là bọn con nít xóm tôi cứ đứng 6:00 giờ chiều là hè nhau chạy xe đạp qua chợ để mua bánh mì mới ra lò. Đó là mode “mới” của dân bên kia cầu Quay.



*Cầu Quay - nhìn từ đường Phan Thanh Giản gần vỉa cá.*

Đời sống bên kia cầu Quay là đời sống nửa quê nửa tỉnh. Xóm tôi ở xui xẻo là chỉ có toàn là con trai ở tuổi tôi với vài chị lớn và một hai bé gái còn nhỏ hơn tôi nữa, nên trò chơi sau trường học của tôi cũng độc đáo. Tức là tôi nhập bọn với đám con trai đi đánh trống, đá cầu, chơi đáo...rồi tùy theo mùa mà kéo

nhau vô rẫy hái rau đắng về cho để ăn hay đi vớt lẫn quần ở các đường mương để nuôi cá lia thia đá. Lối sống của hạt cát, hòn sỏi đó đã cho tôi những kỷ niệm tuyệt vời không thể có đối với những bé gái cùng tuổi ở chợ hay những tiểu thơ măng non trong nhà cao tường kín, những kỷ niệm cùng với đám “quý con” trong xóm mà sau bao nhiêu vật đổi sao dời, chúng tôi vẫn còn tìm kiếm nhau để thỉnh thoảng trao đổi vài dòng thăm hỏi.

Điều khó quên là đời sống ở đó không phải lúc nào cũng êm như bàn thạch. Nghe súng đạn trò chuyện giữa đêm thường xuyên đến nỗi dưới sàn cái divan nhà tôi ngày nào cũng được lau chùi bóng lưỡng và trải chiếu cẩn thận. Đêm đêm má tôi dựng một tấm nệm lớn trước đầu nằm, tưởng như đạn vào nệm và sẽ ở luôn trong đó. Mỗi khi nghe tiếng súng nổ, nhứt là khi nghe tiếng súng nổ to từ bót số 1 gần đầu cầu là cả nhà lập tức chun xuống sàn. Tánh trẻ con thật vô tư, tôi thấy vui mà ngủ dưới sàn nhà trong khi người lớn lo âu sợ sệt. Tôi nhớ hồi ở quê nội bên Bảo Thạnh, tôi cũng đã từng chun xuống tranchée để trốn bom, cái hầm đào sâu xuống lòng đất được trét đất sét làng trơn và mát rượi làm tôi cứ thèm ngủ ở đó.

Ngã Tư là khu bán thức ăn đủ loại, là nơi nhậ nhệ của đám lính Pháp và lính đầu đỏ Việt vào cuối tuần hay ngày lễ. Thế nên ở đây cũng có tiếng lựu đạn nổ hà rầm. Ngày cách-to-duy-dê, dân ta gọi thế để chỉ ngày 14 tháng 7. Họ không cần biết là ngày gì, chỉ biết ngày cách-to-duy-dê là ngày nhục nhã buổi sáng và nguy hiểm buổi chiều. Buổi sáng là cuộc lễ to ở đầu cầu, cách bót số 1 vài mươi thước. Năm nào cũng có trò leo cây thoa mỡ bò để lấy phần thưởng ở đỉnh cột và trò lội sông bắt vịt. Ai có thương cho cái cảnh “năm tác trèo lên, một thước tuột xuống” hay “có bắt được rồi vẫn cứ vượt đi” thì thương, chớ hàng quan khách Tây Ta và các bà đầm cứ thích thú cười nghiêng ngửa. Nhưng “vui” là “vui” buổi sáng thôi, tới tối khi cả bọn đầu đỏ mắt xanh, sau mấy tiếng đồng hồ hò hát vang rân, bò còng bên hàng đồng chai rượu là chắc mẽm sẽ có màn quảng lựu đạn từ một góc kín đáo nào đó. Bọn trẻ con chúng tôi bị cầm cung khi mặt trời vừa xuống.

Gia đình tôi dọn nhà qua chợ một năm sau khi tôi đậu vào Lycée Le Myre de Vilers. Trường vẫn còn mang tên Pháp mặc

dù niên học tôi bắt đầu cho chương trình Việt. Năm 1954, Pháp về nước. Vùng bất an ninh đã được an ninh, cầu Quay thật sự là nhịp cầu nối kết hai vùng của tỉnh. Mùi hủ tiếu Phánh Ký bay sang tận bên chợ mời mọc hàng bao nam nữ học sinh của ngôi trường trung học đã được đổi tên thành Nguyễn Đình Chiểu từ ngày 22.02.1953. Và con đường đi Chợ Gạo không còn là con đường cho hàng dọc xe nhà binh Pháp mang đầy sinh đất nặng nề chạy về tỉnh lỵ sau những cuộc hành quân, mà là con đường dẫn xuống nơi gặp gỡ thơ mộng của thanh thiếu niên Mỹ Tho: chùa Vĩnh Tràng.

Ngày nay, với tuổi đời chồng chất, mấy nhịp cầu Quay như thân già yếu ớt, nặng trĩu trên vai, nền xi-măng nứt rạn và sườn sắt rỉ sét. Cầu Quay chỉ dùng cho người đi bộ. Chỉ còn là biểu tượng cho thành phố Mỹ Tho và là dấu vết đầy thân thương trong lòng dân Mỹ Tho.



*Sông nước Mỹ Tho*

# MỘT CHUYẾN ÂU DU

**Xuân Hồ**

*\*Tưởng Nhớ Về GS Hội Họa Đỗ Thanh-Vân\**

**T**ôi đang ngồi tư lự... Những ngày Noel đã qua, Tết xong mình vẫn chưa nghỉ hè, làm việc nhiều có lúc thật mệt, nè nha thức khuya ghiền xem phim bộ, dậy 5 giờ sáng sớm đi làm mỗi ngày, bà chủ lại bắt đi làm ngày lễ và thứ bảy chúa nhật, thật là bất công! Mình phải đi đâu chơi cho thư thả...

Điện thoại reo vang...

- A lô!
- Tao đây, Thelma.
- Gì đó nhỏ!
- Tao mới được tin, thứ sáu này tao sẽ bị sa thải.
- Trời đất ơi!!
- Ủ! Mi coi chừng họ sẽ cho mi sa thải đó... cả nhóm tụi mình đều bị hết. Thôi tao đi đây, bye.

Hai tuần sau đến phiên tôi là người cuối cùng, cũng từ giã hàng mà đi... Ngày đó, tôi chạy xe lang thang, lòng buồn vô hạn... số mình là số “con rệp”! Nhiều khi con rệp còn hạnh phúc hơn tôi nữa! Không giống như người ta, đòi tôi cứ lặn lội, nhỏ nói: “Đen cái này thì đỏ cái kia”, nhưng tôi thì lúc nào cũng thấy số mình đen! Tôi mặc áo đỏ, bóp đỏ, giày đỏ, nó cũng xui! Nhỏ cười, tôi tức, không thèm nói chuyện, Nhỏ năn nỉ, tôi làm lơ...trong bụng đã có kế hoạch... làm bộ giận lâu để mình... chuẩn đi chơi.

Nói thì làm liền... tôi rà vé máy bay trên internet... có rồi... vé rẻ thật, tôi bèn book 2 tuần: một tuần Pháp, một tuần Đức, ngày một lên đường. Nhỏ la ơi ơi, hát bài “*Cô đơn*” “*Một mình trong chiều vắng*” “*Đừng bỏ Em một mình*”... nhưng tôi vẫn can đảm... tiến lên... “Ta buồn quá! Cần phải đi chơi xa một thời gian. Mi ở nhà chơi với mấy đứa bạn khác đi nha”.

Rồi 3 ngày sau tôi khăn gói lên đường với chiếc valise nhỏ, một hành trình mang nặng nề... cô đơn! Tôi có các anh chị ở Pháp, Đức, Canada, nếu năm này tôi đi Pháp thì năm tới tôi đi Canada, những năm trước, các con tôi còn nhỏ thì đi nghỉ hè cả gia đình. Bây giờ tất cả đã lần lượt rời xa tôi... các con đã lớn có tự do riêng, đứa có gia đình, đứa bận học, người thì trở về với cát bụi... đây cũng là lần đầu tiên tôi đi xa một mình, bỏ lại người tình... hiu hắt.

Từ Denver, Colorado, tôi đi United Airline bay qua Dallas, Texas đợi 4 giờ rồi đổi máy bay đi Paris. Sau khi lên máy bay, tìm được chỗ ngồi, tôi nằm thoải mái đánh một giấc ngon lành với cơn mơ nhiều mộng đẹp... Trải qua 14 giờ bay cuối cùng máy bay đã đáp xuống phi trường Charles De Gaulle. Phi trường vẫn tấp nập người qua lại, vẫn cảnh cũ nhưng người xưa... đã vắng bóng! Có lẽ vì cơn mơ đẹp vẫn còn trong tôi nên khi lấy valise, tôi nhìn chiếc valise đó là chỉ riêng tôi có, chiếc valise có hình tháp Eiffel, nên tôi không cần nhìn kỹ tên trên valise, tôi đã kéo nó đi một cách hăng hái... *Paris có gì lạ không em? Mai anh về giữa bên sông Seine. Anh về giữa một dòng sông trắng. Chả biết sương mù hay áo em...?* và vì tôi quyết định đi Pháp quá nhanh trong khi anh chị tôi vẫn còn bàng hoàng, hôm qua đã đàm thoại, thì hôm nay tôi đã xuất hiện trước mắt anh chị Tư Hồ văn Sơn (Le Myre de Vilers, du học Paris từ năm 1952). Trong xe, tôi tíu tít nói liên miên như chưa bao giờ đến Paris, nếu không nói nhiều thì tôi sẽ nhớ Nhỏ, nhớ bộ mặt rầu rầu thật tội nghiệp của bạn hiền.

Tôi vói tay mở chiếc valise để tặng món quà cho chị dâu còn nóng hổi thì... cái gì đây? Trời ơi! Toàn quần áo đàn ông, nào giấy, nào vớ, đồ cạo râu...

- Chết rồi anh Tư ơi! Valise này không phải của em. Em lấy lộn valise của ông Tây nào... xin lỗi Anh, Em cần trở lại phi trường gấp.

Anh tôi thật hiền từ, không trách em út một lời, vui vẻ quay xe trở lại phi trường. Đến nơi, tôi chạy thật nhanh đến nơi đã lấy hành lý, như đang chạy đua với ai đó ở trước mặt, nếu trễ, “ông Tây” sẽ mang valise của tôi về nhà ông thì tôi sẽ không có áo quần thay đổi! Thật hên quá! Khi tôi nói với người làm trong chỗ lãnh đồ thì dường như họ đang chờ tôi đến và chỉ chỗ cho tôi thấy chiếc valise yêu quý của tôi vẫn còn nằm chờ chủ của nó!

Giống như người con yêu đã lâu không về nhà, tôi đã trở về tổ ấm (nhà anh chị Tư), với sự mệt mỏi buồn phiền... và ngủ suốt 12 giờ... Món ăn Pháp duy nhất của những ngày tôi ở Paris là ăn mê mê bánh mì baguette với pâté gan ngỗng và nước tương Maggi dù anh tôi nấu ăn rất ngon, anh đã làm những món khác như thỏ nấu rượu chát, vịt nấu tiêu... Tiếng điện thoại reo vang: Anh BS Nguyễn Quang Sơn từ Đức, anh cựu HT Võ Thành Dũng, anh HT Lâm Trí Chánh, em gái Nguyễn Thị Minh-Tâm, chị Phạm Thị Phia, và chị Kim-Liêng nhắn, liên tiếp chúc mừng thân mật dù chưa một lần gặp mặt.

Ngày hôm sau, Minh-Tâm đến đón tôi đi chơi một ngày bằng xe buýt, métro... Ở Mỹ tôi chỉ đi xe hơi, đến Paris, anh tôi cũng chở bằng xe hơi, nên khi đi métro, với tôi rất thú vị, học được nhiều điều và đôi chân mỗi nhừ. Đầu tháng 3, Paris vẫn còn lạnh, ông Trời còn thương tôi nên hơi u ám và mưa lất phất, chúng tôi đi xe buýt đến Viện Bảo Tàng Louvre, có lẽ còn mùa Đông nên vườn Luxembourg nổi tiếng cũng... đi hiu, không cây nào có hoa cho tôi thưởng thức!... *Ngày em đi, nghe chơi với nã nê, qua vườn Luxembourg, sương rơi che phố mờ, buồn này ai có mua?* ... Minh-Tâm quả là dân chụp hình... khá, nâng bấm máy lia lịa, làm người mẫu như tôi sẽ có nhiều hình để khoe bạn bè, rất tiếc tôi không mang theo máy lớn nếu không thì ảnh sẽ rõ hơn vì mây xám giăng đầy lối.

Chúng tôi tiếp tục dùng métro và đi bộ đến nhà thờ Sacré-Coeur de Montmartre, nơi đây ngày thường vẫn đông người, hầu hết là du khách, bên ngoài nhà thờ to lớn, vĩ đại nhìn rất đẹp với

những tượng điêu khắc, bên trong nghiêm trang, cổ kính. Tôi chợt nhớ đến Nhỏ, theo Công giáo, nhà thờ Sacré-Coeur de Montmartre rất linh thiêng nếu thành thật thì mình sẽ được như ý, cho dù tôi đạo Phật nhưng vẫn cùng Minh-Tâm vào trong cầu nguyện...

*...Hãy quỳ xuống bên bờ yêu hướng thượng  
Đôi ta nguyện cầu Nữ Thánh ban ơn...  
Em nhìn Anh bằng đôi mắt to tròn,  
Đẹp như tượng bên Hồ Xuân ngày đó,  
Anh thì thầm xin ơn trên trút đổ  
Cuộc tình duyên này vẹn ước chung thân.  
Chúc ánh nến quanh trái tim muộn màng,  
Sẽ gìn giữ đôi ta bất diệt.*

(Hạnh phúc trên đôi mơi/ QN)

Ra khỏi nhà thờ, tâm hồn tôi thấy thoải mái yêu đời hơn, vì tôi đã cầu nguyện cho tôi và người yêu tôi mãi mãi gắn bó lâu dài (không phải tôi cầu nguyện cho “người tôi yêu” được gắn bó lâu dài “vô thời hạn”, hi hi...).

Tôi và Minh Tâm tiếp tục đi métro đến Arc de Triomphe. Nói thiệt nha, cái chân của tôi bây giờ đã mỗi nhừ, “dân Mỹ” (Tho) thú thiệt (xã Điều Hòa), từ lúc qua Mỹ đến giờ toàn là đi xe hơi (không phải mình giàu có gì nhưng đường phố bên Mỹ rộng lớn không có xe thì bất tiện vô cùng), chưa từng đi xe buýt, thì bây giờ, eo ơi! Cô em gái Minh Tâm dẫn đi bằng xe “lô ca chân”, nâng đi rất nhanh nhẹn, bởi vậy, nhìn ngoài phố, người người ai nấy đều có thân hình gọn gàng, chúng tôi đi hết con đường này băng qua con đường khác, sao mà nó xa “thế” đi hoài không thấy tới! Lúc trước, tôi rất thích đi ngang nơi này, trên con đường chính, Avenue des Champs Elysées, con đường được cho là Đại lộ đẹp nhất thế giới. Kỳ này, tôi đi métro từ đường hầm lên đến chân Khải Hoàn Môn nên nhìn thấy rất rõ ràng, thật là những kỳ tích, với những bức tượng điêu khắc chung quanh vách tường.





*Từ trái qua phải, Nguyễn Thị Minh Tâm (LNH), Xuân Hồ (LNH).*

Khi còn trung học, tôi chọn Pháp vẫn là sinh ngữ chính để hy vọng một ngày nào đó mình sẽ đi du học Pháp. Tôi học tư đủ thứ thầy cô: đệ Thất, Lục, Ngũ cô Tốt; đệ Tứ cô Ngọc, thầy Đán; đệ Tam, Nhị thầy Vui (Bác Hai Minh Tân mượn riêng cho Trương Ngọc Anh và tôi học trên lầu 3 nhà Bác vì năm đệ Tam Bác sợ tụi tôi quá rảnh rang ham vui quên hết chữ nghĩa), những lúc trò chuyện với anh BS Sơn, tôi mới biết anh Sơn cũng học tư riêng với thầy Vui. Những mẫu chuyện trong quyển Mauger lúc nào cũng nằm gọn trong trí nhớ của tôi. Paris, đối với tôi thật thân thương vô cùng và rất quen thuộc như những nhân vật, đường phố trong quyển Mauger.

Rời Arc de Triomphe thì trời đã tối, Minh Tâm đưa tôi trở về nhà với đôi chân mỏi nhừ, mãn nguyện và vui vẻ. Cám ơn Minh-Tâm đã gọi cho chị một kỷ niệm đẹp về Paris, hẹn kỳ tới mình sẽ đi những nơi khác.

Đến chúa nhật, là ngày trọng đại và hồi hộp vì tôi sẽ gặp các anh chị trong hội Ái hữu cựu học sinh Âu Châu. Ngày này trời vẫn còn mưa, Paris mưa phùn thật đẹp nhưng các anh chị tuy chưa một lần gặp mặt, không ngại đường xa, vẫn tươi cười chờ chúng tôi đến chỗ hẹn trong thương xá, khu Thúy Nga, thuộc quận 13. Khi tất cả đến khá đông đủ, tay bắt mặt mừng, chào hỏi, tôi đã nhận diện ra các anh chị: anh Phạm Văn Vĩnh/Cầm Vân, anh cựu HT Võ-Thành Dũng, anh chị Louis/Kim Liêng, anh Trần Kim-Điệp, chị Phạm Thị Phia, anh chị HT Lâm Trí Chánh, anh chị Trí, Nguyễn Thị Minh-Tâm, anh chị Hồ văn Sơn, anh thứ Tư của tôi, cũng là niên trưởng NĐC trong nhóm, trên chị Kim-Liêng hai năm. Rồi tất cả kéo nhau đến tiệm Saigon trên đường Avenue d'Ivry trong tình thân mật, tôi cảm thấy ấm cúng, tự nhiên và vui vẻ như đã quen nhau từ lâu.

Có một điều...tiếng Pháp của tôi đã trả lại cho thầy cô khi nghe các anh chị líu lo nói tiếng Việt xen lẫn tiếng Pháp... mỗi người một vẻ... thật dễ thương. Như vẫn còn nuôi tiếc, rời tiệm ăn, chúng tôi cùng đến tiệm Lily's café, rời cùng nhau tâm sự, hỏi thăm. Tôi thấy Minh-Tâm đi từ bàn này đến bàn kia trò chuyện với các anh chị vì em là cô bé nhỏ nhất trong cựu học sinh Âu châu, Trí, em trai út của anh Trần Hữu Tài, thuộc nhóm Ngô Quyền thưở 1964, 1965..., trong bài viết ĐS Nam California năm nào của chị Trần Thanh-Giang có nhắc đến "*Công viên Bà Phán*" và chị Phạm Thị Phia, trước lạ, sau thân, chị rất hiền lành, nhỏ nhẹ, chị kể rằng trong khi đi métro từ nhà đến Paris, chị bị móc túi mất hết giấy tờ, thật tội nghiệp chị nhưng chị vẫn nói "đừng buồn Xuân nhé". Sau đó chúng tôi cùng nhau ra trước tiệm cô Sáu Đào để chụp hình lưu niệm. Ông Trời ạ! Cám ơn Trời, nắng đã lên sau những ngày mưa tầm tã để chúng con có cơ hội chụp vài tấm hình rất đẹp!



*Từ trái qua phải: Trần Thị Cẩm Vân (LNH), cựu HT Võ Thành Dũng (NĐC), anh Louis (Phu quân chị Kim Liêng), anh Trần Kim Điệp (NĐC), Xuân Hồ (LNH), chị Phạm Thị Phía (LNH), anh HT Lâm Trí Chánh (NĐC), Trần Hữu Trí (NĐC, em trai DS Trần Hữu Tài), (chị Loan, hiền thê anh Lâm Trí Chánh), Chị Nguyễn Kim Liêng (NĐC), Nguyễn Thị Minh Tâm (LNH), anh chị Niên trưởng Hồ Văn Sơn (Le Myre de Vilers, anh của Xuân Hồ).*

Thời gian qua nhanh quá! Rồi cũng đến lúc phải chia tay...

Cám ơn các anh chị bên Pháp thật nhiều, đã không ngại đường xa, trời mưa và không quen biết con bé XH này, với đầy nhiệt tình và thân thiện để cùng chung vui với nhau, đúng là tình đồng hương, đồng môn, cựu học sinh Nguyễn Đình Chiêu / Lê Ngọc Ngân Mỹ Tho...

\*\*\*\*\*

Rời Paris, tôi đi chuyến xe lửa tốc hành qua Đức, Göttingen, là nơi anh chị thứ 8, Hồ Văn Điều (NĐC 60-67) cư ngụ. Qua một đêm nghỉ ngơi. Ngày kế tiếp, hai anh em tôi cùng lái xe đến thăm anh chị BS Nguyễn Quang Sơn ở thành phố Gelsenkirchen qua đêm để ngày hôm sau cùng đi Hòa Lan.



*Từ trái qua phải: Anh Hồ Văn Điều (NĐC), Xuân Hồ(LNH), anh chị BS Nguyễn Quang Sơn(NĐC).*

Gelsenkirchen cách Gottingen 250 km. Chiều hôm đó chị Sơn đã làm gói cuốn và nấu bún rêu thật ngon. Lần đầu tiên tôi đi Amsterdam, cách nhà anh BS Sơn 250 km. Thành phố Âu Châu khác Mỹ nhiều, nó có vẻ trữ tình, thơ mộng và người dân rất lịch sự. Tôi rất thích nhìn những chiếc ghe nhỏ chở khách dưới sông, giống như một con rạch, những phố tiệm nhỏ san sát bên nhau. Trời mưa suốt trên đường đi, tôi ngại cho sức khỏe của anh Sơn nên không thể đi xa thêm, theo lời đề nghị của anh Sơn, chúng tôi vào tiệm ăn đặc biệt của Hòa Lan rồi trở về Gelsenkirchen để hai anh em tôi còn đi thêm một đoạn đường về nhà anh chị tôi ở Gottingen 250 km nữa! Thôi thì hẹn kỳ sau BS Sơn nhé. Cầu mong sức khỏe anh khả quan hơn.

Sau một đêm nghỉ ngơi ở Gotingen, tôi cùng anh chị Điều lái xe đến thành phố Hannover thăm thầy Phan Tân-Tài và cô Đỗ Thanh-Vân. Cô Thanh-Vân đã dạy vẽ LNH chúng tôi năm đệ

Tứ 1967. Anh 8 của tôi lái xe đi lạc lung tung vì anh không quen đường phố của Hannover, cuối cùng đến nhà cô Thanh Vân thì đã xế chiều. Cũng nên nói rõ hơn - Khi tôi gia nhập vào Diễn Đàn Âu Châu, trụ sở chính nằm bên Pháp, cô Thanh Vân đã gọi vào Diễn Đàn 1 tấm hình Cô chụp với một đám học trò mặt áo dài trắng ở vườn hoa Lạc Hồng, nhờ Diễn Đàn tìm các chị trong hình. Và tôi đã nhìn ra một chị mà tôi đã quen gia đình chị hơn 20 năm nay. Tôi viết email thăm Cô Thanh Vân và cho Cô biết tin này. Sau vài email thăm hỏi, tôi mới nhớ ra cô Thanh Vân đã dạy Hội họa năm Đệ Tứ. Thời gian học với Cô chỉ có một năm và mỗi năm, từ Đệ Thất đến Đệ Tứ chúng tôi đều có Giáo sư Hội họa khác nhau nên tôi đã xin lỗi Cô rất nhiều về chuyện sơ xuất này.

Đã hơn 40 năm không gặp Cô, tôi nhìn lại Cô, tuy lớn tuổi, Cô vẫn còn tinh anh, tôi thương giọng nói Mỹ Tho của Cô, Cô lo lắng chỉ đường cho chúng tôi, đặt sẵn bánh cuốn để chúng tôi cùng ăn trưa, nhưng vì chúng tôi còn hẹn ăn chiều với những người bạn khác nên đành từ giả Thầy Cô sớm hơn dự định. Một điều rất ngạc nhiên khi Cô Vân cho tôi xem những bức tranh vẽ của các học trò mà Cô đã giữ kỷ hơn 40 năm, khi Cô từ giả VN du học Đức, trong số đó có tấm tranh của tôi vẽ khi thi Lục Cá Nguyệt, đã đề tặng Cô từ năm 1967! Cảm ơn Cô Thanh Vân đã tặng lại cho học trò, em sẽ trân quý bức tranh này, thật đơn sơ, một mực của thuở nhỏ vô tư.

Từ giả thầy cô Thanh Vân, chúng tôi đến nơi hẹn với đôi vợ chồng lý tưởng Nguyễn Hữu-Hạnh và Lý Kim-Oanh, nhà hàng Arc en Ciel, tên Tây nhưng thức ăn Tàu, rất ngon. Trong khi chờ đợi con trai anh chị Điều, BS Hồ-ngọc Anh-Huy đến gặp Ba Mẹ cháu, anh chị tôi còn một cháu trai, BS Hồ-ngọc Anh Vũ bận gây mê trong bệnh viện không đến kịp. Trong khi chờ đợi mọi người đến đông đủ, chúng tôi cùng nhau dạo phố Hannover, cách kiến trúc nhà cửa của nước Đức giống Mỹ nhiều hơn Pháp mà nơi đây tôi đã tìm thấy một vài cửa hàng, tiệm ăn của Mỹ.



*Từ trái qua phải, Thầy (Tiền Sĩ) Phan Tấn Tài (phu quân cô ĐTV), cô Đỗ Thanh Vân (NĐC), Xuân Hô (LNH).*

Hai tuần qua thật nhanh... Đến lúc tôi từ già Göttingen, một thành phố nhỏ hiền hòa mà tôi đã thử món sausage của Đức nhưng hình như cho dù ở ngoại quốc 30 năm, 40 năm, tôi cảm thấy đi đâu, ở đâu, món ăn VN vẫn là nhất, khi về đến nhà tôi phải nấu một nồi canh chua cá kho tộ mới được. Chuyến đi Âu Du này thật khác hẳn với những chuyến đi trước, tôi đã có thêm nhiều bạn đồng môn, đã gặp lại Cô Đỗ Thanh Vân, một vị GS đã dạy tôi vẽ từng nét trên canvas. Những người bạn Mỹ Tho thân thương của tôi ơi! Thật cảm động vô cùng...

Một mình tôi lại lúi thủi kéo valise ra bên xe lửa Göttingen để đi Frankfurt rồi đáp máy bay về Colorado xứ lạnh, tuyết mịt mù, đồi núi, rừng thông vây quanh vẫn là nơi tạm trú của “Tôi ơi! Đờng tuyệt vọng”, một người di dân bất đắc dĩ!





*Anh chị Nguyễn Hữu Hạnh/ Lý Kim Oanh (NĐC/LNH), Xuân Hồ (LNH), BS Hồ Anh Huy (con trai trưởng anh chị Hồ Văn Điều, cháu trai của Xuân Hồ), anh chị Hồ Văn Điều (NĐC).*

\*\*\*\*\*

*Tháng Năm hong tóc bên thềm,  
Nghe như gió thổi thì thâm bên tai,  
Nắng chiều vàng nhạc kiều sa,  
Tình yêu ngày tháng trong ta mỗi mòn,*

Cao nguyên giọt nhớ, giọt buồn,  
Đông đưa tay đón tình ơi đừng chờ!  
Tháng Năm người đã hững hờ,  
Nghiêng nghiêng nắng đỏ thổi mời gió bay,  
Nàng Xuân tình tự hao gầy,  
Tương tư buồn đọng trời mây thêm sâu,  
Tay ôm hư ảo đêm thâu,  
Tình xa mỗi lúc bóng câu qua cầu.  
Tháng Năm rưng nhớ tình đâu,  
Hồn ta quay quắt cuối mùa buốt đau!

(Nửa Cuộc Tình Say)

Xuân Hồ





# Tản Mạn Loanh Quanh RUYỆN KIỀU và NHỚ THẾ VIÊN

## Thư Long

**C**huong ‘Bốc phệ’ sách *Việt Nam phong tục* của Phan Kế Bính viết về tục bói Kiều như sau: “*Bói Kiều* là mình có việc gì muốn được biết hay dở đường nào thì khấn với Thúy Kiều, Kim Trọng xin cho mấy câu dòng nào, gặp chỗ nào thì lấy mấy câu thứ mấy ở trang ấy mà đoán. Cách này là một cách chơi, nhưng cũng nhiều khi nhiều người cho là nghiệm”. Mặc dù khi nói về bói toán Nguyễn Du vẫn cho rằng “*Chẳng qua đồng cốt quàng xiên. Người đầu mà lại thấy trên cõi trần...*”.

Cách bói Kiều đượm màu sắc chuyên nghiệp là dựa theo Bát-quái Càn, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài) và Thập-nhị can (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý) cộng thành mười tám đề mục để bói. Chẳng hạn Càn là luận về niên vận tốt hay xấu, Khảm nói về đường công danh, Cấn nói về tiền của, Chấn nói về tin tức của một người nào mà mình muốn biết, Tốn nói về kiện tụng được hay thua, Ly về vận nhà bị hay thái, Khôn về hôn nhân, Đoài bói về việc buôn bán lãi lỗ, v.v.. Mỗi đề mục có nhiều câu tập Kiều - dĩ nhiên tuân theo lệ cổ ‘nam tả nữ hữu’ - được trang 63 chẳng hạn, hai số hàng chục và hàng đơn vị cộng lại là 9. Tra từ tập giải bói, thấy câu thứ 9 ở phần Cấn thấy câu tập Kiều

*“Gắm trăm cuốn, bạc nghìn cân.  
Làm con trước phải đền ơn sinh thành”.*

Hoặc muốn biết vận nhà bị hay thái, giờ được trang 105, cộng lại là 6, tra ở mục Ly thì thấy “*Ai ngờ hợp lại một nhà. Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai*”. Có nhiều cách bói Kiều, trên đây chỉ là một thí dụ. Hay hay dở phần lớn lệ thuộc vào lời giải của người bói Kiều.

Truyện Kiều ăn sâu vào đời sống tinh thần của người Việt, trong hò Huế ta còn nghe

*“Sen xa hồ sen khô hồ cạn.  
Lựu xa đào lựu ngã đào nghiêng.  
Xa em ngày tháng gieo phiên.  
Khác nào như Thúy Kiều xa Kim Trọng biết mấy niên cho  
hết sầu”,*

hay hò khoan Quảng Nam

*“Kể từ ngày xa cách người thương.  
Về nhà đài sen nói sấp đọc mấy chương phong tình.  
Đọc tới đoạn Thúy Kiều xa cách Kim Trọng.  
Thôi Oanh Oanh xa Trương Quân Thụy, nghĩ tội tình biết  
chừng mô”.*

Trong hò đối đáp Miền Nam, chàng trai nghe lời đàm tiếu về cô gái mình yêu, mở lời hỏi và được nàng đáp

*“Em không mê hát bội.  
Không tội bạc cờ.  
Anh nữ nào nghe họ nói khờ.  
Mà đem lòng tin chắc.  
Tỉ như chị Thúy Kiều nay mắc Mã Giám Sinh”;*

hay

*“Đường Sài Gòn trơn như mỡ.  
Cát núi Sập lạnh như gương.  
Dang tay đưa bạn lên đường.  
Gá duyên để gió, khác chi Kim Trọng về để khúc đoạn  
trường cho Kiều nương”.*

Đầu thế kỷ XX, những bản nhạc tài tử cũng lấy truyện Kiều làm đề tài với ca từ cho những bản đàn. Trong quyển **Bản đàn tranh và bài ca** của **Phụng Hoàng Sang**, in tại Sài Gòn 1909, có bản Nam ai như sau:

*‘Thanh minh trong tiết Kim Kiều,  
Kim Kiều tảo mộ, duyên kỳ ngộ, từ khi con én đưa thoi./  
Vương Kim ngọc kết đôi, thêm càn cấn đẹp vừa đôi.  
Ôi duyên nợ nàng ôi, thật là tời sắc tời.*

*Cờ treu bầy buộc sông thê non nguyên tạc dạ, tơ chị duyên em, hương lửa ba sinh./*

*Trung trinh hiếu tình, bước lầu xanh, niệm kệ kinh, nỗi ân tình, đoàn nhục vinh, trải bao để đỉnh./*

*Hiềm tơ nguyệt mới manh, sông Tiền Đường sóng dọn thanh thanh, duyên tái hiệp Kim Sanh trăm năm phước lành’.*

Ngoài ra người ta còn nương theo truyện Kiều cho thỏa thú văn chương ở câu đối, văn tế, phú, hát nói, hát quan họ v.v đủ thấy ảnh hưởng của truyện Kiều rất lớn. Tương cũng nên nói thêm, cựu Tổng thống Hoa Kỳ **Bill Clinton** trong đoạn kết của bài đáp từ trong chuyến viếng thăm Việt Nam vào trung tuần tháng Giêng năm 2000 của ông có nhắc đến câu Kiều: “...Nhân dân Hoa Kỳ vui mừng vì đã đến lúc chúng ta có thể trở thành đối tác. Như truyện Kiều đã nói

*- Sen tàn cúc lại nở hoa.*

*Sầu dài ngày vắng đông đã sang xuân”.*

Người xưa còn đọc Kiều dưới lăng kính pháp lý để rồi phán xét các nhân vật trong truyện. Ông nghệ **Nguyễn Văn Thắng** người làng Bưởi Hà Nội là người đầu tiên viết ‘**Kim Vân Kiều án**’. Ông đậu tiến sĩ năm 1826, làm quan đến chức Tham hiệp tỉnh Thanh Hóa sau vùi ra Nam Định. Vì chống các thượng quan tham ô nên bị vu oan, cách chức và hạ ngục. Tập ‘Kim Vân Kiều án’ được viết vào năm 1830-1831. Các nhân vật trong truyện Kiều mỗi người đều được ông nghị án. Hai bản Nôm của tập án này được khắc và in năm 1847 và 1848. Bản quốc ngữ được Xuân Lan dịch và nhà in Văn Minh Hải Phòng in năm 1911. Bản dịch tập án được in tới ba lần và gần đây học giả Hoàng Xuân Hân đã đăng bản phiên của mình trên tập san Khoa Học Xã Hội ở Pháp số 13-14 tháng Giêng năm 1987. Đơn cử trong ‘Sở Khanh án’ ông nghệ Nguyễn Văn Thắng đã kết án

*“...Tờ Tích Việt hiện hồn tự tích.*

*Vò hồng giày tía không tha.*

*Cứ biện đắc tài luật khoa hình.*

*Nghĩ cái phận trạm giam hậu đãi thăm”.*

Trong Nam, **Nguyễn Liên Phong** cho ra mắt ‘**Án Thúy Kiều**’ vào năm 1907. ‘Quan tòa’ Nguyễn Liên Phong nghị án Bạc

Hạnh Bạc Bà:

“...Tiền sáu chục mụ kia lòng quá xấu.  
Xử giáo ung giam hậu chốn ngục đường.  
Bạc mấy cân thăng nợ tội tra tường.  
Nghị dẫn tới pháp trường mau trảm thủ”.

Những nhân vật phụ trong truyện Kiều cũng được xét đến, thí dụ như tác giả **Trần Phong Sắc** đã đưa ra phán quyết ở ‘Đo Lão Lại án’:

“Tuổi tuy lão mỗ.  
Tánh thiệt thông minh.  
Chuyện mười năm thuật lại như in.  
Biết phải quấy luận bàn công chánh.  
Nói một bước phân qua chẳng ngạnh.  
Rõ xưa nay biện bạch thấp cao.  
Tâu cứu trùng ban chỉ bộ Tào.  
Được bác cổ thặng quyền tri huyện”.

Người trong giới văn chương không những ngâm nga những câu Kiều mà còn vịnh các nhân vật trong truyện. Nổi bật nhất là **Chu Mạnh Trinh** tự Cán Thân hiệu Trúc Vân, những bài vịnh của ông được đánh giá rất cao vì bởi người sáng tác ‘vốn cũng nòi tình, thương người đồng điệu’. Đơn cử bài nói đến Kim Kiều tơ tưởng nhau:

“Hết nghĩ gần thôi lại nghĩ xa.  
Hiu hiu án sách ngọn đèn tà.  
Gương loan phẳng phát hồn cung quế.  
Giấc bướm mơ màng khách trước sa.  
Mười vận sàu tuôn đôi giọt ngọc.  
Trăm năm duyên bén một cành thoa.  
Mái Tây bỏ lúc chờ trăng dựng.  
Rày đã vườn xuân tỏ mặt hoa”.

**Nguyễn Khuyến** cũng có những bài thơ *vịnh Kiều*, nhưng chúng được đánh giá như những câu thơ của một người bàng quan, thiếu cảm thông với từng nhân vật. Đam mê truyện Kiều, Chu Mạnh Trinh còn dùng văn cổ tập Kiều. Chẳng hạn

“Mệnh bất như nhân khả nại hà.

*Tài đa tự cổ tổng tài đa.  
Nhân sinh tam vạn lục thiên nhật.  
Tam hải trùng trùng nhõn để qua”*

(theo thứ tự các câu này lấy ở trong sách **Thăng bình, Yên sơn tử, Hồng lâu mộng, Đàm Doanh**) đối nghĩa với

*“Trăm năm trăm cõi người ta.  
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.  
Trái qua một cuộc bể dâu.  
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng”.*

Thú tao nhã này cũng được Phạm Mạnh Doanh chăm chút đeo đuổi trong nhiều năm trời. Phạm tiên sinh đã lấy các câu Kiều dịch các bài cổ thi. Bài thơ Đường – ‘Tổng Lý thị lang’ của Giả Chí:

*“Tuyệt tình vân tán bắc phong hàn.  
Sở thủy Ngô sơn đạo lộ nan.  
Kim nhật tổng quân tu tận túy.  
Minh triều tương ước lộ man man”*

được dịch bởi những câu sáu tám

*“Rồi đây bèo hợp mây tan.  
Nước non luống những bàng hoàng niềm tây.  
Chén đưa nhớ bữa hôm nay.  
Đường xa nghĩ nổi sau này mà kinh”.*

**Tập Kiều** là thú chơi văn chương đòi hỏi nhà thơ thông thuộc truyện Kiều ngoài ra còn tốn khá nhiều thời gian chọn lọc một câu thơ sáu hoặc tám ở các đoạn khác nhau trong truyện, hợp vần kết tập lại thành một đoạn thơ hay một bài thơ mới, diễn đạt được ý của mình. Hai mươi bài tập Kiều của Lý Văn Phức (1785-1849) tóm tắt hai mươi chương trong cuốn Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân được chép nối tiếp với hai mươi bài vịnh Kiều bằng chữ Hán của vua Tự Đức trong cuốn ‘*Thanh Tâm Tài Tử Cổ Kim Minh Lương Đề Tập Biên*’. Mỗi bài thơ tập Kiều của Lý Văn Phức gồm tám câu lục bát. Bài nói về viếng mộ Đạm Tiên, Kim Kiều gặp gỡ ở hồi thứ nhất

*“Một vùng cỏ ấy bóng tà.  
Rộn đường gần với nổi xa bờ bờ.*

*Thương thay cũng một kiếp người.  
Sẵn đây ta thắp một vài nén hương.  
Có người khách ở viễn phương.  
Chẳng sân ngọc bội, cũng phùng kim môn.  
Những là lạ nước lạ non.  
Khách đà lên ngựa người còn ghé theo”.*

Có người chỉ chọn bốn từ (tứ tự), hoặc năm từ (ngũ ngôn) trong các câu thơ trong truyện Kiều để tập Kiều. Tập Kiều tứ tự còn được gọi là tập Kiều rút gọn hay Kiều gọt. Tập chí Nam Phong số 50 năm 1922 có đăng 142 khổ tập Kiều tứ tự của Lại Tri Cử nhân Hà Mai Khôi. Chẳng hạn trong khổ 141 tác giả viết

*“Cảo thơm lần giở.  
Bút hoa vẽ vờ.  
Tuy rằng vui chữ.  
Thôi chớ dài lời.”*

và ở khổ cuối cùng

*“Lời quê nhạt nói.  
Gọi là để sau.  
Sự muôn năm cũ.  
Nén vài bốn câu”.*

Năm 1990 **Phạm Đan Quế** soạn **Kim Vân Kiều ngũ ngôn** cũng gồm 20 hồi với 1500 câu ngũ ngôn.

**Vũ Hoàng Chương** đề xướng một lối tập Kiều khác mà ông gọi là *thơ truyện Kiều*. Lấy 3254 câu của truyện Kiều kết nối lại thành một chuỗi dài 22.778 từ, không ngăn cách bởi chấm hay phết. Rồi lấy các cụm từ, bất kể số từ trong mỗi cụm, rồi kết nối lại thành một câu thất ngôn. Thí dụ ‘*bài truyện số 4*’ của ông: “*Cạn tóc tơ gà đà gáy sáng. Thôi bây giờ kẻ ngược người xuôi. Tài tình chi lắm cho trời đất. Ghen cánh hồng bay bóng tuyệt vờ*”. Lối ‘*thơ truyện Kiều*’ của ông mãn khai và thăng hoa hơn trong bài ‘*Hoa đào ngày tết*’ đăng trên tạp chí Bách Khoa 1973: “*Đâu bỗng không mua nào chuốc sầu. Sầu người, buồn cảnh, có vui đâu. Trưởng tô, giáp mặt, hoa đào vẽ. Nào vạch da cây vịnh bốn câu. Đào nguyên lạc lối đâu mà đến. Đây: Kẻ đi muôn dặm một mình. Khi cúi đầu, khi vò chín khúc. Chân mây mặt đất, một màu xanh. Tường đông ong bướm đi về mặc. Ai bấy*

*lâu nghe tiếng má đào. Mới thấy đây mà lòng đã chắc. Đào càng treo giá, ngọc càng cao. Lờ lờ châu ngọc, hàng hàng gấm. Sao một lời là một vận nào. Tô phím này trông ra ngọn cỏ. Bao tuần trắng khuyết, đĩa dầu hao.”*

Tập Kiều kiều thường thường bậc trung là lấy những câu sáu, câu tám sẵn có trong truyện Kiều mà ghép lại. Nhớ chừng hai ba năm trước tôi mạo muội gửi tặng ‘su huỳnh’ ở Na Uy một bài tập Kiều. Ông bạn này lúc thời còn sinh viên biết kiếm tiền xài vật bằng cờ bạc. Tứ đồ trường thi ông bạn của tôi chỉ lâu thông một cửa. Tôi thường gọi ông bạn để ‘cầu cứu’ khi tìm hiểu những ‘thuật ngữ’ trong bài *thín cầu*, tên chữ ‘thiên cửu’ gọi nôm na là *bài chim* - một loại bài có tính đầu trí cao, được người Hoa ở Bạc Liêu xưa rất chuộng và được học giả Vương Hồng Sển ca ngợi là loại bài có tính đầu trí, nhớ bài cao chứ không may rủi như món ‘*cách tê trâu*’, hay trong *hốt me* hoặc *xâm hương* mà dân Huế hay chơi trong mấy ngày xuân. Xin được chép lại vài câu tập Kiều đã gửi: “*Phật tiền bài bạc lân la. Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia. Nào ngờ cũng tổ bọm già. Làm cho khóc hại chẳng qua vì tiền. Sốt gan riêng giận trời già. Nghĩ đầu rẽ cửa chia nhà tại tôi. Phận sao phận bạc như vôi. Thôi thôi vốn liếng đi đời nhà ma...”*”.

**Lấy Kiều** là rút ra một vài câu, đoạn liền nhau trong truyện Kiều nhằm diễn đạt một điều hoặc vấn đề mình muốn nói. Chẳng hạn một cậu học trò ham chơi không chịu học hành có thể lấy Kiều: “*Lo gì việc ấy mà lo. Kiến trong miệng chén biết bò đi đâu*” hay một yêng hùng xa lộ thì “*Đùng đùng gió giục mây vùn. Một xe trong cõi hồng trần như bay*”. Những câu lấy Kiều đầu cửa miệng của học sinh thường gặp khi nói đến chuyện thi cử. Thí dụ như hai thí sinh dốt ngồi cạnh nhau: “*Tình cờ chẳng hẹn mà nên. Mặt cửa mướp đấng đôi bên một phường*”; khi quay bài bị bắt “*Mặt trông đau đón rụng rời. Oan này còn một kêu trời nhưng xa*”; có khi bị thí sinh nào đó cùng phòng thi dằn mặt, bắt phải cho ‘cọp dê’ hay bị giựt bài thi thì chắc hẳn phải than “*Có tài mà cậy chi tài. Chữ tài liền với chữ tai một vần*”; và khi vừa thi xong “*Trải qua một cuộc bể dâu. Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”.

Lấy Kiều thường được dùng để tạo ra *câu đố*, như câu đố về cây cỏ thường được nói tới:

“*Chàng Vương quen mặt ra chào.  
Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa*”

– đáp là (cây) mắc cỡ, hay

“*Người đâu gặp gỡ làm chi.  
Trăm năm biết có duyên gì hay không?*”

– đáp là (trái) mơ.

Câu đố cũng có thể hình thành bằng cách tập Kiều, chẳng hạn đố về con chó mực thì câu đố ra là:

“*Đêm ngày giữ mực giấu quanh.  
Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời*”;

hay về thằng bò nhìn

“*Nắng mưa thui thui một thân.  
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.  
Bốn bề bát ngát xa trông.  
Thuyền quyền ví biết anh hùng ra tay?*” .

Khi tôi bắt đầu bước chân vào đệ nhất cấp ở trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu thì thầy Hồ Thế Viên đã có được ba đứa con tinh thần: *Người yêu tôi khóc* (1959), *Đau thương* (1960), *Nỗi buồn của anh* (1961). Đối với những học sinh của trường thì coi như thầy là người nổi tiếng nhất về mặt văn chương. Thầy đã cộng tác với các tạp chí Đời Mới, Nguồn Sống Mới, Văn Nghệ Mới, Hiện Đại, Văn Học, Văn, và Văn Đền. Thầy người Huế, sinh năm 1936, khi bị động viên theo học khóa 14 Sĩ quan Trừ bị Thủ Đức. Trong thời gian dạy học trong những năm đầu thập niên 60 ở trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu, Mỹ Tho thầy có đi dạy Việt văn thêm ở một số trường trung học tư thục khác ở tỉnh lỵ này. Một lần thoát chết ở một trường tư thục sau một buổi dạy vì xe thầy bị đặt chất nổ nhưng không nổ, may mắn là thầy đạp xe không nổ máy. Không lâu sau thầy rời Mỹ Tho, không biết thầy đi dạy ở đâu. Anh em chúng tôi thường ngâm nga mấy câu thơ

“*...Tôi bốn phương trời em một phương.  
Gặp nhau từ thuở biết yêu đương.*”



*Sóng hồ cách biệt xa đôi ngã.*

*Em ở miền Nam tôi dọc đường” (Dọc đường -Thế Viên)*

mà đoán đoán không biết có phải Thế Viên đã viết những dòng này cho người con gái mang tên Thu Thảo nhà bên bờ (bên Ngự) đường Phan Chu Trinh, người con gái mà Thế Viên đã đem lòng nhớ thương khi Thế Viên đang học những năm cuối đệ nhị cấp ở Huế hoặc và là lúc Thế Viên đang đầu đó ở Miền Nam. Sau tập thơ ‘*Khuôn mặt của chúng ta*’ (1965), thầy Thế Viên rời Mỹ Tho. Rồi đến tháng Năm 75 có một người bạn của tôi thấy thầy ngồi uống cà phê đen vỉa hè trong con hẻm nhỏ gần rạp Quốc Thanh, Sài Gòn. Tưởng chừng như không biết được gì thêm về thầy, nhưng qua bài viết gắn vào năm 2000 từ thầy Trần Công Nhung - một đồng nghiệp của thầy ở trường Trung học Võ Tánh, Nha Trang. Như vậy, có thể nói thầy Thế Viên dạy học ở Nha Trang vào khoảng năm 1974, về lại Sài Gòn vào mùa xuân 75, rồi lập gia đình lần thứ hai với một ca sĩ trẻ và có đứa con trai với người người vợ thứ hai này. Sau đó người vợ trẻ theo tiếng gọi con tim, bỏ đi nước ngoài với người tình là học trò cũ của thầy Thế Viên. Dù trong hoàn cảnh gà trống nuôi con, thầy Thế Viên vẫn không bày tỏ nỗi khổ, thầy vẫn làm thơ ca tụng vẻ đẹp của người đàn bà một thời đã từng chung sống với mình. Thầy Thế Viên bị thổ huyết mắt năm 1993.

Những rung cảm nhớ thương thể hiện trong tập thơ ‘*Khi người yêu tôi khóc*’, trong tập thơ ‘*Đau thương*’ lại phản phát niềm đau sâu đậm, nhưng Thế Viên không ruồng rẫy nó, để thân phận níu kéo quay về những ngày đam mê trong tình yêu. Tình yêu đối với Thế Viên là vậy. Trong bài thơ ‘*Long đong*’, Thế Viên đã cảm thông trước mối tình của Kim Kiều nên đã viết

*“...Lao đao phận liễu gãy năm tháng.*

*Mà cố nhân ơi xót giải đồng.*

*Xót giải đồng nên thương nhớ nhau.*

*Chén thề nguyện ước chuyện ngàn sau”*,

có lẽ khi nhớ đến câu lục bát từ truyện Kiều – ‘*Vì dù giải kết đến điều. Thì đem vàng đá mà liễu với thân*’ - mà Nguyễn Du đã dịch thoát từ câu thơ cô ‘*Thương thiên nhược giải đồng tâm kết. Kim thạch vì mình ngã dữ quân*’ (Trời xanh dù có cõi mây dây đồng tâm đã buộc đi nữa, thì lời thề vàng đá ta cùng mình vẫn giữ

vững như xưa). Bài thơ Thế Viên viết trước đó mấy chục năm sao lại nhằm đúng thân phận ở những ngày cuối đời của mình. Xin được chép lại toàn bài thơ theo lối tứ tuyệt liên hoàn này, dưới tựa đề ‘Long đong’ Thế Viên còn chưa thêm mấy chữ ‘Gửi người ngàn xưa’:

“Ánh mắt lung linh gọi nhạc về.  
 Ôi chiều ảo mộng gió đẽ mê.  
 Mười hai bến nước chìm son phấn.  
 Tóc xòa nghiêng nghiêng trót hẹn thề.  
 Trót hẹn thề nên chịu dở dang.  
 Mười lăm năm ấy kiếp hồng nhan.  
 Thơ vàng nẻo nguyệt mờ tâm sự.  
 Ngón nhạc đau thương nổi đoạn tràng.  
 Nổi đoạn tràng xưa ai biết không?  
 Se duyên má thắm bỗng phai hồng.  
 Lao đao phận liễu gãy năm tháng.  
 Mà cố nhân ơi xót giải đồng.  
 Xót giải đồng nên thương nhớ nhau.  
 Chén thề nguyện ước chuyện ngàn sau.  
 Tiền Đường trăng lạnh vời con nước.  
 Bông xòa cho ai kiếp hận sâu.  
 Kiếp hận sâu xưa giờ lệ tui.  
 Con thuyền tái ngộ vẫn long đong.  
 Em ơi chẳng vẹn niềm trong trắng.  
 Tôi khóc trong lòng, em biết không?”

Đọc tập thơ sưu tầm từ nhiều nhà thơ, chép tay của người bạn cũ thời học trung học đệ nhất cấp, thời mà chúng tôi mới làm quen với ‘Đoạn Trường Tân Thanh’, thấy có chép một hai bài thơ của Thế Viên nói về Thúy Kiều. Thơ Thế Viên ngày nay mấy khi gặp lại nên không đành để mấy bài thơ phôi pha theo thời gian, nhất là bài ca thương cảm của một nghệ sĩ trước nổi đoạn trường của người kỹ nữ ngàn xưa. Lần nữa xin được mạn phép chép lại toàn bài ‘Khúc ca nàng Kiều’ của Thế Viên:

‘Áo gấm xanh xang mở hội.  
 Ca canh giục giã đông tàn.

Lâm Tri về đâu với vợ.  
Mười lăm năm ấy hồng nhan.  
Ôi! Tóc liễu phai phai, cung đàn nghiêng ngửa.  
Trăng thè nhạt nhạt, song cửa mờ giăng.  
Cầm ca chưa trọn, gió lạc cung đàn.  
Khấp khểnh bánh xe về hồng thúy.  
Rung rung lệ tửu làm sao ngăn.  
Thời gian thăm thẳm - Không gian mênh mông.  
Bê biếc mây ngàn quên lối hẹn.  
Áo xanh ngựa trắng nguyên ba đông.  
Tiệc hoa dang dở, nghiêng nghiêng đôi lòng.  
Liêu Dương cách trở ùng giang lấm.  
Ai hẹn ai mà sông cứ sâu?  
Tuổi đá tuổi vàng chẵn gói nặng.  
Lao đao, mộng vỡ lúc ban đầu.  
Thôi thôi quên chuyện cũ - Mười lăm năm ấy còn đâu.  
Hun hút đường hoa tương ngộ - Ngăn ngắt nếp cỏ xanh màu.  
Bê biếc mây vàng xao động.  
Đêm dài thao thức mưa ngâu.  
Cầm ca lại nở - Xôn xao duyên đẹp ngày sau.  
Đuốc hoa giăng giăng nghìn lối.  
Tình xưa với vợ - Ai nói cho ai mộng ban đầu.’

Thơ Thế Viên bàng bạc nỗi niềm thân phận của người đi trong cuộc lữ thời tao loạn, không thể dừng chân ở một bến tình yêu nào

– ‘Anh gục đầu sám hối.  
Tuổi nhỏ như vì sao.  
Tay gầy mang tội lỗi.  
Em xa bến nước nào.  
Thiên đàng không còn lối...’ (Mùa xuân sám hối, Thế Viên).

Cho dù những cuộc tình tan vỡ nhưng Thế Viên vẫn tha thiết đam mê và níu kéo coi như một ‘thú đau thương’ của cuộc đời mình.

THƯ LONG



# NHỮNG VẦN THƠ TÌNH NGHĨA

**Điễm Lê - Australia**

**K**ính xin ghi lại đây những vần thơ mà tôi rất yêu thích. Học Sinh hai trường NĐC LNH rất hạnh diện được mang tên hai nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu & Lê Ngọc Hân trên ngực trong những năm trung học. Dưới đây là đoạn cuối của bài thơ Ai Tư Vãn ghi lại tâm tình công chúa Lê Ngọc Hân sau khi hoàng đế Quang Trung băng hà.

...  
*Buồn trông trăng, trăng mờ thêm tối,  
 Gương Hằng Nga đã bụi màu trong.  
 Nhìn gương càng thẹn tấm lòng,  
 Thiên duyên lạnh lẽo, đêm đông biên hà.*

*Buồn xem hoa, hoa buồn thêm thẹn,  
 Cánh hải đường đã quyện giọt sương.  
 Trông chim càng dễ đoạn trường  
 Uyên ương chiếc bóng, phượng hoàng lẻ đôi.*

*Cảnh nào cũng ngùi ngùi cảnh ấy  
 Tiệc vui mừng còn thấy chi đâu?  
 Phút giây bãi bể nương dâu,  
 Cuộc đời là thế biết hâu nài sao?*

*Chữ tình nghĩa trời cao, đất rộng,  
 Nỗi đoạn trường còn sống còn đau.  
 Máy lời tâm sự trước sau,  
 Đôi vàng nhật nguyệt trên đầu chứng cho.*

Hậu duệ của Đồ Chiểu luôn noi gương trung hiếu của cụ. Thơ cụ đầy tình nghĩa tiêu biểu là bài "Trung thần nghĩa sĩ"

*Làm người trung nghĩa đáng bia son  
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn  
Cơm áo đèn rồi ơn đất nước  
Râu mài giữ vẹn phận tôi con  
Tinh thần hai chữ sao sương tuyết  
Khí phách ngàn thu rỡ nước non  
Gã chuyện ngựa Hồ, chim Việt cũ  
Lòng đây tưởng đó mắt như còn*

Nói đến văn thơ người Mỹ Tho không thể nào quên thầy Trúc Giang dù nay thầy đã:

*Một cõi u linh nghìn năm cách biệt  
Con đốt đèn trời, khắc đậm tâm tang  
Con nguyện sống như thầy đã sống  
Vội nghĩa với tình từ nét chữ đầu trang*

Đó là trích đoạn trong "Bài thơ truy niệm" của anh Lê Văn Quới viết trong quyển đặc san năm 2003 của Hội Ái Hữu NĐC&LNH California, Hoa Kỳ. Độc giả rất xúc động khi đọc đến những câu:

*"... Mẹ con muốn con phải nên người,  
Và Thầy đã cho con chữ Tình - chữ Nghĩa  
Có những đêm học khuya - bên ngọn đèn dầu đỏ  
Muốn được như Thầy - thương những đứa học trò tội nghiệp  
Muốn được như Thầy - làm người chông mấu mực  
Muốn được như Thầy - làm người cha bao dung! ..."*

Cảm ơn anh Quới đã cho tôi có những cảm nghĩ sâu đậm về Thầy tiếc rằng không được học với Thầy. Cô tôi, Hồng Yến ngày xưa đã học với Thầy Trúc Giang trong bốn năm trung học. Thầy thương cô tôi lắm. Cô tôi nhắc lại lời Thầy nói về cô Hồng Yến cho cả lớp nghe:

*"... Thầy khen và quý mến Yến không phải chỉ vì Yến học xuất sắc, chăm chỉ mà vì giữ kỷ luật trong lớp..."*

Cô Hồng Yến viết thư cho tôi có đoạn viết: "... Đã xa thầy lâu lắm rồi. Nay thì phải vĩnh biệt Thầy. Do thời cuộc thay đổi cô phải xa xứ. Dù sao đi nữa, dù cảnh đời dâu biển cô vẫn mang

theo mình quyển "Cánh đồng" của Thầy Trúc Giang mà năm nào thầy đã ký tên tặng cho cô, ở trang đầu thầy viết vắn vện 3 chữ "Tặng Yến, Thầy". Từ lúc cô có nó như ôm ấp cả cánh đồng miền Nam thân yêu vào lòng trên mọi bước đường lưu lạc! ... "

Có lần tôi nói chuyện với con gái thầy bên Mỹ qua điện thoại, chị đọc cho tôi nghe 4 câu thơ của Thầy còn trong ký ức của chị:

...  
 Đời đẹp như vạn cảnh hương  
 Mà lòng buồn nãn tựa thể lương  
 Hương bên thu thủy thêm xuân sắc  
 Lệ nhỏ bao lần hoeen phấn hương.

...

Đến đây tôi nhớ đến thầy Thế Viên dáng nhỏ, thấp với mái tóc chải phùng. Sáng nào thầy cũng đi dạy các lớp ban C ngang lớp đệ nhất A1 của tôi. Thầy là một thi sĩ nổi tiếng, tập thơ "Khi người yêu tôi khóc" của thầy đoạt giải văn học nghệ thuật toàn quốc vào thời đệ nhị cộng hòa và được Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu ban thưởng. Thầy đã qua đời tại Nha Trang lâu rồi nhưng thơ thầy vẫn còn trong lòng của những người yêu thơ. Tôi vẫn còn nằm lòng hai câu thơ của thầy:

Mùi phương gió cát tình không vện,  
 Nghĩa cũ quên rồi nợ ái ân.

Đám học trò chúng tôi vốn hay phá phách nên đọc lại như sau:

Mùi phương gió cát tình Đồ Chiểu  
 Nghĩa cũ quên rồi nợ Ngọc Hân

Một CHS trường LNH khi chị vượt biên đến trại tỵ nạn cách đây gần 40 năm, khi chị còn ở đảo đã viết một bài thơ mà tôi thích nhất 4 câu:

...  
 "Là cánh chim trời phiêu lãng bay  
 Là sóng buồn lặng tự đêm dài

*Tình lạ thành quen, tình đôi nhớ  
Giận đời biệt xứ gặp nhau đây ..."*

...

Tôi nhớ hoài 4 câu thơ của CHS Lê Văn Quới đã nói lên tâm tình mình khi "em" theo chồng.

*"... Rồi em đến tuổi theo chồng  
Hàng cao bóng lão như lòng anh trợ  
Cầu tre lồi nhịp bợ phờ,  
Rặng mù u cũng buồn ngơ ngẩn buồn ..."*

Mới đây Sương Lam một CHS trường trung học LNH viết bài thơ tình trách "đường đời anh dẫn bước" để cho "Em bây giờ là dâu của người ta."

### **Bông so đũa**



*Bông so đũa trắng cành mùa gió chướng  
Xua tan dần hơi lạnh tiết trời đông  
Kỷ niệm nào em còn nhớ hay không?  
Thời thơ dại ta chơi trò đám cưới.*

*Cô dâu nhỏ tóc cài bông so đũa  
Chiếc kiềng xanh sinh lễ của nhà trai  
Em then thùng cúi mặt chẳng nhìn ai  
Đám bạn nhỏ xôn xao lời chúc tụng*

*Anh chú rể ngây ngô và lúng túng  
Che chiếc dù lá đu đủ cho em  
Bạn bè mình náo nức đứng nhìn xem  
Rồi tất cả hân hoan vào tiệc cưới!*

*Rượu giao bôi nước dứa xanh mát rượu  
Tiệc liên hoan: chuối, bưởi, ổi... quanh vườn  
Rất đơn sơ mà vui đến lạ thường  
Rất vụng dại... lòng anh đầy mơ ước!*

*Thời gian qua, đường đời anh dần bước  
Lặng lẽ trôi mòn mỏi... tháng ngày xa  
Em bây giờ là dâu của người ta.  
Anh xuôi ngược long đong đời phiêu lãng*

*Chuyện ngày ấy chỉ còn là dĩ vãng  
Chút lửa hồng... sưởi ấm cõi lòng anh  
Kỷ niệm nào thuở tóc hãy còn xanh  
Vương vấn mãi... màu bông so đũa trắng.*

Anh Phùng Nhân một CHS NĐC hiện đang sinh sống tại Sydney, Úc Đại Lợi. Những người yêu văn chương thường biết anh là một tiểu thuyết gia. Ngòi bút anh thật tài tình, anh đã đưa độc giả đi khắp nơi từ Sydney, Sài Gòn, Mỹ Tho hay về tận xứ dừa Bến Tre thơ mộng. Người đọc văn anh sẽ gặp đủ mọi hạng người từ hiền lương đến gian ác. Anh Phùng Nhân còn làm thơ nữa như bài:

### **Một chút buồn riêng**

*Vợ chồng mình bao năm hoạn nạn  
Từ quê mình cho tới quê người  
Đã sanh được bầy con kháo khinh  
Mình nuôi con bằng giọt máu tươi*

*Chiều hôm qua bỗng dưng anh khóc  
Khi gió xuân vừa chớm bên hè  
Nhớ tới mình một đời đau khổ  
Mà lòng anh thêm nổi sắt se*

*Nỗi gian truân nói sao cho hết  
Đã thay anh chăm sóc đàn con  
Ngày tháng đó cơ hàn phủ xuống  
Như cọng rơm gục xuống mỗi mòn*



*Lòng vẫn nhớ một chiều hôm đó  
Anh xuống thuyền làm kẻ lưu vong  
Không kịp nói một lời từ giã  
Bỏ lại mình bao nỗi long đong . . .*

Trong quyển đặc san Hội Ái Hữu NĐC LNH Úc Châu ấn hành vào năm 1997 có một bài thơ dễ thương của một CHS LNH có đoạn như sau:

...

*Đôi mắt em hai vì sao sáng nhất  
Trong khung trời đầy tình tứ đêm nay  
Môi em hồng và đôi má hay hay  
Anh xin ngủ ngoan hiền trên mi nhỏ*

*Tình mùa xuân, mình quen từ thuở đó  
Giòng sông đến ôm mái tóc nhung dài  
Em đâu biết anh để ý mỗi ngày  
Nên thả thuyền lênh đênh tìm bến mộng*

*Hơi thở em ấm thêm mùa lửa hạ  
Nhẹ lời ru cho giấc ngủ thật thà  
Em diễm kiều anh cứ mãi thiết tha  
Trong một thoáng anh lòng bỏ ngỡ*

*Mùa đông sang anh ngồi đây nhóm lửa  
Đốt tình yêu cho tan với tro tàn ..*

...

Đoàn Xuân Thu CHS NĐC một nhà thơ ở Melbourne đoạt nhiều giải thưởng. Thơ anh lời lẽ bình dị chứa đựng tình nghĩa vợ chồng, tình mẫu tử v.v. Đặc biệt anh có một bài thơ được đoạt giải nhất của Bộ Giao Tế Kỹ Nghệ tiểu bang New South Wales tổ chức. Ai đọc thơ bài thơ này cũng đều xúc động và lôi cuốn trong "tình thơ" của anh. Tôi đã từng một thời làm hàng ca chiều, hàng ngày đi làm về nhà đến nửa đêm mà người vợ hiền vẫn còn ngồi may gia công chờ mình; nên tôi rất thắm thía bài thơ này vô cùng khi đọc bài thơ này. Anh Thu vô tình đã thay thế nói lên tâm sự của tôi:

## Đêm đêm đèn vẫn sáng

Tan ca! Xe anh qua đường phố vắng,  
 Thành phố ngủ say  
 Nhà mình đèn vẫn sáng  
 Em cầm củi ngòi may  
 Đêm quê người dài lắm ở chung quanh.  
 Những mũi chỉ, đường kim, em khâu lại đời ta rách nát!  
 Bời lửa binh, bời thất trận, bời lưu đày  
 Bời cô đơn! Một đời tỵ nạn!  
 (Biển Đông ta đã vượt! Nỗi nhớ nhà khôn qua.)  
 Ôi! Em yêu của anh!  
 Cho anh hôn lên vàng trán  
 Hôn lên những vết hằn - của trăm cay ngàn đắng!  
 Em theo chồng, từng bước, nẻo gian nan.  
 'Má ơi đừng gả con xa  
 Chim kêu vượn hú, biết nhà Má đâu'  
 Em không theo chồng lên núi  
 Em rời mẹ, xa cha  
 Theo anh, làm vợ lính  
 Em gửi tình em ra mặt trận.  
 Đêm chiến trường, em luôn ở bên anh  
 Em dứt ruột, khi miền Nam sụp đổ  
 Em gửi niềm thương nỗi nhớ  
 Từng bước anh đày ra cõi Bắc xa  
 Anh tan tù, tìm đường vượt biển,  
 Em chèo xuồng đưa anh ra ngã ba sông,  
 Nơi tình ta đôi ngã  
 Ngã này nhớ, ngã kia mong  
 Em mang Việt nam cần cù qua xứ lạ  
 Đêm đêm đèn vẫn sáng,  
 Em khâu lại đời ta

Tháng 5 năm 2003 một đài phát thanh FM tại Melbourne tổ chức giải thơ. Anh Thu đã lấy nước mắt của thánh giá và đã đoạt giải nhất:

## **Chuông ơi! Đùng reo nữa!**

"Lỡ mai cha yếu mẹ già  
Chén cơm đôi đũa, bộ kỹ trà ai dâng" (ca dao)  
Con theo chồng chỉ cách một bến sông,  
Má nghĩ xa ngàn dặm!  
Nước mắt nhà tan, con lên đường vượt biển,  
Cách một bến sông, giờ ngàn dặm biển,  
Con đâu ngờ chia tay lần này là vĩnh biệt ngàn năm  
Điện thoại viễn liên, bên kia đầu nỗi nhớ,  
Sao em lặng yên, rồi nước nở!  
Ôi! Má ơi! Cả trời thương sụp đổ!  
Con không kịp về, giờ phút cuối má thương ơi!  
Con vào ra, tựa cửa, bóng tang thương.  
Xưa dải khăn sô cho quê hương  
Giờ dải khăn sô cho Má  
Ngôi vườn cũ ai sẽ ngôi đốt lá,  
Khói lên trời tìm kiếm đứa con xa,  
Điện thoại viễn liên, con không buồn nghe nữa,  
Thôi đã tắt đời con bếp lửa,  
Má mắt rồi! Chuông reo nữa làm chi??

Chị Ngọc Hân vào năm 1991 có làm bài thơ đăng trong Bản Tin hội Úc Châu có những câu thật dễ thương:

...  
Nhu áo em bay  
Nhu nắng nghiêng vai  
Buổi chiều chậm chậm rơi hiên ngoài  
Tiếng ca chọt tắt bên đường vắng,  
Bước nhỏ bên người  
Bước cùng anh qua cửa trăm năm.

Nhu trăng đã lên,  
Nhu môi em mềm,  
Những đêm trăng trái mộng khắp mười phương  
Đêm thả trầm hương nồng men hạnh phúc  
Dừng lại bên trời  
Đêm ghé hôn môi

Chuyện nửa đời người  
 Như áo tơ mùa cũ  
 Lông lộng đi về  
 Nghe hoang vu thổi lạnh nửa đời sau  
 Dấu chân trong đời nhau  
 Như vết chim cuối ngày  
 Mang yêu thương ẩn dật chín tầng cao.

Như cửa nhan gian  
 Qua đó nỗi buồn  
 Cánh bèo còn rắc vết chim bay  
 Anh gọi trăm năm từ thu thay áo  
 Đôi tay rộng lượng vén sương mù ...

...

Anh Trần Minh Hải một CHS NĐC sáng tác rất nhiều thơ nhất là trong giai đoạn anh bị lưu đày từ khám Mỹ Tho ra tận đất Bắc. Dưới đây là bài thơ anh viết tại tại K1 Tân Lập - Vĩnh Phú vào ngày 19 tháng 3 năm 1981 nghĩa là cách đây hơn 33 năm.

### Con đường trước mặt

Chân cũng bước mà đường đi không tới,  
 Đá ... bên tình, bên tội gánh hai vai.  
 Chiều âm u, chim nhớ bạn thương bày,  
 Mang chút nắng tàn phai trên cánh mới.

Hoa độc được tới mùa khi kết trái,  
 Rừng ưu tư thêm đất mới chôn người.  
 Chiều điêu tàn, chiều thể kỷ Hai Mươi  
 Ta thấp nển khi mặt trời yên ngủ ...

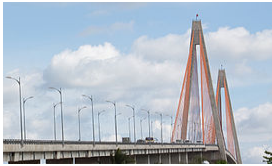
Và thao thức giữa muôn nghìn tinh tú,  
 Đếm từng ngôi rơi vỡ suốt canh thâu.  
 Bơi đất đen, tìm mảnh vụn hồn đau  
 Sắp nguyên lại y theo chiều thân thể ...

*Rồi giục già xin gọi người sống dậy  
Nâng mặt trời thấp lại cõi đêm sâu.  
Nhưng sao nghe trăng rung xế ngang đầu,  
Nghe tiếng bước, nghe rùng đầu xác lá.*

*Còn mấy nét tên người trên mảnh đá?  
Khi nắng mưa, ngôi mộ rã bên đường.  
Bụi cát vùi chưa lấp trọn đau thương,  
Nhìn trước mặt, vẫn con đường không tới.*

Một thi nhân ở "Mỹ Tho" đã cảm tác bài thơ thật dễ thương khi:

### **Qua cầu Rạch Miếu**



*Đi bộ ngang qua dòng sông  
Niềm mơ ước trong lòng bao lâu  
Bây giờ Rạch Miếu có cầu  
Sao mình qua đó mà sầu vẫn đeo*

*Ơi sầu là bóng trăng treo  
Là con thuyền nhỏ mái chèo đã ngưng  
Xuống thuyền em bảo thôi đừng,  
Đi qua cầu đó bỗng dưng đau lòng  
Giữa cầu ngó xuống giòng sông  
Nhưng con đò đậu bênh bờ người ơi!*

*Vẫn như xưa, nước với trời  
Vẫn như xưa, nhớ một người rất xưa  
Ai khiến em là phiến thơ,  
Để hồn ta cứ bơ phờ gió mây*

*Đi bộ ngang qua sông này  
Nước vui mấy ngấn, mắt đầy mù sương  
Em à, trăm nhớ ngàn thương,  
Bánh xe lăn nghiêng lòng đường lát thoi*

*Đi bộ ngang qua sông rồi  
Đi vào quán nhỏ để ngồi buồn hiu  
Dạ sầu nhưng nhớ người yêu  
Chùng nào hạnh phúc, mai, chiều có không?*

*Đi bộ ngang qua giòng sông,  
Minh ên, người chẳng đồng hành bên tôi  
Biết là em đã xa xôi  
Biết tôi thì cũng một đời hoang vu.*

*Bây giờ xuân hạ hay thu,  
Tôi về Chợ Cũ mây mù trắng tan  
Giận mình giận cả thời gian  
Đưa tay hứng giọt lệ tràn rồi sao???*

Tôi sinh ở xứ Cam. Tôi vẫn nhớ hoài mùi hương của hoa cam bên hông căn nhà lá ngày xưa. Những cây cam quăng trái, gánh nặng suốt tháng năm. Lớn lên trong hương vị ngọt ngào đó đã thấm vào từng sợi thịt, tim óc tự thuở nào. Giòng sông xưa luôn chảy hai chiều, lúc ra khơi khi về nguồn.

Nhiều lúc tôi nhớ lại hình dáng Thầy Lâm văn Bé đứng nghiêng một bên, tay cán giá chống nạnh đứng trước văn phòng với đôi kiếng gọng đen. Thầy Trần Quang Minh với bộ râu của một triết gia. Thầy tổng giám thị Nguyễn Văn Miêng gương mặt nghiêm nghị nhưng rất nhân hậu. Thầy Đầu làm giám thị lớp tôi suốt mấy năm liền lúc nào cũng lẳng xẵng. Thầy Sum đi dạy lái chiếc xe Daihashu. Thầy Bùi Văn Quang dạy Pháp Văn với cặp mắt mơ màng. Thầy Lê Kim Hải trẻ mãi không già. Thầy Bùi Văn Chi, thầy Lê Phú Thứ là hai ông vua nói lái v.v.. Nhớ những thằng bạn "quậy" ngày xưa giờ đã có cháu ngoại cháu nội. Tôi có làm bài thơ đăng trong bản tin Hội Úc Châu cách đây hơn 10 năm.

## Tình Xưa



Gởi về trường cũ mảnh tình  
Bảng đen phấn trắng bóng hình thầy xưa  
Bao nhiêu thương nhớ cho vừa  
Con đường qua lại nắng mưa bao lần!  
Bạn bè nay đã ly phân  
Tang điền dâu biển, phù vân cõi đời  
Mơ màng cảnh cũ xa vời,  
Lẻ loi cô tịch khung trời phương xa  
Lòng thương nhớ chẳng phai pha  
Đi về cùng lối chúng ta ngày nào,  
Mong sao có buổi phùng tao  
Cùng làm bích báo đạt dào văn thơ  
Dù cho lời lẽ vu vơ,  
Chuyện xưa ai viết bây giờ nhớ không?  
Melbourne trời lạnh vào đông,  
Chạnh lòng thương nhớ những giòng sông xưa.  
Ngồi đây ngắm những giọt mưa,  
Mưa rơi xứ Úc đông đưa tình buồn.  
Tình xưa như giọt mưa tuôn  
Rơi lên cây cỏ, về nguồn xa xôi  
Cõi lòng sao mãi bồi hồi  
Trường xưa lớp cũ xa rồi còn đâu  
Trời đông một vẻ âu sầu  
Sương đông bao phủ một màu quanh hiu.  
Lòng thương dạ nhớ thật nhiều  
Đường xưa lối cũ những chiều gặp nhau  
Lời xưa vắng vắng ngọt ngào  
Con thuyền rời bến đi vào trùng dương  
Trở về tìm chút dư hương  
Tình Thầy nghĩa bạn, vẫn vương nỗi lòng.

Người chị chưa bao giờ gặp mặt của tôi là một cựu nữ sinh LNH ở Houston, Texas khi nghe tôi nói mỗi ngày đi làm bằng xe đạp, chị cảm tác và đọc qua điện thoại viễn liên cho nghe bài thơ:

### Những vòng quay

*Có những vòng quay đưa người tới sở  
Chỉ vậy thôi người cũng đến được bờ  
Có cần không những buộc ràng nhân thế  
Thả dùm nhau từng phiến lãn quay*

*Nắng bụi bay, đạp hoài không thấy ngại  
Gạt mồ hôi mà thấy nhớ quê hương!  
Cùng khoảng trời xanh mảnh đời khắc khoải  
Cây bên đường xanh quá lá thân thương*

*Gió chớm thu sang, mùa thu rất nhẹ  
Cây có buồn sao lá úa tương tư?  
Chở hết dùm nhe gánh buồn thế sự  
Bánh xe mòn, đời đã thấy băng khuâng!*

*Mùa đông sang trái tim cần thêm lửa  
Kiếm tìm nhau bằng chữ nghĩa yêu thương  
Có gặp không hay nghìn trùng cách trở?  
Chiếc xe buồn không nói nỗi đại dương!*

*Hết những mùa xuân, thơ ngây cũng hết,  
Tóc bạc màu, tình cũng phai đi  
Đến để rồi đi, muôn đời cũng thế  
Ai giữa đời đầy áp nỗi phân ly!*

Dưới đây là một bài thơ khác, không rõ tác giả, nhưng chắc là CHS NĐC. Bài thơ nói lên tâm sự khi về thăm lại trường xưa sau nhiều năm lưu lạc.



## Thương về trường cũ

*Trường bỏ ta hay ta bỏ đi  
Ma sao rai rức buổi phân ly.  
Tháng năm giăng mắc mưa vào hạ  
Làm não lòng thêm cánh biệt ly*

*Tan tác chim non rời tổ mẹ  
Ngõ ngang nhìn lại cảnh trường xưa  
Vô tình trường lớp trở nên lạ,  
Chẳng nói nên lời để tiễn đưa*

*Vương vẩy trên đường mưa gió lạnh  
Hùng Vương lả tả cánh hoa me  
Mùa nầy me chín ai tranh nhặt  
Để tặng cô nàng đệ nhất "C"*

*Ly biệt nào rồi cũng biệt ly,  
Bận lòng chi nữa lúc ra đi  
Xót xa cho mấy rồi ly biệt  
Trường hỏi rằng ta mong ước gì?*

*Từ đó mai vàng biệt nắng xuân  
Hoa đào viên xứ nở bao lần?  
Thương về trường cũ thường trông ngóng  
Nhớ đến người xưa dạ băng khuâng*

*Từng tháng từng ngày từng năm lạnh  
Nhớ nhớ thương thương đến bao giờ  
Nhớ đến Thầy Cô ngàn dặm cách  
Nhớ bạn tình xưa đã khuất mờ*

*Tình vẫn phiêu bạt với thời gian  
Bước vào trường mới quá gian nan,  
Tên viết trong bằng nơi hải ngoại  
Làm sao tìm được dấu "Việt Nam"*

*Thoáng chốc đầu xanh nay đã bạc  
Nửa vòng trái đất một phân đôi*

*Tháng năm mòn mỏi về quê cũ  
Thôi thúc tôi về buổi sáng nay*

*Ngô Quyền đường cũ mưa lại rơi  
Cùng tháng năm xưa cùng tro bụi  
Giăng mắc mùa hè như năm cũ  
Hàng me đâu nữa? Lá me bay?*

*Nôn nao nhớ đến người tình cũ  
Ước mơ ôm ấp, một nụ hôn  
Ước mơ tái ngộ người chung thủy,  
Trao trọn ân tình nghĩa sắc son*

*Im lìm cổng sắc quá vô tình  
Mấy dãy trường xưa vẫn lặng thinh  
Một hồi chuông đổ cổng trường mở  
Ngơ ngác nhìn tôi đám học sinh*

*Tôi đành rơi lệ trong trái tim  
Tình thầy nghĩa bạn cố gắng trình  
Đâu đây điệp khúc ve vào hạ  
Như đón cổ nhân bóng lặng im*

*Tôi nhặt đâu đây một lá vàng  
Cho lòng trống vắng nỗi cô đơn,  
Lá vàng úa rụng mùa thu mới  
Thế sự muôn đời lẽ hớp tan . . .*

Hồi những nhà thơ sáng tác những vần thơ trên; xin cho tôi được làm người tri âm. Thi nhân đã về cõi bên kia cho tôi được đốt nén hương lòng thành tâm tưởng niệm. Thi nhân còn trên cõi đời này, xin kính chúc luôn an vui và sáng tác nhiều thơ cho vườn hoa nghệ thuật. Đời người như chiếc lá bên vệ đường: xuân xanh, hạ trưởng, thu liềm, đông tàn. Hãy choàng cho nhau những chiếc áo yêu thương, mát mẻ nhau khi mùa hè nóng bức, ấm áp trong giá lạnh mùa đông. Thiếu vắng chiếc áo kia chúng ta sẽ chói với trong biển lửa hay lạc lõng vào chốn âm u. Hãy sống "trong yêu thương".

In Loving  
My life on earth has truly passed,  
I loved you all to the very last  
Weep not and courage take,  
And love each other for my sake

*Trong yêu thương  
Cuộc sống trên địa cầu trôi qua  
Đến cuối đời ta mãi yêu ta  
Đổi diện và xóa tan đau khổ  
Yêu thương nhau tự lợi lợi tha*

Trước khi ngừng góp nhặt những vần thơ tình nghĩa, xin ghi lại bài thơ tôi rất tâm đắc của cố giáo sư **Nghiêm Xuân Hồng** viết vào năm 1997.

### **Luân Vũ Xoay Tròn**

*Ta tìm ai chiều nay qua mấy kiếp,  
Trong không hư nhìn lại mảnh hồn đau.  
Giác liêu trai chiều nay ta vẫn thiếp,  
Cánh sóng hồ bàng bạc chuyện xưa sau...*

*Xưa hay sau? Ô hay kỳ lạ nhỉ!  
Xưa là xưa hay xưa lại là sau?  
Thuở xưa ấy quanh co và kỳ ảo  
Chìm vào không rồi lại nở ngàn sau...*

*Nên kiếp sống là vòng tròn mộng huyễn,  
Sanh rồi không rồi lại nở ra hình  
Cái Không ấy là ông vua chủ thuật  
Hiện ra hình rồi lại biến vào Không.*

*Hình nộm ấy mang theo nhiều hệ lụy  
Lụy ăn uống, lụy nhớ tưởng, lụy tình duyên  
Hồn lấm lúc bỗng bèn như gió thổi  
Muốn hư vô mà chẳng hề có hư vô.*

*Tâm với cảnh thiên thu dẫu gót bước  
Thấy như hai mà chẳng phải là hai  
Nhịp luân vũ chấp chùng và bất tuyệt  
Ta là ai mà chẳng phải là ai.*

Kính nguyện cầu thế giới được an bình, mọi người luôn hạnh phúc.

Sưu tập vào tháng tư đến 2014  
Điễm Lê - Australia



*Người phụ nữ VN đang kiếm sống bằng nghề lao động buôn bán mà trong lòng vẫn mãi nguyện với đôi cánh tay "không nghèo đói" của người dân miền sông nước Cửu Long trước 1975.*

# LANG THANG KỶ NIỆM

Lâm Đức Phương

Tôi đến với Mỹ tho vào năm 10 tuổi khi Hiệp định Genève vừa ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh Pháp - Việt. Từ một đứa bé miền quê nghèo, hẻo lánh với những ngôi nhà lá, nền đất, âm thấp, tối tăm, đêm đêm tù mù ánh đèn dầu dứa, đến với thành phố hoa lệ bậc nhất nhì vùng châu thổ Cửu Long, Mỹ tho đối với tôi là một thế giới vô cùng hấp dẫn và đầy ấn tượng, mặc dù so với Sài Gòn “đèn ngọn xanh, ngọn đỏ”, Mỹ tho chỉ là con đom đóm “ngọn tỏ, ngọn lu”. Ngôi nhà đầu tiên tôi ở trọ đi học là một hiệu buôn gần Chợ cá, Quai Galiéni, nay là đường Trưng Trắc. Gọi là “Quai” (bến) mà không gọi là đường vì con đường này chạy dọc theo bờ sông Bảo định, hai bên bờ có cần đá xanh hình bậc thang mà người buôn bán trên sông gọi là bậc thạch. Hiệu buôn nơi tôi ở là một căn phố lầu hai tầng, tường vôi, lầu gỗ. Ấn tượng đầu tiên của tôi là được ở nhà lầu. Ở nhà lầu chắc là sướng lắm. Ý nghĩ non nớt của tôi đã tưởng ra như vậy. Ở nhà quê, khi tôi lên lớp Sơ đẳng (lớp ba), đọc chữ quốc ngữ trôi chảy thì tôi có nhiệm vụ đọc truyện vào buổi tối cho Ông Bà Nội tôi nghe. Truyện đây là Truyện Tàu như Tam Quốc Chí diễn nghĩa, Tây du ký, Phong thần, Thuyết Đường... và Truyện thơ Việt Nam như Lục Vân Tiên, Phạm Công-Cúc Hoa, Lâm Sanh-Xuân Nương, Bạch Viên-Tôn Các... Tôi đã từng đọc những từ “lầu” “các” nhưng chưa hình thành rõ ràng trong đầu tôi cái lầu nó như thế nào. Bây giờ tôi tận mắt thấy cái lầu và được ở nhà lầu. Sung sướng biết bao! Tôi được bà chủ nhà cho một góc nhỏ ở tầng một. Từ lầu một nhìn qua cửa sổ, lúc ấy nhà chưa có balcon phía trước, là một thế mới lạ vô cùng. Người hình như nhỏ hơn, chỉ thấy đầu là đầu. Đây là đầu đội nón lá của người buôn bán, đây là đầu đội nón nỉ của các ông đạo chợ, kia là đầu tóc bới của bà phu nhân mua thức ăn, kia là đầu chải “bảy ba ố gả” của ông công tử vườn đi uống cà phê. Xa đằng kia hình

như là cái kêpi của ông đội xếp phú-lít. Mọi tiếng động hình như dồn vào cửa sổ, nghe râm ran, ào ào như tiếng sóng, tiếng gió, nhưng dần dần tôi cũng phân biệt từng loại tiếng. Trước hết là tiếng guốc, lệt xệt, lóc cóc, lộp cộp của đủ mọi loại guốc: guốc vòng, guốc quao, guốc eo, guốc xuống, guốc cũ, guốc mới... Rồi tiếng gọi cà phê ở quán Anh Ba Sênh phía dưới, ngay trước cửa nhà tôi ở. Anh ấy tên Sanh, nhưng gốc Hoa nên đọc theo âm Tàu, thành ra Sênh. Khách uống cà phê đặt cho anh cái biệt danh Ba Lãi. Quán cà phê Ba Lãi khá nổi tiếng ở khu Chợ cá lúc ấy. Từ đó vang lên những tên gọi của các loại cà phê mà từ nào giờ tôi mới nghe qua: tài chừng, xây chừng, bạt xiu, xiu... Ở đó có đủ dân ghiền cà phê, từ chị bán cá đến ông công chức về hưu, người ta tự nhiên ngồi theo kiệu nước lụt để thưởng thức những ly cà phê vọt, cà phê kho rất đậm đà của anh. Xa ra một chút là tiếng trả giá của người bán, người mua: “Trả mở hàng đi chị! “Hai cắc, ba bắc, năm cắc nha!” Người mua trả giá liên tục và giòn giã một mớ rau mà người bán ra giá một đồng. Lúc ấy còn xài tiền kim loại 2 cắc, 5 cắc, 1 đồng và tờ giấy bạc 1 đồng xé đôi làm 5 cắc. Và sau này tôi mới biết cách trả giá giòn giã ấy là một qui ước bất thành văn của người mua hàng để tránh lời nặng nhẹ của người bán. Thỉnh thoảng lại vang lên tiếng thét của Thầy đội Hồ, cái ông phú-lít mặt sắt đen sì, hung thần của người mua gánh, bán bung. Đối với tôi, ông ấy còn đáng sợ hơn cả ông Chằn tinh trong truyện Thạch Sanh-Lý Thông. Sự đời xui khiến làm sao mà nơi tôi ở lại đối diện với cầu tiêu chợ, nơi mà người sử dụng gọi là “nhà hàng ba căn” (tôi cũng không nhớ rõ mấy căn nữa), cái nhà hàng lúc nào cũng đất khách, người ra, kẻ vào liên tục. Cầu tiêu chợ bắc thẳng trên bờ sông, nền xi-măng đúc, vách ván, mái tôn (không biết tôi nhớ có đúng không), nhưng chắc là rất thô sơ. Người sử dụng đưa chất thải trực tiếp xuống nước sông Bảo Định khi nước lớn và trên bãi bùn lúc nước ròng. Trẻ con thì tự nhiên ngồi bên ngoài mà xả bầu tâm sự. Dĩ nhiên là cái mùi của nó thì khó mà diễn tả cho chính xác được. Vậy mà chung quanh đó người ta vẫn buôn, vẫn bán, vẫn ăn uống một cách rất tự nhiên. Cảnh cầu tiêu chợ là cây cầu cầu đúc bắc xuống sông cho ghe thuyền từ miền quê chở trái cây cặp bến, cho người gánh nước thuê, cho người lao động tắm giặt. Cây cầu nằm phía trái “nhà hàng ba căn”, nên thường người gánh nước phải đợi nước giựt ròng, nước từ hạ nguồn đẩy phân trôi ra sông lớn, mới gánh

nước để xài. Nhưng người gánh nước thuê đâu có cái kiên nhẫn chờ đợi, khi nào nước ngập cầu là họ quảy cặp thùng xuống sông, dạo qua vài lượt cho “những thứ dơ bẩn” trôi xa một chút rồi gánh lên đò vào hồ cho người tiêu dùng. Nơi tôi ở tuy là một căn phố thuộc trung tâm thành phố nhưng lúc ấy vẫn chưa có nước phong-tên (nước máy). Trong thành phố người ta đặt những phong-tên công cộng, nước chảy rất yếu, người lấy nước phải xếp hàng thùng chờ đến lượt mình. Phần lớn những người gánh nước phong-tên là các cô gái làm thuê cho nhà giàu hoặc các hiệu buôn, nên họ được đặt cho cái mỹ danh là ma-ri phong-tên. Nước tiêu dùng trong các nhà khá giả có hai loại: nước phong-tên để uống và nấu ăn, nước sông để tắm giặt, rửa ráy, kê cả súc miệng, rửa mặt. Người bình dân thì chỉ có một thứ nước duy nhất để xài là nước sông. Mùa mưa hứng được lu nước để uống là quý lắm, nhưng nhà phố chật hẹp, có trữ được bao nhiêu. Tôi đã sống với thứ nước cạnh cầu tiêu chợ suốt mấy năm dài, bây giờ nghĩ lại vẫn còn cảm thấy lờm lợm trong cổ họng. Cái quá khứ không xa lắm, chỉ mới 60 năm mà sao tôi tăm, khùng khiếp quá! Bao nhiêu người đã nằm xuống vì ốm đau, bệnh tật với nguồn nước nhiễm muôn loại mầm bệnh mà họ không hề hay biết. May thay tôi vẫn còn sống và những người đồng thời với tôi vẫn rải rác còn đây. Bây giờ thành phố đã đổi thay nhiều quá. Đèn điện sáng choang, nhà nào cũng có nước máy, cũng có cầu tiêu tự hoại, lúc ấy gọi là cầu tiêu máy, thậm chí có cả máy điều hoà không khí đây cái nóng bức của mùa viêm nhiệt ra khỏi phòng ngủ tiện nghi của mình. Vậy mà mỗi lần về thăm quê nhà, tôi lại được tin buồn về những người thân, những bạn bè đã vĩnh viễn ra đi. Hai đứa em ruột từ già cuộc đời ở tuổi 50, đứa thì bị gan, đứa thì bị thận. Hai ông anh họ trong cùng một gia đình cũng vội vã ra đi khi chưa tròn 60 tuổi vì tai biến não và gan không chịu làm việc. Một ông bạn chuẩn bị về hưu thì “không thèm nhận quyết định” mà “hưu vĩnh viễn”, ông bạn khác thì nghỉ hưu chưa đầy năm thì được Chúa đón về thế giới yên bình. Gần đây, tôi đã đến viếng đám tang em một người bạn, chú ấy đã già biệt vợ con khi mới qua tuổi 50 vì nhồi máu cơ tim. Người xưa chết vì ăn ở kém vệ sinh, người nay biết ăn ở rất sạch sẽ lại mất vì những bệnh rất ngặt nghèo. Có phải là do dư lượng thuốc trừ sâu còn sót lại trong rau xanh ngoài chợ, có phải là do chất hoá học bảo quản trái cây cho tươi, cho đẹp, cho bánh Trung thu

không lên mốc, cho thịt cá không ươn, có phải là nghìn thứ độc hại hơn phân người thải ra từ các nhà máy công nghiệp hiện đại vào nguồn nước tiêu dùng? Người ta càng tiến bộ thì càng có nhiều thứ tinh vi để giết người nhanh hơn.

Nói đến vấn đề vệ sinh, khái niệm cầu tiêu máy, cầu tiêu tự hoại hay cầu tiêu hai ngăn là một khái niệm mới đối với người Mỹ Tho những năm đầu thập niên 1950. Căn phố nơi tôi ở lúc bấy giờ chưa có cầu tiêu máy mà còn sử dụng cầu tiêu thùng. Mỗi nhà có cầu tiêu riêng và phân được hứng vào một cái thùng gỗ đặt bên dưới bàn cầu. Cầu tiêu nằm sát tường phía sau nhà, có cửa (một cái lỗ đủ để lấy thùng phân ra ngoài) thông ra con đường hẻm sau nhà. Thuở ấy nhà phố nào cũng có đường hẻm phía sau dành cho phu Sở Thùng đi lấy phân. Cứ khoảng 5g sáng, nghe tiếng lục đục dưới cầu tiêu, đó là lúc người phu lấy thùng phân đem đổ vào xe lớn để ngoài đường. Sau đó họ kéo xe phân về một nơi tập trung không xa thành phố. Nơi đó khi xưa gọi là Sở Thùng, sau này là bãi rác nên gọi là Sở Rác, bây giờ là khu đất dọc hai bên đường Tạ Thu Thâu, toàn là nhà cao cửa rộng, nhưng vẫn chưa bỏ hẳn được cái tên Ngã ba Sở rác. Tôi có xem chương trình Dirty Jobs trên truyền hình nhưng tôi nghĩ chưa có nghề nào bẩn bằng nghề đổ phân của những người của những người phu Sở Thùng năm ấy. Họ đi chân đất, không có quần áo bảo hộ lao động, không mang găng tay và cũng không cần bịt mũi. Tôi chưa từng biết mặt người phu Sở Thùng nào, vì họ làm công việc của họ lúc đêm còn khuya và kết thúc lúc trời chưa sáng tỏ. Bây giờ nghĩ về họ tôi vẫn cảm thấy chút xốn xang trong lòng. Nếu họ là một thanh niên trai trẻ, có cô gái nào dám ưng anh phu Sở Thùng làm chồng không? Nếu họ là người chồng, người cha trong gia đình, những lúc gia đình quây quần êm ấm, có ai trong họ chạnh nghĩ đến cái mùi “đặc biệt” ấy vẫn còn lờn vờn quanh mình không? Có ai trong họ còn sống đến ngày hôm nay để nhìn cuộc sống đổi thay, xoá đi những ngày làm than cũ? Hay họ đã sớm ra đi vì bệnh tật khi ngày ngày tiếp xúc với môi trường ô nhiễm đó? Và con cháu họ, có người nào đó hôm nay làm nên sự nghiệp, họ có dám tự hào vì mình là hậu duệ của những người lao động âm thầm, khổ nhọc ngày xưa chăng? Ôi những người của một thời xa xưa cũ!...



Mấy năm sau, tôi theo gia đình của chủ hiệu buôn dờn về gần Cầu Quay, cũng trên đường Trung Trắc ấy, rồi tôi ra dờn lẫn lộn với cuộc sống nhưng tôi vẫn gắn bó với cái thành phố nhỏ thân thương này. Tôi lớn lên cùng với sự mở rộng của Mỹ tho, tỉnh lỵ của Tỉnh Định Tường, Thị xã Mỹ tho và bây giờ là Thành phố Mỹ Tho. Bao nhiêu cái cũ mất đi và bao nhiêu cái mới sinh ra. Lúc mới lên Mỹ tho, tôi chỉ biết có một cái công viên duy nhất là công viên Bạch đằng mà mọi người vẫn gọi là Cầu tàu, vì có cây cầu bắc ra sông cho tàu cập bến. Công viên nằm ngay trước dinh Tỉnh trưởng, có cây da cổ thụ với nhiều rễ phụ cắm xuống đất như những cây trụ vững chãi chống đỡ cho thân cây chính to bằng mấy người ôm. Ở đó còn có những cây dừa lâu năm, thân gầy guộc, đứng gie ra sông, hiên ngang cùng gió bão. Ở đó có cái cầu tuột bằng gỗ cho trẻ em chơi đùa. Ở đó không khí mát mẻ, yên tĩnh, người du ngoạn cũng thư thái, thong dong hoà mình vào cái không gian tẻ nhị và mơ hồ một chút Liêu trai. Đối với tôi, công viên Bạch đằng như một mảnh linh hồn của Mỹ tho, và cho đến bây giờ nơi ấy vẫn là cái công viên duy nhất còn lại trong lòng tôi, mặc dù sau này có nhiều công viên mới và đẹp hơn nối tiếp nhau ra dờn. Thời Ông Tỉnh trưởng Nguyễn Trân, Công viên Dân chủ được xây dựng trước sân Vận động Mỹ tho, với hình chín con rồng phun nước, đèn nê-ông sang choang, là niềm tự hào một thời của người dân Mỹ tho. Đèn nê-ông bóng dài 6 tấc với ánh sáng trắng cũng là điều mới mẻ đối với dân Mỹ tho thời ấy, thay cho bóng đèn tròn, dây tóc, ánh sáng vàng khè, mỗi khi điện yếu, ánh sáng của bóng đèn điện cũng chỉ bằng ngọn đèn dầu tù mù. Rồi công viên Dân chủ cũng mất dần vị thế đối với khách nhân du do vị trí của nó không đắc địa, thiếu một không gian khoáng đãng, một nguồn gió mát rượi trong những ngày oi nồng của vùng sông nước đất phương Nam. Đường xe lửa Sài Gòn-Mỹ tho ngưng hoạt động, công viên Lạc Hồng được xây dựng trên nền cũ của nhà ga xe lửa, ngay đầu vàm sông Bảo định. Cái gì xây sau cũng mới, đẹp và hấp dẫn hơn cái trước đó, lại thêm vị trí thuận lợi, công viên Lạc hồng đã làm mờ hẳn cái vang bóng một thời của công viên Dân chủ. Kế tiếp đó là bờ sông Bảo định, dãy hàng dương, từ Cầu Quay đến đầu đường Trung Trắc được tráng xi măng, dựng lan can phía bờ sông để khách thả bộ, hóng mát, ban đêm là nơi bán quà hàng rong, đủ món ăn chơi từ đậu phộng nấu, chuối nướng đến hột vịt lộn,

chuối chiên, bánh bò, bánh da lợn, bánh tiêu, dầu chá quẩy... Hình ảnh đầu tiên của cái công viên “bò tít” rất nên thơ ấy đã được nhà nhiếp ảnh Thiện Ký ghi lại và hiện nay vẫn còn chung trong tiệm hình của ông ở đường Lê Lợi. Rồi con đường xi măng sạch đẹp ấy bị chiếm dụng dần dần bởi những cửa hàng ăn uống, nhậu nhẹt, với những cửa hiệu khá nổi tiếng như hủ tiếu Xường, Quán nhậu A Lục, Việt Hải, Chí Thành, nem nướng Sinh Viên, kem Duyên Thắm... Công viên Lạc Hồng đẹp và mát nhưng lại nằm trước một dãy phòng ngủ của đường Gia long nên một bộ phận của công viên đã trở thành nơi mua bán, đổi chác của khách ăn chơi, điều đó cũng làm cho khách thường ngoan ngại bước khi muốn tìm một chút gió mát từ ngã ba vàm sông Bảo định và Cửu long. Do đó, trước sau tôi vẫn trung thành với công viên Bạch đằng với tán cây cổ thụ, với gió reo qua kẽ lá dừa, với khách nhàn du yên lặng. Trong những khách du thường đến với công viên Bạch đằng, tôi vẫn thường gặp ông Nam Cường và cô con gái nuôi là Cô Chín, chủ tiệm sách Tân Việt ở đường Trung Trắc, dãy mé sông, gần Cầu Quay. Nghe nói ông Nam Cường bị bệnh phổi, nên hôm nào cô con gái cũng đưa ông ra công viên để tìm chút gió trong lành. Điều ấn tượng đối với tôi là cả hai đều mặc đồ bà ba trắng, thanh lịch, tao nhã nhưng rất Việt nam. Nói đến những con người thanh lịch của đất Mỹ tho, không ai là không biết ông bà bác sĩ Vũ. Đó là đôi vợ chồng đẹp nhất, sang nhất và Tây nhất ở Mỹ tho. Thực ra chỉ có bà ấy mới đúng nghĩa là người đẹp. Ngôi nhà của bác sĩ Vũ là ngôi biệt thự to và đẹp vào bậc nhất của Mỹ tho lúc bấy giờ, ở góc đường Thủ khoa Huân và Trương Công Định, thuộc khu trung tâm của thành phố. Mỗi khi đi ra ngoài, ông mặc đồ tây trắng tinh, thắt nẹp, bà mặc áo dài hoa tha thướt, diu dàng khiến nhiều người ngắm nhìn, trầm trồ khen ngợi. Hai ông bà là biểu tượng cho sự giàu sang, trí thức, lịch sự và thành đạt của giới thượng lưu mà đám thanh niên còn ngồi trên ghế nhà trường vẫn hằng mơ ước. Trở lại với công viên Bạch đằng, cuối thập niên 60, công viên đã bị trưng dụng làm doanh trại cho quân đội Mỹ. Không còn cây da, cây dừa, không còn thấy bờ sông, bên ngoài sát lề đường là lô cốt bao cát, kẽm gai công-xet-ti-na, một nhà máy điện nhỏ chạy xit phun khói khét lẹt, bên trong lỗ nhỏ mái vòm của những ngôi nhà tiền chế. Tôi và bạn bè tôi đã mất công viên Cầu tàu, và Mỹ tho cũ của tôi đã mất dần để bây giờ nhìn lại tôi không còn tìm

được cái Mỹ tho ngày xưa của tôi nữa. Một trong những cái mát của Mỹ tho mà tôi xót xa nhất là những hàng me.

Tôi không biết có bao nhiêu đô thị ở Việt nam dưới thời Pháp thuộc được trồng me để lấy bóng mát hai bên đường. Tôi chỉ biết ở Mỹ tho có những hàng me rất đẹp. Đường Lê Lợi và đường Hùng vương là hai con đường có những hàng me đẹp nhất ở đây. Đặc biệt đường Hùng vương mỗi bên lề có đến hai hàng me, bóng giao nhau như một mái vòm xanh che nắng cho khách bộ hành. Cây me đối tuổi thơ của tôi là những trái me non chám tương hột vừa chua vừa giòn, những trái me dốt bùi bùi vị chua pha với ngọt, những trái me chín dẻo như mạch nha, nếu được me ngọt hay me đậu phộng thì ăn hoài không chán. Rồi những hột me rang thơm phức và cứng như sạn, cắn vào có khi mẻ cả răng, nhưng vị bùi của nó khiến mình ghè nhai như bà lão nhai trầu. Cây me đối với cậu học trò trung học là bóng mát tuyệt vời xua tan cái nóng hớn hào của ánh nắng mặt trời nhiệt đới trong khi chờ đợi đến giờ mở cổng trường. Cái ánh nắng được lọc qua hàng triệu chiếc lá me li ti đã trở thành một khối bóng râm giải nhiệt diệu kỳ. Và bây giờ ở tuổi xế chiều, những hàng me đã trở thành hoài niệm về một Mỹ tho an bình, thân thương, yên tĩnh, Mỹ tho của tôi và một số bạn già một thuở xa xưa. Cây me thành phố đã đi vào văn chương trong “Những bước lang thang của gã Bình Nguyên Lộc”, trong thơ và nhạc “Con đường có lá me bay, Chiều chiều ta lại cầm tay nhau về” hay “Chia tay trong đêm mùa hè, Gió nói gì với hàng me”. Tôi không biết làm thơ, viết nhạc cũng như không biết hát, nhưng tôi đã sống với những hàng me thành phố Mỹ tho từ những ngày thơ ấu. Tôi không biết ông tây bà đầm người Pháp nào phụ trách về trồng cây đô thị đã nghĩ ra việc trồng cây me trong thành phố, đặc biệt là các thành phố ở miền Nam. Sao lại trồng cây ăn trái mà không trồng cây lấy bóng mát như các đô thị phương Tây? Có phải cây me thích hợp với thổ nhưỡng của vùng đất hai mùa mưa nắng này không? Hay lá me cho nhiều bóng mát hơn các loại cây khác? Điều này chưa chắc đúng, nhưng có thể lá me rất nhỏ có thể trôi theo nước mưa xuống cống mà không làm nghẹt hệ thống thoát nước, mất công sức của phu lục lộ quét đường. Hay rễ me bám đất, ăn sâu giữ cho cây đứng vững trong gió bão, hay cành me dẻo không gãy rơi trên đầu khách đi đường? Hay có phải việc thu hoạch trái me

chín cũng là nguồn lợi lớn cho thành phố? Có thể mà cũng chưa chắc đúng. Có điều chắc chắn là cây me là loại cây ăn trái thuộc hạng sống dai nhất của dòng họ này. Có những cây me lớn tuổi hơn cả ông cố, ông nội của tôi nay vẫn đứng hiên ngang ở một góc hẻo lánh của thành phố, vẫn che bóng mát cho đời, và là những chứng nhân yên lặng cho biết bao vở kịch lịch sử, từ thời ông Tây, bà đầm, thời Quốc trưởng Bảo đại, thời đệ nhất Cộng hoà, đệ nhị Cộng hoà, rồi dân chủ cộng hoà và xã hội chủ nghĩa. Nhưng người Pháp cai trị thuộc địa đã không nghĩ tới một điều: những cây me do họ trồng rồi cũng ra đi khi họ rời cái đất thuộc địa đau thương và khốn khổ này. Những cây me không chết vì tuổi già mà chết do bàn tay của con người. Người ta giết me hàng loạt và giết me lẻ tẻ. Những hàng me chết đi hàng loạt do nhu cầu mở rộng giao thông trong thành phố. Công trình mở rộng đường đầu tiên có lẽ là đường Lê Lợi. Khoảng đường từ đường Thủ khoa Huân đến đường Lê Đại Hành người đi chợ và đi học quá đông, nhất là quá nhiều xe đạp và xích lô. Thế là ông công chánh nghĩ đến việc mở hai con đường nhỏ hai bên dành riêng cho xe thô sơ, Hai hàng me vẫn còn được giữ lại giữa ba làn đường. Nhưng những cái gì dành riêng cho mình người ta lại không thích, người ta thích cái gì dành cho người khác kia, cho nên các ông bà đi xe đạp và chạy xích lô cứ khoái chạy ra ngoài con đường lớn ở giữa. Cảnh sát giao thông giữ riết cũng mệt. Phạt ai chớ phạt các cô cậu học trò đi xe đạp và anh chạy xích lô nghèo kiết, thì nữ lòng nào! Thôi thì phá bỏ hai hàng me, mở cho con đường rộng hẳn ra. Và những cây me bắt đầu đi vào con đường diệt vong từ đạo ấy. Rồi đường Hùng vương cũng được mở rộng để trở thành con đường chính của thành phố, một hàng me mất đi. Rồi đường Hùng vương cần phải đẹp hơn cho xứng với bộ mặt của một đô thị đang lên, một hàng me nữa ra đi. Bên cạnh việc giết me hàng loạt và có tổ chức, người ta giết me lẻ tẻ, hợp pháp và bất hợp pháp. Một cây me bị gãy nhánh, phải đốn nó đi, để rồi nhánh khác bị gãy gây tai nạn phiền phức. Một cây me bị mưa bão tróc gốc, ngã nghiêng, phải đốn đi, ai công đâu mà chống đỡ nó lên, rồi nó lại ngã nữa cho mà xem. Đốn cây me đi có nghĩa là cơ quan chủ quản bán cây me ấy cho nhà thầu, để họ cưa chặt, dọn dẹp sạch sẽ. Thế là cơ quan chủ quản có được tí tiền bỏ vào ngân quỹ để “tái sản xuất”, hình như ông xếp cơ quan cũng có chút tiền bỏ túi nếu ông bán rẻ cây me cho nhà

thầu. Và người ta cũng hiểu vì sao ngoài chợ lúc nào cũng đầy đầy thốt me, cỡ nào cũng có. Những năm thương phé binh “cắm dùi”, lề đường trở thành đất cát nhà. Cây me nằm trên lề đường, trên đất “của tôi” nên cây me phải chết. Ai mà lại ở cái nhà bao quanh một cây me? Cắm dùi, chiếm đất thì được nhưng đốn me là vi phạm pháp luật. Vậy là người ta làm cho cây me chết dần chết mòn từ ngày này sang ngày khác bằng cách tưới nước sôi, đổ nước xà bông, dầu nhớt, bột khí đá... vào gốc cây. Khi cây đã chết, người ta giao lại cho nhà nước để thực hiện cái qui trình hợp pháp. Rồi đến thời thiên hạ đua nhau mở rộng nhà ra mặt tiền, để buôn bán làm giàu, để khoe cái sang cái đẹp của một giai cấp đang lên. Những cây me cổ thụ được thanh toán nhanh hơn và gọn hơn. Bị siết chặt bởi hai gọng kềm sắt máu của con người, đường đường mở rộng, nhà nhà mở rộng, cây me đã không còn đất sống. Bây giờ tôi không biết ở Mỹ tho còn được bao nhiêu cây me, nhưng mỗi khi đi bộ trên đường gặp được một cây me bóng mát, tôi có cái cảm giác sống lại một thời thơ ấu, gặp lại một người thân, không phải là một người bạn, mà là một lão ông, lão bà đã che chở, thương yêu tôi bằng bóng mát dịu dàng những ngày xa xưa ấy. Những cây me hiếm hoi còn sống sót chắc cũng không còn tồn tại được bao lâu. Những hàng me trăm tuổi ven đường phố là một phần của bộ mặt thành phố, cũng là một phần của linh hồn thành phố. Những người có trách nhiệm hiện nay có ai nghĩ đến việc nuôi dưỡng cho cái phần hồn mỏng manh còn sót lại ấy khỏi phải sống thấp thỏm để chờ đợi ngày phán xử, mà được chăm sóc, vun bón tốt tươi, để được cười trong nắng, reo trong gió, nhìn những thế hệ con cháu của đất Mỹ tho lạc quan, yêu đời, đang cống hiến tài năng và nhiệt huyết của mình với hoài bão xây dựng một Mỹ tho giàu có, đẹp đẽ, văn minh có thể sánh vai cùng bạn bè năm châu, bốn biển. Hay chỉ là một giấc mơ...

Ai cũng có một quê hương và người ta cũng có nhiều định nghĩa về quê hương, một từ tưởng như đơn giản mà lại phức tạp vô cùng. Riêng tôi, tôi vẫn thường nghĩ về hai từ thiêng liêng ấy, nhưng khi nghĩ đến quê hương, trong đầu tôi, trong tim tôi lại hiện lên một hình ảnh cụ thể, một thành phố nhỏ với khu chợ buôn bán ồn ào, với những người lao động nhếch nhác, với

những công viên lộng gió và những hàng me mát mẻ, yên bình.  
Đó là Mỹ Tho, quê hương thân yêu của tôi.

Nhớ về quê hương Mỹ Tho ngày tròn 70 tuổi.

Lâm Đức Phương



*Sông Nước Cửu Long, 1969. Ảnh từ trang mạng.*

# T HƠ DIỆP ĐỔ AN

Diệp Đỗ An

## NHẢY DÂY

**N**gày cấp sách rẽ đường ngói chưa thẳng  
Em nhảy dây vạt áo cột bên hông  
Đôi chân son khập khểnh má em hồng  
Dài tay áo tưởng mơ trời hạnh phúc.

## MỘT THỜI

**D**ưới ánh trăng mười tám  
Đắm đuối yêu một người  
Thuở hai mươi nào ấy  
Có đôi mắt ngàn khơi.

Con đường buổi tan trường  
Cho anh chút tơ vương  
Em với thời áo trắng  
Anh bút nghiêng rã mềm

Diệp Đỗ An



# T HẦY TÂN VĂN CÔNG ĐANG NGOA DU VỚI THÁNG NGÀY CÒN LẠI

**Phùng Nhân**

Vào năm 1979 thì thầy Tân Văn Công rỗi rảnh, thất nghiệp không có việc làm, lúc đó vừa tròn 53 tuổi nên thầy bắt đầu khởi sự “văn chương”. Nhờ trước kia khi còn dạy học, thầy



đã có viết vài ba cái truyện ngắn cho báo Điện Tín, Tiếng Chuông nên việc cầm bút trở lại của thầy cũng không có gì là khó lắm.

*Thầy Tân Văn Công*

Nhưng cầm bút lần này đang ở trong tâm trạng

của một ông thầy giáo, đã từng đứng trên bục gỗ suốt mấy mươi năm, nhưng bây giờ phải chịu cảnh xa trường, xa lớp xa bảng đen phấn trắng nên thầy viết văn với bút hiệu Mặc Nhân TVC. Không biết cái bút hiệu này nó vận vào người thầy lúc nào, mãi cho đến sau này cũng không thay đổi.

Chữ Mặc Nhân dường như có nghĩa là một người yếm thế, khiêm tốn hay là một người đang mang một tâm sự cô đơn, u hoài trong cuộc sống. Nhưng theo tôi điều đó không quan trọng, mà nó phải thể hiện được nếp sống của một con người. Điều này đã chứng tỏ bằng bao nhiêu tác phẩm của thầy Công, khi thầy



vừa mừng sinh nhật ở cái tuổi 88 vừa qua, với những tấm hình chụp cùng thân hữu, cùng gia đình, cùng mấy cô học trò nhỏ cũng thích văn thơ, mà thầy Công hiện nay là một đầu tàu, để dẫn dắt đàn em, học trò của mình đang chạy đi trên con đường thiên lý. Ai có đi trên con đường “thiên lý” văn chương, thì mới thấm thía câu “văn minh vợ người”, nó đúng với trường hợp nào. Có người văn chương chữ nghĩa chẳng bao nhiêu, nhưng khi viết được một vài bài báo, hoặc cho ra đời một vài tác phẩm thì sanh ra tự phụ.

Trường hợp của thầy Công là một sự rong chơi của tuổi già nó rất hiếm hoi, khi con người đã bước qua cái tuổi 88 để tri thiên mệnh. Có biết được điều đó, mới cảm thấy



đời sống của con người không dễ thích nghi với hoàn cảnh xung quanh. Vậy mà thầy Công lúc nào trên môi cũng có nụ cười, với



một chiếc áo sơ mi, với một xấp bàn thảo viết lờ tay đang nằm trong cặp. Thầy Công chẳng bao giờ bận tâm lo nghĩ tới bạc tiền, mà thầy chỉ nghĩ tới những cô học trò ngày xưa, bây giờ đang bước đi

trên con đường văn nghệ, văn chương chữ nghĩa. Của những nhóm thơ, của những nhóm văn. Thầy đến với họ để thấp lên ngọn lửa rồi thôi, nhưng hôm nào mà thiếu thầy, thì bữa tiệc đó dường như còn đang thiếu sót một cái gì mà người ta không thể nhận ra.



Tôi nhớ có lần, tôi mời thầy đi uống cà phê ở quán Nét Xưa Mỹ Tho. Thầy vẫn mặc một cái áo ghi lê bỏ bên ngoài hồ hững, trên đầu thì đội cái nón vải trông rất bụi đời, làm cho tôi liên tưởng đến những ông nhà báo ngày xưa, đã một thời nổi danh trong mục “ao thả vịt” của nhật báo Sống do ông Chu Tử phụ trách. Còn thầy coi vậy mà hiền, văn chương chữ nghĩa của thầy chưa bao giờ dám xúc phạm tới ai, mà thầy chỉ viết về những điều hoài niệm. Mỗi cái truyện ngắn của thầy, có ý nghĩa như một truyện ngụ ngôn, còn nếu viết về loài vật, thì phải thể hiện được sự yêu thương che chở. Như truyện kể về một con chó lạc, tới nhà được thầy nuôi dưỡng, hay một con chuột lắc chết khô trong tủ áo. Hay chuyện của một con chim, đã bị nhốt trong lồng. Khi được bay lên bầu trời rộng bao la, thì tôi mới thấm thía tới đời sống nhân văn, nhân bản của con người. Như vậy mà cũng có những kẻ ác hiện nay, chuyên tâm lo trấn lột con người để làm giàu bất chánh. Nhưng với thầy Công, mỗi cái truyện ngắn, mỗi bài văn, là một truyện để răn đời. Mặc dầu có người họ đọc

lướt qua, họ không thể nhận ra những điều thầy Công gửi gắm. Tới một lúc nào đó thì họ cũng hiểu rằng, mỗi lời nói, mỗi câu chữ được viết ra là cả một công trình kiến trúc về mặt tri thức.

Nhiều lúc tôi bâng khuâng tự hỏi. Điều gì đã cho thầy sức mạnh phi thường, 88 tuổi rồi mà vẫn đạp xe chạy bon bon trên đường lộ. Điều gì đã cho thầy minh mẫn đến lạ thường, thầy có thể viết lại thời mới ra trường, được đổi về dạy dưới xã Thới Lai, Vang Quới, Phú Vang quận Bình Đại tỉnh Bến Tre. Được đề cử làm trọng tài cầm còi cho một trận đá banh, nhưng tình cảm làm cho thầy quên đi bốn phận, xử phạt thiên vị rồi bị mấy ông cầu thủ vây quanh, sợ đến nổi lên xe đạp chạy đi mà quên ly nước chanh giải khát. Nhiều khi đọc lại một đoạn văn trên, tôi cảm thấy thương thầy. Một ông thầy giáo còn nặng nợ văn chương, thôi thì không còn dạy học nữa thì ngồi viết lại những chuyện đã qua, để mà “ôn cố tri tân” cho vui đi những ngày tàn tháng lụn.

Với cái tuổi già như thế, lại giao du trong đời sống hiện nay. Thầy quả thật là “một ông đạo sống”. Thầy sống thật hồn nhiên, không gò bó, không nề hà bất cứ chuyện gì, miễn chuyện đó nằm trong đạo lý. Tôi còn nhớ rất rõ, hồi năm ngoái về ghé Mỹ Tho thăm thầy. Thầy Công rủ tôi đi lên Cai Lậy dự một cuộc họp mặt bạn thơ. Thú thiệt tôi rất ngại. Bởi tôi rất sợ những tiếng thị phi, rất sợ cảnh trâu cột nó ghét trâu ăn. Cuối cùng thì tôi từ chối. Một mình thầy vác cái tuổi 88 lên vai, thầy đi dự rồi về kể lại. Một cuộc họp mặt với các bạn thơ, không phải để bình phẩm về tài năng sáng tác, mà cốt ở tấm lòng. Có gắn bó với văn nghệ hay không, cho nên sự có mặt của thầy đã nói lên điều đó.

Mỗi lần đến nhà thầy. Tôi thường thấy “thầy” thơ thẩn ngoài vườn, âu yếm với những chậu cây cảnh Bonsai. Hoặc ngồi trầm tư trước cái máy Computer rồi gõ nghe lách tách. Động lực nào để giúp cho thầy có đủ trí óc sáng tạo viết lên những tác phẩm văn chương, nhạc, vọng cổ. Điều này làm cho tôi thắc mắc, nên có lần tôi hỏi. Thầy viết cái gì đó, thì thầy cũng chỉ trả lời theo kiểu lấp lửng mà thôi, “buồn quá” viết cho bớt buồn vậy mà. Chớ cái tuổi của “tui” bây giờ biết làm cái gì nữa. Ngoài việc “vọc” máy Computer với đàn con chữ cho vui, chớ thiệt tình tui không nghĩ viết để trở thành nhà văn, hay nhà biên khảo thuộc vùng đồng bằng Nam bộ đâu nghen...

Cuộc đời của thầy Tân Văn Công cũng như một cây cổ thụ giữa dòng đời, lúc nào cũng toả ra bóng mát, để cho những em học sinh khi tan trường về có chỗ dừng chân tránh nắng, hay những bà bán hàng rong ở khu phố Mỹ Tho. Khi nào gánh gồng mệt mỏi, thì cũng tạt vào để nghỉ chân. Chính vì vậy mà tôi xin gọi thầy là “bóng cây cổ thụ”. Bởi vì trong 88 năm dài gió dầm sương, vậy mà thầy cũng vẫn còn minh mẫn để gò lưng viết về Cầu Rạch Miễu Qua Bề Dày Lịch Sử, do Nhà Xuất Bản Trẻ xuất bản năm 2009.



Năm 2011 thầy Tân Văn Công cùng với tiến sĩ Võ Thành Dũng hợp soạn cuốn Mỹ Tho Xưa Trong Nam Kỳ Lục Tỉnh, cũng do Nhà Xuất Bản Trẻ xuất bản. Đời Sống Nơi Hoang Mạc (viết cho học sinh). Tuổi Thơ ... Xa Rồi (truyện ngắn).

Rồi còn những cuốn đang đợi lên khuôn như: Những Mảnh Tình (truyện ngắn). Chuyện Những Dòng Sông (truyện ngắn). Ngơ Ngác Tuổi Đời (tiểu luận). Một Thầy Giáo Làng (tự truyện). Tình Tôi ... Tình Em (ký sự). Tạp Văn (tập hợp những bài viết tản mạn). Lịch Sử Chùa Vĩnh Tràng (sưu khảo) Những Người Bạn Của Chúng Ta (tình yêu loài vật). Lã Sơn Môn (phóng tác - tiểu luận). À là mémoire d'un grand'homme Alexandre Yersin (để tưởng nhớ một vĩ nhân nhà bác học Alexandre Yersin – Pháp văn). Bộ môn thơ gồm có: Mỹ Tho, Mười Chuyện Tình Buồn (những chuyện tình có thật ở Mỹ Tho). Lệ Thơ (150 bài thơ khóc

vợ). Tình Muộn (tình thơ tuổi về chiều). Hạt Sỏi Cũng Buồn (tuyển tập thơ) Về nhạc, thì thầy Công đã viết trên 26 bài, đã được trình diễn trên 75%. Cổ nhạc viết trên 7 bài ca vọng cổ. Có một bản được cô Bích Luyến ca chiếm giải tại cuộc thi ca cổ tại thành phố Mỹ Tho.

Ngoài những thú tiêu khiển văn, thơ. Thầy công còn chơi qua ảnh nghệ thuật. Tôi cũng không biết thầy học với ai, học ở đâu, và xử dụng loại máy gì. Có làm chủ được một cái máy Nikon, Canon loại xịn hay không. Nhưng mỗi lần đi chơi với tôi thì Thầy lôi trong túi vải ra một cái máy cũ mèm, nhỏ xíu. Vậy mà thầy đã từng đoạt giải ba và giải khuyến khích Nhiếp Ảnh Nghệ Thuật Đồng Bằng Sông Cửu Long, giải ba, tư về Văn Bằng xưa của Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu.



Bao nhiêu tác phẩm đó, nếu nói về một cuộc đời của người cầm viết thì cũng không nhiều. Nhưng với tôi, thì thầy Tân Văn Công là một tấm gương ngời sáng, cho những người già cả ốm yếu ho hen. Bởi khi đời người đã bước qua cái tuổi 70 (thất thập cổ lai hi) rồi, nội có cái đi đứng, ăn uống thì cũng khó khăn, nói chi tới đụng tới cái máy Computer thật là rắc rối. Vậy mà thầy Công xử dụng nó khỏe re, thậm chí còn nhuần nhuyễn nữa chớ.

Cái cảm hứng của thầy dường như triền miên bất tận. Mấy người bạn Việt kiều đã một thời học ở hai ngôi trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu & và Lê Ngọc Hân Mỹ Tho năm xưa.

Mỗi khi có việc về Việt Nam, rồi ghé lại thăm thầy. Chỉ cần nói ra sự nỗi nhớ niềm riêng, của người sống xa quê hương bản quán. Nếu người nào thích vọng cổ thì thầy Công liền soạn cho 6 câu, rồi tự hát thâu vào đĩa để làm kỷ niệm.

Chính những sáng tác vừa nhanh, vừa đạt yêu cầu của văn chương miền Lục Tinh. Đó mới là một điều rất đặc biệt của thầy. Có những bài ca vọng cổ người ca rơi lệ, mà người nghe cũng thổn thức trong lòng. Không biết thầy Công thẩm định để đo ni đóng giày bằng cách nào, mà những bản nhạc, 6 câu vọng cổ của thầy vừa mới viết ra, cho đâu người đó là một người tài tử nghiệp dư, hay một người chỉ mới ham mê tài tử. Vậy mà khi bước vào phòng thâu, chỉ cần dợt sơ qua chừng một tiếng đồng hồ thì ca bắt nhịp rất mùi.

Cách nay chừng vài tháng, anh Võ Thành Dũng có Forward cho tôi một đoạn Video Clip của đài Phát Thanh Tỉnh Cần Thơ. Họ đã mời thầy chở đi qua mấy cái cù lao quay cảnh “người xưa cảnh cũ”. Nhìn thầy một ông lão đã 87 tuổi hạt đầu bạc trắng như bông, mà gương mặt trông rất còn trắng kiện, nói năng lưu loát không có soạn bài trước làm cho tôi rất kính phục thầy.

Một việc làm tuy có vẻ bình thường, nhưng nếu một người nào khác, thì cũng khó khi đứng trước ống kính truyền hình. Vì khúc phim phóng sự chỉ quay lướt qua rất nhanh, nhưng người đứng nói phải diễn tả cho được hết quang cảnh mà người đạo diễn sắp đặt. Bởi vì nó không cắt xén, không tẩy sửa. Chỉ có phụ họa của người thuyết minh để dẫn chương trình mà thôi.

Dường như với thầy Công, tiêu khiển giải sầu là chính. Chớ thầy không bao giờ nhớ tới tiền tài danh vọng phải đeo mang, nên thầy lúc nào cũng để tâm đến một điều: “Thầy chẳng có gì ngoài ước vọng, Cho trò một chữ TRÍ để khai TÂM, Và một chữ NHÂN để sống, Chỉ mong trò có TRÍ để sống NHÂN”.

Rồi có lần tôi về Mỹ Tho thăm thầy, hai thầy trò ngồi ăn Hủ Tíu ở nhà hàng Chương Dương. Tôi nhìn cách ăn của thầy, nó thật là ung dung đạo mạo. Vượt lên trên tất cả tầm thường của thể thái nhân tình, thầy ăn mà dường như không ăn. Khi buông đũa mà tô hủ tíu còn đầy nhóc. Tôi ái ngại nhìn thầy hỏi. Bộ không ngon, ăn không nổi hả thầy...



Thầy mỉm cười rồi nói. Ngon lắm chứ. Nhưng cái ăn cốt để sống. Chớ không phải sống để ăn, nên thầy ăn như vậy đã quen, bây giờ ở đâu thì vẫn vậy. Tôi nhìn thầy, rồi nhìn xuống dòng sông Tiền với con nước rờn đang chảy băng băng ra biển cả. Phía bên kia còn Tàu ngày xưa, bây giờ là xã Tân Long với những chiếc ghe lưới đậu nối dài. Phía xa hơn một chút là Cồn Phụng, đã một thời là giang sơn lãnh thổ của ông Đạo Dừa Nguyễn Thành Nam. Một người vào thời Pháp thuộc, đã đi Tây học mang một bằng cấp kỹ sư hoá học đem về. Nhưng ông Nguyễn Thành Nam không làm với cái nghề kỹ sư mà thời đó đã có nhiều người mơ ước. Ông lên vùng bảy núi Thất Sơn Châu Đốc tâm sự học đạo. Sau bao năm khổ hạnh, khi xuống núi ông lập ra một Giáo Phái Đạo Dừa, với những bài kinh, bài kệ, bài giảng do ông tự viết ra để truyền rao trong bá tánh. Nhưng rồi cái đạo của ông cũng không còn, khi đất nước đổi chủ, quần thể Đạo Dừa trên Cồn Phụng cũng bị san bằng. Ở nơi đó bây giờ là khu du lịch vui chơi. Không biết rồi đây có còn ai nhắc tới, một giáo phái, một con người kỳ dị đã từng xé bỏ bằng cấp kỹ sư để làm một ông thầy tu khổ hạnh. Hằng ngày chỉ có uống nước dừa rồi ngồi tụng kinh cầu an cho bá tánh. Ngôi năm này sang năm khác, đến nỗi xương sống của ông co lại đóng thành vôi, nên ông đứng trong chiếc Taxi chỉ ló lên có một cái đầu. Đó là ông Đạo Dừa hiện nay chỉ còn lờ mờ trong huyền thoại. Mà ngày xưa ông đã dám bán hết điền sản của mình, để mua Cồn Phụng làm chỗ



giảng đạo khai kinh. Nhưng khi chết chấm dứt của một kiếp

người, thì ông Đạo Dừa Nguyễn Thành Nam cũng nằm ở một nơi hiu quạnh.

Tôi nhìn thầy Công đang đưa mắt nhìn lên hướng cầu Rạch Miễu, chắc thầy đang bút rút xốn xang. Khi nhớ lại những chuyện Bắc đi sớm về khuya của từng em học sinh, từng cuộc đời công chức. Thình thoảng thầy lại chép miệng thở dài, đó là hoài niệm của một nhà văn, mà cũng là hoài niệm của ông nhà giáo.

Thầy Công kể với tôi ngày làm lễ thông cầu, nó quan trọng cho ai. Nhưng với thầy nó lại là một nỗi buồn man mác. Bởi thầy khi sanh ra đã gắn liền với bên Bắc Rạch Miễu này rồi, làm sao quên những tiếng rao hàng, những bước chân trần hối hả khi chiếc Bắc sắp nhổ neo. Bao nhiêu kỷ niệm dường như đang hiện về theo nỗi nhớ. Tôi nhìn thầy, rồi nhìn lại tôi. Bao nhiêu năm lang bạc xứ người, bây giờ về lại ngồi đây, để nghe tuổi thơ, tuổi học trò của mình đang thức giấc.

Thầy Công là một người rất nặng nợ nhà quê. Nhứt là ngôi làng Tân Thạch. Ở nơi đó đã có con Rạch Miễu, rồi Vàm Rạch Miễu, trường tiểu học Rạch Miễu, miếu bà Rạch Miễu. Bao nhiêu thứ đó nó đã hun đúc vào người thầy, vào một ông giáo làng đã tốt nghiệp trường sư phạm năm xưa, để bây giờ cũng vẫn là một ông giáo làng “ngày ấy”. Nhìn thầy, cách sống của thầy. Theo tôi, thì nó cũng vẫn là người của muôn năm cũ. Cho dầu sự thế đổi thay, nhưng với thầy Công trước sau thì cũng vậy.

Thường ngày thì thầy chỉ có chiếc xe đạp làm chun. Ai chạy Honda đi gió về mây về mặt. Trong khi đó thì thầy vẫn với chiếc xe đạp cà tàng, ai tới đâu thì thầy cũng tới đó. Tuy có chậm, muộn hơn nhưng chuyện đó có hề gì. Miễn sao cuộc sống được tự do, đừng bị lệ thuộc vào người khác. Tôi nhớ có lần họp bạn, rồi rủ nhau đi xuống tiệm cơm chay chùa Vĩnh Tràng để ăn trưa. Trong khi mọi người từ trong quán cà phê Vườn Hoa đi ra, lo móc chìa khoá Honda để máy, thì thầy ung dung như một ông đạo sĩ. Thót lên yên xe đạp, rồi thông thả đạp đi, vừa nhìn trời nhìn đất, nhìn thể thái nhân tình. Nhìn cảnh đó tôi vừa tâm đắc, vừa thần phục. Ao ước đến một lúc nào đó, tôi cũng có được cuộc sống như thầy.



Tôi cũng không biết thầy viết nhạc bằng cách nào. Vì tôi có đến nhà thầy, chẳng thấy một cây đàn nào cả. Chỉ thấy có một cái Computer kê trong phòng khách rộng, bên cạnh đó là cái đi văng để nghỉ trưa. Sự đơn giản của thầy trong đời sống, đến mức không còn đơn giản thêm được nữa.



### Mỹ Tho Tình Yêu Muôn Thuở

Mặc Nhân TVC

Mé So có gái Mé So người yêu muôn thuở Mé  
So ngày nào đất rộng trời cao tình ta vẫn mãi đạt dào.  
Mé so ta nhớ Mé So dòng sông Bảo Định chứa  
chạm nhìn sang cồn Rống lộng gió lộng nhìn mấy chiếc bướm vàng.

dắt người đọc đi vào ngõ cụt.

Tôi thâm ao ước, học trò của thầy, bạn hữu của thầy sẽ chung tay góp sức lại để hằng năm, tới ngày sinh nhật của thầy, in và phát hành một vài tác phẩm của thầy Tân Văn Công. Nếu chúng ta làm được điều đó, cũng có nghĩa là góp phần phát huy văn hoá, và cũng là đền đáp công lao xứng đáng của một ông già đã 87 tuổi rồi còn cặm cụi ngồi trên chiếc máy Computer.

Một điều ước mơ tuy không quá đáng, nhưng liệu rồi đây có thực hiện hay không, là còn tùy thuộc với những người đang yêu thích văn thơ. Nhứt là những người Việt kiều đã từng về ghé thăm thầy, hát nhạc của thầy, ca bài ca vọng cổ của thầy, thì tại sao chúng ta không chung tay góp sức lại để làm một việc rất có

Tôi nhớ cách nay cũng khá lâu. Tôi có viết một bài báo về thầy, chỉ giới thiệu vài bản nhạc của thầy do ca sĩ Thanh Hoa hát. Hôm nay tôi muốn viết về thầy Công, một bài viết thật sự mang một ý nghĩa của kiếp con người. Nhưng liệu tôi có diễn tả được hay không, cái đó còn tùy thuộc từng cảm nghĩ của mỗi người khi đọc. Còn tôi thì chỉ viết theo dòng cảm xúc trào dâng, chớ tôi cũng không muốn dẫn

ích cho mai sau. Hơn nữa nếu xét về mặt giá trị văn chương, thì những tác phẩm của thầy không thể bỏ nằm trong bóng tối. Chúng ta cần phải lên kế hoạch, mỗi năm phải phát hành, để thúc đẩy những đứa con tinh thần của thầy Công đi tới từng gia đình, từng độc giả, từng tủ sách để giựt dây một nền văn chương Nam Bộ đang bỏ ngỏ từ mấy năm qua.

Bởi tôi cũng là một người cầm viết, tôi biết rõ tâm tư của nhà văn, nhà thơ họ muốn cái gì. Họ không muốn giàu sang phú quý, mà họ chỉ muốn những đứa con tinh thần của họ được sinh ra, rồi lớn lên trong lòng độc giả. Tôi tin rằng thầy Công cũng như tôi, như mọi người chớ không có gì ngoại lệ.

Tôi mở máy Computer lên dò đọc từng tác phẩm của thầy. Nhưt là bài thơ Thiếu Phụ Sầu Ngâm của cô Lê Hằng sáng tác, được thầy phổ nhạc không sửa một chữ do ca sĩ Thanh Hoa hát qua thể điệu Tango. Giọng người Huế, đang cư trú trên đất Mỹ Tho, nó lãnh lớt khi lên cao, nó trầm mình khi xuống thấp, làm cho tôi nghe đi nghe lại tới mấy lần. Rồi hôm nay khi ngọn gió chướng thổi phàn phật sau hè, thì tôi nhận Mail của thầy cho biết; là cô Lê Hằng đang bị bệnh bẻ mạch máu nằm sâu trong giác mạc không thấy đường, đang nằm điều trị ở nhà thương Thống Nhất Sài Gòn. Thế là trong tập thơ Tình Muộn của thầy lại kết thúc rất bi ai. Liệu rồi đây thầy Công sẽ nghĩ gì, làm gì với một thiên tình sử người thơ, mà cô Lê Hằng cũng là một niềm cảm xúc.

Tôi nhớ có lần thầy kể, là mỗi sáng như một thói quen. Thầy Công đi ra trước cửa nhà, nhìn qua khe cửa thì thấy một miếng giấy gói nhỏ nhét vào trong đó. Thầy lấy vô đọc với sự hồi hộp trong lòng, rồi thầy họa lại gởi đi. Mỗi tình thơ như vậy cứ lớn đầy theo năm tháng. Mỗi tình thơ đó, có thật giữa cuộc sống hiện nay, có người không tin, cho rằng đó là cơn mộng ảo. Nhưng với tôi, đó là một mối tình thơ rất đẹp, mà thầy Công rất may mắn mới có được trong lúc tuổi về chiều. Như mối tình Từ Thức & Giáng Tiên, liệu rồi đây người đời mấy ai có được.

Ngày xưa trong truyện Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu thì có Lục Vân Tiên “công mẹ chạy ra, đụng phải cột nhà cồng mẹ chạy vô”. Ngày nay thầy Công đã già mà còn óm yếu, liệu thầy phải làm gì, có dám làm Lục Vân Tiên không, hay là thầy chỉ

ngâm ngùi rồi ngồi sáng tác, để đa tạ tấm lòng tri kỷ của người “Thiếu Phụ Sầu Ngâm”, đã một thời đi chung trên con đường Nguyễn Huệ.

Nhưng hôm nay thầy Công chỉ có một mình, nên con đường hun hút dài thêm, khi mỗi chiều thầy bước ra nhìn nắng úa rớt nhẹ bên thềm. Rồi đây còn ai “xương” cho thầy “hoa” lại để trút hết nỗi niềm, cho dầu đó chỉ là một mối tình thơ không bao giờ có ngày hợp cần. Nhưng hề gì, bởi đó là mối tình thơ./

## Phùng Nhân



*Sông Nước Mỹ Tho. Ảnh từ Internet*

# THẦY TÔI

Lê Văn

Hồi Ký 74

**L**ần đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ, lòng tôi cảm thấy bồi hồi xúc động, có đôi chút ngỡ ngàng. Cái gì cũng lạ, cũng đẹp, sao người ta vẫn minh quá, nghĩ lại tôi thấy mình giống hệt như anh gác áo mới về thành.

Trạm dừng chân đầu tiên của tôi trên đất Mỹ là San Francisco. Nghỉ tại đây một đêm, sáng hôm sau bay qua Washington DC. Người hướng dẫn đưa tôi về nghỉ tại một khách sạn gần Dupont Circle.

Ngày ngày hôm sau, tôi nhận nguyên một lịch trình làm việc trong suốt thời gian tôi sinh hoạt tại Hoa kỳ. Đồng thời, tôi cũng nhận một thư mời dự lễ Quốc khánh 1/11/1974 của Tòa Đại sứ VNCH tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Rất vui mừng vì sẽ được gặp lại nhiều đồng hương của tôi. Từ khách sạn đến Tòa đại sứ, tôi đi taxi chỉ mất khoảng 15 phút. Đúng như giờ đã định, tôi có mặt tại Tòa Đại Sứ và được đón tiếp thân mật.

Ông Đại sứ cùng các viên chức của ông tiếp đón các khách mời. Vừa ăn uống vừa nói chuyện vui vẻ. Gặp tôi mọi người cũng chào hỏi xã giao. Có người thân mật hơn, đã hỏi tôi:

- Anh đến Mỹ hôm nào?
- Anh thấy sinh hoạt ở Mỹ ra sao?
- Tình hình bên nhà ra sao rồi? Chắc là đánh nhau với Việt cộng dữ lắm phải không?

Rất nhiều câu hỏi tựu trung là vấn đề chiến trận ở Việt Nam. Được dịp tôi cũng kể một vài sự việc điển hình đã xảy ra ở VN trong thời gian gần đây, Mùa Hè đỏ lửa 72. Đánh nhau

dữ dội lắm, thiệt hại đôi bên khá nhiều, nhưng người khổ nhất vẫn là dân. Nói chung bầu không khí rất vui vẻ và cởi mở. Tôi đảo mắt nhìn quanh, không có một gương mặt quen thuộc nào. Nhưng rồi thoáng chốc, ánh mắt tôi chợt dừng lại trước một gương mặt quen quen. Khuôn mặt ẩn sau cặp kính gọng đôi màu đậm màu. Đôi mắt này, dáng vẻ này, sao quen thuộc. Tôi tiến gần, gần hơn nữa... Tôi kín đáo quan sát. Vị khách là một người cao niên, tóc điểm sương, mang cặp kính mà hình như tôi đã được thấy nhiều lần. Tôi cố moi trong trí nhớ của mình. Quen thuộc lắm, và rất giống một người. Tôi chậm chậm đến gần, đến gần hơn chút nữa.

Tôi vừa chợt nhận ra. Không lẽ nào??? Tôi tiến nhanh hơn đến vị khách

Tôi dừng lại...

- Dạ thưa...

Người khách cũng bắt đầu nhìn lại tôi. Ông có vẻ ngạc nhiên về thái độ và sự xuất hiện của tôi.

- Dạ thưa...ông...

Tôi ngập ngừng - Tôi thăm nghĩ "có đúng không?".

- Dạ thưa ... Thầy... có phải là Thầy Tế của con không?

Nghe tôi hỏi, vị khách đứng dậy ngay, kéo trể cặp kiếng xuống và nhìn thẳng vào mặt tôi.

- Thầy đây! Thầy là Thầy Tế đây. Sao em biết Thầy?

Nói xong, hai tay Thầy vịn vào vai tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi rồi Thầy đẩy nhẹ tôi ra nhìn kỹ hơn nữa..

- Em.. em... có phải là J... không?

Trời ơi tôi muốn khóc. Sao Thầy lại nhớ tôi, nhớ cả cái tên hồi xưa của tôi nữa.

- Thầy ơi, con J. đây.

Rồi hai thầy trò ôm nhau thân thiết. Tình nghĩa thầy trò gặp nhau ở xứ người khiến tôi không bao giờ quên được giây phút êm đềm ấy. Tôi rướm lệ nhưng cố kìm lại.

Qua trao đổi chuyện trò, được biết con gái của thầy là vợ của ông Đệ nhất Tham vụ Tòa Đại sứ. Thầy theo con sang Mỹ cũng đã nhiều năm rồi.

- Có phải cậu của con là giáo sư Lâm không?

- Dạ thưa phải, nhưng cậu đã mất rồi.

Cậu tôi và Thầy thân nhau lắm, lúc còn dạy học ở Nguyễn Đình Chiểu. Thầy Tế dạy Anh văn, cậu tôi dạy Việt văn. Hai người rất tâm đầu ý hợp. Chiều nào tôi cũng thấy hai người thả bộ trong khuôn viên trường vừa trò chuyện vừa vận động thể dục.

Trường Nguyễn đình Chiểu có một dãy nhà "tôn" dành cho các giáo sư ở. Cậu tôi ở căn đầu, tôi ở trọ với cậu. Thầy Tế ở căn kế bên. Sáng nào đi học, tôi cũng phải đi ngang căn phòng của Thầy, gặp Thầy mỗi ngày, năm này sang năm khác. Thế cho nên dù cách xa hơn 10 năm, tôi vẫn nhớ Thầy. Điều cảm động nhất là Thầy vẫn nhớ tôi, gọi cả tên tôi nữa.

- Hiện con làm gì ở Việt Nam?

- Dạ, con làm việc tại địa phương, sang đây tu nghiệp xong sẽ trở về quê nhà.

- Nghe nói lúc này đánh nhau vởi Việt cộng dữ lắm phải không?

- Dạ, rất khốc liệt, dân chúng khổ lắm, không biết đến bao giờ được bình yên.

Nhìn kỹ Thầy, tôi thấy Thầy có vẻ gầy hơn xưa, tóc đã điểm sương nhưng dáng vẫn còn cương nghị.

- Con có tin tức gì về Thầy Lược, thầy Át, thầy An không?

- Dạ thưa thầy Lược được chuyển về làm Hiệu trưởng trường Petrus Ký, còn thầy An, thầy Át vẫn còn dạy Toán Nguyễn đình Chiểu.

Hai thầy trò hàn huyên tâm sự quên cả ăn uống. Xung quanh tôi mọi người cười nói xôn xao. Ông Đại sứ ngó lờn cảm ơn quan khách và tới lui trò chuyện chúc tụng lẫn nhau.

- Chùng nào con trở về Việt Nam nhớ cho Thầy gửi lời thăm hỏi sức khỏe các bạn học của con cũng như học trò của Thầy ngày xưa. Hy vọng có ngày Thầy trò mình gặp lại nhau.

Tôi cúi đầu chào Thầy, ôm Thầy thật chặt một lần nữa, tôi muốn khóc. Ôi những người Thầy của tôi. Thầy tôi! Không bao giờ quên... Không bao giờ quên... Tinh thầy trò là như thế đó. Dù thời gian xa cách nhưng "*Công Cha Nghĩa Mẹ Ôn Thầy*" thì đời không thể nào quên được.

Giả tử thầy Tế, tôi trở về khách sạn, mang theo một kỷ niệm đầy thương yêu. Từ lúc cấp sách đến trường học vỡ lòng cho đến khi thành đạt, học đường là nơi cho tôi nhiều kỷ niệm êm đềm nhất, và ngôi trường mà tôi theo học lâu nhất là trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Khoảnh khắc mà đã mấy chục năm. Tôi còn nhớ lúc tôi mới vào Nguyễn Đình Chiểu, trường có tên Pháp là "École Le Myre De Vilers" sau đổi lại là Lycée Nguyễn Đình Chiểu sau cùng là Trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu. Đầu thập niên 50, trường vẫn dạy theo chương trình Pháp. Về sau tôi không nhớ rõ năm nào, tiếng Anh được đưa vào chương trình giảng dạy. Kể từ đó Anh ngữ trở thành ngoại ngữ. Năm tôi học Đệ Tứ, thầy Uyên dạy Anh Văn. Thầy vừa tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm Saigon. Ngày đầu tiên vào lớp, Thầy nói tiếng Anh liên tục

- Good morning, today, I....

Thầy đi tới đi lui trong lớp, khi lên giọng, khi xuống giọng. Cả lớp ngồi im thính thích!!

Thầy chợt ngừng lại và hỏi chúng tôi bằng tiếng Việt:

- Các em có nghe được không, các em có hiểu gì không?

Không có ai trả lời "yes" hay "no".

Thầy Uyên nhìn chúng tôi với dáng hiền hòa, nói:

- Học ngoại ngữ không phải khó nhưng cũng không dễ. Các em phải cố gắng học vì sau này khi vào Đại học, ngoại ngữ rất cần cho các em.

Sang năm sau, vào Đệ Tam. Đây là năm nhàn nhứt vì không có thi cử gì cả. Thời ấy, chúng tôi thường đùa với nhau là "năm dưỡng già".

Đến năm Đệ Nhị, mọi người đều ráng sức học để thi Tú Tài I. Đây là ngưỡng cửa vô cùng quan trọng để tiến vào Đại học. Tôi được may mắn là học với các giáo sư giỏi, nổi tiếng nhất của trường Nguyễn Đình Chiểu, chẳng hạn như: Thầy An dạy Toán, Thầy Tài dạy Lý Hóa, thầy Lược dạy Sử Địa... Ngoài ra còn có một số bạn bè thân thiết cùng nhau học tập, trau dồi kiến thức. Bạn thân nhứt của tôi lúc ấy là Hiếu, Thu Đen, Châu Euler, Tài cây da. Chúng tôi thường tụ tập ở nhà Hiếu hoặc nhà Tài để làm Toán, Lý hóa.. Bọn tôi tạo thành một nhóm chơi với nhau từ thuở học trò cho đến bây giờ. Nói chung các bạn bè của tôi đều khá thành công.

Cuối năm Đệ nhứt, tất cả anh em chúng tôi đều đậu Tú tài II, đi vào Đại học. Thành quả đó là do sự đào luyện của các Thầy Cô trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu. Công ơn này, chúng tôi không bao giờ quên. Sau này tôi thường nói với các bạn bè:

- Chúng ta có 3 người Thầy:
- Cha mẹ là Thầy của chúng ta trong gia đình và ngoài xã hội
- Thầy của chúng ta trong suốt cả cuộc đời làm người của chúng ta.
- Thầy ở trường học, dạy dỗ chúng ta từ lớp vỡ lòng cho đến khi chúng ta tốt nghiệp.
- Bạn bè cũng là Thầy của chúng ta, cho chúng ta nhiều kinh nghiệm bổ ích, nhiều sáng kiến hay để chúng ta dung nạp trong cuộc sống của mình.

Nói chung: "*Không Thầy Đố Mây Làm Nên*".

Thầy là người dẫn dắt, là kim chỉ nam, là tấm gương soi đường cho chúng ta sống đẹp, sống hữu ích trong cuộc đời bon chen và thử thách.

LÊ VĂN





# MỸ THO NỖI NHỚ

Nguyễn Kim

**N**hận được thư mời dự Đại hội thường niên NĐC-LNH, lòng tôi rạo rức khôn nguôi. Những kỷ niệm lúc ở Việt Nam bỗng nhiên sống dậy. Trước mắt tôi những thước phim về niềm thương nỗi nhớ quê hương đang từ từ quay chậm...

Mỹ Tho hai tiếng thân thương đó làm sao Tôi quên được nơi đất khách quê người. Mỹ Tho, nơi có biết bao nhiêu kỷ niệm trong những ngày thơ ấu bên cạnh có cha mẹ, chị em, có bạn bè người thân, có thầy cô trường lớp, có đồng quê ruộng lúa, có nước lớn nước ròng và còn có không biết bao nhiêu cái nữa để mà nhớ mà thương ...

... Rời khỏi bên xe miền Tây, chiếc xe đồ Sài Gòn - Mỹ Tho chạy nhanh trên đường bỏ lại sau lưng những âm thanh hỗn độn, những tiếng rao bán hàng của những đứa trẻ đáng thương kiếm từng cật từng đồng từ những bịch nước trà đá. Xe chạy qua khỏi Bình Chánh, Bến Lức, Gò Đen, Tân An, Khánh Hậu tự lúc nào. Tôi vẫn mơ màng dán mắt vào những đám mạ non xanh biếc trên những cánh đồng lúa bạt ngàn, ẩn hiện từ xa những rặng tre già đang che bóng mát cho đàn trâu nhai cỏ, xa xa mái tranh nghèo nhà ai đang nhả khói. Hai bên đường những bập dờn nước đang áp đầy trái, hoa tím lục bình đang nhấp nhô lên xuống theo con nước lớn tràn về... Xe đã tới Tân Hương, Tân Hiệp tự bao giờ. Tại ngã ba Trung Lương có một bảng hiệu giao thông. Mũi tên đi lên là đường về Long An - Sài Gòn, mũi tên đi ngang là đường đi cầu Mỹ Thuận, còn mũi tên đi xuống là đường vào thành phố Mỹ Tho. Đây là con đường đi vào quê hương tôi đó... Nhớ mỗi lần về đến đây, nếu đi Honda thì không thể nào không ghé ngã ba Trung Lương để ăn hủ tiếu Trung Lương, còn nếu ngồi trên xe đồ thì với giá nào cũng ngoái cổ lại để ngó vào tiệm mà mình đã ăn ở đó...

Con đường Lê Lợi chạy dọc từ bót Tam Bạng ra đến công viên Lạc Hồng là con đường nhà tôi đó. Con đường thân thương với hai hàng cây me, cây dái ngựa rợp bóng hai bên đường. Nơi tôi sinh ra và lớn lên nằm trong dãy phố của thầy Hải. Phía bên dãy nhà tôi có nhà thầy Quan Cầu làm giám thị, nhà thầy Đồ giảng dạy học, nhà chú Lìn bán hủ tiếu ở chợ hàng Bông, nhà bà Tám Ve có depot nước đá, xa đằng kia có trường Việt Tú, có ngôi nhà cổ của gia đình họ Tăng mà chị Tăng Hậu học cùng trường. Bên kia đường có villa của Ông Tám Tài Thú y, có nhà thương Ông Kiên Bá, có nhà hàng Khai, má nó nấu cơm tháng cho các thầy cô giáo. Về phía góc đường Nguyễn Huệ - Ngô Quyền có tiệm thuốc tây Huỳnh Hữu Tạo, ngay tại góc tiệm có xe đậu đỗ bánh lọt mà mỗi buổi trưa nào tôi lại không ghé bước. Sau ngày ba mươi tháng Tư, giã từ Bến Tre, Tôi về dạy học tại trường Nguyễn Đình Chiểu, dư giờ thì đạp xe đạp đi công trước, còn lúc trễ giờ thì chui lỗ chó ở phía sau trường, cũng chính cái lỗ chó này mà đám học sinh đi tắt bị Giám thị rượt chạy có cờ... Chợ hàng Bông nằm đối diện dãy phòng thí nghiệm của trường Nguyễn Đình Chiểu là nơi tôi ăn hàng nhiều nhất. Trước hết phải kể đến tiệm hủ tiếu chú Lìn nằm ngay đầu góc chợ. Hủ tiếu chú Lìn có nước lèo nấu trong một nồi bằng thau có khô mực tôm khô và đặc biệt kèm theo một tô xí quách là hết sảy. Nhớ đến hủ tiếu Mỹ Tho là nhớ đến quê hương, về đến Mỹ Tho mà không ăn hủ tiếu là một điều đáng tiếc. Trước tiệm thuốc tây Bình Dân có xe bánh mì chín ngón bởi vì chủ xe này chỉ có chín ngón tay mà thôi, đặc biệt với bánh mì có thịt xá xíu với nước sauce tương rất đậm đà. Xe bánh mì rất đắt, buổi sáng và lúc tan học về học sinh mang phù hiệu trường Nguyễn Đình Chiểu đứng chật nức để chờ mua. Ở tại chợ lại còn có món chuối nướng bọc lớp nếp trộn dừa, có món gói giò rau thơm, nước lèo chua chua ngọt ngọt và đặc biệt nhất là vào buổi tối khi đói bụng là chị em tôi đi bộ ra chợ ăn món bánh bèo chan nước cốt dừa... Nhớ những lúc chuẩn bị cho các kỳ thi tốt nghiệp bộ sáu bạn thân chúng tôi rủ nhau lên hăng nước mắm của ba con nhỏ Thảo để học nhóm, chúng tôi đi lòng vòng trong chợ Vòng Nhỏ mua đồ ăn rồi chui vào bọng ghe lật úp ăn hàng nói dóc chứ có học hành gì đâu!. Nhớ lại lúc đó, học thì cũng dữ mà chơi thì cũng không vừa. Còng lưng đạp xe xuống bên Tấm ngựa nằm cuối đường Nguyễn Huỳnh Đức để xem mặt các Ông Trùm, vì nghe nói nơi đây là sào huyệt của các

anh chị du đàng và là nơi đậu ghe của giới thương hồ. Đi chơi suốt buổi sáng cũng chưa chịu về nhà. Gởi xe đạp ở bên đò đầu công viên Lạc Hồng, xuống đò qua tận cù lao Tân Long. Nhớ hôm đó sóng to, thuyền chông chênh lắc lư muốn lật úp, cả bọn sợ hết hồn khiếp vía. Tân Long là một phường của thành phố Mỹ Tho nằm trên cù lao Tân Long được bọc xung quanh toàn là những rặng cây bần, cây dừa nước, rậm xanh bóng mát của vườn nhãn, vườn xoài. Cái thú thích nhất của bọn học trò chúng tôi là hay rủ nhau ra công viên Lạc Hồng đứng nhìn những con thuyền ngược xuôi theo dòng nước. Nhìn xa xa qua phía cồn Tân Long nổi bật trên nền xanh của cây, của lá, là những nóc nhà ngói đỏ. Gió chiều hay ru vào lòng mỗi đứa những suy nghĩ nhưng nhớ mông lung. Hình ảnh này nay còn đâu nữa!!!. Không bỏ sót, bọn này lại đèo nhau xuống tận chùa Vĩnh Tràng với kiến trúc Á Âu ở ấp Mỹ An, xã Mỹ Phong. Đây là điểm hành hương và du lịch nổi tiếng của tỉnh Tiền Giang. Mỗi lần đến đây chúng tôi đi lòng vòng xung quanh chùa ngắm các tượng phật và phong cảnh rồi mới vào chánh điện chấp tay lâm râm niệm Phật cầu nợ, cầu danh, cầu duyên, cầu phận... Cứ mỗi lần xuống chùa Vĩnh Tràng là chúng tôi cũng tìm cách đi ngang qua Cầu Quay. Cây cầu này bắt qua kinh Bảo Định giúp cho dân ở phía bên Chợ Cũ đi qua lại thành phố Mỹ Tho dễ dàng. Cây cầu trải qua nhiều thăng trầm và cũng nhiều lần sửa lại. Ngay ở góc Cầu Quay có quán bán cháo trắng ăn với thịt phá lấu, lại có tiệm bán bánh mì xíu mại mà Ba tôi thường hay dẫn chị em chúng tôi đi ăn. Những ngày rằm chúng tôi hay đến ăn hủ tiếu chay cây Bồ Đề... Nói đến chuyện ăn uống kể làm sao cho hết!

Nhớ lại ở phía trước nhà tôi là bến xe lam xe ngựa. Ông Hai xe ngựa dáng người gầy gầy nhỏ con nhưng rất khỏe mạnh và tháo vát. Khoảng năm giờ sáng đã nghe tiếng xe ngựa lạch cạch trước nhà. Ông Hai đỡ người từ Trung Lương xuống, họ đi bán trái cây chợ hàng Bông rồi mua đồ ăn trở về. Còn chú Tư xe lam xì xích tiếng máy nổ khói xăng bay ra mù mịt cũng lấy khách từ Tân Hiệp, Bến Chùa. Hai bác tài xế này ngồi trong thùng xe lam nhâm nhi vài ba ly rượu để với tô xí quách hay với con khô mực nướng chờ đưa khách về. Những hình ảnh này bao giờ thấy lại!! Đâu có chỗ nào mà chúng tôi bỏ sót... Nào vườn mận Bến Chùa Trung Lương, nào cầu Vĩ bắt qua sông Bảo Định, nào Giếng

nước Mỹ Tho, nào đất Thánh Tây, chúng tôi cũng mò tới nào đâu có sợ bao giờ!! Lại còn một nỗi nhớ nữa mà chắc có lẽ là không bao giờ quên. Đó là bến phà Rạch Miễu. Khi về đến Mỹ Tho, không ai không biết đến bến phà này. Nó đưa rước khách từ thành phố Mỹ Tho qua lại tỉnh Bến Tre. Bến phà này đã để lại cho tôi bao nỗi nhớ khôn nguôi. Lúc còn đi học, bọn năm chúng tôi rủ nhau qua phà Rạch Miễu đến thị xã Tân Thạch, đi lòng vòng trong chợ rồi xuống ghe qua cù lao Thới Sơn, đến cồn Phụng Đạo Dừa, với nhiều mương rạch chằng chịt, đủ loại cây ăn trái, no nê thỏa thích tại vườn rồi xuống ghe mà về. Về đến nhà trời đã đỏ đèn, thấy Ba tôi đã đứng chờ ngoài cổng tôi vừa sợ mà nước mắt lưng tròng!! Cũng bến phà này Ba tôi đã qua lại hàng tuần. Ông đạp xe đạp về tận Giao Hòa, Bến Tre để chở trái cây về cho chị em chúng tôi ăn. Mơ ước cây cầu Rạch Miễu sớm hoàn thành để Ba tôi đỡ vất vả khi đi qua phà, nhưng giấc mơ chưa thành thì Ba tôi đã ra đi!!!. Và cũng trên chuyến phà này một tuần lễ ba lần tôi phải đi đi về về dạy học ở thị xã Bến Tre trong những ngày đạn bom tới tấp!!

Đèn Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ  
 Đèn Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu  
 Anh về học lấy chữ nhu  
 Chín trắng Em đợi  
 Mười thu Em chờ

Bốn câu này trở thành câu hát, câu hò, lời ru cho voi nổi nhớ. Bến sông con đò, phấn trắng thầy cô, con đường hằng ngày qua lại và còn , còn nhiều hơn nữa... Nay chỉ còn là nỗi nhớ, niềm thương của những người xa xứ !!!



# TÌNH YÊU MONG MANH

**Nguyễn Trần**

**T**ừ ngàn xưa, hình như là tạo hóa không thích những cặp trai gái yêu nhau quá sớm hay nói rõ hơn là ở tuổi ô mai nên ở trên cõi đời này ít thấy mối tình đầu nào được đi tới nơi tới chốn mà cứ toàn là cái màn "giữa đường gãy gánh" thôi.

Chuyện tôi kể ra đây là mối tình đầu của tôi và cũng là mối tình đầu của Thy, cô bé lồi xóm cách nhà tôi đúng 3 căn. Một cuộc tình khởi đầu trong êm đềm thơ mộng để rồi cũng không ra ngoài thông lệ cay đắng đó. Năm ấy, tôi học lớp đệ nhất trường Nguyễn Đình Chiểu còn Thy thì... mới có đệ lục trường Lê Ngọc Hân. Tuy nhỏ hơn tôi tới 6 tuổi nhưng có lẽ trở mã trước tuổi nên Thy trông đẹp và có dáng thiếu nữ lắm. Ngoài ra Thy khá cao ráo, cao còn hơn cả tôi lúc đó nữa. Thực ra, mấy năm trước tôi còn ham chơi nên nào có để để ý gì cái cô hàng xóm xinh xinh này đâu. Mãi cho tới khi đi gần hết bậc trung học phải bớt đi chơi để mà lo chí thú học hành cho tương lai đời mình thì cũng là lúc tôi mới để ý tới cái cô hàng xóm này và từ đó hình bóng Thy đã xâm chiếm tâm tư tôi từ hồi nào hông biết. Thế là tôi bắt đầu len lén nhìn nàng mỗi khi hai đứa chạm mặt nhau. Hoàn cảnh lồi xóm theo cái kiểu Nguyễn Bính:

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi*

nhưng khác Nguyễn Bính ở chỗ:

*Nhưng không có giậu mồng tơi xanh rờn*

(đúng ra là cách 2 căn nhưng thôi tôi cứ cho nó bên cạnh cho nó thêm gần gũi hơn, cũng đâu có chết ai phải không?) chính vì không gần cách bởi giậu mồng tơi nên tôi lại càng có nhiều cơ hội ngắm dung nhan nàng.

Và một thời gian sau, Thy với linh tính bén nhạy của con gái đã phát giác ra là cái anh chàng lối xóm này ưa nhìn trộm mình và trời ơi! Tôi có mơ không mà thấy nàng cũng nhìn lại tội cười cười nữa chớ. Cứ cái màn nhìn nhau không nói như thế một thời gian sau tình yêu đã thăng hoa trong trái tim chàng thư sinh tay trắng mộng đầy và hơn nữa cũng không còn bao lâu tôi phải lên Sài Gòn học nên tôi quyết định phải tỏ tình với nàng cho kịp. Tưởng cũng nên nói thêm là trai gái thời tụi tôi còn nhút nhát lắm nên cái mode thời thượng nhất bấy giờ mà viết thơ tỏ tình. Tôi bèn gom hết chữ nghĩa học từ thầy Nhi, thầy Bút (các giáo sư Việt Vãn) để viết lá thư tình trên giấy pelure hồng mà lời thư không biết có cái lương lắm không?

*Thy ơi!*

*Nếu có bao giờ Thy nghĩ rằng có một người con trai nào đó yêu thương Thy với cả một tâm lòng bao la chất ngất thì chính là lúc này đây, lúc mà Thy đọc lá thư này và người con trai đó chính là tôi. Thú thật là tôi đã yêu Thy từng giây từng phút và mơ mộng cả một trời hạnh phúc trong đó chỉ có riêng Thy và tôi. Tôi đang mong chờ thư trả lời của Thy như một người lữ hành trên sa mạc trông chờ giọt mưa tưới mát cõi lòng khô cằn.*

*Tuấn.*

Kể tiếp, tôi dán lá thư kín lại và nhờ bé Kim ở ngang nhà Thy làm con nhen đưa thư. Kể từ đó, lòng tôi vừa thấp thòm lo âu vừa trông ngóng đợi chờ như một sĩ tử đang chờ kết quả trường thi. Và ngay hôm sau, bé Kim chạy thẳng vào nhà đưa thư Thy trả lời tôi. Tôi vừa vui mừng và hồi hộp run run mở thư ra với hàng chữ tròn to của Thy:

*Anh Tuấn ơi!*

*Thy rất xúc động khi được thơ anh. Thy không ngờ là Thy còn nhỏ quá mà anh đã yêu Thy rồi sao? Nhưng mà anh ơi! Thy cũng yêu anh nữa đó. Thy mong rằng với tuổi đời kinh nghiệm, anh sẽ chỉ dạy cho Thy nhiều nha! Thy còn khờ dại lắm đó.*

*Em Thy.*

(Cái câu “Thy còn nhỏ quá mà anh đã yêu Thy rồi sao?” thì ở bên Mỹ này tác giả dám bị kết tội dụ dỗ gái vị thành niên đó nha)

Trời ơi! Thật là khó diễn tả nỗi vui mừng của tôi lúc đó. Tổng Thống thứ 35 của Mỹ John Kennedy khi hay tin mình đắc cử Tổng Thống chắc cũng sung sướng hân hoan cỡ tôi bấy giờ là cùng. Ai mà ngờ đâu Thy cũng yêu mình, thiệt là có mơ tôi cũng hồng dắm mơ như vậy.

Kể từ đó Thy và tôi thực sự yêu nhau. Và đó là mối tình nhẹ nhàng thơ mộng rất là học trò của hai đứa chúng tôi. Vì Mỹ Tho là một tỉnh nhỏ rất dễ bị thiên hạ dòm ngó nên chúng tôi rất ít dám tiếp xúc nhau mà thường chỉ thư từ qua lại qua con nạm bé Kim mà chúng tôi đã cho tiền nó không ít. Lâu lâu vì quá yêu thương nhau, Thy và tôi cũng đánh liêu dẫn nhau xem chiếu bóng, tới vườn hoa Lạc Hồng tâm tình hay vô chùa Vĩnh Tràng để nói cho nhau những ước vọng tương lai hai đứa. Tình yêu chúng tôi thật trong sáng thánh thiện với sự yêu thương tôn trọng lẫn nhau. Nhiều lúc không dẫn được con sóng tình dâng tràn, tôi chỉ có hôn nhẹ lên mái tóc nàng rồi thôi vì Thy của tôi còn nhỏ quá mà. Tôi bắt đầu tập tành làm thơ để diễn đạt nỗi lòng và tình yêu mình mà đôi khi có hơi cường điệu:

*Người ơi! Có nhớ tôi không?  
Nơi đây tôi nhớ tôi mong từng giờ  
Nhớ người tôi dệt vàng thơ  
Vàng thơ thương nhớ thắm mơ ước tình*

hay:

*Ba năm chưa trọn bài thơ*

*\*\*Đời tôi nghèo lắm ai chờ tôi không?*

hay là

*... ai nữ lấy chồng*

*Để riêng ai phải đau lòng vì ai*

**\*\*** Ba năm là vì tôi dự định thi concours vào Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và Đại Học Sư Phạm mà học trình cả hai trường này đều là 3 năm. Tôi tin chắc rằng tôi sẽ thi đậu và tôi đã đậu vào cả hai trường.

Rồi:

*Ai bảo em là con gái*

Cho anh yêu  
 Cho anh dết thật nhiều  
 Những hình ảnh em trong tiệm thức  
 Ai bảo em là cô hàng xóm  
 Cho anh trông thấy hằng ngày  
  
 Cho tim anh ngát ngậy  
 Cho hồn anh điên đảo  
 Ai bảo em cười xinh như mộng  
 Cho anh cứ hoài mong  
  
 Rằng mai em là vợ  
 Và anh sẽ là chồng  
 Rồi em ơi  
 Ai bảo em đi lấy chồng  
 Cho anh buồn  
 Anh mất một người thương.

Cuộc tình thơ mộng của chúng tôi cứ tiếp tục trong hạnh phúc dâng tràn. Năm sau đó, tôi tốt nghiệp trung học và trúng tuyển trường Đại Học Sư Phạm và Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Tôi còn đang đắn đo chọn lựa thì cô Lý Hoa lúc đó đang là Tổng Thanh Tra Tài Chánh quen thân với gia đình tôi khuyên tôi nên học Hành Chánh và tôi nghe theo.

Vì là sinh viên ở tỉnh nên tôi được ở nội trú trong Ký Túc Xá của trường. Từ đó, mỗi cuối tuần tôi thường về Mỹ Tho để gặp Thy. Nàng cũng vài lần lên Sài Gòn vào thăm tôi ở Ký Túc Xá Học Viện Quốc Gia Hành Chánh. Tôi đưa nàng đi ăn, xem ciné ở rạp Đại Nam, Rex. Tiếng là xem ciné chứ thực ra có coi gì đâu vì hai đứa tận dụng những giờ phút quý báu bên nhau để tâm tình thỏa thích cũng như dết mộng tương lai. Tới chiều, tôi đưa Thy ra bến xe lộ Minh Chánh trở về Mỹ Tho.

Dòng đời cứ êm đềm trôi với hai kẻ yêu nhau. Tính ra thì Thy và tôi đã cặp bồ nhau gần hai năm rồi. Những tưởng mọi việc rồi sẽ như mong ước nhưng bỗng có chút mây mờ phủ giăng là một hôm trong lúc về chơi ở Mỹ Tho, tôi gặp thằng Ngọc cũng bạn cùng xóm. Không biết nó có biết chuyện tôi với Thy hay không mà nó nói với tôi:



- *Mày biết không? Con Thy nó thương tao lắm nhưng tao đã có con Thủy rồi* (Thanh Thủy cũng là cô gái hàng xóm ở ngang nhà tôi) *nên tao mới giới thiệu thằng Định cận thị cho nó.*

Nghe xong, tôi có hơi choáng váng mặt mày, nhưng nghĩ rằng “*Thy và mình đang yêu nhau tha thiết. Mới tuần rồi nàng lên thăm mình thì làm gì có chuyện đó. Chắc thằng này nổ sảng rồi đây*”

Nghĩ thế, tôi tạm trấn an mình nhưng định bụng hôm nào thuận tiện sẽ kể lại cho Thy nghe. Thì sau đó vài tuần, tôi về Mỹ Tho cuối tuần như thường lệ. Sau khi ăn trưa với Thy xong, tôi tới thăm thằng Ngôn, bạn thân hồi Trung Học và biết chuyện tôi với Thy yêu nhau. Ngôn ngập ngừng một chút rồi nói với tôi:

- *Tao có chuyện này muốn nói với mày từ lâu nhưng hơi ngại cho tới bây giờ tao mới quyết định phải nói ra.*

Tôi hỏi hạp:

- *Thì mày cứ nói đại đi.*

*Tao có thấy Thy một hôm nọ ngồi nói chuyện thân mật với thằng Ngọc ở Vườn Hoa Lạc Hồng...*

Tôi run run ngắt lời

Ngôn:

- *Thiệt hôn mày?*

Ngôn bình tĩnh:

- *Chuyện hệ trọng như vậy làm sao tao dám dối mày.*

Tôi thấy trời đất như quay cuồng, cổ họng khô đắng, đầu óc nóng bừng, trái tim như ngừng đập nhất là nhận thấy những lời thằng Ngôn nói sao phù hợp với chuyện thằng Ngọc kể cho tôi quá.

- *“Trời ơi! Thy ơi! Sao em tàn nhẫn với anh đến thế?”*

Tôi từ giả Ngôn và chạy nhanh tới gặp Thy rồi bảo nàng ra quán nước với nét mặt gợn dử chưa từng có làm Thy hoảng hồn:

- *Có chuyện gì vậy anh?*

- *Cứ đi theo anh rồi biết*

Vừa ngồi xuống bàn ở quán Ngã Tư, tôi móc bóp lấy mấy tấm hình nàng tặng tôi ngày trước quăng lên bàn lớn tiếng:

- *Tôi đã đặt hết niềm tin yêu nơi cô mà sao cô nỡ phản bội tôi. Cô đã hủy diệt mọi ước vọng tương lai của tôi. Bây giờ tôi trả lại hết cho cô đó.*

Thy tái mặt run giọng:

- *Chuyện gì vậy anh? Sao anh lại giận dữ với em? Nói cho em biết tại sao vậy?*

Người ta thường nói là “No mắt ngon, giận mắt khôn” đúng là trường hợp tôi lúc đó. Thay vì phân tỏ ngọn ngành cho Thy, tôi cay đắng:

- *Tôi không cần phải giải thích lý do. Chỉ biết rằng tôi hận thù cô lắm rồi. Chào cô!”*

Thy vừa khóc vừa nói:

- *Anh muốn đoạn tuyệt với em mà không có lý do thì em phải đành chịu thôi. Được rồi! Em từ lâu cũng muốn từ bỏ kiếp sống trần tục mà lo công đức tu hành. Nhưng vì tình yêu anh nên em phải gạt bỏ chuyện nẫu sống qua một bên. Bây giờ anh muốn thế thì cũng là cơ hội cho em gần với ánh sáng từ bi.”*

Đó! Chuyện tình của Thy và tôi kết thúc thật nhanh trong vô lý và đau lòng tức tưởi như thế đó. Và từ đó, tôi vô cùng thấm thía câu thơ: *Vô duyên đối diện bất tương phùng*. Thy và tôi ở rất gần nhau nhưng mà sao xa cách với với. Sau khi đường đời đôi ngã trong nỗi chua cay ngậm ngùi, tôi thu mình trong ốc đảo quanh hiu cho tới ngày ra trường, tôi lập gia đình và được chuyển về tỉnh Vĩnh Bình ở miền Tây để bắt đầu cuộc đời mới.

Có một lần về thăm lại Mỹ Tho, tôi gặp lại Nhã là anh rể của Thy là người rất cảm thông chuyện tình của cô em gái và tôi. Nhã cho biết sau khi tu tập hai năm ở Long Thành, Thy đã qua Cần Thơ ở nhà cậu Tư Quỳnh (trưởng Khu Công Chánh Vùng 4) để học Nông Nghiệp. Tôi nghe tin này với nỗi vui mừng khôn tả vì ít ra Thy đã chọn được cho đời mình một hướng đi.

Theo vận nước nổi trôi, tôi cùng gia đình trôi giạt tới Toronto (Canada) sống đời xa xứ. Và mãi tới 47 năm sau, duyên trời dun rủ cho Thy và tôi liên lạc lại nhau. Thy hiện đang ở Los Angeles. Trong khi hàn huyên chuyện cũ, chúng tôi mới phát giác ra là những người bạn vàng kiểu yellow friend là Ngọc và Định từng đưa thư tỏ tình Thy nhưng bị từ chối cũng như Ngôn từng ngỏ lời yêu đương với Thy nhưng rồi cũng không được nên tội nó dùng kế ly gián chúng tôi mà tôi vì tuổi trẻ nóng nảy tự ái nên đã vào tròng. Cũng may là sau đó Thy gặp Hiếu một giảng sư Nông Nghiệp Cần thơ, là một chàng trai hiền lành đức độ và yêu thương Thy thực lòng nên nàng hiện có một cuộc sống vô vàn hạnh phúc với một happy ending.

Và cuộc tình mong manh như thoáng mây bay của Thy và tôi đã được sáng tỏ dù trong muộn màng.

### **Cảm đề hồi ức Tình yêu mong manh**

*Tôi đã yêu em thật bất ngờ  
Cái cô hàng xóm đáng ngại thơ  
Bờ môi êm dịu lời tha thiết  
Hồ mắt long lanh điệu ước mơ  
Hoa lá mượt mà hương đắm đuối  
Cỏ cây rộn rịp sắc mong chờ  
Yêu em những tưởng mây đàn mộng  
Đàn cũ ngỡ đâu lạc phím hò*

*Nguyễn Trần - Mississauga*



# T HƠ DƯƠNG HỒNG ANH : ĐỢI CHỜ

**Dương Hồng Anh**

**C**hẳng hẹn hò ai vẫn đợi chờ  
 Vẫn chờ vẫn đợi cả trong mơ  
 Nàng thơ gõ cửa tin vui đến  
 Ấm một phương trời lộng tiếng tơ

Chẳng hẹn hò ai vẫn đợi chờ  
 Nắng mưa tâm sự gửi vào thơ  
 Dưới đèn bút mực vui tri kỷ  
 Chung gánh hành trang dệt ước mơ

Thấm thoát năm dài tóc bạc phơ  
 Quê người thao thức nhớ quê xưa  
 Đường chiều sương gió, chân mây chắn  
 Rặng núi Trường Sơn vẫn mịt mờ

Bao giờ trở lại nhìn non nước  
 Trở lại căn nhà thân ái xưa  
 Lãng đãng một khung trời kỷ niệm  
 Khắc trong tim, tháng đợi năm chờ

Một thoáng phù du nhìn thế sự  
 Ngàn năm cung điện dấu tàn phai  
 Cánh chim xa xứ còn rong ruổi  
 Tình gửi quê hương mãi trải dài.

Dương Hồng Anh



# MỸ THO : VÙNG TRỜI THƯƠNG NHỚ

## Du Thị Diễm Buồn

**T**heo làn sóng chạy loạn, gia đình tôi tháp tùng đoàn người bôn đảo khỏi quê hương Cộng sản bằng thuyền chài vượt biển Đông. Hồi tưởng đến nay thấm thoát cũng đã mấy mươi năm rồi... Mấy mươi năm dài lắm, nhưng nó qua cái vèo như giấc ngủ mơ. Vất vả bươn chải làm việc chăm chỉ, ăn ở xứ người gói ghém cuộc sống dần dà ổn định. Con cái lớn của chúng tôi đưa cưới vợ, đưa gả chồng, mà trong gia đình cũng chưa ai trở lại một lần, dù để viếng thăm quê hương xứ sở nơi mình sinh ra, lớn... Rồi bỏ nước trốn đi trong ngập ngừng nuôi tiếc và hãi hùng!

Chị bạn thân biết chuyện có lần kể tai tôi, thì thầm:

- Việt Nam ngày nay đã thay đổi nhiều lắm, chỉ nhà của các thủ trưởng, đại gia Việt cộng không cũng thấy phát hăm rồi! Nói chỉ các công tư sở, đền đài của Việt Kiều, của các nước qua xứ này đầu tư. Này chị biết không, còn có mỏ mả, sửa, xây cất cả triệu đô-la... vĩ đại lắm! Đó cũng thường là của ông cha cán bộ lớn, của Việt kiều... Họ theo thời để tỏ lòng đền ơn đáp nghĩa ông bà cha mẹ, người thân... đã qua đời từ mấy mươi năm trước!

Bà bạn nhìn chúng tôi cười cười, rồi tiếp:

- Nè, nghe tui hỏi thiệt đây: Bộ ông bà không nhớ quê hương sao mà không về du lịch một chuyến vậy? Hãy về rồi đi thăm từ Nam chí Bắc, rề rề hà... về được một lần thì mê luôn, và sẽ đi về đều đều, về hoài cho mà coi... Hay là lại sợ cái chi mà không dám về phải không? Đừng có lo, Việt cộng đã bị đô-la tiêm nhiễm nên cõi mở, nói lỏng nhiều thứ cho dân tình rồi bà ơi. Việt kiều chúng ta bây giờ là khúc ruột ngàn dặm, bởi đô-la đổ vào Việt Nam nhiều tỉ mỗi năm, có lợi quá cỡ thợ mộc thì đâu còn là kẻ thù đeo đít vịt theo Mỹ nữa...

Chị ta liếc liếc, trông mắt như hạt tiêu lộn qua lộn lại mắc tức cười, rồi theo thọt ngậm nga:

- Cho nên: “*Người về mỗi ngày một đông thêm/ Người đi càng đêm càng thưa dần...*” Nay thì giàu có, ông to bà bự chịu tiền, lạy lục để đeo đít máy bay cũng không dễ gì có chỗ để mà đeo! Vậy hai ông bà hãy về du lịch một chuyến đi, vui và ngộ nghĩnh lắm lắm...

Phu quân tôi cười nhẹ:

- Chúng tôi còn nhiều nơi trên thế giới chưa viếng thăm. Đến những nước khác để biết đó, biết đây. Nghĩ lại giờ đây chúng tôi cũng ở tuổi gần đất xa trời rồi, đời người lại ngắn ngủi. Bởi sáu mươi năm cuộc đời... nên thời gian không còn lại bao nhiêu lâu nữa... Xin lỗi chị nghe, chắc tôi không trở lại quê hương đâu, nếu màu cờ đỏ vẫn còn! Nhưng nước Việt Nam thì vĩnh viễn nằm trong hồi ức dấu yêu của tôi đó chị!

Tôi cười, mắt chăm chăm nhìn bạn rồi đỡ lời chồng:

- Bà cũng biết sau cuộc đổi đời, gia đình hai bên nội ngoại các cháu của chúng tôi nghèo sát móng toi! Nghèo đến nỗi không gạo nấu, không trâu để mà ung... Có đứa gọi bằng dì, bằng cô phải quỳ gánh đi mua ve chai lông vịt, đứa chạy xe ôm... Cho nên họ hàng cần tiền hơn cần chúng tôi về thăm bà ơi! Chúng tôi nghĩ, lấy tiền sở hụi đi và về thăm đó, nhập vào tiền định cho, vậy sẽ có nhiều thêm một chút... để họ có thể qua cơn khốn khổ phần nào! Trở về thăm lại với chúng tôi thì không phải lúc, cổ hương còn Cộng sản là con ác mộng vẫn còn trong tôi. Có câu hát: “*Quê hương là chùm khế ngọt*” thì kẻ tha hương nào mà không nhớ không thương không mòn mỏi đợi chờ có ngày trở về thăm cố quốc? Nhưng quê hương trong tay Việt cộng là khế tàu chua muốn nín thờ chớ ngọt nổi gì mà ngọt, có đúng không? Với những kẻ tha hương thì lúc nào cũng cảm thấy tâm hồn xác xao, bởi: “*Đất khách muôn trùng sao nhỏ hẹp? Quê nhà một góc nhớ mênh mông*” Ba tôi lúc còn sanh thời thường dạy các con ông phải thuộc nằm lòng: “*Làm người thì khó... Ăn cây nào, rào cây đó/ Ăn trái nhớ kẻ trồng cây/ Uống nước nhớ người đào giếng*” đó là những lời hay, ý tưởng đẹp... Các con muốn làm người tốt thì phải luôn ghi nhớ...”

Bà bạn tôi ngắm nghĩ một hồi rồi gật gù thờ dài, bảo:

- Anh chị nói nghe cũng chí lý lắm, cũng phải! Tuổi trẻ Việt Nam bây giờ thật tội nghiệp! Cái thuở thanh xuân của bọn trẻ ở Việt Nam ngày nay vì hoàn cảnh xã hội không mật ngọt như thời chúng ta ngày xưa! Cái giàu nghèo giờ đây quá chênh lệch do sự dốt nát và tham lam của những kẻ nắm quyền hành cai trị Việt Nam... Cho nên người giàu trong chế độ Cộng sản như cán bộ thì không thời gian đêm tiền của, còn đại đa số dân nghèo thì không có việc làm để kiếm tiền lo cơm gạo hằng bữa cho gia đình... Dưới sự thống trị của bọn cầm quyền bây giờ tiền là trên hết, Mỹ là thiên đàng, đô-la là vạn năng cho người giàu có. Nói chi đến kẻ khốn khổ trong gông cùm của Việt Cộng ngày nay! Nên người Việt giàu và kẻ cả gia đình bọn cầm quyền đang bằng mọi cách ào ạt rời xa Việt Nam, nhứt là đổ xô vào Mỹ...

Bạn tôi nói chuyện nãy giờ, đó là chị Thu Hà làm chung sở tôi mấy mươi năm trước. Tôi về Mỹ Tho nhận việc đầu năm 1968, trong thời giặc già dấy động ở quê hương. Mỹ Tho là một trong những tỉnh thiệt hại nặng nề nhứt ở miền Nam trong lần tổng tấn công Tết Mậu Thân của Cộng sản và Việt cộng. Bọn chúng đã có dã tâm quyết thôn tính miền Nam, nên vượt ranh Bến Hải vào cưỡng chiếm. Nhưng lần đó bị dân quân Việt Nam Cộng Hòa đánh bại, chạy về đất Bắc...

Thu Hà sanh trưởng ở Bến Tre, về làm ở Mỹ Tho từ năm trước (1967). Chúng tôi suýt soát tuổi nhau, vẫn còn độc thân. Hai đứa cùng ngành, làm chung bệnh viện hàng ngày gặp nhau, sau đó chúng tôi còn ăn cơm thán và mướn nhà ở chung nữa... Nên chúng tôi có biết bao nhiêu kỷ niệm buồn vui lúc thời thanh xuân còn độc thân của hai phụ nữ trẻ.

Những ngày cuối tuần rảnh rỗi chị thường rủ tôi về quê hương xứ dừa của chị. Chúng tôi thăm còn “*Ông Đạo Dừa*” mà ông và bốn đạo tu học sống trên những chiếc ghe lớn, những nhà sàn êm đềm, hàng ngày trường trai trong câu kinh, tiếng kệ lệnh đênh trên sóng nước Tiền Giang.

Chúng tôi thăm chùa ông Trương, đó là Thánh thất tu hành của đạo Cao Đài ở thị trấn Bến Tre... Chúng tôi còn đi thăm vùng biển mặn: Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú... ăn cá vược, cá

dứa, tôm he, sò, nghêu... Ngoài dứa là đặc sản nổi tiếng ở Bến Tre còn có nhiều loại cây ăn trái tươi ngon khác: sầu riêng, măng cụt, bòn bon... ở vùng quê ngoại của chị Thu Hà.

Chúng tôi thăm chùa Vĩnh Tràng trên đường đi ghé thăm chỗ làm mạch nha bên chợ Cũ. Xa hơn là thăm lăng Trương Công Định ở Gò Công, và Vàm Láng nơi bờ biển có nhiều cá tôm, mỗi lúc thuyền về chở hải sản bán sỉ và bán lẻ cho bạn hàng... Đó là lần tôi tháp tùng theo Thu Hà, cô nàng đi thăm hôn phu là lính trong quân chủng “*Biệt Động Quân*” về đường quân vùng biển mặn Tân Thành.

Biết bao nhiêu kỷ niệm thời chúng tôi công tác và sống chung ở Mỹ Tho. Thành phố Mỹ Tho lúc nào cũng ồn ào náo nhiệt nơi bến xe đò, nơi vừa cá vừa trái cây, và các chợ thành chợ Mỹ Tho) chợ nhỏ (chợ Cũ, chợ Hàng Còng, chợ Vòng Nhỏ, chợ Lò Heo...) buôn bán sầm uất... Dân trong thành phố làm ăn khá giả từ khi căn cứ Đồng Tâm của Mỹ hoạt động.

Hằng ngày người lớn như cha mẹ bán buôn, ông bà giữ trẻ nhỏ. Còn những đứa lớn một chút thì đến trường học hành để biết chữ mà tiến thân... Nếp sống gia đình của họ an bình, nhịp nhàng mỗi ngày như mọi ngày...

Mỹ Tho có nhiều rạp hát chiếu phim, đại nhạc hội, cải lương... Thường các phim Việt Nam, Á Châu, đại nhạc hội, gánh hát cải lương, Hồ quang có rạp Vĩnh Lợi lúc nào cũng dập diu người giải trí. Rạp Định Tường thường chiếu phim ngoại quốc như: Úc, Âu, Mỹ... Và bên kia cầu Quay có rạp Viễn Trường chiếu thường trực những phim Tàu xưa, cũ...

Con đường Trung trắc từ cầu Quay hướng về vườn hoa Lạc Hồng, nằm trên góc bờ sông Bảo Định và nhánh sông Mỹ Tho. Nơi đây là ngã ba bên, kia sông là cồn Rồng và bờ bên này con đường Trung Trắc rộn rịp như ngày cũng như đêm trong thành phố Mỹ Tho. Dọc theo bờ sông có các quán ăn ngon, nhà hàng lớn chứa năm ba trăm khách đãi tiệc, tân niên, tất niên, tiệc cưới. Có khách sạn hiện đại, có rạp chiếu bóng Định Tường các phim mà tôi đã xem như: “*Bên Cầu Sông Kwai, Sông Nước Chiều Thu, Mùa Thu Lá Bay, Vô Địch Quyền Vương, Một Trăm Lễ Tăm Anh Hùng Lương Sơn Bạc, Yên Vũ Mông Mông...*”



Thuở đó tài tử Trần Quang Thái, có tướng mạo khôi vĩ của nam nhân. Có cái cười nửa miệng yếm thế, ngạo mạn, khinh khỉnh quyền rũ... của Khương Đại Vệ. Có một Sophia Loren, một B. Ricbarado thân hình kiêu diễm, bốc lửa... Ôi mấy mụ, và nam tài tử đẹp quá chùng chùng... khiến tôi mê mẩn tâm hồn, không thể bỏ qua phim nào của họ thủ vai chánh.

Thu Hà và tôi thỉnh thoảng cũng đi xe lô Minh Chánh lên Sài Gòn để “hít-tu-kinh” (đứng ngoài các siêu thị nhìn vào trong qua kính) chớ lương công chức ba cọc ba đồng như chúng tôi thì làm sao rớ vào những thứ hàng cao cấp mắc tiền trong chợ Bassa Eden, Rex, thương xá Tam Đa... cho được đây!

Để rồi vào cuối năm 1969, thể theo lời dạy của mẹ cha. Tôi giả từ thời điểm mộng, kết hôn với anh chàng lính chiến SD 21/BB có biệt danh là “Sét Miền Tây”. Chàng của tôi là cựu học sinh Nguyễn Đình Chiểu, từ năm Đệ thất đến hết năm Đệ nhứt, quê cũng ở xứ dừa Bến Tre như nhỏ Thu Hà.

Tiếp theo tôi, con bạn Thu Hà cũng từ giả mộng mơ cưới anh chàng “Cọc Ba Dầu Rắn” bản doanh ở gần bến Tầm Ngựa bên Chợ Cũ. Hôm nào không đi công tác xa hay bận rộn thì chàng của nó về nhà xoi cơm. Thấy tôi vò võ mong chồng, không biết bắt chước hay nghe lóm ở đâu, nó ngâm nga theo thọt: “Chim truyền cành ớt lú lo/ Lòng thương nhớ lính ốm o gầy mòn...” Nghe con nhỏ chọc quê tôi vừa mắc ghét vừa mắc tức cười, lên tiếng: “Bộ chồng mày không phải lính sao! Vậy mà còn chọc ghẹo bạn mày nữa...”

Thu Hà sanh trai đầu lòng, thì hai tháng sau con gái tôi cũng chào đời. Tôi vẫn nhớ, một hôm tôi rủ vợ chồng nó đến nhà tôi ăn cơm chiều trong lúc phu quân tôi về phép. Cả hai đứa tôi đều có nhã ý, là để hai ông sẽ có dịp chuyện với nhau, vì mấy khi họ gặp lại.

Trong bữa cơm thanh đạm với món cá bông lau do tôi nấu canh chua. Tôi có tật hễ không nấu canh chua thì thôi, còn nấu thì phải có đầy đủ thập lục bát bang (Bắt chước nấu canh chua theo kiểu bà ngoại nấu) mỗi thứ một ít: Nào là bông so đũa, bông điên điển, bông súng, khóm, dưa cải, rau nhút, rau muống đĩa (rau muống trâu mọc hoang ở địa cọng to, màu tím, có nhiều mủ,

hơn rau muống trồng) Rau muống ruộng thuở đó ở miệt vườn, bà ngoại, dì, mẹ tôi ra ruộng nhổ cả đống, đem về chặt khúc nấu nhừ cho heo ăn chớ ít người ăn lắm! Ấy vậy mà tôi lại ưa, bởi rau muống địa không ai trồng, mọc bò tràn lan trong các mương gần mé ruộng. Cọng nào cọng nấy dài thậm thượt, non nhẵn, nấu hay ăn sống giòn rụm và ngọt hơn rau muống xanh, trắng, thường do mấy bà Bắc trồng bán ngoài chợ... Không cần phải nhiều, mỗi thứ chừng một nắm thôi thì nồi canh chua cũng đầy óc ách.

Còn có thêm cá bống trứng kho tiêu với mỡ xắt hạt lựu để vào, cùng món cuối là đậu rồng xắt xéo xào với lòng gà... Chỉ có ba món thanh đạm thôi mà bốn người chúng tôi ăn sạch nồi sạch ơ. Ăn bất miệng không phải do tôi nấu ngon, mà có lẽ vì quá bữa ăn, nên bụng ai cũng đói. Khi đói thì thứ gì ăn mà không ngon!

Số là chàng của tôi sáng đó dắt hai đứa nhỏ ra công viên Dân Chủ gần nhà cho mát. Chàng ta gặp chồng Thu Hà cũng dắt con ra công viên. Bọn họ gặp lại vui vẻ lý ngổ kể chuyện xưa, chuyện nay còn bọn lũ trẻ chơi với nhau cho đến đứa nhỏ kêu đói bụng hai ông mới dắt về...

Vi đã hứa với nhỏ Thu Hà, nên tôi đành lòng ở nhà lãnh phần làm “tổng khâu” đãi khách. Tại vì lần trước Thu Hà nấu đãi chúng tôi ở nhà nó, cho nên lần này tôi phải nấu để trả lễ, nếu không thì con đó sẽ nhắc đời và chê tàn chê nhạt là tôi không biết nấu ăn! Nếu nó có rêu rao như vậy, tôi cũng không dính dáng, bởi sự thật thì tôi không khéo léo về môn nấu ăn như nó! Và năm bảy tháng phu quân tôi mới có phép về thăm năm mười ngày nên thời gian đó rất quý với gia đình chúng tôi. Để chàng đưa mẹ con thăm bên ngoại, bên nội... thì giờ đâu mà nấu ăn bữa bọn dọn dẹp mệt lắm! Và cũng không giấu giếm chi là tôi làm biếng nấu ăn lắm!

Sau khi chúng tôi ăn uống xong. Mấy đứa nhỏ chạy giỡn trong sân nhà. Còn bốn người lớn chúng tôi thì ngồi vào bàn uống nước, trong khi cửa mở rộng để có thể liếc nhìn bọn nhỏ.

Bống dung Thu Hà lên tiếng bảo:

- Hai gia đình chúng mình thân, thì sau này mấy đứa nhỏ lớn. Để con trai tui cưới con gái của ông bà nghe.

Hai người “liên ông” nghe, tuy không nói gì nhưng bên tách trà nhìn nhau mỉm cười có vẻ đắc ý lắm!

Tôi nhìn Thu Hà, nhẩn mặt:

- Hãy rút lời nói lại đi, đừng có khùng nghe mậy! Dù là con nít chưa biết gì, nhưng chúng nó rất có linh tính. Miệng ăn mắm ăn muối nói bậy, sau này mầy giàu có, con mầy đẹp trai, học giỏi... rồi chê con gái tao thì tội nghiệp nó lắm! Thôi hãy để chúng là bạn được rồi, vì đời không ai có thể ngờ và biết được: “*Biết ra sao ngày sau...*” đúng không?

Sau cuộc đổi đời tang thương của đất nước, chúng tôi mất hẳn liên lạc nhau thời gian khá dài, rất dài! Đến khi cùng ra nước ngoài, có tin nhau chúng tôi mới biết nó đã có cháu nội (con của thằng con lớn). Thằng con trai này vô phước, chết thảm trên đường vượt biên! Thằng cháu nội được vợ chồng Thu Hà dưỡng nuôi, chăm sóc... Má thằng cháu (dâu của vợ chồng Thu Hà) bằng lòng, khi cô ta mang bầu với người chồng sau vừa tái hôn đầu mấy tháng... Thiệt mọi sự việc trên đời đều có lối đi riêng của nó, ai có thể biết trước được chuyện gì sẽ xảy ra! Riêng tôi nghĩ thầm những chuyện đã xảy ra như vậy, dù không tin cũng không được! Bởi “*Mỗi con người sanh ra trên thế gian này đều có số cả!*”

Tình bạn giữa tôi và Thu Hà mới đó mà đã qua như chớp nhoáng, cháu nội của nó năm nay đã ra đại học. Và vợ chồng tôi cũng là ông bà ngoại rồi, thế mà sao lòng tôi vẫn cảm thấy hồi hộp, bồn chồn khi biết mình sắp sửa gặp lại người bạn thời son trẻ!

Trời sanh ra con người trên quả địa cầu này, mỗi người một vẻ không ai giống ai. Sau những tháng năm dài cách xa, hôm nay gặp lại nhau tôi và Thu Hà ôm choàng vai nhau khóc rầm rức trong vui buồn, cảm động, thân thương...

Rồi hai đứa lặng yên, như trở về với chính mình! Chúng tôi mỗi người một ý nghĩ riêng để cho tâm hồn lên khơi, bay lượn về cố hương trong những chuỗi ngày thanh xuân nhiều mộng đẹp...

Những kỷ niệm để nhớ để thương của chúng tôi ở Mỹ Tho, cho đến ngày 30 tháng 4 năm 1975 nước non rã nghé tan đàn có nhiều vô số! Giờ đây nơi xứ lạ quê người Thu Hà và tôi ở lứa tuổi hoàng hôn. Ai mà không biết hể thường người có tuổi thì hay nhớ xưa và thích nói. Nói nhiều, nói dai, nói dẻo, nói dài, nói hoài, nói không biết mỏi miệng...

Cho nên mỗi lần nhắc điện thoại lên là hai cụ già này nói tía lia tía lịa. Hết kể chuyện xưa, thì nói chuyện nay nói mãi mà vẫn có đề tài để nói: Nói để vui, để cười, để buồn, để ngậm ngùi, để nuối tiếc, để thương, để khóc hu hu... thế mà vẫn ham nói! Buồn cười nhứt là đũa nào cũng nói nhiều, nói thao thao bất tuyệt... Hai cụ già này đôi khi đã cùng nói một lúc, cả hai không nghe đối phương nói gì... cứ chuyện của mình thì nói...

Mèn ơi, khi nhớ ra hai đũa chúng tôi cùng buông điện thoại, ôm bụng cười rũ rượi!

Lắm khi Thu Hà gọi điện thoại, tôi lắng tai nghe nàng ta tâm sự đã đời. Nói một hồi xong chuyện của nó. Nồi ơi con thần thù bạn tôi thiệt vô duyên hết thuốc chữa, và tôi thấy ghét khi nghe nó bảo:

- Thôi đừng nghe, tao đang bận nhiều công việc lắm... Hẹn bữa khác mình nói tiếp nghe mậy!

Tôi liền hét:

- Mày thiệt là con vô duyên không tiền thưởng! Bộ tao là cái máy chứa để mày xả bầu tâm sự hả? Chỉ gọi nói với tao hết chuyện của mày thì thôi... không để tao nói lấy nửa lời thì mày đòi cúp?

Bên kia đầu dây, Thu Hà cười lớn:

- Mày muốn nghe nữa hả, để tao nói tiếp...

- Thôi đi bà cố nội, lỗi tai tao đang kêu gào thảm thiết kia...

Con nhỏ cười ha há, rồi cúp điện thoại nghe cái cụp một cách lạnh lùng đáng không ưa chút nào!

Gia đình Thu Hà ở Nam của Nam California, còn gia đình tôi ở phía Bắc của Bắc California. Cùng một tiểu bang, nhưng

chúng tôi ở xa nhau khoảng bảy (7) giờ lái xe. Nhớ lúc chưa biết tin nhau, cả hai đứa đều nhờ bạn bè còn kẹt lại cố hương, tìm đùm rồi xin địa chỉ, xin số điện thoại nhau. Vậy mà hơn ba mươi năm vắng bật tăm hơi, giờ chúng tôi mới liên lạc được.

Lâu lắm rồi, lúc chúng tôi còn tạm cư ở Chicago (Illinois) mỗi năm gần như vợ chồng tôi đều nhận được thư mời họp bạn (cựu học sinh của trường và đồng hương Mỹ Tho) Nhưng xa xôi, tốn kém, thời gian bận bịu các con còn đi học cần sự giúp đỡ của cha mẹ, nên chúng tôi phải “cày chằm” lắm! Nghĩa là có đủ mọi lý do để chúng tôi cứ hẹn lần, hẹn hồi mãi cũng vẫn chưa đi dự những buổi họp bạn.

Giờ đây chúng tôi ở vẫn còn xa, nhưng cũng gần hơn lúc trước chưa dời về vùng nắng ấm Bắc California này. Và khi liên lạc được với con bạn già Thu Hà, thì nó cứ thúc hối riết nên chúng tôi mới đi dự buổi họp bạn đồng hương Mỹ Tho, đồng môn Nguyễn Đình Chiểu và Lê Ngọc Hân năm nay...

Nhưng không giấu gì quý vị, thật sự lý do chánh của hai đứa tôi đi dự đại hội là muốn gặp nhau sau mấy mươi năm trời xa cách những gì đã thay đổi ở chúng tôi như: nếp sống của dân Nam sau cuộc đổi đời ngày 30 tháng 4 năm 1975... Để xem dung nhan mùa hạ bây giờ ra sao? *“Em có còn đôi má đào như ngày nào, kể từ khi vắng nhau... Em như tấm vải lụa nhàu dằm thu giắc ngủ xanh xao, em có bề nào ai đón ai đưa...”*

Tiếng nhạc vui tươi vang vang từ các loa phóng thanh trong nhà hàng lớn “Seafood Place” Brookhurst Street Garden Grove Nam California. Những đồng hương Mỹ Tho, cùng những cựu nam nữ đồng môn Nguyễn Đình Chiểu, Lê Ngọc Hân lũ lượt vào sắp hàng ghi tên, và ngồi vào vị trí của mình, ở bàn tiệc trong buổi họp bạn hôm nay.

Đã hẹn trước, cho nên vừa bước vô cửa nhà hàng, thấy Thu Hà là tôi biết ngay! Chúng tôi ôm chầm lấy nhau thổn thức nghẹn ngào mắt hoen màng lệ! Qua phút giây cảm động, Hà cười buông ra và nhìn tôi từ đầu xuống chân:

- Mày không gì thay đổi vẫn như ngày nào...

Nghe con nhỏ khen, trong bụng tôi khoái chí lắm, Nhưng trẻ môi liếc xéo nó con mắt có đuôi:

- Thôi đủ rồi, đừng có xạo nghe! Bất ngờ gặp tao ngoài đường, thử hỏi mày có nhận ra không? Ngoài ba mươi năm đã già chát óng vó rồi, còn gì mà không thay đổi được đây?

- Ở chắc tao không nhìn ra đâu... Mày tròn trịa hơn, nhưng dáng xưa vẫn còn... Được lắm, có vẻ mệnh phụ chớ không hom hem như thuở chúng mình còn làm chung ở Mỹ Tho, lúc đó mày ốm teo hà...

Chúng tôi còn đang tâm sự lên khơi thì đồng hương, đồng môn ngồi đầy hết các bàn nhà hàng. Trong khi chị chủ tịch Quỳnh Hương lảng xãng chạy tới chạy lui với nhiều công việc... Tiếp tân, tìm chỗ ngồi, sắp, xếp, dời đổi, chương trình thêm, bớt...

Sau thủ tục chào cờ, phút mặc niệm thì chương trình buổi lễ bắt đầu với bài diễn văn chào mừng thật cảm động. Rồi tặng quà lưu niệm cho cựu chủ tịch... Buổi tiệc được đặt nhà hàng nấu nướng nhiều món như tiệc cưới, mát lòng ngon miệng. Trong bữa ăn mọi người hàn huyên tâm sự và có xen lẫn phân vân nghệ phụ diễn cây nhà lá vườn thật phong phú...

Hấp dẫn nhất là màn áo dài thời trang, do các mệnh phụ mỹ miều tươi như hoa, xinh như ngọc trình diễn. Những phụ nữ diễm kiều éo lá vừa trình bày áo dài, vừa múa theo điệu nhạc du dương trầm bổng. Khiến tôi liên tưởng đến những đoạn phim có những nàng tiên nga trên cung quảng lá lướt múa khúc nghệ thường.

Trong buổi họp bạn, tôi gặp lại vợ chồng bác sĩ Lý làm ở bệnh viện dã chiến Mỹ Tho. Hai cô giáo dạy trường nam Tiểu học, gặp anh Huỳnh Chiêu Đăng cựu giáo sư Nguyễn Đình Chiểu, ông bà Nguyễn Thanh Liêm cựu Tổng Trưởng Giáo Dục Miền Nam...

Tôi gặp bác sĩ kiêm ca sĩ Trung Chính. Ca sĩ Trung Chính ngoài vui vẻ, hoạt bát và còn trẻ hơn trong các DVD anh hát mà tôi đã xem. Trong tôi Trung Chính có giọng hát nhẹ nhàng đong đưa thâm trầm như con gió đồng nội, chiều chiều nhẹ nhàng đưa

trên bãi sậy chòm lau, êm đềm bao la bát ngát. Giọng hát anh không giữa gọt, nó tự nhiên chân phương dễ đi sâu vào lòng người mộ điệu. Trung Chinh có dáng dấp, cử chỉ, nụ cười giọng nói của một sinh viên, học trò hơn là một nghệ sĩ.

Trong buổi họp bạn hôm nay, có nhiều đại diện hội đoàn bạn, cơ quan truyền thông, của các đài, báo chí... và đại diện các binh chủng... Nhứt là ĐĐ7 bản doanh trên đường Hùng Vương ngang với “Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa”. Có người hỏi thăm bác sĩ Phạm Thành Đạt, và người trả lời là ông ở Nam California, nhưng không biết địa chỉ, nên không có mời...

Đại diện đài STBN bắt chợt phỏng vấn, nghe tôi trả lời ngày xưa phu quân tôi là lính trong binh chủng ĐĐ21/BB có biệt danh “*Sét Miền Tây*” Liên sau đó, một anh cùng binh chủng ngày xưa của phu quân tôi đến mời Đại hội thế giới của ĐĐ 21 sẽ tổ chức trong vài tuần tới...

Tôi gặp độc giả, đó là anh Nguyễn Quang Băng (trong ban tổ chức họp bạn hôm nay). Tôi quen anh trong trường hợp bất ngờ hy hữu bởi: “*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi/ Cách nhau cái dậu mồng tơi xanh dòn...*” Mới nghe nêu ở vào tuổi thanh xuân thì mừng lắm vì nó thi vị quá, và mộng mơ làm sao! Tưởng mình đã trở thành nhân vật tiêu thuyết chắc mẽm con nai vàng ngơ ngác, đứt đuôi con nòng nọc rồi còn gì! Nhưng xin đừng vội mừng hùm, thưa nói vậy chớ không phải như vậy! Thật sự không phải đẹp như ý nghĩa câu hát ấy đâu nghe!

Số là tôi có viết bài thơ đi trên tạp chí hay diễn đàn nào đó. Vô tình đồng hương Nguyễn Quang Băng đọc được. Trong bài thơ có tên địa danh của miền quê ngoại anh. Mà những mùa hè thuở thanh xuân anh thường theo gia đình về thăm dài hạn vùng quê êm ả ở miệt Mỹ Tho. Vì lý do đó khiến anh cố tình tìm kiếm tác giả của bài thơ! Mấy tháng sau anh tìm được và đã điện đàm với tôi.

Thì ra quê ngoại của anh Băng cũng là quê ngoại của tôi... Nguyên bài thơ như dưới đây đã đưa anh về một thời xa xưa trong vùng trời thương nhớ:

**XIN TRÒN LỜI HỨA**

Mai một có về Vĩnh Long, Rạch Giá  
 Anh nhớ rẽ vào lộ tế Cái Bè  
 Tôi sẽ đón anh bằng xuồng ba lá  
 Ngược Tiền Giang về thăm chợ Cái Thia

Chúng ta sẽ bơi qua vàm Hòa Khánh  
 Dòng nước trong xanh ngọt mát bốn mùa  
 Vườn râm mát, trái cây sai oằn nhánh  
 Xoài mơn da, bưởi vàng râm nắng trưa

Cù lao bần, rộn xuồng câu ghe lưới  
 Tôm cá tươi, ốc gạo mập tròn vo  
 Chim xa xả, chim thẳng chài lui tới  
 Trên khúc sông rền vọng tiếng khoan hò

Chưa đến chợ, đã thấy cây thánh giá  
 Sừng sững dưới trời, trên nóc chuông cao  
 Cồn bần soi, dòng phù sa êm ả  
 Đình Mỹ Tây còn vết tích chiến hào

Ẩn dưới rặng cau, mái tranh vách lá  
 Đường làng quê đất sét uốn cong quanh  
 Chiều cô thôn chuông chiều êm ái quá  
 Đêm mơ màng sáng tỏa ánh trăng thanh

Chúng ta thăm Đồng Tháp Mười bát ngát  
 Hoa vông đồng trở đỏ dọc kinh dài  
 Diên điển vàng, sen hồng thom ngào ngọt  
 Ruộng lúa bao la mới cánh cò bay

Tôi đãi anh, một chầu com Mỹ Thuận  
 Chim ốc cao quay, cá chẻm chiên tươi  
 Để nhớ mãi đất ông cha gầy dựng  
 Com cá rau, nuôi con cháu nên người



*Đừng chê nghen, buổi cơm quê mọc mọc  
Cá kho, canh cải ngọt suốt ba miền  
Mía thâm dịu, nước dừa xiêm lịm mát  
Thắm tình quê, mít, măng cụt, sầu riêng...*

*Bầu nước mưa, quãng đường xa đỡ khát  
Còn vạn sông dài, núi thẳm, rừng sâu...  
Đất quê hương đã bao phen tan nát  
Cơm ngọt tình người, tôi chẳng quên đâu*

*Mai sau đó anh về, qua thôn nhỏ  
Xim đem lòng đùm bọc cảnh thân yêu  
Cho dù nay không còn nguyên vẹn nữa  
Tiếng núi sông vẫn vọng giữa tiêu điều!*

Nhờ bài thơ đó đã bắc nhịp cầu cho anh chị Nguyễn Quang Bằng có thêm các cô em gái, và chúng tôi ắm thêm tình đồng hương. “*Nhà tôi sau nhà người em gái/ Cách nhau con sông dài...*” Và cũng từ đó trở đi, chúng tôi thường hay gọi điện thoại thăm hỏi nhau trong tình người xa xứ.

Sau khi ra trường tôi được bổ nhiệm về làm việc ở Mỹ Tho vào mùa xuân năm 1968. Đó là thời điểm động nhút, rộn ràng nhút do Cộng sản và Việt cộng đã khơi ngòi lửa chiến tranh từ lâu lắm rồi! Chiến tranh cứ dằng dai kéo dài cho mãi đến ngày cuối **tháng tư đen năm 1975**, miền Nam rơi vào tay giặc, và Việt Cộng đã thao túng toàn cõi Việt Nam cho đến nay.

Dù trước 30 tháng 4 năm 1975, miền Nam luôn bị Việt cộng quấy nhiễu tàn phá bằng: pháo kích, đào đường, đắp mô, gài chông, khủng bố dân tình đủ mọi mặt chúng có thể làm được không một chút từ nan... Nhưng dân miền Nam vẫn liêm sỉ, lễ, nghĩa, trí, tín, cần, thành, kiem... Dân miền Nam làm ăn, buôn bán phát đạt, ruộng rẫy, hoa màu tốt tươi... Học sinh đến trường, sinh viên du học, kỹ, nông, công, thương ngày càng sung túc... Nhờ thanh niên miền

Nam nhập ngũ, từng chinh chống giặc, bảo vệ gia đình, giữ gìn bờ cõi.

Cộng sản và Việt cộng tay sai đã dùng mọi thủ đoạn cường chiếm miền Nam! Sau đó, chúng đã bản cùng hóa nên người dân ngày càng đói nghèo, khổ khổ, chạy ăn từng bữa... Nước Việt Nam ngày càng nhỏ hẹp bởi nhà cầm quyền bán lãnh thổ, lãnh hải cho ngoại bang. Đạo đức con người bị thui chột, thì còn nói chi đến nền Văn học nghệ thuật Việt Nam, và đất nước gấm hoa trang đài mấy ngàn năm Văn Hiến!

Việt Nam ngày nay đi dần vào con đường tuyệt lộ! Trong dân gian chua chất phải thốt lên những câu châm biếm thâm thúy, để đời: *“Nhân phẩm toàn dân mất sạch rồi/ Chí còn lương thực giá cao thôi/ Lương tâm giá rẻ hơn lương thực/ Chân lý, chân giò cũng thế thôi...”* Nếu tình trạng này không thay đổi, thì nước Việt Nam không lâu sẽ trở thành cái quận hay khá hơn một chút là cái tỉnh của quan thầy của Việt cộng là bọn Tàu cộng!

Như các tỉnh thành của Tàu Cộng hiện có là do chúng sáp nhập những nước chư hầu: Đại Lý, Mông Cổ, Lê Giang, Yên, Triết Giang, Tứ Xuyên... Rồi đây Mỹ Tho thân yêu của chúng ta cũng trong sự kềm tỏa của kẻ thù! Bọn Tàu cộng và tay sai đã ngấm ngấm đồng hóa dân ta, muốn chiếm đoạt toàn lãnh thổ... trước khi cường chiếm miền Nam nước Việt của chúng ta!

Tôi không sanh ra và lớn ở Mỹ Tho. Nhưng Mỹ Tho là nơi tôi vào đời lập nghiệp, có gia đình ở thành phố hiền hòa nhỏ bé này. Thành phố Mỹ Tho nằm dọc theo bờ Tiền Giang có tôm cá tươi ngon, cây ngọt trái lành. Tôi đã có hai đứa con trước khi Việt cộng tràn vào cày nát Mỹ Tho... như những thành phố khác, chịu chung cảnh thương đau sau khi chúng cường chiếm miền Nam...

Nay dù ngàn trùng xa cách, nhưng Mỹ Tho đã cho tôi quá nhiều hồi ức. Với ngã ba Trung Lương, chùa Vĩnh Tràng, chợ Vòng Nhỏ, Cầu Dầu, Cây xăng, bót Số Tám, Năm nôi, bến Tầm Ngựa, Chợ Cũ.... vườn mạn hồng đào ở

Đạo Ngạn... Đường xuống Gò Công, qua Chợ Gạo, Hoà Đông... Và đầu cầu Quay bên phía chợ thành có phòng thông tin kế nhà thuốc tây ông Khánh. Tại đầu cầu Quay chiều chiều có bán các loại bánh ăn vặt như bánh da lợn, chuối chiên, bánh vòng, bánh cam, bánh bò....

Bên kia cầu Quay cũng trên đường Đinh Bộ Lĩnh, xéo xéo đôi diện có nhà và phòng mạch của bác sĩ Võ Văn Cẩn. Có tiệm mì bình dân nổi tiếng mà tôi không làm sao quên được, những chiều trời mưa phai phái lạnh lạnh, ghé qua tiệm Phánh Ký ăn tô mì, mì tươi, dòn... thiệt là bắt miệng và hương vị ấm nồng vô cùng...

Thu Hà và tôi thả bộ theo đường Trung Trắc đến vườn hoa Lạc Hồng ngồi hóng mát dưới gốc cây da xà, nhìn dòng nước lững lờ trôi mãi trôi trên nhánh sông Tiền Giang hiền lành êm ả. Khi về, ghé uống sinh tố ở tiệm Hương Duyên để nhìn thiên hạ sự, ngắm những tà áo dài phát phơ trong nắng làm đẹp Mỹ Tho. Trên đường Trung Trắc nổi dài trong những ngày cuối tuần rảnh rỗi. Vào rạp hát Định Tường xem phim "*Bên Cầu Sông Kwai...*" đó là một trong những phim đã làm xao xác hồn tôi, cũng như mảnh đời của người tù cải tạo Việt Nam Cộng Hòa sau giặc cướp miền Nam 30 tháng 4 năm 1975.

Dẫu biết rằng những sinh hoạt bình thường đó ở thành phố nào cũng có, trên miền đất quê Nam một cõi của chúng ta vào thời Cộng Hoà. Và ở xứ người tháng nào trong bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông đều có tổ chức những buổi họp bạn, picnic đồng hương, picnic liên trường đồng môn... Số người tham dự lên đến cả ngàn... Nhưng Mỹ Tho luôn sống mãi trong tôi, vì vùng đất hiền hòa này đã cho tôi quá nhiều hồi ức... để tôi làm hành trang cho đời mình suốt quãng đường lưu lạc.

California, mùa hè 2013

Tê xá Diễm Diễm Khánh An

**DƯ THỊ DIỄM BUỒN**



# YÊU THƯƠNG, ...

## Truyện Thị Lý

**T**ôi đặt chân đến thành phố Seattle, Tiểu bang Washington, Hoa kỳ vào một buổi chiều Hè. Hai mươi giờ đêm mà trời vẫn còn sáng. Trong cảnh tranh tối, tranh sáng giữa cái ồn ào nhộn nhịp quay theo nhịp sống thời gian và khoảng không gian tĩnh lặng, êm ả của buổi hoàng hôn hòa quyện nhau tạo nên sắc thái riêng biệt của mùa hè trên đất Mỹ.

Xuân qua, Hè đến, Trời đất chuyển mùa, tôi còn thấy sắc Xuân phản phát trên cành cây tươi mát, ngọn cỏ xanh rì, hoa lá tươi màu. Không khí trong lành ẩm áp khác với khí hậu ở miền Nam Việt Nam, quê tôi nơi chỉ có oi nồng, nóng bức, chỉ có hai mùa nắng mưa. Trong cái khí hậu oi nồng nóng bức đó chính là lúc hoa Phượng trở mình khoe sắc thắm, đỏ cả khắp nơi, trong sân trường hòa trong tiếng ve kêu rộn rã gọi Hè về... rộn ràng chờ đợi...

Một thoáng, âm thanh gợi nhớ bởi tiếng ve kêu râm ran, gợi nhớ bởi hương sắc của loài hoa học trò đã đưa tôi về với cảm xúc êm ả nồng nàn của những ngày oi hè xôn xao nơi mái trường Nữ Trung học Lê Ngọc Hân, Mỹ Tho ngày nào. Ngôi trường đã gắn bó mãi mãi trong tôi với bao mộng mơ, ước vọng yêu thương trong sáng của tuổi học trò, nơi đã giáo dục, nâng niu từng bước cho tôi vào đời, nơi đã từng có các cô Hiệu Trưởng, Giám thị, Thầy Cô đã giáo huấn, dạy dỗ tôi kiến thức, kinh nghiệm như khuôn vàng thước ngọc để tôi vươn lên thành đạt trong cuộc sống, để tôi đứng dậy vững vàng khi thất bại, vấp ngã trong cuộc đời. Nơi đây cũng đã từng có bạn bè thân yêu gần gũi chia sẻ niềm vui, nỗi buồn hồn nhiên, ngây thơ của lứa tuổi học trò mà theo tôi đó là thời kỳ đẹp nhất của đời người với “nhất quý, nhị ma, thứ ba học trò”. Ở đây tôi cũng có một tình yêu tinh khiết, e

ấp then thùng của tuổi ô mai, tôi đã có cả một thời để yêu thương...

Hoài niệm về ngôi trường thân yêu xưa cũ, cảm giác nhẹ nhàng, êm ả cũng đưa tôi về những mùa hè của 50 năm qua. Mỗi mùa hè đến, chúng tôi bụi ngùi chia tay rồi sau ba tháng thong dong lại nô náo trở lại trường để được gặp lớp học, Thầy Cô, bạn bè để được thước tha trong tà áo dài trắng tinh khôi, cặp vở, sách tập còn thơm mùi giấy mới. Rồi ngày lại, ngày qua, mùa hè cuối cấp ba chợt đến, Cuối năm băng khuâng trao nhau quyển tập “Lưu bút Ngày Xanh” hồi hã vội vàng trong trang đầu đã có những cánh Phượng ép khô, với những tấm hình kỷ niệm của cả lớp, có cả những tấm ảnh của các bạn với tóc dài buông xỏa ngang vai, với những chiếc nón lá quai tơ, với tà áo dài trắng dịu dàng, đôi guốc giông mộc mạc đơn sơ, nụ cười e ấp bên góc phượng già trong sân trường. Lớp Đệ nhất C của tôi, bạn bè đều là văn hay, chữ đẹp. Những nét bút trong tập lưu bút là những bài văn hay, những vần thơ lãng mạn, trữ tình rất yếu điệu, bay bướm. Rồi những lời chúc hồn nhiên, dí dỏm được viết bằng mực tím học trò, màu mực tím giống màu hoa Pensée yêu kiều, trang nhã. Tôi cũng nhớ đến các bạn ngồi gần với mình Thanh Phượng, Thanh Giang, Thái Bạch, Ngọc Hiền, Bảy... và cả Hồng Sanh, Thanh với nét chữ nhạc nhòa, cứng cõi.

Tôi cũng nhớ nhiều các bạn cùng cấp nhưng học Ban A, Ban B, những khoa học gia thời đó theo suy nghĩ của tôi, bởi các bạn quá giỏi môn Toán, Lý Hóa, các bạn như Ánh Nguyễn, Kim Dung, Xuân Lan, Điệp, Xuân Phượng, Ngọc Huệ, Tươi, Huệ, Yên, Hoà Hiệp... Tất cả ghi lại những cảm xúc nghẹn ngào, ngậm ngùi để chia tay nhau và chuẩn bị bước vào đời. Ở mái trường này tôi cũng có trái tim rung động đầu đời với tình yêu chân thật xen lẫn một chút dối hờn mỗi lúc tan trường về. Rồi cũng lúng túng, ngượng ngùng khi bên kia đường Hùng Vương rợp bóng mát với hai hàng me già trĩu quả, hàng trăm Nam sinh trường Trung học Nguyễn Đình Chiểu túa ra như những cánh bướm trắng lướt sóng ra khỏi cổng trường để rồi có người “*Khi tan trường về, anh theo ngọ về... trao vội vàng chùm hoa mới nở... Phượng đã sang hè... Bao nhiêu là tình... Anh theo ngọ về...*”

*ngán ngơ, ngán ngơ...*”. Ngày xưa hoàng thị sao vẫn còn vương vấn mãi trong lòng tôi!

Thời gian qua đi, qua đi, lẫn lộn mãi trong dòng đời để được sinh tồn. Trôi nổi mãi để được tồn tại trong vòng xoay của thế sự. Chất sỏi đá chọt đến trong tôi, đẩy tôi xa dần, xa dần khung trời yêu thương đó. Tôi ít có dịp trở về thăm trường cũ, ít có cơ hội gặp lại một số Thầy Cô, bạn bè thân yêu. Dĩ vãng theo ngày tháng chìm đi trong nửa cuộc đời mình. Ngày nay, mỗi người một ngã, kẻ mất người còn, kẻ tóc bạc, người da môi, nhưng ắt hẳn trong một phút giây nào đó cũng đã để tâm hồn mình lắng lại, êm ả trong xúc cảm dạt dào với tình yêu thương bất tận của một thời niên thiếu.

Seattle ngày cuối tháng tư năm 2014

TRUYỆN THỊ LÝ



# MÙA HẠ CÒN ĐÓ SẮC VÀNG

**Phi Phi**

**M**ùa hạ nhiều kỷ niệm nhất của tôi là mùa hạ năm lớp 10 khi lớp học tôi có nhiều nhân tài nam nhi và nhiều giai nhân tuyệt sắc học cùng một lớp. Cũng mùa hè năm đó chúng tôi được đi cùng nhau đi chung chuyến về quê người bạn nữ tên Vân Anh. Lúc bấy giờ sau cuộc đổi đời 30 tháng 4, người bạn này mới tiết lộ chị có một người cha làm lớn nhất cái Huyện An Hoá bên kia tỉnh Bến Tre. Chị từng học cùng lớp với tôi ở Lê Ngọc Hân, sau 1975 Ba chị trở về và là một cán bộ cao cấp thuộc hàng lãnh đạo. Có một điều rất lạ suốt mấy năm dài ở trung học, các bạn thân của chị và của người em trai kế phần lớn đều là con cái sĩ quan cấp Tá chế độ cũ.

Từ sáng sớm tinh mơ chúng tôi đã cùng đạp xe đi từ Bắc Mỹ Tho đi qua Bắc Rạch Miễu khi sương trắng còn bay là đà trên mây rặng bần chung quanh cồn ông Đạo dừa. Đứng trên phà chạy ngang dòng Cửu Long giang nhìn về hướng đông khi vầng dương vừa ló dạng mới thấy hết được cái đẹp của những tia nắng đầu ngày chiếu lên mặt nước từ lúc mặt trời còn đỏ ối đến khi tan loãng ra thành những vòng vàng lăn tăn trên mặt nước, người ta có thể nhìn dòng nước mà đem so sánh được với dòng đời lúc phẳng lặng có khi cuộn cuộn sóng. Bây giờ mới là bắt đầu buổi sáng nên mặt nước lặng lẽ như một mảnh gương trong nhưng có khi vừa quá trưa thì sóng dập gió dồi trời bỗng nổi cơn thịnh nộ khó mà đoán được.

Lúc bây giờ chúng tôi là những thiếu nữ vừa qua tuổi trăng tròn nằm trong hai câu thơ của Hoàng Anh Tuấn:

*Có đi qua xin em đừng đánh phán  
Tóc buông rèm líu tuối thích ó mai*

Còn những chàng trai tài năng thì cũng không thua gì mấy thiếu nữ xinh đẹp, họ cũng bắt đầu mơ mộng thầm kín khi ngồi trong lớp học mắt liếc ngang mà nhiều lúc chỉ thờ dài khi bắt chợt thoáng qua một tà áo, một mái tóc, như nhà Thơ Đinh Hùng đã bắt gặp:

*Làm học trò nhưng không có sách cầm tay  
Có tâm sự đi nói cùng cây cỏ.*

Những ngày chúa nhật cả lớp đi chơi chung khắp Mỹtho khi Cầu Bến Chùa lúc Tân Mỹ Chánh từ bình minh cho đến lúc chiều tà. Nhưng lần này là một chuyến sang sông nên bạn bè lại được dịp mà nhìn ngắm trời nước bao la thuyền bè xuôi ngược, họ được dịp nhìn xuyên qua cái màu xanh của loài bần hoang dã mà kiều kỳ hiên ngang đứng dưới dòng nước bạc chẳng khác gì loài tùng bách nơi xứ lạnh sẵn sàng chịu đựng gió tuyết sương pha. Lại còn một loài hoa trôi bập bênh trên sóng nước có một cành đơm đầy hoa mọc san sát cái sắc tím dịu dàng pha lẫn chút vàng nghệ trên từng cánh mỏng nếu chịu nhìn kỹ hơn hoa lục bình đẹp không thua vì loài hoa lan vương giả, được đánh giá là một loài hoa quý.

Khi chuyển bắc được khởi hành mặt nước dường như nghiêng đi, bến bờ như rộng thêm ra, tiếng còi tàu xúp lê như vọng lên từ dưới lòng sông vang lên nghe như từ một cõi nào xa xăm lắm. Đứng bên lan can chờ phà cập bến tôi nghĩ đến cuộc đời bao giờ cũng được mong đợi từ lúc bắt đầu và lúc khởi hành. Chị Vân Anh tiếp theo nhớ đạp xe chậm chậm để canh tới con lộ ngang là quẹo xuống liền cho nhanh nghe quý vị. Bây giờ tất cả hãy trực chỉ quận Trúc Giang, nào chúng ta cùng đạp nghe, nhớ cẩn thận không để xảy ra tai nạn thì mất vui đó. Cả lớp nghe lời chủ nhà nên ai cũng tập trung chạy tới. Chẳng mấy chốc rồi những chàng trai vừa lớn những cô gái tuổi đương thì đã ngừng một lượt ngay cạnh bờ đất để chờ qua một chiếc phà nhỏ kéo ngang qua dòng kinh hẹp. Ngay góc bến đò cặp sát tay trái là ngôi nhà của sinh viên Trần Văn Ôn mà bài học năm đệ tứ có nhắc tới tên anh, anh đã bị thiệt mạng trong một cuộc biểu tình đấu tranh đòi quyền lợi cho sinh viên. Bức hình 6/9 đặt sau bát nhang hương hoa trên bàn còn rất mới tôi đoán rằng anh vĩnh biệt cõi đời không lâu và lại ra đi trong tuổi đời đẹp nhất đó là...



tuổi sinh viên. Tôi cúi sát nhìn vào khuôn mặt thon dài còn rất đầy đặn, đôi mắt hai mí thật đẹp nhưng như chứa cả một trời buồn, mọi ước mơ còn phía trước nhưng đầy u ám, bên dưới bức ảnh còn có hai dòng chữ viết sắc nét tuyệt đẹp bằng mực tàu đen:  
*Tám lòng bát hủ - Mối hận nghìn thu.*

... Vừa đọc tôi vừa suy nghĩ xa xôi và thấy đôi mắt trong hình như có linh hồn vì anh chết oan mà. Tôi không dám lấy lòng dạ kẻ tiểu nhân để đo lòng quân tử hay lấy mắt kẻ hậu sinh để phê phán người đời trước... tôi chỉ biết khi kết thúc bằng cái chết tất cả sẽ trở thành giấc mơ bị đát nhất của đời sống? Tôi còn đang nghĩ thêm thì T.H. bất ngờ ở sau lưng - P mau xuống bên đi. Phà sắp mở dây rồi đó. Giật mình không hỏi thêm, tôi đẩy xe một hơi xuống tận mũi phà còn T.H. ngồi ngay phía lái tay giữ chặt lấy xe. Suýt tí nữa tôi bị bạn bè trêu chọc vì người nhắc tôi là T.H. Lòng kinh hẹp bề ngang nhưng hun hút bề dài tôi không biết con kinh này chảy về đâu vì vùng này rất xa lạ đối với tôi. Dòng suy nghĩ chưa cạn thì đã qua khỏi lòng kinh rồi, nhưng cũng chỉ là mới bắt đầu một chuyến lên bờ đường phía trước còn xa diệu vợi. Đợi các bạn nam vác phụ xe đạp lên bờ chúng tôi mới bắt đầu chạy cùng lúc.

Không biết ai vừa mở đầu bài "Ngựa phi đường xa" mà chúng tôi vừa đạp xe vừa đồng loạt hát:

- Ngựa phi ngựa phi đường xa, tiến lên đường cát trắng trắng  
xoá tiến lên đường nắng chói chói loá...

Nhưng càng đạp càng thấy con đường trước mặt như dài thêm ra, lúc bấy giờ đã đến giữa trưa rồi mặt trời đỏ những con nóng đỏ lửa xuyên qua kẽ lá làm nhức nhối những đôi vai con gái còn non tơ, những bờ lưng nam nhi vừa rắn chắc cũng ướt đầm mồ hôi. Không ai buồn hỏi thêm chị Vân Anh, vì đường về nhà chị quá xa xôi, ở tận sâu trong lòng Huyện. Để an ủi chị quay nghiêng lên tiếng ráng đạp một chút về đến nhà tôi bảo thằng Thiện bê dĩa xiêm cho quý vị uống ngay là hết mệt liền. Vừa ngừng xe chúng tôi đã thấy ngay một căn nhà ba gian lớn tường gạch đều đã cũ cho thấy chiến tranh không có đi qua vùng đất này nên cây trái vẫn còn nguyên vẹn. Chị cười thân ái - Mọi người vào đây rửa tay rồi bắt tay vào việc, hôm nay cho quý vị ăn bún riêu cua đồng hoa chuối làm ghém và chuối chung bột bán

nước dừa được không? Cả bọn đều cười không ai nói ai nhưng biết là quá đủ, vì mấy tháng qua học hành thật vất vả lại rơi vào ngay cái thời bao cấp thiếu thốn... của đất nước sau 1975. Đang nói chị bảo mà khoan đã quý vị theo tôi ra vườn bẻ trái cây trước đã rồi trở vô làm nước mắm đường, giã muối ớt và lấy cối quết cua để lượt nước nấu riêu. Chị bảo đi thẳng ra ngã trước rồi quẹo mặt liền, nhớ đừng có đi lung tung lạc đường.

Thay vì đi theo mấy bạn tôi sức nhớ quay lại mượn cái rổ nhỏ và xin thêm gói muối trắng để ra ăn ổi tại gốc và chấm me tại gốc. Tuyết Anh giục - Chị đi lẹ lên không thôi bị lạc luôn đó, nghe vậy tôi lo chạy theo quên luôn cái rổ vì mới nghe tiếng nói lao xao của mấy bạn tự nhiên mắt hút qua làn cỏ tranh dày bịt, tôi đi thẳng về phía trước hơi hồi hộp sợ nhất định mấy ngôi mộ cổ xưa... trong vườn lạ. Đang đi tôi nhìn trong lớp cỏ đuôi chồn rậm rạp có một chùm cây chùm gạo, trái non màu trắng như hạt Pearl trái già màu tím thẫm như hạt chuối có điều hạt hình oval thuôn dài rất sắc sảo, tôi mừng quá cứ lần theo mãi xen trong đám cỏ lát, cỏ u du, cả dây nhãn lồng đang có nhiều trái chín thơm ngọt bên trong có lớp hạt chua chua kết dính mời gọi... Tôi chưa hái kịp phải lần cho hết mấy cây chùm gạo mà quên luôn chuyện ra gốc me với các bạn, cố bẻ nguyên cành và càng lúc tôi càng đi lún sâu vào đám cỏ rậm... chợt có tiếng chân sột xoạt đến gần làm tôi giật mình rung bật khi thấy T.H. đi sát bên tôi cất tiếng hỏi - Ủa P tìm gì ra đây một mình trong đám cỏ vậy? Vì vừa giật mình nên tôi chưa kịp hỏi sao H cũng đến đây một mình chi vậy thì bốn mắt cùng nhìn về gốc quao đầy lá bên trên đầy trái quăn queo có đầu nhọn như đầu mấy chiếc sừng nai màu xám nhạt, lá quao xanh đậm và có mùi hăng hắc rất khó chịu... bên dưới là một quả đạn B40 sáng loáng màu đồng đỏ có cán dài đầu như búp sen, phản ứng tự nhiên tôi hét... trời ơi ... “Nổ”.

Nhìn trái đạn tôi nhớ ngay đến cái chết tức tưởi của người em cô cậu, Ánh Xuân, khi vô tình vướng phải trái M79 trước sân mộ nhà nội tôi sau 1975, cô ra đi khi vừa bước vào cái tuổi trăng rằm như người con gái xinh đẹp trong thơ Nguyễn Nhược Pháp – Em bây giờ mới tuổi 15, em hãy còn bé lắm chứ các anh... ơi! Nỗi ám ảnh thương tâm đó khiến tôi chạy như bay, giờ thể dục chạy xa bao giờ tôi cũng thua điểm H mà bây lại ăn đứt rồi, nhưng trên tay vẫn giữ chặt mấy cành chùm gạo bất kể gai móc

cỡ, cò may dưới chân tôi chạy ngược về phía trước, quá mệt tôi đứng lại thở hổn hển tiếng T.H. vang lên đứng lại đi P ơi xa lắm rồi, không sao đâu. Lúc bấy giờ tôi mới nhớ ra, tôi đã chạy quá đà và lạc lối về cửa nhà chị Vân Anh rồi nhìn xuống cả hai ông quần bám đầy cò may dính chần chịt mồ hôi nhuế nhại, hoàn hồn tôi bắt đầu thấy ngược, H lên tiếng mà sao P hốt hoảng dữ vậy? Trái đạn chưa nổ đó là trái đạn còn nguyên. Nhưng đung vào thì nó sẽ nổ - dĩ nhiên rồi Nhưng rùi nó nổ thì sao? “Thì chết cả đôi chứ sao?”. Mặt tôi xanh chành không còn sợ trái đạn mà bắt đầu sợ những lời kỳ cục của H thốt ra giữa khu vườn hoang vắng... nên giục H vào một mình nhanh đi giờ này Ngọc Tuyền, Ngọc Châu đang chặt dừa nạo cho mọi người uống đó - H ở lâu sẽ mắc công có người đi tìm và giải thích thế nào đây??? Nhưng bỏ P một mình H hoàn toàn không yên tâm vậy P hãy dùng cò đuôi chồn mà rải theo chân H, nếu bị lạc hãy nhìn dấu cò có mà... đi “Giống như Mỵ Châu rắc lông ngỗng trắng cho Trọng Thủy biết đường mà tìm gặp vậy”. Tôi bất ngờ trước một thí dụ vừa “tính toán” vừa xui xẻo, nhưng nếu cãi thì H còn nói hoài nên đành chịu thua - Ú! đừng lo nữa, đi lẹ đi, nhưng nhớ giữ kỹ chuyện vừa xảy ra nhé! Mất mặt lắm! Được rồi không nói - Chết cũng không nói.

Đội H đi thật lâu tôi mới lặng lẽ bước vào nhà với mấy cành chùm gạo trên tay, các bạn nữ thấy cành cây lạ thì quên mất chuyện vắng mặt của tôi (tôi đã đoán biết nên dành phần đi sau là vậy) la lớn: đẹp quá, lạ quá P hái ở đâu vậy? Họ vô tình không hề hay biết tôi đã bị lạc cả giờ đồng hồ, còn H thì cũng mất tích nửa tiếng trong khu vườn rậm nhưng chính cành chùm gạo đã cứu nguy tôi không bị phát giác chuyện vừa qua, chị Vân Anh thật thà, ở vườn nhà ta, ta còn chưa biết cái loại cò này, con nhỏ này sao nó biết đủ thứ... coi chừng có ngày đụng phải chất độc là chết oan mạng như công chúa ngủ trong rừng đó nghe em, Bạch Đào luôn có đề tài để chọc phá Bạch Tuyết còn có hoàng tử cứu sống còn P là thành hôn ma vất vương luôn vì - Nợ tình chưa trả cho ai - Khỏi tình mang xuống tuyền đài chưa tan. Ủa nợ của ai vậy? Bạch đào chưa tha - Chuyện đời tư của người ta ngu sao mà kể. Chị Vân Anh chợt cười lên - Vậy việc đó để điều tra sau bây giờ phải lo ăn uống trước đã. Rồi chúng tôi vào tiệc ngoài nổi bún riêu cua đồng nóng bốc khói ăn với bắp chuối trộn rau răm,

húng cây, húng quế, ngò gai, kinh giới, nôi chuối chung nước cốt dừa bột bán béo ngậy là chính, còn lại là trái cây xoài tượng chấm nước mắm đường, măn cầu xiêm dầm nước đá đường, đu đủ chín mềm cắt dọc còn vỏ, ổi rẻ quạt, ổi xá lị chấm muối ớt, quả dừa nước bỏ đôi ruột dừa dòn dai như quả thốt nốt của xứ Campuchia rồi dừa xiêm chưa cứng cạy nên cùi dừa vừa mềm vừa ngọt thanh. Còn có thêm một rô mía mấy bạn nam đã tiện thành những khoanh tròn đều đặn, tôi chợt nhắc các bạn ơi đợi tôi ra vườn bẻ hoa bưởi vào ướp mía cho thơm rồi mọi người hãy ăn nhé... Ngọc Châu mở to tròn mắt - con gái đồng bằng sông Cửu Long mà cũng bày đặt ướp hoa bưởi vào mía là “đánh cắp bí quyết từ miền Bắc quê tôi rồi”. Nhưng cuộc vui nào cũng phải chấm dứt như hai câu ví: "Hoa nở để rồi tàn, hớp bạn để rồi tan."

Rồi chúng tôi khăn gói làm một chuyến trở về, mặt trời chiếu ngược từ hướng tây những tia nắng vàng sậm vẫn còn đủ sức làm ửng hồng những đôi má mịn màng như quả táo chín xen trong những nàng giai nhân còn đầy xuân sắc là những chàng tuổi trẻ tóc tơ bởi gió, mộng vàng ngất ngây. Chuyến về bao giờ cái khoảng cách cũng thấy gần hơn chuyến đi... Vườn dừa bỏ lại sau lưng dòng kinh giờ cũng xa dần, phía trước là cái đồng lúa sau mùa gặt mênh mông dưới nắng chiều cái màu nâu nhạt của gốc rạ của rơm khô hắt lên từ mặt đất như nhuộm vàng đi cả cái khoảng không gian bao la kéo dài ra đến tận chân trời.

Đang chạy phom phom, bỗng có vài bạn nam lên tiếng xe bị cán đá, vương nhằm gai phải ngừng lại vá mới về được. Cũng may nơi trên đoạn đường vắng vẻ xa xôi đồng khô cỏ cháy lại có một cậu bé ngày ngày ngồi vá xe đạp vừa tìm kế sinh nhai vừa giúp được người trong cơn hoạn nạn bị bể bánh xe. Quang Dũng là người đầu tiên đề nghị cả bọn ngồi xuống những bó rơm đã được cột chặt như nhiều chiếc ghế ngoài trời cũng như Tường Hội cả hai chàng trai này nổi nhất lớp, Quang Dũng giỏi toán giỏi văn giỏi luôn địa lý, sử ký... đọc bài xong gấp sách lại nhớ từ dấu chấm dấu phết trên từng trang sách, Tường Hội thì không phải chỉ toán Lý Hoá không thôi còn xuất sắc luôn văn chương và anh ngữ nữa, con gái chúng tôi cũng nhào tới dành phần mỗi người một chiếc ghế rơm vừa ngồi xuống tôi nhớ ra ngay Quang Dũng hát bài “Tình ca” thì tuyệt vời như ca sĩ nên tôi không ngại

mà đề nghị liền, Quang Dũng không chối từ cất giọng ngay giữ trời hoàng hôn còn băng láng bóng vàng, tôi thích nhất hai câu:

*Sóng nước Cửu Long còn đỏ em ơi.*

*Bãi mía nương dâu còn mãi muôn đời là bài tình ca của đôi lứa ta.*

Lời ca vang lên trong buổi chiều nhạt nắng nó vang xa ra tận những cánh đồng lân cận tới tận bìa của một vài ruộng bắp phía chân trời xa lá bắp đã già nên lá chuyển sắc lưa ngà. Tôi đang say sưa lắng nghe từng câu từng chữ trong bài nhạc vừa nhìn lên chạm vào ánh mắt của Tường Hội tự nhiên mặt anh đỏ hồng làm tôi ngưng ngưng khi nhớ lại chuyện buổi trưa vì quá sợ trái đạn M79 sẽ nổ mà chạy bắt kê trời đất. Nhưng hy vọng “bí mật” này sẽ được giữ kín như lời hứa. Đang nghe ca tôi bị lo ra vì cái nhìn của Tường Hội lại hướng tiếp về tôi có chút chi phối. Chợt nhìn kỹ hơn cái dáng gầy gầy với khuôn mặt dài, chiếc mũi cao thẳng và đôi mắt hai mí mơ màng xa xôi, theo sách tướng những người này luôn thông minh và tài giỏi hơn người khác.

Riêng tôi lòng vẫn vô tư mà thầm nể nang người bạn trai cùng lớp lúc nào cũng thuộc bài vanh vách, tất cả các giáo sư đều yêu thương hảnh diện mỗi lần gọi tên, mà không biết người bạn này mắc bệnh gì mỗi lần Thu Hà lên bảng trả bài là anh chàng bị đỏ mặt có khi chịu không nổi phải úp mặt luôn xuống bàn. Thu Hà học giỏi, tính cô kiên nhẫn cái gì cũng học được mới ở vào cái tuổi teenager không phải chỉ giỏi những môn học ở trường thời đó còn quá sớm vậy mà cô đã biết lái xe con và đánh tốc ký. Cô có khuôn mặt thuần dài cảm nhận như nàng công chúa trong phim Ba hạt dẻ dành cho lọ lem. Cả lớp ai cũng tin rằng hai chữ H này đã biến thành chữ H bình phương từ lâu bởi “trao tài gái sắc” mà. Nhưng H dính chảnh với cả bạn bè nam, chàng hoàn toàn không có tình ý gì với chữ H kia cả.

Từ chuyện đó tôi rút ra được một bài học những nam sinh thường có đặc tính, dù đang để ý một người mà bị chọc là coi như không kết quả. Bởi vì bản năng họ là giống đực bao giờ cũng thích là người chinh phục trước. Giai nhân thì cũng nhiều nhưng tôi chỉ thân với Diễm Lan từ thời tiểu học vì Mẹ của Lan là cô giáo thời tuổi nhỏ của tôi, con nhà giàu học giỏi vui tính. Nhắc Diễm Lan tôi nhớ ngay đến anh Huê, quê ở Mỹ Phong bên

kia Cầu vĩ của Mỹ Tho, anh có phần thông minh vượt trội hơn hai bạn. Trong một lần thử tài năng, thầy Phạm Văn Hữu dạy Vật Lý đã giao cho anh một ổ khoá đã khoá sẵn không có bí số anh đã tự dùng xác xuất mở được ổ khoá ra trước sự kinh ngạc của bạn bè và sự chứng kiến của Thầy. Diễm Lan rất phục tài anh Chí Trung, lại là người đến trước. Bạch Đào là cô bạn trẻ mặt tròn như trăng rằm lùn thấp nhưng rất có duyên viết chữ đẹp tuyệt vời và có biệt tài nhảy luôn nét chữ của vài người nam sinh trong lớp. Trong một chiều mưa giờ sinh ngữ cô Quý bị bệnh nên ra lệnh học sinh ngồi tại lớp làm bài, Bạch Đào ngồi viết thư tình giả danh con trai ký tắt hai chữ BÐ rồi chuyển tay cho các bạn nữ. Đọc mấy lời ướt át ai cũng đỏ cả mặt và cũng... không ai kịp nhớ BÐ là gì suy diễn thành Bác Đạo, kết quả người nam sinh đàn anh luôn đóng vai người đứng dẫn nhất lớp bị cả đám con gái chửi ngăm. Tôi cũng nằm trong số hiểu lầm đó.

Rồi thời gian cũng qua đi cho đến một ngày cuối năm tôi ăn chay theo mẹ tôi ngày mừng một tết, không biết lý do gì tôi bị dị ứng đậu nành ngứa hai bên gò má. Nửa đêm tôi thức giấc soi gương thấy mấy hạt li ti bây giờ mọng nước. Tôi lục tìm cortibion của chị tôi hay để trong tủ thuốc không còn nữa, nhưng bên cạnh có mấy chai pomade loại cực mạnh của USA còn lại từ trước 1975 của Ba tôi, tôi lặng lẽ bôi vào hai gò má rồi lên giường ngủ lại. Sáng ra thì trời ơi hai gò má non tơ của tôi đỏ au như hai dê lát. Mẹ tôi hốt hoảng nói con xúc làm thuốc của nhà binh Ba con để dành xúc ghê rồi. Nhưng mấy ngày sau tết phải trở lại trường hai gò má còn đỏ ao không ai dám hỏi nhưng giờ chơi đi ngang bàn anh Đạo thấy mặt tôi buồn không ra khỏi lớp anh đứng lại nói nhỏ - sau giờ tan học chờ anh có chuyện hỏi P. Tôi gật đầu và hơi lo lắng, đợi bạn ra hết anh đứng đối diện chỗ tôi ngồi anh nhìn thẳng tôi rồi nói. Anh xem em như em gái của anh nên anh mới nói, nếu anh không phải thì em bỏ qua cho. Mặt tôi tái ngắt gần hồi hộp đợi anh lên tiếng - Da em mịn màng trắng trẻo đâu có thua ai đâu mà em đi “lột da mặt”, em đua đòi coi chừng hư luôn làn da đẹp thì thật là oan uổng đó. Nhưng cũng từ vụ đó tôi cảm động tìm hiểu để thanh minh cho anh mấy mảnh thư tình “ném đá giấu tên” của người ký hai chữ BÐ. Mọi việc hiểu lầm như một lượn sóng ngầm vừa ngoi lên đã bị dập tắt từ đó anh bắt đầu được nể nang hơn.

Không ai hiểu lý do gì Quang Dũng đang học giỏi nhất nhì lớp, con đường đại học còn thênh thang phía trước Dũng đột nhiên bước xuống cuộc đời rồi đi lấy vợ thật sớm. Tôi ngâm ngùi cho một nhân tài học đâu nhớ đó lại chịu dang dở đường công danh. Anh chỉ cười buồn đọc hai câu thơ Nguyễn Đăng Hà:

*Giữ em như giữ nhân tình ấy,  
Em cũng bỏ ta leo dốc nửa vời.*

Mãi về sau chúng tôi mới biết ra sự thật Ba anh là một CSĐB của Sài Gòn cũ. Huyền thoại về chàng trai đáng gờm, học giỏi còn lại hay đỏ mặt vẫn chưa chấm dứt...

Có một điều lạ không biết cô gái nhà quê như tôi có ân oán gì với anh chàng hay đỏ mặt này mà tự nhiên có nhiều kỷ niệm vô tình tiếp tục xảy ra, từ ngày đụng phải trái đạn B40 trong khu vườn hoang vắng nhà chị Vân Anh đến cái đêm đốt lửa trại trong sân trường NĐC, anh lại bất thần xuất hiện sau lưng tôi dưới ánh đèn vàng vọt hắt xuống từ gốc me Tây nhật trùm tôi chiếc khăn len quàng cổ, không để ý người lượm chiếc khăn quàng ngược vào cổ tôi là H... Rồi đêm Noel, anh ghé nhà rủ tôi đi thăm anh Đạo, năm đó anh Đạo học Đại học Anh Ngữ nên ra trường trước Hội. Có một điều bạn bè cùng lớp không ai hay sau ngày đậu Đại học Bách khoa ngành xây dựng với số điểm thủ khoa, anh còn có một lần về thăm quê tôi. Buổi chiều Má tôi nấu canh gà lá cách, lên mâm cơm anh kín đáo gấp vào chén tôi quả tim gà. Tôi ngó lên sợ người nhà nhìn thấy... nếu biết suy nghĩ thêm... một chút thì đoạn kết cuộc đời hai người học sinh học từng học chung một lớp sẽ là có một... "happy ending."

Cuộc hội ngộ sau vài năm xa cách sân trường hôm đó đặc biệt có mặt Thầy Phạm Trung Liêm dạy Vật lý Nguyễn Đình Chiểu cũng là chủ nhiệm của cả lớp toán C5 (sau 1975 B đổi thành C), tôi gặp Thầy vẫn trẻ trung, vẫn phong độ (Thầy chỉ mới ngoài tuổi 30 lúc đó) với giọng cười sang sảng.

- Không ngờ trái đất tròn Thầy gặp lại em ở đây.
- Dạ em cũng hân hạnh lắm mới gặp lại Thầy...

Mặt Thầy rạng rỡ:

- Cũng chưa biết là hên hay xui đó cô học trò ạ!!

- Thầy bỗng cười khanh khách, nhưng mà Thầy nhắc em bữa nay cũng nên đề phòng một chút vì em đang bị cái cảnh “hoa lạc giữa rừng gươm” tình hình coi bộ “duang thịnh âm suy” rồi đó, hãy ngồi xuống cạnh Thầy đi có gì Thầy giúp đỡ cho. Tôi ngoan ngoan ngồi xuống ... Đang gấp tai nắm mèo từ đĩa lòng gà xào Bát Bửu trên bàn ăn ở nhà trong trước khi chờ sang nhà Đức dự buổi tiệc heo quay, Thầy chợt hỏi tôi

- Cái này là gì vậy em?

- Dạ! Thưa Thầy nắm mèo.

- Vậy nắm mèo gọi là gì vậy em?

Nghe Thầy hỏi đến câu này tôi càng tự hào vì những cái từ nấu ăn trong bếp: Bắc Trung Nam gì tôi cũng rành hết! (nghe của nàng mà) nên có chút chủ quan.

- Thưa Thầy nó còn gọi là Mộc nhĩ nữa ạ.

- Vậy mộc nhĩ gọi là gì nữa em?

- Dạ thì cũng chính là nắm mèo đó Thầy.

- Trật lất! Thầy tỉnh bơ “mai mĩa”.

- Lính tráng của cô Diệu Thông, học trò Lê Ngọc Hân nổi tiếng: công, dung, ngôn, hạnh.

- Mà không biết mộc nhĩ là gì à? Tôi quê hết sức vì bị Hồ Chí Thành dân NĐC ngồi đối diện, cố bình tĩnh, tôi hỏi lại: - Vậy Thầy bảo nó tên gì mới gọi là chính xác hả Thầy??

Thầy cười ha hả... Tên nó là... Lỗ tai cây ... mộc là gỗ - nhĩ là lỗ tai. Trời ơi!? Văn chương Hán học để đâu mà không giải thích được.

- Chí Thành ba phải:

- Dở ẹt! Vậy cho điếm trừ là phải rồi Thầy.

Tôi đỏ mặt: - Hãy đợi đấy!

Chiếc ghe của Đức chạy sát mé sông nhiều lúc xuyên qua mấy nhánh bần loa xoà tôi đứng lên tranh thủ hái nhưng chỉ toàn bần xanh mà không có trái chín, tôi bứt được cái bông bần có



nhieu nhụy trắng tua tua rồi ngồi hít cái hương thơm nhàn nhạt của mùi lá cây - Từ lúc bước xuống ghe đến giờ cả lớp im thính thích, lúc bấy giờ chỉ còn nghe tiếng máy ghe hoà tiếng sóng vỗ dưới mạng thuyền, nhưng khi thấy tôi ngắm nghía cái bông bần một cách say sưa thì Hội không chịu đựng được nên lên tiếng:

- Đẹp quá phải không P? Dĩ nhiên nên tôi mới ráng hái cho được đó - P biết tại sao nó đẹp không?

Không suy nghĩ tôi trả lời: - Tại nó mới nở.

- Đúng rồi! Thông minh quá! Hoa nào mới nở cũng đẹp cả, còn lúc tàn thì dù vương giả cũng không ai buồn ngó.

Trong cảm thấy không vui nên gay gắt - Đó là quy luật mà, mấy người nghĩ xa chi cho nó mệt, ai sống mà không già, hoa nào mà không tàn. Tôi chợt nhớ một lời ca nghe từ hồi còn rất bé, từ cái hát máy xưa cũ của Nội tôi nên lên giọng:

- Tôi nghe nói từ thuở xa xưa đi từ cõi trần đến cõi tiên rất dễ dàng mà người ta vẫn từ chối vì “Đó là nơi hoa không tàn trắng không khuyết, nhưng hoa không tàn hoa đâu còn đẹp nữa, trắng không khuyết thì càng làm trơ trên vàng trắng”. Thầy Liêm bắt ngờ khen hay? Chí Thành phản đối - Thầy mới trừ điểm âm, bây giờ Thầy cho hệ số 2 nên điểm lên lại 20/20 rồi. Đừng có vội chuyện đâu còn có đó mà. Thành Nam ngó thẳng mặt tôi nở một nụ cười ngọt ngào, tôi giờ một chiếc giày làm hiệu thay cái microphone, Nam nhăn mặt lắc đầu, nhìn xuống mặt sông loang loáng vàng cái màu nước có mang phù sa và có những dòng bọt trắng tôi nghĩ đến cuộc đời hụp tan không khác gì bọt sóng, ngày hôm nay gặp gỡ vui chơi nhưng biết khi nào gặp lại thì ghe đã về đến bến.

Con đường vào nhà lỏi mòn đi giữa hai bên bờ là cây ăn trái, sum xuê. Bỗng trước mặt là một dòng kinh rộng xanh biếc vì ẩn màu lá cây xung quanh phản chiếu xuống mặt nước êm đềm. Một chiếc đòn dài bắt ngang, tôi còn đang ngại nếu vừa đi vừa xách giày sẽ chùng chân té nhào xuống dòng nước, chiếc áo trắng mới toanh của tôi ướt đẫm nước sẽ dính sát vào cơ thể vừa lớn trước mặt Thầy và tất cả đều là nam sinh chắc tôi có nước “độn thổ” xuống đáy hồ mà chết. Đang tần ngần lệt đôi sạp cao gần 7cm (sống trong thời bao cấp mà tôi còn mode dữ vậy?) thì

thầy Liêm đi trò tới bằng một giọng ôn tồn vừa của người đứng trên bục gỗ vừa “ngọt lịm như đường... hoá học”: - Chí Thành ơi! Nhờ em mang dùm đôi giày của P sang bên kia bờ đất trước dùm Thầy nghe em. - Dạ! Tuân lệnh Thầy! Thầy bảo gì em cũng nghe mà! Hơn nữa giúp “người đẹp” thì em sẵn sàng.

Mặt Chí Thành hân hoan, sung sướng giơ cao đôi giày lên khi qua được hai phần ba đoạn cầu. Thầy bỗng gọi các em đứng hết lại mà xem, mọi người cùng loạt xoay lưng nhưng quá bất ngờ nên không ai kịp nghĩ Thầy theo gương Hồ Tôn Hiến làm chết đứng Từ Hải giữa trận tiền.

- Ê cái mặt đẹp trai vậy mà xách giày cho con gái.

Biết bị Thầy gài bẫy Chí Thành... định phản đối... nhưng đã quá trễ. Cả đám được dịp cười rộ, Hội kín đáo ngó tôi đưa ngón tay cái lên ra chiều đắc ý. Trong thì thường ngày nói năng rất mạnh dạn nhưng bữa nay sang nhà Bố vợ tương lai nên ngậm như hén nhưng cũng cố gắng liếc tôi mỉm cười. Cả Trong và Hội từ đầu tới giờ thấy Chí Thành mới gặp tôi lần đầu đã lẻo đẻo theo sau suốt từ bàn ăn ra đến bến ghe rồi cả trên đường đi cả hai có vẻ khó chịu mà không dám lên tiếng, có mặt Thầy sợ mang tiếng “nhỏ nhen”.

Cũng từ đêm đó trở về cũng là lần đi chơi cuối cùng vì Trong đi lấy vợ, tôi không còn dịp gặp để kể với Trong là từ đó về sau Hội thường xuyên ghé nhà tôi, ngôi nhà có giàn hoa giấy màu đỏ xác pháo nở suốt bốn mùa, Hội tiếp tục kể cho tôi nghe chuyện sống ở ký túc xá xa nhà một mình...

Chuyện của những ngày ăn bột mì luộc muối, ăn cơm gạo mốc với canh rau muống lỏng bồng giữa đất Sài Gòn hoa lệ, kiên nhẫn trả cho xong nợ sinh viên? Tôi không tin những chàng trai đang ngồi ở ghế đại học mà bỏ qua những người con gái tài năng bên cạnh nên đọc cho anh nghe bốn câu thơ của một bậc đàn anh từng học ở Văn khoa:

*Ta nhớ ngày xưa cuối giảng đường  
Mắt đầy sao và áo đầy hương  
Em đem trời đẹp vào trong lớp  
Ta thấy đang hè bồng hoá xuân*

Mặt anh lại đỏ lên bảo rằng mấy người thiếu nữ ở bậc đại học thường mộng cao vời hơn tâm tay với của anh... Tôi không tin lắm nên cãi tay đôi, và thường thì anh chịu thua... Nhưng nếu chỉ đơn giản:

*Hai người có buổi băng khuâng quá  
Kể chuyện mưa xuân với nắng hè*

... Thì câu chuyện sẽ còn nói tiếp diễn nhưng anh đã nói với tôi nhiều câu bóng gió xa xôi... khuyên tôi phải nghĩ nhiều đến việc lập gia đình... Rồi anh tiếp tục đem kiến thức đại học để dạy tôi về cái tuổi vừa lớn, lòng tôi lúc đó còn thơ ngây như loài trai, loài hén nằm dưới dòng nước ngọt êm ả, những lời phân tích của anh như sóng biển như gió gào, tôi sợ quá khép chặt lại và vùi sâu vào lòng cát mãi mãi... Anh biết là tôi giận thật rồi... Những buổi cuối tuần từ Sài Gòn về Mỹ Phong xa xôi rồi đạp xe lên gần bến Bắc mới, anh kiên nhẫn ngồi ngoài cổng rào ngó lên giàn hoa giấy lất lư trong đêm tối chờ tôi đi ngủ rồi đạp xe về nhà để thay cho lời xin lỗi.

Lần cuối cùng trời đổ cơn mưa tôi bất chợt đứng lên khép vành cửa sổ chỉ kịp nhìn thấy mưa rót xuống tóc xuống má và anh đã đưa tay lên vuốt mặt tôi thật thà không hiểu đó là nước mưa hay nước mắt. Không đầy một năm sau anh đi lấy vợ người vợ anh là là người bạn tôi không thân, nhưng chúng tôi đã ngồi cạnh nhau khi còn học ở LNH, cái đáng buồn là cả hai bên “không ai thềm mời” tôi đi đám cưới!!!!?.

... Rồi đến lượt tôi rời bỏ đất nước âm thầm đi theo diện ODP, bị vạ vào thân câu đùa giỡn năm xưa nên phải đặt chân lên cái đất nước còn ở dưới trần mà cũng có “hoa không tàn trăng không khuyết”, nhưng hầu hết bạn bè còn ở lại phần lớn đều thành tài như chị Vân Anh sau khi rời Đại học Sư phạm về sở Giáo dục tỉnh Mỹ Tho, anh Khắc Thiện ra trường bốn năm thì về Sở Điện Lực Tiền Giang, anh Đạo giáo sư Anh văn nổi tiếng hơn 30 năm qua ngay thành phố Mỹ Tho, Tường Hội là một Tiến sĩ xây dựng đầu tiên của tỉnh nhà Mỹ Tho (có điều hôn nhân tan vỡ), Quang Dũng mặc dù bước xuống cuộc đời quá sớm nhưng vẫn cố gắng nuôi em trai học thành tài, BS Trần Quang Lộc từng mở phòng mạch ở đầu đường Đồng Đa Mỹ Tho chính là em ruột của người bạn học giỏi hát hay ngày nào. Ngọc Châu đến Mỹ từ

những năm vượt biên đầu thập niên 80 được Hội thánh Catholic giúp đỡ đã trở thành một Giảng sư ngành Sử của Hoa kỳ... Bạn ngoài lớp tất cả dân Bách Khoa ra trường ngày đó con cái đều thành tài, bạc tiền quyền lực có cả hai sau cái bằng Đại học. Đặc biệt Thanh Trọng với cái tài “lãnh đạo” bẩm sinh, bây giờ cũng đứng trong hàng ngũ - Đại gia. Nhiều năm trên xứ người Cali vẫn có những đêm mưa cuối mùa nặng hạt tôi một mình đứng lên khép vội vành cửa sổ và chợt nhớ cái dáng gầy guộc của chàng trai năm nào đã bỏ chạy... trong đêm mưa gió nào nê.

Mỗi khi nhớ về tuổi học trò, tôi còn mơ thấy cái thuyền ngồi chung với các bạn lớp toán C5 và giọng cười của Thầy Liêm giòn tan vọng xuống dòng Cửu Long trên đường về dưới màu vàng của một mùa trăng huyền hoặc. Riêng cái mùa hạ vàng kỷ niệm, nhớ hai gò má của anh bạn cùng lớp đỏ hồng lên giữa cánh đồng hoàng hôn, của quả đạn B40 đầy kính hải sáng loáng màu đồng, trái nhãn lồng màu vàng chanh dành cho chim quỳen tới nhặt, cảnh cỏ đuôi chồn màu vàng nâu nàng My Châu (LNH) từ chối dùng nó thay cho lông ngỗng trắng không chịu rắc xuống đường để chàng Trọng Thủy (NĐC) mất dấu tìm nên suốt đời phải lạc nhau mãi mãi.

Phi Phi  
(cựu học sinh NĐC-LNH)



# T HỊ XÃ ĐÊM CHỜ NGHE PHÁO KÍCH

## Đoàn Xuân Thu

**N**ăm 1966, sau bảy năm vòng vo tam quốc lại trở về quê cũ. Từ già khu Tân Định nhộn nhịp đông vui. Từ già đèn đường thủy ngân Hai Bà Trưng sáng lóa của Sài Thành hoa lệ!

Quê cũ người về với đèn néon vàng vọt! Những đêm lướt thướt mưa! Thiêu thân bay đầy trong mờ mờ tối!

Mỹ Tho, thị xã gần với chiến tranh hơn!

Đêm! Nghe cái ‘bụp’ là hỏa châu vọt lóe lên bầu trời! Hắt những ánh, phản chiếu nhiều màu sắc cầu vồng, ảo ảnh xuống dòng sông Mỹ đang lặng lẽ chảy xuôi ra biển!

Phía bên sông, sau con sóng, là Cồn Tân Long! Những ngọn đèn dầu đêm đêm từ những căn nhà chành vênh trên cọc trong bãi phù sa, hắt ra như những bầy đom đóm, tụ lại từng đốm một, dọc dài theo những dãy bần xanh, lay trong gió! Như những phận người tụ lại, thoi thóp cháy, thoi thóp sống trong gió bão chiến tranh này!

\*\*\*

Căn nhà cổ xưa đó được phân hai. Một bên là Buu Điện, một bên là nhà ở.

Nơi có má, có ba, có anh, có em quây quần mỗi tối! Bình an đoàn tụ đêm nay! Sao biết được đêm mai có chia lìa tử biệt?

Việt Cộng pháo kích nhiều! Đêm đêm chớp lửa và tiếng đạn ‘đê pa’ phát xuất từ Cầu Vỹ. Ba kêu người về đào hầm trú ẩn! Sâu xuống nền nhà. Trên chát đây mấy tầng bao cát. Khi mặt đất không còn an bình nữa; người ta chui xuống đất!

Nửa đêm! Tiếng pháo! Thường là 130 ly, cối Trung Quốc!

Nơi tử thân bay đến là thị xã. Còi báo động trên lưng chừng tháp vì ba phía sau Ty Bưu Điện hú lên âm ỉ, vang lên từng chập... như tiếng ‘tru’ đòi máu của loài quỷ dữ!

Anh bé em thơ đang sật sù, say ngủ! Chạy lom khom tới hầm trú ẩn! Đưa em mình tuột xuống cửa hầm trước! Rồi mình tuột xuống sau. Ba dìu Má xuống sau cùng!

Tiếng u u xé gió của đạn pháo! Chớp nháng, đánh ‘oàng’ một cái! Miếng phang nghe rào rào trên mái ngói.

Thị xã đêm chờ nghe pháo kích! Khóc lên đi ôi quê hương yêu dấu! Việt Nam!

\*\*\*

Đêm qua, pháo vượng vào những thanh sắt của đài vi ba, rơi xuống đất rồi nổ. Miếng xuyên vào thân trần sức sống của một em gái mới chớm xuân thì. Người ta đặt em lên chiếc ghế bố vì không có băng ca, hốt hoảng đưa em vào bệnh viện. Nhưng không cứu được vì miếng trúng tim. Cái tuổi xuân thì đó chết một cách bất ngờ, tức tưởi! Tại sao?!

Minh không biết những sát thủ giấu mặt khi vuốt một quả cối 130 ly vào nòng súng tựa lên bàn tiếp hậu, để bắn đi... Có nghĩ rằng mình đang gây ra một tội ác tày trời hay không? Chắc không! Vì nếu có! Thì ai nữ đang tâm giết người vô tội như vậy chứ! Lòng căm thù do tẩy não đã biến trái tim người thành sỏi đá vô tri!

Tiếng pháo kích chỉ im bật khi pháo 105 ly trong thị xã bắt đầu phản kích.

Tới phiên những người dân quê! Khuya nay bừng tỉnh giấc! Chạy ào xuống ‘tán xê’ để mong giữ được mạng của mình!

Rồi những phương tiện thô sơ trong thị xã: xe xích lô, xe gắn máy chở người bị thương vào bệnh viện!

Chờ đêm hết giới nghiêm thì những chiếc xe lam, treo một lá cờ nhỏ, có chữ thập hồng từ một chôn quê, chở những người dân, thân đẫm máu, nằm trên băng ca, đặt trên sàn xe, chạy hoảng loạn vào bệnh viện! Ánh đèn vàng hiu hắt! Cho anh trắng đêm nay! Cho em hầm trú ẩn. Em thức giấc sáng mai. Hỏi ai còn ai mất? Ai còn! Rủ khăn xô! Ai mất! Vui xuống mộ!

Đêm qua rồi đêm nay! Ngàn đêm như thế đó! Thị xã buồn  
thu nhỏ lại trong đêm!

Sau đêm là ngày! Ngày tang chế! Mộ trắng đồng! Trắng cả  
một cõi đất quê hương!

Ôi chiến tranh! Số phận người dân, ở thành, ở quê! Đêm  
chết! Ngày chôn!

Thị xã đêm chờ nghe pháo kích! Khóc lên đi ôi quê hương  
yêu dấu! Việt Nam!

\*\*\*

Chiến tranh là một tội ác! Nhứt là giữa những người cùng  
chung một tiếng nói, một màu da, một chủng tộc. Vậy mà không  
hiểu sao giờ này người ta vẫn còn tung hô, tán tụng cuộc chiến  
tranh này?

Chúng ta không thể thương yêu nhau được hay sao? Không  
thể tôn trọng quyền được sống của nhau sao?

Tại sao phải dùng bạo lực từ nòng súng mà sai khiến, mà  
khua phục người khác! Mình sống theo cách mình thích thì cũng  
cho đồng bào, bà con sống theo kiểu họ thích chứ! Phải không?

Cái mộng tranh bá đồ vương! Để làm gì? Có chăng là để viết  
nên những trang sử đẫm đầy những máu của đồng bào.

Đời người ngắn ngủi! Thời gian không đủ để chúng ta yêu  
thương nhau thì sao còn có để tạo căm thù?!

Gần 40 năm sau cuộc chiến! Bộ thời gian chưa đủ dài, đủ  
chín để suy ngẫm lại! Để hối hận, để ăn năn những gì mình đã  
gây ra... làm cho hằng triệu người, đồng bào của mình, phải chết  
hay sao?

Chưa nhận thức được đúng và đủ: Tại ai? Vì sao? Thì sao  
nói được hòa giải! Sao nói được là tha thứ cho tội ác của nhau  
đây?!

“Hoan hô quân Giải Phóng! Vì nhờ vậy mà Việt Cộng thôi,  
không còn pháo kích nữa!” Câu nói tưởng như đùa! Sao đây hiện  
thực - nổi đảng cay!

Thị xã đêm chờ nghe pháo kích! Khóc lên đi ôi quê hương  
yêu dấu! Việt Nam!

**đoàn xuân thu**  
melbourne



# TẠ ƠN NGƯỜI TÌNH QUÊ HƯƠNG

Quốc Nam

**T**ôi, như bóng chiều nhạt nắng,  
Em mây phiêu bạt cuối trời.  
Bao nhiêu năm là mây trắng,  
Tình yêu khởi mộng đầu đời.

Ta yêu thương chưa từng có,  
Trao trọn tâm hồn cho nhau.  
Nụ hôn chỉ là ảnh ảo,  
Nhưng sao tiếc nuối muôn màu.

Và đôi tình nhân ly biệt,  
Như chiếc bóng trong bão giông.  
Tôi yêu em, yêu bất diệt,  
Hình hài gởi gắm mệnh mông.

Sau bao đổi thay lỡ dở,  
Mấy thập niên tôi đợi chờ.  
Bóng em mịt mù tan vỡ,  
Sao tôi vẫn hoài bơ vơ.

Rồi một chiều thu nhạt nắng,  
Đột nhiên tôi nhận tin nàng.  
Trái tim từ lâu im vắng,  
Nay vang khúc nhạc thiên thần.



Qua biết bao lời tâm tư,  
Em ủ tình tôi rất sâu.  
Nụ hôn đầu tiên thoảng nhẹ,  
Song ta đã thuộc về nhau.

Xin tạ ơn em ngàn lần,  
Đã giữ tình tôi bao năm.  
Đôi ta yêu nhau suốt kiếp,  
Nhớ nhung đến mềm tâm can.

Em, đã người tình quê hương,  
Cho hồn thơ tôi bay bổng,  
Trên những cánh mây muôn phương.  
Bởi em, quê, là lẽ sống.

Tạ ơn em đã yêu tôi,  
Cho dù muôn ngàn cách trở.  
Cho dù biến động cuộc đời,  
Vẫn giữ trong tim tình lỡ.

Hẹn em cùng xuôi quê mẹ,  
Tiền-Giang sẽ mở hội hoa.  
Ta hôn nhau bùng thế hệ,  
Yêu đương muôn kiếp, hoan ca.

QUỐC NAM  
(trích Thơ tập 7  
"Quê Hương Người Tình")



# BÔNG CỎ MÂY

Võ Kim Ngân  
\*Hồi Ký\*



## I. NHỚ

**T**ôi đã trải qua một tuổi thơ rất đẹp với nhiều kỷ niệm của tuổi học trường Tiểu Học Bào Trai. Đó là năm học 1954–1955 và 1955–1956, lúc ở tuổi choai choai 13, 14, 15.

Hồi đó, mỗi tuần lễ phải đi học 6 ngày. Các ngày thứ hai, thứ tư, thứ sáu là học nguyên ngày, còn những ngày còn lại, học một buổi.

Những ngày học hai buổi, học sinh ở xa như chúng tôi phải đem theo “mo com” theo ăn trưa, ngay lớp học của mình, hoặc rủ nhau ăn chung từng nhóm, nơi hành lang, hoặc dưới gốc cây điệp ở hai bên công trường.

Sau bữa cơm trưa lúc 10h, chúng tôi thường kéo xuống rừng chòi của suối Bào Trai, tản mạn theo từng nhóm để cùng chơi

những trò chơi nhỏ đồng thời lòng sực, khám phá thiên nhiên vì buổi chiều vào học lúc 2h. Có nhóm đi hái những trái dại, tìm kiếm đủ loại trái cây rừng mà có thể học sinh bây giờ, không thể nào biết được. Chẳng hạn như trái nhãn lồng, trái nhãn chài, trái bời lời, trái cò ke làm đạn bắn ống thụt; trái nhãn ngọt ngọt; trái kim cang nhót nhót; trái chùm gởi; trái mây rắc ăn chát chát; trái chùm mòi, trái dấm chua chua; trái mua ngọt ngọt đầy kiến hôi; trái đu đủ rừng, trái và lá có nhiều lông tơ trị ho; nhất là trái cà na trong mùa mưa và trái trám sau Tết. Nhóm nữ sinh chúng tôi thường bẻ những hoa dại như hoa dù cồn đầu có một núm tròn, hoa cây nở màu xanh, hoa bí bái màu trắng thơm thơm, hoa cát lỏi, hoa dây chiều, hoa cúc rừng, hoa trắng tím của dây chùm bao (lạc tiên), hoa leo đỏ ...

Nhớ có bạn thường gút những tàu lá dừa gai để thắt những chiếc chong chóng dừa, những trái banh dừa để đánh đũa, đôi dép dừa cả những sợi dây nịch dừa và chiếc kèn bằng dừa nữa.

Cũng có bạn đi tìm những tổ ong lá, mang về làm mồi đi câu cá rô. Hoặc có bạn cao hứng bứt những dây bông bong hoặc những sợi tơ hồng để kết làm chiếc mào đội làm vua...

Chúng tôi cứ mãi miết chơi đùa trong khoảng rừng chồi đầy lùm bụi. Khi nghỉ mệt thì ngồi xúm xít dưới những tàn cây cao hay những đám mặt cắt. Thời gian như ngừng đọng, lặng im. Thỉnh thoảng có tiếng cất lên, gọi nhau ới ới và nhiều lúc nói cười vang rân. Dòng suối Bào Trai hiền hòa, không sâu, nhiều chỗ có thể lội qua được. Tôi rất sợ lội qua suối vì ở dưới nước có rất nhiều đĩa. Muốn biết có đĩa không thì lấy cây khoán xuống nước rồi chờ xem. Đĩa mén lội phăng phăng ngang dọc hàng chục con và có mấy con đĩa trâu, dài hơn gang tay, màu đen, có sọc vàng hai bên. Trông nó vẩy đuôi dọn sóng mà ớn lạnh xương sống ...

Vậy mà cũng có một nhóm bạn trai tắm suối. Đưa thì biểu diễn “thả ngựa”, đưa thì “lội ếch”, đưa thì “lội chó”, đưa thì lội đứng, lội sải, lội đập, rồi bắt chọt chia phe té nước vào nhau, nước văng tung tóe, hòa lẫn tiếng cười sáng sặc, bắt kể câu nói cảnh giác của ai đó:

- Coi chừng đĩa chun lổ tai!

Đến đây, tôi chợt nhớ đến một chuyện kể, cảnh giác về đĩa mà tôi được nghe hồi đó. Và câu chuyện này, chính là lý do làm cho tôi sợ đĩa:

Xưa có một nàng dâu của một gia đình nghèo. Để “làm dâu”, mỗi ngày chị phải đi bắt cua, bắt cá làm nguồn thực phẩm cho gia đình. Chị nấu cơm, kho cá, luộc rau hoặc nấu canh, chiên cá đều tốt. Sau một thời gian, chị bỗng “dở hơi”, ngẩn ngẩn ngờ ngơ và nhất là lần nào nấu cơm cũng sống cả. Để ý, người mẹ chồng rình xem thì thấy khi cơm sôi, chị lấy nắp vung nồi cơm đặt trên đầu mình một cách liên tục, có vẻ thoải mái. Thấy vậy, người mẹ chồng bước ra, quát:

- Mày nấu cơm gì kỳ vậy? Hèn gì cơm sống!

Thuận tay, bà lấy chiếc đũa bếp, gõ nhẹ vào đầu nàng dâu. Nàng dâu chỉ kêu “Á!” một tiếng rồi ngã người ra chết. Bà mẹ chồng hốt hoảng, nhìn xem thì thấy chỗ vết thương, tét sọ, đĩa bỏ ra lúc nhúc. Bà mới hiểu là nàng dâu đã bị đĩa chun lỗ tai và đĩa đã sinh sôi nảy nở trong đầu chị... Ghê quá!

Biết nhóm nữ chúng tôi sợ đĩa, còn có một vài bạn “rắn mắt” bắt đĩa để nhát hoặc bắt đĩa “lộn thính” trong cành cây nhỏ rồi quăng đĩa về phía chúng tôi “Đĩa đó!” Để phản ứng, chúng tôi hét lên “Oái!” rồi xanh mặt chạy thật xa, không dám ngoái lại và để nghe một tràng cười dài đặc thẳng phía sau lưng.

Như vậy đó! Những buổi đi chơi giữa giờ là như vậy đó! Những cuộc đi chơi rất vui, giúp chúng tôi gần gũi, thân thiết nhau. Thời gian như ngừng lại, lặng im. Thỉnh thoảng chúng tôi cất tiếng gọi nhau ơi ới và nhiều tiếng nói cười vang rân. Chúng tôi không sợ trễ giờ vì có trống trường “kêu gọi” bằng một hồi dài, 3 tiếng. Chỉ cần chạy một mạch là về kịp lúc sắp hàng vào lớp. Thường thì chúng tôi thả lãn về trước nhưng cũng có vài lần, đang mãi mê vui chơi, bỗng nghe trống điểm, phải ù té, hào hển chạy về trường, quăng bỏ hết dọc đường những “chiến lợi phẩm” của mình, mệt muốn đứt hơi.

Những ngày học một buổi, chị Tám thường huy động chúng tôi đi vào xóm chơi, thường thì về nhà chị ở Gò Cao, khoảng giữa hai làng Đức Lập – Tân Phú Thượng. Chúng tôi ham vui và

hiếu kỳ, trai có, gái có, ở chợ có, ở xóm có, khoảng hơn chục bạn, cùng đi theo chị.

Có lúc đi ăn xoài chua, chấm mắm đường tán, đường tán gọt bằng lưỡi hái, tham ăn xốt ruột; có lúc, rủ nhau đi ăn trâm, trâm sắn hoặc trâm móc để rồi môi và lưỡi dừa nào cũng tím đen; có khi đi ăn điều chín, ngọt ngọt, chát chát để rồi nướng mẻ hạt điều, xịt khói cháy đen, rồi đập vỡ lấy ruột ăn, béo lạ. Có khi cùng đi hái trái cà na, trái nù mới chua, ăn với mắm ruốc, rất ngon. Còn lại, chừng một rô cà na ăn không hết, đem ngâm muối với cam thảo, khi đi học đem theo để “nhấm nháp” dần. Vui nhất là canh, một bạn trai “leo cây hái trái”, can đảm lắm, nhưng lúc bị lũ kiến vàng tấn công thì phải lật đật tuột xuống gốc, nhăn nhó để các bạn trai khác xúm nhau... phui kiến. Và buồn cười nhất là bạn đó ba chân bốn cẳng chạy ra bùng tắm, chắc là có mấy con kiến vàng cắn vào... chỗ nhọc !!!.

Có bạn, để tổ chức bữa trưa, chị Tám đảm đang, phân công người nào việc nấy rất hợp lý. Nam đi hái rau: rau muống, rau nhút, rau dừa dưới ao hoặc nhổ rau chóc, lá hẹ, rau bọ ngoài ruộng, bẻ đậu rồng, mỏng tỏi ngoài rào và câu cá. Nữ thì làm nước mắm tỏi ớt, lấy nước mắm trong một cái “tĩn” bằng đất nung, pha đường trong tương hột, chế biến món mắm chua do chị làm và nấu canh.

Nhiều bữa cơm tại nhà bè bạn hoặc nhà chị, thường đơn sơ đạm bạc nhưng sao mà ngon miệng một cách không ngờ.

Nhớ có bạn chị Tám, các bạn và tôi, về quê ngoại tôi ở Lục Viên, đi bẻ mây rắc và đi hái guì ăn. Guì đây to, ngồi lên như đũa vông. Những trái guì dễ hái, người ta đã hái hết, chỉ còn một ít ở tít trên cao. Thế là không hái được guì, chỉ bẻ được hai quày mây rắc chín và một rô quày mây rắc còn xanh. Chị Tám đảm giúp “mây xanh”, trộn nước mắm, đường, bột ngọt, làm cả một thau tráng men (Nam Vang) mà ăn chưa đủ sức.

Cũng có bạn, tất cả đi nhổ nắm tràm ở vạt tràm cháy của Nội tôi tận Đức Ngãi. Rất hên! Được rất nhiều nắm tràm, dòn đi dòn lại đầy 4 chiếc nón lá. Trừ một số đem về nhà, còn lại nấu được một nồi cháo nắm tràm to. Nắm đen đen, vị đắng đắng, chị Tám đơn đả:

- “Ăn đi các bạn, mát lắm, học bài mau thuộc!”.

Thế là một nồi cháo to, cũng hết sạch. Chị Tám rất dễ thương qua nụ cười và giọng nói hiền lành. Chị quả là một “đầu đàn” hay “đầu đảng” của bọn tôi thưở ấy.

Nhà tôi ở, ngay ngã tư Đức Lập. Mỗi ngày tôi thường đi bộ theo đường tắt để đến trường. Bộ ba “tam sên” của chúng tôi gồm chị Tám, Thoa và tôi. Có bạn hỏi chúng tôi đi học bằng gì, tôi đáp vui là đi bằng xe “lô ca chum”. Lộ trình đi từ Đức Lập đến nhà chị Tám ( Gò Cao ) hơn 1km đường đá lờm chờm. Tiếp tục đi khoảng 1km đường đá đỏ ( TL 8 ) mới đến đường tắt. Đường tắt này gần 1,5km, đi dọc bờ suối Bào Trai, cập theo vòng rào lớn của ông Bộ Tao, đi qua một vạt đất trồng đậu phộng, băng qua một mương nước cập lộ, qua cống suối Bào Trai là đến trường. Đi bộ tổng cộng 3,5km.

Có lần tôi thử tính đường đi học của mình:

- Đường đi học và về mỗi ngày 2 lượt là:  $3,5\text{km} \times 2 = 7\text{km}$ .
- Đường đi học và về trong 1 tuần, 6 buổi là:  $7\text{km} \times 6 = 42\text{km}$ .
- Đường đi học và về trong 1 năm, 32 tuần là:  $42\text{km} \times 32 = 1.344\text{km}$ .
- Đáp số: Trong một năm học, một nữ sinh tên Võ Kim Ngân đi được 1.344km.

Thật là một thành tích khá lớn! Đường đi học trong một năm của tôi dài xấp xỉ bằng đường dài từ Sài Gòn đến Hà Nội, mặc dù, bấy giờ tôi chỉ biết Sài Gòn, Hà Nội, và cả cố đô Huế, qua quyển sách Địa dư. Tôi đi bộ như vậy chẳng nhằm nhò gì, khi so với phần lớn các bạn ở vùng trên: Tân Mỹ, Gò Sao, Rừng Muối ... đường xa gấp đôi, gấp ba lần hơn tôi, mà vẫn ... lon ton ... cuộc bộ.

Nhớ có lần, sau khi cô Thu dạy thêu “mũi xương cá” trong giờ nữ công, Thoa và tôi, vừa may xong áo bà ba trắng mới, chúng tôi tự thêu vào bầu áo, vạt áo của mình bằng chỉ thêu xương cá màu đỏ, rất dễ thương. Có một bạn nam lớp A nào, để ý, gọi hai chúng tôi là “hai nàng tiên cá”. Một cái tên rất ngộ nghĩnh, hay hay. Cũng như có một số bạn nam lớp A gọi bộ ba chúng tôi (Thoa, Tám và tôi) là “Ba người đẹp Mây Tàu”. Mỹ

đanh đó rất đúng với hai bạn kia, nhưng với tôi thì không đúng. Tôi được Thầy và các bạn khen là dễ thương mà thôi.

Tuổi học trò, thú vị nhất là những ngày được nghỉ học để tùy tiện đi chơi. Nhưng vui nhất là lễ Tết Âm Lịch khoảng hai tuần, có đoàn hát bộ đến hát. Chúng tôi có dịp đi xem những trò vui dân gian công cộng quê nhà. Nào là hai ba sòng “bầu cua cá cọi”, sòng đánh bong vù, sòng đánh bài cào, bài cách tê, xì phé hoặc bài tam cúc. Sôi nổi nhất là “trường đá gà nòi”... Có lần, Triều, chị Tám, Ngọc và tôi cùng đi xem hát một lần cho biết “hát bộ”, rất đông người xem, rạp rất nóng nực và chúng tôi chưa hiểu nhiều về nghệ thuật của “hát bộ”.

Xem hát xong, chúng tôi dạo quanh những hàng quán lèo tèo trước rạp hát. Đó là những lán che tạm bằng cột tre, kèo tre, mái lán là những tấm liếp xắt thuốc. Nào là gian hàng dưa hấu, với một đồng dưa cao, từ Tây Ninh chở về, quay hàng nước mía, ép bằng máy ép bằng hai trục lăn nhôm, quầy nước giải khát là bán nhân sâm, “sung sáo”, đười ươi, hột é, đá đậu, bánh lọt. Nước chai là xá xị con nai, Limonade, nước bạc hà, bia con cọi Larue cho người lớn. Hàng ăn thì có cháo lòng heo, bì bún chả giò, hột vịt lộn, và có quán nhậu đặc sản bán rượu “Đà quốc tửu” ký hiệu NN (\*), có rất nhiều bác nông dân đến uống. Cuối cùng, chúng tôi nhăm nháp mấy gói đậu phộng rang, giải khát bằng nước mía và chia tay ra về.

Hãy quay lại với con đường đi học của tôi. Cây *cỏ may* thường mọc trên gò, trên lề đường đá, trên bờ ruộng, nơi nghĩa địa và bạt ngàn trên các lối mòn, con đường tôi đi học. Cây cỏ may cũng như những loại cỏ khác nhưng khác nhất là mỗi bụi có một cọng cỏ ngồng cao, ngồng cỏ thân tròn, cao khoảng 1,5 đến 2 gang tay. Trên đọt ngồng cỏ đó, có đính một chùm bông cỏ may, còn non màu tím, trưởng thành đổi màu trắng, có một cái đuôi dài khoảng 2–3mm rất dễo. Khi ấy, nó sẵn sàng “may” một cách nhiệt tình vào những ống quần dài nào lướt ngang qua nó. Bông cỏ may “may” vào quần dài, 5, 10 bông thì không sao. Nhiều hơn, dày đặc hơn là vô cùng khó chịu vì những cái đuôi của nó “may” tiếp vào ống chân, rất ngứa và rất xót chân.

Vì vậy, tôi rất ghét bông cỏ may và luôn luôn đi né tránh những bụi cỏ may trên đường đi. Vậy mà ngày nào cũng như

ngày này, tôi thường bị những bông cỏ may “quá giang” trên ống quần tôi, mỗi lượt đi về. Có lúc, không còn đủ thì giờ nhổ bỏ từng bông, tôi phải dùng bề sống của con dao mỏng loại trừ nó cho nhanh.

Lâu dần rồi cũng quen. Tôi xem những bông cỏ may như những người bạn nhỏ, như những người bạn đồng hành, hiểu học, dễ thương, cùng theo tôi trên những lối đi về hay hơn nữa, như những nỗi buồn của tuổi thơ.

*Bông cỏ may, bông cỏ may ơi!  
 Duyên đâu mà dệt bước chân tôi?  
 Mỗi bông kết một niềm vui nhỏ?  
 Hay mối sầu, vương vấn, cuộc đời? .*

## II. NỖI NIỀM XA XỨ

... Vào một buổi sáng, mùa Trung Thu năm 1980, vợ chồng tôi bỗng bế hai đứa con nhỏ dại, rời bỏ tổ ấm thân yêu ở Saigon. Rơi nước mắt, nghẹn ngào với bao nỗi buồn tê tái trong lòng, bỏ lại quê mẹ sau lưng, dân thân vào một chuyến viễn du vô định, đầy chông gai và nhiều nguy hiểm, có thể là, ra đi không ngày trở lại.

Sau 7 ngày đêm lênh đênh trên biển, trong chiếc ghe nhỏ, sóng dập, gió dòi, cái sống kê bên cái chết như đường tơ kẻ tóc. Chiếc ghe nhỏ, khác nào chiếc lá tre nổi trên dòng nước, cứ nhắm hướng nam mà đi. Đến lúc, kiệt sức, tưởng chừng sắp chết thì may mắn thay, chúng tôi gặp được mấy người đánh cá Nam Dương cứu giúp. Rồi họ đưa chúng tôi vào một hòn đảo nhỏ tên là Ku Ku. Ba tuần sau, được đưa đến đảo Galang. Ở đó khoảng 4 tháng, lại được đưa đến Singapore trong 2 tuần và cuối cùng được chuyển đến Úc cho đến bây giờ.

Trong thời gian đầu ở đảo, trên xứ lạ quê người, tâm trạng gia đình tôi rất buồn thảm. Rốt cục, ở trong chúng tôi, là những nỗi nhớ thương vời vợi và đầy những âu lo vô định cho tương lai. Tôi nhớ mẹ già, nhớ người thân, nhớ xóm làng, nhớ phần mộ của Ba tôi và những ngôi mộ đá đỏ của tổ tiên trên gò cỏ may đó. Những nỗi nhớ dâng cao, nhân lên gấp bội và cuối cùng là những



dòng lệ nghẹn ngào, buồn tủi cho thân phận mình vì biết tỏ cùng ai?

Thế rồi, con cái được đi học, cha mẹ cũng phải đi học.

Mùa đông đầu tiên ở xứ lạ quê người, cái lạnh của nam bán cầu, không thể nào chịu nổi. Tôi mặc không biết bao nhiêu quần áo mà vẫn cứ lạnh run. Hai lỗ tai như buốt, tay chân tê cứng, gần như không còn cảm giác gì... Vậy mà, ngoài giờ đi làm ở hãng, vợ chồng tôi còn phải đi làm thêm. Chúng tôi làm đủ thứ nghề, mong kiếm thêm ít tiền để dần dà ổn định cuộc sống và gửi về cho mẹ già và người thân ở quê nhà. Chúng tôi xin đi làm “tạp vụ”: quét rác, phát tờ rơi quảng cáo ở các thùng thư ngoài cổng của các nhà, làm housewife và làm công bán thời gian rông rã và rông rã trong 8 năm. Hiểu hoàn cảnh và khả năng của tôi, và tôi may mắn được một gia đình người Úc đỡ đầu, dẫn đi phỏng vấn và học lại ngành y tế trong hai năm. Học tập cũng rất khó khăn vì vốn tiếng Anh còn yếu. Cuối cùng, với nhiều cố gắng và quyết tâm, tôi mới đạt tốt nghiệp. Sau khi đã nhận việc tại một bệnh viện, một việc làm chính thức, khá ổn định, tôi muốn trở lại quê nhà. Diễm phúc làm sao! Tôi không ngờ mình còn có dịp trở lại mà được quay về mái nhà xưa, thăm người mẹ già mòn mỏi mong con, vui mừng biết bao khi gặp lại người thân và các bạn bè cũ sau 10 năm xa cách. Nỗi vui mừng, sao kể xiết, như được tái sinh!

Nước mắt cứ tuôn rơi, tuôn rơi!. Đó là ngôn ngữ nhạy cảm của người phụ nữ, của người con, người thân, tưởng vĩnh viễn mất đi mà bây giờ, bằng xương, bằng thịt, trở về. Chuyện tiếp theo là rất nhiều đêm, nhiều đêm trắng tâm sự mà vẫn chưa hết chuyện.

Sau chuyện về quê hương lần đầu tiên, tôi trở qua Úc đi làm tại bệnh viện.

Cuộc sống và làm việc ở bên Úc, thật là bận rộn. Thời gian làm việc kéo dài một hơi, từ sáng đến chiều, trưa được nghỉ ăn trưa 30 phút. Vì vậy, trước trở ngại thời gian đó, sau một thời gian ngắn đi làm, tôi có một dịp may để thử thách. Đó là quản lý một trung tâm phục hồi những bệnh nhân tâm thần ở giai đoạn cuối, để họ sẽ hòa nhập cùng với gia đình, với xã hội.

Được vay tiền với lãi suất ưu đãi, được bạn bè hỗ trợ, động viên và nhất là ông xã đồng ý, tôi mạnh dạn đứng ra mua trung tâm đó xem sao. Trung tâm này có 12 phòng lớn với 28 bệnh nhân, chưa kể phòng quản lý.

Khi bắt tay vào việc, là tôi bắt đầu đối phó với những nan đề vô cùng lớn lao. Phải giải quyết những yêu cầu của bệnh nhân một cách liên tục. Họ đòi hỏi những tiện nghi rất cao, cơ sở còn thiếu, người phụ việc cũng không đủ. Một mặt phải nâng cấp những tiện nghi, mặt khác phải chạy tìm người phục vụ để đối nội cho ổn, đối ngoại cho êm và dẫn dắt trước những nổi bực mình. Cố gắng và cố gắng, có nhiều đêm phải thức suốt. Trung bình, tôi phải tắt bật làm việc trên dưới 20/24 giờ/ngày. Ròng rã và ròng rã trong 7 năm!!! Biết bao mồ hôi và nước mắt, biết bao là cay đắng buồn phiền. Tôi hoàn toàn kiệt lực.

Do đó, khi đã trả hết lần nợ cuối cùng, tôi nhẹ nhõm và xin giải tán trung tâm. Các bệnh nhân được chuyển đi nơi khác.

Quá mệt mỏi, tôi xin trở về quê hương vừa để thanh thản tinh thần, vừa thăm mẹ già, thân nhân và những bạn bè cũ. Về quê lần này, thật vô cùng có ý nghĩa cho tôi vì tôi được chăm sóc mẹ già trong những ngày cuối đời. Mẹ ơi! Mẹ rất thương ba đứa con gái của mẹ, nhất là một đứa con gái ở nơi “góc biên, chân trời!” Lòng mẹ bao la như biển cả, mãi mãi dạt dào, biết bao nhiêu là những con sóng yêu thương!

Tôi dành cho Mẹ những điều kiện tốt nhất để Mẹ kéo dài từng giây phút ở lại dương trần. Nhưng Mẹ sức cùng, lực kiệt đã vĩnh viễn ra đi một cách nhẹ nhàng, thanh thản trong tiếng nấc nghẹn ngào và trong suối lệ hầu như khô cạn của ba chị em tôi. Từ nay chúng tôi không bao giờ còn có mẹ nữa! Tôi là một kẻ mồ côi, bơ vơ trên cõi đời này. Có gặp Mẹ chăng, chỉ còn là lúc mơ hồ cõi mộng!

Mỗi lần nhớ đến Mẹ, ngay cả trong lúc này đây, tôi cũng còn nghẹn ngào, bồi hồi, rơi lệ: Mất mẹ, như mất cả bầu trời!

Buồn quá, tôi trở về Úc với tâm trạng náo nê như thế. Nhà cư là nỗi buồn hiện đến dày vò. Có một người bạn giới thiệu một shop café cần nhượng lại, tôi mới sang shop café ấy những mong khuây khỏa và tạo việc làm cho một số người quen.

Tục ngữ có câu “Nghĩ một đấng, nó quẳng một nẽo” để nói lên lý trí và cơ hội luôn mâu thuẫn nhau. Thật không sai với trường hợp của tôi. Công việc quản lý shop café của tôi, có tên là “Happy hour cafeteria”, cũng khá đông khách, cũng rất tất bật và vô cùng mệt mỏi. Điều mà đối với tôi rất đơn điệu, chán ngắt và bực mình. Tôi lại phải đến rất sớm, về nhà rất muộn và còn dính vào những chuyện “phiền hà”. Thiếu người pha café, thiếu người phục vụ, thiếu người dọn dẹp. Tôi lại phải tự làm những công việc vất 4-5 giờ/ngày. Nếu không làm, tôi phải thuê người. Như vậy, phải trả thêm tiền cho người ta và có nguy cơ hao phí, lỗ lã. Chúng tôi bàn bạc, chưa biết cách nào thoát ra, dù chỉ mới hoạt động có 3 tháng.

Khi ấy quả thật bất ngờ và may mắn! Một hôm có một người Việt kiều đến uống café tại shop và ngộ ý xin sang lại shop café. Thoạt đầu tôi cứ ngỡ là người đó nói giỡn chơi cho vui nhưng tôi cũng thực lòng nói rằng tôi mới làm chủ nhân vồn vẹn được 3 tháng. Người đó cũng muốn thực lòng sang lại shop café. Tôi hẹn ngày để chúng tôi bàn bạc. Sau đó tôi nhượng lại “của nợ” ấy và buông tay, để trở về với cuộc đời mình, lúc ấy tôi ở tuổi 58. Sau đó tôi chẳng làm gì cả, sống nhờ vào các khoản trợ cấp và sống với các con của tôi.

Tôi có hai đứa con. Một đứa con gái cả và một đứa con trai út. Các con đều đã học xong nguyện vọng mình, ổn định cuộc sống và đã có gia đình riêng.

- Đứa con gái cả, học khoa Nha, có gia đình, có việc làm và có nhà riêng cách chúng tôi 150km. Tôi thường đến chơi với con gái và dọn dẹp giúp đỡ con, cho nó hạnh phúc hơn. Khi mới có một đứa cháu ngoại gái đầu tiên, thật vui mừng bao kể xiết! Tôi tự nguyện chăm sóc cho cháu ngoại nhưng đứa con gái “không cho”! Phải năn nỉ hết sức, đây lý lẽ, nó mới cho chăm sóc vài ngày trong tuần. Thôi thì vậy cũng được, còn niềm vui nào lớn hơn? Thật là hạnh phúc cho những ai được làm “Bà ngoại”. Nhìn cháu mà thấy thương làm sao! Dĩ nhiên, nó giống cha mẹ nó là điều cơ bản. Ngắm nhìn nó, nựng nịu nó, khi mẹ bà dạy nó cười, nó quơ tay, đập chân ... mình càng vui mừng phát hiện nét này nó giống người thân này, người thân nọ, nét kia nó giống đứa cháu này, đứa cháu kia.

- Riêng đứa con trai út, sau khi tốt nghiệp Đại Học, được du học TTL với bằng Cao học Quản trị kinh doanh (Master of Business Administration). Cháu đã đi làm ở 1 trong 5 công ty tiếng tăm thế giới. Vài năm sau, xin nghỉ việc và tự đứng ra lập công ty riêng. Khủng hoảng kinh tế, tạm ngưng kịp thời nên không bị lỗ lã. Sau đó cháu lập gia đình, nối nghiệp “dì út” ở quê hương, làm nghề “gỗ đầu trẻ lớn”. Có một chú nhóc trai, nay được 4 tuổi. Vậy là tôi đã lên chức Bà với hai cháu ngoại gái 9 tuổi, 6 tuổi và một cháu nội trai 4 tuổi.

- Về phần “ông nhà”, “phân nửa đời tôi”, đã ở tuổi “người xưa nay hiếm”, vẫn khỏe mạnh. Ngày ngày chúng tôi tập thể dục, đi bộ, giao tiếp bạn bè, viết lách, truy cập Internet và cùng ăn chay.

### III. BÔNG CỎ MAY

Đến đây, xin hãy trở lại vấn đề chính của truyện hồi ký có tên là “Bông Cỏ May”. Vì sao tôi chọn tựa đề là Bông Cỏ May?

- Như đã trình bày. Tôi có một chuyến viễn du, phiêu bạt, đầy sóng gió. Tôi đã sống khổ sở và gieo neo bước đầu. Tôi đã thương nhớ mẹ già và người thân. Nhất là nỗi nhớ triền miên, tha thiết trong tôi về quê hương yêu dấu xa xôi, có lẽ sẽ không bao giờ được trở về.

- Trong thời gian đầu ở đảo KuKu, một hôm, nhân vá lại chiếc quần dài sứt chỉ, chiếc quần dài đen mà tôi đã mặc lúc về thăm mẹ và gia đình tôi cùng phần mộ của tổ tiên lần cuối. Tôi đã phát hiện được 5 bông cỏ may. Năm bông cỏ may đã lặng lẽ dính chặt ở phía bên trong quần tôi, mà tôi không hề hay biết. Tôi nhận ra... Rõ ràng, nay là 5 bông cỏ may đã ở phần mộ tổ tiên đã đi theo tôi trên những bước đường xa xứ lạc loài!

Tôi vô cùng cảm động. Phải chăng “bông cỏ may” là hồn thiêng quê mẹ, là những chứng cứ về tấm lòng của đất nước, quê hương vẫn không rời người con nơi xứ lạ quê người. Tôi đã rời quê hương nhưng quê hương không bao giờ rời bỏ tôi như những “bông cỏ may” mãi mãi gắn bó trong hành trang kỷ niệm của đời tôi.

*Và đó là một chân lý, phải không?*

*Bông cỏ may! Bông cỏ may ơi!  
Hồn quê thắt chặt bước chân tôi.  
Phiêu linh, giờ đã xa muôn dặm!*

*Man mác, băng khuâng, một hướng trời<sup>(1)</sup>*

Sydney, những ngày đầu xuân Canh Dần 2010

**VÕ KIM NGÂN**  
Cựu Học Sinh Bào Trai

**Ghi chú :**

(<sup>1</sup>) Một hướng trời: một phương trời, lấy ý từ lời ca trong bài “*Tiên Xích Bích*” của Tô Thức đã sử dụng nhóm từ “Thiên nhất phương” và bài Hát nói “*Vịnh Tiên Xích Bích*” của Nguyễn Công Trứ:

Quế trạo hề lan tương  
Kịch không minh hề tế lưu quang  
Điều điều hề dư hoài  
*Vọng mỹ nhân hề Thiên nhất phương<sup>(2)</sup>*

Tạm dịch là :

Chèo quế, dầm lan  
Khua ánh trắng trong nước hề ngược dòng sáng trôi  
Man mác hề lòng ta mong nhớ  
Trông ngóng người đẹp hề một phương trời.

(<sup>2</sup>) Dịch thơ hai câu cuối :

*Buồn nhớ mong rười rượi  
Triền miên nỗi ngóng trông  
Vấn vương một bóng hồng  
Một phương trời vời vợi*

Mỹ nhân: người đẹp, bóng hồng xưa, thường dùng để chỉ thánh đế anh minh, quê hương xứ sở xa cách .

(\*) “*Đà quốc tửu*” NN là rượu đế Đức Hòa, Nước Nếp . [CHS.BT](#) gọi vui là vậy .



# Vàm KỶ HÔN, kinh CHỢ GẠO và CON ĐƯỜNG LÚA GẠO MIỀN NAM...

**MINH KHAI Nguyễn Văn Nờ**

**D**ù ở miệt sông Tiền hay sông Hậu, dân đi ghe tàu trong suốt hơn 100 năm qua, ít ai không nghe, không biết Vàm KỶ HÔN và Kinh CHỢ GẠO.

Trước nhất, danh từ *Vàm* (mouth of river) xin được hiểu là cửa sông, tức là chỗ sông nhỏ hay kinh rạch gặp sông lớn, do đó, có thêm từ: ghe đang ra vàm hay xin bà con cô bác ngồi yên, tàu đang vô vàm. Từ chỗ sông đổ ra biển, tuy không sai, nhưng ít ai gọi là VÀM và thường gọi là CỬA BIỂN, do đó chúng ta có Cửa Ba Lạt (sông Hồng Hà đổ ra vịnh Bắc Việt), cửa Thuận An (Sông Hương đổ ra biển) cửa Soi Rạp (Sông Sài Gòn và sông Đồng Nai đổ ra biển) và cửa Tiểu, cửa Đại, cửa Hàm Luông, cửa Cổ Chiên, cửa Bassac... chỗ dòng nước Cửu Long đổ ra biển Đông, Bác tài công giỏi hay dở được xác định qua cách điều khiển ghe tàu ra hay vào vàm. Người lái giỏi, ghe tàu ra vào rất êm, không bị sóng nhồi, nước tạt; người lái dở, ghe tàu có thể bị chìm tại vàm! Vụ hai tàu Đồng Sanh và Oa Lợi liên tiếp bị chìm tại vàm Kỳ Hôn kinh Chợ Gạo và vàm An Hóa Kinh Chệt Sậy là con kinh hoàng đối với các tỉnh Mỹ Tho, Bến Tre, Sa Đéc, Vĩnh Long và Trà Vinh vào đêm 23 và 29 tháng chạp năm Mậu Dần 1938!

## *Đường lúa gạo Miền Nam*

Như chúng ta đã biết, đồng bằng Cửu Long là vựa lúa, vựa cá, vựa trái cây của cả xứ. Bằng đường sông từ Miền Tây đi Sài Gòn, thổ sản của các tỉnh Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ, Long Xuyên, Trà Vinh, Bến Tre, tất cả ghe tàu đều phải đi ngang kinh Chợ Gạo thuộc địa phận các vùng Mỹ Tho, Gò Công và Tân An trước khi đến Sài Gòn.

## ♥ Sài Gòn

• Cần Giuộc

\*Tân An

• Cần Đước

## \*Mỹ Tho

• Chợ Lách

• Chợ Gạo

• Gò Công

\* Vĩnh Long

\* Bến Tre

\*Cần Thơ

•Trà Ôn

\*Trà Vinh

### ***Bạn khởi đi từ Cần Thơ chẳng?***

Ghe, tàu bạn rời bến Ninh Kiều, Cần Thơ, bạn băng qua sông Hậu để vào sông Măng Thích tại quận Trà Ôn thuộc Trà Vinh; sông Măng Thích nối liền sông Hậu và sông Cổ Chiên. Ra khỏi sông Măng Thích, băng qua sông Cổ Chiên vào kinh Chợ Lách thuộc Bến Tre. Kinh Chợ Lách nước ngọt quanh năm, vườn tược hai bên bờ kinh rất xum xê, trái cây ngon nhất vùng đồng bằng Cửu Long: nào Sầu riêng Cái Mơn, bòn bon, măng cụt, mít, nhãn, chôm chôm... Quận Chợ Lách được coi là điểm xuất phát của nền văn minh “Miệt Vườn” được nhà văn Sơn Nam diễn tả một cách khá rõ rệt qua tác phẩm “*Văn Minh Miệt Vườn*” đặc biệt quận Chợ Lách có làng Cái Mơn quê hương của nhà Bác học về ngôn ngữ học Pétrus Trương Vĩnh Ký, có công rất lớn đối với nền văn hóa Việt Nam, bằng cách đặt nền tảng căn bản cho chữ Quốc Ngữ, báo Việt Ngữ và mở đường cho văn xuôi tiến lên. Trương Tiên Sinh cũng là bậc Thầy của các nhà vườn đồng bằng sông Cửu Long bằng cách mang các hạt giống cây trái ngon lạ từ vùng Mã Lai, Thái Lan về trồng đầu tiên ở

vùng Cái Mon vào khoảng giữa thế kỷ thứ XIX như sấu siêng, bòn bòn, chòm chòm.

Ra khỏi kinh Chợ Lách, băng qua sông Tiền, ép bên trái, đi về hướng Đông, ghé tàu bạn chuẩn bị vào kinh Chợ Gạo nơi vàm Kỳ Hôn sau khi vượt qua vườn hoa Lạc Hồng, cầu tàu Mỹ Tho và vàm sông Bảo Định. Trước khi vào kinh Chợ Gạo, ghé thuyền phải đi vòng về ở sông Bảo Định, rạch Ông Văn, sông Bình Phước rồi mới vào được Vàm Cỏ Tây để đi Sài Gòn.

### **Vàm KỶ HÔN**

*Tiếng địa phương: Cái gì mà nạ thế, mản rãng mà lạ rĩa, cái gì kỳ hôn.*

**Không** giáo khoa thư (non academic), **chắc chắn**.

- Có anh gọi: *Vàm gì nạ thế?*
  - Có chị gọi: *Vàm rãng lạ rĩa*
  - Em gọi: *Vàm gì kỳ hôn*
- Thật vậy sao?

Khi ghé thuyền bạn vừa đến cuối mồm Cồn Rồng là tách rời nhau, tránh cửa sông rộng, gió lộng, sóng to, nơi đây là đầu nguồn hai sông cửa Tiểu và cửa Đại, nước xoáy thật mạnh, rất nguy hiểm cho ghé thuyền nhỏ, nhất là các ghé chở khảm. Ghé thuyền thường phải đậu lại ở đầu vàm chờ con nước mà đi cho nhẹ tay chèo, đỡ mất sức, thì giờ. Dân Miền Tây cho ghé bỏ neo chờ mà không khỏi thắc mắc: “Thường thì nước các sông miền Nam khi nước ròng chảy từ Tây Bắc xuống Đông Nam; nhưng nước ròng kinh Chợ Gạo đổ ra sông cửa Tiểu tại Vàm Kỳ Hôn lại đổ ngược từ Đông Nam lên hướng Tây Bắc! Ngồi nghĩ trên mũi ghé, chén thù chén tạc, nhìn dòng nước xoáy, chờ cho đến khi nước đứng mới vô Vàm và luôn luôn thắc mắc!!!???”

\* Vàm gì mà kỳ hôn, nước ròng chảy ngược lên?

\* Vàm gì kỳ hôn...? cứ mãi thắc mắc và nói mãi thành thói quen, rồi tự đặt cho cái tên để dễ nhớ và trở thành điểm hẹn hò cho ghé tàu Miền Tây.

\* Nhớ đến Vàm Kỳ Hôn chờ nhé, cứ nói đi nói lại mãi thành quen dần và trở thành địa danh “VÀM KỶ HÔN”.



Rồi mãi sau này, tôi mới tìm hiểu thêm tại sao lại có một cái tên nghe có vẻ quê quê một tí, nhưng đó là cái thật thà mộc mạc của bản tính dân Miền Nam.

Còn một sự giải thích cũng hay hay, mang tính lịch sử. Theo những cụ cao niên ở quanh đây kể lại: trong thời kỳ nhà Nguyễn, Quân Tây Sơn đuổi bắt Nguyễn Phúc Ánh vào khoảng những năm 1787-1788, khi đoàn quân Nguyễn Phúc Ánh kéo quân đến đây đúng lúc nước đã ròng cạn, cửa rạch rất hẹp nên đoàn quân lội băng qua đây rất dễ dàng. Khi đoàn quân đã đi qua, trả lại sự yên tĩnh của cửa rạch này, một đàn rái cá xuất hiện cập theo mé rạch để tìm mồi, đặc biệt là những con rái cá có cái đuôi dài, lớn đẹp, rộng bằng, khi đi chúng kéo lê đuôi trên mặt bùn, xoá mất đi mọi dấu chân đi qua của đoàn quân Nguyễn Phúc Ánh. Khi đoàn quân Tây Sơn bám theo dấu chân, đến ngọn vàm này thì không còn thấy dấu vết của đoàn quân trốn chạy. Dừng chân tại đây để dò tìm dấu vết, dò tìm mãi chẳng thấy đâu, cứ mãi thắc mắc, miệng lầu bàu: “Vàm gì kỳ hôn... rõ ràng là đã thấy đoàn quân đi ngang qua đây rồi mà... kỳ hôn...”

Miệng cứ trên từ người này đến người khác trong đoàn quân Tây Sơn, sau truyền dần đến dân địa phương từ câu nói:

"Vàm gì kỳ hôn" dần dần dân địa phương nói ngắn lại là "Vàm Kỳ Hôn". Ngày nay tên Vàm Kỳ Hôn trở thành chính thức và rất quen thuộc của dân đồng bằng Cửu Long. Sau này nhớ ơn cứu tử ấy, khi thống nhất giang sơn, Vua Gia Long chính thức hóa địa danh cho đảo vệt sâu hơn và lập miếu thờ để tạ ơn đàn rái cá cứu tử Ngày. Ngôi Miếu trên ngày nay vẫn còn và phía sau, sát cạnh miếu có ba gò mồi nổi cao lên khoảng bằng bề cao của người ta đứng, gò cao nhất ở giữa và trông có vẻ linh thiêng lắm. Dân làng quanh vùng miếu thường hay đến lạy cúng mỗi khi cần khẩn cầu một việc gì.

Lúc gần đây, bà con cô bác quanh vùng đến Miếu cúng lạy rất thường xuyên và ngày càng đông hơn trước có lẽ khẩn cầu hồn thiêng sông núi phù trì hộ độ dân lành sớm loại được kẻ bạo tàn, cường hào ác bá đang đe dọa nếp sống yên lành dân Nam.

Hãy cùng vào kinh Chợ Gạo để đi đến thủ đô yêu dấu “Sài Gòn, Hòn Ngọc Viễn Đông”.

## ***Kinh CHỢ GẠO và Sông VÀM CỎ***

Kinh Chợ Gạo được đào hồi năm 1876, hoàn thành năm 1877. Kinh dài 15 km nối liền sông Cửa Tiểu với sông Vàm Cỏ. Kinh chảy qua các xã Xuân Đông, Bình Phan, Bình Phục Nhất, Bình Phục Nhì thuộc quận Chợ Gạo. Kinh thẳng bon, được nạo vét nhiều lần nên lòng kinh khá rộng và sâu, rất tiện lợi và an toàn cho mọi loại ghe tàu xuôi ngược ngày đêm chở khẳm đầy nông phẩm của Miền Tây về Sài Gòn để đổi lấy hàng hóa, vải vóc, xăng dầu về miệt sông Tiền, Sông Hậu, Miền Nam nước Việt.

Kinh đào Chợ Gạo đối với dân đồng bằng Cửu Long được ví như “Cần Cổ” (neck) đối với cơ thể của người dân Miền Sông nước Phương Nam nước Việt Nam.

Rời kinh Chợ Gạo, ghe tàu bạn vào sông Vàm Cỏ tại vùng đất thuộc quận Cần Đức của tỉnh Tân An, gần nơi hợp lưu của Vàm Cỏ Tây từ Đồng Tháp Mười và Vàm Cỏ Đông từ Tây Ninh chảy xuống. Từ chỗ hợp lưu ra đến vàm, sông Vàm Cỏ đoạn này rất rộng, có chỗ rộng đến 2 km bề ngang và chỗ vàm (sông Vàm Cỏ đổ ra sông Soi Rạp và gần cửa Soi Rạp) rộng gần 3km.

### ***Bản Quy***

Khúc sông rộng, nhà cửa hai bên bờ còn tương đối thưa thớt khi so với các khúc sông khác của con đường lúa gạo; đặc biệt là từ chỗ hợp lưu của Vàm Cỏ Tây và Vàm Cỏ Đông đến ngã ba sông Tra, hai bên bờ mọc dày đặc những cây bần de sát mặt nước... Tương truyền rằng - trong giai đoạn năm 1863-1867, khi Ông Phan Thanh Giản đảm nhận nhiệm vụ Kinh Lược Sứ 3 tỉnh Miền Tây Nam Kỳ, Ông có đến thăm dân chúng vùng này và ngày 4 tháng 8 năm 1867, ngày Ông uống thuốc độc tự tử sau 17 ngày tuyệt thực và chờ lệnh vua Tự Đức về việc Pháp cưỡng chiếm ba tỉnh Miền Tây!!! Tất cả cây bần ven sông quy xuống như để chịu tang người khí tiết, trung quân, ái quốc, từ đó vùng ngã ba sông Vàm Cỏ và sông Tra được gọi “Ngã Ba Bản Quy”.

### ***Kinh NƯỚC MẶN***

Chảy song song với Sông Vàm Cỏ là sông Cần Giuộc về hướng Bắc, có khúc hai sông cách nhau không đầy 4 km. Để tránh cho ghe tàu phải đi vòng vèo, ra vàm Vàm Cỏ đi sông Soi Rạp, vô sông Cần Giuộc tại vàm Rạch Cát. Đoạn đường này vừa xa lại vừa không an toàn cho ghe tàu nhỏ vì sát biển, sóng to, gió lớn, người Pháp đã cho đào Kinh Nước Mặn nối liền sông Vàm Cỏ với sông Cần Giuộc và lập chợ bên bờ kinh. Chợ Kinh Nước Mặn là tụ điểm của ghe tàu đi biển, đi Sài Gòn, đi Gò Công, đi Đức Hòa, Đức Huệ, đi Tây Ninh, đi Đồng Tháp Mười qua ngò Tân An và về Miền Tây qua ngã kinh Chợ Gạo. Hai câu ca dao sau đây diễn tả nếp sống của dân vùng Kinh Nước Mặn:

*Đạo nào bằng đạo đi buôn,  
Xuống biển, lên nguồn, gạo chợ, nước sông.*

Vào, đi kinh Nước Mặn, dài khoảng 5 km, ghe tàu bạn gặp sông Cần Giuộc tại ấp Tam Quan. Tại đây, bạn rẽ mặt, đi ra sông Soi Rạp nơi Vàm Cát, rẽ trái, bạn đi Sài Gòn qua ngã Cần Giuộc và đến bến cuối cùng là bến Bình Đông thuộc quận \* Sài Gòn (Chợ Lớn Cũ), và tại bến Bình Đông, sau khi cho lúa gạo lên chành hay lên vựa (cá hoặc trái cây), bạn bỏ hàng, cho hàng lên ghe tàu, một hành trình mới ngược dòng trở về Miền Tây qua lại kinh Chợ Gạo.

### ***Tai biến Mạch máu cổ***

Dù xuất phát từ nơi nào tại vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long, tất cả ghe tàu đều phải qua nhánh Tiền Giang, vào kinh đào Chợ Gạo nơi Vàm Kỳ Hôn để đến Bình Đông Sài Gòn. Đây là đoạn đường huyết mạch của Miền Nam và kinh đào Chợ Gạo là cần cổ của dân Nam. Dân hai bên bờ kinh rất hiền lành, thật thà, chất phát, nhà tranh, vách lá, sống nhờ cây dừa cây chuối lại đi bằng xuồng ba lá, bằng ghe con, nhường chỗ cho các đoàn ghe chài, ghe cửa, tàu sắt đủ loại, chở đầy khảm lúa, gạo, ngư sản, trái cây tươi ngọt tiếp tế cho Sài Gòn và cho cả nước.

Gần đây, sau năm 1975, xuất hiện đoàn tàu cao tốc (chạy như bay tốc độ dưới sông trên 40 km một giờ) đi trên tuyến đường Cần Thơ, Sài Gòn và ngược lại, mỗi ngày 2 chuyến đi và

hai chuyến về. Tàu chạy quá nhanh, tạo nên những lượn sóng quá lớn; tàu cao tốc là hiện thân của những hung thần đối với dân hai bên bờ kinh Chợ Gạo nói riêng và dân đồng bằng Cửu Long nói chung, tàu chạy đến, ghe thuyền lùi tránh tìm nơi ẩn núp, nếu chậm tay không tránh kịp có thể bị sóng đánh lật úp, gây thiệt hại không ít về nhân mạng và của cải.

Hồi tháng 2 năm 1999, tàu cao tốc đã nhận chìm một ghe đắm cưới trên kinh Chợ Gạo làm thiệt mạng hơn 10 người!!!

Ngoài ra, vì tàu chạy với tốc độ trên mặt nước như vậy là quá nhanh, tạo thành những cuộn sóng lớn làm hai bên bờ kinh bị bê, bị phá lở quá nhiều và quá nhanh.

Tàu chạy qua, sóng vỗ mạnh, nước tràn bờ, cuốn trôi đi sự mầu mỡ của đất vườn, cây chanh cây bưởi, cây dứa, cây chuối cây mận v.v. cũng nhanh đi theo dòng nước ***Mạch máu cổ dân Nam đang tai biến*** tàu cao tốc cướp dần đi lẽ sống bình an, thật thà chất phát của người dân quê Miệt Vườn Miền Nam nước Việt ... đau lắm thay!!! Đau quá đi thôi...

Hò... ơ... Miền Nam mưa thuận, gió hoà  
 Gieo chi bão tố... ờ... dân tình lâm than... ờ...  
 Hò... ơ... Miền Nam đang sống an bình... ờ...  
 Ai đem oan nghiệt... ờ... cướp tình quê hương  
 Hò... ơ... Dân Nam mở rộng tình thương... ờ...  
 Ai gieo tang tóc... ơ... thê lương thế này...  
 Hò... ơ... Miền Nam trái ngọt cây lành...  
 Dân Nam đầy đủ... ơ... cần chi của người.  
 Hò... ơ... dân Nam xuôi ngược lớn, rộng,  
 Ai đem khốn khổ... ờ... mà trông cổ dân.  
 Hò... ơ... Miền Nam trù phú, thịnh giàu... ơ...  
 Dân tình hạnh phúc... ơ... tự do, phú cường.  
 Hò... ơ... dân Nam yêu sống hiền hòa...  
 Ai vào cướp mất... ờ... tình Cha, nghĩa Thầy.

**MINH KHAI NVN**



# PHẢI CHI CÒN MÁ!

## Đoàn Xuân Thu

**B**à ‘chăn’ của người viết hồi xưa, hồi xưa là con gái Cần Thơ. Con gái Cần Thơ thì không các có, nhưng em là trường hợp ‘ngoại lệ’! Yêu là phải lựa ‘thằng’ thông minh, học giỏi, con nhà giàu rồi mới chịu ‘ung’ cho nó ‘phê’! Làm như là Hoa Hậu Venezuela không bằng? Mà muốn biết thông minh hay không thì ‘em’ thường ra câu đố cho ‘chàng’ giải đáp; để coi cái IQ (xin đọc theo kiểu Việt Nam mình) của ‘chàng’ ra sao? Giống như bây giờ mấy thằng Úc, trước khi mướn người làm, thường ‘interview’. Không qua được ‘interview’ là mình tiêu. Vậy thôi!

“Tiếng anh ăn học lâu thông! Lại đây em hỏi khăn lông mấy đường?”

Câu trả lời dễ ợt: “Em về đêm sạch cỏ vườn! Ra đây anh nói: mấy đường khăn lông!”

Hỏi vậy mà cũng bày đặt hỏi!

Nhưng có lần em chơi khó, hỏi: “Anh là dân Mỹ Tho. Anh nói: Má anh có quày bán cơm tấm để nuôi anh ăn học trên đường Huyện Toại. Mà anh có biết Huyện Toại là ông nào vậy hông?”

Mình bí! Nhém chút nữa là em cho mình rớt ròi! Nhưng có lẽ nhờ ‘đẹp trai’ và nói hơi ‘dai’ nên em cho đậu vớt.

Dù em cho đậu vớt nhưng không trả lời được cho em: “Huyện Toại là ông nào?” Người viết rất tức tối! Rất: ‘Hận đời đen bạc! Hận kẻ bạc tình! Hận cả gia đình! Hận luôn hàng xóm!’ Nghĩa là hận hết ráo! Và trong trường hợp này người viết còn hận luôn mấy ông soạn sách giáo khoa nữa đó!

Như quý độc giả thân mến từng biết: Trước 1975, thời trung học, từ lớp đệ thất tới lớp đệ nhất, năm nào cũng có môn Sử Địa,

2 giờ một tuần. Một giờ Sử, một giờ Địa. Giờ học đã ít, mà chương trình học thì ‘thiên la địa võng’. Học Sử Việt từ thưở ‘Được voi đòi Hai Bà Trưng’ cho tới thời ‘Bảo Đại!’ Học từ ‘Tây mũi lỗ’ cho tới ‘Tàu khựa, Tàu phũ’. Học thiệt nhiều nhưng biết chẳng bao nhiêu vì ‘lót lót bên ngoài như xài thuốc đỏ’. Nhưng có cái ngộ, kỳ kỳ là địa phương mình, nơi mình ăn dầm nằm dề thì bù trất? Học trò hông biết xa hơn cái lỗ mũi. Sử anh hùng dân tộc ngay chính quê hương bản thổ của mình thì mấy ông không cho vô chương trình. Không học! Sao biết? Nên thấy tên ông Huyện Toại mình cứ tưởng người dung?

Sau này VC vô, còn tệ hại hơn! Không có Huyện Toại gì ráo? Chỉ có ‘Ông Lê Nin ở nước Nga! Mà sao ông đứng vườn hoa nước này? Ông ngựa mặt, Ông chỉ tay! Làm như nước Việt này là của ông?’. Đó là ngoài Hà Nội. Còn trong Sài Gòn thì: Huỳnh văn Bánh, Đoàn văn Bơ, Mạc thị Bưởi. Bộ đói lắm sao mà đặt tên đường toàn là bánh trái không vậy hả mấy thằng ‘ông nội con nít’? Mấy cái tên đường này ‘Lê văn Tám’ quá nên khỏi có ý kiến gì cho nó mệt!

Phàm muốn dạy dân yêu nước, thương nòi đâu phải ngang xương nhậy cái rét vô ‘Yêu tổ quốc, yêu đồng bào...?’ Mà phải bắt nguồn từ gia đình. Gia đình là rường cột quốc gia mà! Phải thương yêu cha mẹ, anh em trước. Lớn lên một chút thì bà con cô bác... rồi lảng giềng thôn ấp. Lúc ‘dậy thì’, râu măng ‘tí chút’, bẻ tiếng khàn khàn như con vịt đực... mới ngó qua cô em lảng giềng, người em cách dậu mỏng toi xanh ròn chớ! Thương như vậy mới tuân tự nhi tiến và hợp lẽ giềng mối với Đất và Trời!

Vì là phe ta, nên người viết mới bỏ công ‘buồn’ mấy ông soạn chương trình giáo khoa Sử Địa hồi trước 75 lắm nha! ‘Mấy thầy soạn chung chung, ta bà thể giới quá! Còn học trò như ‘em’ lại không biết ắt giáp gì về địa phương, về cuống rún chưa lia, về quê hương bản thổ hết trơn hết trọi á!’

Gần 40 năm sau, xa quê, xa cái xã Điều Hòa, cái Thị Xã Mỹ Tho ngày mất nước, quê người, Melbourne, đêm nay viết bài này thì con đường Huyện Toại mới trở lại mà hành hạ đứ đờ học trò từ

lúc tóc còn xanh mơn mớn ngày xưa cho đến đầu chớm bạc bây giờ!

Ông là ai? Ông là ai? Là ai? Là ai?

Bèn làm cái nghiên cứu, lục lọi thì thấy rằng: Ông Huyện Toại thực ra là Huyện Thoại. Tây, nó viết bỏ chữ h nên thành Toại. Tên họ ông là: Đỗ Trình Thoại, người thôn Yên Luông, huyện Kiến Hòa, trấn Định Tường (thời VC thì thuộc huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang).

Năm Quý Mão (1843), đậu Cử nhân tại Trường Hương Gia Định, được bổ làm Tri huyện Tân Hòa (bao gồm khu vực Gò Công thuộc tỉnh Tiền Giang ngày nay) nên được mọi người quen gọi là Huyện Thoại.

Tây đánh Lục Tỉnh Nam Kỳ, ông chống lại. Vào tờ mờ sáng ngày 22 tháng 6 năm 1861 (Tân Dậu), ông cùng 600 nghĩa quân đánh đồn Gò Công do một sĩ quan hải quân Pháp là Paulin Vial và 27 quân sĩ trú đóng.

Huyện Toại dùng gươm giết được một tên lính Hải Quân Bodiez và đâm trọng thương trung úy Paulin Vial, Trưởng đồn kiêm Giám đốc bản xứ sự vụ Gò Công. Nhưng sau đó, bị trúng đạn, ông hy sinh tại trận tiền cùng với 14 chiến sĩ khác.

Để trả lời một câu hỏi về chính quê nhà mình... mà cần tới 40 năm mới làm được! Thiệt nghĩ mắc cỡ quá! Nhưng trễ còn hơn không!

Sau khi dựng em yêu đang ‘ngáy như sấm’ dậy, để nghe ‘trả lời một câu hỏi’ 40 năm về trước. Người viết còn nhắc cho ‘em yêu’ về quan niệm hôn nhân xưa đi chọn vợ của mình như thế này: chỉ cần có hai điều kiện thôi. Một chánh, một phụ. Chánh là phải đẹp! He he! (con vợ nghe, nó khoái quá trời?) Phụ là phải biết nấu cơm tắm để về nhà tiếp Má mình đi bán... để nuôi mình!

Nhớ ngày xưa em nói em yêu có anh thôi! Không ai ngoài anh nữa? Và em là con gái Cần Thơ chỉ biết làm bánh cống. Còn cơm tấm, chịu thua! Thua thì bỏ. Em nghe hăm; sợ không được làm ‘Con Gấu Mẹ Vĩ Đại’, nên năn nỉ i ôi: “Anh dạy em đi!”

Người viết từng chạy bàn cho quầy cơm tấm của Má mòn gần chục đôi dép nên rãnh sáu câu vọng cổ, bèn soạn cái ‘giáo án’ này để

‘Dạy con dạy thuở còn thơ.

Dạy vợ dạy thuở bơ vợ mới về!’

Trước hết là bày cách cho em lấy lòng Má của mình; sau là cho em biết thế nào là lễ độ! Chớ hông phải bất cứ cái gì cũng ong óng lên: “Tui biết hết” đâu nha!

Người viết dạy em rằng: Dĩa cơm bì sườn ngon phải nhiều màu sắc đẹp mắt như tranh Picasso. Trắng của cơm, vàng ươm của sườn nướng, đỏ của cà rốt, xanh của dưa leo. Sườn nướng phải mềm, thơm. Bì thịt, thính và bông da ăn phải ngứa răng. Đồ chua phải giòn, nhai rau rầu. Nếu muốn, chơi thêm một trứng gà ốp la nữa cho nó bổ... ‘thận’?

Sườn nướng phải là thịt ‘cốt lết’ ngon, tấm mật ong, muối, nước mắm, dầu hào, dầu mè, tỏi, hành khô, hạt tiêu cho ngấm rồi đem nướng vỉ than. Chu chơa, mỡ cháy xèo xèo, khói thơm bay xa... ba cây số!

Còn bì thịt là thịt nạc mông hoặc thịt nạc vai, ướp muối, hạt tiêu, tỏi, đường, nước mắm. Xong đem ram cho vàng rồi xắt sợi.

Phần nước mắm: nước mắm ngon Phú Quốc, hiệu ba con cá cơm, đựng trong tĩn. Nấu sôi, vớt bọt, nêm đường, giấm, tỏi với ớt băm pha thêm vài trái dưa xiêm.

Còn đồ chua là cà rốt, đường, giấm, muối, có thể thêm củ cải trắng với dưa leo và cà chua ăn kèm cho đỡ ngán.

Còn phi mỡ hành: hành lá rửa sạch, thái nhỏ, trộn vào tô hành một ít dầu ăn, phi trên bếp khoảng 30 giây để hành vừa chín tới.

Nấu cơm tấm, sau khi đã nhặt hết mấy hạt sạn nho nhỏ còn lẫn trong tấm. Làm ầu tả, còn sót sạn, cần nghe cái ‘bốp’ là gãy răng. Không nấu kiểu thường, trừ trường hợp muốn ăn cơm cháy với tép mỡ rắc đường, mà phải đồ tấm, sau khi vo sạch, vào từng cái xúng nhỏ, xả xấp nước, bỏ vào nồi lớn, hấp. Thêm vài cái lá dứa cho thơm ‘râu’!



Sau khi hướng dẫn em yêu thật tỉ mỉ phần lý thuyết, tính đất ‘Con Gấu Mẹ Vĩ Đại’ về thừa với Má là: con đi học ở Cần Thơ kiếm được một đũa về đỡ tay đỡ chân cho Má nè! Nhưng chưa lần nào em được ‘hân hạnh’(?) làm dâu thì Má bị tai biến mạch máu não và ra đi khi tuổi mới 40. Má ơi!

Tháng 6, Melbourne, trời cuối thu, sắp sang đông. Gió nhiều, mưa cũng lắm. Tới ngày giỗ má rồi. Năm nay như mọi năm, vợ con sẽ làm com tấm sườn bì cúng má. Chính tay con sẽ làm nước mắm với ‘bí quyết gia truyền’ này cho hai thằng con, hai đứa con dâu và 4 đứa cháu nội ăn, để tụi nó ngả nón cúi đầu mà khâm phục Tía nó cũng biết làm... chớ không phải chỉ chuyên ‘dóc tổ’!

Con đường Huyện Toại, quây com tấm của má ngày xưa đi suốt theo con cả thời niên thiếu cho mãi đến bây giờ!

Thu Melbourne, lá vàng đã đầy trên lối! Dĩ com tấm ngày xưa, con đường Huyện Toại và bài hồi ức này làm con nhớ Má biết bao nhiêu!

Vợ con, ‘Con Gấu Mẹ Vĩ Đại’, nói rằng: nó cảm ơn Má nhiều biết bao nhiêu vì Má đã đẻ ra con và cho nó một người chồng rất dễ thương... và dễ dạy!

‘Con Gấu Mẹ Vĩ Đại’ nói một câu rất ăn tiền là: “Phải chi Má còn sống! Giờ dẫu Má có già, có quên trước quên sau hoặc tánh tình khó khăn gì đi chăng nữa, em nhưt định làm bốn phận dâu con... mà dâu ‘ngọt’ chớ hông có chua; hết lòng phụng dưỡng Má của anh như Má của em! Nhưt định không bao giờ ‘xúi bậy’ anh đưa Má vô Nhà Dưỡng Lão (Nursing Home) đâu nha?!”

## **đoàn xuân thu**

melbourne.



# QUÊ HƯƠNG: NIỀM HÃNH DIỆN

Trần Kim Điệp

**A**i xa quê hương, chắc cũng đều ít nhiều mang niềm luyến nhớ. Bản thân tôi, dù xa xứ đã hơn hai mươi năm, nhưng những kỷ niệm và hình ảnh thân yêu của quê nhà vẫn luôn khắc ghi trong tâm khảm.



Tôi sinh ra ở Cái Bè, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang).

Cái Bè, một cái tên thật đơn sơ, có từ thừa những người miền Trung đầu tiên lánh nạn binh đao Trịnh - Nguyễn phân tranh và nạn đói do thiên tai, bão lụt gây nên, di cư đến lập nghiệp. Họ nuôi cá trong những cái bè và mô hình này ngày càng phát triển, những cái bè xuất hiện ngày càng nhiều và người dân nơi đây từ đó đã lấy chữ Cái Bè để đặt tên cho vùng đất mới này.

**Cái Bè** nổi tiếng cả nước về *cam*:

## Cam

- cam sành: vỏ sần, trái to, rất ngọt..., thường được ví von qua câu

*cam sành lột vỏ còn the  
thấy em còn nhỏ anh ve để dành*

- cam mật: vỏ mỏng, lóng, nhiều nước, vị ngọt thanh.



◀ Cam mật

Cam sành ▼



*Cam Cái Bè* đã nổi tiếng từ lâu, nhưng ngày càng được người trong



◀ Quít đường

nước biết đến nhiều hơn có lẽ nhờ **cuộc đấu xảo nông nghiệp** tổ chức tại Mỹ Tho năm 1957. Thời đó, báo chí và đài phát thanh không ngớt lời ca tụng về: *Cam Cái Bè, bưởi Biên*

*Hoà, Quít Sa Đéc, vú sữa Cần Thơ, măng cầu Gò Công, mận Trung Lương, dừa Bến Tre, khóm Bến Lức, măng cụt + sầu riêng Thủ Dầu Một* v.v..

Phải nói, đây là một *điểm son* của nền **Đệ Nhất Cộng Hoà** "*đã đề cao và thúc đẩy sự phát triển nền nông nghiệp của nước ta*". Thời này, ngoài việc phổ biến việc trồng giống lúa *thần*

*nông* cho năng suất cao, còn lập những *khu trừ mật* Cái Sắn, Vị Thanh, Hỏa Lựu... và khuyến khích việc trồng cây ăn trái như phong trào trồng xoài cát Hoà Lộc, trồng khóm ở Chương Thiện v.v...

Hậu quả tất nhiên là cho đến 1965, mức thu nhập bình quân của người miền Nam hơn hẳn người Đài Loan và người Đại Hàn.

Trở lại giống cam ở nước ta, tuy ngon ngọt, nhưng cũng có nhiều điểm yếu như hạt nhiều, vỏ cứng khó lột, phần ngăn cách giữa 2 múi dai... Trong khi nước ta có nhà *Bác Vật Lương Định Của thật tài ba*, Ông rất nổi tiếng ở Nhật-Bản qua công trình chuyên *gène* để loại hạt trong trái cây. Tiếc thay, *khi về nước Ông đã phục vụ cho VC một chế độ không biết trọng dụng nhân tài, nên tài của Ông bị mai một và cam của Việt-Nam cũng mất đi cơ hội để sánh vai cùng giống cam nổi tiếng của Tây-Ban-Nha trên thương trường quốc tế.*

### Ốc gạo



Ngoài cam, Cái-Bè còn có một đặc sản nổi tiếng khác, đó là ốc gạo.

Theo những người sành điệu thì khoảng đầu tháng 5 âm lịch là thời điểm mà con ốc gạo mập nhất. Ốc mua về, để khát một buổi, sau đó thả ốc trong nước vo gạo, ốc sẽ nhả sạch hết đất cát, xong đem luộc với lá sả. Ốc chín,



dùng gai bưởi hoặc kim tây lê ra thịt vàng lừm. Nước chấm thích hợp nhất dùng ăn ốc gạo là nước mắm chanh, tỏi, ớt. Thịt ốc gạo luộc, có thể làm món gói cuốn; món bún, ốc, rau thơm hoặc đơn giản nhất là ốc lê xong chấm với nước mắm chanh, nhưng hấp dẫn nhất phải kể là món gói bưởi, dừa rám nạo, ốc gạo, rau thơm... ăn sẽ quên thôi.



### *Chợ nổi*

Ngoài 2 đặc sản cam và ốc, nghe nói ở Cái Bè ngày nay còn có một khu vực **chợ nổi** nằm trên một đoạn sông Tiền giáp 3 tỉnh Vĩnh Long, Bến Tre, Tiền Giang. Chợ có phương pháp tiếp thị rất độc đáo nên lúc nào cũng nhộn nhịp, ngoài việc bán buôn hàng hoá, hình thức văn hoá đặc trưng của vùng sông nước này cũng đã thu hút không ít du khách đến tham quan, tìm hiểu.

Xong Tiểu Học, tôi tiếp tục bậc Trung Học ở **Mỹ Tho**.

**Mỹ Tho** là tiếng đọc trại của chữ **M'Tho** của người Khmer, có nghĩa là "**người con gái đẹp**", chắc có lẽ vì thế mà những ai thuộc phái nữ xuất thân từ Mỹ Tho hay vùng lân cận đều là **giai nhân**. (điển hình là bà Phạm Thị Hằng tức bà Từ Dũ -vợ của vua Thiệu Trị và bà Nguyễn Hữu Thị Lan tức Nam Phương Hoàng Hậu, vợ của vua Bảo Đại...)





*Cô gái Mỹ Tho (ảnh do tác giả cung cấp)*

Mỹ Tho là một thành phố nằm bên bờ sông Tiền, được thành lập khoảng thế kỷ 17 trên bước đường **Nam tiến** của người Việt từ miền Bắc và miền Trung.

Đến năm **1679**, Mỹ Tho lại tiếp nhận thêm đoàn người do **Lãnh Binh Dương Ngạn Địch** chỉ huy. Họ là những công thân của nhà Minh không đầu phục nhà Mãn Thanh, bỏ xứ Trung-Hoa, chạy sang VN và được chúa **Nguyễn Phúc Chu** cho phép đến vùng Mỹ Tho lập nghiệp.

Đến cuối thế kỷ thứ 17, Mỹ-Tho trở thành trung tâm kinh tế lớn nhất của miền Tây Nam bộ, thương thuyền của nhiều nước đã đến đây buôn bán, trao đổi hàng hoá. Thời này Mỹ-Tho còn có tên là **Mỹ-Tho Đại Phố**, nhưng đến năm 1785, trước trận chiến Rạch Gầm giữa quân Xiêm và quân Tây Sơn, Mỹ-Tho bị tàn phá nặng nề, dân chúng mà đa số là người Hoa đã bỏ chạy về Chợ Lớn... từ đó Mỹ-Tho Đại Phố không còn nữa.

Ngày nay, sau hơn 2 thế kỷ, Mỹ-Tho đã trở thành một trong những thành phố đẹp nhất của miền Nam.

Hàng năm, số lượng du khách trong và ngoài nước đến viếng Mỹ-Tho ngày càng đông, do Mỹ-Tho có rất nhiều thắng tích như:

### ***Di tích lịch sử Rạch Gầm - Xoài Mút***

Đây là di tích lịch sử thuộc xã Kim Sơn huyện Châu Thành, nơi vua Quang Trung Nguyễn Huệ đánh tan tành 2 vạn quân Xiêm và 300 chiến thuyền của 2 tướng Chiêu Tăng, Chiêu Sương do Nguyễn Ánh cầu viện sang giúp. Phải nói, ngoài những trận thủy chiến đánh tan lũ giặc Tàu trên sông Bạch Đằng hồi thế kỷ thứ 10 và 13, thì đây là trận thủy chiến lẫy lừng nhất, đã dạy cho giặc Xiêm một bài học để đời, từ đó không còn dám xâm lăng nước ta nữa .

### ***Chùa Vĩnh Tràng***



Chùa Vĩnh Tràng là ngôi chùa lớn nhất và đẹp nhất của tỉnh Định Tường (có lẽ là đẹp nhất miền Nam). Chùa nằm bên bờ

sông Bảo Định (nhánh của sông Tiên), thuộc xã Mỹ Phong, thành phố Mỹ Tho. Chùa nổi tiếng nhờ lối kiến trúc độc đáo mang nét trang nghiêm, cổ kính và thanh thoát nhờ sự kết hợp hài hoà hai phong cách kiến trúc Á – Âu. Chùa Vĩnh Tràng được xây cất từ **đầu thế kỷ 19**, do ông **Tri Huyện Bùi Công Đạt** xây để tu dưỡng lúc cuối đời. Ban đầu, chùa chỉ là một cái am nhỏ, sau khi ông mất, đến **năm 1849 Hoà Thượng trụ trì Thích Huệ Đăng** vận động dân xây thành chùa lớn và đặt tên là Vĩnh Tràng. Chùa bị hư hại nặng thời Pháp đánh chiếm Định Tường và sau cơn **bão lớn năm 1904**, nhưng sau nhiều lần được trùng tu, đến nay chùa Vĩnh Tràng được xem là di tích lịch sử văn hoá quốc gia với nghệ thuật chạm trổ và điêu khắc đạt đến đỉnh cao.

Ngoài hai di tích trên, Mỹ Tho cũng còn có thật nhiều nơi đáng viếng khác như:

**Chùa Linh Thứu** (tức chùa Long Xuyên) ở xã Thạnh Phú, huyện Châu Thành, gần chợ Xoài Hột. Đây là nơi mà chúa Nguyễn Ánh đã ẩn trốn để tránh sự truy đuổi của quân Tây Sơn.

**Trường Trung Học Nguyễn-Đình-Chiêu** là một trong những ngôi trường kỳ cựu nhất của miền Nam, đến nay đã 129 tuổi. Trường mang tên của một nhà nho khí khái, nhiệt tình yêu nước, được tất cả người Việt thương mến và ngay cả giặc Pháp cũng phải kính phục. Trường NĐC thật nổi tiếng, không chỉ ở bề thế to lớn, khang trang mà còn ở lĩnh vực đã đào tạo và cống hiến cho đất nước vô số nhân tài từ bậc Lãnh Đạo quốc gia đến hàng Bộ Trưởng, Nghị Sĩ, Dân Biểu, Tướng Lãnh, Chuyên Viên Cao Cấp của mọi ngành nghề. Rồi do thăng trầm của lịch sử, ngày nay có vô số người con ưu tú cũng xuất thân từ ngôi trường thân yêu đó phải sống rải rác khắp nơi trên thế giới.

Ngoài ra, nếu đã đến Mỹ-Tho mà không biết qua công viên **Dân Chủ**, vườn hoa **Lạc Hồng**, vườn mận **Trung Lương**, trại rắn **Đông Tâm** v.v. cũng như không thưởng thức món hủ tiếu Mỹ-Tho, thì quả là một điều đáng tiếc.

Đây mới chỉ là đôi chút hồi ức về Mỹ-Tho. Rộng ra trong địa hạt toàn tỉnh, Định Tường còn cống hiến cho ta vô số điều đáng



hảnh diện: như gương yêu nước của 2 ông Trương Định và Nguyễn-Hữu-Huân.

*Trường  
Trung  
Học  
Nguyễn  
Đình  
Chiểu*



*Cù Đờ Chiểu*



*Trương Định*



*Thủ Khoa Huân*

**Ông Trương Định** sinh năm 1820 ở huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Cha ông giữ chức Lãnh Binh tỉnh Gia Định. Thời vua Thiệu Trị, năm 1844 Ông theo cha vào Nam và lập gia đình ở Tân Hoà – Gò Công. Ông chiêu mộ dân nghèo lập đồn điền Gia Thuận và được triều đình phong chức Quản Cơ. Tháng 2/1859, giặc Pháp chiếm thành Gia Định, Ông đưa thuộc hạ gia nhập quân triều đình. Ông là người thông binh thư, giỏi võ nghệ,

luôn đi tiên phong đánh giặc. Một trong những chiến công nổi tiếng của Ông là phục kích giết chết tên **Đại úy Barbès**. Sau khi Chí Hoà thất thủ, Ông đưa 6000 quân về Tân Hoà, tổ chức tấn công chiếm lại Gò Công. Đến khi 3 tỉnh miền Đông bị giao cho Pháp (hoà ước Nhâm Tuất ngày 5/6/1862) triều đình ra lệnh cho Ông bãi binh và đi nhậm chức Lãnh Binh tỉnh An Giang. Theo yêu cầu của dân và quân, Ông cương lệnh triều đình, tiếp tục ở lại lãnh đạo lực lượng kháng chiến chống giặc Pháp và được tôn xưng là **Bình Tây Đại Nguyên Soái**. Ông tổ chức tập kích pháo hạm Alarme, bẻ gãy cuộc tấn công quy mô của quân Pháp vào Gò Công, gây cho giặc nhiều phen thất điên bát đảo. Năm Ông tròn 44 tuổi, vì sự phản bội của tên **Huỳnh Công Tấn**, để khỏi rơi vào tay giặc Ông dùng gươm tự sát, bảo toàn thanh danh, khí tiết anh hùng. Ngày nay, di tích lăng và đền thờ Ông Trương Định tọa lạc ở nội ô thị xã Gò Công và hằng năm người dân Gò Công lấy ngày tuần tiết của Ông (19-20/8 DL) để tổ chức trọng thể lễ giỗ kỷ niệm.

**Ông Nguyễn-Hữu-Huân** sinh năm 1830 tại xã Mỹ Tịnh, huyện Chợ Gạo, tỉnh Định Tường. Ông rất thông minh và học giỏi. Năm 22 tuổi, Ông đỗ thủ khoa kỳ thi Hương ở Gia Định, dưới triều Tự Đức, do đó được xưng tụng là Thủ Khoa Huân. Sau đó Ông được cử làm Giáo Thọ (Độc Học) tại Định Tường. Khi quân Pháp xâm lược VN, Ông từ quan, liên kết với các người yêu nước, chiêu mộ binh và gia nhập vào nghĩa quân của Ông Trương Định để chống giặc. Khi Ông Trương Định tuần tiết, Ông kéo quân về An Giang hoạt động với **Ông Võ Duy Dương**; nhưng triều đình Huế vì khiếp nhược đã bắt Ông nộp cho quân Pháp. Pháp đày Ông sang Nam Mỹ. Năm 1874, được thả về, Ông lại tiếp tục chống Pháp ở Mỹ Tho. Ngày 18 tháng 5 năm 1875 giặc Pháp bắt được và đem xử chém Ông ở xã Tịnh Hà. Trước khi bị giết Ông vẫn hiên ngang, nêu cao khí phách anh hùng (bài thơ **mang gông** của Ông làm trước khi chết ngày nay vẫn còn truyền tụng). Tượng đài của Ông được xây bên bờ rạch Bảo Định, nhưng đền thờ của Ông thì ở xã Tịnh An, Chợ Gạo.



*Võ Duy Dương*

Về anh hùng, hào kiệt thời kháng Pháp thì Định Tường còn có **Phủ Cậu** (không rõ tên) hoạt động ở **Thuộc Nhiêu, Nhị Quý, Cái Bè; Phan Tôn, Phan Liêm** (con Ông Phan Thanh Giản) hoạt động ở Bến Tre và Mỹ Tho; **Thân Văn Nhiếp** hoạt động ở Cai Lậy, Mỹ Tho, Bến Tre; **Trương Huệ** (con Ông Trương Định) khởi nghĩa ở Cai Lậy; **Huỳnh Khắc Hôn** hoạt động ở Mỹ Tho, Biên Hoà; **Đặng Văn Lượng** hoạt động ở Mỹ Tho, Bến Tre; **Trương Văn Hoàng** khởi nghĩa ở Cai Lậy; Ông **Âu Dương Lân** đền nợ nước ở bờ sông Mỹ Tho v.v., nhưng kiệt kiệt và gây cho giặc Pháp nhiều điều đứng nhất phải kể đến là cuộc khởi nghĩa của **Thiên Hộ Dương (Võ Duy Dương hay Nguyễn Duy Dương)** ở vùng **Đồng Tháp** (thời Nam Kỳ Lục Tỉnh, Đồng Tháp thuộc tỉnh Định Tường. Trước kia Đồng Tháp là một cái vịnh to, dần dần được phù sa của sông Cửu Long bồi đắp nhưng trung tâm vẫn còn là một lòng chảo, nước đọng quanh năm. Giữa Đồng có một ngôi tháp sừng sững được xây toàn bằng những tảng đá xanh lớn, kiến trúc thật công phu theo kiểu Đế Thiên, Đế Thích. Điểm đặc biệt là chung quanh vùng không hề có ngọn núi nào để cung cấp đá làm vật liệu xây cất. Đây là công trình kiến trúc của vua Phù Nam Gunavarman để thờ Thần Vishno. Theo nhà khảo cổ Parmentier (1931) giải những chữ ghi trên bia đá thì đó là **ngôi tháp thứ 10** trong số 10 cái tháp của xứ Thủy Chân Lạp ngày xưa và cũng vì thế mà có tên **Đồng Tháp Mười**.

Do địa hình hiểm trở, lại được nhiều người tài giỏi giúp sức nên Thiên Hộ Dương và lực lượng nghĩa quân đã bao phen gây cho địch phải thất điên bát đảo. Sau 3 năm ròng rã, với chiến cụ tối tân, lực lượng thủy bộ hùng hậu, tấn công từ 3 ngã: Cao Lãnh, Mộc Hoá, Cái Bè, tổn hao không ít về người và của, vẫn không dẹp nổi chiến khu Đồng Tháp, cuối cùng giặc Pháp phải dùng đến phương cách chiêu dụ 2 thuộc tướng của Thiên Hộ Dương, làm phân hoá lực lượng kháng chiến, rồi mở cuộc tổng tấn công mới phá vỡ được mặt trận Đồng Tháp.

Ngoài những anh hùng kháng Pháp, dưới triều Nguyễn, Định Tường cũng có một số nhân vật khá nổi danh như: Đỗ Thanh Nhân, thủ lĩnh của đạo quân **Đông Sơn**, là một trong **Gia Định Tam Hùng** (ĐTN, Võ Tánh, Châu Văn Tiếp hoặc Trịnh Hoài Đức) Ông mộ quân giúp chúa Nguyễn Ánh dựng nghiệp nhưng sau bị nghi định tạo phản nên bị giết; Hồ Văn Lân, chức Bảo Hộ Chân Lạp, được dân Chân Lạp rất mến phục; Lê Văn Quân, bạn của Nguyễn Huỳnh Đức, Ông nổi tiếng ngang tài với Võ Tánh, sau vì sự đố kỵ của VT không ứng binh tiếp viện, Ông thất trận và tự sát ở Phan Rang; Lê Văn Thuy, năm 1834 nhân quân Xiêm xâm lấn bờ cõi nước ta, Ông đánh 1 trận oanh liệt, bắt sống tướng Xiêm, được phong chức Chương Cơ; Nguyễn Văn Lạc (Học Lạc) danh sĩ Mỹ Tho; Mai Văn Ngọc, là bạn đồng tâm, đồng chí của Nguyễn An Ninh, Ông nổi tiếng Bắc – Nam về Hán học, được bà Surong Nguyệt Anh (con cụ Nguyễn Đình Chiểu) gả cho cô con gái duy nhất, Ông còn tự học thật giỏi tiếng Pháp, sự nghiệp cách mạng của Nguyễn An Ninh và Phan Văn Hùm (rể của Ông) là do ảnh hưởng tinh thần cao khiết của Ông.



*Tả Quân Lê Văn Duyệt*

Ngoài ra, Định Tường còn có một nhân vật lịch sử khác vô cùng đặc biệt đó là **Tả Quân Lê Văn Duyệt**. Nội Ông người Chương Nghĩa, Quảng Ngãi, thời Trịnh-Nguyễn phân tranh, chạy vào Nam lánh nạn, lập nghiệp ở làng Hoà Khánh,

Định Tường. Ông LVD có tướng ngũ đoản, thông minh, đỉnh ngộ, thích võ hơn văn, theo phò chúa Nguyễn Ánh lập được nhiều công trạng. Năm 1812, được vua Gia Long phong làm Tổng Trấn Gia Định (chức vụ như Phó Vương) .

Ông giúp vua Chân Lạp Nặc Ông Chân đánh đuổi quân Xiêm và bảo hộ Chân Lạp.

Thời bấy giờ, Xiêm hay quấy nhiễu Chân Lạp do VN bảo hộ, do đó Ông lập chương trình chinh phục Xiêm bằng 2 mặt:

- đường bộ: từ Chân Lạp đánh sang.
- đường thủy: cho đào kinh Vĩnh Tế nối Châu Đốc - Hà Tiên, để từ đó tấn công bằng ngả vịnh Phú Quốc.

Chiến lược và chiến thuật của Ông rất tinh tế, nhưng kinh Vĩnh Tế vừa đào xong thì vua Gia Long mất. Minh Mạng lên ngôi. Minh Mạng vốn ghét Ông LVD vì Ông đã đề nghị vua Gia Long lập Hoàng Tử Đán (con Hoàng Tử Cảnh) lên ngôi thay vì Hoàng Tử Đảm (vua Minh Mạng). Do đó vua Minh Mạng không đồng ý về việc đánh Xiêm của Ông. Năm 1832, Ông Lê Văn Duyệt mất (69 tuổi), vua Minh Mạng ra tay trả thù, nên đã xảy ra loạn Lê Văn Khôi (con nuôi Ông LVD). Mãi đến năm 1848, vua Tự Đức mới giải oan và cho xây lăng Ông Lê Văn Duyệt ở Bà Chiểu, Gia Định.

Ngoài những căn cứ kháng chiến chống giặc Pháp và công hiến những anh hùng làm rạng rỡ lịch sử dân tộc, trên lãnh vực kinh tế Định Tường còn là một trong những tỉnh trù phú nhất miền Nam, là mạch máu nối Sài Gòn với các tỉnh miền Đông và miền Tây.

Thời Nam Kỳ Lục Tỉnh, Định Tường rất rộng lớn: bắc giáp Campuchia, nam giáp Vĩnh Long và biển, đông giáp Gia Định – Biên Hoà, tây là vùng Hậu Giang, 2 tỉnh An Giang- Hà Tiên.

Khi Pháp chiếm Nam Kỳ, cắt 6 tỉnh ra thành 20 tỉnh nhỏ, địa giới của ĐT cũng đổi: tây-bắc giáp Kiến Tường (Mộc Hoá cũ), đông-bắc giáp Long An, Đông là Gò Công, tây là Kiến Phong (Cao lãnh cũ), nam là Vĩnh Long, đông-nam là Kiến Hoà.

Nhờ có sông Tiền và 8 phụ lưu:

- Rạch Cái Thia với 2 chi lưu: rạch Cái Cối 12km, rạch Mỹ Thiện 12km.
- Rạch Trà Lốt 18km chảy ngang Tổng Phong Hoà – Cái Bè.
- Rạch Cái Bè, nhánh Đông chảy qua Tổng Lợi Thuận, nhánh Tây chảy qua Tổng Phong Hoà. 2 nhánh gặp nhau tại chợ Cái Bè – làng Đông Hoà Hiệp.

- Rạch Ba Rài 22km, chảy qua Cái Bè và Cai Lậy.
- Rạch Trà Tân chảy qua Cai Lậy.
- Rạch Gầm 11km ở Long Định (đây là con sông lịch sử, nơi mà vị anh hùng Nguyễn Huệ đã dạy cho người Xiêm một bài học để đời, từ đó không còn dám dòm ngó đến nước VN nữa. Cần nhắc lại là trước đây người Xiêm đã nhiều lần xâm lăng và cướp phá lãnh thổ ta như: thời Mạc Thiên Tứ (con Mạc Cửu), quân Xiêm do tướng Trần Liên chỉ huy đã đốt và giết sạch dân VN ở thành Hà Tiên (thời này Hà Tiên là thương cảng bậc nhất của Đông Nam Á). Thời Xiêm bảo hộ Chân Lạp, nhiều lần đã xua quân sang đánh An Giang, Hà Tiên và trước trận thủy chiến Rạch Gầm có lần quân Xiêm đã tàn phá thành phố Mỹ Tho...)
- Rạch Bảo Định (thời Pháp thuộc có tên là aroyo de la Poste) là thủy trình vô cùng quan trọng nối 2 sông Vàm Cỏ với sông Tiền.
- Rạch Kỳ Hôn chảy qua quận Chợ Gạo.



◀ *bưởi*



*mận* ▶



*na* ▶



◀ *sơ-ri*



◀ *dừa*



*nhãn* ▶



Chính nhờ hệ thống sông ngòi chằng chịt như mạng nhện này mang phù sa bồi đắp mà đất đai của tỉnh Định Tường thật màu mỡ, do đó ta không lạ là trong số các loại trái cây ở miền Nam, Định Tường đã vô cùng nổi tiếng với cam Cái Bè, mận



*Vú sữa*

Trung Lương, Xơ ri, mãng cầu Gò Công, ổi xá lị An Hữu, xoài cát Hòa Lộc, nhãn Nhị Quý, vú sữa lò rèn Vĩnh Kim (trước đây nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà đã làm thơ hết lời ca tụng vú sữa Cần Thơ, nhưng từ khi được cùng phái đoàn văn nghệ sĩ về viếng Vĩnh Kim "quê hương của Ông Tiên Sĩ Phan Hiền Đạo và Quái Kiệt Trần Văn Trạch" và được thưởng thức qua vú sữa Lò Rèn, thì Ông nhận xét rằng loại vú sữa này ngon hơn vú sữa Cần Thơ nhiều).

Trung Lương, Xơ ri, mãng cầu Gò Công, ổi xá lị An Hữu, xoài cát Hòa Lộc, nhãn Nhị Quý, vú sữa lò rèn Vĩnh Kim (trước đây nhà thơ Kiên Giang Hà Huy Hà đã làm thơ hết lời ca tụng vú sữa Cần Thơ, nhưng từ khi được cùng phái đoàn văn nghệ sĩ về viếng Vĩnh Kim "quê hương của Ông Tiên Sĩ Phan Hiền Đạo và Quái Kiệt Trần Văn Trạch" và được thưởng thức qua vú sữa Lò Rèn, thì Ông nhận xét rằng loại vú sữa này ngon hơn vú sữa Cần Thơ nhiều).



*Xoài cát*



*Sầu riêng*



*Khế*

Nhân đề cập về đặc sản của Định Tường, có một bài thơ hay hay (không rõ tác giả) đã ca tụng ổi xá lị Mỹ - Hưng (Hưng Thuận và Mỹ Thuận thuộc An Hữu), xin được ghi ra đây:



*Ảnh  
do tác  
giả  
cung  
cấp*



Hồ lơ... ai về chợ Mỹ quê em  
 Mua ổi xá lị để mừng bà con  
 ổi này hương vị rất ngon  
 anh ơi, ăn thử mỗi mồn đợi ai  
 chúng mình chỉ mới gặp nhau  
 tặng anh trái ổi ngọt ngào tình thương  
 rồi khi mồn mỗi bụi đường  
 nhớ ổi xá lị tình thương mặn mà

hồ lơ... hồ là hồ lơ... ơ... ơ... ơ

Khi nào anh thấy nhớ ai  
 Xin về chợ Mỹ đường dài dễ đi  
 Mỹ Hưng anh xuống tức thì  
 Có em chờ đợi mong người tình quê  
 vườn xoài, vườn ổi sum sê  
 mặc tình anh "hái" anh đòi... em cho.

Kể về Định Tường quê tôi, có lẽ một cuốn sách dày cũng chưa đủ, nhưng với những gì mà quê tôi đã hiến dâng cho đất nước, tôi thật tự hào và hãnh diện. Hình ảnh của vùng đất đai trù phú, dân cư hiền hoà, nơi tôi đã sống trọn tuổi ấu thơ và thanh niên với vô vàn kỷ niệm, mãi mãi khắc ghi trong tim tôi.

**TKĐ**





# N H Ở M Ỹ T H O

## Dư Thị Diễm Buồn

**M**ỹ Tho ơi, miền quê tôi khôn lớn  
Bến xe đò bao hành khách ngược xuôi  
Dòng dịu hiền sông *Bảo Định* thành thơ  
Đưa rau mác, lục bình theo nước chảy

Rặng lau sậy trên bến sông mềm mại  
Uốn rạp mình theo cơn gió xoay chiều  
Dọc theo bờ *Giếng Nước* gió hiu hiu  
Hàng bã đậu, lá vàng lao xao rụng

*Ngã Ba Cây Xăng*, đường vào *Xóm Bún*  
*Chợ Lò Heo* nằm ngang dọc bờ sông  
Xe đò về đường *Nguyễn Trãi*, *Trung Long*  
Nơi bến bắc chờ đò qua *Rạch Miếu*

*Chợ Vòng Nhỏ*, biệt thự xây nhiều kiểu  
Ôi thuở nào qua căn cứ *Hải Quân*  
Có em đây rẽ đến *Bến Lạc Hồng*  
Công viên đó, hẹn ngắm trăng sông *Cửu*

Bãi cồn xa le lói đèn ngư phủ  
Bên này sông, đường đèn điện sáng trưng  
Màn đêm buông, tiếng trống nhạc tưng bừng  
Quán đón khách, rạp chiếu phim náo nhiệt

*Mỹ Tho* ơi! Bao nỗi niềm thân thiết  
Nhớ làm sao, quà bánh dốc *Cầu Quay*  
Mặt hồng đào như đôi má hây hây  
Tô hủ tíu *Mỹ Tho* ngon nổi tiếng

Đường *Hùng Vương*, khu sản khoa, bệnh viện  
Bộ chỉ huy *Sư Đoàn Bảy* bằng đường  
*Lê Ngọc Hân*, ngôi trường nữ dễ thương  
Em ngắm anh nam sinh *Nguyễn Đình Chiểu*

Ngã Ba Trung Lương vùng trời niên thiếu  
 Cây phượng già mùa phượng tới đỏ bông  
 Thăm bến đò Đạo Ngạn, cội vòng đồng  
 Tết chưa đến, hoa đầy cành rực thắm

Dòng ký ức vẫn còn in nét đậm  
 Chùa Vĩnh Tràng di tích có trăm năm  
 Cảnh trang nghiêm trong khói ngát hương trầm  
 Cổng tráng lệ, nạm miêng sành, miêng sứ

Đường râm mát, dừng bước chân lữ thứ  
 Ghé vào đây để tắm mát tâm linh  
 Thuở loạn ly trở lại buổi thanh bình  
 Quên phiền lụy, mở rộng hồn bát ngát

Cây ngọc lan gió đưa hương ngào ngạt  
 Ao nước trong, sen trắng lẫn sen hồng  
 Kiểng uốn hình rồng phụng, cá hóa long  
 Sân lát gạch bày một hòn non bộ...

Rặng lệ liễu rũ buồn bên tháp cổ  
 Vách đá cao dày đặc lớp rêu thâm  
 Đã trải qua bao hưng phế thăng trầm  
 Còn ghi rõ nét son hãn kỷ niệm

Cây vú sữa sau chùa quả trái tím  
 Rực bình minh, nầy bông điệp bông trang  
 Hẹn lên chùa bao tín nữ mơ màng...  
 Trong tiếng đại hồng chung vang tỏa rộng

Ngày rằm lớn, chùa động chuông, giống trống  
 Sư Ông ngồi giảng đạo, nén lung linh  
 Hồn thánh thơ theo tiếng kệ câu kinh  
 Tâm vút bỏ những muộn phiền, cay đắng

Chùa Vĩnh Tràng dưới bầu trời ấm nắng  
 Có trường tồn trong mệnh nước nổi trôi?  
 Và Mỹ Tho thương mến của tôi ơi!  
 Hãy chờ buổi tôi trở về gặp lại...

## DƯ THỊ ĐIỂM BUỒN



# C ĐỒNG SÔNG NƠI Ồ QUẬN

Bạch Vân

**T**hơ thân một mình trên bến vắng  
Ngắm nhìn mây nước, dậy hồn thơ  
Hàng dừa xanh, thùy dương rủ bóng  
Sông dài đồng rộng, trăm bến mơ  
Nắng vàng ấp ủ tình quê mẹ  
Hạnh phúc tràn trẻ tuổi ấu thơ  
Đĩ vãng tựa tầm đan chiếc kén  
Chờ lòng chùng xuống...nhả muôn tơ



Dòng sông quận Cái Bè trôi êm như những hoa lục-bình tím dịu-dàng bông bênh lá xanh, với chiếc đò ngang nổi hai bờ; như thời niên thiếu tôi trôi êm trong căn nhà ven sông ấy; căn nhà tổ ấm của tuổi thơ vô tư lự...

Cái Bè thuộc tỉnh Mỹ Tho, miền Nam Việt Nam, nổi tiếng về «chợ nổi» và những «cù lao» với vườn cây ăn trái xum xuê, sông rạch thơ mộng, nên rất nhiều du khách viếng thăm. Căn nhà ông bà tôi ngó ra sông, khoảng giữa chợ và vàm sông cái. Trước



*Chợ Nổi*

nhà là con lộ đá có hai hàng me. Tôi rất mê hàng me này, đến mùa me chín, sáng tôi thường dậy sớm để lượm me rụng; có khi sau một tối mưa gió lớn, sáng ra mừng vô kể khi tìm được vài trái «me dốt» (là me bắt đầu trở chín, vỏ me không còn sát múi nữa, nhưng múi me còn xanh, một màu xanh hấp dẫn với tuổi cốm chanh, ăn không quá chua mà lại giòn ngọt). Dọc bờ sông là hàng thùy dương và dừa xiêm cho bóng mát. Ba tôi thường ra sân trước trên lầu, sáng ngồi phơi nắng, đọc sách, chiều thường đứng tựa bao lơn nhìn xuống dòng sông trải dài trước mắt (chẳng biết những lúc đó Ba có thỉnh thoảng nhớ lại dòng sông Seine thời ông du học bên Pháp không? Nhưng chắc chắn với ông, dòng sông Cái Bè thân thương đậm tình quê hương này là nhất). Bà và các cháu cũng thường ngồi trên băng cây dọc bờ, ngắm trời nước mênh mông, ghe xuồng qua lại, xem đàn vịt con xinh xắn ngoan ngoãn lội theo mẹ. Đàn vịt thật khôn, sáng được lừa xuống nước kiếm ăn, quanh quần gần đó; chiều lại biết đường về nhà mới giỏi chứ! Hàng dừa cho trái thật ngọt nước, trời nóng, giải khát với nước dừa tươi thơm ngon thì như uống cả dòng suối mát.

Vàm sông rộng đón nước Cửu Long màu mỡ, chuyển đến những con rạch đầy cá tôm, thả đượm vào đồng lúa xanh tươi, vườn tược sung túc, tạo cho người dân vùng Cái bè một cuộc sống êm ả. Sớm tinh sương, các nhà thuyền chài đã ra ngoài vàm sông đánh cá để kịp sáng bán ra chợ. Cá sông rất ngọt thịt, lại thêm cá tươi, người dân quê được cái lợi là không xài đến cá đông lạnh như chúng mình hiện nay.

Phía vàm sông nổi ra sông Cái là phía bờ lở, theo lẽ thiên nhiên của tạo hóa, một bên lở là có một bên bồi. Thế là bên kia bờ Cửa Long ta có nhiều cù-lao bồi đắp bởi đất phù sa nên rất phì-nhiều, trù-phú. Có những cồn ốc gạo, đến mùa ốc, chỉ việc cào lên là ta có ốc đầy giỏ. Ốc gạo Cái bè ngon có tiếng, được chở bán xuống Mỹ tho, qua Vĩnh long, Sa dec, lên Sài gòn, các tỉnh lân cận. Trưa rồi rảnh, cả



nhà quây quần trên chiếc đệm, bày sẵn bánh trắng rau thơm, chờ đợi nôi ốc gạo. Ốc gạo đem luộc với chút xíu muối, còn nóng hổi, đem ra lể ốc với gai chanh cho thơm, thịt ốc vàng mượt, mềm mại, no tròn, cuốn với dừa bào, bánh trắng, chấm nước mắm ớt chanh thì thối tuyệt hảo, hơn cả ốc lát, ốc bươu; so với bulot bên Pháp nó vượt xa nghìn dặm...



Dưới bờ sông trước nhà, ông tôi cho đào một cái ụ lớn để ghe đậu, có thể chứa được một xuồng, một ghe hầu, một ghe tam bản, hai ghe lườn chở 200 và 500 giạ lúa. Ghe hầu rất đẹp, trong khoang trải chiếu hoa, có màn che cửa sổ, trông thật thanh nhã, được dùng chở ông tôi đi thăm điền, hoặc bà tôi đi viếng người quen bên kia sông. Tôi rất sung sướng thường được ông bà cùng dắt theo, các chị lớn đã lên Sài Gòn học, các em còn quá nhỏ.

Ghe lườn để chở lúa thô góp của các tá điền sau mùa gặt hái. Quang cảnh ghe về thật rộn-rịp, nhiều khi gặp chạng vạng tối, đèn manchon được đốt lên sáng trưng; mấy anh bạn vác lúa



thoăn thoắt trên đò dài nhún-nhịp đều theo bước đi, đem lúa đổ vào vựa. Không khí thật vui nhộn, trẻ nhỏ như tôi lúc đó rất ưa thích. Cũng như đến lúc ghe chài trên Chợ lớn đến mua lúa, lúa từ vựa lại

được đóng vào bao 2 giạ (mỗi giạ 40 lít) cho xuống ghe. Thế nên các anh bạn làm công quanh vùng luôn có việc. Ngoài mùa lúa, bạn ghe lại theo dòng sông vào vườn trâm bầu đốn củi. Trâm bầu dễ mọc, mau lớn; có vài vườn như vậy là có củi xài quanh năm; đôi khi dư ra để bán. Củi trâm bầu rất tốt, bén lửa, ít khói, nên được tiêu thụ nhiều.

Ông tôi còn cho đào một cái đìa kế bên ụ ghe, đất đào lên lại đắp bờ cao quanh đìa, có trồng mấy cây trứng cá, mấy cây bần. Tôi có nhỏ Kim Anh xấp xỉ tuổi là bạn cùng nô đùa, con bà quản gia có họ xa với ông tôi. Ngày nghỉ, chúng tôi trưa ăn cơm xong, trốn ngủ, xuống tìm hái trứng cá chín, trái nhãn lồng, rượt mấy con cá thòi lòi dưới sinh, bắt còng ướp muối tập làm mắm!!! Mấy trái bần vừa chát, vừa chua, chúng tôi cũng chẳng tha... chấm muối ớt cay xuyết xoa ăn vẫn ngon vô cùng!

Nghịch quá thành ra có ngày cũng phải vương... giầy. Số là một hôm vì bờ đất lở, ghe lườn bần đi chở lúa, ông tôi cho người đào đất ở phía ụ ghe để đắp bờ đìa thêm. Kế bên nhà có một hồ bơi cho học sinh, (gọi là hồ bơi cho oai, chớ thật ra đáy và quanh thành hồ không có tráng xi măng, lót gạch gì cả). Thấy mấy anh học sinh lớn, lội, plongeon xem ngoạn mục quá nên tôi mong cũng được tài như vậy. Cung cháu, bà tôi cho chặt mấy cây chuối để ôm chuối tập bơi. Từ chỗ cạn ôm cây chuối lội ra ngoài thì dễ, nhưng khi muốn quay vào, vì non tay chưa rành, cây chuối nặng, nên phải đứng xuống để xoay cây chuối lại. Thế là tôi rơi tòm ngay vào chỗ đã được đào đất hôm qua. Tội nghiệp chị ba canh giữ tụi nhóc con nhào đại xuống nước để cứu, nhưng



chị có biết lội đầu, thế là tôi và chị hụp lặn tha hồ uống nước; may là có bà tôi trên bờ kêu cứu, mấy anh bạn làm công vội kiếm sào dài quơ vớt chúng tôi. Trên bờ thiên hạ bu lại xem, thật là xấu hổ lại thêm một mẻ sợ kinh hồn! Vậy mà nhờ món nào tôi cũng thích xía vô, nên sau này bơi lội tôi cũng biết; biết cả bơi xuồng; cưa, bừa củi; giã gạo chà đạp đôi hay chà đạp.



Mùa nước rong, nước xấm xấp mé bờ, nhìn thấy cá lòng tong nhờn như lội từng đoàn, tụi nhỏ tôi đi «câu giựt» là lưới câu không có mồi, chỉ gắn một hạt cườm đỏ, rồi quay cần câu cho khéo, đều, liên tục theo chiều kim đồng hồ, giựt mạnh sợi nhợ lên, chẳng khác cowboy quăng giây lasso khắc phục mấy chú ngựa con. Thịnh thoảng rải một ít cá thơm, cá bu lại nhiều quá nên thế nào cũng có con cắn câu.

Cá lòng tong kho tiêu, lăn bột chiên là món hảo của tôi. Có khi chúng tôi vác cần câu ra sau ghe, nắng chang chang, mỗi đũa đội cái nón lá, câu được cả ký «cá he» vảy bạc, kỳ đỏ, mê quá quên giờ cơm trưa luôn, nên thường bị mẹ mắng. Cá he đem về cho bà bếp chiên dòn, nấu canh chua với bông sua-đuà. Cá tự mình câu lấy, nên ăn ngon không thể tả...

Nếu ai có dự mấy lúc tát đìa, còn thấy vui hơn nữa. Mỗi năm đìa có khi được tát hai lần. Trước khi tát đìa, anh «sáu nhỏ» phụ việc nhà, có phận sự chiều tôi canh chừng khi nước lớn, sửa soạn rang cám cho thơm, đem rải trên mặt nước, gần miệng cửa vô đìa, để nhử cá vào cho nhiều, như thế trong vài ngày liên tiếp. Khi quyết định tát là tối đến, chờ lúc nước đứng, đem tấm phên tre đan thật khít, chặn cửa vào đìa thật chắc, vì khi nước ròng, đám cá theo nước lội ra mà gặp cá to tông vào làm sút tấm phên, thì công trình sửa soạn tan theo dòng nước. Đến sáng nước ròng,

tiếp tục tát nước còn lại cho cạn thêm, thấy cá lóc nhỏ trườn dầy trên sinh thật mê, thế là xúm nhau nhào xuống bắt. Thật không có cảnh nào vui nhộn hơn, mặc dầu mặt mày, quần áo lấm dầy bùn. Trẻ con lỏi xóm cũng đến «bắt hôi» và bà con lỏi xóm cũng được bà tôi biểu cho cá tôm tươi còn nhảy soi-soi.

Tùy mùa, ta có thật nhiều khi cá trê, khi cá lóc, khi tôm. Cá trê vàng đem kho tiêu, hoặc nấu canh bầu, hay cặp gắp nướng, dầm nước mắm gừng thì ăn com quên thôi. Khi cá vào địa nhiều quá, tôi



đến ta nghe cá lóc tấp bùm bụp; cá rô mê nhảy rền rẹt, thật vui tai và mừng là kỳ này trúng mùa. Cá lóc lớn đem nấu cháo, nướng trui. Cá mà được bọc đất sét nướng, khi chín, gỡ lớp đất sét ra, da cá dính theo để lộ thịt cá trắng nõn, giữ được hương vị



thơm ngon; ta thoa lên chút mỡ hành, chấm mắm nêm thì tuyệt. Cá lóc, cá sặc, cá trên được xẻ làm khô, làm mắm. Bà tôi để dọc theo vừa lúa nhiều khạp mắm của nhiều loại cá, nên nhà có ăn quanh năm, mắm được pha chế đủ kiểu: nào «mắm thái», «mắm lóc chung thịt», «mắm chung hột vịt», «mắm kho và rau», «bún mắm»...

Còn mùa tôm thì toàn tôm càng, bò ngồn ngang, mà là tôm càng vỏ xanh chứ! Tôm này đem «kho tàu» với nước mắm ngon, khi con tôm săn lại thì lăn vô gạch đỏ của nó; trông con tôm thật đẹp, murót rượ, hấp dẫn, ta có thể để lâu được. Tôm



nướng vỏ cháy bay thơm phức ăn với bún rau, hoặc xé ra trộn gói với nõng sen hay củ cải trắng bào sợi. Củ cải trắng hơi cay cay, nõng nõng sánh đôi tuyệt diệu với tôm nướng thơm lừng, thịt trắng bóc, ta rắc lên rau răm đậu phộng thì hơn xa gói trộn với tép luộc mặc dầu tép to đi nữa. Đầu tôm đầy gạch ăn béo ngậy. Tôm càng vỏ xanh ngon nhất trong các loài tôm, hơn hẳn homard !



Nói về địa cá, thời trước, có mấy «ông thầy địa» chuyên tìm địa thế cho tốt, để chỉ cho thân chủ lập địa. Mấy ông này như những nhà ngoại cảm. Khi có người nhờ đến, thì các ông đứng trên bờ quan sát, nhìn trời, nhìn đất, nhìn sông rạch, nhìn

hướng gió thổi mà đoán biết dưới nước, đến mùa gió chướng nước rút, cá sẽ đi đường nào, rồi chỉ chỗ để đào. Chẳng biết có linh ứng không? Có điều là sông rạch miền Nam rất nhiều cá tôm, nên mấy địa lớn, cái nào cũng cho trong năm cả ngàn ký cá, ít lắm cũng vài trăm. Có vài cái địa như vậy là cất nhà ngói mấy hòi!

... Ôi dòng sông đó, có biết chẳng cô bé liếng thoắng thuở nọ, nay vẫn thường mộng mơ về ngày xưa cũ, với nổi sào viễn xứ khôn nguôi!

### *Cố quận*

*Hồ ơ... Có ai về quận Cái bè*

*Cam sành ngọt lịm... Hồ ơ... trái cây đầy vườn*

*Cho tôi nhắn gửi người thương... Hồ ơ...*

*Cái bè quận lỵ, đẹp như mơ*

*Tiến tiến, lui lui, xuôi ngược nhích bước*

*Có Cửu Long giang dọc sát bờ*

*Mái chèo khua nước rộn trên sông*

Dòng sông rộng mở mời du khách  
 Nón lá, khăn rằn che mái tóc  
 Viếng thăm «chợ nổi» tiếng đồn vang  
 Nhận nhíp vô cùng buổi chợ đông  
 «Chợ nổi» hàng hàng xuống lớp lớp  
 Trắng xóa, giáo đờng sừng sững đứng  
 Rau xanh, tôm cá khảm đầy ghe  
 Oai nghiêm, phong nhã, ngắm dòng sông  
 Quả hoa trăm thứ khoe màu sắc  
 Chuông trưa theo gió... ngân ngàn dặm  
 Xôn-xao lạnh-lãnh tiếng chào mua  
 Quyển-luyến dòng sông chảy lững-lờ...



Bao mươi năm lưu lạc xứ người, viếng thăm nhiều nơi nguy nga, tráng lệ, nhiều thắng cảnh hùng vĩ, nên thơ; nhưng những kỷ niệm êm đềm nhất, sâu đậm nhất còn đọng lại trong tôi, vẫn là dòng sông tĩnh lặng nơi cố quận, đây cá tôm, chày êm trước căn nhà ven sông ấy; căn nhà tổ ấm đã nung đúc tôi, đã gói trọn tôi trong tình thương dỗi dào, ngọt lịm của ông bà, cha mẹ, chị em, một quãng đời ấu thơ hoa gấm...! Thời niên thiếu này đeo đẳng mãi tôi như người bạn tâm tình, để vỗ về an ủi... những lúc tôi thấy lòng mình chùng xuống ...





## Mười Trĩ

**T**ôi có hai người bạn rất thân, gọi là bạn già hơi quá đáng vì cả ba chưa đứa nào chồng gậy, hơn nữa nghe tiếng già sao thấy ón xương sống, sắp sửa “Viễn du tiên cảnh” tới nơi, nên lúc nào né được chữ già cứ né. Còn gọi trẻ cũng ngật, trên đầu chúng tôi đứa nào cũng lấm tẩm bụi thời gian...



Gọi mấy ông già “gân” có lẽ thích hợp nhất, vì ba chúng tôi còn “gân” lắm ... chưa đến nỗi nào lụ khụ nhớ trước quên sau nên rất ham vui. Tuần nào cũng như tuần nấy, hễ cuối tuần mới tăng sáng là hẹn nhau đi uống cà phê, cà kê dê ngỗng tới trưa, rồi ghé chợ mua ít đồ nhắm vặt thêm thùng bia, kéo

nhau về không nhà đứa này thì đứa kia bắt đầu giằng trận đánh tiếp cho đến lúc lẩn quay...

Đôi lúc bà xã căn nhắc:

- Tui trông đến ngày cuối tuần để cậy ông một chút, mà tuần nào như tuần nấy ông đi mất hút...

Tôi cười tình dỏ ngọt:

- “Dzui” với bạn hiền mà, tói tui “dzìa” cậy gì đó cậy, chớ ban ngày ban mặt “cậy” cái gì, coi sao được? Kỳ lắm...tụi nhỏ nó cười...

- Xí! Nói vậy mà nói được. Về tới nhà là nửa khuya, chân phải đá chân trái hông biết đường vô còn cậy được gì? Giờ đó chợ trời mở cửa à!?

Cái này nói thiệt tình nghen, bà xã tôi nghe được bả buồn, tưởng bả cậy cái gì gì đó... còn ham chớ cậy chớ đi chợ nghe qua là bắt mệt, thêm hai chữ chợ trời nữa chưa đi cặp giò tôi phát run...muốn sụm liền tại chỗ.

Tuần này như thường lệ, sau khi điện thoại hẹn điểm nhau xong là đông liền. Khi tôi vừa mở cửa lộ đầu ra ngõ, hông biết sáng sớm xuất hành đúng vào giờ gì, hên hay xui mà bạn hiền đâu chưa thấy, lại gặp ngay một ông chạy chiếc xe màu trắng mới toanh dừng lại rồi xuống xe tiến về phía tôi. Ông mặc áo thể thao màu trắng, quần sọt trắng, mang đôi giày BaTa cũng màu trắng toát, thoáng nhìn qua chẳng khác nào tay chơi quần vợt chuyên nghiệp. Cái ông này có đầu óc thẩm mỹ ghê, khéo gọt dưa trang điểm cho thân già mình cái gì cũng trắng ...để hòa hợp với cái đầu khôi phải đội nón trắng... Tuổi của ông độ chừng bằng hay hơn tôi một vài tuổi là cùng, nhưng dáng vẻ bánh bao coi bộ “gân” hơn nhiều. Ông ta lịch sự hỏi tôi:

- Xin lỗi ông anh, ở đây ông anh biết nhà nào là nhà ông N... không?

Gặp người sang trọng hỏi mình, tôi cũng tỏ ra ta đây lịch sự không kém, mặc dầu cái bộ váy ăn mặc của tôi nhìn vô là biết dân cu li liền:

- Khu này nhiều người Việt cư ngụ quá, không quen nên tôi không biết nhà nào là nhà ông N. Đâu ông anh thử hỏi mấy người đang đứng tập thể dục đằng kia xem sao.

Tưởng trả lời vậy là xong, nào dè ông này chẳng chịu đi, chắc thấy tôi nhà quê lắm hay sao hông biết, mà ông khinh khinh nhìn tôi hỏi tiếp:

- Ông qua đây được bao lâu rồi?

Thiệt tình cho cái ông này, mới gặp lần đầu có quen biết gì nhau đâu, hỏi chuyện riêng tư của người ta để làm gì? Lấy làm kỳ nhưng thôi cũng chẳng sao, người ta hỏi vậy có đụng chạm gì tới mình đâu, tôi miễn cưỡng trả lời:

- Dạ mười mấy hai mươi năm gì đó tôi không rõ lắm...có tuổi rồi trí nhớ bây giờ kém quá...

- Ở Bankstown này luôn...

- Dạ.

- Vậy mà không biết ông N...

Cái này mới làng xẹt, ông N... là ông kẹ gì bắt tôi phải biết. Máu nhà binh cọ quậy trong đầu, tôi ngược nhìn thẳng ông ta tỏ vẻ khó chịu nói hơi hằn học:

- Hồng biết nói hồng biết, chẳng lẽ bây giờ nói với ông anh là tôi biết.

Nói rồi định đi, nhưng ông này dai còn hơn đĩa dói, hình như chẳng để ý gì tới cử chỉ của tôi hỏi tiếp:

- Thế ở đây ông anh biết bác sĩ Q. không?

Thêm một câu hỏi làng xẹt nữa. Hồi trước, ở Bankstown tìm một bác sĩ người Việt đồ con mắt, nên tôi có thể biết, chứ còn bây giờ mười đầu ngón tay đưa ra đếm không đủ chứa, tràn đồng ai biết cho hết, ngoại trừ bác sĩ này thuộc về hạng chuyên khoa có tiếng dữ lắm. Xui xẻo cho ông này, sáng sớm gặp tôi hỏi cái gì cũng hồng biết. Thấy tôi đứng lắc đầu quậy quậy ông bổ sung thêm:

- Bác sĩ Q. mà có tám anh em làm bác sĩ đó...

Cho dù có mười anh em làm bác sĩ đi nữa, nếu không quen biết làm sao tôi biết, chẳng lẽ mỗi lần khám bệnh tôi hỏi ông ấy có mấy anh em làm bác sĩ? Nhưng tôi nhớ mải mại trong đầu hình như bác sĩ H. cũng có mấy anh em làm bác sĩ gì đó, nên hỏi lại:

- Có phải bác sĩ Q. là anh em với bác sĩ H.?

Ông cười, lắc đầu:

- Đầu phải nè, Bác sĩ H. có ba anh em làm bác sĩ hà, còn bác sĩ Q. tới tám lận. Vậy chớ ông anh có biết tôi là ai không?

Câu hỏi bất ngờ quá làm tôi chưa kịp phản ứng thì ông ta đã tự trả lời:

- Tôi là ông già của Bác sĩ Q. đây!

À! Thì ra ông anh “bạch y lão tổ” này đây đưa bắt chuyện với tôi, ngoài việc hỏi nhà ông N. còn cốt ý khoe tám thằng con làm bác sĩ của mình. Tốt khoe, xấu che, chuyện đời thường tình có chi là lạ. Nhưng khoe hồng đúng chỗ rồi ông anh ơi, với ai cả để được tiếng thơm, nhè thằng cu li dốt trất chữ như tôi mà khoe chữ nghĩa cũng như không. Tôi nói câu có vẻ hơi nịnh đầm một chút cho ông vui, dẫu sao người ta cũng có lòng tốt... rồi quay gót lẹ, sợ bị giữ chân lại nghe chuyện không đâu chẳng ăn nhập gì tới mình làm mất thì giờ mấy bạn phải chờ lâu, rồi tưởng tôi kẹt gì đó không ra được là hư bột hư đường hết, cả tuần chỉ trông đến ngày hôm nay:

- Vậy sao! Ông anh khéo dạy con quá... nhà người ta có một bác sĩ là nở mặt nở mày cả họ rồi, ông anh có tới tám... đúng là bát tiên, thiệt hiếm có ... nhưng rất tiếc tôi hồng biết ông bác sĩ nào là con của ông hết. Rất tiếc...rất tiếc...

Nhà tôi ở cách khu phố không xa, thả bộ tôi đã đi năm phút tới điểm hẹn, nhưng bữa nay bất thần bị kỳ đà cản mũi nên ra hơi trễ. Tôi phân bua lý do tại sao tôi ra trễ cho hai ông bạn nghe, ông nào ông nấy cười ngất, một ông lên tiếng:

- Tôi biết ông này. Nổ thật, có bốn thằng con làm Bác sĩ đáng nể quá rồi còn chưa chịu, hơn đôi lên thêm làm chi hồng biết, bộ muốn cho người ta nghe qua điếc con ráy chơi, hay lé luôn cặp mắt sao mà. Nhưng còn thua vợ chồng thằng cháu của tôi...

Lại chuyện nổ ly kỳ hấp dẫn gì nữa đây, tôi hỏi dồn:

- Vợ chồng thằng cháu của ông bộ có tới chục đứa con làm bác sĩ hay sao mà hơn ông này?

Bạn tôi cười hề hề:

- Có tôi ở đây tí nó hồng dám nổ vậy nói chi tới nó. Hai ông nghĩ coi, vợ chồng nó bên này lãnh đồ người ta về nhà may trời chết, vậy mà dám về Việt nam nổ là chủ hăng may, chỉ cần chịu khó giao hàng, gom hàng là mỗi tuần tiền vô, tiền ra đâu đó tính xong, tà tà bỏ túi tẹt nhất cũng năm ngàn khỏe re...làm như chơi mà ăn thiệt.

- Mèng đét ơi! Tiền lương tệ nhất của vợ chồng cháu ông gần gấp mười lần tiền lương cu li của tui, Chắc giàu dữ đa.

Bạn tôi trẻ môi:

- Giàu cái con mẹ gì, có căn nhà mua trả góp chưa hết, vậy mà dám nỏ làm ba má nó tưởng thiệt nên mới có chuyện để nói.

Tôi lấy làm thắc mắc:

- Con cái khá giả cha mẹ vui mừng sao lại có chuyện?

Ông bạn tôi nhấp ngum cà phê nói tiếp:

- Ba má nó mừng quá, mới trách: Tụi bây làm ra tiền như nước vậy mà ăn ở tệ bạc quá, bấy lâu nay chỉ cung cấp cho tao với má mày mỗi tháng có một trăm không đủ đâu vào đâu, thiếu trước hụt sau. Tưởng bây bên đó cực khổ cũng cam, tao hông muốn kéo nài làm khổ con cái... còn đằng này bây kiếm tiền dễ như vậy thì rộng rãi một chút chớ, bên này bây giờ vật giá cái gì cũng lên, phải cho thêm tao với má mày mỗi tháng năm trăm mới đủ xoay trở. Còn căn nhà bây thấy đó, gần sụm hết rồi, chỉ cần bây nhín ra hai tuần lương thôi là tao có căn nhà mới toanh để dưỡng già, có cơ ngơi đàng hoàng để thờ cúng ông bà...đó cũng là nguyện vọng sau cùng của tao với má mày...

- Rồi vợ chồng cháu ông có cho hông? Tôi sốt ruột hỏi.

Bạn tôi cười hề hề:

- Lỡ nỏ quá trốn rồi, tiền của dư thừa quá cỡ miệng lưỡi nào mở lời từ chối được, bẻ ỏ sao. Khi không tự mình rước khổ vào thân vì cái miệng. Hai vợ chồng về bên này ngồi may thiếu điều chai đít, mượn thêm tiền của tôi gói gáp về bên cho ba má nó cất nhà...

Nỏ như vợ chồng cháu ông bạn tôi cũng nên nỏ lắm chớ, có chết chóc ai đâu, còn có lợi được tiếng thơm con hiếu thảo nữa là đằng khác. Cũng nhờ vậy vợ chồng nó mới xi tiền ra cho ông bà già chớ không thôi dễ gì. Tôi vỗ đùi đánh bẹp:

- Vậy là hay quá cỡ, chuyện nỏ này nên com nên cháo quá chớ, tui là ông tui sẽ khuyên vợ chồng thằng cháu cứ về bên nỏ

tiếp, biết đâu đó là việc thiện tích đức cho con, người mình thường nói “có đức mặc sức mà ăn đó mà”.

Bạn tôi nhún vai:

- Đức đâu chưa thấy, trước mắt tôi, hai vợ chồng nó đứt họng cả lũ. Mấy ông biết không, mấy tháng sau, tụi nó lại đến nhà tôi nhờ giúp dùm một chân hụi năm trăm, lấy làm lạ tôi mới hỏi:

- Tụi bây túng thiếu gì mà làm chủ hụi chi cho cục thân? Lỡ con hụi giựt lại thêm mang họa.

Thằng chồng nhăn mặt trả lời:

- Thì vừa rồi tụi con gởi tiền về giúp ba má con bên bên cát nhà. Thấy vậy, ba má vợ con cũng gởi thư qua xin cát.

- Hồng có bây nói hồng có, để thùng thăng rồi bây cho, chớ cho một lượt hai ba cái làm sao lo cho xuê.

- Có, con có nói chớ sao không. Vợ chồng con cũng nói để từ từ rồi tụi con lo, nhưng ở bên hồng chịu, gởi thư qua trách. Nghe người ta đồn ở bên tụi bây làm tiền như nước muốn cát mấy cái nhà hồng được, hồng cho thì nói mẹ hồng cho đi, đừng có khát. Kẹt quá biết làm sao ... lờ cục rồi cho cục luôn, nên tụi con mới quyết định mở đầu hụi năm trăm, mượn thảo gởi về liền. Cho bên này hồng cho bên kia coi cũng kỳ...

Ông bạn vừa kể tới đó, tôi chen cô:

- Đúng! Đúng! Lo bên này hồng lo bên kia kỳ lắm, sao công bằng, vợ chồng thăng cháu ông biết suy nghĩ đó. Nhưng hể muốn công bằng thì vợ chồng mình phải công lung...

Sau câu nói đùa của tôi cả bọn cười ồ. Nãy giờ ông bạn thứ hai chỉ ngồi nghe rồi cười thôi chớ không ý kiến, bây giờ mới lên tiếng:

- Chuyện hai ông kể vừa rồi có chi là mới đâu, cũ như trái đất, cái này mới là đáng nói nè!

Lại chuyện gì nữa đây, nổ mà cũng có cũ với mới, thời đại điện tử tất cả mọi mặt đều chạy đua theo như gió để bắt kịp đà tiến bộ của nhận loại đây. Tôi hồi thúc:



- Mau mau kể nghe thử coi mới thế nào?

Bạn tôi cười khà khà kè:

- Nghe bạn kể cái ông già nỏ “Ông biết tôi là ai không?” làm tui nhớ lại cái tay này, nỏ cũng không kém đâu nghe. Mấy ông biết không, tôi có đám bạn già ở Cabra, sáng nào cũng gặp nhau thiệt sớm uống cà phê. Uống xong còn ra công viên ngồi vừa sưởi nắng vừa tiếp tục nói chuyện, bàn luận đủ thứ chuyện trên đời. Bữa đó, đang nói chuyện thì có một em mới xuất hiện. Tay này ăn mặc bánh tòn, mang giày bỏ áo vô quần đàng hoàng, trông như một nhà mô phạm, chớ hông phải lè phè đụng cái gì xỏ cái nầy, lẹp xẹp như bọn tôi. Trong nách còn cặp thêm quyển sách gì đó càng làm tăng vẻ “trí thức” của ông hơn.

Thấy bọn tôi nói chuyện bằng tiếng Việt với nhau, hấn ta lân la tới bắt chuyện làm quen, đợc một lúc hấn đưa cuốn sách kẹp trong nách ra hỏi:

- Mấy anh có biết cuốn này không?

Một ông trong đám, hông biết gai mắt sao đó, hay là có đụng chạm gì nhau trước không mà lên tiếng cộc lốc:

- Khi không đưa sách ra hỏi biết hông ai biết sách gì cha.

Mặc kệ ông này nó gì nói, tay bạn mới phớt tỉnh như chẳng nghe biết gì hết, lật lật vài trang sách, chỉ tay vào vài tấm hình nói tiếp:

- Mấy ông ở đây bao lâu rồi mà hông biết cuốn sách này sao? Cuốn này toàn là của mấy ông luật sư, tiến sĩ viết không hề. Bài vở giá trị đợc chọn lựa rất kỹ lưỡng. Người Việt ở nước Úc và cả bên Mỹ đều biết mà ông nói hông biết? Vậy chớ mấy ông có biết tôi là ai không?

Hông thấy ai trả lời, hấn ta bèn tự giới thiệu:

- Tôi là một trong mấy con rồng viết bài đó...

Có lẽ nghe chói tai, một ông bạn trong nhóm khoát tay lớn tiếng cắt ngang:

- Ông nói người Việt cả nước Úc đều biết, sao tui tui ở Sydney này hông đũa nào biết, chắc Sydney không phải trong

nước Úc quá, hay là bọn tui không phải người Việt? Vừa phải thôi cha. Rõng của ông chắc thuộc về “lông rông” quá.

Cả đám cười ồ làm tay bạn mới quê một cục, đồ mặt tía tai. Chắc vì giận quá mất khôn, nên lớn tiếng đối giọng mây tao chi tở, hồng còn lịch sự lịch siết lúc ban đầu gì nữa hết:

- Mây nói gì nói lại tao nghe. Tao giới thiệu sách cho mây anh đứng đây chớ đâu phải cho mây, còn thứ như mây có nói cũng như đàn khảy tai trâu biết đêch chó gì mà lên tiếng.

Ông kia cũng không vừa:

- Ê bạn! Tưởng dựa hơi mây ông tiên sĩ luật sư gì đó là được thành rông thành phụng sao? Theo đuôi bám đít thì chẳng qua chỉ là cái thứ lông rông, còn nếu không thì là rông lộn chớ nào phải rông thiệt đâu mà nổ....Bạn mình hồng biết tôi chứ tôi đây nghe tiếng bạn mình lâu lắm rồi, nhưng chưa biết mặt, nay mới hân hạnh được diện kiến...

Trời bữa đó nắng chang chang như đổ dầu thêm lửa, thế là hai ông xáp lá cà, tay thượng căng hạ, báo hại cả đám can ra thiếu điều trời chết.

- Tại sao phải can? Muốn đánh lộn cho đánh, đánh đã đời một đừ rồi thôi chẳng lẽ cứ ôm nhau đánh hoài, mây ông xía vô chi vậy, làm cho họ mất hứng máu anh hùng hết tron.

Tôi lên tiếng góp ý, bạn tôi cười:

- Đứng sát nách đó hồng lẽ trở mặt ngo...

Ông khách ngồi bàn kế bên nghe lỏm chuyện ba đưa tôi kể, coi bộ đắc ý tươi cười xen vô:

- Đời mà mây ông! Nhờ có những chuyện như vậy góp mặt với đời, đời mới thú vị, không thôi chán chết.

Ừ hén! Ông khách nói chí lý quá chừng. Nhờ vậy không thôi chán ngắt còn cái gì để gọi là đời nữa... Phải chi có rượu ở đây, tôi sẽ cụng với ông anh dài dài cho đã cuộc đời...

Về nhà tôi kể lại cho bà xã nghe chơi cho vui, nào dè bà nổ một phát vô đầu nghe muốn điếc con ráy:

- Ông cũng vậy chứ có khác gì đâu mà nói người ta.

Ý trời đất thánh thần ơi, vợ tui có lộn tui với thằng cha hàng xóm nào hông cà. Như heo bị chọc tiết, tôi rống cổ cãi:

- Tui mà hông biết tui hay sao? Bà nói giỡn chơi hoài, làm gì có chuyện đó nè.

Bà xã tôi cười hi hi:

- Sao hông có... già khú đế rồi hông chịu già, cứ nỏ là “già gân.”

Tưởng bà nói tôi nỏ cái gì chứ cái này “có sao nói vậy mình ơi” tôi đâu có nỏ đâu, đưa hai tay gồng cho con chuột phình bự ra, tôi hát hăm:

- Còn gân tui nói còn gân hông được sao! Bà coi nè!

Bà xã tôi lại cười:

- Coi bộ hệ ông đó! Già đầu làm như khi mắc phong. Ông mà gân với guốc! Xí! Nói với ai người ta hông biết người ta tin, chứ tui đây rành ông quá, hông biết ông còn gân hay hông còn gân....

Bả phang câu này làm tôi xệ độ, ai nói tôi còn tìm được lời lẽ cự quây này nọ chứ chính miệng vợ mình nói thì hết phương chối cãi, bèn mượn ý của ông khách hồi nãy:

- Ở thì lâu lâu nỏ lép bép như bấp rang cho vui tai vậy thôi chứ tui đâu có nỏ làm điếc tai phiền lòng hàng xóm đến nỗi phải đánh lộn đâu bà... Hơn nữa đời mà! Có vậy đời mới thú vị, không thôi chán chết...

## Mười Trí



# TẢN MẠN CHUYỆN ĐÁNH CỜ Ở MỸ THO

Thư Long

Tinh ly nằm yên ả kế bên bờ sông Cửu Long, sau những lúc điều linh, những đợt tị địa xảy ra vài chục năm trước, từ đầu thế kỷ XX ở Mỹ Tho không thấy có những thú vui mới được du nhập như Sài Gòn, không “*Có lúc canh khuya đêm vắng, ngồi giải khuây đàn khúc ngũ âm, có khi gió mát trăng trong, đi hứng cảnh dựa xe song mã. Có lúc đến nhà hàng, chơi rạp hát, người thấy đều thấy mặt ngợi khen, có khi dạo sở thú, lại trường đua, ai mà chẳng vỗ tay cha chả*”, nhưng đề tiêu pha thời giờ nhàn nhã người ta vẫn thấy được trong giới bình dân hay những tay trung lưu còn cố giữ nét phong lưu trước đây qua “... *Nước cờ vầy, cung cầm nguyệt, phong lưu theo những khách vương tôn, Cuộc rượu sớm, câu thi chiều, đua dãi với mấy tay hùng bá...*” [Việt âm văn tuyển – Lê Sum, Imprimerie J. Viêt, Sài Gòn 1919], mà trong *Điếu cổ Hạ kim thi tập*, Nguyễn Liên Phong còn nhắc tới nhiều bậc phong lưu tài tử như Trần Đức Tràng người Gia Định ‘*ham nghe đàn, ham đánh cờ tướng*’, Trần Bá Tường em Trần Bá Lộc ‘*hay đánh cờ tướng và làm thi bắn giàn*’, Nguyễn Thành Đức người Chợ Lớn ty nạn dời xuống Mỹ Tho ‘*gôm biết đạo nho y, ần chơi phong lưu đủ cách*’, Nguyễn Đình Tân người Bình Định dời vào ở Bà Rịa, làm Hương cả làng Phước Lễ biết chữ nho, đánh cờ tướng có tiếng với ‘*nước cờ đi sơ sài coi như thấp mà cao*’. Nhưng những bậc tài tử cố giữ lại thú phong lưu tao nhã ấy với “*Đàn trước gió, rượu bên hoa. Câu thơ trong nguyệt, cuộc cờ dưới hoa*” [Nhị độ mai], nay hờn ở đâu bây giờ?

Ở miền Nam, đôi lúc người ta cũng tổ chức những trận cờ người nhân dịp lễ lộc tại thị trấn hay thành phố. Giải cờ tướng đầu tiên và biểu diễn cờ người được tổ chức tại Sài Gòn vào năm 1927 nhân có triển lãm hàng công nghệ, dịp này được coi như là đánh dấu một khúc quanh mới trong lịch sử phát triển cờ tướng.

Báo chí thời ấy có tường thuật về ván đấu cờ người được tổ chức ở khoảng đất trống kế bên ga xe lửa Sài Gòn như sau: ‘*Dùng vôi trắng vẽ bàn cờ trên sân đất, dùng người ăn mặc đẹp giả làm các quân cờ; Tướng Soái chỉ huy, Binh tốt xung kích, Xe do xe đẩy, Pháo do pháo kéo, Mã được cưỡi ngựa, Tượng được cưỡi voi. Sĩ mặc triều phục cầm hốt rất nghiêm túc...*’ Những quân cờ người ăn mặc hao hao như đào kép trong gánh hát bội. Ở phía trước áo và sau lưng áo có chữ Tàu ghi tên quân cờ. Ở mỗi nước đi, đấu chủ đánh tiếng trống khải, người chạy cờ tới nghe lệnh và chuyên quân cờ trên bãi đấu. Còn trong giải cờ tướng lần này Nguyễn Văn Ngoan chiếm giải vô địch và Đặng Phước Huệ đoạt á quân. Năm 1933 công ty Mỹ An tổ chức giải cờ Vô địch Nam Kỳ, tay cờ Bảy Khảm (Nguyễn Văn Khảm ở Định Tường) lấy giải Á quân, việc này làm nở mày nở mặt dân cờ Mỹ Tho, còn chức vô địch lọt về tay Giáo Hội (Nguyễn Thành Hội quê ở Cái Vồn). Không hiểu sao, dân chúng hay thêm chữ ‘Giáo’ trước tên của những tay cờ kiệt xuất, mặc dù đa số không làm nghề ‘gõ đầu trẻ’. Phải nói giai đoạn này ở mấy tỉnh Nam Kỳ cờ tướng có bước phát triển phi mã. Vào dịp Tết Nguyên Đán năm Quý Mùi (1943), ‘Giải vô địch giữa các kỳ vương’ được tổ chức tại Gò Công, đây là giải tính điểm dành riêng cho bốn cao thủ cờ tướng là Nguyễn Văn Ngoan, Nguyễn Thành Hội, Hà Quang Bô (quê Long Mỹ, Rạch Giá nay thuộc Cần Thơ) và Hứa Văn Hải. Trận đấu với Hà Quang Bô, Hứa Văn Hải trong thế công áp đảo đối phương nhưng Hà Quang Bô bình tĩnh thủ cờ và sau đó thắng Hứa Văn Hải với tỉ số 2-0. Tuy Hứa Văn Hải đoạt chức Nam Kỳ Việt nhân Kỳ đàn Quán quân, nhưng những người hâm mộ lại ca ngợi nước thủ kiên cường của Hà Quang Bô và lầm tưởng Hà Quang Bô là dân Gò Công. Ngay Huỳnh Minh (tác giả *Gò Công xưa và nay*) và Sơn Nam cũng lầm tưởng như vậy.

Năm 1957 tại Mỹ Tho có tổ chức hội chợ, để tạo thêm không khí náo nhiệt cho hội chợ ban tổ chức có mở một kỳ đàn và mời hai cao thủ giữ đài là Lý Anh Mậu và Trần Mỹ, hai kỳ thủ này đương thời là đài chủ của kỳ đàn Đại Thế Giới ở Sài Gòn. Có lẽ vì tiếng tăm của hai kỳ thủ này nên không thấy có ai ghi tên công đài. Rốt cuộc, Lý Anh Mậu và Trần Mỹ phải tranh tài với nhau (ngày 23 tháng 10 năm 1957), cuộc cờ tranh tài của hai người có kết quả hòa.

Trong làng cờ Định Tường, Nguyễn Văn Khảm vẫn luôn được tôn là kỳ thủ hàng đầu sau khdoạt á quân ở giải cờ Vô Địch Nam Kỳ năm 1933, nhưng thân thế của ông không được biết nhiều. Kể đến phải là Văn Thuận hay còn gọi là Văn Hư Bạch - dân đánh cờ ở Mỹ Tho thường gọi thân mật là A Sùl – có tiếng vào thập kỷ 60 của thế kỷ XX. Văn Thuận sinh năm 1934 tại Mỹ Tho. Ông là con của Văn Kim Tây- bang trưởng Triều Châu, chủ hai tiệm trà Tòng Phát (Mỹ Tho) và Văn Thái Phát (Chợ Lớn). Văn Thuận học giỏi, có bằng cao-trung, nhưng không muốn tiếp tục việc học hay lập thân bằng nghề giáo mà mê đánh cờ và nghiên cứu sách vở về cờ tướng. Ông lập gia đình năm 20 tuổi, việc quán xuyên nhà cửa hay kinh doanh ông đều để người nhà lo. Năm 1963 Kỳ vương Lý Chí Hải (Hương Cảng) qua Chợ Lớn lần thứ hai, có xuống Mỹ Tho đấu giao hữu với hai cao thủ cờ tướng của tỉnh. Văn Thuận đấu hai ván với Lý Chí Hải, một thắng một hòa (đấu tại Mỹ Tho ngày 20/5/1963). Sau trận tỉ thí với Kỳ vương Lý Chí Hải danh tiếng của Văn Thuận nhanh chóng bay đến tận Sài Gòn, các kỳ thủ ở Sài Gòn đều kêu Văn Thuận chấp một hoặc hai nước tiên. Cũng từ đó Văn Thuận lao vào những trận cờ độ. Khi cha ông mất, mẹ bệnh, vợ và bốn con không quán xuyên nổi việc kinh doanh, và tài chánh gia đình bắt đầu lâm cảnh khó khăn Văn Thuận phải bán hai tiệm trà và bỏ lên Sài Gòn sống cuộc đời giang hồ. Năm 1970, tham gia giải cờ tướng Tuệ Thành tổ chức. Văn Thuận đoạt chức ‘Điện quân’ (tức hạng tư). Có thể nói từ đó Văn Thuận chưa đạt được thành tích đáng kể nào, nhưng từ năm 1980 vô địch cờ tướng trẻ tuổi tài cao Trần Quới luôn kính trọng Văn Thuận và tôn ông là ‘sư phụ’. Tương cũng nói qua về Trần Quới, có biệt danh là Lác Cháy, sinh năm 1957, cháu đích tôn của Trần Vô Thám (thầy dạy cờ ở Đài Loan), con của Trần Anh Minh, một cao thủ của làng cờ Chợ Lớn trong thập niên 40-50 thế kỷ trước. Bỏ học từ năm đệ ngũ, kiếm tiền qua những trận cờ đánh độ. Năm hai mươi tuổi Trần Quới bắt đầu tham gia các giải cờ. Năm đầu chưa có thành tích, nhưng năm thứ hai, tại giải mừng Xuân 1978 Trần Quới đã khuất phục quần hùng. Năm 1979 tại giải ‘Các danh thủ hàng đầu’ của Sài Gòn, Trần Quới đoạt chức quán quân. Trong thời gian này Trần Quới đi nhiều nơi để giao đấu các ‘cuộc cờ giang hồ’ với các cao thủ trong nước như Phan Hiền Khánh (Phan Thiệt), Nguyễn Thọ Phú tức Xí (Nha Trang), Nguyễn

Minh Trung (Bình Định), Hà Hồng Quan (Mỹ Tho). Họ đều là bại tướng của Trần Quới. Cho đến nay dân đánh cờ luôn nể phục Hứa Văn Hải và Trần Quới, hai kỳ tài cờ tướng, tài cao yêu mệnh. Như Hứa Văn Hải ngay lúc đầu bước vào làng cờ rất được ngưỡng vọng nhưng mất sớm ở tuổi 26 vì bệnh lao, còn Trần Quới được rất nhiều người thán phục tài nghệ, dân làng cờ tặng cho bốn chữ ‘Nhất bộ đấng thiên’, thì mất lúc 31 tuổi trên đường vượt biên. Tuy đạt được nhiều thành tích hơn Văn Thuận, nhưng lúc nào Trần Quới cũng kính trọng và nể phục Văn Thuận, vì chàng thiếu niên giàu chinh chiến qua những đánh độm nhưng không biết nhiều về những ‘kỳ văn’ sách vở. Do đó Văn Thuận không tiếc công chỉ dạy bổ sung từng thế cờ cho chàng trai trẻ này. Trong một lúc trà dư tửu hậu, Trần Quới có kể cho bạn bè thân thiết biết sự phụ của mình bị người bạn thân là Trần Đình Thủy ‘gài độ’ với người khác, khiến sự phụ thua nhiều vố đau với số tiền cá độ rất lớn. Một số người trong làng cờ Mỹ Tho tóm tắt cuộc đời Văn Thuận bằng tám chữ ‘nhất thắng kỳ vương, thê lương cuộc đời’. Họ cho rằng chính vì hư danh ‘đã bại kỳ vương’ đã làm Văn Thuận phá tan sự nghiệp do ông cha để lại. Nghe đâu sau khi ‘rửa tay gác kiếm’ ông về sống tại Tân Quy Đông thuộc quận Nhà Bè và cấm không cho các con đụng đến cờ.

Cao thủ thứ hai là Nguyễn Văn Minh (về sau có biệt danh Bao Thơ), cùng với Văn Thuận đại diện làng cờ Mỹ Tho, chỉ đánh một trận giao hữu và thủ hòa với Lý Chí Hải. Trận đấu này được đánh dấu là trận đấu để Nguyễn Văn Minh ra mắt với làng cờ Miền Nam nói chung hay Định Tường nói riêng. Tuy nhiên người ta ít biết tận giao hữu bên tám lạng bên nửa cân ấy, mà nhắc đến chuyện đánh cờ cá độ ở Mỹ Tho giữa ‘thiếu tá Thầu’ và một người khách lạ có dáng dấp thư sinh xảy ra sau lần đối tiền năm 1978 được ít lâu. Gọi ‘thiếu tá Thầu’ vì ông mang chức vụ thiếu tá, giải ngũ khá lâu trước năm 75, khỏi đi học tập và ra làm ăn thường ghé quán cà phê có mấy bàn cờ cho khách tiêu khiển của chú Tư Đường (ở đường Ngô Quyền gần cổng hông trường Nguyễn Đình Chiểu chùng trăm thước về hướng đường Lê Lợi, nay chú không còn bán cà phê mà chuyển sang mở quán bi-da). Ngày nọ, ông Thầu chứng kiến trận đánh độ ăn thua sít soát một hai nước giữa khách lạ với một bạn cờ của ông, cho dù

khách chấp một mã. Khách có khai cục biến hóa. Khi vào pháo đầu, khi thủ pháo giăng. Khi chỉ có con mã quý giữ hậu phương. Đôi khi lại đi nước cơ bản ‘Tiên nhân chỉ lộ’ của Tiên binh cục. Cho rằng trình độ cờ của khách khá cao, nhất là khi thấy khách dùng ‘ngọa tâm pháo’ rồi đưa vào thế pháo trùng, nhưng ông nghĩ ông có thể gỡ danh dự cho bạn cờ của mình nếu khách chấp ông ba nước rười tiên. Bàn trước chấp ba nước tiên, bàn sau chấp bốn nước tiên. ‘Thiếu tá Thầu’ đề nghị được chấp như ông nghĩ, đánh mỗi ván với tiền độ khá lớn, nếu nhớ không lầm thì là mười đồng mỗi ván và đấu trong mười ván. Không ngờ lời đề nghị có phần chiếm thượng phong của ông được khách chấp nhận và hứa cuộc đấu sẽ bắt đầu vào đúng một giờ trưa ngày hôm sau. Khách đúng hẹn và cuộc đấu nhanh chóng diễn ra. Bàn nào ‘thiếu tá Thầu’ cũng bị chiếu bí, chỉ thua một hai nước. Trận đấu kết thúc ở ván thứ mười ba. Vừa dứt cuộc cờ thì đồng hồ chỉ đúng tám giờ tối. Vài tay cờ cao bên ngoài bàn tán. Có người đưa ý kiến nên mời Hà Hồng Quan đấu với khách để gỡ danh dự. Một số không tán thành ý này vì cho rằng Hà Hồng Quan có thắng thì cũng không tăng thêm được chút danh dự nào, rùi thua thì hết còn tiếng tăm và mất tiếng làng cờ Mỹ Tho. Trước khi khách ra về có nói mấy lời nhận xét về phong thái lịch sự của dân cờ độ ở Mỹ Tho. Ăn thua chung sòng phẳng và vẫn trầm tĩnh nhả nhận khi đấu cờ cũng như thái độ của những người ngồi ngoài xem đánh cờ. Lúc ấy khách mới cho biết mình có biệt danh là Bao Thơ, có chân trong mười hạng đầu về cờ ở miền Nam trước đây.

Người khách lạ chính là Nguyễn Văn Minh, biệt hiệu Bao Thơ, sinh năm 1938 tại Lâm Đồng. Năm 1959 đi quân dịch, cấp bậc binh nhì thuộc Sư đoàn 7 Bộ Binh đóng tại Mỹ Tho. Viên thiếu tá Tiểu đoàn trưởng thấy Minh đánh cờ giỏi nên thương tình cho biệt phái sang Bru điện. Kiếm thêm tiền trang trải cho gia đình nên dán bao thơ để bán và từ đó nên có biệt danh ‘Bao thơ’. Năm 1980 về quê vợ - xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Tái xuất giang hồ năm 1987, đoạt chức vô địch giải Cờ Tướng Đồng Bằng Sông Cửu Long. Liên tiếp giữ ngôi quán quân cờ tướng của tỉnh Vĩnh Long từ năm 1995-2002.



Mất tại quê vợ năm 2003 vì nhồi máu cơ tim. Còn Hà Hồng Quan, gốc người Quảng Đông, rất có tiếng trong giới cờ độ ở Mỹ Tho, nổi tiếng từ những năm cuối thập niên 1960. Có người nói Hà Hồng Quan có viết dăm ba cuốn sách về cờ tướng nhưng dường như cuốn “*Nửa đường liệt pháo*” – dân làng cờ thường gọi theo thuật ngữ ‘tượng kỳ’ là “Bán đồ nghịch pháo”- do nhà xuất bản Tiền Giang xuất bản, dường như báo trước hậu vận không tốt cho tác giả, do nhiều người nghĩ chữ ‘bán đồ’ và nhất là ‘liệt’ theo nghĩa tiếng Việt. Vì quá nổi danh, nên anh khó kiếm được tiền từ thắng độ, ít người dám đấu dù có được chấp quân hoặc chấp nước. Nghe một số người nói có lúc thấy anh đi trước vợ cầm túi đệm theo xa xa, chờ anh kiếm tiền chợ. Nay anh còn ở Mỹ Tho, thường dự giải cờ tướng trong hạng lão tướng, nếu tỉnh có tổ chức. Một số hậu bối muốn giúp đỡ nhưng sợ anh tự ái, nên rũ anh đánh độ với số tiền cá ít ỏi cho mỗi ván cờ và họ thua. Cảnh túng thiếu của anh giống hệt như của ‘Tiều Nam Vang’ (Hứa Kim Thành) ở Chợ Lớn, có biệt danh này là vì Hứa Kim Thành là người Tiều ở Phnom Penh qua Việt Nam năm 1962. Sáng sáng ‘Tiều Nam Vang’ (khoảng năm 1968-1969 còn được làng cờ Sài Gòn Chợ Lớn gọi là Đại Ma Đầu vì chấp cao thủ Trần Đình Thủy một nước tiên mà vẫn thắng giòn giã) ra sòng cờ chờ mối, chị vợ cũng xách giỏ đi chợ ngồi gần đó, chờ chồng kiếm một ít tiền rồi mới chịu đi. Các kỳ thủ hắc đạo (cờ độ) hiếm khi tham gia các giải vô địch cờ tướng, có lẽ ‘chánh tà’ ít khi chịu công khai ngồi chung một bàn. Tuy nhiên, trong giải vô địch cờ tướng năm 1979, ba kỳ thủ nổi tiếng trong giới cờ độ chiếm hết ba ngôi đầu. Vô địch Trần Quới, á quân Nguyễn Văn Minh, hạng ba Hứa Kim Thành.

Sau khi quán cà phê của chú Tư Đường nghỉ bán, dân cờ độ đổi địa điểm ‘hội tụ anh hào’ sang một quán cà phê trên đường Tết Mậu Thân (gần trước cửa vào Đất thánh Tây ngày xưa). Thời gian gần đây dân cờ bạc thích ăn thua kiểu may rủi nên quay ra đánh ‘cờ úp’. Loại cờ này được du

nhập từ Hồng Kông vào Sài Gòn từ đầu thập niên 80 thế kỷ trước. Các quân cờ, trừ hai quân Tướng, Soái, đều được úp bởi vỏ hộp trái bí màu cam đỏ đựng dây chuyền, cà rá hay nhẫn cưới thường thấy ở các tiệm kim hoàn. Trước khi bày cờ, hai đấu thủ xào các quân cờ bị úp rồi xếp các quân vào vị trí khai cuộc như ở cờ tướng thông thường. Dĩ nhiên các quân này không phân biệt rạch ròi thành hai phía mà phần nhiều trong vị thế cài răng lược. Sau khi đi một quân cờ úp theo luật cờ tướng thông thường, người đi mới có thể mở xem là quân đó là quân nào. Giả dụ sau khi ta đi chốt đầu một bước xong, mở quân này thì thấy nó là quân tượng của ta thì các nước kế tiếp của quân này phải di chuyển theo cách 'tượng' và có thể qua sông để tấn công đối phương. Nếu mở quân chốt đầu vừa đi, thấy nó là quân xa của đối phương thì đối phương có thể dùng ngay quân này để đi tiếp. Khi ta dùng một quân úp ăn một quân úp đối phương, nếu khi mở cờ quân của ta trên quyền, thí dụ quân ta là xa quân đối phương là mã, thì ta có quyền ăn; ngược lại quân ta là mã, quân địch là xa, thì ta sẽ mất quân. Trừ hai quân Tướng, Soái phải đi trong cung còn các quân khác được đi khắp bàn cờ tuân theo luật di chuyển của mỗi quân cờ ở cờ tướng thông thường. Cờ úp là loại cờ đầy hên xui, chưa chắc gì tay cao cờ có thể thắng tay mơ nếu không gian dối làm dấu mấy vỏ hộp trái bí, mà việc làm dấu cũng không phải dễ qua mặt đối thủ. Hiện nay dân cờ độ chịu ăn thua ở Mỹ Tho chơi cờ úp khá nhiều, nếu không muốn nói là rộ mùa cờ úp.

Những tay cờ độ 'cựu trào' thì ít chuộng cờ úp, họ thích đấu trí hơn thua một hai nước thắng thua. Sau thế hệ 'cờ độ' Hà Hồng Quan nay có Mười-khùng, Minh đầu-vô. Hôn danh các kỳ thủ ở Mỹ Tho mang hơi hướng hồn nhiên, mộc mạc, không như ở Sài Gòn. Từ khi các truyện võ hiệp của Kim Dung phổ biến rộng rãi ở Miền Nam vào những thập niên 70-80, và còn giữ đến nay, biệt hiệu của các danh thủ cờ tướng thường được gọi theo các nhân vật võ lâm trong các truyện này hoặc có biệt danh khá ư 'giang hồ kỳ hiệp'. Thí dụ như 'Khô Mộc Thiên Sư' Dương

Thanh Danh, “Kim Mao Sư Vương” Nguyễn Văn Xuân, ‘Bạch Mi Ứng Vương’ Trương A Minh, ‘Túy Kỳ Tiên’ Trịnh A Sáng, ‘Tứ Liên Quán’ Mai Thanh Minh (sau còn được gọi là ‘Độc Cô Cửu Kiếm’), gần đây nhất thấy xuất hiện ‘Âu Dương công tử’ Lại Lý Huynh. Thật thiếu sót nếu không nhắc đến nữ kỳ thủ ‘Diệt Tuyệt Sư Thái’ Lê Thị Hương. Riêng biệt hiệu ‘Côn Luân Tam Thánh’ có lẽ nên tặng cho Lý Văn Hùng, vô địch giải cờ tướng Trung Thu 1948 do hội Tinh Võ tổ chức. Ông là tác giả nhiều sách văn chương Trung Hoa, dịch Kim Vân Kiều, thơ Hồ Xuân Hương sang chữ Hán, ngoài ra ông còn chủ biên *Tân biên Hoa-Việt từ điển*. Từ năm 1969 ông là giáo sư giảng dạy Văn chương Trung Hoa, Triết học Đông phương tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Ông mất năm 1982 lúc đang đánh cờ với một người bạn. Trường hợp ‘chiến trường thọ tiễn’ như Lý Văn Hùng cũng có xảy ra khá nhiều ở Mỹ Tho đôi mươi năm trước, dân cờ Mỹ Tho nhắc đến nhiều nhất là ông chủ tiệm vàng ở phường Ba đột quy khi đang đánh cờ với ông chủ tiệm Tứ Hải (chuyên bán cờ tướng liền trận, ở bên hông rạp Định Tường; chứ không phải tiệm Tứ Hải ở chợ Hàng Bông, phía sau trường Nguyễn Đình Chiểu).

Những kỳ thủ đã đăng đàn thi đấu ở Mỹ Tho ngày nay vì chuyện cơm áo gạo tiền, đa số không mấy người dư dả về mặt tài chánh, họ không có mạnh thường quân nên không thể chuyên tâm trau dồi thêm kiến thức và tập luyện về cờ do đó tiếng tăm của họ chỉ quanh quẩn trong tỉnh. Còn trên thực tế, những người chơi cờ tướng ở Mỹ Tho đúng nghĩa là dân cờ tài tử, họ muốn có những phút giây thư giãn, bỏ chuyện nhân gian thế sự đang hồi điên đảo, làm một hai ván với người đồng điệu. Và hẳn cũng có người muốn tìm lại thời xa xôi năm cũ, có mấy lúc ‘*Hữu ước bất lai quá dạ bán. Nhân xao kỳ tử lạc đặng hoa*’ (‘Nửa đêm cái hẹn sai rồi. Quân cờ gỗ nhằm làm rơi hoa đèn – Nguyễn Bính dịch).

## THƯ LONG



# C H I L Ò N

**Mặc Nhân TVC**

*(Viết cho những người tôi quý trọng)*

**C**hị tên Lùn. Thật ra chị không lùn, trái lại đôi chân chị ốm và cao nhưng có điều là đôi chân chị đều có tật, chân này đá chân kia, cho nên chị đi đứng khó khăn lắm. Chưa hết, hai tay chị cũng vậy, dường như chị không chủ động được những cử động của tứ chi. Mà dường như ông Trời cũng phũ phàng với chị, miệng chị cũng không giữ được để cho nước miếng nước dãi mọi lúc cứ chảy ra hai bên mép. Tội lắm cho chị, chị nói được nhưng lập bập từ tiếng một, không rõ ràng.



Dường như chị không chịu ở nhà, người ta có thể gặp chị bất cứ lúc nào ...sáng hay trưa, chiều hay tối... trời mưa hay trời nắng....bất cứ nơi đâu... đầu làng xó chợ, bến đò, bến xe, đình, chùa, miếu, mào... Dáng điệu của chị quả là

thiếu não, trông người không ra người, đầu tóc rối bù, lê tấm thân tàn phế với một bộ quần áo rách rưới bản thủ lang thang đầu đường cuối ngõ.

Nhưng mọi người đối với chị nếu không có cảm tình thì cũng không hề có một ác cảm nào hay ít ra cũng không ai khinh nhờn chị vì trên gương mặt tật nguyên của chị người ta còn nhận thấy - trời còn thương chị - một ánh mắt vui tươi, dịu hiền và trên đôi môi nhợt nhạt của chị một nụ cười mếu máo nhưng chân thành, ấm áp...ngàn ấy cũng đủ dành cho chị một chỗ đứng trong sâu thẳm lòng người dân trong làng tôi.

Do vậy không ai nỡ gọi chị là con nầy con kia dù lớn hay nhỏ, kể cả những ông bà lớn tuổi trong làng cho đến các cháu nhỏ đều nhất nhất gọi chị là chị Lùn. Có lẽ đây là một vinh dự xứng đáng cho chị Lùn.

Số là trong làng tôi, một nữ sĩ từ đâu ngoài Trung vào định cư lúc nào không ai biết, chỉ biết bà sống độc thân, một địa chủ giàu có, học thức cao vì người trong giới trí thức gọi bà là nữ sĩ, nữ sĩ Xuân Lan. Còn người dân thường gọi bà là bà Ba Xuân Lan. Bà Ba Xuân Lan còn giữ nề nếp phong cách một người phụ nữ gương mẫu xưa của thời phong kiến. Ngay khi ở trong nhà, bà luôn luôn trùm cài lược giắt, trang phục với áo dài xuyên hay lãnh đen, quần bạc soạn trắng. Móng tay bà để dài, dài lắm, cong vút, luôn được chăm sóc bóng láng mặc dù bà còn giữ nguyên tập tục ăn trà và hút thuốc.

Ngôi nhà bà là một ngôi nhà ngói ba gian hai chái, thấp theo kiểu các ngôi nhà ngoài xứ Quảng, cột kèo, vách phen toàn là gỗ quý, nền cuốn đá ong....tuy nhiên thiếu cửa sổ nên nội thất có vẻ tối om, một chút huyền bí, một chút mùi của ẩm thấp vì lâu ngày thiếu ánh sáng...được xây cất trên hữu ngạn bờ sông Cửa Đại của con sông sông Cửu Long, thuộc vùng Rạch Miễu.

Bà Ba Xuân Lan vốn dòng dõi trâm anh đài các nhưng với đức độ một người phụ nữ đầy lòng nhân ái nên được dân chúng trong làng và cả trong vùng quý mến và kính trọng. Còn về lĩnh vực văn học, nữ sĩ Xuân Lan đã từng là bạn văn thơ với nữ sĩ Sương Nguyệt Anh, thứ nữ Cụ Nguyễn Đình Chiểu, có một thời ở tại vùng Rạch Miễu này. Rất tiếc, nữ sĩ Xuân Lan không có con và chiến tranh cũng đã vô tình huỷ hoại tác phẩm thi văn của Bà. Ngày sau nơi đây chỉ còn truyền tụng hai câu thơ bất hủ ghi lại vùng sông nước lịch sử này như sau:

*Đất nước Cầu Chùa muôn thuở dẫu.  
Gió trăng Rạch Miễu một con đò.*

Vì vùng đất này có hai địa danh tiêu biểu. Đó là Rạch Chùa và Rạch Miễu. Rạch Chùa có một cây cầu. Rạch Miễu với một con đò. Ngần ấy đủ cho Bà với hai câu thơ súc tích ghi lại hình ảnh quê tôi. Tuy nhiên nơi Bà vẫn còn truyền tụng cho đời sau một câu chuyện thương tâm do tấm lòng nhân ái trời biển của Bà. Đó là chuyện Một Con Người. Con Người đó là Chị Lùn.

Một buổi sáng mùa đông, gió bắc lao xao từ bên kia sông đem cái lạnh về khiến cho ngôi nhà cổ kính của bà Ba Xuân Lan càng thêm buốt giá. Một đồng un ngay giữa ngôi nhà âm ỉ cháy không đủ xua tan cái lạnh. Bà Ba đang ngồi trên bộ ván gỗ đôi, ăn trà xia thuốc thì một người giúp việc hốt hơ hốt hải chạy vào: “Thưa bà, ai đó hồng biết bỏ ngoài cổng nhà mình một đứa nhỏ mới sanh đỏ hồng. Nó khóc dữ quá.” Bà Ba không đắn đo, bảo: “Con mau bồng nó vô hơ lửa cho nó đi con”. Người ở lại thưa: “Thưa bà, con thấy nó là con gái. Mà con nhỏ này bệnh hoạn lắm lại có tật cùng mình hết.” Bà Ba vội bảo: “VẬY con hãy bồng nó vào đi. Tội nghiệp!” Người ở lại thưa: “Thưa bà hay là mình ẵm nó giao cho trại mồ côi đi bà. Con thấy nó bệnh hoạn yếu ớt, khó nuôi lắm.” Bà Ba gằn giọng: "Tại vậy nên bà mới bảo con ẵm nó vô. Lẹ đi. Trời ngoài đó lạnh lắm."

Bà Ba phải mướn thêm một người để nuôi con bé. Khi đặt tên cho con bé, bà Ba nghĩ phạm một đứa trẻ bạc số như vậy, khi đặt một cái tên phải phù hợp với hoàn cảnh của nó, nếu lựa một tên như Hoa hay Bông hay Đẹp thì té ra mỉa mai nó sao. Nhưng nhìn hình hài nó, bà lại nghĩ nếu theo đó mà đặt tên cho nó thì tội nghiệp nó quá, nên thôi một tên vừa đủ xấu, nhưng không đến đời. Đó là Lùn.

Lùn lớn lên không dễ cho chính bản thân bệnh hoạn của nó mà càng không dễ cho người nuôi nó. Phải có một động lực vô cùng mạnh mẽ mới nuôi được Lùn cho đến ngày trưởng thành. Động lực đó là lòng thương người vô bờ bến của bà Ba Xuân Lan. Lớn lên, Lùn gọi bà Ba bằng cô nhưng bù lại được cô trao gởi cho Lùn một tình mẹ bao la. Lên bảy lên tám là Lùn bắt đầu bỏ nhà ngao du khắp nơi trong làng xóm, vì một lẽ dễ hiểu là Lùn không có một người bạn nào cả để chơi cùng, dù là bạn trai hay bạn gái. Vì có đứa trẻ nào thích làm bạn với một đứa trẻ người không ra người, nếu không nói là chúng còn tìm cơ hội để chọc phá chòng ghẹo.

Lẽ tức nhiên là Lùn không đến trường được nhưng bà Ba có mời một thầy giáo già về nhà dạy cho Lùn được chữ nào hay chữ nấy. Lùn không thích học vì trí óc của Lùn không phải để học và tay chân của Lùn không phải để viết hay để vẽ. Dù vậy với lòng tận tâm và kiên nhẫn của ông thầy già, Lùn cũng quọt quẹt viết thành chữ được những ý nghĩ thô thiển và hạn chế của mình. Ông thầy và bà Ba chấp nhận thành quả của Lùn trong khi Lùn không màng nghĩ gì về điều này. Tuy nhiên có một lần bà Ba vui biết bao khi thấy Lùn dùng miến sành viết trên mặt sân nền đất mấy chữ “Con thương cô lắm”. Bà Ba đọc dòng chữ ngắn ngủi đó, ràn rụa nước mắt.

Năm tháng trôi qua, Lùn lớn lên với một thân thể của một thiếu nữ đúng nghĩa của nó ngoại trừ những bộ phận dị tật bẩm sinh. Vì yêu kính bà Ba, vì thương Lùn mọi người

không hẹn mà nên đồng gọi là chị Lùn chớ không còn là con Lùn nữa, kể cả các đứa nhỏ khi xưa khinh bỉ Lùn giờ cũng gọi là chị Lùn. Chị Lùn giờ là thành viên của gia đình nữ sĩ Xuân Lan, là một con người như mọi con người của vùng đất Rạch Miễu.

Không phải làm gì và cũng không thể làm gì trong nhà của cô, chị Lùn tiêu pha thời gian của mình bằng cách ngao du trong mọi ngõ ngách của làng xóm. Nơi nào vui chị ở lại chơi. Nơi nào thích, theo cảm quan của chị, chị ở lại xem. Chị sẵn sàng chào hỏi bất cứ ai chịu nhìn chị, với một nụ cười méo xệch nhớp nhúa nước dãi, nhưng với ánh mắt vô tư hiền hoà, nói lên nhiều điều mà một số người lành lặn không có được. Nếu mệt chị ngồi hay nằm nghỉ bất cứ nơi nào như nhà lồng chợ, gầm cầu, sân chùa, trường học... Chị sống như một người tiên sử đúng nghĩa của nó. Hoà mình cùng trời đất. Sống với thiên nhiên. Vui cùng cây cỏ. Đói ăn. Khát uống. Vô tư. Vô lự.

Một buổi trưa hè. Mặt trời đứng bóng. Không khí ngọt ngọt trong cái oi ả. Cảnh vật chìm lắng trong cái vắng lặng. Trong hành lang vắng vẻ tịch mịch của đình làng, chị Lùn đang tìm nơi thư giãn sau một buổi sáng rong chơi. Ngoài kia sông, tiếng sóng vỗ bờ, trên cây đa tiếng ve sào vào hạ...như ru chị ngủ.

Dường như có cái gì đó khiến chị bức rức, chị không ngủ được. Hết nằm xuống chị lại ngồi lên. Trông về mặt chị có một cái gì bòn chòn, cau có. Trông mắt chị có một cái gì thôi thúc, réo gọi. Chị kéo vạt áo lên cao để trần bộ ngực con gái. Chị đưa tay mần mò đôi nhũ hoa căng cứng. Chị lò dò hưởng thụ cái cảm giác của một người con gái dậy thì. Chị xoay mình qua xoay mình lại để tìm cảm giác mới. Nhưng trong chị dường như còn có một ma lực cầu xé hay một đòi hỏi vô hình thúc đẩy, nên với một động tác dứt khoát, chị kéo tuột chiếc quần xuống và nằm vật tênh hênh



trên nền gạch tàu của hành lang đình trống vắng, không người....

Nhưng không! Duyên tiền định! Một người, một người đàn ông trai trẻ, một thanh niên xuất hiện, tay cầm cái ná thun áng chừng đi bắn chim, vô tình đối mặt với một cảnh tượng mà có lẽ anh chàng trai trẻ này cũng đã từng viễn vông mơ tưởng trong tuổi đầu đời của người con trai. Anh làm rơi cái ná thun lúc nào anh không hay. Anh nuốt nước miếng. Rồi anh bỏ đi. Rồi anh quay lại. Rồi anh lại muốn bỏ đi nhưng cái gì đó khiến anh mạnh bạo bước lên thềm, đến gần nhìn vào một thân thể loã lồ. Thân thể loã lồ này mở mắt ra thấy anh, nhoẻn miệng cười vẫn với nước miếng nước mồm vung vãi, với tay kéo anh xuống ấn tay anh vào chỗ mà chính anh cũng đang thềm muốn.

Anh chàng thanh niên này không còn hồn vía đâu để thấy chỗ nhóp nhúa trên mặt chị, để thấy chỗ tật nguyên trên người chị mà chỉ thấy phần còn lại nõn nà, kêu gọi... của một người khác phái dành cho một người khác phái theo luật thiên nhiên của tạo hoá với đầy đủ nét lôi cuốn và quyến rũ của nó. Và anh chị đã theo bản năng trời ban cho loài người, làm tròn chức năng tự nhiên của con người mà luật thiên nhiên ràng buộc. Một cuộc giao hoan đầu đời, vô tư, vô lợi, tự nguyện, trong trắng, hoàn hảo, tròn vẹn... đúng theo nhịp xoay dãn của âm dương từ thời nguyên thủy.

Thế là con ong đã thuộc đường đi lối về, hai anh chị không hẹn mà vẫn lên. Những buổi trưa trời nắng đỏ lửa trên gò đất bên cạnh bụi tre rì rào gió thổi. Một sáng sớm bình minh dưới gốc đa còn đắm sương đêm. Hay một chiều hoàng hôn tắt nắng bên bờ sông vắng. Đôi khi giữa con giông tố bão bùng, sấm sét dậy lưng trời. Kể cả trong sân đình dưới bóng trăng sao vàng vật... đâu đó nhật khoan tiếng vạt sành gọi bạn... Anh chị thật sự đã hoà nhập với thiên nhiên đất trời. Anh chị đã đến với đời như nước

nguồn lửa núi, anh chị đã sống và hưởng thụ trọn vẹn những gì mà trời đất đã ban cho loài người từ thuở mới khai thiên.

Một cuộc hoà hợp âm dương vô điều kiện, tự nguyện... không hề có một lời mời mọc, không một lời quyến rũ, không một thề non hẹn biển vậ mà nồng nàn, keo sơn, gắn bó...Đẹp làm sao! Ngày xưa có những thiên tình sử để đời cho hậu thế. Chẳng hạn những chuyện tình mang tính ước lệ của Trương Chi và Mỹ Nương, của Từ Thức và Giáng Ngọc, của Lan và Điệp, của Roméo và Juliette, của Paul và Virginie....có thể là sản phẩm của con người, nếu không thì lại có quá nhiều tác động của người ngoại cuộc, mặc dù vậy vẫn để lại cho đời sau những thiên tình sử... Đẹp đấy, nhưng nhất thiết không thể so sánh với cuộc tình chẳng những hiện thực mà còn trọn vẹn, hoàn hảo... như chuyện tình của chị Lùn và....một người còn là ẩn số.

Bụng chị Lùn càng ngày càng lớn. Thiên hạ vô công rồi việc bàn ra tán vào, thóc mách, xâm xỉ. Người ta không phê phán, không chê bai chị Lùn mà người ta chỉ háo hức muốn biết tác giả của cái bào thai trong bụng chị Lùn là ai. Trong khi chị Lùn vẫn tinh bơ, vẫn mang cái bụng bự xộn nghêu ngao chỗ này chỗ kia như không có chuyện gì xảy ra. Gặp ai nhìn vào bụng chị, ý tò mò muốn hỏi, chị nhăn răng cười hề hề. Ý chừng chị muốn trả lời cho họ: “Có gì lạ đâu”.

Thật ra... có gì lạ đâu! Đây cũng là lỗi nghĩ của bà Ba Xuân Lan. Bà thần nhiên trước cái bụng càng ngày càng lớn của chị Lùn. Bà còn bảo chị Lùn cẩn thận trong đi đứng, bớt đi chơi xa. Bà còn bảo chị ăn uống nhiều hơn, nghỉ ngơi nhiều hơn. Ngày chị Lùn đập bầu, bà muốn một người đưa chị Lùn đến nhà bảo sanh tinh. Bà vui mừng khi biết chị Lùn sanh một thằng con trai nguyên vẹn và mẹ tròn con vuông.

Ngày mẹ con chị Lùn về nhà, Bà gọi riêng chị Lùn ra

nhà trước để bà căn dặn. Bà nói: “Con không thể nuôi con con được. Cô đã mướn một người thay con nuôi nó. Tạm thời người này là mẹ nó. Con hiểu chưa?”. Chị Lùn ú ớ ra dấu “hiểu”. Bà Ba đến công sở làng khai sanh cho đứa bé. Trong khai sanh có ghi: Tên họ đứa nhỏ: Nguyễn Văn Chối. Tên họ người cha: Vô danh. Tên họ người mẹ: Nguyễn Thị Lùn. Bà xin một bản sao về nhà cất kín trong tủ.

Chối - bà Ba đặt tên này ý nhắc nhở một sự chối bỏ của một người cha vô trách nhiệm - lớn lên như thổi, hồn nhiên vui vẻ bên cạnh người mẹ nuôi và bà ngoại Ba. Thỉnh thoảng, Chối có giáp mặt với chị Lùn mà bà ngoại Ba bảo gọi là dì, mà lần nào cũng vậy Chối cũng tỏ ra sợ sệt, nép mình vào mẹ nuôi như trốn tránh. Cho nên chị Lùn muốn nhìn “cháu” cho thỏa thuê phải đợi cho “cháu” ngủ yên giấc đứng ngoài nhìn trộm.

Chối đến tuổi đi học. Hằng ngày mẹ nuôi Chối sắm sửa cho Chối đi học, chị Lùn lên nhìn theo. Tan học Chối về nhà, chị Lùn cũng đứng núp sau cổng nhìn trộm mà lòng chị vui sướng biết bao. Thấm thoát, đến kỳ thi lấy bằng Tiểu học, Chối được bà ngoại Ba đưa cho một bản khai sanh nộp cho trường. Chiều lại về nhà, bà ngoại trông thấy Chối dầu dầu không ăn cơm, Ngoại gọi Chối lên nhà trên bảo: “Con cứ đi học. Ta còn thời gian, khi nào con lớn, con có đủ trí xét đoán, ngoại và con sẽ nói rõ sự việc này.”

Chối đỗ bằng Tú Tài, vào học trường Quốc gia Hành chánh. Ra trường Chối được bổ làm phó quận trưởng tại một quận khá xa với tỉnh nhà. Ngày Tết năm ấy, ông phó quận trưởng về quê ăn Tết với bà ngoại Ba, với mẹ nuôi, với dì Lùn. Sau lễ cúng Mùng 3, bà ngoại Ba tập hợp mọi người lên nhà trên đứng nghe Bà dạy việc.

“Con Chối, con đã trưởng thành, hôm nay là ngày mà ngoại trông đợi để nói với con về nguồn gốc của con. Mẹ ruột con là đây, là đứa con rơi mà ngoại đem về nuôi từ

thở mới lọt lòng. Khi mẹ con sanh con, ngoại biết con còn nhỏ dại, sợ con tủi hổ với bạn bè, nên để con làm con nuôi của má nuôi con đây. Nhưng ngoại không hề cắt đứt tình mẫu tử của con nên ngoại vẫn khai sanh cho con với tên mẹ con.”. Nói đến đây Bà Ba nhìn mọi người. Bà thấy Chối nhìn mẹ rất lâu, đôi mắt đỏ hoe. Còn chị Lùn ôm mặt khóc nức nở. Bà nói tiếp.

“Hôm nay ngoại hết trách nhiệm với mẹ con, vì con đã nên người, vậy con có nghĩ đem mẹ con về phụng dưỡng không?”. Chối đến bên mẹ, nắm tay mẹ: “Con sẽ đem mẹ về ở với con”. Chị Lùn không dần được, oà lên khóc, khóc như chưa bao giờ được khóc. Những giọt nước mắt hạnh phúc như giọt cam lồ làm ấm lòng mọi người. Chối lại thưa: “Vậy mẹ sửa soạn để mai đi về với con”. Cả nhà vui vẻ quây quần xúm lại ăn bữa cơm Mừng Ba ấm cúng.

Sáng hôm sau, cả nhà dậy sớm chuẩn bị đưa chị Lùn về xum họp với con. Không thấy chị Lùn đâu, mọi người bỏ ra đi tìm từ trong nhà ra ngoài vườn, ra đến cả ngoài đường lộ, xuống tận chợ...đều không thấy tâm dạng chị Lùn. Bà Ba phải nhờ người lối xóm cùng đi tìm. Mãi đến trưa người ta mới có được một số chỉ dẫn. Người ta tìm thấy sợi dây niệt đeo lá bùa phù hộ mà bà Ba đeo cho chị Lùn từ nhỏ, sao lại được đặt trên một gò mã có kèm theo một tấm giấy quệt quạt những dòng chữ như sau: “Mình. Tôi đã nói với mình là khi nào Chối nhận tôi là mẹ, tôi sẽ theo mình. Hôm nay tôi theo mình đây”.

Ngày hôm sau người ta vớt thi thể của chị Lùn nơi một khúc sông mà trước đây có một người chài cá lặn xuống gỡ lưới chài mắc vào gốc cây, bị chết đuối. Dân làng được sự cho phép của bà Ba Xuân Lan, đem thi hài chị Lùn chôn cạnh ngôi mộ của người chài cá này./-

Mặc Nhân TVC



# HƯƠNG HẠ BÌNH YÊN...

Hồ Duy Hạ

**T**uổi học trò viết đầy trang nhật ký  
Thuở hồn nhiên cặp võ trước hiên trường  
Tà áo dài trong trắng sao mà thương  
Người ngọc ngạu nhịu chẳng thành lời đối mặt  
Cánh phượng hồng ép đầy trong ngăn sách  
Tuổi vào yêu mơ mộng dáng nữ sinh  
Có những đêm thổn thức cuộc đời mình  
Vàng trắng khuyết làm sao soi mặt chữ  
Em ra đi xin làm người bản xứ  
Miền cao nguyên hướng dẫn đàn trẻ thơ  
Hai ngôn ngữ hòa nhập không thể ngờ  
Cô giáo trẻ với đàn em dân tộc  
Rồi một hôm gã khờ như cơn lốc  
Đến vô tình mang hương hạ bình yên  
Biêng biếc buồn em quên hết muộn phiền  
Mắt chạm mắt hai tâm hồn đắm đuối  
Loài hoa trắng tỏa thơm bên con suối  
Mời anh thăm chiếc ghé đá công viên  
Tay đan tay ôm mộng ước gắng liền  
Mai từ già nhớ hoài anh đến vội  
Em bối rối anh ngần nhìn khẻ hỏi  
Cô giáo ơi! Xứ núi có gì vui  
Mà sao cô ngần lệ trông bụi ngùi  
Hay anh đến nên cô mừng không nói!..

Hồ Duy Hạ



# NÀNG DÂU TUỔI DẦN

## Mười Trí

- Con má tui trả lại cho má đó! Đem về làm mắm ăn hay làm gi đó làm, gần cả chục năm nay tui cố nhịn, cố dần lòng chịu đựng để ảnh suy nghĩ mà hồi tâm, nhưng nay chịu hết nổi nữa rồi, tánh nào tậ nấy đánh chết không chừa... thiệt là hết chỗ nói...tui chịu đựng hết nổi nữa rồi...

Sáng sớm mới đặt chân xuống ngưỡng cửa nhà bà già chồng, chị hai Anh đã ong óng nói vọng vô, khóc lóc kể lể thảm thiết chẳng khác nào đưa đám ma người thân. Tội nghiệp bà Năm, lổ tai lảng nhách, nghe ồn ào ngoài cửa cứ tưởng con vợ thằng Hai nó chở mấy đứa nhỏ tới chơi trong ngày cuối năm để làm mâm cơm cúng rước ông bà nên vui mừng ra mặt, vội vã mở cửa miệng lảm bảm:

- Sao lại sớm vậy con? Má tưởng bây chờ thằng Hai đi làm về chiều nay mới dẫn mấy đứa nhỏ tới chớ. Thôi vậy cũng tốt, mau mau vô nhà phụ tao lo...

Nào dè bà nói chưa dứt câu, Nàng dâu cung đã phang ngay vô họng như tát nước:

- Phụ gì mà phụ...tui chịu hết nổi rồi, thứ gì li lợm như trâu nói hoài hông nghe, lần này không biết là lần thứ mấy rồi. Má hông biết dạy con...cả chục năm nay tại vì nó mà làm tui khổ. Tưởng có chồng để nhờ vả tấm thân, nào dè gặp phải thứ gì... trời ơi là trời!..biết vậy tui ở giá, lấy chồng chi cho khổ tấm thân như vậy! bây giờ hông nói năng gì nhiều nữa cho thêm tức, con

má tui trả lại cho má đó, đem về ăn đong gì đó ăn... Dứt khoát tui từ... từ rày về sau không còn chồng con gì nữa hết!

Chẳng nói chẳng rằng phân tỏ đầu đuôi có sự gì hết, sáng sớm hậm hực đến nhà bà già chồng mắng xối xả vài câu rồi dậm chân xuống đất thình thịch, quệt nước mắt ngoe nguẩy bỏ ra xe rồ máy rú ga dọt cái ào như mũi tên, không kể số gì đến bà già đang ngơ ngác đứng chết trân như trời trồng trở mắt nhìn theo... Ngày tư ngày tết đến nơi, hồng biết thằng Hai làm nên chuyện tày trời gì mà con vợ có vẻ giận dữ quá cỡ. Bà chưa kịp mở miệng hỏi được nửa lời... lo lắng khẽ lắc đầu đóng cửa trở vào trong.

\* \* \*

Nghe tiếng xe vô sân nhà, anh Hai đoán biết con vợ "chần ăn trăn quán" của mình đi đâu về rồi. Trăm lần như một, hễ vợ chồng có chuyện xích mích là te rẹt chạy mét bà già chồng, y như con nít. Tánh tình gì nóng như lửa đốt, còn hơn đàn ông trong cơn say rượu đổ ai nói nó chịu nghe, lúc này mà lỡ mồm, lỡ miệng đụng thủ tới nó giã đong đong như mắc kinh phong cho coi. Nhưng tuy là vậy, nếu biết ý cứ để yên, chờ mọi chuyện lắng đọng khéo đỡ ngọt một hồi chuyện gì cũng xong, đầu vào đó. Sống với nhau lâu ngày chày tháng biết ý nhau hết trơn, nên nãy giờ anh đang ngồi suy nghĩ lựa lời, moi trong trí coi có cơ nào hay, để chút nữa vợ về xuống nước nhỏ thật mùi, cho nó chịu bỏ qua chuyện lỡ lầm đêm hôm qua của mình. Nhưng nghĩ tới nghĩ lui, hồng biết phải ăn làm sao, nói làm sao cho trót lọt cái lỗ tai. Nên anh nghĩ tạm thời bình chân



*Nàng dâu tuổi Dần* - Hình minh họa do tác giả cung cấp.

như vai, im lặng là thượng sách, chiến thuật cô điển bấy lâu đem ra xử dụng. Cố gắng kiên trì chờ tình thế xoay trở xuống vọng cổ ca bài ca con cá... sẽ hiệu quả vô cùng, nghề ruột của chàng mà... Nhưng anh có biết đâu rằng lần này không có chuyện đi mét bà già chồng suông như mấy lần trước mà là đi mắng... Chị hậm hực xô cửa bước vào, thấy anh còn ngồi chù ụ trong phòng khách, phát súng nói to:

- Sao anh còn ngồi đó? Trước khi đi tui đã biểu dọn đồ ra khỏi nhà rồi mà, bộ điếc hay sao hông nghe? Giờ đây tui đoạn tuyệt để anh được tự do làm theo ý muốn, không còn vợ còn chồng gì nữa hết, tui đã nói với má rồi, anh về bên mà ở, đi đâu đó đi, và nhớ đừng bao giờ vát mặt về đây làm khổ mẹ con tui nữa. Anh nghe rõ chưa? Bộ anh tưởng anh ngon lành lắm hả, phải có anh mẹ con tui mới sống được hay sao? Nói thiệt nghen, thứ đàn ông như anh, cho không tui cũng hông thèm... Mặc tình cho con vợ nói gì nói, làm ra vẻ ử rữ, ân hận chuyện mình làm vừa qua lắm, anh rung rung nước mắt nhìn vợ, nhỏ nhẹ nói:

- Đã biết lỗi rồi mà, từ rày về sao anh hứa sẽ không có chuyện như vậy xảy ra nữa. Đầu năm đầu tháng, em tha lỗi cho anh, kéo không thôi xui xẻo cả năm... Vợ chồng con cái... bộ nói thôi là thôi liền để vậy sao, dẫu sao ăn ở bấy lâu tui mình cũng còn tình còn nghĩa... Em suy nghĩ lại...

Chị Hai trợn mắt cười gằn:

- Xui xẻo cả năm? Còn tình còn nghĩa? Chính vì sợ đầu năm đầu tháng xui xẻo cả năm nên tui mới đưa tiền cho anh đi đóng hụi trước đó, để anh có cơ hội đem vào casino gõ máy nướng sạch. Trời ơi là trời, nhớ tới đâu là tui sôi gan lên tới đó... Anh biết mà, tui ngồi may thiếu điều chai đít mới có ngàn ấy tiền chớ bộ khi không ở trên trời rớt xuống đó à! Vậy mà nõ lòng nào chỉ trong vòng mấy tiếng đồng hồ làm tiêu rụi hết sạch của tui. Bây giờ còn cái gì xui hơn nữa mà sợ, mau mau cuốn gói đi cho khuất mắt, không còn chồng con gì nữa hết. Anh mà nghĩa tình gì đừng làm bộ nhắc tới cho tui động lòng, lần nào cũng vậy



nghe riết đầy cả lỗ tai rồi, chán ngắt. Nếu anh biết thương vợ thương con thì đâu làm ra chuyện này. Trời ơi, tiền mồ hôi nước mắt của tui... Vậy còn dám mở miệng thốt ra tình nghĩa tui mình... Hồng thấy mắc cỡ miệng sao?

Thấy mình bây giờ nói gì đi nữa cũng không có ép phê, cho dù được miệng lưỡi Trương Lương hay Tô Tần chưa chắc gì làm con vợ xiêu lòng. Tình hình không cho phép nên anh ngồi lì ra đó, ủ rũ làm thỉnh chờ thời cơ ra chiêu khác, trông khuôn mặt chẳng khác nào gà suốt phải giãy thun, thiết nào nề. Chị vợ cũng thấy mình đã xỏ hết những gì muốn nói ra rồi, không còn gì cần để nói thêm nữa. Trước khi mở cửa vô buồng nghỉ cho đỡ mệt và để khỏi đối diện với thằng chồng mắc toi thấy mặt là muốn phát tiết lên liền, chị nhắc lại:

- Chút nữa trở ra, tui không muốn thấy bản mặt dày của anh trong nhà này. Rõ chưa? Có cần tui lập lại thêm lần nữa hông?

Nói rồi chị đóng sầm cửa lại cái rầm. Anh Hai nói vói theo câu tài:

- Tội nghiệp anh mà em! Tết nhứt đi đâu bây giờ, ai chứa? Cho anh cơ hội đi, đây là lần chót anh sẽ không bao giờ bén mảng tới casino nữa.

Chị Hai mở cửa ló đầu ra hỏi lại:

- Anh còn nhớ anh hứa với tui đây là lần chót thứ mấy rồi hông? Lần nào cũng chót biết chừng nào mới là lần chót thật sự đây? Tui nghĩ kỹ rồi, chỉ còn có nước thôi anh mới thật sự là chót. Đừng làm bộ òn ỉ lải nhải thêm gì nữa hết mất công, tui đã quyết định vậy rồi, làm ơn làm phước để cho tui yên một chút.

Nói rồi chị đóng sầm cửa lại, bỏ mặt anh chồng ngồi đó một mình nói gì thì nói, làm gì thì làm. Nằm trên giường ngó lên trần nhà trống không, nghĩ ngợi mông lung, muốn chộp mắt một chút cho khỏe nhưng không tài nào chộp mắt được, phân giận chồng, phần tức mình sao ngu, đã biết bao lần nó làm chị xiêng niêng về chuyện bài bạc này rồi chớ có phải đây là lần đầu tiên đâu, vậy mà còn đưa tiền cho nó có khác nào đưa trứng cho ác, phải chi chiều hôm qua chị làm siêng một chút thì đâu có xảy ra cố sự thể này. Nhớ hồi con gái, có lần đi coi bói, thầy bói nói chị tuổi Dần

nên cuộc đời sau này nếu lấy chồng sớm sẽ lận đận đường chồng con. Còn mạng của chị là mạng mộc, cây Tùng bá, Tùng bá mộc. Tùng bá là loại cây sang, thanh lịch, ai được số này đời sẽ sung sướng, có kẻ hầu người hạ. Nhưng chị sẽ không được như vậy là vì cây tùng bá của chị không phải cây Tùng bá người ta trồng trong khuôn viên có người chăm sóc kỹ lưỡng làm kiểng, được nâng niu vun bón cho cây đâm chồi nảy lộc, mà là cây Tùng bá mọc hoang. Đứng giữa trời đất, nắng sớm mưa chiều một mình gánh chịu, không ai để ý ngó ngang gì tới, nên phải cực. Tuy nhiên, có một điều rất may mắn là cây Tùng Bá này nhờ mọc ở trước sân chùa, nghe được nhiều kệ kinh nên hậu vận rất tốt. Tiền vận gian truân, trung vận vất vả, hậu vận an nhàn... Hồi đó đi coi bói là coi chơi cho biết chớ chị chẳng mấy gì tin, nhưng bây giờ gẫm lại cuộc đời mình thấy cũng đúng đúng phần nào.

Thuở thiếu thời, tuổi thơ của chị trong thời chiến, nhà lại ở vùng quê triền miên khói lửa nên ba má gởi chị lên thành bên Mỹ tho ở đậu nhà người dì ruột đi học, mới năm sáu tuổi đã xa mái ấm gia đình. Bản chất thông minh, chị học hành giỏi giã, thi đậu học trường công lập Lê Ngọc Hân nổi tiếng trong tỉnh như ai. Giờ nào rảnh rỗi không đi học thì phụ dì bán đường ngoài chợ Mỹ tho, dì có một sạp nhỏ ở chợ hàng bông buôn bán nhỏ kiếm sống qua ngày chớ cũng chẳng khá giả gì. Thịnh thoảng nhớ nhà quá, chúa nhật chị rủ mấy cô bạn học cùng lớp về quê bên Tân Thạch chơi, nhưng lần nào cũng bị ba má hối phải đi riết:

- Tui con chơi quanh quẩn đây thôi chớ đừng đi xa, rồi lo sửa soạn về bên liền đi, chớ lỡ mà hai bên đụng nhau thì chết, nguy hiểm lắm...

Vùng quê cây trái phủ phê, khí hậu trong lành, lâu lâu về hít thở không khí này thoải mái làm sao, nhưng chẳng lần nào được ở lâu, chiến tranh đã cướp mất, để cho vùng quê của chị trở nên hoang vắng, người đi nuôi tiếc, còn đâu những ngày hồn nhiên ôm búp dừa nước tắm sông câu cá, người vì miếng cơm, manh áo ở lại phải phập phồng lo sợ, sẵn sàng chấp nhận đau thương... hôm nay ngồi đây, ngày mai chẳng biết có còn thấy được ánh mặt trời nữa không.

Rồi hết chiến tranh, rồi chị về quê, ôi thôi cái thuở ban đầu

khó quên ấy tạo ra trăm ngàn trắc trở khổ cực biết sao kê cho xiết. Từ một cô nữ sinh lớp mười một học giỏi, tương lai trước mắt đang chờ, trong trắng, yêu đời, vô tư trong cuộc sống, thế mà phải nghỉ học ngang xương để lo kiếm tiền phụ giúp cha mẹ nuôi một đàn em dại, phút chốc chị trở thành trụ cột chính nuôi sống gia đình với cái nghề chẳng hề được học ở ghế nhà trường, bon chen giành giật mua bán đường mía thùng lậu. Và cũng chính cái nghề bán đường lậu bất đắc dĩ này, nửa khuya từ Tân Thạch chèo xuồng qua Mỹ Tho bỏ mối đã khiến chị phải xa hẳn gia đình. Đêm nọ, trời sập tối chị bắt đầu cho đường xuống xuồng để nửa khuya chèo qua Mỹ Tho như thường lệ, bỗng đâu không biết, có một số người lạ mặt dùng vũ lực bắt buộc chị phải chèo xuồng còng Tàu, đưa họ lên tàu lớn vượt biên, để giữ bí mật họ thuyết phục chị theo luôn, dù muốn dù không muốn gì cũng hông được. Chẳngặng đừng chị cắn răng mà bước lên tàu theo họ chớ lòng nào bỏ lại cha già, mẹ yếu, em thơ đang đói khổ, lại hông biết sống chết ra sao, mình sẽ đi về đâu, lỡ có bề gì ba má phải làm sao mà sống, chị đã khóc hết nước mắt, dạ lên cơn sốt nhưng cũng đành buông xuôi cho số mạng. Thế là cuộc đời đưa đẩy, chưa trọn hai mươi tuổi đời, chị một mình lạc lõng ở một vùng trời xa quê hương hàng nửa vòng trái đất... số xa nhà, cây Tùng mọc hoang mà... chẳng ai chăm sóc, phải tự mình vươn lên chống chọi với phong ba bão táp của cuộc đời. Rồi chị gặp anh Hai. Rồi chị lấy chồng, sanh con, tưởng vậy được yên thân, yên phận. Nào dè gặp phải thằng chồng... Người ta nói đàn ông có ba cái thú. Một trà, một rượu, một đàn bà, trái lại nó trà cũng không ghiền, rượu cũng không uống, còn gàn đàn bà thì khúm núm như gà trống thiên... kê cũng như không luôn, nhưng có một cái không có trong ba cái thú của đàn ông nó lại ghiền mới chết. Đánh bài. Chị hông biết trong casino có cái gì quyến rũ làm cho nó chết mê chết mệt, bắt kể vợ con, bắt được chút tiền là đem vào đó nướng sạch, có lần nào thấy nó thắng mang tiền về đâu, vậy mà vẫn cứ đâm đầu vô đó, đánh gỡ cách nào hông biết, mười đầu ngón tay nó chai cứng còn hơn thợ đánh đàn. Phải chi nó ghiền cái khác, như rượu... nhậu xin xin về đời nằm sấp, nằm gừa... chị cũng có phần... đặng này...

Biết tách chồng, tiền bạc trong nhà chị nắm chặt. Hồi chiều hôm qua, thấy còn mấy bữa nữa tới hụi, sợ đầu năm ra tiền trong

năm sẽ ra tiền hoài, xui lắm nên mới nhờ chồng cầm tiền đi đóng hai phần hụi năm trăm chét ở nhà chị tư Hòa trước dùm, phần làm biếng, phần bận may cho xong sớm mớ đồ còn lại kịp giao cho người ta trước tết, để còn có rảnh dành chút thì giờ đi chợ búa mua ít đồ đem qua bên nhà bà già chồng phụ làm mâm cơm cúng rước ông bà như hằng năm, nghĩ bụng tiền này là tiền hụi sẽ không dám đụng đến đâu, nào dè nó vẫn chơi xả láng, nửa khuya xách túi không với bản mặt chét bầm về trình diện thử hỏi có sôi gan lên được hông. Thấy đi lâu, chị cũng đã nghi trong bụng, nhưng lỡ đưa mượn đi rồi biết phải làm sao. Càng nghĩ càng tủi thân, trách ba má sao không tránh né, sanh mình ra chi ngay tuổi Dần để phải lận đận thế này. Chị rung rung nước mắt và rồi êm đềm đi vào giấc ngủ... một giấc ngủ chập chờn. Chùng tỉnh dậy trời đã xế chiều, thấy bụng đói mới nhớ ra hồi sáng tới giờ mình chưa ăn gì, giựt mình nhớ tới hai đứa nhỏ hồng biết có ai cho ăn uống gì chưa? Giận chồng ai lại bỏ đói con, vội vàng xô cửa bước ra gọi con thì thấy hai đứa đang ngồi trên bàn ăn, nào ca ri gà, nào gà xé phay, nào thịt kho rệu, nào dưa cải chua, dưa giá, ôi thôi đủ thứ bánh chung, bánh tét, dưa hấu v.v.. chị cảm thấy yên lòng nhưng cũng hỏi:

- Mẹ quên mất, từ sáng giờ hai con ăn gì chưa?

Thằng lớn bập bẹ trả lời:

- Dạ! Tui con ăn no rồi mẹ, bà nội kêu chú Út đem qua, còn phần này, chú Út nói tui con đừng ăn, bà nội biểu để dành cho mẹ đó.

Hai chữ bà nội vừa phát ra từ cửa miệng còn hôi sữa của thằng con ập vào lỗ tai, chị Hai có vẻ tằn ngần đôi phút, rồi lặng lẽ ngồi vào bàn ăn, những thức ăn quen thuộc quê hương làm chị bồi hồi nhớ chuyện ngày xưa... Hồi đó, chị còn ở trọ nhà dì, mỗi lần nhà có giỗ quải má chị từ dưới quê làm gì làm thế nào cũng chừa phần mang lên thành cho chị, cũng những thứ như vậy, cà ri, thịt heo kho rệu. Bất giác nước mắt lăn dài trên hai má...

Anh Hai ngồi ngoài ghế sa long nãy giờ theo dõi từng hành động nhỏ của vợ. Con cọt cái hồi sáng bây giờ là con mèo tam thể dễ thương rồi, kinh nghiệm chiến trường cho biết thời cơ đã đến, không cần miệng lưỡi cũng thành công, anh lần mò đến phía

sau lưng vợ, đưa tay nắn nót đôi vai tỏ tình âu yếm, miệng thỏ thẻ êm ru rót vào tai chị:

- Anh bậy bạ quá, anh lại làm em buồn nữa rồi, anh thật đáng chết... em tha lỗi cho anh... anh hứa anh xin từ... anh sẽ không bao giờ làm cho em buồn nữa... anh xin thề...

Chi Hai gạt tay anh ra, nói ngắt ngang:

- Thôi đừng thề đừng thốt gì nữa hết rồi lại phạm, hồng phải chuyện giỡn chơi đâu, đừng có hể đụng chuyện là thề. Tui không muốn vì tui mà anh mắc tội với người khuất mặt. Nói thương tui, làm vậy tui buồn, biết vậy tại sao anh lại còn làm vậy?

Cúi xuống hôn má vợ một cái thật nồng ấm, thật tình tứ, rồi kéo ghé ngồi sát bên nắm lấy tay vợ định nói, nhưng chị đánh khẽ vào tay anh, la lên:

- Làm gì kỳ cục vậy? Muốn nói cứ nói tui nghe, để tui ăn chớ nắm tay nắm chun làm sao tui nuốt, bộ muốn tui bụng đói để nghe anh nói là no được sao?

Anh Hai cười dòn thừa thắng xông lên:

- Không phải vậy mà, thấy em bớt giận anh mừng... Nghĩ lại già đầu rồi sao anh còn ngu quá đỗi. Ngày hôm qua định mang tiền vào casino kiếm thêm chút đỉnh để em có thêm gởi về ba má và mấy em bên quê nhà ăn tết, nào dè trời lại phụ người ngay. Muốn cho em vui lại làm em buồn, anh ân hận quá.

Miệng không móc câu mà câu nói nào của anh cũng móc vào tin gan chị, nhất là lo cho ba má nơi quê nhà. Chị cười méo xẹo miệng, hắt hàm:

- Ai mượn. Nói nghe phát ghét! Tiền làm trầy vi tróc vảy giữ chưa được nói chỉ tới của rơi của rớt bên ngoài. Đừng hồng. Hôn nữa, tiền đó gởi về cho ba má tui có nghĩa lý gì.

Sợ nhắc tới tiền bạc một hồi con vợ lại tiếc của nổi tam bành lên nữa là khổ thân, nên anh đánh trống lảng:

- Hồi nãy má kêu anh qua bên rầy quá cỡ rồi cho tiền đóng hụi...

Tưởng mình nói vậy là vượt giận được con vợ, nào ngờ chị

Hai đang ăn ngon trớn, buông đũa tròn tròn đôi mắt:

- Rồi anh lấy?

- Anh không lấy, nhưng má bắt phải lấy nên anh đành...

Trời ơi là trời! thằng chồng của tui... hể thấy tiền là thò tay chộp bỏ túi chớ chẳng biết gì hết, chị kêu trời như bọng. Hình ảnh ngơ ngác của bà già chồng hiện ra mồn một trước mắt, những lời lẽ nặng nề, hỗn hào ban sáng trong con nóng giận chồng, nhất thời kèm hăm không được chị đã đổ trút lên đầu bà. Bây giờ bình tâm nghĩ lại thấy mình sao quá đáng. Trường hợp chị mà bị như vậy chắc chắn chị đập cho nó một trận nên thân, đuổi ra khỏi nhà rồi từ luôn chớ ở đó cho tiền, cho ăn cho uống. Đằng này chẳng những không giận, không hờn không trách, còn đem đồ ăn qua cho mẹ con chị, còn cho tiền. Phải chi bà kêu chồng chị qua mắng một trận rồi biểu mày về mà dạy lại vợ con, để nó ăn nói hỗn hào không biết kẻ trên người dưới chị còn cảm thấy nhẹ nhàng. Niềm ân hận dâng trào như con sóng lớn đánh thẳng vào lồng ngực, đôi dòng nước mắt lại chảy dài trên má... Quay sang chồng, chị thúc giục:

- Anh mau mau thay đồ qua bên má liền với tui.

Nhìn vẻ mặt nóng nảy hấp tấp của vợ lúc này thấy thật đáng yêu làm sao, giá mà không có hai đứa nhỏ ở đây, anh sẽ dìu chị vô buồng mà ca “xin cho anh được một lần... yêu thương vợ chồng...” để mai kia lỡ có “nghìn trùng xa cách... mình cũng yêu rồi”...

Trừu mền nhìn vợ, anh nhỏ nhẹ:

- Dù gì trời cũng đã tối. Để sáng ngày may mừng một tết, mình dẫn hai con qua mừng tuổi bà nội luôn thể...

\* \* \*

Trời hừng sáng, bắt đầu ngày mới của một năm mới, ánh nắng dịu hiền mùa xuân rọi vô buồng xuyên qua cửa sổ, chiếu nghiêng nghiêng lên giường làm chị Hai tỉnh hẳn sau một đêm dài trần trọc với niềm ân hận vô biên. Bâng khuâng không biết chút nữa phải nói làm sao đây khi gặp mặt bà già chồng. Nhưng

rồi chị nghĩ dù có làm có tỏ gì đi nữa cũng hồng qua thành thật, lòng thành của chị chắc chắn bà má chồng nhân đức hiếm có trên cõi đời này am hiểu, nghĩ vậy chị an lòng phần nào...

- Má ơi! Má ơi dậy chưa? Mau ra mở cửa, đầu năm vợ chồng tụi con dẫn hai đứa nhỏ sang mừng tuổi má.

Anh Hai gõ cửa cất tiếng kêu... dường như linh tính báo trước cho bà biết, bà cụ cũng đã chuẩn bị sẵn sàng đầu đó từ khuya. Cánh cửa bật mở, chị Hai sà vào ôm chầm lấy bà khóc nức nở:

- Xin má tha lỗi cho con. Con thiệt đáng chết, xin má tha lỗi cho con...

Bà Năm âu yếm vỗ nhẹ lên vai con dâu:

- Đầu năm xông nhà cho má mà con làm gì kỳ vậy? Má có bắt lỗi bắt phải gì con đâu mà tha với hồng tha. Chuyện chén đĩa va chạm nhỏ nhặt trong nhà, qua được cho qua luôn má đâu có để tâm đâu mà con nhắc làm gì. Mau mau vô nhà đặt hai đứa nhỏ mừng tuổi bà nội, má còn lì xì cho cháu nội má mau lớn khôn, học giỏi nữa.

Tuy bà đã nói vậy, nhưng chị Hai vẫn ôm cứng lấy bà thút thít khóc:

- Tội hôn hào của con lớn lắm. Má rầy con một tiếng đi, mắng con một tiếng đi, cho con nhẹ lòng...chớ má yêu thương không, làm con cảm thấy hình như có cái gì vô hình đè nén trong lòng, khó mà diễn tả được lắm má ơi...

Hai trái tim của mẹ chồng nàng dâu đang cùng nhau hòa tấu một đoạn khúc yêu thương. Bà Năm nắm lấy tay nàng dâu, dẫn tới sa long ngồi xuống rồi nói:

- Ngồi xuống đây đi con. Con nói vậy má mới nói. Riêng ai sao má hồng biết, chớ riêng má thì con nào cũng là con, không phân biệt dâu rể. Thấy các con vui má vui. Thấy các con hạnh phúc, má mừng...

Nói tới đây, bà quay sang qua anh Hai hỏi:

- Thăng Hai mấy biết hạnh phúc là gì hôn?

Anh Hai nhột nhạt tưởng bà muốn nhắc tới chuyện ăn cắp tiền vợ đi đánh bạc của mình hôm qua, cúi đầu ấp a ấp úng tỏ vẻ bẽn lẽn. Nhưng không. Bà nói tiếp:

- Hạnh phúc của các con là cái mà các con đang có trong tay đó, tốt xấu gì cũng là của mình, phải nhận biết và chấp nhận, được vậy thì hạnh phúc sẽ êm ả mà ở với mình, bằng không sẽ bay đi vượt mắt, khó tìm lại được. Má nghĩ vậy thôi. Má nói ít mong rằng các con hiểu nhiều, hành xử với nhau cho vẹn tình vẹn nghĩa, đó cũng là nguồn vui của má... Gia hòa vạn sự hưng...

Bà nói tới đâu, chị Hai cười lòng tới đó. Bấy lâu nay chị đã được bao bọc, che chở bởi miếng vàng y quý giá mà chẳng hề nhận biết, sém chút nữa tự tay mình quăng bỏ nó đi... Đâu cũng là phước phần của cây Tùng Bá mọc hoang trước cổng chùa... Chị thò tay lần vào trong túi áo, lấy ra một phong thư, ân cần trao cho bà Năm rồi nói trong nước mắt:

- Tình thương của má dành cho tụi con quá lớn, con xin nhận...nhưng cái này con xin được hoàn lại cho má. Bồn phận tụi con bây giờ là phải lo cho má chớ lòng dạ nào lại xài tiền của má... con làm hỏng được...

Chị nói chưa dứt câu, bà Năm xua tay:

- Con hãy giữ lấy mà dùng. Má lớn tuổi rồi có xài bao nhiêu. Tiền phải biết sử dụng đúng thời đúng lúc, và đây là lúc má cần phải xài chớ ôm bo bo trong mình chết có mang theo được đâu. Con đừng ngại, khi nào cần má sẽ nhờ đến tụi con.

Chị Hai cảm động ôm cứng lấy bà để cho hơi ấm tình thương của mẹ Việt Nam lan tỏa khắp châu thân. Ôi! Mẹ Việt Nam muôn đời, lúc nào, dù hoàn cảnh nào vẫn thế...cả đời tận tụy lo lắng cho con...vì con...

Thằng Út lấp ló sau nhà khẽ ngoắc anh Hai ra hỏi nhỏ:

- Mới sáng hôm qua, trông chỉ chẳng khác nào sư tử Hà Đông, anh làm gì mà sáng hôm nay chỉ lại hiền như ma sơ hay



quá vậy?

Anh Hai đắc ý tùm tùm cười, đưa hai ngón tay lên đan hình chữ V tỏ vẻ tự mãn:

- Nghề của chàng mà em...

Ngoài đường nhà nhà người Việt đang cùng nhau chúc mừng năm mới. Thêm một xuân nữa tha hương nhưng đượm tình dân tộc, cũng đầy đủ bánh tét, bánh chưng, dưa hấu, cá kho... Bánh mứt ê chề, mặc sức mà mua biếu nhau, làm giàu thêm cho mấy chú Ba Tàu bụng phệ...

Mười Trí



*Một góc của Công viên Lạc Hồng, 1969. Ảnh: Internet*

# A N H và T Ô I

Trần Thị thịnh

**M**ột hôm dừng xe để đổ xăng, tình cờ một anh Mỹ trắng chào và hỏi tôi:

- Xin lỗi, cô người Việt?

- Dạ, hân hạnh được biết anh!

- Khoảng năm 1968-1969 tôi từng đi đánh giặc ở VN, thấy người ta chết nhiều lắm, sao cô còn sống? Cô qua đây được bao lâu rồi?

- Hơn 10 năm rồi. Sao anh hỏi tôi như vậy? Chẳng lẽ người Việt nam chúng tôi chết hết sao? Theo tôi, những người ra trận như anh, dễ chết hơn mà còn sống, còn tôi, phải được sống chứ, và nhờ vậy mới gặp anh hôm nay!

- Tôi thấy dân thường chết nhiều lắm... tôi rất đau lòng... và cũng may, tôi được trở về....

Hai người qua lại một hồi, đổ xăng xong họ giả từ... Mười năm rồi... giờ nhắc lại mình cũng buồn không ít phải không các bạn? Một sự "nồi da xáo thịt" giữa anh em với nhau sống lại trong tôi:

*Bao nhiêu năm đắm chìm trong khói lửa,  
Tang thương này chan chứa ngập quê hương*

.....

Một câu chuyện hết sức thương tâm của một người anh. Sau khi đậu Tú Tài Hai trường Nguyễn Đình Chiểu, anh vào huấn luyện tại trường Sĩ Quan Võ Bị Thủ Đức. Ra trường, anh thường dẫn lính đi hành quân những vùng sâu của Cao Lãnh! Vì là Thiếu tá chỉ huy trưởng nên anh đóng quân ở tiền đồn, còn lính

anh thì hành quân vào vùng sâu hơn. Một hôm, máy bay trực thăng bỏ thức ăn xuống tiền đồn anh. Hai anh lính mượn máy cày để chở thức ăn vào cho các anh em.

Hai anh lính khuyên anh đừng đi, nguy hiểm lắm, vì đây không phải bồn phân của anh, hãy ở đây giữ đồn đi, thế mà anh không chịu nghe vì anh cũng muốn thăm lính của mình. Thế là anh cùng với hai anh lính và ông chủ máy cày tải thức ăn đi.

Không biết đi được bao xa, chiếc máy cày tình cờ chạy ngang qua quả mìn cố tình đã gày sấn, nổ tung lên... Thế là chiếc máy cày và ông chủ máy cày vô tội cùng ba anh chiến sĩ phải... ra đi!

Sau khi làm lễ tại Tỉnh đội Cao Lãnh, quan tài của anh được đem về quê nhà Mỹ Tho an táng, nhờ một chiếc GMC của Tỉnh Đội đưa dùm. Thật khó khăn làm sao! Con đường làng quá nhỏ. Dù chạy chậm, thỉnh thoảng xe cũng bị nghiêng làm quan tài phải rơi xuống ruộng. Chết rồi mà vẫn không yên! Té lên té xuống hoài! Tội nghiệp anh quá! Cuối cùng đoàn người trên xe phải xuống hết, mọi người xúm nhau khiêng quan tài, khoảng đường dài khoảng gần 2 km.

" Bóp! Bóp! Bóp!"

Một loạt súng dòn dã chỉ thiên của các anh CS từ bên trong vườn nổ lên vang vọng cả bầu trời, như để tiễn đưa một anh chiến sĩ về bên kia thế giới: *thế giới của an bình!*

Bầu không khí ảm đạm thê lương của một đám tang biến mất!

Mọi người ngạc nhiên. Im lặng... rồi không ai nói với ai một lời nào... nhìn xuống đất để cầu nguyện! Hay để suy nghĩ và cũng vui vui trong lòng. Có lẽ mọi người đều có một cảm nhận chung rằng: *dù "anh" hay "tôi" đến giây phút cuối cùng vẫn thương yêu nhau và quên hết hận thù.*

Trần Thị Thịnh



# BIỆT ĐỘI THIÊN NGÀ

**Nguyễn Thanh Thủy**  
**Cựu Biệt Đội Trưởng Thiên Nga**  
**(Khối Đặc Biệt-Bộ Tư Lệnh CSQG)**



*Tác giả Nguyễn Thanh Thủy, nguyên là cựu học sinh trường Trung Học Nguyễn Đình Chiểu và Nữ Trung Học (trường Trung Học Lê Ngọc Hân) niên khóa 1955-1962. Tác giả thi đỗ vào Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia và tốt nghiệp Khóa I Sĩ Quan Cảnh Sát năm 1966, sau đó phục vụ tại Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát với cấp bậc Thiếu Tá Cảnh Sát Đặc Biệt và là Biệt Đội Trưởng Biệt Đội Thiên Nga. Thiếu Tá Nguyễn Thanh Thủy ghi lại quá trình hình thành, mục đích và hoạt động của*

*Biệt Đội Thiên Nga nhằm góp phần giúp các bạn hiểu rõ hơn về nhiệm vụ của Biệt Đội và những nữ chiến sĩ Cảnh Sát Quốc Gia. Thiếu Tá Nguyễn Thanh Thủy đã phải trải qua 13 năm tù cải tạo và được định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1992.*

**B**iệt Đội Thiên Nga ra đời trong những năm cao điểm của cuộc chiến tranh bảo quốc của quân dân miền Nam đối với bọn xâm lược Cộng Sản phương Bắc. Sau năm 1954, nền đệ nhất Cộng Hòa đã được hình thành ở miền Nam Việt Nam, do đó, lực lượng Cảnh Sát Quốc Gia cũng được củng cố lại để lo an ninh quốc gia và bảo vệ mọi tầng lớp dân chúng. Thành phần nữ nhân viên trong lực lượng Cảnh Sát vẫn còn được sử dụng hạn chế trong các phần vụ như: văn phòng hành chánh, kiểm soát tài nguyên, cảnh sát an ninh phi cảng, hải cảng, cảnh

sát ngoại kiều, tiếp tân, trại giam, giáo dục v.v... Những nữ nhân viên này được tuyển dụng tùy theo nhu cầu công tác, theo từng giai đoạn, chứ chưa có một trường lớp chính quy nào, v.v...

Mãi cho đến cuối năm 1965, Chính Phủ Việt Nam Cộng Hoà mới mở một Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia, nhận thi tuyển cả nam và nữ sinh viên Sĩ Quan Cảnh Sát. Điều kiện tối thiểu về trình độ học vấn là có bằng cấp Tú Tài I trở lên. Sau khi tốt nghiệp, các nữ Sĩ Quan Cảnh Sát được phân phối về Tổng Nha Cảnh Sát, Khối Đặc Biệt và một số ít được phân phối về các Nha, Tỉnh thuộc bốn vùng chiến thuật của miền Nam Việt Nam.

Sau hai lần đẩy lui các cuộc tổng tấn công của Việt Cộng vào miền Nam Việt Nam trong Tết Mậu Thân và tháng 5-1968, Chính Phủ Việt Nam Cộng Hòa cần tăng cường lực lượng cảnh sát trong việc bảo vệ an ninh đất nước, ngăn chặn Việt Cộng xâm nhập miền Nam Việt Nam bằng đường bộ cũng như đường thủy. Vai trò cảnh sát được đặt nặng và quan trọng hơn, đặc biệt là sự cần thiết để có một tổ chức toàn những nữ cảnh sát để hoạt động trong công tác tình báo, hoạt động riêng rẽ hay phối hợp với các công tác của nam cảnh sát đang hoạt động.

Tháng 8-1968, do một sự vụ văn thư của Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, quyết định thành lập một tổ chức toàn là nữ nhân viên, có tên gọi là: “Biệt Đội Thiên Nga”, trực thuộc Khối Đặc Biệt thuộc Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát Quốc Gia, hoạt động độc lập, song song với các tổ chức đã được thành lập trước đó. Nhiệm vụ của Biệt Đội Thiên Nga là sưu tầm, phân tích tin tức, tổ chức xâm nhập và phá vỡ các tổ chức, các hạ tầng cơ sở của Việt Cộng tại thủ đô Sài Gòn cũng như tại các tỉnh địa phương trên toàn miền Nam Việt Nam.

Công việc khởi đầu gặp rất nhiều khó khăn, từ vấn đề tuyển mộ, đào tạo nhân viên... cho đến công tác tìm đầu mối, xây dựng cơ sở, giám thị, v.v...

- Biệt Đội Thiên Nga Trung Ương có văn phòng tại Khối Đặc Biệt.

- Biệt Đội Thiên Nga Thủ Đô và 11 quận có văn phòng tại Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quận Đô Thành.

- Biệt Động Thiên Nga Vùng I, II, III, IV và tại các tỉnh trên toàn quốc từ Quảng Trị đến Cà Mau

Biệt Động Thiên Nga Trung Ương có 4 ban: Ban Hành Chánh, Ban Tổ Chức Phát Triển, Ban Huấn Luyện và Ban Hoạt Vụ. Nhiệm vụ của Thiên Nga Trung Ương là thành lập cơ sở văn phòng, tuyển mộ nhân viên, tổ chức huấn luyện, tìm đầu mối, phát triển công tác. Đồng thời, Biệt Động Thiên Nga Trung Ương đôn đốc và hướng dẫn các Bộ Chỉ Huy Cảnh Sát Quốc Gia, thành lập Biệt Động Thiên Nga địa phương ở 11 quận Đô Thành và tại các tỉnh. Biệt Động Thiên Nga địa phương tuyển mộ nữ nhân viên gửi về Biệt Động Thiên Nga Trung Ương ở Sài Gòn để đưa đi thụ huấn các khoá học tình báo tại trường Tình Báo Trung Ương. Các phụ nữ được tuyển mộ phải có ít nhất là văn bằng Trung học Đệ nhất cấp hoặc cao hơn, ngoại trừ các quả phụ của Cảnh Sát không đòi hỏi điều kiện văn bằng như trên, nhưng ít nhất phải có bằng Tiểu học.



Các nữ nhân viên được tuyển lựa này gồm đủ mọi lứa tuổi, mọi thành phần khác nhau trong xã hội: có thể là người bán rau cải ở chợ, bán hàng rong, bán vé xe bus, nhân viên bưu điện, điện lực, thư ký văn phòng, học sinh, sinh viên, cô giáo và vũ nữ, v.v... Các nữ nhân viên lần lượt được học qua các lớp Tình báo căn bản (4 tuần), Theo dõi (6 tuần), Cán bộ điều khiển (8 tuần)... và đặc biệt là khoá tác xạ tại trường Tình Báo Trung Ương. Khóa sinh phải đủ điểm cho lớp trước mới có thể lên lớp kế tiếp. Trong thời gian thụ huấn, các khóa sinh phải ở nội trú và mang bí số.



Việc giảng dạy do các Giảng viên Tình báo phụ trách, còn giám thị do các nhân viên Thiên Nga Trung Ương đảm nhận. Các khóa sinh sau khi thụ huấn chuyên môn trở về đơn vị tại các địa phương, nơi đã gởi đi học, và bắt đầu nhận công tác do các ngành Đặc Biệt phân nhiệm. Công tác trực thuộc sự hướng dẫn của phụ tá Đặc Biệt địa phương và báo cáo thành quả công tác về Thiên Nga Trung Ương.

Tại Trung Ương, ngoài các lớp kể trên, các nữ nhân viên Thiên Nga còn theo học các lớp kỹ thuật như: nhiếp ảnh (chụp hình bí mật), học lái xe gắn máy và xe hơi, một số được học thêm các lớp thâm vấn. Biệt Đội Trưởng, phụ tá Biệt Đội Trưởng Thiên Nga Trung Ương và các Cán Bộ Điều Khiển đều là nữ Sĩ Quan Cảnh Sát tốt nghiệp khoá I Học Viện Cảnh Sát Quốc Gia. Riêng Biệt Đội Trưởng và Phụ Tá đã tốt nghiệp thêm khóa Trường Phòng Đặc Biệt tại trường Tỉnh Báo Trung Ương vào năm 1967

Ngoài các nữ Sĩ quan và nhân viên Cảnh Sát chính thức, Biệt Đội Thiên Nga còn sử dụng một số rất đông nữ hồi chánh viên, nữ can phạm chính trị, các công nhân hăng, xưởng, nhân viên các cơ quan chính phủ (ngoài cơ quan cảnh sát), các bạn hàng chợ, các học sinh sinh viên trường trung học và đại học... để làm mật báo viên cho Biệt đội. Số cộng tác viên gấp nhiều lần số nhân viên chính thức.

Các nhân viên Trung Ương đi công tác hoạt vụ đều có học khóa chuyên môn tình báo để được hướng dẫn rõ ràng chi tiết công tác họ phải đảm nhận cũng như cách thức bảo vệ an ninh tối đa cho họ. Các nữ nhân viên hoạt vụ đều có bí số và bí danh. Tùy vào công tác, họ được tạo cho một nguy tích với tất cả giấy tờ tùy thân và lý lịch mới.

Nhằm mục đích nhu cầu bảo mật công tác, Biệt Đội Thiên Nga Trung Ương có những kiosque buôn bán lẻ, có điện thoại công cộng để làm nơi liên lạc (hộp thư sống và chết), v.v. và một nhà an toàn làm nơi tiếp xúc với tình báo viên, mật báo viên, nhất là tình báo viên từ mật khu về. Vì là Biệt Đội tình báo nữ mang tên loài chim Thiên Nga, nên mỗi kế hoạch công tác đều có ám danh của một loài chim khác như Sơn Ca, Hoạ Mi, Hải Âu, Hoàng Oanh, Hoàng Yến, v.v... Còn các công tác phối hợp với các cơ quan bạn thì dùng ám danh của sông núi như Trùng Dương, Trường Sơn, v.v... Do sự thay đổi cơ cấu của Khối Đặc Biệt và để thích ứng với tình hình chính trị phức tạp nên cuối năm 1972, Biệt Đội Thiên Nga mang ám danh mới: Đoàn Đặc Nhiệm G423g để bảo mật hoạt động.

Song song với việc xây dựng tổ chức, đào tạo nhân viên, Biệt Đội Thiên Nga Trung Ương luôn nỗ lực tìm đầu mối, lập kế



hoạch công tác, tìm cách xâm nhập, len lỏi vào các hội đoàn Phụ Nữ Việt Nam, hội đoàn bạn hàng các chợ, hội Phụ nữ đòi quyền sống, các lực lượng đấu tranh thuộc thành phần thứ ba, các thành phần tôn giáo khuynh tả có Việt Cộng xách động, các tổ chức sinh viên học sinh đấu tranh thân Cộng Sản để kịp thời ngăn chặn những tên Việt Cộng nằm vùng, triệt phá những âm mưu có nguy hại cho an ninh quốc gia. Không những thế, Biệt Động Thiên Nga còn xâm nhập vào tận mật khu của Việt Cộng để thu thập tin tức tình báo góp phần tiêu diệt các cơ sở đầu não của Cộng Sản.



Nhìn lại quá trình công tác của các nữ nhân viên Thiên Nga, phải thừa nhận rằng công việc của họ rất nguy hiểm, tính mạng lúc nào cũng bị đe dọa. Qua các tài liệu tịch thu được của Việt Cộng, sau những thất bại nặng nề, chúng rất đề cao cảnh giác “nữ Thiên Nga”. Việt Cộng luôn tìm cách ám sát những ai chúng nghi ngờ là nhân viên Thiên Nga. Còn các nhân viên Thiên Nga len lỏi vào các hội đoàn tham dự các cuộc biểu tình, tuyệt thực, chống đối nên cũng phải chịu “hương” hơi, cay, dùi cui của Cảnh Sát. Các chị em Thiên Nga còn phải hy sinh những tình cảm riêng tư, thời gian dành cho gia đình, vượt qua nhiều khó khăn trở ngại để làm tròn bổn phận công dân yêu nước đấu tranh cho lý tưởng tự do.

Thật khó có thể ghi lại hết những chiến công thâm lặng của các nữ chiến sĩ tình báo Thiên Nga, tuy vậy những công tác sau đây là ví dụ điển hình về các hoạt động của Biệt Đội Thiên Nga.

Một trong các công tác mà Việt Cộng vẫn còn tức tối là việc cung cấp lương thực thực phẩm cho phái đoàn Quân Sự Bốn Bên vào hợp tại trại David, Tân Sơn Nhất, Sài Gòn. Mặc dù chúng nghi ngờ nên chúng đề nghị chọn nhà thầu cung cấp thực phẩm cho hai phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (tức CS Bắc Việt) và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nhưng cuối cùng nhà thầu chúng chọn lại là của Biệt Đội Thiên Nga. Công tác này mang ám danh là Trùng Dương, hoạt động cho đến ngày cuối cùng 28-04-1975.

Công tác mang ám danh là Hải Âu đã cài được một nhân viên Thiên Nga vào Hội đoàn phụ nữ đối lập và tạo được niềm tin nên được Việt Cộng chọn đi học lớp tình báo chung với chúng.

Công tác len lỏi vào Hội phụ nữ đòi quyền sống, hoạt động chung với một cán bộ nằm vùng. Mãi đến sau 1975, tên nữ cán bộ mới biết đến người thư ký của Ban Xã Hội là nhân viên Thiên Nga. Lúc ấy tên nữ cán bộ là Đại úy Công an tức tối đề nghị gia tăng 6 tháng tù trong khi chị nhân viên Thiên Nga đã có giấy ra trại. Công tác này mang ám danh Hoạ Mi.

Trong 5 năm liền, một nữ Huyện uỷ viên của Việt Cộng đã hợp tác với Biệt Đội Thiên Nga. Sau 30-04-1975, chị vẫn giữ chức Huyện uỷ của một Huyện gần Saigon. Cho đến sáu tháng sau đó, Việt Cộng mới truy ra được từ hồ sơ còn sót lại ở địa phương, nên đã khai trừ chị khỏi Đảng Cộng Sản và giam chị ở Chí Hoà. Chị đã may mắn không bị chúng xử tử hình. Sau tôi gặp lại chị ở trại Hàm Tân, chị mới vỡ lẽ tôi - người tên Năm tiếp xúc với chị năm xưa - là Thiếu Tá Biệt Đội Trưởng Thiên Nga. Công tác này được mang tên Hoàng Oanh.

Các công tác, hoạt động của Thiên Nga càng thành công tốt đẹp bao nhiêu thì Việt Cộng càng tức tối lên án, càng đề cao cảnh giác với nhân viên Thiên Nga. Do đó những bản án không

xét xử trả thù hèn hạ dành cho các nữ nhân viên Thiên Nga của Cộng Sản là từ 3 năm đến 13 năm trong các trại tù “cải tạo”. Tuy vậy các chị em nhân viên của Thiên Nga vẫn hãnh diện, giữ vững nhân cách, lập trường, vượt qua những gian lao của năm tháng tù đầy.

Tôi rất xúc động khi phải nhắc lại quá khứ của Biệt Đội Thiên Nga, với những anh thư đã đem hết những hăng say, nhiệt tình, tinh thần chống Cộng mãnh liệt của tuổi trẻ, hiến dâng để bảo vệ đất nước miền Nam Việt Nam. Tôi rất hãnh diện về Biệt Đội Thiên Nga, các nữ nhân viên từ Hạ sĩ quan đến Sĩ quan, cùng các cộng tác viên đã giữ trọn khí tiết trong lúc sống khổ sở trong lao tù hay trong sự kềm kẹp của chế độ Cộng Sản ngoài xã hội, sau khi được thả về. Tôi mong ước một ngày gần đây những nữ Thiên Nga hải ngoại sẽ gặp lại các bạn Thiên Nga còn ở lại Việt Nam, tay bắt mặt mừng trong niềm vui thấy đất nước thật sự có tự do dân chủ.

Tôi viết bài này, cũng mong quý bạn có cái nhìn rõ hơn về người Cảnh Sát Quốc Gia, trong đó có những nữ Cảnh Sát, những chị bán hàng, những anh chị em sinh viên... đã có một thời hiến dâng máu xương cho đất nước.

Cuối cùng xin được thắp một nén hương lòng cho những Thiên Nga đã hy sinh trước và sau ngày 30-04-1975 trên khắp mọi nẻo đường Việt Nam

Nguyễn Thanh Thủy



# HÒM DƯỠNG SINH

**Phùng Nhân**

**B**à ngoại tôi với tuổi già như ngọn đèn dầu bắc lụn, nên cha của tôi lo lắm. Sợ lỡ khi ngoại chết ngộ bất cập thì phải bó vạc đem chôn. Rồi ngày tháng cứ mỗi mòn trôi qua trên tuổi già còm cõi, cho tới một ngày kia cha tôi mới bàn với má, là mình phải hạ cây vòng đồng này xuống để cưa ván đóng hàng. Chớ thời buổi chiến tranh này, người chết như vầy thì làm sao có đủ hàng rương để mà chôn cất!



*Phùng Nhân*

Ngày đó tuổi thơ của tôi bị tiếng súng đim đi trong cơn sợ hãi. Tôi còn cõi với lứa tuổi 12, chỉ biết chần trâu và làm ruộng, nhưng tôi lại có một sức mạnh lạ kỳ. Cha tôi tay riu, còn tôi tay búa. Chỉ trong vòng nửa buổi, thì cây vòng bị hạ xuống giữa tiếng thở phào nhẹ nhõm của má tôi...

Những đường cưa vang lên trong xóm vắng, hoà lẫn với tiếng súng trường, súng mortier, súng phóng lựu đã tạo nên một không khí tiêu điều buồn bã. Trong khi đó thì má tôi lo nấu nước pha trà, bởi cha tôi lúc này ghiền trà rất nặng. Thiếu trà cha tôi không làm được gì cả, còn tôi thì lo giạt cây đóng nóng chành tách đường cưa. Những mạt cưa rơi xuống lấp kín mặt bùn, đã bị gót chum của tôi đi tới đi lui vữa ra chắc cũng làm má tôi vui lên đôi chút, khi thấy đứa con trai của mình cũng dễ dạy siêng năng.

Khi cái hàng vừa mới đóng xong, cha tôi xoa hai bàn tay vào nhau dường như để phủi sạch hết những ưu phiền. Bởi hình ảnh của một người già, và một cái hàng không thể thiếu trong một kiếp người, đó là điều tất nhiên phải tới, nhưng không phải người nào cũng có đủ bình tĩnh để đón nhận nó đâu. Cha tôi đi lại cây tủ thờ, giở lư hương lấy ra cái nhãn bánh in, rồi lật ngược trở lại viết ba chữ “Hàng Dưỡng Sanh” đem dán lên trên đầu nắp. Xong xuôi đâu đó rồi mời Ngoại tôi chóng gậy tới coi, trên gương mặt của bà Ngoại tôi lại nở một nụ cười thoải mãn. Bởi cuối nẻo đường đời con người phải mặc áo quan, đó là một điều bắt buộc, cũng như những tập tục đã có trước tự ngàn đời.

Ngày đó Ngoại tôi thân nhiên đón nhận, lại còn căn dặn má tôi khi chôn xong, đến ngày mở cửa mả phải lựa cho được một con gà mái giò, cột vào cây mía lau có chừa đọt. Nhớ kéo cho đủ ba vòng, và chọc cho con gà kêu lớn, để cho vong hồn người chết được đầu thai. Chớ còn không thì cơm canh tụi bây bày ra cúng kiến, tao không có chứng được à ghen. Còn con gà thì để nuôi làm giống, cái thứ gà mở cửa mả để sai mà không chết dịch...

Rồi Ngoại tôi chết trong sự êm ái nhẹ nhàng như một chiếc lá vàng rơi, không gây ra tiếng động. Cái chết đến chậm chậm từ nơi bàn chun lên tới bụng, rồi ngực, sau đó thì tới trái tim ngưng đập như một quả lắc hết dây thieu.

Trong khi đó thì má tôi ràn rụa nước mắt, rồi ngắt đi trong những tiếng nấc nghẹn ngào. Nhưng gương mặt của Ngoại tôi, thì rất là thanh thản trong lúc ra đi, vì đã ở trần gian bao nhiêu năm đó cũng đủ rồi. Bây giờ tới lúc phải đi về với tổ tiên, vì nơi đây là cõi tạm...

Đám ma Ngoại tôi trong cảnh tiêu điều, xóm chòm họ cũng đi lại chia buồn, nhưng rất sợ cái đồn lính Tây đóng trên chỗ chợ ngã tư. Hễ nó thấy dân chúng tụ tập lại đông, là nó xả súng máy bắn vẫy vào mà không hề động lòng thương xót.

Những tràng súng trung liên như FM đầu bạc, đã cài vào đầu sãng trên nắp quan tài. Dường như đó là dấu hiệu của thực dân Pháp sắp rút khỏi Đông Dương, nên chúng điên cuồng không còn biết một chút gì là lòng nhân đạo.

Tôi bước qua tuổi 13, bắt đầu ý thức được cuộc đời, tôi ham đọc Tây Du Ký, Tam Quốc Chí, Thủy Hử. Tôi đã hiểu lờ mờ nhân vật Tống Giang, nhưng tôi làm sao biết được những gì mà cổ nhân đã cố tình gói gắm ước vọng vào trong những tác phẩm này, dù đó là truyện của bên Trung Quốc. Vì vậy mà tôi học ngay trên lưng trâu, trên luống cày, khi bê mạ. Tôi học trong lúc đói bụng uống nước là chờ com, trong những cơn trèm mên vì sốt rét!

Sau này lên Sài Gòn, đêm tôi đi gánh nước mướn, ngày đi học. Mỗi chữ ở trong tâm não, là mỗi giọt mồ hôi. Tôi không có ngày đến trường, và cũng không có ngày rời mái trường để làm kỷ niệm. Mà tôi chỉ học theo sức lao động của đôi vai, của cặp thùng gánh nước. Của ý chí con người, sợ dốt sợ ngu. Bởi những tiếng la rầy át giọng của mấy bà đầu nậu nơi vòi nước phong tên, của những tấm lòng long đong căng lều ngủ ở gầm cầu giá lạnh.

Gót chân của tôi chai sần trên đường trưa nóng bỏng, khi nhựa đường chảy ướt dính bánh xe. Khi mọi người quay quần bên mâm com, còn tôi thì phải oằn mình theo cây đòn gánh. Tôi thấy đời sống quanh đây, đây đây những chuyện ưu phiền.

Com áo mưu sinh làm cho con người nhụt chí, làm cho con người hèn hạ nhỏ nhoi trong xã hội. Tôi bị bao cái bắt công giáng xuống trên đầu, xã hội đương thời cố tình dí tôi vào ngõ cụt, không lối thoát, hết đường cựa quậy. Tôi đi lính, chỉ có vậy thôi. Bởi lứa tuổi thanh niên, sanh ra trong thời chiến. Chỉ có mặc đồ trận, thì mới hết bị người ta xét giầy tùy thân, và làm nhục giữa đường...

Nhưng cuộc đời của tôi sao đầy bất hạnh, ăn chưa hết giẻ com cháy thì lại bị thương. Một thương binh loại 3, với cấp độ tàn phế vĩnh viễn là 50%. Nhưng tôi từ chối cầm dùi chiếm đất bất hợp pháp cất nhà trên lề đường, vì tôi là lính, nên tôi phải tôn trọng kỷ luật, dù khi đó tôi đã giải ngũ với tấm thân tàn phế tật nguyền...

Tôi bắt đầu cuộc sống bằng tự lực, cộng với đồng lương thương phế binh. Tôi bắt đầu tập viết lách, cộng tác với một vài tờ báo địa phương và một vài tờ báo ở Sài Gòn. Rồi ngày 30/4/1975 ập đến, tôi ngơ ngác không biết mình phải chạy trốn ở

đâu. Tôi đi trình diện ở Phường, rồi tôi bị bắt đi học tập cải tạo tư tưởng vì có bài viết đăng trên mặt báo.

Ngày tôi ra khỏi nhà tù, là ngày má tôi đang hấp hối. Khi xưa tiếng súng cuối mùa của thực dân Pháp giã dụa trên đất nước Việt Nam, thì Ngoại tôi ráng chống gậy dò ra để được rờ vào cái hàng dưỡng sanh trước khi nhắm mắt, mà cha tôi và ông thợ mộc đã hồi hả đóng xong chưa kịp trét dầu chai. Còn hôm nay, má tôi đang nằm thờ thoi thóp dưới bàn tay Cộng Sản, đời tôi sao phải chứng kiến lăm cảnh bẽ bàng. Đôi mắt má tôi càng nặng trĩu u buồn, và thậm mớ ước có một cái hàng dưỡng sanh mà không dám nói. Cho dầu cái hàng đó có đóng bằng cây tạp cũng được, miễn gói kín thân xác cho con cháu khỏi cảnh đau lòng, nhưng má tôi lại dấu kín niềm mớ ước đó trong tâm!

Lòng tôi đau như muối xát, một thương binh của thời Việt Nam Cộng Hoà, một tù nhân của thời Cộng Sản. Bây giờ thì tôi còn gì! Ngoài tấm lòng thương đối với má tôi. Vợ tôi dường như hiểu ý, lo chăm sóc tắm rửa cho con heo nái tơ để đợi ngày phủ bọc.

Nhiều lúc vợ chồng tôi nhịn ăn, để dành tiền mua cám, mua rau lang, ép con heo ăn ngon ngủ kỹ trong lúc mang bầu. Rồi đây con heo nái sẽ giúp cho tôi có đủ số tiền, để mua một cái hàng dưỡng sanh cho má. Làm một mâm cỗ, mua vài ộp nhang để cúng lạy cho bớt ngậm ngùi. Bời gạo thóc, lương thực thịt cá lúc này không biết kiếm đâu ra. Vì ở đâu cũng bị chánh quyền thu mua hết trội, và kiểm soát rất là gắt gao, nên người dân cho dù có tiền cũng khó lòng mua chui bán lậu...

Ngày con heo nái trở dạ, nó cắn phá suốt đêm. Tôi phải giăng mùng ngủ cạnh cái chuồng heo để ngủ mùi ô trọc. Mùi cứt heo, trộn lẫn với mùi cuộc đời làm cho tôi ngầy ngật. Đó là những giây phút làm tôi nhớ suốt đời. Nhìn những trái vú vành ra hai bên bụng con heo, tôi tính ít lắm cũng 12 con. Nhưng vợ tôi lắc đầu bảo:

- Minh đừng tham quá. Chùng 10 con thì tốt hơn, 12 con nó không đủ sữa. Heo xấu, khó bán...

Tôi tiếc rẻ, nói:

- Không sao. Chừng đó anh sẽ nuôi heo thừa vù...

Vợ tôi cười:

- Mấy ông tù nào vừa mới về cũng vậy. Muốn làm tranh, sợ người khác làm.

Vợ chồng tôi thức suốt đêm ngồi quạt muối trong chuồng heo, để tận hưởng hạnh phúc của đời người khi tình cờ có được. Bởi vì trong lúc nghèo khó, không dễ gì nuôi được một con heo nái. Mỗi cái trở mình của con heo, làm cho tôi sợ hãi. Tôi lo lắng mong lung, sợ sanh khó, sợ heo con bị ngộp, sợ nái so sữa chẳng được nhiều. Nhưng vợ tôi cười biểu tôi yên chí, sự sanh nở của loài vật hết sức tự nhiên, ngoại trừ trường hợp bị sanh non thì phải chịu. Chớ không phải như con người, đến lúc sanh nở còn phải chịu thêm hậu quả của bệnh giang mai và lậu mủ.

Trong chuồng heo, con heo nái như cuồng lên vì sự đau đớn tột cùng. Tôi vạy ngọn đèn bão lên cho tỏ thêm một chút, lần đầu tiên tôi tập làm mục thú y. Cái “hoa” của con heo nái bắt đầu nở lớn, rồi đổi sang màu tím sẫm, đó là dấu hiệu sắp lâm bồn. Nước nhớt bắt đầu chảy ra, nó đứng dậy quần tới quần lui dường như mệt mỏi, Giây phút đó, làm cho lòng tôi quặn thắt. Khi nhớ lại vợ tôi, trong những năm chiến tranh lại sanh nở có một mình.

Từ bên trong thai heo bắt đầu sụt ra lần lần, rồi rớt xuống đất. Qua những tháng ngày chờ đợi, bây giờ con heo nái của tôi đã đem đến niềm vui hạnh phúc cho gia đình. Vợ tôi bắt lên, lấy nùi giẻ lau khô rồi bỏ vào trong giỏ càn xé. Hai bàn tay vợ tôi hết sức dịu hiền, bao nhiêu đức tính càn mẫn đều toát ra trong lúc hộ sinh. Đến con heo cuối cùng, thì cuống nhao cũng rớt ra đầy đủ.

Vợ tôi mừng quá, nói lớn:

- Đúng 12 con rồi anh ơi...

Còn có nỗi vui nào lớn hơn nỗi vui này. Tánh của vợ tôi ít nói, thế mà trong giây phút đó lại bật ra tiếng cười giòn. Chắc ngoài trời sương đêm bớt lạnh. Vợ tôi âu yếm, vạch miệng từng con heo, rồi cầm đồ cắt móng tay đưa vào bầm gầy hết răng nanh.

Tôi lo sợ nói:



- Sao em làm gì ác vậy...

Vợ tôi trả lời:

- Đề phòng sau này heo con cắn vú, đây là kinh nghiệm mà em mới học được. Vậy anh hãy yên tâm, mà coi đàn heo của mình ham ăn chóng lớn. Chớ cái giống heo bò này, có người không biết bẻ răng nanh, nên chưa kịp phá bầy thì tụi nó giành vú cắn lộn đổ máu đổ mủ hết tron.

Vợ tôi lo lui cui xay bột đồ hồ, bởi nuôi heo nái thường thì người ta kiêng cử rất là nhiều thứ, ngay như chuyện vợ chồng cũng không được ái ân, phải rắng nhịn cho tới khi bầy heo con đồ hồ mạnh rồi thì vợ chồng mới được tự do.

Vợ tôi săn sóc con heo nái, bất kể cực khổ ngày đêm, với lòng thầm mong khi phá bầy, để bán có đủ số tiền mua được một cái hàng dương sanh cho má chồng, đó là một nghĩa cử mà từ trước tới nay tôi chưa từng thấy.

Bầy heo con mát sữa và chóng lớn, dường như con heo nái cũng muốn góp phần để trả bớt cái nghĩa của tôi, nên nó rắng vắt kiệt sữa của mình ra cho con bú. Đến ngày phá bầy, khi vợ tôi kêu người lái buôn lại bán mả, thì con heo nái óm nhom không còn đủ sức để bảo vệ con mình. Mà nó chỉ nằm yên, rồi rắng chút hơi tàn để học lên vài tiếng thê lương trước cảnh chia lià tình cốt nhục, đã nhiều lần nó muốn gượng đứng dậy nhưng không nổi. Nó nằm im giương đôi mắt ngó thẳng kẻ thù, mà giòong lệ nóng thì lại trào ra hai bên má trộn lẫn với cứt ghen! Còn người lái buôn thì vẫn thản nhiên, bắt hết bầy heo con bỏ vào trong hai cái giỏ bội, mà trên gương mặt lại rất vui tươi, chớ không có dấu hiệu gì tỏ ra xúc động.

Khi bà lái buôn kêu xe ba bánh tới chở đi, thì tôi bắt đầu công tác mới. Tôi leo vô chuồng xách nước tạt giáp vòng và chà rửa sàn chuồng. Hơi nóng bầy heo còn quyện chặt dưới gang bàn chum, làm cho tôi muốn rơi nước mắt. Nhưng rắng kèm lại, rồi lo xối nước tắm rửa con heo, lo tắm bồ cho nó để chờ tới ngày rượng đực, đó là những ý nghĩ hờn hậu trong đầu của một người cực khổ chăn nuôi. Chớ tôi có biết đâu, con heo nái đã bắt đầu sợ sệt, khi nghĩ tới những ngày bụng mang dạ chửa sau này, nên nó nằm im, mặc kệ cho tôi xối nước rồi chà rửa bao lâu cũng được.

Tôi đứng nhìn con heo nái óm nhôm, mấy cọng ba sườn lòi ra đếm được. Từng trái vú lòng thông, vậy mà nó đã nuôi nổi 12 con không bị lép. Nhìn các đầu núm vú rướm mủ, vì bị đàn con 12 đứa nó hành. Con heo nái của tôi quả thật là một hình ảnh hy sinh trong cuộc sống, đã khiến cho tôi phải nghĩ ngợi sau này. Liệu rồi đây trong cuộc sống khó khăn, con người có dám hy sinh thân mình để nuôi con như nó, hay là sẽ chạy theo cái bả lợi danh, rồi bỏ đói con mình không hề thương xót.

Nhưng kể từ khi nó bị mất con. Nó bỏ ăn không buồn đứng dậy, đôi mắt dường như khép kín nỗi sầu. Nó thường bật ra những tiếng kêu đau đớn, tiếng rên siết mắt con sẽ đau khổ gấp mấy trăm lần khi sanh nở. Thỉnh thoảng cái mũi của nó lại hinh lên, dường như đang cố ngửi một chút hơi hám của đàn con còn đọng lại ở bốn bức tường. Những trái vú tóp lại dần, như nụ bầu bị héo trong cơn gió bắc!

Hôm sau vợ tôi đi chợ mua cá vụn về kho mặn trộn với cháo cám gạo lức, đưa tới miệng mà nó không còn muốn hửi. Nó chỉ biết nằm ì ra như để nuôi tiếc một điều gì, mà vợ chồng tôi không thể đoán ra, cũng như không thể bù đắp vào phần mất mát đó. Làm sao có thể diễn tả hết nỗi khổ lúc mất con, lúc đàn con kêu lên en ét khi bị người ta dí vào một góc chuồng, rồi thộp đầu bắt nhét vào trong hai giỏ bội.

Con heo nái của tôi nằm yên không hề phá chuồng, hay kêu than sầu não. Chắc có lẽ nó đang hồi tưởng lại những ngày tháng cũ đã qua. Một đàn con 12 đứa, mà mỗi đứa đều có một tánh nết riêng, khiến cho nó càng nhớ thương mà không màng ăn uống.

Con heo nái vẫn nằm liệt trong chuồng kể từ lúc mất con, mặc dầu tôi đã cố rước y tá thú y đi lại nhà tiêm thuốc, nhưng con heo nái vẫn nằm trong góc tối im lìm, bầy mũi đen bắt đầu bu lại hút máu. Cái đuôi, và lỗ tai là hai phương tiện để đuổi muỗi, để tỏ dấu hiệu đòi ăn. Thế mà giờ đây cũng không còn cử động, qua ngày hôm sau con heo nái của tôi đã tắt thở vào lúc hùng đông! Một cái chết âm thầm, nhưng đã làm cho hai vợ chồng tôi rơi nước mắt...

Cái chết của con heo nái cứ ám ảnh riết lấy tôi, lúc nào cũng gọi lên cho tôi tấm lòng mẫu tử. Một người mẹ có thể hy sinh cả

đời mình để nuôi lấy đàn con. Nhưng liệu một đàn con có nuôi nổi một người mẹ! Đó là những thảm cảnh của cuộc đời, cho dầu đang ở nước Úc Đại Lợi giàu có văn minh, hay là ở trong nước Việt Nam nghèo khó. Sự hiếu thảo của một người con, là do phước đức mới có được mà thôi. Chớ không phải hễ sanh con ra, là nó sẽ trở thành một con người hiếu thảo. Đó là một lẽ rất tự nhiên trong xã hội loài người, cho nên cũng có người khổ vì con, cũng có người sung sướng nhờ con nên được danh thơm tiếng tốt.

Tôi thường tự vấn với lương tâm trong lúc chiều tà, trong xóm tôi phần đông là dân lao động. Người mẹ nào cũng có tới cả đàn con, nhưng hình như họ yêu thương không đủ, trong cuộc sống cho dầu có nghèo khổ tới bậc nào. Thế mà tình mẹ thương con vẫn lai láng như nước biển đông, dạt dào như nắng mới. Tôi nhìn họ, mà tôi đem lòng thán phục...

Cách chừng một tháng sau, com sáng vừa xong thì vợ tôi mở tủ cầm gói tiền đã bọc kỹ qua hai lần quần dây thung, số tiền đó là do bán một bầy heo con hôm trước đưa hết cho tôi mà không giữ lại đồng nào. Biểu tôi phải lo gấp rút, đi mua một cái hàng dưỡng sanh cho má. Bởi cái tuổi của má tôi nay đã già cả lắm rồi, phần mang thêm những chứng bệnh lao tâm, như một cái ngọn đèn dầu đã cạn.

Năm triệu đồng tiền VN ở vào thời thập niên 1982 thì lớn lắm. Thời điểm cả nước ăn độn bo bo, bắp, khoai mì, khoai lang tối ngủ ở trần. Năm triệu đồng của một bầy heo con, mà vợ chồng tôi đã chắc chịu nhịn đói, đặt để dành tiền mua cám, mua chuối cây, mua rau muống hằng ngày nuôi thúc bầy heo con không bị đệt. Vì nuôi heo nái, là chỉ mong nhờ bầy con. Còn heo mẹ khi đẻ xong, thì nó sẽ bị kiệt sức, có khi không còn khả năng phủ nọc được nữa.

Tôi bỏ túi xấp tiền vào túi quần cẩn thận, nhìn gương mặt của vợ tôi rạng rỡ lẫn bụi ngùi. Rồi tôi dắt chiếc xe đạp ra sân. Tôi đạp xe đi xuống Trại Hàng Xã Tân Mỹ Chánh Mỹ Tho. Trại hàng này nhờ khéo léo lái, mà nửa quốc doanh, nửa tư nhân nên người chủ họ cũng còn làm chủ được mấy cái hàng. Nhưng khi bán xong cũng phải ăn chia, chớ còn không thì làm sao yên với mấy ông cán bộ họ đang quản lý.

Sau một hồi đi vòng quanh quan sát để quyết định. Tôi liền chọn một cái hàng dưỡng sanh bằng cây sao, với giá cả là 5.000.000 đồng vừa đủ số tiền nằm trong túi. Tầm bình địa dày 5 phân, nắp liền không nổi. Đó cũng là một cái hàng dưỡng sanh đẹp nhứt hiện thời, mà ở trong xã Lộc Thuận sau này bà con còn nhắc nhở.

Trả tiền xong, ngày hôm sau tôi liền kêu một chiếc xe ba bánh. Chở đi lên Bến Đò Bình Đại, rồi mượn mấy người khuôn vác khiên xuống để trên muôi đò. Chiếc đò Kim Long chạy tuyến đường thủy từ dưới xã Lộc Thuận - Mỹ Tho đã bao năm. Vậy mà hôm nay đã có nhiều người, thấy cái hàng dưỡng sanh đặt trên mũi, cũng bước lên rờ mó rồi hỏi thăm giá cả. Nhứt là mấy người già, nghèo khổ. Khi họ nhìn thấy được một cái hàng bằng cây sao, thì dường như họ muốn phúi giơ leo vô nằm liền trong đó, để cho cuộc đời sớm chấm dứt bao nỗi cơ cực làm than ở tạm trên cõi thế gian này.

Hết một buổi đi đò máy, từ trên Mỹ Tho về tới bến đình xã Lộc Thuận thì tôi mới được nhẹ mình. Bởi trong lòng của tôi lúc đó cũng đâm lo, nếu mấy ông cán bộ nhà nước xét hỏi cái hàng này mua ở đâu, có giấy chứng nhận của ông nhà nước chưa thì tôi cũng chịu. Cuối cùng thì mọi chuyện đều trơn lọt, có lẽ là do hồng phước của má tôi, nên từ trên Bến Đò Mỹ Tho, chở về tới nhà đều là may mắn.

Từ nơi bến đò ngoài đầu vàm, tôi phải kêu một chiếc xe bò chở cái hàng trên con đường làng cát bùn về nhà. Miếng giấy hồng đơn màu đỏ, có viết ba chữ HÀNG DƯỠNG SANH dán ở nắp đầu sãng cứ bay phất phơ trong gió, đã gọi lên bao tánh tò mò của những ông già nhìn thấy ngó theo, khiến cho lòng tôi bồi hồi cảm động.

Con người Việt Nam khi còn sống thì nhọc nhằn thiếu thốn, không dám mơ ước miếng ăn, đến già ước nguyện cuối đời là mong được có được cái hàng gói xác. Giản dị và chua xót quá! Ở trên thế gian này có còn một thứ nào cam phận, hơn một con người Việt Nam trong những năm đói khổ mất mùa...

Đọc đường đi, tôi đã nhìn thấy nhiều cụ già nhìn theo cái hàng ao ước thềm thường. Dường như họ đang nhìn thấy một

món ăn ngon, nên đôi mắt của họ nhìn theo rồi mở lớn. Cũng có một vài ông mở miệng nói chơi:

- Đàng mạnh, thêm cơm. Nhưng vừa nhìn thấy cái hàng bằng cây sao, khiến cho thân già này mắc chết quá...

Quả thật lần đầu tiên tôi mới chứng kiến cảnh này, nên tôi đạp chiếc xe đi theo sau cỗ xe bò mà ngậm ngùi thổn thức. Tôi thầm mong sao má tôi, sẽ có được một niềm vui. Mặc dầu đó là một niềm vui vĩnh biệt. Bởi đời người già cả, một khi con cái trong nhà, tụi nó đã mua một cái hàng dương sanh đem về tới nhà, thì cuộc sống sẽ dần dần mòn theo ngày tháng mà thôi!

Một cái hàng dương sanh bằng cây sao, dường như là một cái gì quý giá lắm đối với dân quê. Như là mấy ông già đầu bạc, tay run run mắt mờ nhân ảnh. Hình như người ta chỉ dám ao ước có cái hàng, chớ chẳng ai dám ao ước có được chiếc xe hơi, hay một căn nhà tường ngói đỏ!

Khi chiếc xe bò vừa về đến cửa, cả xóm chạy lại để chia sớt niềm vui sướng với má tôi. Người ta dương mắt nhìn tôi, như nhìn một người con chí hiếu. Người ta không thể hình dung ra nổi, gương mặt rạng rỡ của vợ tôi trong lúc mở tủ lấy tiền, nhờ vậy mà tôi mới có đủ tinh thần đạp xe đi xuống Trại Hàng Tân Mỹ Chánh lựa mua. Chớ còn nếu như vợ tôi mắng nhiếc, hay đàn thúc thì có lẽ tôi cũng như bao nhiêu người khác, dù có thương cha, thương má bao nhiêu cũng không sao dám bước qua một chướng ngại này. Mấy ông già bà cả, mỗi người bình phẩm một câu, sau khi phụ tôi khiên cái hàng đặt kê ở đầu chái nhà. Rồi họ mân mê, sờ xem từng tấm ván, coi có nổi rập hay không. Đó là những tánh nét kỹ lưỡng của mấy người già, thà là mua một cái hàng bằng cây tạp thì không sao. Chớ còn mua nổi cây danh mộc, thì phải lựa sao cho xứng đáng.

Má tôi ráng gượng dậy, bắt mấy anh chị tôi kè ra cho bà ngắm kỹ cái hàng, trong bóng tối già nua lại ánh lên một niềm vui mừng rỡ. Má tôi buông gậy, rồi bất ngờ ôm choàng qua tấm nắp hàng, như ôm một người bạn đời sau mấy chục năm thất lạc bây giờ gặp lại. Trái tim tôi như ngừng đập trong giây phút tui lòng, làm sao có được một thứ văn chương nào để diễn tả gương mặt của má tôi trong lúc đó. Đôi mắt của má tôi lơ dờ ngay đi

trong cơn sung sướng, rồi nói những câu vô nghĩa nhưng hàm xúc vô cùng:

- Tao sắp gặp được cha tụi bây rồi. Ông bỏ má cũng lâu rồi chớ hả mấy đứa con!

Hình như má tôi mong được chết sớm hơn, để cho đàn con nghèo khổ bớt đi lo lắng. Bởi vì tôi phải còn làm lụng nuôi một đàn con, nhưng hằng tuần tôi phải đón đò máy đi về chăm sóc.

Tôi đứng thần thờ một lát, rồi đi vô buồng lấy ra một cái mùng vải cũ rách không còn vá lại được nữa, cột dây nhợ bốn góc giăng phủ xuống cái hàng, mà tôi có cảm tưởng như má tôi đã vào nằm trong đó. Theo phong tục dưỡng sanh, người ta giăng mùng không phải để giữ bụi, mà là để kính trọng các đấng sanh thành, để bày tỏ thêm những điều nghi lễ. Suốt cuộc đời của má tôi, cho tới hôm nay mua được cái hàng dưỡng sanh bằng cây sao là mãn nguyện, nên đôi mắt của bà lại long lanh có những giọt lệ vui mừng. Rồi bà đưa tay sờ soạn lên hàng cột dầu vuông, mà hồi trong chiến tranh tôi đã mua hai kiếp cây chớ đem về cất lên, để mong đền bù hiếu thảo. Bao nhiêu hình ảnh đó, nó sẽ đọng lại trong trái tim tôi, không bao giờ phai nhạt...

Có những cơn gió thoảng làm cho cái mùng lay động, để bày ra một góc của cái hàng khiến cho tôi rùng mình trong ý nghĩ. Con người sống và chết chỉ cách nhau trong khoảng khắc mà thôi. Bây giờ má tôi đang nằm đây thiêm thiếp trong hơi thở mỗi mòn, biết đâu ngày mai sẽ thở hắt ra vài cái rồi dãy chết. Chùng đó má tôi, sẽ được người đời phụ sự tắm cho sạch sẽ một bữa cuối cùng, để được từ tạ cõi đời mà không biết linh hồn sẽ trôi giạt về đâu, bởi cõi vĩnh hằng chỉ là một câu nói vô hình chớ chưa ai từng ngó thấy...

Từ lúc bình sanh cho tới giờ này, má tôi dường như chưa có một lần tắm rửa no nê, cho nên móng chân của má tôi không bao giờ mọc nổi. Bởi hằng ngày, bàn chun của má tôi phải bám xuống đất bùn để kiếm miếng cơm. Bạn làm từ tảng sáng tinh mơ, cho tới lúc đỏ đèn nên má tôi đâu có thời giờ sửa soạn. Má tôi thường trước khi đi ngủ, chỉ kẹp hai bàn chun lại phải tạm, rồi chun vô mùng nằm giờ giấc cho con. Có nhưng khi đưa con bệnh hoạn, má tôi phải ngồi thức suốt trong những đêm trường,

mà hát ầu ơ nghe như đứt từng đoạn ruột. Bây giờ tôi đã lớn khôn, tôi phải làm gì trả hiếu, đó là một câu hỏi đang mang nặng của kiếp làm người...

Rồi tôi ngồi canh thức liên tiếp mấy đêm, cho đến một đêm có bóng tử thần lảng vảng. Tôi nhìn thấy hơi thở của má tôi, thở gấp hơn lúc bình thường. Lồng ngực nhô cao, có lẽ vì thiếu oxy để thở, nên phải lấy hơi vô, đó là dấu hiệu trước lúc lìa trần, nếu người nuôi bệnh để ý nhìn thì đủ biết!

Tôi đoán được mọi chuyện sẽ xảy ra, vội đưa tay cho má tôi nắm. Nước mắt của má tôi lại ứa ra, đọng lại cơ hồ như một nhụy hoa sen. Tôi linh cảm giờ vĩnh biệt bắt đầu, nên vội đánh thức mấy anh chị của tôi mau thức dậy, thế là mảnh tang trắng đang lớn vồn đến gần. Hơi thở yếu dần, rồi má tôi nấc lên từng chập. Sau đó vài phút, thì má tôi rùng mình một cái, người đã đi vào trong giấc ngủ thiên thu!

Những bộ đồ nếp gấp vẫn còn nguyên, mà má tôi đã cắt làm của như đồ gia bảo. Vài cái quần mỹ a, vài cái áo lụa lèo. Giờ đây được chị tôi trịnh trọng mặc vào, như mặc cho con búp bê nằm yên không cử động. Trên gương mặt má tôi, vẫn thản nhiên pha lẫn chút lạnh lùng, nằm yên để mặc cho ai muốn bận thứ gì vô mình cũng được.

Mảnh vải trắng phủ lên gương mặt má tôi, như phủ lên niềm bất hạnh. Tôi bật khóc, nước mắt của đời tôi thật sự nhỏ xuống hôm nay. Cho mãi tới sau này có trôi nổi tới xứ Úc Châu này, tôi cũng không bao giờ quên những giọt nước mắt đó.

\*\*\*

Bây giờ tôi được sống ở đây. Một nước Úc Đại Lợi thanh bình thịnh vượng, sao lòng tôi không nguôi bết ngậm ngùi. Từng đêm tôi thao thức nhớ đến con heo nái của tôi, đến cái lưỡi lam trong chiếc ghe vượt biển, đã toả ra hào quang trong cảnh sóng nước mịt mù. Một con heo vì cảm cảnh của tôi, đã hy sinh thân mình nằm yên vắt sữa để cho đàn heo con được ú, để cho tôi bán có đủ tiền mua một cái hàng dưỡng sanh cho má tôi trong lúc cuối đời. Còn cái lưỡi lam kia, thì đã khoa lên cho giọt máu

hồng nhỏ xuống. Thằng nhỏ sẽ được hồi sinh, khi nó ôm ngón tay của người cha đưa vào miệng bú, mà nó cứ tưởng là bình sữa sau bao ngày nhịn khát. Còn người cha, thì ngồi cắn răng chịu đựng, để cho đứa con nút tạm giọt máu của mình. Hôm nay tôi xin được phép nghiêng mình trước các bậc làm cha, làm má trong hoàn cảnh vượt biên. Chỉ có người thuyền nhân Việt Nam, mới làm được những điều phi thường trong cuộc sống.

Còn tôi đã bao năm sống tạm xứ người, như một con cua gãy càng nằm trên bãi cạn. Nhiều đêm tôi mơ tưởng đến đất bùn, đến rặng mắm, cây bần, đến bày trâu đằm mình trên đồng vắng. Tôi nhớ quê hương qua nhiều đêm thức trắng, mừng tượng đến một cái chòi vệt đang rộ lông tơ. Mùi vị của con cá lóc nướng rơm, phà hương thơm bay trong gió chướng, hũ mắm còng dậy hơi củ riềng khi vừa chín tới, để ăn với cơm nguội ngoài đồng. Những thứ đó bây giờ biết kiếm đâu ra, bởi đồng ruộng ngày xưa bây giờ không còn nữa. Mà người ta đã đào đất đắp vuông tôm, còn thôn xóm thì xô bồ chụp giựt.

Trong những buổi chiều đông giá lạnh, tôi thường nhớ lại chuyến vượt biển năm nào. Có thằng bé 3 tuổi được cứu sống, nhờ nút giọt máu cuối cùng của người cha. Giờ này chắc cũng đang đi học để chuẩn bị vào đời. Nó có ngẩng cao đầu, nếu thầy cô giáo có hỏi: “Where do you come from?” Đó là một câu hỏi, từng đêm làm cho lòng tôi nhức nhối. Tôi cũng cầu mong cho thằng nhỏ 3 tuổi sau này, nó sẽ làm rạng danh hai chữ Việt Nam./-

### Phùng Nhân

*(tác phẩm đã trúng giải khuyến khích*

*Giải Văn Học Nghệ Thuật “Làng Văn” tổ chức năm 1990)*





# CHIM DI TRÚ

## Trang Chấn

**R**ồi sau đó họ không nghe tăm hơi gì về Bảy Xị nữa. Vắng chủ, ai cũng cảm thấy như vừa được mổ vút đi một khối u, từng chập quậy lên cơn đau nhức chạy rần khắp đầu thiếu điều tét não. Bảy Xị nhức đầu trăm kha, nhưng thiên hạ thì bị tét não thật.

- Nè! Nè! Tư Nổ. Thằng này đâu có trộm trâu cướp ruộng của mày hồi nào đâu. Vậy mà tại sao mày cứ xúi sấp nhỏ lén lộn xuống cái xẻo bên hông nhà tao hết đống trộm lá tới chặt mấy quây dừa nước chưa kịp dày com, há mậy?

- Dạ! Đâu có chú Bảy. Tụi nhóc ở xóm trên kéo xuống đây phá làng phá xóm đó chú Bảy ơi! Không tin chú bước qua nhà tui coi. Không có phơi một tàu lá nào hết, thiệt mà!

Chị Tư bước ra sân kéo chồng vô nhà, rút cây lò

ô chỏi tằm phen đóng sầm cửa lại, miệng léo nhéo:

- Tui nói với ông rồi. Hơi sức đâu mà đi phân trần với ông già không biết điều này, sáng say chiều xin. Hứ..ứ..ứ.. Già lựu đạn.



Bảy Xì, tay cặp chai rượu để cạn đáy bên hông, chân đá chữ chi bước hươu bước nai, kéo chiếc khăn rằn quấn trên đầu chùi miệng gọn hơ, dậm hơi lè nhè lãng xẹt:

*Hiu hiu gió thổi đầu non,  
Mấy thằng uống rượu..mấy thằng uống rượu là con Ngọc Hoàng.*

Thấy chưa? Hơi đầu mà đi cãi cọ với Bảy Xì làm chi cho mích lòng. Chú la hét vài câu rồi xè qua chuyện tào lao thiên tượng như chiếc áo vá quàng, không đầu khớp vào đầu hết tron hết trọn. Bởi vậy Tư Nô là người nhiều chuyện nhứt xóm mà tối ngày miệng còn cứ chàn chạt dạn vọt:

- Tôi nói với bà hoài. Cứ đây đưa xuôi chèo mát mái với chú Bảy là yên chuyện. Hờ hờ bà cứ ong óng với chú là dậm ra mích lòng. Phôi chú là phôi bò. La lồi hung hăng chớ không bao giờ để bụng. Quay qua quay lại đi chưa được nửa bước là quên liền. Đó, đó! Thấy chưa?

- Xì..í..í... Quên liền. Quên liền. Phải rồi. Con Thảo qua nhà mình mượn đồ có khi nào trả liền đâu. Từ cái nia phơi gạo mốc cho tới cái bình nhựa đựng nước lóng phèn để uống. Nó qua đây cái miệng ngọt sớt tha về nhà mai đem trả lại liền. Bây giờ có giỏi thì ông qua đó rình về đi. Quên liền. Đúng là cha nào con nấy mà. Biểu tôi cầm miệng sao được?

Bảy Xì ngồi chèm bẹp trên gò đất men vệ đường chống đít chai rượu kê lên môi lắc lắc. Bọn con nít bu quanh vỗ tay cổ võ:

-Vô... vô... Vô nữa đi ông Bảy. Mà hết rồi ông Bảy ơi. Đưa chai đây để tụi con chạy xuống quán chú Tùng mua chịu thêm ba xì nữa nghe ông Bảy?

Bảy Xì mình trần ưỡn bụng tốp ropy lòi trơ xương sườn, vưỡn bèm bẹp:

- Đó. Nó đó. Tụi con thấy chưa?

Là lúc tụi nhỏ chen nhau châu đầu lại trước bụng chú để nhìn đầu đạn lựu giựt theo hơi thở gò lên nổi cộm bò đi bò lại dưới da. Người thật, đạn thật. Còn sống sờ sờ trước mắt. Lại điều khiển nó chạy tới rồi lùi lại, nổi vòng lên rồi lặn sâu vào bụng mất tiêu

luôn. Cái bụng ói ra đầu viên đạn lồ lộ dưới lớp da thật mỏng như con đĩa sấp bò ra ngoài rồi dùng một cái, con đĩa lẹ làng bò trở ngược vô trong. Bụng nuốt lại đầu đạn. Da kéo phăng hạ màn trình diễn. Ngộ ghê! Bọn trẻ vỗ tay cười văng nước miếng, tro rãng đống phèn vàng khè. Mấy đứa nhóc ở trường đứng áng mặt tiền chụm hai tay phía trước để tỏ ra lễ độ. Vậy mà khi chú vạch tóc cho tụi nó sờ sờ lên chỗ vết thẹo lồi nằm vắt phía sau đầu như con sâu rọm, tụi nhỏ cứ quên, buông tay ra giành nhau vuốt vuốt.

- Ủa! Tụi bây ơi! Sao ông Bảy làm nó nhúc nhích được nè!

- Cái gì côm cộm vậy ông Bảy?

- Miếng bom đó, tụi con.

- Còn đau hong, ông Bảy?

- Bên ngoài thì nhột. Bên trong mới đau, thật tình..là đau. Đau lắm chớ. Đau bên trong mà. Làm sao tụi con thấy được ?

Thằng Thiện xách chai không chạy u về thờ hồn hên:

- Chú Tùng không chịu đựng rượu thêm nữa nè, ông Bảy ơi!

Bảy Xị vụt bước ra khỏi con say, mặt mày ráo hoảnh, vẫn lại chiếc khăn rằn đứng lên đi xâm xâm về hướng tiệm hàng xén của chú Tùng. Bọn con nít rần rần kéo theo phía sau đuôi hò hét yểm trợ.

Tới quán, Bảy Xị đứng phoi rún ễn bụng chặn cửa, tay chống nạnh, tay chỉ thẳng vào mặt chú Tùng:

- Nè! Nè! Chêch Tùng. Thằng này đâu có trộm trâu cướp ruộng của mày hồi nào đâu. Vậy mà tại sao mày không đựng rượu cho tao?

- Dạ. Tui đâu dám, thưa Chú Bảy. Chai chú vừa uống hết là đủ bảy xị trong ngày rồi. Cô Thảo dặn tui dừng lại ở mức đó thôi. Đừng đựng lố.

- Nó là con tao. Mày nghe lời ai? Tao đem thể chấp cái sổ lãnh tiền thương binh liệt sĩ hằng tháng cho mày rồi mà. Tính lại đi. Có thiếu, có giựt nợ của mày xu nào không?

- Chú Bảy à! Không nói đầu gì chú. Hôm qua cô Thảo lên đây mua thêm mấy con khô cá chạch và chai nước mắm đồng, tui có ngồi tính lại trước mặt cô. Lố nhiều rồi mà tui vẫn bán. Chú Bảy chớ có ai xa lạ đâu. Chút đỉnh mà. Chú Bảy lấy lại cái sổ này đi. Tui đâu có muốn giữ nó làm gì?

- Bộ mày tính chắm dứt vai trò lịch sử của cái sổ này luôn hở mày?

- Trời đất qui thần ơi! Tui chỉ lo bán hàng chạp phô kiếm sống qua ngày thôi. Tui đâu có bán lịch sử. Cái lịch sử gì đó đâu mà chắm dứt nó, chú Bảy ? Tui còn nặng ơn với chú lắm mà.

Chú Tùng xách chiếc ghế đầu ra hiên nhà, tay quẹt quẹt lau bụi trên mặt ghế, cười dã dã:

- Chú ngồi chơi. Chờ một chút để tui đi đong thêm rượu cho chú nhen.

Nói chuyện với mấy thằng cù lần, dốt đặt cán mai này một hồi nghe thật bực mình, Bảy Xi lắm bả mình ên. Chú đặt dít xuống cái ghế nhựa màu đỏ mặt mỏng dính như lá hẹ, mấp mấp điếu thuốc rê thổi khói vào khoảng không trước mặt, thấy đời mình mỏng dần, mỏng dần ra, trong phút chốc tan biến vào hư vô chưa lại cái thân tàn ma dại đã hết thời và không còn xài vào đâu nữa được. Thật hết xài. Dụng nhân như dụng mộc. Đã từng là gỗ nhóm một, dùng một cái lảnh theo biến thành gỗ tạp. Có nước chẽ ra làm củi cũng không ai thèm.

Ngẫm nghĩ con mẹ Sáu Liên nói đúng. Con nhỏ bí thơ chi bộ tuổi còn non choẹt, đáng con mình, ý từ ngoài Bắc vượt Trường Sơn vào tới đây mà còn sống sót nên cứ lên giọng dạy đời. Đồng chí bồi tro trét trấu lên hình tượng cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ. Biết bao nhiêu người mình mảy còn mang đầy thương tích mà người ta vẫn sống mầu mực cho nhân dân noi gương, thán phục. Còn đồng chí rượu chè be bét, dờ diên dờ khùng, mất tư cách, chạy theo lối sống sa đọa tiêu tư sản, càng ngày càng xa rời giai cấp, mất hết quan điểm lập trường. Làm bản kiểm điểm nhiều lần và bị phê bình từ rút kinh nghiệm sâu sắc cho tới cảnh cáo mà vẫn không chừa. Hôm nay..

Mặt Bảy Xị nóng rát như bị xát ớt hiểm. Miếng bom lún sâu thêm, nghe y chang, cứ lún sâu thêm vào não thốc cơn đau nhức nhối trào lửa lên hai mắt. Chú vụt đứng lên bất thần sấn tới tẩn vào mặt Sáu Liên một bạt tay sấm sét. Rồi sau đó bị khai trừ ra khỏi Đảng. Ghét cái miệng Sáu Liên còn lại nhai thêm mấy câu văn chương ba xu, trật chìa, nghe thật chướng tai. Đã dốt mà còn hay nói chữ. “Từ nay chấm dứt vai trò lịch sử của đồng chí Bảy Xị”.

Chú Bảy cập nách chai rượu đứng lên nghe bên hông mát lên rười rượi. Chợt nhớ ra điều gì còn để bụng âm ức, chú kê miệng bỏ nhỏ vào tai Chú Tùng:

- Tao mới là thằng tân trang lịch sử lại đem đi bán nè. Còn mày, mày làm cái khi mốc gì có được nó đâu mà bán?

Chú Tùng cười cười, gật gật để Bảy Xị đi phút cho khuất mắt chớ thật ra không nhập tâm nổi mấy cái từ chết bầm này. Chẳng biết chú đang khen hay chửi mình nữa.

Mà kể ra ơn Bảy Xị còn cao hơn đồng rom sau hè nhiều. Hồi từ trong bụng trở về tiếp quản quê mình, Bảy Xị ở tuổi bốn mươi mà trông hom hem giống như bộ xương vừa khai quật lên được từ một ngôi mộ cổ. Bộ xương còn cỏi biết đi. Bộ xương có tuổi đời chạy ngược ra sau mấy kiếp người. Mặt mày tái mét như tàu lá dừa. Chân mang dép râu, hông xề xề cái túi sắc cốt nhìn thật lạ mắt và quý hiếm. Nhờ mấy người trong xóm chung hứng vọt miệng: A.. chú Bảy, anh Bảy, thằng Bảy còn sống, về kia... mà kéo Bảy Xị hồi sinh trở lại với mọi người trong làng.

Hôm kéo đội đi đánh tư sản, Bảy Xị đến lập biên bản hốt mớ vải, quần áo may sẵn và mớ hàng chạp phở ở tiệm chú Tùng. Xông vào buồng ngủ lục soát, Bảy Xị moi ra cái hộp thiếc nhỏ bằng bấp chuối cau có bấm ổ khoá cỡ ngón chân cái bên ngoài. Lúc Bảy Xị cầm cái hộp thiếc lắc nghe rột rẹt, mặt mày chú Tùng tái mét như con gà nòi vừa bị thua độ. Bảy Xị khều khều ra dấu cho chú ấn sâu vào cái lỗ thoát nước ăn thông ra ống cống sau hè trước khi bọn sai nha ập vào.

Cho nên lúc Bảy Xị làm đám cưới với cô Hai Vĩ, một mình chú Tung đứng ra lo hết. Chín Liên phê bình Bảy Xị mất quan điểm lập trường nên không tới dự tiệc cưới. Ai đời cán bộ cách mạng mà đi lấy người yêu của tên sĩ quan nguy đang bị học tập cải tạo mút mùa lệ thủy. Con nhỏ đáng tuổi con mình, còn đang ôm cặp ra tình học chưa xong lớp Đệ Nhị. Nhà thuộc thành phần tư sản mại bản, bán máy “Kô- le” Mỹ sặc mùi phản động. Nhảy vào đó bao che để khỏi bị đánh tư sản. Thật không thể chấp nhận được. Vậy mà còn để nó dựa hơi làm giấy bảo lãnh cho người tình. Bởi vậy bây giờ nó vượt biên theo người yêu bỏ con lại nên càng hận đời, tối ngày uống rượu như hủ chìm. Đáng kiếp.

Mỗi lần Bảy Xị đi ngang nhà Sáu Liên bầy chó cũng ghét lây theo chủ, tuông ra đường bao ví, sủa điếc con ráy.

- Nè! Nè! Sáu Liên. Thằng này đâu có trộm trâu cướp ruộng của mày hồi nào đâu. Sao mày cứ xua chó ra rượt tao hoài vậy? Lần nữa là tao cày tơ ráo tội à nhen.

Sáu Liên bước ra ngoài phun nước miếng kêu chó vô nhà, kéo cửa sắt lại rít nghe ren rét thiếu điều xoáy lũng sọ Bảy Xị. Còn đau. Vẫn còn đau thấu bên trong. Đúng là không ai thấy được.

Sáu Liên đi họp trên tỉnh về, triệu tập cả xóm đến đình làng phổ biến chỉ thị quan trọng:

- Bà con đã thấy hết, biết hết. Cấp trên lúc nào cũng đi sâu đi sát với dân, thương lo cho dân. Suốt năm qua, tỉnh đã phái nhiều nhiều đoàn kỹ sư, tiến sĩ canh nông về đây đâu phải ngồi chơi xơi nước. Họ xăng quần lợi ruộng lấy mẫu đem về phòng thí nghiệm ngày đêm nghiên cứu. Họ là những nhà khoa học có học vị và đầy trí tuệ mà còn phải đành chịu thua trước nạn dịch vàng lùn, lùn xoắn lá này hưởng hồ chi mấy người cứ lo trộn vài loại thuốc xịt rây vào nhau và vãi ông Tà cho hết dịch bệnh. Toàn đi làm chuyện tào lao thiên tướng thiếu khoa học. Cho nên lần này trên chủ trương phải làm đồng bộ, phải làm triệt để, không được xé lẻ nữa. Vùng nào bị nhiễm, tuyệt đối không được xuống giống. Chỗ nào lỡ gieo xạ rồi thì phải mau mau huỷ bỏ. Phải quán triệt chủ trương hai “một”: một cây, một con. Phải phá ruộng trồng cỏ ngoại và nuôi bò sữa giống ngoại. Mục đích của

chúng ta là cãng khẩu hiệu quyết tâm thực hiện được chỉ tiêu. Một mẫu đất phải cho huê lợi 150 triệu đồng mỗi năm.

Dân chúng bắt đầu nhón nháo lên. Trời trời! Hôi nào tới giờ ở miệt này chỉ nuôi trâu mần ruộng thôi chớ từ cha sanh mẹ đẻ tới giờ có ai thấy được con bò ngoại ra sao đâu? Chỉ nuôi vài con bò ta cộ lúa thôi. Còn cái giống bò ngoại phải nuôi nó như thế nào để có sữa đây? Mà có sữa rồi làm sao vắt? Vắt ra đem bán cho ai? Tiền đâu mua nổi con bò giống đây?

Thầy mất trật tự, Sáu Liên đập bàn rầm rầm , giải thích:

- Nước ta đã vào cái “vờ-kép tê-ô” rồi ( WTO) nên phải làm ăn lớn mới cạnh tranh với nước ngoài được. Phải nhìn xa hiểu rộng một chút đi, bà con. Nhà nước sẽ cho vay tiền với lãi suất thấp. Cán bộ trí thức sẽ hướng dẫn cách nuôi bò, trồng cỏ. Công ty nước ngoài sẽ bao tiêu sản phẩm. Sướng chưa? Còn đòi hỏi gì nữa đây?

Tan buổi họp ai nấy đều hoang mang lo sợ. Tư Nổ làm cò mồi đi bỏ nhỏ vài người có uy tín trong làng. Nói với bà con đừng lo. Muốn vay tiền bao nhiêu cũng được mà. Làm đơn xong rồi tui sẽ rí tai với chị Sáu một tiếng. Phết phẩy nhẹ thôi nhưng được liền. Nếu không biết điều thì cứ ngồi đó gờ ghè mà chờ sung rụng.

Rồi thiếu kinh nghiệm, bò giống vắt không ra sữa, bao tiêu sản phẩm giống như hô hào trồng mía cách đây ba năm có thấy con ma nào vào mua đâu, mía chạy chề phải đốn bỏ lỗ học gạch, lúc đó tiền đâu mà trả lại ngân hàng nè Trời! Dễ ợt. Muốn trả chậm hay xét xoá nợ thì lại phải biết điều với chị Sáu Liên nữa thôi. Chỉ đứng ra giải trình với ngân hàng nhà nước cái rụp là xong ngay. Người ta biết luật. Tui hỏi bà con đi kiện tụng mà mượn luật sư thì có phải trả tiền không? Ở nước ngoài cũng vậy thôi.

Ai cũng biết Tư Nổ sống nhờ mồm mép nhiều hơn là nhờ vào tay nghề sửa xe gắn máy. Miệng đi hai hàng. Tay vượt người này bợ người kia, không hề để phạt ý ai hết. Miễn sao có mớ tiền còm chạy vào túi là khoẻ re. Đi họp lúc nào cũng ngồi trên võ tay làm cò mồi cho mọi người vỗ theo. Chủ tọa chưa nói hết câu là gật đầu lia lịa đồng ý trước. Nhiều khi vỗ tay nỗ hết cỡ thợ

mộc, nhìn xuống thấy mọi người im ờ, Tư Nỗ nghiêng răng tức cảnh hồng, mặt sượng cu đơ.

Thấy Sáu Liên vừa lao đảo đẩy chiếc xe tay ga ngoài ngõ, Tư Nỗ lật đật chạy ra đỡ tay:

- Dạ thưa chị để em. Nó hư sao vậy chị?

Sáu Liên thở hổn hển lập bập một té khói:

- Có biết đâu nào. Đang chạy nó dờ chứng lệt khệt rồi tắt máy luôn.

- Xăng. Xăng. Đạo này xăng nhập bị pha trộn chất gì đó làm xe gấn máy tanh bành quá trời.

Tư Nỗ dựng xe lui cui mở máy. Sáu Liên xề lại hỏi nhỏ:

- Sao? Còn mỗi nào nữa không? Em phải khéo léo giữ mồm giữ miệng dùm chị đấy nhé. Có gì là đi tù cả đám chớ không phải chuyện chơi đâu. Bạc tỷ mà em. Cũng nhờ có tay trong nên chị gom gom đầy vô thị trường chứng khoán trúng mấy vô đậm lắm. Nhưng hay ở chỗ là mình biết dừng lại để chổng mắt xem mấy người ham ăn nhảy lều tụt. Tri túc, tiện túc, đãi túc hà thời túc mà em.

Mới đi học thêm lớp Bồ Túc Văn Hoá là đã xỏ Nho. Không biết câu này nên gật hay nên lắc đây? Thôi kệ. Cười một cái là huê cả làng.

- Chị yên chí. Nhiều người còn ngại vì chưa có kinh nghiệm nuôi bò sữa nên không dám bỏ ruộng chị à.

- Đây là chủ trương của trên. Trước sau gì họ cũng phải làm thôi. Tìm chừng ba , bốn mỗi nữa là chị khoá sổ cũng vừa rồi. Rồi để coi mấy người đi sau chạy vạy ngách nào cho biết.

Tư Nỗ ngẫm nghĩ muốn vét thêm vài vô nữa cũng khó ăn lắm chớ không phải chơi. Nhứt là dòm bộ mặt hầm hầm đầy hù dọa của Bảy Xị thấy mà ghét. Tư Nỗ lảng sang chuyện khác:

- Kỳ này anh Sáu đi đâu mà lâu về dữ vậy chị Sáu?

- Đi ra Hà Nội họp. Chừng nào em thấy chiếc xe hơi màu xanh dương bò vào lộ làng là anh ấy về đó. Đổi xe rồi. Xe Mọc



cáu cạnh vừa mới khai thùng đó em.

Và một hôm có chiếc xe hơi mới bò vào lộ làng thiệt, lảng cón như bôi mỡ, nhưng nó dẫn theo hai chiếc xe lớn hơn chở đầy công an mặc đồng phục chạy theo sau. Té ra đoàn xe này xuống xét nhà Sáu Liên và bắt chị giải về tỉnh điều tra về vụ lem nhem tiền vay nuôi bò sữa của dân.

Tur Nổ đứng nhìn đoàn xe quay trở ra, tìm thiếu điều nhảy tót ra ngoài. Dù sao mình chỉ là loại cá lỏng tong. Thứ đồ tép riêu mà. Họ hút thứ nguyên chất cho phê rồi thấy bã cho mình hưởng chút sái. Nhảm nhò gì. Lúc trở vô nhà, Tur Nổ nghĩ ra cách trấn an vợ, phải chân cái bẹp ngồi lên mép bộ ván ngựa vói tay rút bình trà chưa kịp uống mà đã xuất mồ hôi hạn ướt áo chèm nhẹp.

- Nghe nói Hội Cựu Chiến Binh bên chú lên tiếng chống tiêu cực dữ lắm, phải không chú Bảy?

Tur Nổ sắp lại ngời xè bên võng hỏi dò Bảy Xì. Chú không nhìn Tur Nổ, dán mắt lên kèo nhà, chân chỏi đất hất nhẹ chiếc võng đón gió:

- Lần này Sáu Liên chết chắc. Tao thè trong tháng này mà Sáu Liên trở về thì tao sẽ bỏ xứ ra đi. Ra toà ngồi tù một gông. Mấy thằng trung gian môi giới đôi khi cũng bị đem ra làm vật tế thần. Đôi khi phải ngồi gờ lịch lâu hơn. Mấy thì chỉ có đủ tư cách tân trang xe gắn máy thôi. Đi tân trang lịch sử là trật chia mẹ hết rồi. Tao mới vừa nhận được giấy mời lên tỉnh để tân trang lịch sử nè.

Tur Nổ về thức trắng mấy đêm liền, mắt thâm quầng, trôm lơ. Nghe tiếng xe hơi chạy ngang đường làng là ngồi bật dậy nhìn dáo dác, nét mặt thất thần.

Một tuần trôi qua như sông quá nửa đời người. Mà sao thấy Bảy Xì đi về mặt mày cũng buồn xo. Lại uống rượu say bí tỉ.

Và buổi sáng hôm đó, chiếc xe hơi màu xanh bóng lộn thẳng trước cổng nhà Tur Nổ. Làm vật tế thần. Bảy Xì nói trúng phóc rồi. Chắc chú được mời lên tỉnh tân trang lịch sử gì đó nhưng sợ nhứt là tân trang tiểu sử của Sáu Liên là chết chum cả đám.

Tur Nổ dụi mắt tưởng mình nhìn lầm. Sáu Liên đánh đàng xa

đi xà bơi vào nhà, miệng đại đại gọi Tư Nở:

- Sao? Ở nhà có nghe động tĩnh gì không? Chị thôi giữ chức vụ chủ tịch Huyện này rồi. Chị vừa được trên đề bạt lên tỉnh làm trưởng ban chống tham nhũng. Vậy mà trong làng cũng có người độc mồm độc miệng trù ẻo chị. Nghe thật bực mình.

Tư Nở mừng nhảy dựng:

- Trời ơi! chị Sáu được trở về. Thật ra chỉ có Bảy Xì trù ẻo chị đi tù thôi. Mà nghe nói cô Vị mới gởi tiền về. Con Thảo nói với vợ em là Ba nó định bán nhà bỏ xứ ra đi.

Sáu Liên kéo áo Tư Nở sát lại, phụ nhĩ:

- Em dọ xem ông muốn bán bao nhiêu, trả giá chút đỉnh rồi chị sẽ đặt cọc liền. Trên đã có kế hoạch mở rộng con đường này thành xa lộ liên tỉnh. Đất sẽ lên vô giá. Nhớ giữ kín chuyện này nhé. Xong việc, chị sẽ thưởng em mà.

Tư Nở lắc đầu tiếc hùi hụi:

- Mèng đéc ơi! Phải chi chị về sớm một chút. Bảy Xì làm giấy tờ bán lại cho chú Tùng rẻ rề.

Sáu Liên tối sầm mặt, quay mộng bước lẹ ra xe. Tài xế mở cửa tác quái mà vẫn sồn sát đụng đầu lên mũi đau điếng.

Bảy Xì ngồi quay mặt nhìn vào vách lá uống rượu một mình, lâm bầm:

- Lại có màn tân trang tiểu sử và đánh bóng lịch sử nữa đây. Có công bắn rớt máy bay Mỹ. Dũng sĩ diệt Mỹ. Gia đình có truyền thống cách mạng từ hồi chống Pháp. Cần phải rút kinh nghiệm sâu sắc. Vẫn giữ nguyên vai trò lịch sử vì cách mạng đang cần, cần hơn mấy thằng cán bộ bị thoái hoá sáng say chiều xin như mình.

Bảy Xì ôm bụng cười ngất, rướn người gờ mấy cái tàn đuôi thuốc rê dán dọc theo vách lá vẫn lại hút.

“Đầu đội thúng tro,  
Đít đo cây cột.”

Có câu đổ ra hoài mà mấy người vào nhà ngồi nhậu chung

không ai biết giải. Mấy lần nghe phong phanh Tư Nô nói sau lưng tức trào máu. Bảy Xị bất mãn chờn đời. Tất cả đầu óc quan quyền đều là thứ đồ rác rưởi, dốt nát. Tôi ngày chỉ lo kiếm cột dựa hơi. Mà nói như vậy là dám ám chỉ trong đó có mình lắm nhen.

Con Thảo đứng lớ ngớ không biết ba nó muốn nói ai, bèn trở ra sau hè quơ mấy tàu lá bị sâu ăn lỗ chỗ phơi vừa ráo nắng đem vào bếp nhúm lửa nấu buổi cơm chiều. Khói bốc lên mắt cay xè mà sao nghe ra mùi thơm thân quen đọng lại từ tuổi thơ đầy khổ nhọc. Mùi thơm của những củ khoai lang lùi tro cháy khét, của mấy con khô trở lửa nướng vội, của siêu cỏ thuốc và lá sả làm nôi xông cho Ba lúc con đau đầu tá hoả giữa khuya. Tất cả thật nồng nàn mà bếp ga của các nhà trong xóm không sao có được. Hay là mình tự an ủi cho cảnh bần cùng? Không mà. Thực lòng không phải như vậy đâu mà. Phải không Ba? Ba cuu mang con từ những ngày cơ cực như thế này. Con sẽ ở lại với Ba suốt đời. Hén Ba?

Michigan, ngày 8 tháng 12 năm 20...

Anh thương ,

Em biết anh đau buồn lắm. Sự nghiệp của đời anh không còn gì khi anh lấy em.

Như anh biết, Ba Mẹ em không thể sống nổi nếu của cải bị mất trắng và bị đẩy đi vùng kinh tế mới. Anh mãi là ân nhân của gia đình em. Anh đã từng tha tội cho nhiều người có nợ máu với cách mạng, nhưng với em, em không dám mở miệng để van xin anh điều đó. Thảo là hòn máu bỏ rơi của em. Có người mẹ nào nở lòng làm chuyện đó rồi đổ thừa cho hoàn cảnh không, hở anh?

Chồng em đã chịu bão lãnh nó qua đây học hành và cho em được sống bên con để em không còn phải ray rứt nữa. Em chỉ còn trông chờ vào sự quyết định của anh.

Anh ơi! Khó khăn lắm em mới hé môi nói ra được điều này, không phải là với chồng em, mà chính là với anh, bởi vì em đã hất hủi anh và phản bội lại tình anh.

Có thể như bao nhiêu người khác, anh bao dung khi lịch sử phản bội lý tưởng đem lại bánh mì và bông hồng phân phát cho tất cả mọi người của anh, nhưng anh sẽ không bao giờ chấp nhận sự phản bội của tình em đối với anh, vì khi anh sa cơ, em là điểm tựa cuối cùng của anh, cũng như lúc em sa cơ anh đã từng là như thế đối với em.

Em hình dung rất rõ anh phải sống và sẽ sống ra sao khi một người nữa bỏ anh ra đi.

Em không cầm được nước mắt khi viết thư này cho anh. Em không xứng đáng là người để anh tha tội đâu, phải vậy không anh? Em phải làm sao bây giờ, hờ anh?

Đã một thời em là của anh,

Vị

Trang Chấn



*Phụ nữ buôn bán lam lũ, 1969. Ảnh: Internet*

# KHI ANH VỀ EM CÓ HỎI

**Phùng Nhân**

*(tặng thầy Tân Văn Công)*

**N**ếu mai một anh về có hỏi...  
Mấy năm nay anh lại đi đâu?  
Anh chỉ vào dòng sông đang chảy...  
Nước sông Tiền đưa tới Úc Châu  
Ở nơi đó, sống đời tỵ nạn!  
Ráng mưu sinh một kiếp con người...  
Vi ngôn ngữ không cùng một mẹ  
Nên lười anh, cũng ngọng nửa chừng!  
Giờ về lại, quê hương mừng quá...  
Gặp lại em, nói chuyện tâm tình  
Rồi hộp bạn nhớ về ngày cũ...  
Có ông thầy, từng dạy công dân  
Còn khỏe mạnh, cà phê cà pháo...  
Cười hồn nhiên, như một ông tiên  
Có những bạn, kể về quá khứ  
Mới ra trường, thầy dạy (xã) Thới Lai  
Nhờ tướng tá của thầy cao ráo  
Trong đội banh đờ cử trọng tài...  
Khi thổi phạt, chắc thầy thiên vị?  
Nên mẫn còi, cầu thủ vây quanh...  
Giờ nhớ lại, chuyện xưa tích cũ...  
Thầy ung dung nói với học trò  
Đời mấy bạn lên voi xuống chó!  
Suốt đời thầy, ông giáo mà thôi...



Còn em nữa viết bao tác phẩm...  
 Có cuốn nào ưng ý hay chưa?  
 Khi cầm viết nhớ điều liêm chính  
 Đừng bẻ cong cây viết của mình

Ở bên này, tuần này giông bão!  
 Anh bó mình, ngồi riết trong nhà  
 Nên hồi tưởng, nhớ về bên đó...  
 Có ông thầy, tuổi hạc quá cao

Anh thương lắm, đời thầy tận tụy  
 Với chiếc xe, đạp khắp phố phường  
 Nếu có rãnh, chở thầy ít bận  
 Đừng để thầy, xe đạp mỗi chụn...

Hồi năm ngoái, truyền hình tỉnh bạn  
 Họ chạy về, phỏng vấn thầy mình  
 Những nhà cổ, tên đường ngày trước  
 Thầy trả lời, như thuộc bài thi

Nếu mai mốt, em mời họp bạn  
 Uống dùm anh một tách cà phê  
 Pha thật đậm cho nhiều vị đắng  
 Thấm tình đời, mình đã cưu mang./-

Phùng Nhân



# M ÒNG XUÂN GIÁP NGỌ QUÊ NHÀ ĐỊNH TƯỜNG - MỸ THO

**NĐC-LNH & ĐHMT**

**Nhận từ người thay mặt Ái Hữu Nam Cali:  
42.140.000đVN**

**Diện khó khăn A: 5 xuất -1.400.000/xuất.  
.....7.000.000đ**

1. Ngô Thị Ngọc Hoà
2. Lê Thị Bạch Thu Hà
3. Trần Thị Xuân Mai
4. Tạ Thị Rớt
5. Trương Thị Cúc

**Diện khó khăn B: 11 xuất -  
1.000.000đ/xuất.....11.000.000đ**

1. Lê Thị Hai
2. Nguyễn Văn Phụng
3. Bùi Thị Kim Đồng
4. Huỳnh Thị Ánh Tuyết
5. Huỳnh Văn Nhơn
6. Tăng Thị Phương Mai
7. Võ Thu Cúc
8. Nguyễn Thị Cẩm
9. Phan Thị Thanh Nhàn
10. Tô Thị Lễ
11. Trần Văn Huệ

**Diện nhận Quà Tết xuất -50 xuất.  
480.000đ/xuất.....24.000.000đ**

1. Lê Phú Hộ
2. Trần Văn Hoàng

3. Nguyễn Thị Bảy
4. Huỳnh Khánh Long
5. Phạm Nghĩa Vụ - Lê Ngọc Sương
6. Huỳnh Thị Xuân Đào
7. Trần Công Tâm
8. Lê Kim Hải - Lương Chính Nghĩa
9. Phạm Tôn Quyền - Quách Tường Loan
10. Tân Văn Công
11. Trần Thị Anh Yến
12. Ngô Văn Tiên
13. Nguyễn Văn Hai - Phạm Hiền Phi
14. Đỗ Trung Ruyên
15. Ngô Thị Hai
16. Thái Văn Ánh
17. Nguyễn Văn Chon
18. Trịnh Công Đạt
19. Nguyễn Thị Nguyệt Ánh
20. Mai Trí Huệ
21. Nguyễn Phong Kiên
22. Phan Tấn Lãm
23. Trần Thị Loan
24. Nguyễn Văn Mạnh
25. Nguyễn Văn Mau
26. Quách Đình Mỹ
27. Trần Đức Nam - Dương Thị Ánh Tuyết
28. Nguyễn Thị Thinh – Huỳnh Văn Tình
29. Nguyễn Thị Nga
30. Trần Văn Hồng Quốc - Bùi Hồng Ngân
31. Đỗ Huỳnh Phước
32. Nguyễn Hữu Huỳnh
33. Hứa Thái
34. Lê Hoàng Triết
35. Phan Kim Trụ - Nguyễn Thị Hoàng
36. Tấn Phi Vành
37. Quách Thanh Vân



38. Hoàng Xích Việt
39. Ngô Xéng
40. Đỗ Thị Gừng
41. Nguyễn Thị Bảy
42. Lê Thị Xinh
43. Bùi Quan Nhã
44. Trần Thị Hoa Lài
45. Trần Công Huệ
46. Nguyễn Thị Thi
47. Trần Quang Phước
48. Lê Thị Xuân
49. Lưu Bạch Trang
50. Phạm Thị Thanh Hương

**Tiền in thiệp màu, phong bì.....140.000đ**

**Cộng chung xuất.....42.140.000đ**

**Kết toán: A. NHẬN.....42.140.000đVN**

**B. XUẤT.....42.140.000đVN**

Người phụ trách danh sách: Trần Thị Anh Yến, GS.  
NĐC&LNH

Có hợp tác lập chương trình: Tuý Vân

\*\*\*\*\*

Dưới đây là THIỆP MỪNG XUÂN gửi kèm Phần Quà:



# MỪNG XUÂN GIÁP NGỌ

2014

**Hội Ái Hữu Cựu giáo sư, cựu học sinh  
Trung học Nguyễn Đình Chiểu  
và Lê Ngọc Hân Mỹ Tho  
Nam Cali**

**CÀU CHÚC QUÝ THẦY CÔ VÀ ĐỒNG NGHIỆP CŨ  
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU & LÊ NGỌC HÂN MỸ THO**

**THÂN AN TÂM LẠC**





*Chúc  
Xuân  
và  
thăm  
viếng  
Thầy  
Cô  
và  
đồng  
nghệ  
cũ  
Nguyễn  
Đình  
Chiểu -  
Lê  
Ngọc  
Hân  
tại  
quê  
nhà  
Mỹ  
Tho.*

*Chúc  
Xuân  
Và  
Thăm  
Viếng  
Thầy  
Cô  
Và  
Đồng  
Nghệp  
Cũ  
Nguyễn  
Đình  
Chiêu -  
Lê  
Ngọc  
Hân  
Tại  
Quê  
Nhà  
Mỹ  
Tho*



*Chúc Mừng Tân Khoa*



**DAVID TRẦN HỮU LỘC**

**Tốt Nghiệp Bác Sĩ Y Khoa**

Tại

**UC Irvine Medical Center, Nam California**

Ngày 31-5-2014

Mẹ: **Xuân Hồ**

Chị: **Jacqueline Trần Đoàn Trang, MD**  
chồng và các con.

Chị: **Julie Trần Đoàn Mai, MBA**  
chồng và con.

*Chúc Mừng, Chúc Mừng*



# *Kim Loan*

**Restaurant Inc.**

**Vietnamese & Chinese Food**

**(714) 773-0374**

**(714) 773-0376**

1651 & 1653 W. Orangethorpe  
Ave., Fullerton, CA 92833

(Brookhurst & Orangethorpe Ave.)



*Kim Loan*  
RESTAURANT INC.

Vietnamese & Chinese Food

Open 7 Days  
9AM - 10 PM

(714) 773-0374

(714) 773-0376

1651 & 1653 W. Orangethorpe Ave. • Fullerton, CA 92833  
(Brookhurst & Orangethorpe Ave.)



**Southern California  
Spine and Pain Institute**

44215 15th St. W, Suite #203 - Lancaster, CA 93534  
661.726.6265 (main) 661.949.5876 (fax)  
info@drtvo.com

**VÕ DUY THƯƠNG, MD.**

*Board certified in Pain Medicine, Anesthesiology, Age Management Medicine  
and is also certified in Aesthetic Medicine.*

*Education: MD, University of Rochester School of Medicine & Dentistry, 2000  
BS, Biochemistry, University of Rochester, 1996  
BA, Chemistry, University of Rochester, 1996*

*Fellowship ; Pain Management, UCLA 2010*

*Residency : Anesthesiology, U of R Strong Memorial Hospital, 2009  
General Surgery, U of R Strong Memorial Hospital*

**Nhà thuốc tây  
THO'S PHARMACY**

**DS TRẦN ĐẮC THỌ**

9433 Bolsa Ave., Suite B, WESTMINSTER, CA 92683  
Ngã tư Bolsa / Bushard  
**Tel: (714) 531-8770**  
Fax: (714) 531-0552  
Thứ Hai-Thứ Sáu: 9:30AM-6PM · Thứ Bảy 9:30AM-3PM

## Bác sĩ duy nhất về Lão Khoa **HIỆP NGUYỄN, M.D.**

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE  
FELLOWSHIP TRAINED BOARD CERTIFIED GERIATRICIAN  
oOo

**BẢNG HẬU CHUYỂN KHOA SINH HỌC TUỔI GIÀ & BỆNH NGƯỜI GIÀ**  
**BẢNG CHUYỂN KHOA NỘI THƯƠNG HOA KỲ**

- |  |   |
|--|---|
| <input type="checkbox"/> Hội viên Hội Bác sĩ Hoa Kỳ về Lão Khoa  | <input type="checkbox"/> Tốt nghiệp Nội thương toàn khoa Hoa Kỳ 3 năm                                       |
| <input type="checkbox"/> Hội viên Hội Alzheimer's Disease San Diego  | <input type="checkbox"/> Giảng viên Y Khoa bệnh lý Nội thương cho sinh viên y khoa nội trú, thường trú N.Y. |
| <input type="checkbox"/> Tốt nghiệp khóa đặc biệt 2 năm hậu Chuyên Khoa Bệnh Người Già, Viện Đại Học Nữ Ước. | <input type="checkbox"/> Giám đốc Y Khoa Viện Hưu Dưỡng Nursing Home.                                       |

### CHUYÊN TRỊ

#### BỆNH NGƯỜI GIÀ CÁC CHỨNG LIÊN HỆ ĐẾN TUỔI GIÀ

- ❖ Thẩm định và điều trị các chứng Dementia, Alzheimer: Suy giảm trí nhớ, thông minh, lo âu, mất ngủ, phiền muộn.
- ❖ Trị chứng xương xốp (osteoporosis), tuổi tắt kinh, tuổi già, xào trộn sinh lý.
- ❖ Tiểu đường.
- ❖ Tiểu gắt, tiểu không kiểm soát.
- ❖ Bướu cổ tiềm ẩn (subclinical hypo- or hyperthyroidism).
- ❖ Tim mạch: hồi hộp, tim thất nhịp, cao huyết áp.
- ❖ Cao mỡ động mạch.
- ❖ Bàn chân bắt toại.

#### PHÒNG NGỪA

- ❖ Tác mạch máu não, mạch máu tim.
- ❖ Truy tìm ung thư tiền liệt tuyến (prostate), ung thư gan, bao tử, ruột già.

**Săn sóc tại các bệnh viện lớn:**  
**ALVARADO, GROSSMONT, SHARP.**  
**4419 Euclid Ave., #105 | San Diego, CA 92115**  
**Tel.: (619) 582-2079 • FAX: (619) 582-2075**





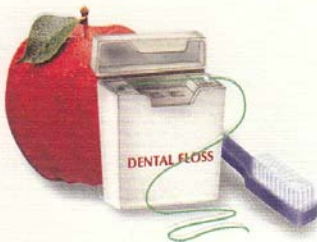
**Bác Sĩ Nha Khoa**

# **HUỶNH THIÊN TÀI**

- ◆ **NHA KHOA TỔNG QUÁT**
- ◆ **SẢN SÓC VÀ CHỮA TRỊ RĂNG MIỆNG**
- ◆ **LÀM RĂNG GIẢ**
- ◆ **KHÁM RĂNG ĐỊNH KỲ**
- ◆ **TOOTH WHITENING**

**(858) 279-8685**

**TAI T. HUYNH, DDS**  
GENERAL DENTISTRY



2363 ULRIC ST., STE. A  
SAN DIEGO, CA 92111

© PHONE: (858) 279-8665



Bác Sĩ Nha Khoa

**DƯƠNG ĐỨC TÀI**

**Nha Khoa Tổng Quát**

**(805) 485-6383**



**TAI DUC DUONG, D.D.S.**

*General Dentistry*

(805) 486-6383

Monday-Friday, 9 A.M. - 7 P.M.  
Saturday, 9 A.M. - 1 P.M.

629 Cooper Road, Suite A  
Oxnard, California 93030



**Bác Sĩ Nha Khoa**

**DUƠNG ĐỨC TRÍ**

**Nha Khoa Tổng Quát**

**(626) 286-7478**



**TRI DUC DUONG, DDS**

*General Dentistry*

9105 Valley Blvd., Suite 201  
Rosemead, CA 91770

Tel.: (626) 286-7478

# DIANNE TRAN SKINCARE

**(714) 487-3968**

9579 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683

\*\*\*\*\*

- ◆ **FACIAL** Trẻ hóa làn da với phương pháp Cây Tế Bào Gốc (GFT)
- ◆ **XÓA** Vết nhăn, vết nám, nốt ruồi
- ◆ **WAXING**
- ◆ **TRANG ĐIỂM CÔ DÂU**
- ◆ **BIO.WET/DRY** - Diamond Microdermabrasion
- PERMANENT MAKE-UP** Xâm phun, xâm thêu  
Uốn lông mi - Nối dài lông mi giữ  
lâu trên 2 tháng
- THUỐC GIẢM CÂN HIỆU QUẢ TRONG VÒNG  
2 TUẦN LẼ**
- ĐẶC BIỆT CÓ BÁN** Thuốc trẻ hóa tế bào  
Stamzelle, giúp làn da trắng hồng, hết  
nếp nhăn, vết nám, thân hình thon gọn,  
hết rụng tóc  
  
Sản phẩm ưa chuộng nhất Âu Mỹ:  
Dermalogica, Green Peel, Thalgo ...
- CUNG CẤP** các loại máy dùng trong phòng  
facial



The Company You Keep®

## NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Đem đến cho Quý Vị sự An Toàn và Hạnh Phúc với những sản phẩm Bảo Hiểm và Tài Chánh sau đây:

- Bảo Hiểm Nhân Thọ (Life Insurance)
- Niên Kim (Annuities)
- Bảo Hiểm Săn Sóc Tàn Phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ Hưu Bổng (Retirement Funding)
- Quỹ Đại Học (College Funding)
- Kế Hoạch Truyền Thừa Tài Sản (Estate Planning)



Đại Diện New York Life:  
**NGUYỄN, MINH NGUYỆT, Agent**  
Ca.Ins.Lic. #0D35213

Mobile: (714) 329-2279

Work: (714) 757-0632

Fax: (714) 960-4279

21247 Lorca Cir.  
Huntington Beach, CA 92648

*Thành Tín || Tận Tâm || Phục Vụ*

# *Thu Van Hill*

**REALTOR BRE # 1054843**

**Direct: (805) 204-0928**

**Cell: (805) 377-5762**

**Fax: (805) 483-3615**



**EXIT CASTILLO REALTY**

**Thu Van Hill**

REALTOR® / BRE # 1054843



Cell: (805) 377-5762 • Direct: (805) 204-0928

Bus: (805) 204-0920 • Fax: (805) 483-3615

Email: [ThuVanHill@gmail.com](mailto:ThuVanHill@gmail.com)

[www.ThuVanHill.com](http://www.ThuVanHill.com)

418 W. 3rd St. • Oxnard, CA 93030

*Each Office is Independently Owned & Operated*

# NGUYỄN QUỐC SẮC

*Chúc Mừng*

**ĐẠI HỘI 2014  
CHS TRUNG HỌC  
NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU -  
LÊ NGỌC HÂN  
VÀ ĐỒNG HƯƠNG  
MỸ THO**

*Thành Công*

Liên lạc Nhà Bảo Trợ, email:  
**calihomefs@hotmail.com**



▲ Thầy Lai, dạy Triết Đệ I A-1, 1957

◀ Cô Vinh -GS. Vạn Vật, cô Ngọc Hương -GS Sử Địa và bát tiên

Thầy Vũ Đình Lạc dạy Toán A-1, 1967



▲ Thầy Tỵ dạy Lý Hoá Đệ I A-1, 1967

▼ Cô Thuỷ và bát tiên



▲ Thầy Tân Văn Công, các anh Dương Đức Tài, Ngô Hồng Lĩnh và các cựu học sinh







*Hội Ái Hữu  
CHS Trung  
Học  
Nguyễn  
Đình Chiểu  
- Lê Ngọc  
Hân và  
Đồng  
Hương Mỹ  
Tho tổ chức  
tiếp tân  
ngày Đại  
Hội 11  
tháng 8 năm  
2013 tại  
Little  
Saigon,  
miền Nam  
California  
và cũng là  
địp ra mắt  
chính thức  
tân BCH  
của Hội  
nhiệm kỳ  
2012-2014.  
Trong dịp  
này, vị Hội  
Trưởng tiền  
nhiệm là TS.  
Nguyễn  
Thanh Liêm  
được vinh  
dự mời lên  
nhận quà  
lưu niệm  
kèm lời cảm  
tạ nồng  
nhiệt của  
tân BCH  
Hội.*

*Tân Hội  
Trưởng  
Huỳnh  
Hường  
ngỏ lời  
cảm ơn  
các hội  
viên nông  
cốt của  
BCH cũ  
tiếp tục  
cộng tác  
trong BCH  
mới.*



*Vị tân Hội  
Trưởng  
giới thiệu  
Ban Cố  
Vấn và  
BCH mới  
của Hội  
trước tất  
cả đồng  
hương  
tham dự.*



Photo &  
Design : H.  
Vuong





*Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Nguyễn Đình Chiểu - Lê Ngọc Hân và Đồng Hương Mỹ Tho tổ chức vào ngày 9 tháng 2 năm 2014 buổi Họp Mặt Tân Niên nhân dịp Tết Giáp Ngọ 2014 tại Little Saigon, California. Đây là buổi Tiếp Tân do BCH nhiệm kỳ 2012-2014 thực hiện.*



Photo & Design : H. Vuong



Họp  
Mặt  
Tân  
Niên  
Giáp  
Ngọ  
Và  
Tiếp  
Tân  
Vui  
Xuân





*Thầy Tân Văn Công, các anh Dương Đức Tài, Ngô Hồng Linh và cựu học sinh. (Hình: NĐC-LNH&ĐH MT)*



*Ngày Tôn Sư Trọng Đạo, 15-6-2014 do LVDF tổ chức trọng thể tại Little Saigon, Nam California.*



*Ngày Tôn Sư Trọng Đạo 15-6-2014 với Huỳnh Hương, Liên Trần, Lệ Hoa, Xuân Hồ và Nguyễn T. Túy Vân.*

## Bài Tango cho em

Tango

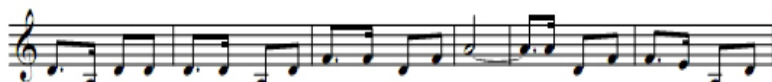
Mặc Nhân TVC



Trời đã sang thu hồn thu man mác lá đỏ muôn chiều lòng buồn vương vấn.



Ai nhặt lá vàng cài lên mái tóc lá rụng bên đàng lòng thấy băng khuâng. Mùa thu năm



nay lòng ta chơi voi lạnh lòng xa vắng nỗi buồn tê tái. Lá vẫn bay bay gió vẫn heo



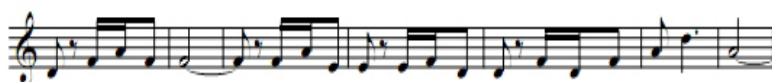
mây lạnh cuối trời bóng ai đâu rồi. Ta thấy đơn côi mùa thu đã chết, đã chết,



chết rồi mùa thu. Ai hát mùa thu ai ca mùa thu ai khóc mùa



thu vì lòng đau thắt mỗi độ thu về. Thấm lạnh hơi sương lá rơi bên đàng lòng ta bẽ



bàng khi gió thu sang. Ta nhớ ai đây khi gió heo may đưa vào chiếc lá cuối cùng.



Em đã đi rồi mùa thu vẫn đến lá vẫn gieo sầu cho lòng đốn đau.

## **Đặc San 2014**

**Nguyễn Đình Chiểu - Lê Ngọc Hân  
và Đồng Hương Mỹ Tho**

***Chào Mừng Đại Hội Thế Giới 2014  
tại Little Saigon, Nam California***

### **BAN BIÊN TẬP**

Xuân Hồ  
Huỳnh Hường  
Vương Huê  
Nguyễn Thị Ngân

*Hội AH CHS Nguyễn Đình Chiểu -  
Lê Ngọc Hân và Đồng Hương Mỹ Tho*

*Xuất bản tháng 9 năm 2014*

*In tại DI's Printing  
Westminster, California, USA  
(714) 696-2219*

